

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TRƯƠNG TẤN SANG	Chủ tịch Hội đồng
PHAN DIỄN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THỨC HUỠNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRỊNH THỨC HUỠNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 49

ĐỨC VƯỢNG (Chủ biên)
BÙI ĐÌNH KỶ
HOÀNG BẠCH YẾN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 49

1988-1989

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2006

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 49

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 49 phản ánh sự lãnh đạo của Đảng trong năm 1988 và năm 1989.

Trong hai năm này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ra nhiều văn bản nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội VI của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân... Đặc biệt, trước những diễn biến rất mau lẹ và rất phức tạp của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô, Đảng ta đã có nhiều văn kiện quan trọng đánh giá đúng đắn tình hình và chỉ đạo sâu sắc công cuộc đổi mới của nước ta.

Tháng 6 - 1988, Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VI) ra Nghị quyết về "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng, bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng". Tháng 3-1989, Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VI) kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng nhiệm vụ ba năm tới, đặc biệt cổ vũ nhân dân ta tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ, đồng thời chỉ rõ những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo công cuộc đổi mới để bảo đảm con đường phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tháng 8-1989, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VI) ra Nghị quyết về "Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay".

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 49 có 110 tài liệu, gồm các nghị

quyết, kết luận, chỉ thị, thông tri, thông báo, quyết định, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phát biểu khai mạc, bế mạc của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại các Hội nghị Trung ương.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm tài liệu, biên tập, song, có thể còn những thiếu sót, mong bạn đọc góp ý.

Xin trân trọng giới thiệu *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 49 cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 56-TB/TW, ngày 4 tháng 1 năm 1988

Về việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế của Thành phố Hà Nội

Ngày 31-12-1987, Ban Bí thư đã nghe Ban Thường vụ Thành uỷ Hà Nội báo cáo về phương án sắp xếp các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể quần chúng của thành phố.

Ban Bí thư có ý kiến sau:

1. Thành phố Hà Nội đã tiến hành một bước sắp xếp bộ máy của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể quần chúng.

Thành uỷ dựa vào hướng dẫn của Ban Bí thư, cứ làm. Song cần phải hết sức chú ý, sắp xếp tổ chức bộ máy là một quá trình, phải làm từng bước, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn chỉnh, nhằm bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Thủ đô.

2. Phải chú trọng đến hiệu quả của việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế:

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ từng bộ máy một cách cụ thể ở từng ngành, từng cấp, làm cho bộ máy từ trên xuống dưới được phát huy đồng bộ.

- Xác định tiêu chuẩn từng chức danh cán bộ phù hợp với tổ chức bộ máy, nhất là những cán bộ phụ trách. Không nên nặng về học vị để lựa chọn cán bộ. Cán bộ phụ trách ở tổ chức nào cũng phải có đủ đức, tài để điều hành bộ máy theo chức trách, nhiệm vụ đã được xác định. Có như vậy mới nâng cao được năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy được vai trò làm chủ tập thể của quần chúng,

thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

- Đi đôi với sắp xếp bộ máy, phải rất chú ý tinh giản biên chế các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, và nhất là biên chế quản lý hành chính ở các cơ quan sự nghiệp, các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế phải nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý bộ máy, chất lượng công tác, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và lấy đó làm căn cứ để đánh giá kết quả kiện toàn tổ chức lần này. Để đạt được yêu cầu đó, phải nắm vững phương châm: tích cực nhưng vững chắc, làm đến đâu được đấy.

3. Việc lãnh đạo và chỉ đạo của Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân thành phố trong việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế phải rất chặt chẽ. Coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và dân chủ hoá để cán bộ, nhân viên đồng tình với việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế lần này. Mặt khác, phải lo chu đáo cho những người không còn trong bộ máy, thực hiện tốt Quyết định 19 của Ban Bí thư, nhất là phải bảo đảm cho mọi người có sức lao động đều có việc làm. Đối với các cơ quan giải thể hoặc sáp nhập, phải làm tốt việc quản lý tài sản, tránh tình trạng để tài sản của Đảng, Nhà nước thất thoát, hư hỏng.

4. Việc nghiên cứu một cách cơ bản và toàn diện Thủ đô Hà Nội, Ban Bí thư yêu cầu Thành uỷ phối hợp với các cơ quan chức năng của Trung ương nghiên cứu chuẩn bị kỹ để trình Ban Bí thư vào thời gian tới.

Trong quá trình triển khai, các đồng chí đã được Ban Bí thư phân công phụ trách sẽ hướng dẫn, chỉ đạo tiếp.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 38-QĐ/TW, ngày 6 tháng 1 năm 1988

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Nội chính Trung ương

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN NỘI CHÍNH TRUNG ƯƠNG

Ban Nội chính Trung ương là cơ quan tham mưu chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nội chính.

Ban giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra các ngành và các cơ quan: kiểm sát, toà án, tư pháp, công an, hải quan, thanh tra, trọng tài kinh tế, Hội Luật gia Việt Nam và công tác lập pháp của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

Ban Nội chính Trung ương có những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. *Nghiên cứu, đề xuất những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách về lĩnh vực nội chính.*

Căn cứ vào chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị, hoặc tham gia chuẩn bị

các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và và quyết định về công tác nội chính thuộc trách nhiệm được phân công.

Nghiên cứu, đề xuất và theo dõi, kiểm tra việc thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành pháp luật của Nhà nước.

Trên cơ sở tổng kết tình hình thực tế, Ban nghiên cứu đề xuất kịp thời với Trung ương những vấn đề lớn về nội chính. Đối với các đề án và các dự thảo luật, pháp lệnh do các cơ quan chuẩn bị trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị về lĩnh vực nội chính, Ban có trách nhiệm chủ động phối hợp tham gia nghiên cứu ngay từ đầu, thẩm tra dự án trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Đối với các đề án do Ban được phân công chuẩn bị, Ban cần phối hợp với các ban, ngành, các địa phương có liên quan cùng tham gia nghiên cứu và xin ý kiến của Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra các cấp, các ngành, trước hết là các ngành trong khối nội chính chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực nội chính; kịp thời phát hiện ưu điểm để phát huy, những lệch lạc để uốn nắn, hoặc đề nghị Ban Bí thư uốn nắn.

Đối với những việc làm trái chỉ thị, nghị quyết, Ban báo cáo kịp thời với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Qua kiểm tra, Ban đề xuất những vấn đề cần bổ sung chủ trương, chính sách và kiến nghị các biện pháp thúc đẩy thi hành nghị quyết.

Đối với những vụ vi phạm, phạm tội nghiêm trọng, nếu các ngành chức năng, hoặc giữa địa phương với các ngành trung ương có ý kiến khác nhau, đã bàn bạc nhiều lần vẫn không nhất trí về những vấn đề chủ yếu, phải xin ý kiến Ban Bí thư, thì Ban có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất với Ban Bí thư hướng giải quyết. Nếu được Ban Bí thư giao, Ban chủ trì cùng các ngành xem xét và quyết định theo pháp luật.

Đối với các vụ án quan trọng được Ban Bí thư giao theo dõi, Ban phải kiểm tra, đôn đốc các ngành chức năng làm đúng chỉ thị của Ban Bí thư.

3. Làm tốt công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đảng theo quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Ban có trách nhiệm tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ các ngành trong khối và cơ quan Ban, đề xuất những chủ trương về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và chính sách đãi ngộ cho phù hợp.

Ban theo dõi, đôn đốc thực hiện và tham gia xây dựng quy hoạch cán bộ của các ngành trong khối.

Ban thẩm tra và phát biểu ý kiến của mình về danh sách cán bộ trong khối do các ngành đề nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bố trí, đề bạt.

Ban thường xuyên kiểm tra công tác tổ chức cán bộ ở các ngành do Ban theo dõi.

Những vấn đề về tổ chức bộ máy của các ngành phải trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước, Ban góp ý kiến với các ngành trong quá trình chuẩn bị, phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước trước khi quyết định.

Lãnh đạo Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Đảng uỷ khối cơ quan nội chính trung ương, giúp đảng uỷ cơ quan các ngành quán triệt và thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Trung ương; về xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh và ban chấp hành đảng bộ, trước hết là kiện toàn bí thư đảng uỷ các cơ quan và tạo thuận lợi cho đảng uỷ khối hoạt động.

4. Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ và cùng Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tổ chức cho các Ban Nội chính địa phương.

Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức về các lĩnh vực nội chính, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm, góp ý kiến với Ban Nội chính địa phương và duy trì thông tin hai chiều.

Khi cần có thể mở hội nghị bàn chuyên đề về công tác nội chính.

II- VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CÁN BỘ CỦA BAN

Lãnh đạo Ban Nội chính Trung ương có trưởng ban và một số phó trưởng ban.

Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng kết hợp với chế độ làm việc tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân. Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trung ương về toàn bộ công việc của Ban được Trung ương giao. Các phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban và trước Trung ương về từng lĩnh vực công tác được phân công.

Ban liên hệ với các ban, ngành liên quan theo đúng quy định của Ban Bí thư, trong quy chế làm việc của các ban Đảng. Tổ chức bộ máy và biên chế của Ban phải gọn, nhẹ, coi trọng chất lượng, gồm những cán bộ thực sự có phẩm chất và năng lực, quán triệt tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI, nắm vững và kiên quyết thi hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội, có năng lực nghiên cứu tổng hợp, có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác được giao, nắm vững nguyên tắc tổ chức của Đảng, biết làm công tác tổ chức - cán bộ và xây dựng đảng.

Theo nhu cầu công tác, Ban có thể đề nghị với Ban Bí thư điều động về Ban những cán bộ đủ khả năng đảm nhiệm nhiệm vụ.

Ngoài số cán bộ trong biên chế, Ban được thực hiện chế độ sử dụng cộng tác viên để tiêu chuẩn thường xuyên hoặc từng thời gian phục vụ công tác nghiên cứu của Ban.

Trong điều hành công tác, lãnh đạo Ban từng bước thực hiện chế độ chuyên viên.

Để bảo đảm nhiệm vụ của Ban hiện nay, cơ cấu tổ chức của Ban như sau:

- Vụ I (khối an ninh, biên phòng).

- Vụ II (cảnh sát, hải quan).

- Vụ III (kiểm sát, toà án, thanh tra, trọng tài kinh tế).

- Vụ IV (Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam, công tác lập pháp của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước).

- Vụ Tổ chức - Tổng hợp.

- Văn phòng Ban (hành chính - quản trị).

Ban Nội chính Trung ương nghiên cứu và bàn thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương về biên chế cán bộ, nhân viên của Ban.

Ban Nội chính Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các ngành trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho Quyết định số 48-QĐ/TW, ngày 17-9-1979 của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 26-CT/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1988

Về chế độ báo cáo lên Trung ương Đảng

Từ khi có Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 26-5-1977 của Ban Bí thư, nhiều cấp uỷ tỉnh, thành đã thực hiện tốt chế độ báo cáo, xin chỉ thị Trung ương, song cũng còn một số nơi thi hành chưa tốt, hoặc chưa bảo đảm tính chất báo cáo của một cấp uỷ đảng hoặc báo cáo chậm trễ.

Để Trung ương nắm được tình hình, chỉ đạo kịp thời các mặt công tác lớn "thiết lập trong toàn Đảng một *chế độ thông tin nhanh chóng và chính xác*" mà Đại hội VI của Đảng đã nêu, Ban Bí thư quy định lại chế độ và nội dung báo cáo của các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu gửi Trung ương như sau:

I- CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Báo cáo chính thức

a) *Thường kỳ* có báo cáo tuần, tháng, 6 tháng và năm.

- Hàng tuần, báo cáo nhanh bằng văn bản không quá 2 trang hoặc bằng điện mật trong ngày thứ bảy những vấn đề lớn đáng quan tâm, sự chỉ đạo giải quyết các vấn đề đó của

thường vụ cấp ủy địa phương, nội dung những việc chính cần giải quyết tiếp trong tuần tới.

- Hàng tháng, báo cáo những nét chính về tình hình chỉ đạo và kết quả thực hiện các nghị quyết, chỉ thị công tác lớn của Trung ương ở địa phương; những vấn đề mới nảy sinh, chương trình công tác tháng tới của cấp ủy địa phương và những kiến nghị lên Trung ương. Báo cáo không dài quá 5 trang; gửi đến Trung ương chậm nhất vào ngày 3 của tháng sau. Báo cáo tháng 3 bao gồm nội dung tình hình quý I, báo cáo tháng 9 bao gồm nội dung tình hình 9 tháng trong năm và không dài quá 7 trang.

- 6 tháng, cuối năm, báo cáo đánh giá tình hình và kiểm điểm sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy. Báo cáo không dài quá 12 trang gửi đến Trung ương chậm nhất vào ngày 5 tháng sau.

b) *Báo cáo bất thường* khi có tình hình đột xuất; có vấn đề cần báo cáo, xin chỉ thị hoặc có ý kiến đề nghị lên Trung ương.

2. Các văn kiện phải gửi lên Trung ương

- Biên bản tóm tắt các hội nghị của cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy.

- Các nghị quyết của cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy.

- Các chỉ thị của cấp ủy về các chủ trương, chính sách, công tác quan trọng.

- Báo cáo và văn bản có tính chỉ đạo công tác kèm theo (nghị quyết, chỉ thị, kết luận, thông báo) của các cuộc họp chuyên đề do cấp ủy triệu tập bàn về từng mặt công tác.

- Báo cáo sơ kết, tổng kết các cuộc vận động lớn, việc thực hiện các chủ trương công tác lớn, các nghị quyết của Trung ương và của cấp ủy.

- Kế hoạch kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương; những tài liệu cơ bản và số liệu thống kê cơ bản kèm theo.

- Báo cáo, nghị quyết và kết quả đại hội của đảng bộ.

- Đối với những báo cáo chuyên đề, khi gửi lên Trung ương, đồng thời gửi cho các ban Đảng có liên quan.

3. Báo cáo trực tiếp trong những trường hợp sau đây:

- Khi có vấn đề mà cấp ủy địa phương xét thấy cần phải trực tiếp báo cáo, hoặc cần có sự chỉ đạo kịp thời của Trung ương.

- Khi Ban Bí thư yêu cầu.

II- NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo phải có nội dung rõ ràng, ngắn gọn, thiết thực, có nhiều lượng thông tin, kịp thời và chính xác.

Báo cáo của cấp ủy tỉnh, thành, đặc khu gửi Trung ương phải xuất phát từ chức năng lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, từ trách nhiệm của cấp ủy trước Trung ương mà đánh giá, kiểm điểm việc vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, phân tích rõ nguyên nhân về lãnh đạo và chỉ đạo, nêu lên những kinh nghiệm trong công tác tổ chức thực hiện của cấp ủy và đảng bộ địa phương, và từ tình hình kinh tế mà có những kiến nghị với Trung ương về bổ sung chính sách hoặc về cải tiến tổ chức chỉ đạo.

Báo cáo của cấp ủy phải phản ánh được tình hình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy đảng, diễn biến tình hình và kết quả công tác trên các mặt: kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, quản lý nhà nước, công tác dân vận và

phong trào quần chúng, công tác thư từ - tiếp dân, công tác xây dựng đảng và công tác tổ chức - cán bộ, mà trọng tâm thường xuyên là các mặt kinh tế - xã hội, công tác xây dựng đảng và công tác tổ chức - cán bộ. Song tùy tình hình cụ thể từng thời gian mà có trọng tâm, trọng điểm báo cáo và tùy theo loại báo cáo mà có nội dung khác nhau.

Riêng báo cáo 6 tháng và báo cáo năm, cần đánh giá tổng quát tình hình và kiểm điểm sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp uỷ một cách toàn diện, đánh giá khách quan, chính xác những việc làm tốt và chưa tốt trong thời gian ấy, phân tích sâu sắc những nguyên nhân về lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ địa phương, rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết; dự kiến triển vọng của tình hình để có chủ trương, giải pháp đúng đắn trong 6 tháng tới hay năm tới, đồng thời để góp ý kiến phê bình và có những kiến nghị xác đáng với Trung ương.

III- TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO

Bí thư và phó bí thư thường trực thay mặt cấp uỷ chịu trách nhiệm trực tiếp về các bản báo cáo gửi lên Trung ương.

- Tình hình hàng tuần do chánh văn phòng cấp uỷ ký gửi Văn phòng Trung ương.

- Báo cáo tháng có thể do chánh văn phòng thừa lệnh cấp uỷ báo cáo, song phải được thường trực cấp uỷ thông qua nội dung.

- Báo cáo 6 tháng và năm phải do ban thường vụ cấp uỷ thông qua và do bí thư hoặc phó bí thư thường trực ký tên.

- Các báo cáo có nội dung kiến nghị, xin chỉ thị Trung ương phải do bí thư hoặc phó bí thư thường trực ký tên.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần tăng cường các cơ quan làm chức năng thông tin tổng hợp trong địa phương, nhất là văn phòng cấp uỷ, thường xuyên chỉ đạo các bộ phận này không ngừng nâng cao chất lượng công tác thông tin để ngày càng phục vụ tốt sự lãnh đạo của cấp uỷ và giúp cấp uỷ giữ vững chế độ báo cáo lên Trung ương.

*

* *

Chỉ thị này thay thế các văn bản trước đây của Ban Bí thư Trung ương về chế độ báo cáo của các cấp uỷ tỉnh, thành, đặc khu gửi Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 08-NQ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1988

Về tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử lớn trong năm 1990

Năm 1990 là năm chẵn của nhiều ngày kỷ niệm lịch sử lớn:

- 60 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương (3-2-1930 - 3-2-1990).
- 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-1990). Đặc biệt trong dịp này, theo Quyết định của UNESCO tất cả các nước trên thế giới tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh của danh nhân văn hoá thế giới Hồ Chí Minh.
- 45 năm ngày Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-1945 - 2-9-1990).
- 15 năm ngày thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (30-4-1975 - 30-4-1990).
- 120 năm ngày sinh của Lênin (22-4-1870 - 22-4-1990).

Những sự kiện trên là nguồn giáo dục, động viên to lớn

đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tổ chức trọng thể và có tính quần chúng rộng rãi những ngày kỷ niệm lịch sử trong năm 1990, nhằm mục đích.*
 - a) Tổng kết quá trình hoạt động cách mạng phong phú của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, rút ra những bài học kinh nghiệm lớn về cách mạng Việt Nam, cách mạng dân tộc dân chủ, cách mạng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng đảng, xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng mặt trận và các đoàn thể quần chúng, về thực hiện nghĩa vụ quốc tế... qua đó mà nâng cao trình độ chính trị lý luận, năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý, bồi dưỡng lý tưởng, ý chí chiến đấu phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, nâng cao tính tự hào, tự trọng và tự tin, đồng tâm nhất trí vượt qua mọi khó khăn, thử thách trước mắt, thực hiện thành công những mục tiêu nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng.
 - b) Học tập và làm theo gương sáng về phẩm chất đạo đức và tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phấn đấu "Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại"; kết hợp với những lời giáo huấn của Người đối với địa phương, ngành, đơn vị... đẩy mạnh cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.
 - c) Phát động phong trào quần chúng rộng rãi thi đua trên mọi lĩnh vực hoạt động, làm cho mọi người tự giác thi đua lập thành tích cao nhất chào mừng các ngày lễ lớn và thúc đẩy mạnh mẽ sự đổi mới toàn diện, tập trung chủ yếu vào việc đổi mới cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải phóng lực lượng sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của đất nước, thực hành triệt để tiết kiệm, thực hiện thắng

lợi kế hoạch 5 năm 1986-1990.

2. *Chủ đề tuyên truyền* chung cho tất cả những ngày kỷ niệm lớn năm 1990:

a) Năm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu kinh nghiệm các đảng anh em, tổng kết kinh nghiệm cách mạng Việt Nam, kế thừa và phát huy bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta và của Bác Hồ, đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức và cán bộ, đổi mới phong cách công tác.

b) Quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, mở rộng dân chủ.

c) Phát huy chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản của Đảng và nhân dân ta phù hợp với giai đoạn cách mạng mới, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi, phát huy sức mạnh của dân tộc và của thời đại, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

d) Tuyên truyền, giáo dục về Đảng, đẩy mạnh công tác xây dựng đảng ngang tầm với nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm rõ những yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung cụ thể đối với các tổ chức đảng, các cán bộ đảng viên cộng sản trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền để xứng đáng "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" trong giai đoạn cách mạng mới.

đ) Giáo dục lối sống cách mạng, biến khẩu hiệu "Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại" thành hành động của toàn dân, lấy đảng viên và đoàn viên, chiến sĩ quân đội làm nòng cốt của phong trào đẩy mạnh cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

3. *Công tác tuyên truyền đối ngoại:*

a) Thông qua những ngày kỷ niệm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu những thành tựu và thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta, về tình hình, nhiệm vụ của cách mạng, về chính sách đối nội, đối ngoại của Việt Nam hiện nay nhằm tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi hơn nữa của các nước anh em và bầu bạn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

b) Tăng cường tình đoàn kết và hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam, Lào, Campuchia. Bày tỏ lòng biết ơn của Đảng và nhân dân ta đối với sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự đồng tình, ủng hộ của bầu bạn trên thế giới trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược trước đây và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

c) Biểu thị sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân ta đối với sự nghiệp đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

4. *Những việc lớn cần xúc tiến chuẩn bị:*

a) Năm 1988, các ngành, các địa phương cần khẩn trương xây dựng ngay chương trình, kế hoạch và triển khai hoạt động phục vụ cuộc vận động kỷ niệm những ngày lễ lớn.

b) Tổ chức việc nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tập trung vào các đề tài lớn phục vụ cho việc xây dựng cương lĩnh, chiến lược kinh tế. Mở các hội nghị khoa học để tổng kết và phát huy những bài học kinh nghiệm lớn, những truyền thống cách mạng quý báu của Đảng, của Bác và của nhân dân ta, những vấn đề lý luận rút ra từ tổng kết hoạt động thực tiễn các mặt của Đảng ta. Thông tin kịp thời những kinh nghiệm tốt của các đảng ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

c) Biên soạn và xuất bản một số sách lý luận và chính trị về sự nghiệp đấu tranh cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn, hoàn thành bộ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* và *Lịch sử Việt Nam*. Phát động sáng tạo văn học, nghệ thuật, điện ảnh, sân khấu để có những tác phẩm lớn, chất lượng cao về đề tài Bác Hồ, về lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta, về 45 năm xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

d) Chuẩn bị triển lãm thành tựu 45 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ đất nước và làm nghĩa vụ quốc tế. Sưu tầm, bổ sung, nâng cao chất lượng các nhà bảo tàng, lưu niệm. Xúc tiến việc xây dựng phần I Bảo tàng Hồ Chí Minh.

đ) Cùng với các hoạt động trên, cần phát động phong trào thi đua lập công chào mừng những ngày kỷ niệm lịch sử của năm 1990 với những mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, thiết thực hàng năm ngay từ đầu năm 1988.

e) Có kế hoạch cung cấp tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh cho các nước trên thế giới kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác theo Quyết định của UNESCO.

g) Những hoạt động kỷ niệm phải thiết thực và có hiệu quả, hết sức tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí. Phải gắn các hoạt động kỷ niệm với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

Ban Bí thư sẽ chỉ định Ban tổ chức chung những ngày kỷ niệm lớn năm 1990 để phối hợp thống nhất kế hoạch của các ngành trong một kế hoạch chung và chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, các địa phương thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 39-QĐ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1988

Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương

Thực hiện chủ trương kiện toàn các ban trong bộ máy Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ TRUNG ƯƠNG

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương là cơ quan tài chính của Đảng và là cơ quan hậu cần của Trung ương, có nhiệm vụ bảo đảm các điều kiện vật chất phục vụ hoạt động của bộ máy Trung ương Đảng, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phục vụ sinh hoạt của các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và của cán bộ, công nhân viên chức trong trụ sở Trung ương Đảng;

giúp Ban Bí thư xây dựng và quản lý công tác tài chính - ngân sách của Đảng và các cơ sở vật chất - kỹ thuật của Trung ương Đảng. Cụ thể là:

1. Bảo đảm tài chính và các điều kiện vật chất ngày càng tốt hơn phục vụ bộ máy của Trung ương Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm việc, hội họp, đi lại, tiếp khách được chu đáo, thuận tiện, nhanh chóng và an toàn. Trực tiếp giúp Ban Bí thư chuẩn bị các điều kiện vật chất phục vụ tốt các hội nghị đại biểu toàn quốc và đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; phục vụ các hội nghị cán bộ do Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương và các ban trong trụ sở Trung ương Đảng triệu tập.
2. Tổ chức quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, xây dựng, mua sắm và sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất - kỹ thuật của Trung ương và các cơ quan đảng trong trụ sở Trung ương Đảng. Từng bước đổi mới kỹ thuật phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và làm việc hằng ngày của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, phục vụ công tác nghiệp vụ chuyên môn của Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng, kể cả các viện, học viện, trường đảng, báo, tạp chí, nhà xuất bản, nhà in trực thuộc Trung ương Đảng.

3. Phục vụ sinh hoạt và góp phần bảo vệ sức khỏe các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí cách mạng lão thành theo danh mục do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên chức của bộ máy Trung ương Đảng.

4. Nghiên cứu trình Ban Bí thư quyết định: các chủ trương, chính sách tài chính của Đảng, chế độ thu đảng phí và các chế độ thu khác trong nội bộ Đảng, kể cả thu ngoại tệ, các chế độ chi tiêu, chế độ quản lý tài chính đảng. Giúp Ban Bí thư lập ngân sách hàng năm của Đảng và quản lý ngân sách đó.

Hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức đảng thực hiện nguyên tắc, chế độ, chính sách tài chính của Đảng.

5. Trực tiếp quản lý các tài sản của Trung ương Đảng, bao gồm: nhà, xưởng, xe, máy, thiết bị, vật tư, dụng cụ, tiền vốn, v.v.; quản lý có hiệu quả cao các cơ sở sản xuất dịch vụ, chủ yếu là quản lý ngành in và xuất bản của Đảng.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BAN TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ TRUNG ƯƠNG

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trưởng ban. Giúp việc trưởng ban, có một số phó trưởng ban.

Ban có các cục, vụ sau đây:

1. Cục Quản trị A (ở Hà Nội)
2. Cục Quản trị B (ở Thành phố Hồ Chí Minh)
3. Vụ Tài chính - Kế hoạch
4. Vụ Xây dựng cơ bản
5. Vụ Hành chính - Tổ chức

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý của các đơn vị trong

Ban; cùng với Ban Tổ chức Trung ương định biên chế của Ban.

III- QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

1. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương làm việc theo chế độ thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước Trung ương về thực hiện chức năng, nhiệm vụ và các mặt quản lý đã được quy định trên đây.

2. Trong việc bảo đảm các điều kiện làm việc của các ban Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng và điều kiện sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên chức các cơ quan đó, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nói trên, tùy theo khả năng đảm đương công việc trong từng thời gian.

3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương dựa vào chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các ban của Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng và chức năng, nhiệm vụ của mình để lập chương trình công tác của Ban và thực hiện chương trình công tác đó.

4. Ban được cung cấp các thông tin cần thiết như các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo của Trung ương như các ban khác của Trung ương Đảng. Ban nhận các báo cáo về tài chính của các cơ quan Trung ương Đảng, của các tỉnh ủy, thành ủy gửi lên Trung ương để tổng hợp báo cáo với Ban Bí thư và để giải quyết các công việc theo trách nhiệm của ban.

5. Ban được quan hệ chặt chẽ với các ban khác của Đảng, với các bộ, các ngành của trung ương, với các cấp ủy địa phương để trao đổi ý kiến về những vấn đề có liên quan và về kỹ

thuật nghiệp vụ, phối hợp công tác hoặc nghiên cứu các vấn đề cần thiết theo trách nhiệm của Ban.

6. Ban được quan hệ hợp tác hữu nghị, trao đổi kinh

nghiệm với cơ quan tài chính - quản trị của một số đảng anh em.

Quyết định này thay thế các Quyết định số 33-QĐ/TW ngày 14-2-1979 và số 04-QĐ/TW ngày 18-9-1982 về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 27-CT/TW, ngày 4 tháng 2 năm 1988

Về chính sách xử lý đối với đảng viên phạm sai lầm

Trong "Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội" theo Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12-9-1987 của Bộ Chính trị, đi đôi với coi trọng giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trong công cuộc đổi mới hiện nay, cần thực hiện tốt các chính sách xử lý đối với cán bộ, đảng viên phạm sai lầm như sau:

I- HƯỚNG TẬP TRUNG XEM XÉT, XỬ LÝ

1. Sa sút ý chí chiến đấu, vi phạm nghiêm trọng đường lối, chính sách của Đảng, vô tổ chức, vô kỷ luật, chia rẽ, bè phái.

2. Ăn cắp, hối lộ, đầu cơ, buôn lậu, sống sa đoạ, truy lạc.
3. Ưc hiếp quần chúng.

II- PHƯƠNG CHÂM VÀ NGUYÊN TẮC XỬ LÝ

Để bảo đảm phương châm "công minh, chính xác, kịp thời" và các nguyên tắc trong việc xem xét, xử lý, cần chú trọng mấy điểm sau đây:

- Kết hợp phát huy tự phê bình và phê bình trong Đảng, với việc quần chúng tham gia phê bình cán bộ, đảng viên, với việc điều tra, xác minh của các cơ quan kiểm tra của Đảng và thanh tra của Nhà nước để xem xét, kết luận. Đặc biệt đối với trường hợp phải đưa ra khỏi Đảng và truy tố trước pháp luật, cần phải được xác minh hết sức chu đáo. Người bị xử lý phải kiểm điểm trước chi bộ, trước tổ chức mình công tác và được tham gia biểu quyết hình thức kỷ luật đối với mình. Tổ chức có thẩm quyền thi hành kỷ luật phải nghe người phạm kỷ luật trình bày ý kiến trước khi quyết định.
- Ủng hộ và bảo vệ người thẳng thắn trung thực phê bình; thi hành kỷ luật nghiêm khắc với người bao che kẻ xấu, trù dập những người thẳng thắn phê bình cũng như với người lợi dụng phê bình để gây rối nội bộ, mưu cầu lợi ích cá nhân.
- Xử lý công minh với người có sai lầm, khuyết điểm bất cứ ở cương vị công tác nào.
- Xử lý có phân biệt giữa sai lầm do tổ chức, cơ chế, chính sách với sai lầm do cá nhân; giữa người vì lợi ích cá nhân, cục bộ, bản vị mà cố tình làm sai với người tích cực đổi mới vì lợi ích chung mà có sơ hở, vi phạm; giữa người chủ mưu, khởi xướng với người đồng lõa hoặc bị lôi kéo; giữa sai lầm có hệ

thống với sai lầm nhất thời; giữa người đã qua giáo dục, phê bình nhưng vẫn cố tình làm sai với người chưa hiểu, chưa được giáo dục, nhắc nhở mà vi phạm; giữa người thành khẩn báo cáo với người cố tình che giấu sai lầm.

- Tùy nội dung, tính chất sai lầm mà có hình thức và biện pháp xử lý thích đáng. Phạm pháp đến mức phải truy tố thì phải đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để "xử lý nội bộ", tham ô tài sản của Nhà nước, của tập thể, của công dân thì phải bồi hoàn vật chất. Trường hợp phải cách chức, giáng chức, giáng cấp thì phải hạ lương.
- Không điều động đi nơi khác, không đề bạt, không nâng lương những người có sai lầm, khuyết điểm, bị quần chúng, đảng viên phát hiện nhưng chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, kết luận; cũng không đề bạt và nâng lương những đảng viên bị thi hành kỷ luật nhưng chưa được công nhận sửa chữa khuyết điểm. Ngược lại, phải tận tình giúp đỡ đảng viên có sai lầm, khuyết điểm sửa chữa, tiến bộ và không định kiến trong việc bố trí công tác đối với người đã tích cực sửa chữa khuyết điểm.
- Đối với đảng viên thuộc dân tộc ít người có sai lầm, phải tùy tình hình thực tế mà vận dụng chính sách xử lý chung cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị và đặc điểm của vùng dân tộc.

III- NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XỬ LÝ

1. *Kiên quyết khai trừ khỏi Đảng những trường hợp sau đây:*

- a) Cơ hội, mưu cầu lợi ích cá nhân, chia rẽ, bè phái, cố ý không chấp hành hoặc có hành động chống lại đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, lừa dối cấp trên, xuyên tạc sự thật, gây hậu quả nghiêm trọng.

b) Cố ý tuyên truyền chống lại đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

c) Sa sút ý chí chiến đấu, khước từ nhiệm vụ Đảng giao.

d) Cố tình vi phạm kỷ luật bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng.

đ) Vô trách nhiệm để xảy ra tham ô, lãng phí, thiệt hại thật nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa.

e) Tham ô, trộm cắp, hối lộ, gây tổn thất lớn đến tài sản của Nhà nước và nhân dân.

g) Đầu cơ buôn lậu.

h) Có sức lao động mà không lao động, nguồn sống chính dựa vào bóc lột theo kiểu tư bản, phú nông, cho tư nhân vay nặng lãi và sống chủ yếu bằng nguồn lãi đó.

i) Sống sa đoạ, trụy lạc, cờ bạc, dâm ô, nghiện hút thuốc phiện, rượu chè bê tha.

k) Trù dập, ức hiếp quần chúng, bao che cho kẻ xấu, gây tác hại lớn, bị quần chúng oán ghét.

l) Dùng nhục hình.

2. Xử lý bằng các hình thức kỷ luật khác:

Đối với những đảng viên phạm sai lầm không đến mức nghiêm trọng mà có thái độ nghiêm túc tự phê bình và tiếp thu ý kiến phê bình của quần chúng nhân dân, của đảng viên và tổ chức đảng để sửa chữa, thì tùy mức độ, tính chất sai lầm mà xử lý bằng các hình thức kỷ luật khác.

3. Đối với các trường hợp khác:

a) Đối với những người đầu hàng, đầu thú kẻ thù, trốn đi nước ngoài hoặc tổ chức cho người trốn ra nước ngoài, thì khai trừ ra khỏi Đảng.

Đối với những đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị và nghi có vấn đề chính trị hiện nay thì thực hiện đúng nội dung Chỉ thị 91-CT/TW, ngày 1-3-1965 của Bộ Chính trị, Thông tri số 22-TT/TW, ngày 5-9-1977 và Quy định số 12-QĐ/TW, ngày 4-2-1978 của Ban Bí thư, Hướng dẫn số 390-XXKL, ngày 3-11-1971 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

b) Đối với những đảng viên giác ngộ chính trị quá thấp, đã qua giáo dục mà không tiến bộ, quần chúng không tin nhiệm, thì đưa ra khỏi Đảng bằng các biện pháp thích hợp, thường xuyên theo đúng thủ tục quy định của Đảng.

4. Đối với những đảng viên có khuyết điểm thông thường thì phải qua sinh hoạt tự phê bình và phê bình, kịp thời phát hiện để giáo dục, chủ động ngăn ngừa, không để khuyết điểm nhỏ thành lớn, không nghiêm trọng thành nghiêm trọng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trong cuộc vận động, các cấp ủy đảng cần quán triệt và trực tiếp lãnh đạo thực hiện tốt chính sách xử lý đảng viên phạm sai lầm; đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng trong việc xem xét, xử lý đối với từng người đúng quy định về thẩm quyền của tổ chức đảng.

2. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, phức tạp, có quan hệ đến nhiều cấp, nhiều ngành... thì cơ quan kiểm tra, các cơ quan bảo vệ luật pháp, các cấp và các ngành có liên quan cần phối hợp chặt chẽ, kịp thời xem xét và giải quyết dứt khoát. Nếu có ý kiến chưa thống nhất thì phải báo cáo lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

3. Các cấp ủy cần đưa công khai trên báo, đài một số vụ điển hình đã xử lý kỷ luật để giáo dục chung.

4. Chỉ thị này thực hiện trong nội bộ Đảng, được quán triệt và phổ biến tới các chi bộ để thi hành (riêng Chỉ thị 91 ngày 1-3-1965 của Bộ Chính trị chỉ phổ biến đến cấp tỉnh uỷ và Hướng dẫn số 390 ngày 3-11-1971 của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chỉ phổ biến đến cấp huyện uỷ theo như quy định cũ). Uỷ ban Kiểm tra Trung ương sẽ có hướng dẫn thực hiện cụ thể.

5. Đối với cán bộ, công nhân, viên chức là người ngoài Đảng, các đoàn viên, hội viên các đoàn thể quần chúng phạm sai lầm, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và đảng đoàn các đoàn thể quần chúng căn cứ vào nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động và Chỉ thị này để vận dụng và có hướng dẫn cụ thể.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 69-TB/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1988

Kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị về tỷ giá - giá - lương - tiền - hàng

Từ ngày 29-1 đến ngày 3-2-1988, Bộ Chính trị đã họp tại Thành phố Hồ Chí Minh để xem xét đề án của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về các vấn đề tỷ giá - giá - lương - tiền - hàng và có những kết luận chính như sau:

Hiện nay chúng ta đang đứng trước một mặt bằng giá mới được hình thành trong thực tế cao hơn rất nhiều so với hồi tổng điều chỉnh giá - lương - tiền tháng 9-1985.

Vấn đề nguyên tắc và cũng là vấn đề đặt ra trước mắt chúng ta là phải *tính đúng và tính đủ đầu vào, đầu ra* theo cơ chế quản lý mới mà Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã đề ra và các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4 đã cụ thể hoá. Vấn đề này có liên quan mật thiết đến *tỷ giá hối đoái*, và đến *khối lượng tiền* đưa vào lưu thông. Hội nghị Bộ Chính trị lần này tập trung cho ý kiến về hai vấn đề này, các vấn đề khác chỉ đề cập đến một phần và sẽ được bàn tiếp trong tháng 3-1988 khi bàn về một số vấn đề về quan điểm và vấn đề chống lạm phát.

1- Nghị quyết Trung ương 2 đã đề ra phải tính đủ đầu vào đối với các xí nghiệp công nghiệp nhẹ và từng bước đối với

các xí nghiệp công nghiệp nặng. Qua tình hình thực tế, *Bộ Chính trị thấy cần phải đưa đủ đầu vào đối với cả các xí nghiệp công nghiệp nặng* và xử lý đầu ra theo tinh thần và nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, tức là tạm thời còn bù lỗ đối với một số mặt hàng sản xuất còn khó khăn, để bảo đảm giá đầu ra được thị trường xã hội chấp nhận hoặc không làm đội giá thị trường được hình thành vào thời điểm xí nghiệp giao hàng. *Dựa trên nguyên tắc tính đủ đầu vào (cả C1, C2 và V) mà giá đầu ra được thị trường xã hội chấp nhận hoặc không làm đội giá thị trường lúc xí nghiệp giao hàng và bảo đảm tốt cả ba lợi ích: lợi ích của người lao động* (tức là tiền lương và thu nhập thực tế của công nhân viên chức bảo đảm tái sản xuất được sức lao động, khuyến khích hăng hái tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, tăng sản phẩm hàng hoá); *lợi ích của xí nghiệp* (tức là lợi nhuận để xí nghiệp tái sản xuất mở rộng); *và lợi ích của Nhà nước* (tức là các khoản thu nhập quốc doanh không được giảm bớt mà ngày càng tăng thêm) để định tỷ giá hối đoái.

Việc xác định tỷ giá, đưa đúng giá đầu vào phải đi đôi với việc làm cho xí nghiệp thực hiện cơ chế quản lý mới, hạch toán kinh tế, loại bỏ những chi phí bất hợp lý và các hiện tượng tiêu cực để giá sản phẩm làm ra phản ánh đúng giá trị thực của nó, được xã hội chấp nhận hoặc không đội giá thị trường. Sửa đổi tỷ giá hối đoái mà làm cho ngân sách bội chi thêm là hoàn toàn trái với nguyên tắc này, dứt khoát không thể chấp nhận. Bộ Chính trị giao cho Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng dựa vào nguyên tắc này để xác định tỷ giá cụ thể đối với đồng rúp, nhất là đối với đồng đôla là đồng tiền biến động hàng ngày trên thị trường quốc tế; tỷ giá đó phải được thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế từng thời gian. Trước mắt, *tạm thời cho phép Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng lấy mức 800 đồng / rúp và 900 đồng / đôla để định tỷ giá hối đoái trong các hoạt động: tính toán thông số giá vật tư*. Trong thực tế, đối với từng loại mặt hàng và nhóm

hàng, mức giá vật tư có thể định cao hơn hoặc thấp hơn tỷ giá nói trên. Hội đồng Bộ trưởng cử các đoàn cán bộ về tận một số xí nghiệp công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ tiêu biểu cho các ngành hàng theo dõi suốt một chu kỳ sản xuất, từ đưa đủ giá đầu vào, qua việc đổi mới quản lý, hạch toán kinh tế trong suốt quá trình sản xuất, đến khâu cuối cùng là tiêu thụ sản phẩm, tính toán xem tỷ giá hối đoái như thế nào là hợp lý nhất. Đích thân các bộ trưởng phải tính toán, cùng giám đốc xí nghiệp và các cơ quan có liên quan và tập thể những người lao động dân chủ bàn bạc. Hết sức chú ý theo dõi việc tính toán ở các ngành năng lượng, vận tải. Sau đó Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thẩm tra và duyệt lại rồi báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Để xí nghiệp chuyển sang hạch toán kinh doanh có hiệu quả phải coi trọng đào tạo, bồi dưỡng giám đốc xí nghiệp, kịp thời thay thế những giám đốc không có năng lực và phẩm chất, phải thực sự mở rộng dân chủ với cán bộ, công nhân, thực hiện dân chủ hoá, công khai hoá trong xí nghiệp.

2- Phải coi *lương* là vấn đề thuộc về đầu tư cho lực lượng sản xuất, chứ không phải thuần tuý là vấn đề chăm lo đời sống. Lương phải bảo đảm tái tạo sức lao động của người công nhân và ít nhất nuôi thêm được một người ăn theo. Trong khu vực sản xuất, không hạn chế mức thu nhập tối đa trên cơ sở tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả. Tách lương khu vực sự nghiệp (giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật) khỏi khu vực hành chính và có chính sách đối với lực lượng này như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 đã nêu. *Lương trong khu vực hành chính* tạm thời thực hiện như hiện nay cho đến hết tháng 3-1988; sau đó định thế nào, sẽ thảo luận kỹ trong tháng ba tới.

3- Đối với nông dân, tạm thời áp dụng *giá thu mua hiện hành*, không được ép giá đối với nông dân. Giá mua lúa hiện nay là giá tạm thời cho vụ này; vụ sau, nếu được mùa, sẽ tính lại, và theo đó tính lại giá các nông sản khác.

4- Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng tính toán lại *ngân sách* đặc biệt chú ý ngay việc tăng các nguồn thu. Các ngành lương thực, thương nghiệp, ngân hàng phải đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động và đi vào kinh doanh thực sự và đúng đắn.

Tháng 4-1988, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng báo cáo Bộ Chính trị tình hình ngân sách.

5- *Về tiền*, dứt khoát không được để thiếu tiền cho sản xuất, thu mua lương thực, nông sản đang trong lúc nông dân cần bán. Không được phát hành tiền cho chi tiêu hành chính (cho chi của ngân sách). Đồng thời, việc phát hành tiền ra cho sản xuất, kinh doanh phải đi đôi với việc thu được tiền về qua ngân hàng. Phải kiên quyết áp dụng nhiều biện pháp và nhiều hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (như séc chuyển khoản, trả lương công nhân viên chức một phần bằng séc, v.v.) để hạn chế lượng tiền phát hành thêm mà vẫn đủ tiền cho sản xuất, thu mua, trả lương. Ngân hàng phải nhanh chóng chuyển sang kinh doanh.

6- Hội đồng Bộ trưởng cần có những biện pháp cấp bách và có hiệu quả để khắc phục cho được tình hình thiếu lương thực gay gắt ở miền Bắc hiện nay, kể cả cho phép các thành phố lớn và khu công nghiệp quan trọng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh được dùng tiền mặt và thông qua Tổng công ty lương thực để mua thêm lương thực ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, và biện pháp vay nóng để nhập lương thực, không được để xảy ra tình hình đột biến về lương thực trong bất cứ hoàn cảnh nào.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 40-QĐ/TW, ngày 22 tháng 2 năm 1988

Về trách nhiệm và nội dung báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư của các ban, ngành trung ương

Để nâng cao chất lượng thông tin phục vụ quyết định và kiểm tra việc thực hiện quyết định của Trung ương, Ban Bí thư quy định chế độ báo cáo của các ban Trung ương Đảng, các đảng uỷ khối Trung ương và các ngành trung ương lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư như sau:

I- CÁC BAN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Căn cứ vào chương trình công tác, các nghị quyết, các kế hoạch tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương và vào chức trách của ban, các ban có báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và báo cáo bất thường lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

1. Báo cáo định kỳ tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, cuối năm

- Báo cáo nhanh *hàng tuần* từ 1 tới 2 trang đánh máy tiêu chuẩn, gửi Ban Bí thư trong ngày thứ ba của tuần. Nội dung: *tiến trình chuẩn bị các đề án trình Trung ương*, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thuộc các mặt công tác trong khối do ban phụ trách; *tiến trình triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương*, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ở các ngành trong khối, các địa phương; *công việc của ban đã làm trong tuần qua và sẽ làm trong tuần tới* nhằm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và tham gia ý kiến vào việc chuẩn bị các đề án trình Trung ương, việc cụ thể hoá, thể chế hoá và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ở các ngành trong khối và các địa phương; *những tình hình đột xuất, hoặc mới nảy sinh* về các mặt công tác trong khối mà Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần quan tâm chỉ đạo.

- Báo cáo *hàng tháng* từ 3 tới 5 trang, gửi Ban Bí thư trước ngày 28 của tháng. Báo cáo có *những nội dung tương tự như trên* nhưng có phân tích *nguyên nhân* và có những *kiến nghị* của ban lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhằm bảo đảm quy trình, thời gian, chất lượng chuẩn bị các đề án cũng như thực hiện những nghị quyết, chỉ thị đã ban hành.

- Báo cáo *quý I, 6 tháng, 9 tháng* từ 5 đến 7 trang, gửi Ban Bí thư trước ngày 28 của tháng 3, 6, 9, với *nội dung đánh giá tổng quát tình hình chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng* và kế hoạch Nhà nước trên các mặt công tác lớn trong khối do ban phụ trách, phân tích rõ *nguyên nhân* của tình hình, *đánh giá hoạt động của các ngành trong khối*, nêu lên *những kinh nghiệm tốt, những điển hình hay cần phát huy, những vướng mắc lớn và khuyết điểm chính cần khắc phục, kiểm điểm công tác của ban* trong thời gian ấy (bao gồm công tác điều tra nghiên cứu, công tác kiểm tra, việc chuẩn bị quyết định và kiểm tra thực hiện quyết định của Đảng, việc thi hành các nghị quyết của Đảng trong nội bộ cơ quan ban),

kế hoạch công tác của ban và kiến nghị của ban về sự lãnh đạo của Đảng trong thời gian tới.

- Báo cáo cuối năm không quá 12 trang, gửi trước ngày 25 tháng 12 của năm, *nhận định, đánh giá tình hình và kết quả chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng*, kế hoạch Nhà nước và các mặt công tác chính trong khối, hoạt động của các ngành trong khối, *phân tích sâu nguyên nhân* của những ngành, *những việc làm tốt, không tốt, kiểm điểm hoạt động* của ban trong năm, dự kiến chương trình công tác của ban và kiến nghị lên Ban Bí thư về chương trình và chủ trương công tác của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm tới.

2. *Báo cáo chuyên đề* trong các trường hợp sau đây:

- Khi Bộ Chính trị, Ban Bí thư sắp họp để ra quyết định:
 - + Các thông tin về lý luận và kinh nghiệm có quan hệ đến vấn đề sắp quyết định do ban biên soạn hay chỉ đạo cơ quan chủ đề án biên soạn và ban thông qua.
 - + Xu hướng thế giới và tình hình thực tiễn Việt Nam có quan hệ đến vấn đề sắp quyết định.
 - + Những ý kiến khác nhau xung quanh vấn đề ấy trong các cơ quan lãnh đạo và cán bộ.
 - + Nhận xét chất lượng của đề án và kiến nghị của ban.
- Có thể thông tin nhiều kỳ trong thời gian một tháng trước khi Bộ Chính trị, Ban Bí thư họp với văn kiện được soạn thảo súc tích, ngắn gọn, dễ hiểu. Riêng nhận xét chất lượng của đề án và kiến nghị của ban phải gửi chậm nhất đến Bộ Chính trị, Ban Bí thư sau khi ban nhận được đề án chính

thức 2 ngày và trước khi Bộ Chính trị, Ban Bí thư họp ít nhất 2 ngày.

- Khi ban kết thúc một đợt kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng hoặc tiến hành công tác điều tra, nghiên cứu tình hình thực tế về một mặt công tác trong khối do ban phụ trách.
 - Khi ban kết thúc các chuyến đi thăm, nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài hoặc tiếp khách nước ngoài tới làm việc với ban.
 - Khi có tổng kết của một ngành do ban phụ trách.
- Những báo cáo chuyên đề này phải phân tích đúng đắn nguyên nhân, rút ra những kinh nghiệm có ích và có ý kiến đề xuất chính xác với lãnh đạo.

3. *Báo cáo bất thường* trong các trường hợp sau đây:

- Khi ban thấy việc thể chế hoá nghị quyết của Đảng về các mặt nhà nước quá chậm hoặc các văn bản pháp quy của các cơ quan nhà nước chưa phản ánh đúng tinh thần, nội dung nghị quyết của Đảng và đòi hỏi của tình hình thực tiễn, hoặc việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng ở các địa phương có nhiều vướng mắc, lệch lạc cần có sự chỉ đạo, uốn nắn của Ban Bí thư, hoặc khi thấy bản thân nghị quyết, quyết định của Đảng có vấn đề phải được xem xét lại và bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Khi Ban Bí thư yêu cầu.

Trưởng ban chịu trách nhiệm về mọi báo cáo lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Trừ báo cáo nhanh hàng tuần có thể do chánh văn phòng ban thừa lệnh ký, các báo cáo khác đều phải do trưởng ban ký hoặc phó trưởng ban thường trực thay mặt trưởng ban ký tên và đóng dấu mới có giá trị.

II- CÁC ĐẢNG ỦY KHỐI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. *Báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, cuối năm* về tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân viên trước những diễn biến của thời cuộc, nhất là đối với các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chủ trương của Nhà nước và công tác tư tưởng trong khối; tình hình thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác xây dựng đảng, công tác tổ chức và công tác cán bộ trong khối; những ưu, khuyết điểm và kết quả hoạt động của đảng uỷ khối và của các đảng bộ trong khối.

Báo cáo hằng tháng 3-5 trang, báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng 5-7 trang, báo cáo cuối năm không quá 12 trang và gửi Ban Bí thư vào ngày cuối tháng.

2. *Báo cáo chuyên đề* khi đảng uỷ thấy cần thiết hoặc khi Ban Bí thư yêu cầu về:

- Những diễn biến tư tưởng, về nhận thức, quan điểm của cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức trong khối trước những vấn đề thời sự nóng hổi và trước những chủ trương, chính sách lớn của Đảng trong từng thời gian.
- Về kiện toàn tổ chức, công tác cán bộ, quy hoạch cán bộ, về cuộc vận động chính trị lớn của Đảng trong khối.
- Về những kiến nghị của cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức trong khối đối với công tác lãnh đạo của Đảng.
- Về tình hình của một đảng bộ, một tổ chức trong khối cần có sự chỉ đạo của Ban Bí thư và kiến nghị của đảng uỷ khối về cách giải quyết vấn đề nêu ra.

Đồng chí bí thư và phó bí thư thường trực chịu trách nhiệm về nội dung mọi loại báo cáo gửi lên Ban Bí thư.

III- CÁC NGÀNH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG

1. *Các Bộ Nội vụ, Quốc phòng, Ngoại giao* trực tiếp báo cáo về những tình hình thuộc loại tuyệt mật về an ninh, quốc phòng, đối ngoại cho các đồng chí Bộ Chính trị, các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, đồng gửi đồng chí

Chánh Văn phòng Trung ương một bản; đồng chí Chánh văn phòng căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư hoặc đồng chí Bí thư thường trực mà trực tiếp báo cáo bằng miệng hoặc bằng văn bản với các đồng chí trong Ban Bí thư. Các loại tình hình khác đều báo cáo lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư (qua Văn phòng Trung ương) theo chế độ báo cáo định kỳ hằng tuần, hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, 9 tháng, cuối năm, báo cáo chuyên đề và báo cáo bất thường như quy định đối với các ban Trung ương Đảng.

2. *Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng* gửi các đồng chí trong Ban Bí thư và gửi cho Văn phòng Trung ương báo cáo hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, 1 năm theo đúng thời gian như đã quy định với các ban về hoạt động của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, của các bộ, uỷ ban, tổng cục nhằm thực hiện nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, những văn bản pháp quy nhằm thể chế hoá các nghị quyết của Đảng và giải quyết các vấn đề do các cấp, các ngành đặt ra.

3. *Tổng cục Thống kê* gửi các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, và gửi Văn phòng Trung ương báo cáo định kỳ hằng tuần, hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, 9 tháng, cuối năm về tiến độ và kết quả cụ thể thực hiện kế hoạch Nhà nước (chủ yếu bằng số liệu, tài liệu cụ thể theo yêu cầu của lãnh đạo) và gửi đúng thời gian như đã quy định cho các ban; báo cáo chuyên đề

sau mỗi đợt điều tra, kiểm kê chung hay điển hình, hoặc sau khi tiến hành phân tích hoạt động kinh tế chung hay của một ngành.

4. *Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, các bộ, uỷ ban, tổng cục nhà nước khác:*

- Gửi cho ban của Đảng theo dõi khối và Văn phòng Trung ương Đảng các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và các kiến nghị của bộ, của ngành gửi Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

- Báo cáo tình hình và kiến nghị lên Ban Bí thư (qua ban theo dõi khối và Văn phòng Trung ương), những vấn đề mà bộ và ngành thấy cần xin ý kiến chỉ đạo của Đảng hoặc khi Ban Bí thư yêu cầu.

5. *Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước:* Thực hiện đúng chế độ báo cáo hiện hành.

6. *Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các đảng đoàn Tổng Công đoàn, Trung ương Hội Liên hiệp Nông dân tập thể, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:*

Thực hiện theo chế độ báo cáo hiện hành lên Ban Bí thư (qua Văn phòng Trung ương) đồng gửi Ban Dân vận Trung ương biết.

*

* *

Quy định này thay thế Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 2-5-1983 của Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương (Khoá V).

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH SAU MỘT SỐ CHUYẾN ĐI LÀM VIỆC Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 24 tháng 2 năm 1988

Thưa các đồng chí trong Bộ Chính trị và Ban Bí thư,

Thực hiện chế độ nghiên cứu tình hình cơ sở của Trung ương, mấy tháng vừa qua tôi đã đi công tác ở bốn tỉnh Sơn La, Lai Châu, Long An, Minh Hải. Tôi cũng đi nghiên cứu tình hình ở một số xí nghiệp thuộc ngành dệt, ngành cơ khí và một số cơ sở khác.

Chúng ta đang ở trong quá trình cụ thể hoá và tổ chức thực hiện những phương hướng đổi mới do Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra. Nhiều vấn đề rất mới đang đòi hỏi chúng ta phải quyết định, nhưng những vấn đề đó lại không thể giải quyết đúng đắn thông qua những suy luận ở bàn giấy. Thông thường những sáng kiến nảy sinh trước hết từ cơ sở, những vướng mắc cũng thấy rõ trước hết từ cơ sở. Do đó, những chuyến đi công tác trong thời gian vừa qua đối với tôi rất bổ

ích, gọi lên nhiều suy nghĩ để góp phần cùng Trung ương tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI và các nghị quyết Trung ương Đảng.

Tôi xin báo cáo tóm lược với Bộ Chính trị một số nhận xét và gợi ý bước đầu của tôi qua những chuyến đi công tác đó:

1. Trước hết phải đề cập *vấn đề lương thực và người trồng lương thực*, vì đó vừa là vấn đề nóng hổi, vừa là vấn đề cơ bản. Tình hình khẩn trương về lương thực trong mấy tháng qua làm cho đời sống cán bộ, công nhân và bộ đội thêm khó khăn, gây nên tâm lý xao xuyến trong nhân dân, chứng tỏ chương trình lương thực - thực phẩm phải được quan tâm đặc biệt, là chương trình góp phần quan trọng nhất vào việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội mà Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra.

Tôi cho rằng sự quan tâm đó phải được biểu hiện cụ thể trong hành động: *bảo đảm điều kiện vật chất cho sản xuất lương thực - thực phẩm và có chính sách khuyến khích cơ sở và người sản xuất lương thực - thực phẩm*. Tình hình sản xuất lương thực mấy năm nay có tình trạng dầm chân tại chỗ, có nguyên nhân quan trọng là thiên tai, nhưng ở Nam Bộ thì thiên tai không dữ dội như miền Bắc. Cho nên phải xem xét tới một nguyên nhân khác thuộc phần chủ quan của ta, là điều kiện vật chất để sản xuất không bảo đảm và vùng trồng lương thực, người trồng lương thực vì những lý do khác nhau không thu lợi được như trồng cây khác, làm nghề khác. Gỡ tình hình sản xuất lương thực phải làm đồng thời cả hai việc đó một cách tích cực.

Về điều kiện sản xuất như thủy lợi, phân bón, thuốc trừ sâu, công cụ, máy kéo... thì đi đến đâu cũng thấy cơ sở kêu ca.

Thủy lợi, nhất là thủy lợi nội đồng, mấy năm nay làm không được mạnh mẽ. Công cụ thường là công cụ cải tiến không có đủ và chất lượng xấu. Phân bón, thuốc trừ sâu thì không có đủ số lượng như kế hoạch, không đúng thời gian và chất lượng không tốt. Chúng ta có khó khăn về ngoại tệ để nhập

khẩu, nhưng cần cố gắng trang trải để có đủ cho sản xuất, nếu không thì mọi ý muốn tốt đẹp của chúng ta chỉ còn là lời hô hào suông. Nhưng tôi muốn nói đến những việc trong tầm tay có thể làm được. Như công cụ thường và công cụ cải tiến thì vì sao lại dễ thiếu? Như phân bón đã có, nhưng cung ứng quá nhiều tầng nấc, quá nhiều thứ tiêu cực ăn chận dọc đường, gây mất mát và phiền hà, là những việc có thể sửa được, vì sao cứ dễ kéo dài như thế? Rồi đã nói đến điều kiện sản xuất là phải nói tới điều kiện cụ thể đối với từng nơi. Ở miền núi thấy có quá ít những tiến bộ kỹ thuật được phổ biến và áp dụng. Ở Nam Bộ rất thiếu máy cày, máy xới, v.v.. Cho nên phải sát lăm mối đáp ứng được những điều kiện sản xuất cho từng nơi.

Về chính sách đối với người sản xuất lương thực - thực phẩm, tôi cho rằng chưa thỏa đáng. Nơi nào chuyên canh cây lương thực, thực phẩm thường nghèo hơn nơi trồng cây công nghiệp, như thế thì rõ ràng là phương hướng một đường nhưng chính sách lại một nẻo. Tôi nghĩ rằng: chỉ khi nào cơ sở trồng lương thực và người trồng lương thực có đời sống được bảo đảm chỉ ít cũng bằng các ngành nghề khác thì sản xuất lương thực mới có thể được đẩy mạnh. Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ tư có nói đến đổi mới chính sách đối với nông nghiệp và nông dân, nhưng cần nhấn mạnh chính sách đối với vùng, cơ sở và người trồng lương thực. Tôi cũng hiểu là định ra chính sách đồng bộ thật khó, nhưng chính sách có vai trò rất quan trọng trong việc đưa nông dân vào sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch. Ở Minh Hải, tôi thấy rất rõ. Anh em cứ nói "con tôm ôm cây lúa", nhưng nói thế là tuyên truyền thôi, chứ con tôm đang phá rừng, đang phá đất lúa. Con tôm là một thế mạnh xuất khẩu cần được đẩy mạnh theo quy hoạch. Nhưng do tranh mua, tranh bán, con tôm đắt giá, lợi ích cục bộ đã làm tôm phát triển bừa bãi, hiệu quả vừa không cao, vừa đem thế mạnh này phá thế mạnh kia, sản xuất lương thực bị coi nhẹ.

2. Chúng ta đang thúc đẩy *phát triển sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa*. Sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa là phải theo quy hoạch, có khác trước là không dùng mệnh lệnh hành chính mà chủ yếu dùng các biện pháp kinh tế để hướng dẫn, khuyến khích các cơ sở và từng gia đình phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch. Nhà nước phải nắm trong tay phần quan trọng những sản phẩm hàng hoá để bảo đảm nhu cầu của xã hội, có khác trước là không dùng mệnh lệnh, ép buộc mà chủ yếu là thông qua các biện pháp kinh tế để nắm sản phẩm.

Do đó, muốn phát triển sản xuất hàng hoá phải có những điều kiện, và những điều kiện đó không giống nhau. Chẳng hạn, ở miền núi phía bắc, có nhiều trâu bò, trong khi đó ở miền xuôi vừa thiếu sức kéo, vừa thiếu thịt ăn, nhưng ở đây không có những điều kiện giao thông thuận tiện, chính sách lưu thông chưa hợp lý, nghĩa là không bảo đảm tiêu thụ cho người chăn nuôi thì đàn trâu bò phát triển đến mức nào sẽ dừng lại. Rồi như lợn ở Minh Hải, một nơi có nhiều lúa gạo, lại là vùng giống tốt, nhưng đàn lợn rất thấp, chỉ vì giá mua không bảo đảm lợi ích cho người chăn nuôi bằng nuôi những con khác. Còn nhiều điều không hợp lý nữa. Trong khi nhà máy đường thiếu nguyên liệu thì nhân dân vùng trồng mía Long An không muốn trồng. Trong khi nhà máy đường thiếu nguyên liệu thì người trồng đường đang rất phàn nàn vì giá mua thấp. Nguyên liệu không đủ nhưng một số tỉnh muốn xây dựng nhà máy đường riêng, trong khi nhà máy đường hiện có dùng chưa hết công suất. Trong khi một số nhà máy chế biến hải sản đông lạnh của trung ương làm không hết công suất thì một số tỉnh muốn bỏ ngoại tệ ra nhập nhà máy riêng của mình, v.v.. Đó chẳng qua là sự phân phối lợi nhuận chưa thoả đáng giữa ngành công nghiệp chế biến với nông dân vùng trồng nguyên liệu, giữa các ngành trung ương và địa phương; tất cả những cái đó đang làm cản trở sản xuất hàng hoá phát triển.

Muốn đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hoá, huy động mọi năng lực thuộc các thành phần kinh tế tham gia sản xuất hàng hoá thì, ngoài việc tổ chức lại sản xuất, áp dụng kỹ thuật tiến bộ, cần đặc biệt quan tâm tới những vấn đề cơ bản như sau:

- a) Phải coi trọng *phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa* dưới hai hình thức quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Coi trọng việc đào tạo cán bộ thương nghiệp.
- b) *Giá cả* mua bán phải đúng, nhất là không ép giá khi mua. *Tiền tệ* phải được bảo đảm đủ.

Nói rộng ra, các chính sách phân phối lưu thông phải bảo đảm hài hoà các lợi ích, đặc biệt quan tâm tới lợi ích của đơn vị và người sản xuất. Lợi ích của người sản xuất trong vùng chuyên canh không được bảo đảm thì không thể giữ được vùng. Lợi ích của trung ương và địa phương không hài hoà thì dễ sinh ra cục bộ, chia cắt, làm cho hiệu quả kinh doanh thấp.

- c) Mở rộng mạng lưới *giao thông vận tải* dưới mọi hình thức. Hiện nay ở nhiều nơi, nhất là miền núi, lưu thông hàng hoá ách tắc vì thiếu giao thông vận tải.

- d) Đẩy mạnh *công nghiệp chế biến*. Muốn có hàng hoá, sản phẩm phải được chế biến từ thô đến tinh. Phải từng bước chế biến tinh để tăng giá trị sản phẩm. Bán thô thì như người nghèo bán máu mình.

3. Lần đi công tác này, tôi có dịp đến cả bốn địa phương đều có *rừng*. Nhìn chung, tình hình rừng thật đáng báo động. Rừng đầu nguồn Sơn La, Lai Châu chỉ còn 7-9% độ che phủ, thật sự đáng lo ngại. Rừng ngập mặn bị tàn phá rất nhiều. Chúng ta thường nói tới tai hoạ do chiến tranh, do dịch rải chất độc hoá học gây ra, nhưng nên thẳng thắn mà nói rằng: chúng ta đã phá rừng nhiều hơn là kẻ địch đã tàn phá. Có lúc tôi cũng băn khoăn: làm sao phủ được tán cây? Vì trồng rừng tốn kém và phải qua nhiều năm mới thu hoạch,

trong khi đó chúng ta lại thiếu vốn và nhân dân nói chung còn nghèo?

Rừng bị tàn phá, bị nghèo kiệt do nhiều nguyên nhân, như sức ép về lương thực, về chất đốt, như khuyết điểm về sử dụng gỗ lãng phí. Nhưng có một nguyên nhân cần phân tích chính xác là cơ chế quản lý bảo vệ, trồng và khai thác rừng. Trong văn kiện, chúng ta thường nói đến quan điểm quản chúng trong nghề rừng, nhưng trong hành động, trong nhiều năm, phải chăng chúng ta mắc một sai lầm là: trồng và khai thác rừng chủ yếu là quốc doanh lâm trường, bảo vệ rừng và giữ gỗ là kiểm lâm nhân dân thực chất là lực lượng của Nhà nước. Chúng ta đã xa rời quan điểm lấy dân làm gốc trong nghề rừng, cho nên sinh ra đối lập giữa các cơ sở quốc doanh lâm nghiệp và nhân dân.

Lần đi công tác này, tôi thấy có những yếu tố mới hé mở ra phương hướng giải quyết. Lâm trường sông Trẹm kết hợp lâm - nông - ngư - công nghiệp khai thác sản phẩm đa dạng của rừng, và có một kinh nghiệm rất hay là "trước đây đuổi dân ra xa rừng để giữ rừng nhưng bây giờ lại mời dân đến để giữ rừng", nghĩa là đưa dân vào sát rừng, giải quyết đời sống cho họ làm ruộng, làm vườn rồi khoán cho họ giữ rừng, được khai thác những sản phẩm dưới tán rừng thì rừng U Minh không bị phá và không bị cháy. Rồi ở Long An, nhanh chóng phát triển trồng cây, với chính sách lợi ích thoả đáng cho nhân dân được kinh doanh nghề rừng cho nên trồng được rừng nhiều nhất, có người nông dân ở huyện Tân Thạnh vùng Đồng Tháp Mười trồng tới 63 ha rừng tràm...

Cho nên, chúng ta cần dứt khoát chuyển hướng mạnh mẽ trong nghề rừng. Khoanh các lâm trường lại, đồng thời vận dụng nhiều hình thức cho các thành phần kinh tế kinh doanh nghề rừng, thực hiện chính sách ổn định đất rừng, giao khoán cho họ như Luật đất đai đã định, bảo đảm lợi ích cho họ, nghĩa là làm cho nghề trồng rừng trở thành một ngành kinh doanh có lãi thì có thể giữ được rừng và trồng thêm rừng.

Ở lĩnh vực này, tôi nghĩ là về mặt quan điểm đã rõ, nhưng cần có chính sách cụ thể và tổ chức hành động thiết thực.

4. Đối với *vấn đề quản lý nông nghiệp* là vấn đề chúng ta đang quan tâm thì dự thảo Nghị quyết Bộ Chính trị lần này đã chuẩn bị tốt, đã có những kiến nghị phù hợp với tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội Đảng và các nghị quyết Trung ương. Muốn nông nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu thì như phần trên tôi đã phát biểu, phải bảo đảm những điều kiện vật chất cho sự phát triển nông nghiệp, đồng thời phải đổi mới những chính sách đối với nông nghiệp và nông dân. Đổi mới quản lý nông nghiệp là một yếu tố quan trọng, phải hướng tới đẩy mạnh sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp. Qua các chuyến đi nghiên cứu tình hình thực tế, tôi phát biểu nhấn mạnh thêm một số ý:

Chúng ta cũng nên nhìn lại những năm đã qua để đánh giá công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Không nên phủ định những công việc chúng ta đã làm và cần có quan điểm lịch sử cụ thể trong việc đánh giá. Tổ chức nông dân vào các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất là đúng đắn và thực tế phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đã góp phần tạo ra những thành tựu về mặt kinh tế nông nghiệp cũng như xã hội nông thôn trong thời gian vừa qua. Nghị quyết Đại hội Đảng cũng nhấn mạnh phải tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa với những hình thức và bước đi thích hợp. Tuy nhiên, cũng nên nhìn thẳng vào sự thật để thấy phong trào hợp tác hoá nông nghiệp có nhiều mặt yếu kém do khuyết điểm chủ quan của chúng ta. Ở miền Bắc, nông nghiệp đã hợp tác hoá từ hơn hai chục năm nay nhưng lực lượng sản xuất không thay đổi nhiều, quy mô lại quá to, quản lý theo nếp quan liêu bao cấp, trình độ quản lý của cán bộ không theo kịp, cho nên nhiều nơi cũng chưa trở thành tấm gương trong việc phát triển sản xuất hàng hoá. Ở miền Nam, nhất là ở Nam Bộ, tình hình không giống miền Bắc vì sản xuất hàng hoá đã phát triển, nhưng trong công cuộc cải tạo có những lúc rập khuôn, sai lầm. Ở đây chúng ta có ba sai sót

lớn: thứ nhất là gò ép bắt hoàn thành theo thời gian định trước; thứ hai là điều chỉnh ruộng đất, trong khi thực hiện thì thực chất là động đến trung nông là những người có vai trò quan trọng trong sản xuất hàng hoá; thứ ba là thực hiện khoán theo lao động quy, động tới một số gia đình liệt sĩ, thương binh, có công với nước. Hậu quả kinh tế - xã hội, còn để lại mãi tới ngày nay. Nói lại chuyện cũ để thấy rằng: có khi chủ trương, phương hướng đúng nhưng chỉ cần một, hai chính sách cụ thể sai là đã ảnh hưởng rất lớn tới sản xuất, tới tinh thần phấn khởi của quần chúng.

Bây giờ nhìn lại tình hình chung và qua các nơi nghiên cứu, thấy rõ khoán sản phẩm trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp đã tạo nên sự phấn khởi trong quần chúng, thúc đẩy sản xuất phát triển. Khoán sản phẩm cho từng gia đình cũng cần khẳng định. Không nên máy móc "năm khâu, ba khâu", việc gì gia đình xã viên đảm nhiệm thì giao cho họ làm rồi thanh toán sòng phẳng, bảo đảm người nhận khoán thu nhập từ 45% đến 50% trở lên số sản phẩm thu hoạch tuỳ theo số khâu nhận khoán, do đó đã tạo nên sự phấn khởi trong quần chúng. Đó là điều cần khẳng định.

Cũng nhân đây, nói trở lại vấn đề khoán sản phẩm. Đó là sự sáng tạo của quần chúng. Nhưng khi đã khẳng định nhân tố mới rồi thì lại sinh ra chủ quan thoả mãn và làm rập khuôn. Khoán sản phẩm là nhân tố mới, nhưng nó thích hợp với điều kiện từng nơi. Ở miền núi, nhà nào cũng có trâu cũng bắt lập tổ cày bằng trâu; cấy chủ yếu nhờ nước trời cũng bắt hợp tác xã phải nắm khâu nước. Ở Nam Bộ, có nơi ruộng đất bình quân nhiều, máy móc thiếu, không phải gia đình nào cũng có thể làm hết ruộng nhận khoán... Cho nên quản lý phải đa dạng, tuỳ theo từng cây trồng, vật nuôi, từng vùng khác nhau; bên cạnh khoán cho cá nhân, gia đình còn phải khoán cho tổ, đội; bên cạnh khoán cho gia đình có thể khoán cho nhóm gia đình như kiểu liên gia. Hiệu quả cuối cùng mới là thước đo chính xác một hình thức quản lý.

Khi khoán sản phẩm cho gia đình thì không thể buông lơi các khâu dịch vụ kỹ thuật. Từng gia đình một lo toàn bộ các khâu sản xuất và dịch vụ thì không thể lên nhanh được, chưa kể sẽ có một số khó khăn thêm. Cho nên hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và cả các ngành phải tập trung làm dịch vụ sản xuất cho gia đình, nhóm gia đình nhận khoán. Các cơ sở dịch vụ sản xuất ngày càng phải vươn ra tác động vào các gia đình nhận khoán, đồng thời hoạt động dịch vụ kỹ thuật là công cụ để hướng dẫn các gia đình đi vào quy hoạch, chuyên canh, thâm canh.

Trong vấn đề quản lý phải đặc biệt nhấn mạnh vấn đề cán bộ quản lý các nông trường, lâm trường, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất... Vai trò cán bộ rất quyết định hoạt động sản xuất - kinh doanh của các đơn vị sản xuất. Bên cạnh những cán bộ quản lý tốt, còn nhiều cán bộ không được đào tạo có hệ thống, không thông thạo nghiệp vụ, và không ít người tham ô, ức hiếp quần chúng. Ở những nơi này, kinh tế không phát triển, tinh thần bị ức chế, quần chúng rất đau khổ. Đối mới cơ chế quản lý mà không bồi dưỡng, đổi mới cán bộ thì cơ chế có hay mấy cũng không thực hiện được. Mọi việc sẽ diễn ra ở cơ sở. Cán bộ cơ sở là người trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách, là người trực tiếp với dân. Trong khi đó, tình hình đảng bộ cơ sở của ta quá yếu, cán bộ đảng viên ở cơ sở có một bộ phận hư hỏng, công tác kiểm tra ở nhiều nơi làm lại kém hiệu quả. Cho nên, không củng cố đảng bộ cơ sở thì không thể đổi mới quản lý của các cơ sở sản xuất cũng như dịch vụ. Ngay như tình hình nợ thuế, nợ trao đổi vật tư thì theo điều tra, về cơ bản nông dân nợ ít, có nơi tới 80% số nợ phải thu là thuộc về cán bộ, đảng viên.

5. Chúng ta phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá bằng *sức mạnh tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế quốc dân*, chứ không chỉ là việc làm của một ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Quan điểm này cần được làm rõ.

Các ngành cần có mục tiêu phục vụ nông nghiệp phát triển thật cụ thể. Nông nghiệp không thể tiến lên chỉ với sức

mạnh của mình. Đi công tác lần này tôi thấy ngành cơ khí phục vụ nông nghiệp yếu quá. Ở trên tôi đã nói, ngành cơ khí nước ta tuy còn kém nhưng không đến nỗi để cho nông dân thiếu công cụ thường và công cụ cải tiến, không đến nỗi không làm được máy chế biến chè mà phải đi nhập khẩu, không đến nỗi không vươn lên trang bị cho nông dân những máy cắt lúa như cơ khí tỉnh Long An đã làm... Rồi ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phải gắn với thị trường rộng lớn là nông thôn, sản xuất những hàng có thể trao đổi với nông dân để nắm nông sản... Còn ngành lưu thông - phân phối thì ở trên tôi đã nói rồi. Nói tóm lại, ngành nào cũng phải có chương trình phục vụ nông nghiệp sản xuất hàng hoá. Nông thôn phải là một thị trường rộng lớn cho sự nghiệp phát triển công nghiệp.

Các thành phần kinh tế cùng nhau tham gia phát triển nông nghiệp theo sự phân công và hợp tác. Dự thảo Nghị quyết Bộ Chính trị lần này đã đề cập nhưng cần cụ thể hoá trong các văn bản của Nhà nước để sớm giải phóng mọi năng lực sản có nhằm phát triển mạnh mẽ nông nghiệp sản xuất hàng hoá.

6. Bây giờ tôi đề cập đến *vấn đề xã hội nông thôn*. Dự thảo Nghị quyết Bộ Chính trị đã đề cập. Nhưng vấn đề này rất rộng lớn, cần có một chuyên đề nghiên cứu riêng. Qua mấy chuyến đi công tác, tôi xin nêu lên một số vấn đề sau đây: *Thứ nhất là, vấn đề dân chủ ở nông thôn* đang là vấn đề đáng lo ngại. Quần chúng không bằng lòng, có nơi đã tập hợp thành những cuộc biểu tình nhỏ, như ở Minh Hải. Tôi nghe nói ở một số nơi cũng có tình hình đó. Thông thường quần chúng bức bối nhất là hai chuyện: ức hiếp nhân dân, bóc lột dân chủ, và dùng quyền hành để chiếm đất, ăn cắp của công, ăn hối lộ. Nhiều nơi oan không biết kêu ai. Việc này có liên quan tới đạo đức, phẩm chất chính trị của đảng bộ, các tổ chức chính quyền, đoàn thể, các cán bộ quản lý các đơn vị kinh tế. Chúng ta cần cử người đi nghiên cứu và có biện pháp kịp thời ngăn chặn, gắn liền với cuộc vận động lớn

của Đảng mà chọn lựa, đưa những người tốt lên giữ trách nhiệm, kiên quyết loại những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đủ tin nhiệm với nhân dân.

Thứ hai là, tình hình phân hoá trong đời sống ở nông thôn khá rõ rệt. Với cơ chế, chính sách mới, chắc chắn nhiều người sẽ làm ăn khá giả, "dân giàu thì nước mạnh". Đúng là chúng ta không sợ người ta giàu lên, miễn là họ làm ăn đúng luật pháp. Nhưng nói thế chưa đủ. Tôi cho rằng, nên nói: *Chúng ta không sợ người làm ăn chính đáng giàu lên nhưng phải quan tâm đến người nghèo*. Đó mới là chính sách xã hội của một đảng cộng sản. Chúng ta không sợ mọi người giàu lên, nhưng lại phải xử lý những người giàu có nhờ buôn lậu, trốn thuế, phạm pháp, như thế mới có thể giữ được kỷ cương. Trong xã hội ta, vì những lý do khác nhau, có một số còn nghèo, thậm chí có người còn nghèo hơn trước đây. Mỗi cơ sở phải tìm cách giúp họ, không phải chỉ bằng "cứu tế", "bao cấp", mà với nhiều biện pháp như giúp vốn, giúp đỡ làm ruộng... để mọi người cùng đủ sống và mỗi ngày một khá lên. Ở đây, cần đặc biệt quan tâm vấn đề gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, thương binh. Đó là những người có công mà xã hội phải đền đáp. Đất nước trải qua 30 năm chiến tranh, số gia đình có công rất nhiều, Nhà nước không thể có đủ tiền giúp đỡ, cho nên phải dựa vào nhân dân. Có nhiều hình thức để giúp đỡ những người có công với cách mạng. Ở Củ Chi có "ngôi nhà tình nghĩa", làm giúp nhà cho một gia đình có nhiều con hy sinh cho cách mạng. Ở nhiều địa phương khác cũng có những hình thức giúp đỡ rất sáng tạo. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh: trong khi chúng ta chống bao cấp, thực hiện bình đẳng về mặt lợi ích, không nên quên việc "đền ơn trả nghĩa".

Thứ ba là, cần coi trọng những vấn đề thuộc lĩnh vực văn hoá ở nông thôn. Ở những nơi tôi đi công tác, công tác thông tin, tuyên truyền văn hoá ở nông thôn nhất là vùng cao,

vùng sâu rất yếu, nhiều người còn mù chữ và tái mù chữ, nhất là đồng bào vùng núi và đồng bào sống trên sông; nhiều thứ mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội phức hồi, có nơi còn nghiêm trọng hơn xưa... Chúng ta phát triển nông nghiệp phải gắn liền với xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Tôi nghe nói, trước đây công tác này làm khá, nhưng gần đây giảm sút, cần phân tích nguyên nhân, xây dựng quy hoạch, phương án, từng bước đưa ánh sáng văn hoá mới tới nông thôn.

Tất cả những vấn đề nói trên liên quan tới công tác Đảng, công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác mà chúng ta sẽ bàn trong khi Bộ Chính trị chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ năm.

7. Một số thu hoạch về sản xuất công nghiệp

Vừa qua tôi cũng đi nghiên cứu một số cơ sở dệt, may mặc, sản xuất máy phục vụ nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh. Qua khảo sát những xí nghiệp làm ăn tốt, tôi thấy họ tiến lên được là do mấy nguyên nhân chính sau đây:

a) *Tích cực đổi mới kỹ thuật* bằng cách nhập máy móc tối tân ở nước ngoài về (máy may, máy dệt kim làm được ba kiểu áo khác nhau, máy dệt kim điều khiển tự động bằng chương trình, máy nhuộm cao áp...), hoặc cải tiến các máy cũ thành máy mới (như biến máy dệt khổ hẹp thành khổ rộng), sáng chế máy mới (làm bằng ru-lô quấn thuốc lá, làm thiết bị truyền máu ở xí nghiệp Đông Phương).

Nhờ đó sản phẩm có chất lượng cao, tiêu thụ được ở nước ngoài và cạnh tranh được với hàng dệt nhập lậu vào trong nước.

b) *Tiếp cận được thị trường quốc tế và nhạy bén với thị trường trong nước*. Nhờ đó mặt hàng được thường xuyên cải tiến, sản phẩm tiêu thụ dễ, người tiêu dùng sẵn sàng mua với giá cao không chê đắt. Một số giám đốc nói với tôi rằng:

chúng tôi hiện nay cần nhất là "mặt tiền và tiền mặt", "mặt tiền" là có ý nói đến cửa hàng của xí nghiệp để giới thiệu sản phẩm thăm dò thị hiếu và qua đó tiêu thụ một số hàng hoá của xí nghiệp.

Cần nói thêm rằng, hiện nay công tác quảng cáo, chào hàng của ta chưa được chú trọng.

c) Các xí nghiệp làm ăn khá đều có *vốn tự có* bằng ngoại tệ mạnh và tiền Việt Nam Nhờ đó chủ động được nguồn nguyên liệu, gối đầu cho sản xuất năm sau, có dự trữ nguyên liệu hàng quý và nửa năm. Đồng thời, nhờ đó mở rộng được sản xuất, sắm thêm máy móc thiết bị và mở rộng nhà xưởng. Vốn tự có được tạo ra một phần quan trọng là nhờ ở liên doanh, liên kết, trong đó vai trò của công ty xuất nhập khẩu rất lớn.

d) Qua khảo sát ngành dệt, tôi thấy một số *xí nghiệp dệt làm luôn việc sản xuất quần áo*, hoặc xí nghiệp may quần áo cho nước ngoài *dùng vải dệt trong nước làm nguyên liệu*. Đây là hướng đi đúng, nhờ đó ta có lợi là bán được vải luôn. Chỉ gia công may mặc đơn thuần, còn vải do khách hàng nước ngoài đưa đến thì không có lợi bằng.

Theo phương hướng đó, việc *trồng bông* ở một số tỉnh phía Nam là rất đáng khuyến khích (Đồng Nai, Sông Bé, Long An...). Ở đây có diện tích lớn, năng suất bông cao, chất lượng tốt, nông dân có kinh nghiệm sản xuất, nước tưới không khó khăn như ở miền Trung.

đ) Những xí nghiệp làm ăn giỏi có nhiều nguyên nhân, nhưng có một nguyên nhân rất quan trọng là có *giám đốc giỏi*. Muốn nâng cao trình độ đồng đều giữa các xí nghiệp lên cần thiết phải coi trọng việc bồi dưỡng công tác lãnh đạo và quản lý cho giám đốc, tổ chức thường xuyên sinh hoạt "câu lạc bộ giám đốc", cũng như tổ chức bầu dân chủ các giám đốc, thay thế các giám đốc bảo thủ trì trệ và phẩm chất kém.

Về giá sản phẩm của xí nghiệp giao cho thương nghiệp, cho đến cuối năm 1987, tôi thấy vẫn chưa được thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 2. Cụ thể là giá giao cho thương nghiệp còn thấp, khoảng cách giữa giá này và giá

bán lẻ của thương nghiệp còn chênh lệch rất lớn. Một mét vải "xoa gân" xí nghiệp giao cho thương nghiệp là 850 đồng, thương nghiệp bán lẻ 1200 đồng, còn ở thị trường có lúc lên đến 1800 đồng. Như vậy không khuyến khích xí nghiệp. Đối với công nghiệp nặng, một số không ít sản phẩm có thể tính đủ "dầu vào". Tôi đến Vikinô, sản xuất động cơ D9, D12 cho máy kéo, nếu định tỷ giá hối đoái là 560 đồng = 1 đôla và 460 đồng = 1 rúp thì giá bán 1 máy là 500.000 đồng (với điều kiện xí nghiệp chưa cải tiến gì "hộp đen" cả). Tôi lại đến Long An hỏi nông dân có thể mua máy đó với giá bao nhiêu, họ nói: 600-700.000 đồng. Nhu cầu máy móc của nông dân Nam Bộ rất lớn. Họ thường phải mua giá cao, vì hệ thống cung ứng vật tư nhiều tầng nấc ăn "phết phẩy", hơn nữa còn có bọn trung gian làm môi giới ăn chặn. Nếu để cho xí nghiệp bán trực tiếp cho nông dân thì có thể nâng tỷ giá cao lên mà xí nghiệp vẫn có lãi và nông dân có thể mua rẻ hơn.

Qua thí dụ đó, tôi thấy sự cần thiết phải thực sự cầu thị, đi sâu đi sát cơ sở và người tiêu thụ khi định dầu vào, dầu ra và tính tỷ giá. Khả năng chuyển một bước quan trọng sang hạch toán kinh doanh, xoá bỏ lỗ và bao cấp là hoàn toàn hiện thực.

8. Một số ý kiến về quản lý của cấp trên

Qua việc đi thăm và làm việc ở hai tỉnh Sơn La và Lai Châu, tôi thấy một số chính sách của Trung ương chưa sát với tình hình thực tế của hai tỉnh này nói riêng và của miền núi nói chung. Chúng ta chưa chú ý đầy đủ đến đặc điểm từng vùng, từng miền trong việc hoạch định các chính sách và chủ trương quản lý. Đã vậy, các địa phương lại chưa biết vận dụng linh hoạt các chính sách chung vào điều kiện cụ thể từng nơi cho phù hợp.

Sau đây là một số ví dụ:

- Ở miền núi, giá bán hàng hoá cùng một chất lượng như nhau nhưng cao hơn miền xuôi rất nhiều do phí giao thông vận tải rất lớn. Một cân muối giá 25 đồng, nhưng lên đến

vùng núi cao giá là 100 đồng. Người ta nói: thà cho còn hơn bán, vì cho rẻ hơn bán.

Vậy chính sách ưu đãi miền núi nên như thế nào là đúng?

- Hàng tồn kho quá thời gian quy định bị lãi suất ngân hàng cao. Nhưng thời gian quy định cho miền núi bao nhiêu là vừa phải? Vì ở đây người ta chỉ vận chuyển được một mùa khô, nên phải lưu hàng ở kho để dùng cho cả mùa mưa.

- Nói hạch toán kinh doanh, quan hệ hàng - tiền, nhưng một số vùng núi còn phải áp dụng việc trao đổi hiện vật trong một thời gian tương đối lâu.

- Chính sách thu hút người miền xuôi lên công tác ở miền núi chưa thích đáng, nên nhiều người muốn về xuôi.

- Biên chế cho các cơ quan ở miền núi không thể như ở miền xuôi, tỷ lệ phải cao hơn, vì làng bản rộng, huyện cách tỉnh xa, đi công tác mất nhiều thời gian, trình độ cán bộ lại yếu. Ngay việc cán bộ ở miền xuôi lên công tác ở miền núi thời gian đi phép cũng mất 2-3 tháng/năm, v.v..

Một vấn đề đáng quan tâm là *nhiều huyện và xã ở miền núi quá to*. Ví dụ huyện Mường Tè (Lai Châu) to gần bằng tỉnh Thái Bình. Vì vậy tỉnh không sát huyện, huyện không sát xã. Ngay huyện Điện Biên tương đối thuận lợi, một số xã lên huyện họp đi bộ mất một ngày (các xã ở phía nam). Tỉnh đã có đề nghị chia một số huyện nhưng chưa được giải quyết.

Nên nghiên cứu thành lập phân hiệu đại học nông - lâm - thú y và phân viện nghiên cứu giống cây, giống con ở các tỉnh miền núi. Cho đến nay vẫn chưa có ai nghiên cứu giống lúa trồng cạn sao cho có năng suất cao. Trung ương nên đầu tư công nghiệp theo vùng, chọn một tỉnh làm trung tâm, tập trung sức đầu tư một số công trình có tính chất chung để chúng có thể phát huy tác dụng toàn vùng. Đầu tư phân tán cho từng tỉnh thì kém hiệu quả, tỉnh nào cũng xây dựng các cơ sở công nghiệp giống nhau, gây ra tình trạng chồng chéo, manh mún. Phần trên tôi đã nói đến tính chất đa dạng trong khoán sản phẩm, không thể nhất loạt giống nhau. Ở miền núi, nhiều nơi nên duy trì hình thức đối công, vẫn công là thích hợp. Một số hợp tác xã quy mô quá to, nên chia nhỏ hơn. Một số hợp tác xã quá kém nát lâu ngày nên tổ chức thành tổ đoàn kết sản xuất. Đồng thời cần phát triển mạnh hợp tác xã mua bán và tín dụng.

Còn ở miền Nam, những nơi nông dân sử dụng nhiều máy móc nông nghiệp thì nên khoán đến nhóm hộ là thích hợp. Đồng thời nên giao máy kéo cho hợp tác xã và tập đoàn sản xuất để làm dịch vụ cho các hộ nông dân nhận khoán.

Tóm lại, việc vạch ra các chủ trương, chính sách cũng như việc vận dụng chúng phải rất linh hoạt, sát hợp với từng nơi. Trung ương chỉ nên quy định những nguyên tắc chính, những giới hạn cần thiết, còn các hình thức và biện pháp cụ thể thì để cho các địa phương và cơ sở vận dụng.

Trên đây là một số vấn đề tôi tổng hợp chưa có hệ thống, xin sơ bộ nêu lên để các đồng chí tham khảo.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 41-QĐ/TW, ngày 26 tháng 2 năm 1988

Về việc tổ chức lại một số bộ, uỷ ban nhà nước và tổng cục

- Thi hành Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI phần nói về kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước;
Căn cứ đề nghị của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Bộ Kinh tế đối ngoại trên cơ sở hợp nhất Bộ Ngoại thương, Uỷ ban Kinh tế đối ngoại, Uỷ ban Hợp tác kinh tế với Lào và Campuchia và Ban Hợp tác chuyên gia của Hội đồng Bộ trưởng;
- Giải thể Uỷ ban Xây dựng cơ bản Nhà nước và Bộ Xây dựng để thành lập một bộ mới lấy tên là Bộ Xây dựng.
- Giải thể Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật tin học, chuyển giao nhiệm vụ của Tổng cục này cho Bộ Cơ khí và Luyện kim

phụ trách, Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định về hình thức tổ chức điện tử và tin học.

2. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trình Bộ Chính trị quyết định nhân sự chủ chốt của các bộ nói trên.

3. Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 70-TB/TW, ngày 29 tháng 2 năm 1988

Về kết quả và những việc phải làm tiếp về sắp xếp tổ chức bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể ở tỉnh, thành, huyện, quận và cấp tương đương

Ngày 21-2-1988, các đồng chí được Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phân công chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan tỉnh, thành, huyện, quận và cấp tương đương, sau khi nghe báo cáo kết quả sắp xếp bộ máy của Đảng, Nhà nước và đoàn thể ở các địa phương theo Thông báo 46-TB/TW, ngày 12-12-1987 của Ban Bí thư, đã có ý kiến như sau:

1. Qua báo cáo của các tỉnh uỷ, đảng uỷ, đặc khu uỷ và qua các hội nghị ở Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, trung du và miền núi phía bắc, nhìn chung phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của các địa phương lần này có nhiều tiến bộ: đã trên cơ sở xác định lại chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, đặc biệt là phân rõ trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước, phân rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh để định

lại cơ cấu tổ chức, giảm đầu mối tổ chức bao cấp trung gian không cần thiết, giảm cấp phó, bố trí lại cán bộ, chuyển mạnh cách làm việc theo cơ chế mới. Từ đó, có điều kiện để giảm biên chế hành chính và chuyển hoạt động của các tổ chức cho có chất lượng và hiệu quả hơn.

Bên cạnh kết quả đạt được ở trên, đối chiếu với yêu cầu và nguyên tắc sắp xếp tổ chức bộ máy trong Thông tri 11, và Thông báo 46 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, sự chỉ đạo công tác này còn một số thiếu sót:

- Một số tỉnh đến cuối tháng 2-1988 chưa có phương án chính thức báo cáo với Trung ương. Một vài nơi chưa quán triệt các yêu cầu và nguyên tắc về sắp xếp tổ chức nêu trong Thông báo 46, nên đã do dự, ngại thay đổi tổ chức, muốn giữ các tổ chức gần như cũ. Một số nơi chú ý đến việc thu gọn đầu mối, chưa quan tâm đúng mức đến những công việc bảo đảm cho tổ chức thực sự đổi mới và hoạt động có hiệu quả như: định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, từng tổ chức, bố trí lại cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, đơn vị, điều chỉnh cán bộ, sửa đổi cách làm việc, v.v..

Một số cơ quan ở trung ương, do chưa thông suốt với chủ trương và nội dung đổi mới tổ chức theo cơ chế quản lý mới muốn giữ lại tổ chức riêng của ngành ở cấp dưới, đã không tích cực ủng hộ, góp sức vào việc sắp xếp tổ chức ở các địa phương.

2. Để tiếp tục thực hiện có kết quả chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp tổ chức, yêu cầu:

a) Các cấp uỷ, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành tập trung chỉ đạo, bảo đảm trong quý I-1988 hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy tại địa phương mình.

Các tỉnh, thành phố căn cứ vào Thông báo 46 và ý kiến kết luận tại các hội nghị xét duyệt tổ chức bộ máy ở các khu vực vừa qua để quyết định sắp xếp bộ máy ở địa phương, rồi gửi báo cáo chính thức về Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Đối với những tổ chức bộ máy tỉnh, thành phố định

bố trí khác với Thông báo 46 của Ban Bí thư thì cần báo cáo, xin ý kiến trước khi quyết định.

b) Khi xây dựng và thực hiện phương án sắp xếp tổ chức bộ máy ở địa phương, cần chú ý:

- Nắm vững các quy định và hướng dẫn trong Thông báo 46-TB/TW, ngày 12-12-1987 của Ban Bí thư. Những trường hợp muốn sắp xếp tổ chức khác với sự hướng dẫn của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thì cần nêu rõ lý do để Trung ương xem xét. Các ngành ở trung ương nếu thấy điểm nào chưa phù hợp thì cần đề nghị với Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng; không được trực tiếp hướng dẫn các địa phương trái với Thông báo của Ban Bí thư.

- Việc sắp xếp tổ chức bộ máy phải tiến hành một cách đồng bộ vừa thu gọn đầu mối tổ chức, vừa làm rõ thêm về chức năng, nhiệm vụ bố trí lại cán bộ, giảm nhẹ biên chế hành chính, sửa đổi phong cách làm việc, làm cho bộ máy gọn, nhẹ hơn, giảm bớt số cán bộ quản lý mà công việc tốt hơn, nhanh hơn.

- Đối với những cơ quan cần hợp nhất, sắp xếp lại, phải làm tốt công tác tư tưởng, nhất là trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, giải quyết tốt các vấn đề về sắp xếp cán bộ, chuyển giao

tài chính, tài sản, tránh để xảy ra những sơ hở, những việc làm tiêu cực trong lúc bàn giao.

- Đối với những bộ phận công tác cần có nghiệp vụ sâu, như: thống kê, thuế, quản lý ruộng đất, nay hợp nhất với tổ chức khác, phải bảo đảm lực lượng cán bộ chuyên môn và các điều kiện hoạt động để công việc được tiếp tục tiến hành bình thường và có chất lượng cao hơn trước.

- Chỉ đạo giải quyết tốt đối với số dôi ra theo Quyết định 19 của Ban Bí thư và Quyết định 227 của Hội đồng Bộ trưởng. Đối với các cán bộ lãnh đạo và quản lý nay chuyển sang làm việc theo chế độ chuyên viên, trong khi chờ quy định mới về tiền lương, cần để được hưởng tiền lương, các chế độ, tiêu chuẩn như cũ.

- Cùng với việc sắp xếp bộ máy quản lý, các địa phương cần nhanh chóng sắp xếp lại các đơn vị sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết 3 của Trung ương và Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng.

c) Ngành ở Trung ương có các tổ chức, đơn vị nay được quyết định giao cho địa phương quản lý (tổ chức thuế, thống kê, v.v..) cần nhanh chóng bàn giao chu đáo cho địa phương, đồng thời tích cực giúp đỡ để các tổ chức, đơn vị này hoạt động bình thường.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 42-QĐ/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1988

Về đổi tên Hội Nông dân

Xét đề nghị của Đại hội Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam các tỉnh, thành phố.

Xét đề nghị của Ban trụ bị Đại hội trung ương Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam trong tờ trình gửi Ban Bí thư ngày 27-2-1988,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Nay đổi tên Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam thành Hội Nông dân Việt Nam

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 76-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 1988

Về sắp xếp bộ máy cơ quan bộ, tổng cục thuộc khối công nghiệp

Ngày 8-3-1988, các đồng chí được Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phân công chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức bộ máy đảng, nhà nước và đoàn thể đã họp để xem xét việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan các bộ, tổng cục thuộc khối công nghiệp. Tham dự cuộc họp còn có các đồng chí:

- Trần Đức Lương, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng,
- Vũ Tuân, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ,
- Vũ Ngọc Hải, Bộ trưởng Bộ Năng lượng,
- Phạm Quốc Tường, Tổng cục trưởng Tổng cục Mỏ và địa chất,
- Lê Đình Quy, Thứ trưởng Bộ Cơ khí và luyện kim,
- Trần Diệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Điện tử và kỹ thuật tin học,
- Nguyễn Văn An, Phó Ban Tổ chức Trung ương,
- Nguyễn Bích, Phó Ban Công nghiệp Trung ương,
- Trịnh Nguyên, Phó Ban Tổ chức của Chính phủ.

Sau khi nghe báo cáo của Ban Tổ chức của Chính phủ và ý

kiến phát biểu của thủ trưởng các bộ, tổng cục về phương án sắp xếp lại bộ máy cơ quan các bộ, tổng cục thuộc khối công nghiệp, các đồng chí trong Ban chỉ đạo đã có ý kiến như sau:

1. Nhìn chung phương án sắp xếp lại bộ máy các cơ quan bộ, tổng cục thuộc khối công nghiệp lần này có nhiều tiến bộ: trên cơ sở phân biệt chức năng quản lý nhà nước và chức năng sản xuất kinh doanh, các bộ, tổng cục đã sắp xếp bộ máy cơ quan bộ, tổng cục tương đối gọn, nhẹ, hợp lý. Các bộ, tổng cục cần định rõ chức trách, nhiệm vụ của từng tổ chức, định lại quy chế làm việc của các vụ, bố trí cán bộ phù hợp với nhiệm vụ của tổ chức mới, bảo đảm công việc được nhanh và có hiệu quả hơn trước.

2. Về các tổ chức cụ thể, đồng ý với phương án của các bộ, tổng cục thuộc khối công nghiệp như sau:

a) Các tổ chức mà các bộ, tổng cục đều phải có:

- Vụ Kế hoạch,
- Vụ Khoa học và kỹ thuật,
- Vụ Tổ chức cán bộ và lao động,
- Vụ Hợp tác quốc tế,
- Văn phòng.

b) Một số bộ, tổng cục có thêm hoặc được tạm thời duy trì trong một thời gian các tổ chức sau đây:

- Tổng cục Mỏ và địa chất có thêm Cục Bảo vệ tài nguyên khoáng sản.
- Tổng cục Dầu khí có thêm Cục Bảo vệ và thanh tra.
- Bộ Năng lượng có thêm Ban Giám sát điện năng.
- Vụ Xây dựng cơ bản được duy trì ở Bộ Năng lượng, Tổng cục Dầu khí và Tổng cục Hoá chất.
- Vụ Tài chính - kế toán được duy trì ở Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Cơ khí và luyện kim, Bộ Năng lượng và Tổng cục Hoá chất.

c) Các công việc khác được sắp xếp lại như sau:

- Công tác thanh tra, có một số chuyên viên giúp bộ, tổng cục đặt trong văn phòng.
- Công tác động viên do Vụ Kế hoạch phụ trách.

Vụ không có phòng; mỗi vụ có một vụ trưởng, một vụ phó, vụ làm việc theo chế độ chuyên viên. Các vụ trưởng, vụ phó cũng phải trực tiếp phụ trách một số chuyên đề như các chuyên viên khác.

Hội đồng Bộ trưởng sẽ có quyết định cụ thể về bộ máy của từng bộ, tổng cục.

3. Biên chế của các vụ, văn phòng thuộc các bộ, tổng cục nói trên nhiều nhất không quá 150 người. Các bộ, tổng cục, sau khi định rõ chức danh, tiêu chuẩn và định mức biên chế cho từng vụ và văn phòng xong sẽ thực hiện khoán quỹ lương. Nếu bộ, tổng cục tiếp tục giảm được biên chế thì sẽ được giữ lại số lương của biên chế đã giảm để trả thêm cho số người còn lại.

Sau khi xác định biên chế cho các vụ, số người dôi ra được tách thành quỹ lương riêng và giải quyết theo Quyết định 19 của Ban Bí thư và Quyết định 227 của Hội đồng Bộ trưởng. Đối với những cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo nay chuyển sang làm việc theo chế độ chuyên viên, nếu công việc mới chưa có điều kiện chuyển ngang hoặc trả lương cao hơn lương chức vụ hiện nay, thì được giữ nguyên lương và các chế độ cho đến khi có chủ trương mới.

Cùng với việc sắp xếp biên chế cho các vụ, văn phòng, đồng chí bộ trưởng, tổng cục trưởng cần chuẩn bị để kiện toàn lãnh đạo bộ, tổng cục theo hướng mỗi bộ, tổng cục chỉ có một trưởng và nhiều nhất là ba thứ trưởng (hoặc phó tổng cục trưởng).

4. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức của Chính phủ phối hợp với các cơ quan có liên quan của Đảng và Nhà nước nghiên cứu trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sửa đổi chế độ trả lương đối với các chuyên viên, quy định lại thành phần và nhiệm vụ của hội đồng bộ, tổng cục, bảo đảm cho tổ chức này gọn, nhẹ nhưng làm việc thiết thực tránh hình thức.

5. Ban Tổ chức Chính phủ và Ban Đảng có liên quan giúp các đồng chí Bí thư và Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ

trách lĩnh vực sắp xếp các bộ, tổng cục còn lại, trước hết là các bộ thuộc khối tổng hợp để tạo điều kiện cho các bộ hoạt động theo tổ chức mới được thuận lợi.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 31-CT/TW, ngày 22 tháng 3 năm 1988

Về thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về văn hoá, văn nghệ

Ngày 28-11-1987, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 05-NQ/TW về: "Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hoá, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hoá phát triển lên một bước mới".

Đây là một nghị quyết quan trọng, đề cập đến nhiều vấn đề cơ bản và cấp bách của văn hoá, văn nghệ: đánh giá tình hình văn hoá, văn nghệ thời gian qua, đặc biệt từ 1975 lại đây; xác định vai trò, vị trí, nhiệm vụ, chủ trương phát triển văn hoá, văn nghệ trong sự nghiệp cách mạng của Đảng trong công cuộc đổi mới hiện nay; nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý, phát huy khả năng sáng tạo, bảo đảm cho văn hoá, văn nghệ phát triển thuận lợi, đúng hướng.

Để thực hiện Nghị quyết nói trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt một số việc sau đây:

1. *Tổ chức nghiên cứu quán triệt nghị quyết* trong các cấp uỷ đảng, trong cán bộ lãnh đạo các ngành từ trung ương đến cơ

sở, trong các cán bộ, đảng viên đang trực tiếp làm công tác văn hoá, văn học, nghệ thuật. Để nghiên cứu có kết quả tốt, cần chuẩn bị chu đáo, huy động một số cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hoá, văn nghệ và cán bộ tuyên huấn có trình độ tham gia; trong quá trình nghiên cứu, cần lưu ý cả những vấn đề lý luận và thực tiễn, những vấn đề liên quan đến văn nghệ sĩ, công chúng và công tác lãnh đạo, quản lý.

Khi nghiên cứu nghị quyết, cần nắm vững các vấn đề sau đây:

- Đảng ta coi trọng vai trò và tác dụng to lớn của văn hoá, văn nghệ trong sự nghiệp cách mạng, trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xem văn hoá, văn nghệ là "nhu cầu thiết yếu trong đời sống tinh thần của xã hội", là "lĩnh vực sản xuất tinh thần tạo ra những giá trị văn hoá, những công trình nghệ thuật được lưu truyền từ đời này sang đời khác", bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm tốt đẹp, xây dựng nhân cách và môi trường đạo đức xã hội Việt Nam.
- Văn hoá, văn nghệ tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người, vì vậy văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính đảng và tính nhân dân, phục vụ tốt hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, sớm phát hiện và biểu dương cái mới, cái tốt, mạnh dạn phê phán những mặt tiêu cực cản trở sự đổi mới của xã hội.
- Anh chị em văn nghệ sĩ cần nhận thức đúng vai trò và trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp đổi mới, không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ mọi mặt để làm tròn vai trò người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, văn nghệ.
- Đầu tư cho sự nghiệp văn hoá để phục vụ con người, xây dựng con người mới... là một sự đầu tư không chỉ nhằm giải quyết những nhu cầu cấp bách, trước mắt, mà còn có ý nghĩa cơ bản, lâu dài. Cần chăm lo đời sống các nhà hoạt động văn hoá, các văn nghệ sĩ, tạo điều kiện tốt về tinh thần và vật chất "để văn hoá, văn nghệ làm tốt vai trò xã hội với chức năng cao cả của nó", để văn nghệ sĩ phát huy hết khả năng phục vụ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

- Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn hoá, văn nghệ của các cấp uỷ đảng, cán bộ các cấp cho phù hợp với tính đặc thù là yếu tố có ý nghĩa quyết định để khai thác mọi tiềm năng sáng tạo, phát triển sự nghiệp văn hoá, văn nghệ một cách thuận lợi, chống lối gò ép, thiếu dân chủ nhưng đồng thời chống buông lỏng, thả nổi trong việc lãnh đạo, quản lý văn hoá, văn nghệ.

Ban Bí thư sẽ triệu tập một hội nghị gồm các đồng chí lãnh đạo tỉnh, thành uỷ và các ban, ngành ở trung ương để nghiên cứu nghị quyết Bộ Chính trị về văn hoá, văn nghệ.

2. Giải quyết tốt một số vấn đề về tổ chức

- Củng cố các tổ chức đảng, coi trọng việc xây dựng đảng trong các tổ chức, các cơ quan văn hoá, văn nghệ; kiện toàn bộ phận tham mưu của các cấp uỷ đảng về văn hoá, văn nghệ từ trung ương đến địa phương, bao gồm những cán bộ nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng về văn hoá, văn nghệ, am hiểu lĩnh vực này và có quan hệ tốt với các nhà hoạt động văn hoá và văn nghệ sĩ.

- Các tỉnh, thành cần quan tâm lãnh đạo, củng cố và tạo điều kiện cần thiết về cán bộ, kinh phí, xuất bản và các cơ sở vật chất để các hội văn nghệ ở địa phương hoạt động đúng hướng và có chất lượng. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong cấp uỷ tăng cường tiếp xúc và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sáng tác và biểu diễn của các văn nghệ sĩ và các nhà hoạt động văn hoá, bồi dưỡng cho anh chị em thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng, đường lối, chính sách của Đảng.

- Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương phối hợp với Bộ Văn hoá, Uỷ ban trung ương Liên hiệp văn học, nghệ thuật và các hội sáng tác ở trung ương xây dựng đề án về tổ chức các hội đồng nghệ thuật để trình Ban Bí thư vào quý II - 1988. Sau khi có chỉ thị của Ban Bí thư, các cấp uỷ đảng và cấp chính

quyền lập các hội đồng nghệ thuật quốc gia, hội đồng nghệ thuật địa phương, hội đồng nghệ thuật cơ sở bao gồm những người có uy tín và am hiểu về một ngành nghệ thuật hoặc một số ngành nghệ thuật gần nhau.

- Xúc tiến thành lập Quỹ văn hoá Việt Nam do một đồng chí là nhà hoạt động văn hoá hoặc là văn nghệ sĩ có đạo đức và tài năng, có uy tín làm trưởng ban vận động thành lập Quỹ văn hoá Việt Nam.

- Học viện Nguyễn Ái Quốc phối hợp với Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương xúc tiến xây dựng khoa văn hoá xã hội chủ nghĩa tại Học viện và các trường đảng; trong năm 1988, có chương trình, kế hoạch bồi dưỡng lý luận và đường lối văn hoá, văn nghệ cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ phụ trách văn hoá, văn nghệ các cấp.

- Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương và các ban của Trung ương Đảng có liên quan giúp Ban Bí thư theo dõi các hội sáng tác trung ương trong việc chuẩn bị và tiến hành đại hội trong năm 1988 theo đúng tinh thần nghị quyết Bộ Chính trị và Thông tri của Ban Bí thư ngày 23-6-1987 về đại hội các hội văn học nghệ thuật.

- Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác văn hoá, văn nghệ quần chúng và phần văn hoá, văn nghệ trên các sách và báo chí, lựa chọn nhập khẩu và sử dụng các phim điện ảnh, các băng ghi hình và các văn hoá phẩm khác của nước ngoài.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hoá, văn nghệ có trình độ chính trị vững vàng, có trình độ kiến thức về văn học, nghệ thuật; có phẩm chất đạo đức cách mạng và lối sống

lành mạnh, thực sự trở thành người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá, văn học, nghệ thuật.

3. Xây dựng chế độ, chính sách về văn hoá, văn nghệ

- Bộ Văn hoá phối hợp với các hội sáng tác, Bộ Thông tin, Bộ Tài chính, Bộ Lao động và các cơ quan khác nghiên cứu xây dựng để sớm ban hành một hệ thống luật và chính sách về lao động nghệ thuật, về xuất bản, về hoạt động kinh tế..., nhằm khuyến khích sự sáng tạo, bảo đảm cho văn hoá, văn nghệ phát triển thuận lợi và đúng hướng. Trước mắt phải hoàn chỉnh các đề án và trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành trong quý II - 1988 chế độ nhuận bút mới và quy chế về quỹ các hội văn học nghệ thuật.

- Các cơ quan có trách nhiệm (Ủy ban giải thưởng Nhà nước, các hội đồng nghệ thuật, Ủy ban trung ương Liên hiệp văn học nghệ thuật, các hội sáng tác, Bộ Văn hoá...) cần tiến hành đều kỳ việc xét tặng giải thưởng văn học, nghệ thuật, danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân và Nghệ sĩ ưu tú để khuyến khích sự sáng tạo, nâng cao chất lượng nghệ thuật.

- Trong quý III-1988, Ban Bí thư ra chỉ thị về công tác phê bình văn học, nghệ thuật và xây dựng lực lượng nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật.

Nghị quyết của Bộ Chính trị đề cập một cách toàn diện đến nhiều vấn đề cơ bản và cấp bách trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, các cấp, các ngành cần nghiên cứu và thực hiện cho tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 29-CT/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1988

Về kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh
Chủ tịch Tôn Đức Thắng
(20-8-1888 - 20-8-1988)

Ngày 20-8 năm nay, toàn Đảng và toàn dân ta sẽ kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20-8-1888 - 20-8-1988).

Chủ tịch Tôn Đức Thắng sinh trong một gia đình nông dân nghèo tại cù lao Ông Hổ (nay là xã Mỹ Hoà Hưng), thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang. Được rèn luyện trong truyền thống quật cường của quê hương, đất nước, đồng chí sớm đứng vào hàng ngũ các chiến sĩ lớp đầu của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta. Đồng chí là một trong những người bạn chiến đấu thân thiết lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến. Hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, đồng chí đã tham gia cuộc nổi dậy của hải quân Pháp ở Hắc Hải, góp phần bảo vệ Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới.

Trên sáu mươi năm hoạt động cách mạng, khi trong ngục tù của đế quốc ở Côn Đảo, cũng như lúc tuổi cao, trên cương vị Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được trao giữ trọng trách lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo Mặt trận Dân tộc thống nhất, đồng chí luôn luôn trung thành tuyệt đối với cách mạng, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh vĩ đại vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Đồng chí Tôn Đức Thắng là một gương mẫu đạo đức cách mạng: suốt đời cần kiệm, liêm chính, suốt đời hết lòng, hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân".

Để kỷ niệm trọng thể, thiết thực lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Ban Bí thư yêu cầu các ngành, các cấp:

1. Mở một đợt tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về tấm gương sống và chiến đấu trọn một đời cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản tiêu biểu Tôn Đức Thắng: ra sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương. Kết hợp chặt chẽ đợt tuyên truyền, giáo dục này với cuộc vận động "làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội". Chú ý các đối tượng công nhân và thanh niên, thiếu nhi. Các nhà lưu niệm, phòng truyền thống, bảo tàng truyền thống nói chung và ngành văn hoá, văn nghệ cần có kế hoạch hoạt động cụ thể.

2. Để chuẩn bị cho lễ kỷ niệm, Bộ Văn hoá, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang sưu tầm hoàn chỉnh tư

liệu, tài liệu về cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch

Tôn Đức Thắng để trưng bày ở bảo tàng tỉnh An Giang; tu sửa, tôn tạo di tích của Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại quê hương.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tổ chức lễ kỷ niệm trọng thể tại Thủ đô. Tỉnh An Giang, tỉnh quê hương Bác Tôn cũng tổ chức mít tinh kỷ niệm trọng thể.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 30-CT/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1988

Về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội

Chính sách hậu phương quân đội là một bộ phận quan trọng trong chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình mới, *việc tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội càng có ý nghĩa hết sức quan trọng*. Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành:

1. Thường xuyên giáo dục trong toàn dân về mối quan hệ khăng khít giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, về đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, đề cao trách nhiệm chính trị của mỗi công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vận động phong trào tự giác chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự; thực hiện đúng chính sách, bảo đảm công bằng; ngăn ngừa và xử lý nghiêm những hiện tượng tiêu cực trong quá trình thực hiện.

2. Nêu cao vinh dự và trách nhiệm của gia đình quân

nhân tại ngũ đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Tổ chức quản lý và chăm sóc những gia đình có quân nhân đang làm nhiệm vụ ở biên giới, đảo xa và làm nhiệm vụ quốc tế. Giúp đỡ thiết thực những gia đình quân nhân neo đơn đang gặp khó khăn, bảo đảm cho gia đình có mức sống như mức sống trung bình của nhân dân địa phương.

Có kế hoạch dành ngân sách, vật tư giải quyết từng bước vấn đề nhà ở cho gia đình sĩ quan quân đội theo phương hướng Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 27-5-1983 và Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 30-7-1987 của Bộ Chính trị. Trong kế hoạch xây dựng nhà ở của từng địa phương phải dành tỷ lệ thích đáng về diện tích hoặc nguyên liệu, vật liệu để giải quyết cho những cán bộ quân đội về hưu quá khó khăn về nhà ở.

3. Quan tâm chỉ đạo thu hút quân nhân phục viên, xuất ngũ vào tổ chức sinh hoạt phù hợp ở cơ sở nhằm quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên sẵn sàng chiến đấu tốt, phát huy vai trò nòng cốt trong lao động sản xuất, xây dựng hậu phương; ưu tiên sắp xếp vào các ngành nghề lao động ở các khu vực kinh tế tập thể; ưu tiên tuyển chọn đi lao động hợp tác ở nước ngoài theo đúng Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 11-7-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

4. Số cán bộ quân đội về hưu ngày càng tăng. Đây là lớp người đã có nhiều cống hiến trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Cần chú trọng thực hiện tốt các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước về chăm sóc các đồng chí cán bộ quân đội về hưu.

Động viên cán bộ quân đội về hưu phát huy bản chất cách mạng tốt đẹp của quân đội, tích cực tham gia sinh hoạt ở cơ sở, tùy theo điều kiện sức khỏe và hoàn cảnh gia đình mà tiếp tục đóng góp sức mình vào các phong trào ở địa phương.

5. Chăm lo xây dựng lực lượng quân nhân dự bị, dân quân tự vệ đáp ứng yêu cầu phòng thủ chiến lược của đất nước. Chú ý

bảo đảm những yêu cầu thiết yếu về sinh hoạt của quân nhân dự bị và dân quân tự vệ trong thời gian tập trung làm nhiệm vụ quân sự; thực hiện các chính sách miễn giảm nghĩa vụ lao động công ích ở địa phương cho phù hợp; nghiên cứu hình thức đảm phụ quốc phòng thích hợp trong nhân dân để góp phần phục vụ tốt hơn công tác quân sự địa phương.

6. Tiếp tục giải quyết gọn, chu đáo những vấn đề còn đọng lại sau các cuộc chiến tranh; tổ chức sớm việc cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ ở các chiến trường; mở cuộc vận động đón thương binh nặng về làng, chăm sóc ngày càng tốt hơn thương binh nặng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thương binh nặng và con liệt sĩ, tổ chức việc học nghề, sắp xếp vào các ngành nghề thích hợp cho thương binh hoặc giúp đỡ phát triển kinh tế gia đình; có kế hoạch từng bước xây dựng các tượng đài chiến thắng ở các khu vực có ý nghĩa lịch sử lớn để giáo dục truyền thống; tiếp tục đẩy mạnh với chất lượng cao hơn cuộc vận động phấn đấu trở thành "người công dân kiểu mẫu" và "gia đình cách mạng gương mẫu" trong thương binh và gia đình liệt sĩ.

7. Bộ Quốc phòng phối hợp với các bộ, các ngành, các đoàn thể quần chúng chỉ đạo, theo dõi, quản lý việc thực hiện các chính sách hậu phương quân đội, chuẩn bị các nội dung chính sách cần thiết báo cáo Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng để ra các quyết định thi hành; cùng với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cải tiến việc phân

công giải quyết quyền lợi đối với các đối tượng chính sách cho phù hợp.

Các bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành làm tham mưu cho các cấp uỷ địa phương đề ra và thực hiện các chính sách hậu phương quân đội.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện tốt chức năng của mình; phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng giải quyết chu đáo những vấn đề chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sĩ; bảo đảm cơ sở vật chất, trang bị phương tiện chuyên dùng chăm sóc tốt hơn thương, bệnh binh nặng, thương binh có vết thương đặc biệt gặp nhiều khó khăn, tạo điều kiện cho các đồng chí đó có đời sống ổn định. Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phát huy sức mạnh tổng hợp, vận động toàn dân chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội, bảo đảm công bằng xã hội và tình nghĩa sâu đậm đối với những người đã cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Hàng năm, vào dịp ngày thành lập Quân đội nhân dân (22-12) chỉ đạo tổ chức tốt ngày hội truyền thống quân dân với những hoạt động thiết thực.

Ban Tổ chức cùng các ban khác của Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 33-CT/TW, ngày 28 tháng 3 năm 1988

Về việc lãnh đạo thi hành Luật đất đai

Luật đất đai đầu tiên của nước ta đã được Quốc hội khoá VIII kỳ họp thứ hai chính thức thông qua và công bố, đây là một bước tiến bộ quan trọng trong việc thể chế hoá đường lối chính sách của Đảng, có ý nghĩa to lớn về kinh tế - xã hội và pháp lý, thể hiện tinh thần đổi mới nhằm từng bước đưa công tác quản lý và sử dụng đất đai vào kỷ cương chặt chẽ, khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân sử dụng đất yên tâm đầu tư khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng đất đai, triệt để tiết kiệm đất... góp phần vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI và các Nghị quyết Trung ương lần thứ hai, ba, bốn.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt những việc sau đây:

1. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang nhân dân và các cơ quan nhà nước từ trung ương đến cơ sở phải có kế hoạch cụ thể và chỉ đạo chặt chẽ việc phổ biến quán triệt tư tưởng cơ bản và những quy định cụ thể của Luật đất đai trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ

và toàn thể nhân dân. Coi đây là một dịp sinh hoạt chính trị rộng rãi trong nhân dân, làm cho mọi công dân hiểu rõ và chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của Luật, khắc phục mọi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai.

2. Trong quá trình thi hành Luật, các cấp, các ngành, các đơn vị phải tăng cường kiểm tra, phát hiện và có biện pháp để uốn nắn những lệch lạc, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, công bằng, dứt điểm đối với những tổ chức và cá nhân vi phạm chế độ quản lý và sử dụng đất đai theo quy định của Luật; đồng thời biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức và cá nhân chấp hành tốt.

3. Hội đồng Bộ trưởng sớm ban hành đồng bộ các văn bản giải thích, hướng dẫn thi hành Luật; soát xét lại các quy định về quản lý và sử dụng đất đai đã có, sửa đổi ngay những điểm không phù hợp với quy định mới của Luật.

Kiện toàn cơ quan quản lý đất đai ở trung ương và địa phương đủ mạnh để giúp Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân địa phương quản lý việc sử dụng đất đai thống nhất trong cả nước.

4. Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý đất đai ở trung ương phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng có chương trình giới thiệu, giải thích, hướng dẫn có hệ thống những nội dung cơ bản của Luật đất đai bằng nhiều hình thức hợp với từng vùng. Phát hành rộng rãi loại sách bỏ túi về Luật đất đai và những điều giải thích, hướng dẫn cụ thể thi hành Luật.

5. Các cấp ủy địa phương và các ngành trung ương cần tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo việc thi hành Luật đất đai ở địa phương mình, ngành mình gắn chặt với cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội trong cán bộ và toàn thể nhân dân đạt được kết quả tốt.

Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc các ngành, các địa phương thi hành Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 32-CT/TW, ngày 29 tháng 3 năm 1988

Về công tác của Tạp chí *Cộng sản*

Tăng cường công tác lý luận là yêu cầu cấp thiết và lâu dài của Đảng ta. Với tư cách là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương, trong tình hình mới, Tạp chí *Cộng sản* phải soi sáng những luận điểm, kết luận của Đại hội VI trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng, an ninh, quốc phòng, đối ngoại và xây dựng đảng; giải thích sâu sắc những bài học quý báu của cách mạng nước ta mà Đại hội VI đã tổng kết; lý giải những vấn đề mới do thực tiễn cách mạng nước ta đề ra. Tạp chí phải tích cực góp phần chuẩn bị Đại hội lần thứ VII của Đảng về mặt lý luận.

Tạp chí *Cộng sản* cần phân tích một cách khoa học những quan điểm của Lênin về chủ nghĩa xã hội, vận dụng những nguyên lý cơ bản, nhất là phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin mà phân tích tình hình thực tế nước ta một cách sâu sắc, từ đó làm sáng tỏ tính đặc thù của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nội dung biên tập của Tạp chí cần tập trung vào các vấn đề: đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, cán bộ, phong cách và đổi mới cơ chế quản lý trong kinh tế, dân

chủ hoá, xây dựng đảng, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, đồng thời phê phán những quan điểm ấu trĩ, sai lệch về chủ nghĩa xã hội. Tạp chí *Cộng sản* phải tiên phong đấu tranh cho sự đổi mới tư duy theo tinh thần của Đại hội VI, kiên quyết chống mọi sự bảo thủ, trì trệ, mọi biểu hiện của khuôn sáo, đồng thời đấu tranh chống chủ nghĩa duy ý chí, chống mọi biểu hiện của nóng vội, chủ quan.

Tạp chí *Cộng sản* phải góp phần vào việc phát triển các môn khoa học xã hội (và trên mức độ nhất định, đóng góp thúc đẩy khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật) ở nước ta, chủ yếu bằng cách nêu lên những chỉ dẫn có tính chất phương pháp luận đối với sự phát triển các môn khoa học đó.

Hiện nay Trung ương đang chuẩn bị dự thảo Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở nước ta và Chiến lược kinh tế - xã hội. Tạp chí cần có những bài thể hiện những thành quả nghiên cứu về những vấn đề quan trọng mang tính cương lĩnh và chiến lược ấy. Đồng thời Tạp chí *Cộng sản* cần chuẩn bị tốt cho việc tuyên truyền những ngày kỷ niệm lớn trong năm 1990 (kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng, kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập nước, kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm lần thứ 15 ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và kỷ niệm lần thứ 120 ngày sinh của Lênin). Việc làm thiết thực của cơ quan lý luận của Đảng là góp phần rút ra những bài học từ những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng hiện nay và tổng kết những kinh nghiệm lịch sử trong các quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Nhằm nâng cao chất lượng, nâng cao tính lý luận và tính chiến đấu theo những yêu cầu trên đây, Tạp chí *Cộng sản* phải đổi mới cả nội dung và hình thức. Tạp chí phải kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tế, hết sức coi trọng yêu cầu của đông đảo bạn đọc. Tạp chí cần có hình thức và biện pháp khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của các nhà khoa học, của

những cán bộ quản lý có kinh nghiệm, mở ra những mục tranh luận dân chủ trên những vấn đề lớn mang tính lý luận và thực tiễn cao. Nói chung các bài cần ngắn gọn, súc tích, có hàm lượng thông tin lớn, có chất lượng lý luận. Tạp chí cần dành một tỷ lệ trang nhất định để đăng những ý kiến của bạn đọc góp phần xây dựng đảng và hoàn chỉnh đường lối, chính sách của Đảng. Tạp chí có những mục giới thiệu kinh nghiệm của các nước anh em, đọc sách báo nước ngoài, thông tin kịp thời và có chọn lọc những vấn đề mới về lý luận cũng như về thực tiễn trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa cũng như trong phong trào cộng sản quốc tế. Tạp chí cần tiến tới mở mục điểm sách, báo trong nước có tác dụng thông tin và hướng dẫn bạn đọc theo đường lối của Đảng. Cho phép tạp chí được thông tin có chọn lọc những quan điểm, những nhận thức khác nhau của các đảng anh em trên những vấn đề lớn của chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích khuyến khích tính đa dạng trong tư duy và tính sáng tạo trong xây dựng các mô hình của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở bảo vệ sự đoàn kết và thống nhất của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Vừa coi trọng công tác nghiên cứu lý luận của bản thân cán bộ biên tập, vừa coi trọng việc huy động những cộng tác viên có tài năng vào việc viết bài cho Tạp chí, Bộ biên tập Tạp chí *Cộng sản* phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu lý luận và khoa học khác của Đảng và Nhà nước trong công tác nghiên cứu lý luận, tổ chức hội thảo khoa học.

Bộ biên tập Tạp chí *Cộng sản* cần cải tiến công tác bạn đọc và phát hành, cải tiến tổ chức và lề lối làm việc của mình, làm cho tạp chí gắn bó hơn nữa với cuộc sống, thường xuyên

tiếp cận với bạn đọc, đặc biệt quan hệ mật thiết với các cấp ủy đảng địa phương.

Để tạo điều kiện cho Tạp chí *Cộng sản* hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng sẽ tăng cường chỉ đạo Tạp chí theo quy chế làm việc của Trung ương. Đồng chí Tổng biên tập Tạp chí *Cộng sản* được phép dự một số cuộc họp của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Ban Tổ chức Trung ương điều động cán bộ có năng lực nghiên cứu và biên tập cho Tạp chí. Học viện

Nguyễn Ái Quốc giúp Bộ biên tập đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ khoa học. Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cần có chế độ, chính sách và có kế hoạch bồi dưỡng sức khỏe, chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên công tác ở Bộ biên tập Tạp chí *Cộng sản*. Ngoài ra, các cơ quan có trách nhiệm cần cung cấp thêm máy in, giấy, các phương tiện đi lại và các phương tiện vật chất, tài chính khác để Bộ biên tập Tạp chí *Cộng sản* có điều kiện thuận lợi tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và đi thực tế, mở rộng công tác phát hành Tạp chí đến tận các cơ sở và có một phần thích đáng bán lẻ cho bạn đọc.

Các cấp ủy đảng cần tổ chức sử dụng Tạp chí có hiệu quả trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cho phép các đảng bộ cơ sở và chi bộ đảng viên được sử dụng đảng phí mua

Tạp chí *Cộng sản*. Các đồng chí giữ trách nhiệm chủ chốt của các ngành và các địa phương cần quan tâm góp ý kiến nhận xét, phê bình và viết bài cho Tạp chí.

Báo *Nhân dân*, Báo *Quân đội nhân dân*, *Đài Tiếng nói Việt Nam* và *Đài Truyền hình Việt Nam* cần giới thiệu nội dung chủ yếu của mỗi số Tạp chí.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 10-NQ/TW, ngày 5 tháng 4 năm 1988

Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp

I- TÌNH HÌNH TỔ CHỨC SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP HIỆN NAY

Hiện nay, chế độ chiếm hữu ruộng đất và bóc lột phong kiến ở nông thôn đã hoàn toàn bị xoá bỏ, đại bộ phận nông nghiệp nước ta đã được hợp tác hoá. Công cuộc hợp tác hoá và việc phát triển các cơ sở quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp, các hệ thống tổ chức nghiên cứu, thực nghiệm và đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật nông nghiệp đã có tác dụng tích cực mở mang thuỷ lợi, đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, thực hiện thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, xây dựng nông thôn mới và góp phần củng cố quốc phòng, an ninh. Những chủ trương, chính sách đối với nông nghiệp từ Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (Khoá IV) đến nay, nhất là chủ trương "khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp", đã tháo gỡ nhiều vướng mắc, bước đầu khơi dậy tinh thần làm chủ, phấn khởi của người lao động, tạo nên động lực thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Việc trồng rừng và thực hiện nông -

lâm kết hợp có tiến bộ. Sản lượng khai thác, xuất khẩu thủy sản tăng khá; nuôi trồng thủy sản gần đây được chú ý. Trong sản xuất và quản lý, xuất hiện một số mô hình tốt và những nhân tố mới.

Nhưng trong những năm qua, nông nghiệp nước ta phát triển chậm, tỷ suất hàng hoá thấp, nhiều vùng vẫn chưa thoát khỏi tình trạng tự cấp, tự túc, chia cắt và độc canh. Vài ba năm gần đây, trên một số mặt sản xuất, nhất là lương thực, giảm sút. Rừng tiếp tục bị phá hoại nghiêm trọng; môi trường sinh thái không được bảo vệ tốt. Hủ tục mê tín, dị đoan và tệ nạn xã hội rượu chè, cờ bạc, v.v. có chiều hướng phát triển.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là do lãnh đạo và chỉ đạo đã có những khuyết điểm chính như sau:

- Chưa có chiến lược đúng về phát triển kinh tế - xã hội để từng bước tạo ra cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Chưa tập trung đúng mức cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp, đặc biệt là cho phát triển lương thực, thực phẩm. Chưa kết hợp chặt chẽ nông, lâm, ngư nghiệp. Chưa gắn công nghiệp với nông nghiệp, nhất là công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất cho nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Chưa đầu tư thỏa đáng cho việc nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất. Việc sử dụng vốn đầu tư trực tiếp cho nông nghiệp lãng phí lớn, ít hiệu quả. Đến nay, trình độ kỹ thuật của sản xuất nông nghiệp còn rất thấp, chưa bảo đảm tưới, tiêu chủ động và hợp lý cho các vùng trọng điểm lúa, cung ứng đủ công cụ, vật tư cần thiết cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Trong tổ chức lại sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp, đã nhận thức giản đơn về chủ nghĩa xã hội, về chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, không nắm vững quy luật quan hệ sản xuất nhất định phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, không nắm vững đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng và không quán triệt nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân

chủ. Đã chủ quan, nóng vội trong cải tạo, gò ép nông dân vào hợp tác xã, tập đoàn sản xuất; đưa hợp tác xã lên quy mô to, trình độ cao, tập thể hoá triệt để tư liệu sản xuất trong khi chưa có đủ điều kiện; áp dụng máy móc những hình thức tổ chức và quản lý giống nhau vào các vùng và các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất khác nhau. Trong một thời gian dài thiếu chính sách khuyến khích kinh tế gia đình, chưa có chính sách sử dụng đúng đắn kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân; chưa tổ chức tốt việc liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế. Chậm hình thành và củng cố các công ty, liên hiệp xí nghiệp vùng và một số tổng công ty cần thiết. Chưa có điều tra, nghiên cứu về tình hình chuyển biến giai cấp và xã hội ở nông thôn để có chính sách kinh tế, xã hội đúng đắn nhằm tăng cường, củng cố công - nông liên minh, tăng cường đoàn kết nhân dân lao động, ngăn ngừa và khắc phục tình trạng tư nhân cho vay nặng lãi và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp theo những hình thức và bước đi thích hợp.

- Chưa có chủ trương đồng bộ để củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông, lâm, ngư nghiệp về cả ba mặt: quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối. Trong các cơ sở quốc doanh cũng như tập thể, đã duy trì cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp và chế độ phân phối bình quân quá lâu. Nhiều cơ sở kinh tế quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp thua lỗ kéo dài. Trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, việc phân chia ruộng đất quá manh mún, tệ rong công, phóng điểm, tình trạng phân phối lương thực và thu nhập bình quân, hợp tác xã và xã viên phải gánh chịu quá nhiều khoản "bao cấp cho xã hội", "bao

cấp qua giá" và nạn chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, tham ô, lợi dụng của cán bộ nhiều nơi đang làm cho nông dân xã viên thiếu phấn khởi, gây trở ngại cho phát triển sản xuất.

- Có nhiều sai lầm trong các chính sách lớn đối với nông nghiệp. Chưa có chính sách khuyến khích thoả đáng đối với vùng và người trồng cây lương thực. Các chính sách trong quan hệ giữa Nhà nước với hợp tác xã và nông dân đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng chưa được thể chế hoá kịp thời và thực hiện một cách triệt để, nhất quán.

- Hệ thống cung ứng vật tư chậm sửa đổi tổ chức và phương thức hoạt động, có nhiều tiêu cực; vật tư của Nhà nước chạy vòng vèo qua nhiều tầng nấc trung gian và bị thất thoát lớn, nông dân phải mua với giá cao, làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất.

- Hệ thống tổ chức quản lý từ trung ương xuống cơ sở có nhiều bất hợp lý, ngày càng chồng chéo, quan liêu, kém hiệu lực. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đông, tập trung nhiều ở các cơ quan bên trên và chưa được bố trí, sử dụng đúng đắn. Đội ngũ cán bộ quản lý ở cơ sở yếu, chậm được đào tạo, bồi dưỡng.

- Công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao kiến thức văn hoá, khoa học kỹ thuật cho nông dân và vận động thực hiện nếp sống mới ở nông thôn chưa tốt.

- Tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn và trong các đơn vị kinh tế nông nghiệp ở nhiều nơi còn yếu. Nhiều chi bộ nông thôn gồm các đảng viên được phát triển theo dòng họ, theo bè cánh thôn, xóm, thậm chí để cả những phần tử xấu lợi dụng

chui vào Đảng; sinh hoạt chi bộ thiếu tính chiến đấu và tính giáo dục; không kiên quyết kịp thời xử lý những phần tử thoái hoá, biến chất, những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm tham ô, lợi dụng, ức hiếp quần chúng nghiêm trọng, làm cản trở cho việc thực hiện thông suốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các nhược điểm, khuyết điểm trên đây cùng với các sai lầm về chính sách giá, lương, lưu thông hàng hoá và tình trạng lạm phát quá cao hiện nay làm cho việc phát triển sản xuất và đổi mới quản lý nông nghiệp thêm trì trệ.

II- ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp phải đạt *yêu cầu*:

- Thực sự giải phóng sức sản xuất; sắp xếp, tổ chức lại sản xuất với cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp. Phát huy được mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, các vùng, các ngành; chuyển nền nông nghiệp nước ta còn mang nặng tính chất tự cung, tự cấp ở nhiều vùng sang *sản xuất hàng hoá* theo hướng chuyên môn hoá kết hợp với kinh doanh tổng hợp phù hợp với đặc điểm tự nhiên kinh tế, xã hội của từng vùng, từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; *nhằm*: giải quyết nhu cầu cơ bản về lương thực, thực phẩm, tăng thêm nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hoá cho tiêu dùng và xuất khẩu, phục vụ tốt ba chương trình kinh tế lớn; xây dựng và bảo vệ môi trường sinh thái; không ngừng mở rộng thị trường nông thôn cho công nghiệp phát triển, gắn nông nghiệp với công nghiệp và giao thông vận tải thành cơ cấu kinh tế thống nhất.

- Giải quyết đúng đắn *các mối quan hệ về lợi ích*, nhất là bảo đảm lợi ích chính đáng của người sản xuất, trước hết là đối với người trồng lúa; không ngừng cải thiện đời sống nhân

dân lao động, góp phần tích lũy cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Mở rộng dân chủ, đề cao pháp chế, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.*

- *Đổi mới về tổ chức và cán bộ* phù hợp với cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý mới. Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên theo yêu cầu và nội dung của cuộc vận động chính trị lớn.

A- SẮP XẾP VÀ TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp *theo hướng chuyên môn hoá kết hợp với kinh doanh tổng hợp*, gắn trồng trọt với chăn nuôi, nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp, gắn nông - lâm - ngư nghiệp với công nghiệp và giao thông vận tải, đặc biệt là công nghiệp chế biến và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, gắn phát triển sản xuất với mở rộng lưu thông giữa các vùng trong nước và với thị trường quốc tế, *đồng thời không ngừng tăng cường cơ sở vật chất-kỹ thuật cho nông nghiệp và đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, chế biến*, để tăng nhanh năng suất, khối lượng, chất lượng và giá trị hàng hoá trong nông nghiệp.

Trước hết, cần tập trung đúng mức cho các vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm *đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng* và các vùng lúa của các địa phương khác; đồng thời phát triển các vùng màu tập trung có năng suất cao, có tỷ suất hàng hoá lớn đi đôi với tổ chức tốt chế biến màu và đưa màu vào cơ cấu bữa ăn để tăng nhanh *nguồn lương thực hàng hoá*. Mở rộng nhanh diện tích cây vụ đông ở đồng bằng, trung du, miền núi Bắc Bộ và Bắc Khu IV cũ, diện tích các cây ngắn ngày ở các vùng, tạo ra lợi thế mới về xuất khẩu rau, quả và sản phẩm cây ngắn ngày ở những nơi có điều kiện, trước hết là ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Chuyển các diện tích xưa nay trồng cây

lương thực hiệu quả thấp sang nuôi, trồng các thứ khác có giá trị cao hơn.

Xây dựng và phát triển các *vành đai thực phẩm* xung quanh Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố, khu công nghiệp quan trọng khác.

Đối với *miền núi*, đi đôi với ra sức thâm canh tăng năng suất lúa và phát triển màu trên diện tích đất đai có điều kiện, phải *tích cực phát huy các thế mạnh về lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày và chăn nuôi đại gia súc*; phát triển giao thông, mở rộng giao lưu hàng hoá với các vùng khác trong nước và xuất nhập khẩu để đổi lấy lương thực và các nhu cầu khác của sản xuất và đời sống nhân dân. Gắn việc thực hiện tốt các chính sách xã hội với phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn. Làm tốt công tác định canh, định cư.

Vùng *ven biển và hải đảo* tổ chức khai thác tổng hợp các nguồn tiềm lực nông, lâm, ngư nghiệp, vận tải thuỷ dưới nhiều hình thức; *đẩy mạnh việc nuôi trồng, khai thác và chế biến hải sản*.

Phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày thu hút nhiều lao động, sớm cho hiệu quả (đỗ tương, lạc, mía đường, bông, đay, cói, thuốc lá...), mở rộng các vùng cây công nghiệp dài ngày quan trọng (cà phê, chè, cao su, dừa, quế, hồ tiêu, v.v.), cây ăn quả tập trung, gắn với các cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chế biến.

Từng bước đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong nông nghiệp. Phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm ít dùng lương thực, đàn trâu, bò cày kéo, thịt, sữa...; phát triển đàn lợn phù hợp với khả năng sản xuất thức ăn. Tạo ra những vùng chăn nuôi tập trung cho xuất khẩu đi đôi với phát triển sản xuất thức ăn tinh, thức ăn tổng hợp và xây dựng các cơ sở chế biến thịt xuất khẩu.

Trong lâm nghiệp, lấy kinh doanh rừng trồng và bảo vệ, tái sinh rừng là nhiệm vụ số một. Sớm xác định quy hoạch các loại rừng phòng hộ, bảo vệ môi trường và rừng kinh doanh. Kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến tại chỗ. Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý rừng hiện có; nghiêm cấm tẻ phá rừng và khai thác rừng bừa bãi. Nhà nước sớm có những biện pháp nghiêm ngặt về vấn đề này. Đẩy mạnh việc trồng mới, khoanh nuôi, tái sinh rừng và phong trào trồng cây nhân dân, nhanh chóng phủ xanh đất trống, đồi trọc. Bảo vệ và phát triển rừng nhiều tác dụng, rừng có nhiều gỗ quý, nhiều lâm đặc sản và cây dược liệu. Phát triển mạnh các vùng rừng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp. Thực hiện việc giao rừng và đất rừng cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân bảo vệ, chăm sóc, nuôi trồng, khai thác và tận dụng sản phẩm của rừng, tạo điều kiện cho dân cư ở vùng có rừng, đất rừng sinh sống và làm giàu bằng kinh doanh tổng hợp các thế mạnh của rừng. Có biện pháp kinh tế - xã hội thiết thực để trong vòng 5-7 năm cơ bản chấm dứt được tẻ du canh, du cư.

Về thủy sản, coi trọng cả bảo vệ, nuôi, trồng, đánh bắt, chế biến. Chú trọng sử dụng hết các diện tích mặt nước ở mọi vùng có điều kiện nuôi trồng các loại thủy sản, nhất là các đặc sản xuất khẩu; khai thác có hiệu quả các tài nguyên biển. Áp dụng mạnh mẽ các kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất. Tổ chức tốt các khâu dịch vụ, cung ứng các điều kiện sản xuất làm cho các tàu, thuyền bám biển dài ngày trong mùa vụ đánh bắt ở các vùng trọng điểm. Quy định và áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp bảo vệ tài nguyên, cấm đánh bắt "vơ vét". Trong năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng phải ban hành văn bản pháp quy về bảo vệ và khai thác tài nguyên biển; đặc biệt nghiêm cấm ngay việc dùng chất nổ, dùng ánh sáng cực mạnh để đánh bắt thủy sản và quy định các tiêu chuẩn về công cụ, thời gian đánh bắt các loại thủy, hải sản để bảo đảm tái sinh tự nhiên.

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và vận tải, dịch vụ ở nông thôn dưới nhiều hình thức, ngay từ cơ sở; trong từng tiểu vùng, vùng. Tận dụng và phát huy tốt công suất các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản hiện có; xây dựng những cơ sở chế biến quy mô vừa và nhỏ nhưng kỹ thuật hiện đại, công nghệ thích hợp để tạo ra những hàng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu có giá trị cao.

Trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại sản xuất ở nông thôn, thực hiện phân công lại lao động tại chỗ để thâm canh, tăng vụ, tận dụng đất đai hoang hoá, mặt nước có thể đưa vào sản xuất, phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp, giao thông vận tải và dịch vụ; phân bố lại lao động và dân cư giữa các vùng theo kế hoạch có cân đối vững chắc về các mặt để mở mang các vùng kinh tế mới, đặc biệt là ở các địa bàn đất rộng, người thưa ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, miền núi phía Bắc. Chú ý hình thức tổ chức thanh niên xung phong và các hình thức tổ chức lao động có hiệu quả khác để thu hút những lực lượng quan trọng chưa có việc làm, như thanh niên đến tuổi lao động, bộ đội giải ngũ, người dôi ra trong biên chế nhà nước, v.v..

B- CƯỜNG CỐ VÀ MỞ RỘNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, SỬ DỤNG ĐÚNG ĐẮN CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

1. Thực hiện chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế quốc doanh trong nông nghiệp; chuyển hoạt động của các tổ chức này sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa

Song song với việc phát huy vai trò chủ đạo của toàn bộ hệ thống kinh tế quốc doanh, cần tích cực củng cố tổ chức và đổi mới quản lý các quốc doanh sản xuất, chế biến, dịch vụ trong nông, lâm, ngư nghiệp, làm cho các tổ chức này thực sự tự

chủ trong sản xuất, kinh doanh, làm ăn có lãi, kiên quyết xoá bỏ chế độ bao cấp.

Hội đồng Bộ trưởng phải nhanh chóng cụ thể hoá nội dung Nghị quyết Trung ương 3 và Quyết định 217-HĐBT thành các cơ chế quản lý nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh và quốc doanh ngư nghiệp cho phù hợp với đặc điểm sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, với một số điểm bổ sung sau đây:

- Củng cố các cơ sở quốc doanh sản xuất, chế biến thua lỗ kéo dài bằng cách xác định rõ phương hướng sản xuất, đưa khoa học - kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất và quản lý, đổi mới cán bộ... Đến cuối năm 1989, cơ sở nào không chuyển biến được thì phải giải thể hoặc chuyển sang hình thức sở hữu thích hợp. Đối với những đơn vị làm nhiệm vụ đặc biệt kết hợp kinh tế với quốc phòng ở các địa bàn xung yếu, khó khăn và các đơn vị sản xuất các loại giống có năng suất cao, phải có sự hỗ trợ của Nhà nước trong thời gian nhất định. Điều chỉnh quy mô các nông, lâm trường phù hợp với cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ quản lý hiện nay. Diện tích đất, rừng dôi ra sau khi điều chỉnh quy mô, phải trả lại cho chính quyền địa phương để giao cho hợp tác xã, gia đình, cá thể hoặc tư nhân kinh doanh. Đất chưa dùng đến của cơ sở quốc doanh quản lý (sau khi đã điều chỉnh), cũng phải cho nông dân mượn để sản xuất. Cấm cưỡng đoạt ruộng đất đã khai phá của nông dân để lập các nông trường quốc doanh. Trong trường hợp đặc biệt cần bảo đảm cho nông trường quốc doanh có diện tích kinh doanh liên khoảnh, phải bồi thường thỏa đáng cho nông dân đang canh tác trên ruộng đất trong khoảnh, bảo đảm cho họ có ruộng đất mới để sản xuất hoặc có điều kiện để sinh sống bình thường.

- Tích cực củng cố và phát triển các quốc doanh dịch vụ, như dịch vụ tưới, tiêu, làm đất, cung ứng vật tư, giống, công cụ, máy móc, sửa chữa cơ khí, phòng chống dịch, bệnh, tiêu thụ sản phẩm, v.v.. Trong đổi mới quản lý, cần gắn được trách nhiệm và lợi ích của các tổ chức dịch vụ với sản phẩm cuối cùng của các đơn vị sản xuất thông qua hợp đồng kinh tế. Đối với các tổ chức bảo hiểm cây trồng, vật nuôi, nói chung phải chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi; riêng ở miền núi và một số vùng khó khăn, việc chuyển sang hạch toán kinh doanh phải tiến hành từng bước. Trong trường hợp phải dập tắt các nạn dịch, bệnh trên phạm vi lớn, ngân sách nhà nước phải đảm nhiệm mọi chi phí cần thiết.

2. Chấn chỉnh tổ chức, đổi mới quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp

Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất là tổ chức kinh tế tự nguyện của nông dân, lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự hướng dẫn, giúp đỡ của Nhà nước, hoạt động theo nguyên tắc tự quản lý, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh; có tư cách pháp nhân, bình đẳng trước pháp luật với các đơn vị kinh tế khác; có trách nhiệm phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào các điều kiện tự nhiên, kinh tế, kỹ thuật, xã hội, trình độ quản lý của cán bộ và nghề nghiệp của xã viên, hợp tác xã tự xác định các hình thức, quy mô tổ chức, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, phương thức quản lý và cách thức phân phối, tiêu thụ sản phẩm, nhằm phát triển mạnh sản xuất hàng hoá, không ngừng nâng cao thu nhập

và đời sống của xã viên, tăng tích lũy tái sản xuất mở rộng và phúc lợi của tập thể, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

a) *Chấn chỉnh tổ chức hợp tác xã*

- Các hợp tác xã cần tích cực chuyển sang sản xuất hàng hoá và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo hướng chuyên môn hoá kết hợp kinh doanh tổng hợp, gắn nông nghiệp với lâm nghiệp, ngư nghiệp, nông - lâm - ngư nghiệp với công nghiệp chế biến và các ngành nghề; kết hợp sản xuất, chế biến với lưu thông, dịch vụ; liên kết với kinh tế gia đình, với các loại hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác, với các tổ chức khoa học - kỹ thuật trên địa bàn; nhằm sử dụng có hiệu quả đất đai, lao động, cơ sở vật chất-kỹ thuật, vốn tự có và vốn vay để đẩy mạnh sản xuất.

- củng cố và tăng cường các hợp tác xã quy mô toàn xã sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Điều chỉnh quy mô quá lớn của một số hợp tác xã ở các tỉnh đồng bằng và trung du phía bắc, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên mà sản xuất trì trệ, quản lý kém và xã viên yêu cầu, thành các hợp tác xã có quy mô thích hợp.

- Ở vùng núi thấp, tổ chức các hợp tác xã kinh doanh nông - lâm hay lâm - nông theo quy mô buôn, bản là phổ biến. Ở vùng núi cao, chỉ giữ lại những hợp tác xã làm ăn có hiệu quả, chuyển các hợp tác xã chỉ có hình thức sang các tổ vãn công, đổi công hoặc sản xuất cá thể đi đôi với tổ chức tốt mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ, mở mang giao thông vận tải, khuyến khích giao lưu kinh tế, nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, đào tạo cán bộ người dân tộc; khi có đủ điều kiện mới đưa đồng bào vào làm ăn tập thể với các hình thức thích hợp.

- Ở Nam Bộ, trong những năm trước mắt giữ hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu. Các tập đoàn cần củng cố tổ chức, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới quản lý, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, nâng cao trình độ của cán bộ, thực hiện liên kết, liên doanh với các tập đoàn và các tổ chức kinh tế,

khoa học kỹ thuật khác. Giữ các ban quản lý liên tập đoàn đã có; khi có đủ điều kiện (có cơ sở vật chất-kỹ thuật bảo đảm; có cán bộ quản lý tốt và đủ năng lực; xã viên tự nguyện yêu cầu) mới tổ chức liên tập đoàn hoặc hợp tác xã với quy mô thích hợp.

Các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất phải dân chủ hoá, công khai hoá công tác quản lý, phát huy đầy đủ quyền lực tối cao của đại hội xã viên, làm cho xã viên thực sự tham gia vào công tác quản lý sản xuất, kinh doanh của tập thể. Phát huy vai trò của Hội Nông dân trong việc giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nông dân, vận động nông dân tham gia các hình thức tổ chức sản xuất tập thể, tham gia quản lý và giám sát hoạt động của ban quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất.

Tích cực củng cố bộ máy quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất theo nguyên tắc gọn nhẹ, có hiệu lực; không ngừng nâng cao trình độ tổ chức quản lý của bộ máy. Bố trí những cán bộ thực sự có phẩm chất và năng lực, biết cách quản lý dân chủ; khắc phục tệ tham ô, lợi dụng, mệnh lệnh, cửa quyền, ức hiếp xã viên.

Đối với các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất yếu kém, phải phân tích kỹ các nguyên nhân; tùy tình hình cụ thể mà áp dụng những giải pháp củng cố có hiệu quả: xác định lại quy mô, cơ cấu sản xuất; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật; đổi mới cơ chế quản lý; bố trí cán bộ có phẩm chất và năng lực quản lý, v.v..

Đối với nghề cá nhân dân, trong những năm trước mắt, cần lựa chọn các hình thức, bước đi thích hợp, như:

+ Tổ chức hệ thống dịch vụ thủy sản và thông qua quan hệ bán vật tư mua sản phẩm để tập hợp ngư dân sản xuất theo phương hướng kế hoạch của Nhà nước và nắm sản phẩm.

+ Tổ chức những hình thức hiệp tác lao động của ngư dân trong nuôi trồng, khai thác, đánh bắt thủy sản; các cơ sở

quốc doanh làm dịch vụ cung ứng vật tư, hướng dẫn kỹ thuật tiêu thụ sản phẩm.

+ Xây dựng và củng cố các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất với nhiều hình thức thích hợp và quy mô nhỏ theo nghề, thuyền, trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Bộ Thủy sản phải tiếp tục nghiên cứu tổng kết các hình thức hiệp tác đa dạng, phong phú của ngư dân để phổ biến rộng rãi.

b) Thực hiện chế độ tự quản lý của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất

Về kế hoạch hoá:

Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh dựa trên cơ sở quy hoạch vùng, các chính sách khuyến khích sản xuất của Nhà nước, các hợp đồng ký kết với các đơn vị kinh tế quốc doanh và các tổ chức kinh tế khác, nhu cầu của thị trường và khả năng sản xuất của mình. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất do xã viên hoặc đại hội xã viên dân chủ bàn bạc quyết định; Nhà nước thông qua hệ thống các chính sách đòn bẩy kinh tế và pháp luật để quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, không giao chỉ tiêu pháp lệnh trực tiếp.

Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phấn đấu tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; lấy mức tăng thu nhập của xã viên, tăng quỹ tập thể, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và các khách hàng làm tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Về tài sản và tài chính, tín dụng:

Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có quyền mua sắm và nhượng bán những tài sản không dùng đến (trừ ruộng đất, đất rừng và mặt nước). Về trâu bò cày kéo và máy móc nhỏ, tùy tình hình cụ thể, có thể giữ lại một phần thật cần thiết làm tư liệu sản xuất chung, phần còn lại bán cho xã viên sử dụng theo kế hoạch và hợp đồng nhận khoán với tập thể. Khuyến

khích xã viên bỏ vốn phát triển chăn nuôi trâu bò, mua sắm các công cụ, máy móc nhỏ để bảo đảm kế hoạch nhận khoán và phát triển kinh tế gia đình. Nhà nước bán máy nông nghiệp có công suất lớn cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và máy móc nhỏ cho xã viên. Các đơn vị kinh tế quốc doanh có tài sản không dùng hết phải giao lại cho Nhà nước phân phối theo kế hoạch; các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất được ưu tiên mua lại những tư liệu sản xuất do các đơn vị kinh tế quốc doanh được quyền nhượng bán.

Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất không ngừng tăng thêm vốn tự có bằng tăng tích lũy tái sản xuất mở rộng và khuyến khích xã viên có vốn đóng nhiều cổ phần cho tập thể với chính sách phân phối hợp lý. Ngoài vốn tự có, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có vốn vay xã viên và nhân dân với mức lãi thỏa thuận, vốn vay tín dụng ngân hàng, vốn liên doanh, liên kết. Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có thể vay vốn của thân nhân xã viên ở nước ngoài gửi qua Ngân hàng Ngoại thương để sản xuất và chịu trách nhiệm trả khoản vay đó bằng hàng hoá được phép xuất khẩu. Những hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có thu nhập ngoại tệ lớn được mở tài khoản tại Ngân hàng Ngoại thương và được vay vốn ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương cho nhu cầu nhập vật tư, thiết bị, rồi trả lại vốn và lãi bằng ngoại tệ; được mua ngoại tệ tại Ngân hàng Ngoại thương khi ngân hàng chuyển sang kinh doanh.

Về vật tư, giá cả, tiêu thụ sản phẩm:

Ngoài thuế là nghĩa vụ, quan hệ mua bán giữa hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và các tổ chức kinh tế quốc doanh là quan hệ bình đẳng, thuận mua vừa bán. Các tổ chức kinh tế quốc doanh và các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất ký kết hợp đồng kinh tế cung ứng vật tư, mua sản phẩm và cùng chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các hợp đồng đã ký kết.

Ngoài phần vật tư mua của các tổ chức quốc doanh theo chỉ tiêu kế hoạch và hợp đồng kinh tế, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất được tự tìm kiếm thêm vật tư từ các nguồn khác cho

sản xuất, chế biến thông qua liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác và trực tiếp mua bán trên thị trường.

Sản phẩm ngoài phần làm nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước và thực hiện các hợp đồng đã ký với các tổ chức kinh tế quốc doanh, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất được tự do sử dụng và tiêu thụ ở thị trường có lợi nhất; các tổ chức kinh tế quốc doanh muốn mua thêm, phải theo đúng nguyên tắc thuận mua vừa bán.

Về xuất nhập khẩu:

Nhà nước khuyến khích các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phát triển thêm nông, lâm, thủy sản xuất khẩu ngoài phần hợp đồng với các cơ quan kinh tế nhà nước. Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có thể tự lựa chọn các tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước để uỷ thác xuất khẩu và nhập các vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất; tham gia vào các tổ chức sản xuất, kinh doanh phục vụ xuất khẩu theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và được bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ để nhập vật tư mở rộng tái sản xuất theo đúng luật định.

Về khoa học - kỹ thuật:

Nhà nước khuyến khích các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất hợp tác với các cơ quan nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, các trường đào tạo dưới nhiều hình thức để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Các thành tựu khoa học - kỹ thuật của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và xã viên, nếu đăng ký với cơ quan chức năng của Nhà nước, sẽ được giữ bản quyền và khen thưởng theo chế độ chung. Các sản phẩm có chất lượng cao do áp dụng các kỹ thuật tiến bộ cũng được đối xử như các sản phẩm tương ứng của các tổ chức kinh tế quốc doanh. Cán bộ kỹ thuật và quản lý của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất được gửi đi học bồi dưỡng kiến thức ở các trường của Nhà nước theo yêu cầu của hợp tác xã; học xong trở về làm việc và do hợp tác xã đãi ngộ theo kết quả cống hiến.

Về khoán, phân công lao động và phân phối thu nhập trong hợp tác xã, tập đoàn sản xuất:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên, đến người lao động và đến tổ, đội sản xuất tùy theo điều kiện của ngành nghề cụ thể ở từng nơi, gắn kế hoạch sản xuất với kế hoạch phân phối từ đầu. Trong trồng trọt, về cơ bản khoán đến hộ hoặc nhóm hộ xã viên.

Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải xây dựng các định mức, đơn giá để làm căn cứ xây dựng kế hoạch và giao khoán cho xã viên, có dự án phân phối (cả tiền và hiện vật) cho mọi ngành nghề trong hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, công bố ngay từ đầu cho toàn thể xã viên biết để thực hiện.

Trong ngành trồng trọt, phải điều chỉnh diện tích giao khoán, khắc phục tình trạng phân chia ruộng đất manh mún hiện nay, bảo đảm cho người nhận khoán canh tác trên diện tích có quy mô thích hợp và ổn định trong khoảng 15 năm.

Phải phân loại đúng các loại ruộng đất và xác định đúng các định mức, đơn giá đối với từng khâu trên từng loại đất để làm cơ sở giao khoán và ổn định mức khoán trong 5 năm; chỉ sửa đổi mức khoán khi điều kiện vật chất - kỹ thuật đã thay đổi. Tùy tình hình cụ thể mà hợp tác xã và tập đoàn sản xuất quyết định những khâu do tập thể đảm nhiệm và những khâu khoán cho xã viên (không nhất thiết tập thể làm năm khâu, xã viên làm ba khâu), và bảo đảm cho các hộ xã viên nhận khoán thu được khoảng trên dưới 40% sản lượng khoán trở lên tùy theo số lượng khâu do hộ xã viên đảm nhiệm.

- Dựa trên cơ sở kinh doanh tổng hợp và không ngừng mở rộng tái sản xuất, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phân công lại lao động theo hướng chuyên môn hoá, ai giỏi nghề gì làm nghề đó. Ở những nơi có điều kiện, khuyến khích người giỏi ngành nghề khác chuyển sang làm ngành nghề và trao lại ruộng đất cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất để giao khoán thêm cho người trồng trọt; người trao lại ruộng khoán cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất được bồi hoàn giá trị sản phẩm đang trồng trên đất đai đó, công sức đã bỏ ra để tăng thêm độ màu mỡ của đất và các điều kiện sản xuất khác so với khi mới nhận ruộng khoán của tập thể.

- Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và theo cổ phần đóng góp của xã viên trong hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất. Khắc phục chủ nghĩa bình quân và tình trạng bao cấp tràn lan trong phân phối; không đưa công lao động nghĩa vụ của công dân vào phương án phân phối thu nhập của hợp tác xã; không lấy thu nhập của hợp tác xã để trợ cấp thêm cho cán bộ làm công tác đảng, chính quyền, đoàn thể; chấm dứt việc đảng uỷ và uỷ ban nhân dân xã lấy quỹ hợp tác xã để chi tiêu vào các việc khác. Thực hiện hạch toán và phân phối theo ngành có sự điều tiết chung của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất thông qua tỷ lệ để quỹ của tập thể đối với các ngành nghề khác nhau. Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải từng bước xây dựng quỹ dự phòng để bảo đảm ổn định mức thu nhập cho xã viên khi gặp thiên tai, mất mùa và có kế hoạch từng bước xây dựng quỹ hưu trí để tiến tới bảo đảm đời sống cho xã viên hết sức lao động.

Hạn chế đến mức thấp nhất chi phí quản lý của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất (Nhà nước có hướng dẫn về tỷ lệ quản lý phí so với tổng thu nhập của các cơ sở sản xuất). Thực hiện cơ chế khoán cho cán bộ quản lý theo nguyên tắc: hoàn thành kế hoạch cao, chi phí ít, biên chế ít thì thu nhập nhiều, không hoàn thành kế hoạch, chi phí cao và biên chế lớn thì thu nhập thấp, đi đôi với giảm mạnh biên chế tổ chức bộ máy quản lý.

Đối với các gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh thiếu sức lao động, không nơi nương tựa, có nhiều khó khăn về đời sống, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất cần bố trí ngành, nghề phù hợp hoặc ưu tiên giao khoán ruộng đất tốt, gần nơi ở, vận động nhân dân giúp công làm các việc nặng nhọc trong lúc mùa vụ, v.v.. Mặt khác, uỷ ban nhân dân xã có trách nhiệm chăm lo đời sống của các đối tượng này. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính nghiên cứu sớm trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành trong năm 1988 chính sách về quỹ xã hội do các đơn vị sản

xuất, kinh doanh và toàn dân đóng góp và do ngân sách nhà nước trợ cấp một phần để chi về việc này.

Các hình thức khoán, các định mức, đơn giá, cách phân phối trong hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và các điều nói trên phải được *tập thể xã viên bàn bạc quyết định một cách thực sự dân chủ và tiến hành công khai*.

Dựa trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý, *xác định lại chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và các đội sản xuất*. Ban quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất vừa phải chỉ đạo quản lý tốt việc phát triển sản xuất, kinh doanh, phân phối thu nhập, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và các khách hàng khác, tăng cường chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức chuyên ngành thực hiện đúng kế hoạch và nội quy quản lý của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, tổ chức quản lý tốt các khâu do tập thể đảm nhiệm; vừa phải làm tốt công tác dịch vụ cho người nhận khoán, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch nhận khoán của xã viên, và giúp đỡ các gia đình xã viên nghèo bảo đảm sản xuất. Ở những hợp tác xã, tập đoàn sản xuất mà nội dung sản xuất, kinh doanh còn đơn giản và thực hiện phổ biến việc khoán sản phẩm cuối cùng cho xã viên thì ban quản lý phải đặc biệt chú trọng làm tốt khâu dịch vụ, bảo đảm cho người nhận khoán và các gia đình xã viên nghèo có điều kiện bảo đảm kế hoạch nhận khoán với tập thể.

Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm cần tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để hướng dẫn các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất thực hiện.

Trong năm 1988, Nhà nước ban hành Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã nghề cá (sửa đổi) và hướng dẫn các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất xây dựng lại điều lệ và nội quy quản lý cụ thể cho phù hợp với những chủ trương đổi mới nói trên. Sớm nghiên cứu để ban hành Luật về hợp tác xã.

Về kinh tế gia đình:

Khuyến khích công nhân viên chức nhà nước, các xã viên hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp phát triển kinh tế gia đình, như làm vườn cây ăn quả, cây công nghiệp, vườn rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, làm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làm dịch vụ, v.v., để cung ứng thêm nhiều sản phẩm hàng hoá cho xã hội và tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Các đơn vị quốc doanh, tập thể có trách nhiệm tạo điều kiện, hướng dẫn, giúp đỡ cho kinh tế gia đình phát triển theo quy hoạch vùng và quy hoạch của hợp tác xã, của tập đoàn sản xuất. Sản phẩm làm ra, gia đình được quyền sử dụng và bán ở nơi có lợi; các tổ chức kinh tế quốc doanh và tập thể muốn mua phải theo đúng nguyên tắc thuận mua vừa bán.

3. Chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân trong nông, lâm, ngư nghiệp

Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của kinh tế cá thể, tư nhân trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội; thừa nhận tư cách pháp nhân, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, bảo hộ quyền làm ăn chính đáng và thu nhập hợp pháp của các hộ cá thể, tư nhân và quyền thừa kế sử dụng doanh nghiệp của con cái họ; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các thành phần này phát triển trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản, chế biến nông, lâm, thủy sản, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp và mở mang ngành nghề ở nông thôn. Mọi hành vi xâm phạm các quyền nói trên đều phải xử lý theo pháp luật; các định kiến hẹp hòi đối với kinh tế cá thể, tư nhân phải được xóa bỏ.

Nhà nước khuyến khích cá thể, tư nhân bỏ vốn, sức lao động, kỹ thuật... mở mang sản xuất; khuyến khích các hình thức hợp tác giữa các hộ cá thể, tư nhân, giữa người có vốn, có tư liệu sản xuất, có tay nghề với người có sức lao động; bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, không mệnh lệnh gò ép trong việc hợp tác hoá; bảo đảm nguyên tắc cùng có lợi trong tổ chức xí nghiệp công tư

hợp doanh vì yêu cầu phát triển sản xuất, đổi mới kỹ thuật, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Ở các vùng còn nhiều đất đai, mặt nước chưa khai thác, tùy tình hình cụ thể mà Nhà nước có thể cho thuê hoặc giao quyền sử dụng một số ruộng đất, đất rừng và mặt nước cho các hộ cá thể, tư nhân để họ tổ chức sản xuất, kinh doanh theo đúng pháp luật. Đối với đất trồng rừng và cây công nghiệp dài ngày, có thể giao quyền sử dụng từ 1 đến 2 chu kỳ kinh doanh. Đối với mặt nước và đất trồng cây lương thực, cây công nghiệp hằng năm, thời gian đó có thể từ 15 đến 20 năm. Trong thời gian này, họ được giao quyền thừa kế sử dụng cho con cái, và trong trường hợp chuyển sang làm nghề khác được chính quyền cho phép chuyển nhượng quyền tiếp tục sử dụng cho chủ khác. Các hộ tư nhân và công ty tư nhân được thuê mướn lao động, theo yêu cầu phát triển sản xuất và theo Luật lao động của Nhà nước.

Trừ phần nộp thuế bằng hiện vật (nếu có) và bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế quốc doanh theo hợp đồng kinh tế đã ký, các hộ cá thể, tư nhân được quyền tự do tiêu thụ sản phẩm ở nơi có lợi; các tổ chức kinh tế quốc doanh và tập thể muốn mua phải theo đúng nguyên tắc thuận mua vừa bán, không được ép cấp, ép giá. Các cơ sở kinh tế cá thể, tư nhân được quyền uỷ thác xuất, nhập khẩu cho các cơ quan xuất nhập khẩu của Nhà nước.

Khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức kinh tế và tư nhân nước ngoài gửi máy móc, thiết bị, vật tư cho thân nhân và tham gia hùn vốn cùng với Nhà nước thành lập các xí nghiệp công tư hợp doanh hoặc đứng ra tổ chức sản xuất, kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp theo Luật đầu tư của Nhà nước.

4. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế

Khuyến khích mở rộng việc liên kết, liên doanh nhằm phát triển sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá dưới nhiều hình thức thích hợp, như: góp vốn, góp sức đầu tư phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, chế biến nông, lâm, thuỷ sản, phát triển ngành nghề và tiêu thụ sản phẩm; liên kết giữa sản xuất và nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật; liên kết giữa sản xuất, chế biến và dịch vụ; liên kết giữa các đơn vị cơ sở của trung ương, của tỉnh, huyện; liên kết giữa quốc doanh, tập thể, gia đình, cá thể và tư nhân trên từng địa bàn lãnh thổ, trong đó quốc doanh đóng vai trò chủ đạo và làm nòng cốt, nhất là về mặt kỹ thuật và phương pháp công nghệ, cung ứng vật tư, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc liên kết, liên doanh phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Đối với các công ty, liên hiệp xí nghiệp vùng và tổng công ty toàn quốc

Rà soát lại các công ty, tổng công ty, liên hiệp các xí nghiệp hiện có để loại bỏ các công ty, tổng công ty, liên hiệp không cần thiết và củng cố các công ty, các liên hiệp, các tổng công ty có đủ điều kiện hoạt động thiết thực có hiệu quả.

Tuỳ tình hình cụ thể, Hội đồng Bộ trưởng quyết định thành lập tổng công ty toàn quốc đối với một số ngành sản xuất, kinh doanh quan trọng. Việc thành lập các tổng công ty toàn quốc cần được xem xét thận trọng, xuất phát từ yêu cầu phát

triển sản xuất, kinh doanh và có đủ điều kiện bảo đảm, tránh hình thức.

Các tổng công ty có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Quản lý thống nhất toàn ngành các quá trình sản xuất, kinh doanh, từ đầu tư chuyên ngành, tổ chức sản xuất nguyên liệu, chế biến, bảo quản, vận chuyển đến tiêu thụ sản phẩm (cả xuất khẩu) và nghiên cứu ứng dụng các khoa học, kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất; xây dựng trình cấp trên ban hành các quy hoạch, kế hoạch, các chính sách, chế độ quản lý ngành; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân kỹ thuật chuyên ngành.

- Quản lý quỹ vật tư nhà nước giao để hợp đồng kinh tế nắm sản phẩm; phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sản xuất phát triển theo nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo lãnh thổ.

Những tổng công ty được Nhà nước giao nhiệm vụ hợp tác trực tiếp với nước ngoài được quyền quản lý vốn đầu tư của nước ngoài, tiến hành kinh doanh và chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc hoàn trả vốn đó.

- Bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh và hạch toán độc lập của các đơn vị thành viên và phát huy tác dụng hỗ trợ lẫn nhau giữa các đơn vị trong hệ thống công ty.

- Bảo đảm cung ứng các điều kiện phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các đơn vị thành viên (cả gia đình, cá thể, tư nhân) theo hợp đồng kinh tế; tránh tranh mua, tranh bán, nhất là đối với hàng xuất khẩu, đẩy giá lên cao một cách giả tạo và làm cho xuất khẩu bị lỗ.

- Bảo đảm quyền lợi chính đáng của các thành viên, của người sản xuất nguyên liệu cũng như người chế biến, của người sản xuất hàng tiêu dùng trong nước cũng như người làm hàng xuất khẩu; trích nộp lợi nhuận cho ngân sách trung ương và ngân sách địa phương sở tại; tham gia đóng góp xây dựng mới, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ cho vùng chuyên canh.

- Tổ chức thu mua, chế biến và xuất khẩu các nông sản do ngành quản lý, thực hiện các hợp đồng xuất khẩu đã ký với nước ngoài; giao lại cho các cơ quan có chức năng tiêu thụ trong nước các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Quan hệ giữa tổng công ty với các công ty do chính quyền địa phương trực tiếp quản lý là quan hệ bình đẳng, cùng có lợi.

C- MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG NÔNG NGHIỆP

1. *Chuyển bộ máy chính quyền các cấp, các bộ quản lý ngành sang làm chức năng quản lý nhà nước về kinh tế*, giao hẳn chức năng trực tiếp quản lý sản xuất, kinh doanh cho các đơn vị kinh tế cơ sở và các tổ chức kinh tế.

- *Đối với cấp huyện*: Huyện là địa bàn quan trọng để tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động xã hội, gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp. Cấp huyện là *cấp kế hoạch và có ngân sách*. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm quan trọng trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cấp huyện phải xây dựng và không ngừng hoàn chỉnh quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch và kế hoạch chung của tỉnh,

của ngành, và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch ấy. Cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo sự phối hợp và giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở và các tổ chức kinh tế trên địa bàn huyện, bảo đảm cho mọi đơn vị và tổ chức kinh tế thực hiện thắng lợi kế hoạch của mình, tạo ra những kết cấu hạ tầng, những trung tâm kinh tế - kỹ thuật - văn hoá trong từng tiểu vùng; trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa; không ngừng củng cố, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, bảo vệ sản xuất, bảo vệ đời sống nhân dân.

Kế hoạch kinh tế - xã hội của huyện phải thể hiện rõ quy hoạch và kế hoạch định hướng chung và được xây dựng từ cơ sở lên, trên cơ sở phát huy các thế mạnh, sử dụng các khả năng, tiềm lực kinh tế của huyện, của các cơ sở thuộc trung ương, thuộc tỉnh đóng trên địa bàn và các nguồn từ trên đưa về, để giải quyết các mặt cân đối cho sản xuất và đời sống trong huyện, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Các đơn vị và tổ chức kinh tế do các ngành trung ương và cấp tỉnh quản lý hoạt động trên địa bàn huyện phải chịu sự giám sát và kiểm tra của uỷ ban nhân dân huyện, có trách nhiệm thực hiện kế hoạch lãnh thổ của huyện và trích nộp một phần lợi nhuận vào ngân sách huyện theo luật định.

Đối với cấp xã:

Ở những xã có hợp tác xã quy mô toàn xã, chính quyền xã tập trung làm nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước về kinh tế đối với mọi thành phần kinh tế và quản lý xã hội trên địa bàn xã; việc quản lý kinh tế của hợp tác xã và quan hệ kinh tế giữa hợp tác xã và các tổ chức kinh tế quốc doanh do ban quản lý hợp tác xã tự lo.

Ở những xã có nhiều đơn vị sản xuất cơ sở, phải tăng cường chất lượng cán bộ và kiện toàn bộ máy để uỷ ban nhân dân xã làm tốt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội. Về quản lý nhà nước về kinh tế, nhiệm vụ chủ yếu của uỷ ban nhân dân xã là cụ thể hoá quy hoạch và kế hoạch huyện trên địa bàn xã; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sản xuất cơ sở

xây dựng kế hoạch phù hợp với quy hoạch và kế hoạch chung; phối hợp, kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình văn hoá và phúc lợi công cộng, làm tốt công tác văn hoá, thông tin, vận động thực hiện nếp sống mới, bảo đảm trật tự, trị an và các mặt công tác khác để xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Ngân sách của cấp xã là một bộ phận của ngân sách nhà nước; cấp xã phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về các nguồn thu và các nguyên tắc chi.

2. Sửa đổi một số chính sách lớn:

a) Tăng cường đầu tư cho nông nghiệp

Tập trung đầu tư đúng mức và đồng bộ (cả trực tiếp và gián tiếp) cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp, trước hết cho sản xuất lương thực, thực phẩm theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương; sử dụng vốn đầu tư đúng hướng, có trọng điểm và có hiệu quả thiết thực.

Tập trung vốn đầu tư, công cụ và vật tư nông nghiệp cho đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng và các vùng trọng điểm sản xuất nông sản - hàng hoá khác. Ưu tiên đầu tư cho các công trình thuỷ lợi và các công trình nghiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp sớm đưa lại hiệu quả. Coi trọng đầu tư thoả đáng cho khu vực sản xuất tập thể.

Đặc biệt chú trọng các ngành công nghiệp nặng trực tiếp phục vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ hải sản. Ngành cơ khí phải có chương trình cụ thể phục vụ nông nghiệp; đẩy mạnh sản xuất công cụ, máy móc nông nghiệp (không nhập những loại máy móc nông nghiệp, chế biến có thể sản xuất trong nước) và sửa chữa cơ khí. Đồng thời mở rộng và quản lý tốt hoạt động xuất nhập khẩu và quan hệ kinh tế đối ngoại, làm cho công nghiệp trong nước

và hoạt động kinh tế đối ngoại đáp ứng kịp thời các yêu cầu của sản xuất nông nghiệp về năng lượng, phân hoá học, thuốc trừ sâu bệnh, công cụ thường, công cụ cải tiến, máy móc.

Thành lập ngay Ngân hàng đầu tư phát triển nông nghiệp và có chính sách lãi suất thoả đáng đối với vốn cho vay phát triển nông nghiệp để giúp đỡ các đơn vị, tập thể và cá nhân có vốn sản xuất, làm cho nông dân nghèo tránh được tình trạng phải vay vốn của tư nhân với lãi nặng.

Ngoài vốn đầu tư của Nhà nước, các đơn vị kinh tế tập thể và quốc doanh cần có nhiều hình thức huy động nhân tài, vật lực của nhân dân để phát triển sản xuất, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho cơ sở.

Khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài hoặc có vốn gửi ở nước ngoài và người nước ngoài đầu tư phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo Luật đầu tư của Nhà nước.

b) Về cung ứng vật tư:

Nhà nước đưa vào hợp đồng kinh tế cung ứng vật tư - mua sản phẩm các loại phân hoá học, xăng dầu cho làm đất, xay xát, chế biến, v.v.; tuỳ tình hình cụ thể mà thực hiện phương thức thanh toán bằng tiền các chi phí khác. Trong quan hệ hợp đồng kinh tế cung ứng vật tư - mua sản phẩm giữa các tổ chức kinh tế quốc doanh với các tổ chức kinh tế tập thể và các tổ chức kinh tế khác, có thể áp dụng nhiều phương thức thanh toán thích hợp: đưa vật tư lấy sản phẩm ngay; ứng vật tư trước, thu sản phẩm sau; bán vật tư lấy tiền mua ngay sản phẩm. Đối với những đơn vị sản xuất tập thể và những gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh, có công với cách mạng, neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, các tổ chức kinh tế quốc doanh cần thực hiện phương thức ứng vật tư trước, thu sản phẩm sau hay cho vay vốn với lãi suất hợp lý để giúp cho những đơn vị và hộ này có điều kiện bảo đảm sản xuất.

Bộ quản lý sản xuất (nông, lâm, ngư nghiệp) căn cứ vào dự án kế hoạch sản xuất của các chuyên ngành và các địa

phương đưa ra yêu cầu cung ứng vật tư (cả về khối lượng, chủng loại, chất lượng, thời gian, địa điểm) và khối lượng mua nông sản theo kế hoạch cung ứng vật tư để Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lấy đó làm căn cứ tổng hợp thành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch. Phải thông báo trước và sớm khả năng cung ứng vật tư của Nhà nước trung ương để các địa phương và cơ sở chủ động tìm kiếm thêm vật tư cần thiết cho sản xuất kịp thời vụ.

Nhanh chóng chỉnh đốn hệ thống tổ chức và phương thức hoạt động của ngành cung ứng vật tư nông nghiệp và vận tải vật tư từ trung ương đến tận từng địa bàn trực tiếp phục vụ sản xuất (huyện, cụm kinh tế - kỹ thuật dưới huyện); bảo đảm vật tư được đưa trực tiếp đến người sử dụng đúng số lượng, chất lượng, đúng giá cả quy định (kể cả chi phí lưu thông vật tư đến tận người sử dụng), kịp thời vụ theo kế hoạch và hợp đồng kinh tế; khắc phục cho được tình trạng vật tư nhà nước chạy vòng vèo qua nhiều tầng nấc trung gian, bị phết phẩy đẩy giá lên cao, bị hư hao, mất mát, tuần ra thị trường tự do và những hiện tượng tiêu cực khác trong ngành vật tư và giao thông vận tải. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị cung ứng, vận chuyển vật tư, thu mua sản phẩm với cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện.

Ngoài phần vật tư cân đối theo kế hoạch, phải dành một số lượng vật tư, tư liệu sản xuất để ký hợp đồng hoặc bán theo giá kinh doanh cho kinh tế gia đình và các thành phần kinh tế khác.

c) Về chính sách khuyến khích sản xuất lương thực, chính sách thuế, lao động nghĩa vụ, thu mua và thị trường

Có chính sách toàn diện khuyến khích phát triển lương

thực, bảo đảm cho người trồng cây lương thực có lãi thoả đáng. Trước mắt, thực hiện đúng luật thuế nông nghiệp. Hội đồng Bộ trưởng cần sớm nghiên cứu cải tiến chính sách thuế đối với nông nghiệp trình Quốc hội. Điều chỉnh thuế kinh doanh đối với các cây công nghiệp có giá trị kinh tế lớn, nhất là ở trên các vùng có địa tô cao, thuế vườn theo doanh thu.

Nghiêm cấm các hình thức phụ thu quá đáng đối với nông dân; Nhà nước phải có quy định cụ thể về việc này. Đất trồng rừng và cây công nghiệp lâu năm được miễn thuế suốt thời gian chưa có thu hoạch. Việc miễn, giảm thuế nông nghiệp vì thiên tai mất mùa phải kịp thời dựa trên cơ sở kiến nghị tập thể của nông dân, đánh giá, xác nhận của chính quyền cơ sở và do chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Nhà nước.

Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo việc nghiên cứu sớm chính sách lao động nghĩa vụ của công dân theo hướng giảm nghĩa vụ lao động xã hội cho nông dân, đặc biệt giảm nghĩa vụ lao động đối với nữ.

Củng cố, tăng cường hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa dưới nhiều hình thức thích hợp. Chuyển các hoạt động thương nghiệp quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tăng cường hợp tác xã mua bán; phát triển chợ nông thôn. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận tiện cho việc giao lưu hàng hoá, kể cả trâu bò giữa các vùng trong cả nước. Các địa phương không được tùy tiện đặt ra các loại thuế lưu thông ngoài chính sách thuế của Nhà nước. Các tổ chức kinh doanh khi nhận hàng phải thanh toán tiền ngay

cho tổ chức sản xuất, không được chiếm dụng vốn của các đơn vị sản xuất.

d) *Chính sách khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp*

Đầu tư thích đáng cho công tác nghiên cứu ứng dụng và ứng dụng khoa học - kỹ thuật; coi trọng ứng dụng vào sản xuất các thành tựu của cách mạng sinh học và đổi mới công nghệ học, nhất là những kỹ thuật tiến bộ về giống cây, con, về thâm canh tăng năng suất, về chế biến, về sử dụng phân bón, tưới tiêu, về công cụ cải tiến và cơ giới, về sử dụng các nguồn năng lượng tự nhiên để giải quyết chất đốt và phát điện nhỏ (như khí mê-tan, nguồn nước, bức xạ mặt trời, sức gió). Tổ chức tốt công tác dự báo thời tiết, dự báo sâu bệnh cho cây trồng, vật nuôi.

Chuyển dần các cơ sở nghiên cứu khoa học ứng dụng và thực nghiệm sang thực hiện chế độ hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; khuyến khích tạo điều kiện xây dựng từng bước các hình thức tổ chức liên hiệp khoa học - sản xuất; phổ biến nhanh chóng, sâu rộng các tiến bộ về kỹ thuật, về tổ chức quản lý cho các cơ sở sản xuất.

Trung ương trực tiếp quản lý các viện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu liên ngành. Thành lập thêm các phân viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật và các trường đào tạo theo vùng để nghiên cứu và đào tạo cán bộ sát hợp với từng vùng có điều kiện sinh thái khác nhau. Chuyển các viện chuyên ngành về các liên hiệp các xí nghiệp, các tổng công ty quản lý. Phân cấp cụ thể việc sản xuất và quản lý giống cây trồng, vật nuôi. Đối với các loại giống chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận, không được đưa vào sản xuất.

Nhà nước sớm có các chính sách, chế độ cụ thể đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ khoa học - kỹ thuật, khuyến khích sáng chế, phát minh khoa học, khuyến khích cán bộ kỹ thuật và quản lý giỏi về cơ sở sản xuất, nhất là về các vùng sản xuất có tiềm năng lớn nhưng chưa phát triển.

e) *Xử lý những trường hợp phức tạp về quyền sử dụng ruộng đất ở miền Nam*

Hội đồng Bộ trưởng căn cứ vào tình hình thực tế để có hướng dẫn cụ thể cho các nơi thực hiện.

3. *Chấn chỉnh tổ chức bộ máy và công tác cán bộ*

Nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý và làm tốt công tác cán bộ là yếu tố quyết định để đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp.

a) *Chấn chỉnh tổ chức bộ máy quản lý*

Khắc phục tình trạng công kênh, chồng chéo, phân tán và nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý nông nghiệp các cấp. Tăng cường chất lượng và phương thức hoạt động của các Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy lợi và Thủy sản, làm cho các Bộ này đảm nhiệm tốt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo cơ chế mới.

Ở cấp tỉnh và huyện, cần rà soát và tăng cường ngay chất lượng bộ máy quản lý nông nghiệp theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, ít đầu mối, đủ sức bảo đảm chức năng, nhiệm vụ được xác định.

b) *Chấn chỉnh một bước công tác cán bộ*

Khẩn trương rà soát lại *đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt* của các ngành, địa phương và cơ sở để bố trí thích hợp và kịp thời đưa đi bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý. Nội dung bồi dưỡng phải thiết thực, phù hợp với chủ trương mới của Đảng, làm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý am hiểu được các vấn đề cơ bản của quản lý, có hiểu biết và kiến thức cơ bản về công nghệ học và kỹ thuật của ngành, về tâm lý xã hội. Phải lựa chọn từ cơ sở những người có phẩm chất, có tài năng, có triển vọng về quản lý để đưa đi bồi dưỡng và đề bạt.

Đối với cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ: cần tăng cường đào tạo kỹ sư thực hành và cán bộ nghiệp vụ quản lý cho cơ sở sản xuất theo phương châm: các cơ sở sản xuất giới thiệu người đi học để về làm việc cho cơ sở (trước mắt, Nhà nước còn cấp một phần kinh phí cho số cán bộ này đi học, tiến tới đơn vị sản xuất cử người đi học chịu kinh phí đào tạo).

Tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng *đội ngũ công nhân nông nghiệp*, đồng thời có chính sách đãi ngộ thoả đáng để xây dựng đội ngũ những người sản xuất nông nghiệp giỏi, có tri thức kỹ thuật và quản lý ở nông thôn, ở các đơn vị cơ sở sản xuất nông nghiệp.

Nhanh chóng quy hoạch lại mạng lưới các trường dựa trên cơ sở có sự phân công, phân cấp hợp lý giữa trung ương, tỉnh, huyện trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nông nghiệp. Biên soạn lại giáo trình theo nội dung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp của Đảng.

D- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Gắn việc giải quyết đúng đắn các vấn đề xã hội và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa với việc phát triển sản xuất, đổi mới quản lý nông nghiệp bằng những việc làm thiết thực sau đây:

1. Xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của từng huyện, từng xã, thể hiện cho được sự thống nhất hài hoà giữa quy hoạch phát triển sản xuất nông - công nghiệp, quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, khu dân cư, nhà ở, các cụm kinh tế - kỹ thuật, mạng lưới dịch vụ sản xuất và thương nghiệp, quy hoạch hệ thống các công trình văn hoá, xã hội và phúc lợi công cộng (như trường học, bệnh xá, trạm

xá, nhà trẻ, mẫu giáo, nhà văn hoá thông tin, công trình thể dục thể thao...), quy hoạch xây dựng các cụm phòng thủ và địa bàn an toàn về an ninh, trật tự.

Việc xây dựng quy hoạch phải trên cơ sở tính toán, dự đoán hướng phát triển kinh tế, xã hội trong một thời gian dài, đồng thời phải xác định rõ bước đi cụ thể và thích hợp với điều kiện từng nơi.

2. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, no ấm, đoàn kết, văn minh, tiến bộ.

Đi đôi với phát triển sản xuất và phân phối công bằng, hợp lý, cần tích cực thực hiện sinh đẻ có kế hoạch và bố trí dân cư hợp lý; phát triển hệ thống truyền thông đại chúng và hệ thống giáo dục phổ thông, hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên nông thôn, chấm dứt tình trạng mù chữ và tái mù chữ, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.

Phát triển mạnh mẽ giao thông nông thôn vì lợi ích kinh tế, dân sinh và quốc phòng, an ninh.

Xây dựng nếp sống văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, phát huy được truyền thống chiến đấu, lao động cần cù, dũng cảm và thương yêu đùm bọc lẫn nhau, một lòng tin yêu Đảng và đi theo Đảng lên chủ nghĩa xã hội, có cuộc sống lành mạnh, tiết kiệm, tiến bộ, loại trừ các hủ tục mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội ở nông thôn (như ma chay, cưới xin lãng phí, rượu chè, cờ bạc, v.v.).

3. Dân chủ hoá và công khai hoá công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, làm cho nhân dân lao động được thực sự làm chủ về kinh tế, chính trị và xã hội, bảo đảm quyền ứng cử,

bầu cử của nhân dân. Mặt khác, đề cao kỷ luật và pháp luật, giáo dục, vận động nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

Phát huy quyền lực quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của các cơ quan dân cử. Làm cho hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân có nhiều hoạt động thiết thực và có hiệu quả trong việc tổ chức, động viên nhân dân phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống mới theo quy hoạch, kế hoạch chung và chủ trương, chính sách của Đảng, trong việc kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc chấp hành pháp luật ở nông thôn, trong việc thường xuyên tiếp xúc với nhân dân và giải quyết thoả đáng, kịp thời các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

E- TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG

1. *Tổ chức cơ sở đảng* ở nông thôn và trong các đơn vị kinh tế nông nghiệp có trách nhiệm lãnh đạo các mặt hoạt động ở nông thôn và trong các đơn vị kinh tế cơ sở, xây dựng tổ chức đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thực sự là hạt nhân lãnh đạo và lực lượng nòng cốt của công cuộc xây dựng nền kinh tế mới, chế độ xã hội mới. Phải làm tốt những việc sau đây:

a) Biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước thành hành động cách mạng sôi nổi của nhân dân, thành cuộc sống thực tiễn ở địa phương, đơn vị bằng cách:

- Làm quán triệt trong Đảng và phổ biến nhanh chóng, kịp thời, sâu rộng trong nhân dân đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ kế hoạch của địa phương, của đơn vị; chỉ đạo quần

chúng bàn bạc dân chủ về những việc nhân dân cần làm, về tổ chức phong trào thi đua thực hiện, về công tác giám sát và thanh tra nhân dân, thực hiện tốt khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

- Có nội dung chỉ đạo đúng đối với các đơn vị kinh tế, cơ quan chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở trong việc vận dụng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy được vai trò, trách nhiệm và tính chủ động của các tổ chức kinh tế, xã hội trong việc phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng nông thôn mới theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Tổ chức cơ sở đảng không can thiệp vào công việc cụ thể của các tổ chức, nhưng phải thường xuyên lãnh đạo và tăng cường kiểm tra các tổ chức kinh tế và chính quyền cơ sở trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ, nội quy quản lý của cơ sở; thường xuyên kiến nghị với cơ quan quản lý cơ sở các chủ trương, biện pháp quan trọng để thi hành chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh tế, xã hội của đơn vị, phát huy quyền làm chủ của các thành viên, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và chăm lo đời sống của người lao động.

b) Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, công tác xây dựng đảng, phát huy tác dụng gương mẫu của cán bộ, đảng viên lõi cuốn quần chúng cùng hăng hái chấp hành chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thi đua thực hiện nội dung đổi mới quản lý kinh tế và kế hoạch kinh tế, xã hội của đơn vị.

Củng cố tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng theo đúng tinh thần và nội dung các nghị quyết của Đảng. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ chức đảng cơ sở, thực hiện thường xuyên tự phê bình và phê bình trong nội bộ và tổ chức cho

quần chúng tích cực tham gia phê bình sự lãnh đạo của Đảng, phê bình cán bộ, đảng viên. Kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Phát hiện, giáo dục, bồi dưỡng và kết nạp những người thực sự có đủ tiêu chuẩn vào Đảng xuất hiện qua phong trào cách mạng sôi nổi của nhân dân.

c) Ra sức xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, có kiến thức văn hoá, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý tốt đội ngũ cán bộ đó. Kiên quyết thanh toán tệ bè phái, cửa quyền, đặc quyền, đặc lợi trong hàng ngũ cán bộ. Giới thiệu cán bộ tốt để tập thể và cấp có thẩm quyền lựa chọn quyết định. Lãnh đạo việc bầu cử, tuyển chọn cán bộ một cách thực sự dân chủ.

Kiểm tra, giám sát cán bộ lãnh đạo và quản lý trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch của đơn vị và việc bảo đảm quyền làm chủ của công nhân, viên chức, của xã viên và nhân dân.

d) Nghiên cứu tổ chức hợp lý đảng bộ và các chi bộ đảng ở nông thôn, bảo đảm cho các đảng viên trong độ tuổi lao động sản xuất phát huy được tác dụng lãnh đạo và đi đầu trong đổi mới quản lý kinh tế, phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng xã hội mới; làm cho các đảng viên cao tuổi không còn trực tiếp tham gia sản xuất có sinh hoạt, hoạt động phù hợp với điều kiện tuổi tác, sức khỏe của mình và tiếp tục phát huy tác dụng gương mẫu, giáo dục, động viên con em và ủng hộ thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa về mọi mặt.

2. Phát huy vai trò của *Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam* trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội ở nông thôn, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho nông dân, vận động và tổ chức nhân dân thi đua đẩy mạnh sản xuất, đổi mới quản lý, xây dựng con người

mới, nông thôn mới, làm tròn nghĩa vụ với tập thể, với Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng đảng, chính quyền, kiên quyết đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Mở một cuộc vận động sâu rộng thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị đối với nông nghiệp, gây thành phong trào hành động sôi nổi từ trung ương đến cơ sở và từng người lao động.

1. Tổ chức ngay việc quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị trong các cấp uỷ, các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý, cho đến cơ sở và người lao động, làm cho mỗi cấp, mỗi người nắm vững tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết, biến thành hành động cụ thể ngay từ việc điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 1988.

2. Hội đồng Bộ trưởng phải nhanh chóng thể chế hoá Nghị quyết Bộ Chính trị thành các văn bản pháp quy cụ thể của Nhà nước. Trong việc cụ thể hoá, cần chú ý tới đặc điểm của các vùng miền núi để có chính sách chiếu cố thoả đáng về các mặt.

3. Các cấp, các ngành có kế hoạch và chính sách tích cực đưa nhiều cán bộ có năng lực về cơ sở. Khẩn trương mở các lớp bồi dưỡng ngắn về nội dung đổi mới quản lý nông nghiệp, về cách thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước cho cán bộ chủ chốt ở các đơn vị cơ sở.

4. Từng ngành, từng cấp phải định kỳ báo cáo kết quả

thực hiện; thường xuyên tổ chức kiểm tra; sau khoảng 6 tháng, phải có sơ kết, phát hiện những kinh nghiệm tốt để phát huy, những lệch lạc để uốn nắn kịp thời. Hội đồng Bộ trưởng và các bộ trong khối nông nghiệp trực tiếp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết. Ban Nông nghiệp Trung ương Đảng chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết và thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 84-TB/TW, ngày 5 tháng 4 năm 1988

Về yêu cầu, nội dung Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI)

Từ ngày 19 đến ngày 22-3-1988, Bộ Chính trị đã họp để chuẩn bị Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương bàn về công tác xây dựng đảng. Bộ Chính trị đã cho ý kiến như sau:

I- YÊU CẦU CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG NĂM

- Đảng ta đang đứng trước nhiệm vụ xây dựng đất nước về mọi mặt hết sức to lớn và phức tạp, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ đó đòi hỏi Đảng phải trưởng thành vượt bậc để đủ sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết Trung ương, nghị quyết Bộ Chính trị, các chỉ thị của Ban Bí thư, các quyết định cụ thể hoá của Nhà nước. Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã xác định "xây dựng đảng thật sự ngang tầm một đảng cầm quyền có trọng trách lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ

chiến lược là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách". Đại hội cũng đề ra cần có hội nghị Trung ương bàn chuyên đề về xây dựng đảng theo những quan điểm đổi mới của Đại hội lần thứ VI của Đảng.

- Từ Đại hội VI đến nay, Ban Chấp hành Trung ương đã có một số nghị quyết về kinh tế - xã hội, Bộ Chính trị đã có nghị quyết về cuộc vận động "làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội", các nghị quyết về quốc phòng, an ninh, về văn hoá - văn nghệ. Song nội dung đổi mới về xây dựng đảng chưa được xây dựng, cụ thể hoá để thực hiện thống nhất. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho các nghị quyết của Đảng không được thực hiện hoặc thực hiện không thống nhất, không đầy đủ và kém hiệu quả. Hiện nay, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng trong hệ thống tổ chức của cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể quần chúng cũng đang đặt ra nhiều vấn đề phải xem xét, giải quyết theo quan điểm đổi mới của Đại hội VI.

- Trong khung cảnh đó, nội dung căn bản của công tác xây dựng đảng phải gắn liền với tình hình chung của đất nước, của Đảng, phải là một bước ngoặt trong công tác xây dựng đảng về tư tưởng, tổ chức, cán bộ và phong cách; Đảng phải thực sự là đội quân tiên phong lãnh đạo quần chúng làm cách mạng.

- Để bàn toàn diện và cơ bản về vấn đề xây dựng đảng còn phải có tư tưởng chỉ đạo của Cương lĩnh chính trị và Chiến lược kinh tế - xã hội và cũng phải có thời gian cần thiết để tổng kết công tác xây dựng đảng. Nhưng Cương lĩnh chính trị và Chiến lược kinh tế - xã hội đang trong quá trình xây dựng, phải đến năm 1989 mới hoàn thành và thời gian cũng quá gấp, không thể làm tổng kết các mặt về công tác xây dựng đảng được. Vì vậy, Hội nghị Trung ương 5 về xây dựng đảng chỉ nên chọn một số vấn đề cấp thiết với yêu cầu sau đây:

Một là, đánh giá đúng tình hình và bản chất của Đảng ta từ khi đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước đến nay theo tinh thần đổi mới của Đại hội VI. Việc đánh giá tình hình phải mang tính tổng kết về công tác xây dựng đảng, đi sâu vào các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Hai là, đề ra những quyết định về xây dựng đảng, tập trung vào những vấn đề quan trọng và *cấp bách nhất* phục vụ việc thi hành Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết Trung ương, nghị quyết Bộ Chính trị, sau đó đề ra những quyết định cụ thể về công tác tư tưởng, công tác cán bộ, về cơ sở đảng và đảng viên để sau Hội nghị Trung ương 5 có thể ban hành và thực hiện được ngay.

Ba là, đặt đúng vị trí của công tác xây dựng đảng, xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng đối với việc đổi mới công tác xây dựng đảng; gắn liền việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về xây dựng đảng với nghị quyết Bộ Chính trị về cuộc vận động lớn trong Đảng, trong cơ quan nhà nước và trong xã hội.

Bốn là, Hội nghị Trung ương 5 tập trung giải quyết ba vấn đề chính, công tác tư tưởng, công tác cán bộ, tổ chức cơ sở và đảng viên. Các vấn đề đó xoay quanh chủ đề chung là phục vụ công cuộc đổi mới do Đại hội VI đề ra, trước hết là đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đổi mới chính sách kinh tế, nhất là đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Sử dụng và quản lý đúng đắn các thành phần kinh tế trong điều kiện phát triển sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa, góp phần giải phóng năng lực sản xuất, ổn định đời sống, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, lập lại kỷ cương, củng cố lòng tin của quần chúng.

II- MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. *Đánh giá tình hình và phương hướng, nhiệm vụ chung về xây dựng đảng.*

Vạch rõ tình hình cơ bản chung của đất nước hiện nay.

Đánh giá đúng những truyền thống, thành tựu cũng như những thiếu sót, tồn tại về Đảng, về công tác xây dựng đảng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhất là tính tiên phong gương mẫu, tính giai cấp công nhân, tính khoa học của một chính đảng vô sản. Đặc biệt, vạch rõ thực trạng hiện nay sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI. Làm rõ những nguyên nhân của sai lầm, khuyết điểm, trên cơ sở đó, rút ra những kinh nghiệm thiết thực về xây dựng đảng trong tình hình, nhiệm vụ mới. Xác định phương hướng, nhiệm vụ chung về xây dựng đảng, trước hết là đổi mới công tác tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt vững mạnh, có phẩm chất cách mạng, có tinh thần và năng lực đổi mới; nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Phần này cần trình bày cô đọng, thiết thực, cụ thể.

2. *Đổi mới công tác tư tưởng*

Đánh giá đúng, cụ thể, sắc bén những mặt mạnh, mặt yếu về thực trạng tư tưởng và công tác tư tưởng hiện nay, từ đó thấy rõ yêu cầu phải đổi mới công tác tư tưởng cả về nội dung, hình thức tổ chức, phương tiện và con người.

Chú trọng cụ thể hoá và làm rõ những yêu cầu nội dung về công tác lý luận, công tác giáo dục tư tưởng trong thời gian tới. Chủ yếu phải đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách, đổi mới công tác giáo dục, công tác quần chúng; xây dựng nhận thức đúng và thống nhất đối với các nghị quyết của Đảng; xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật trong việc chấp hành nghị quyết, bảo đảm đúng nguyên tắc tập

trung dân chủ, xây dựng tinh thần đoàn kết, thống nhất trên dưới một lòng; phê phán các tư tưởng, quan điểm lệch lạc; khơi dậy trí tuệ tập thể, nhiệt tình cách mạng, bám sát cuộc sống, sát tình hình, sát đối tượng để thực hiện những quan điểm đổi mới của Đại hội VI.

Trong điều kiện của nước ta, trên cơ sở nắm vững những quy luật phổ biến của chủ nghĩa xã hội, cần phải nghiên cứu, làm thử, tổng kết để tìm ra những hình thức và bước đi thích hợp của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. *Đổi mới công tác cán bộ*

- Đây là vấn đề trọng tâm của Hội nghị Trung ương 5. Trong công tác cán bộ thì vấn đề quan trọng nhất, quyết định nhất, nổi bật nhất là cán bộ chủ chốt của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở.

Chú trọng làm rõ thực trạng đội ngũ cán bộ, công tác cán bộ của các cấp, các ngành, các địa phương, cơ sở hiện nay. Xác định rõ yêu cầu nâng cao năng lực, phẩm chất cán bộ, tiêu chuẩn từng loại cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ, đoàn kết cán bộ, quy hoạch cán bộ... trước hết là cán bộ chủ chốt để thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, để chuẩn bị nhân sự cho Hội nghị đại biểu toàn quốc cuối năm và Đại hội VII sắp tới. Vấn đề tiêu chuẩn cán bộ, quy hoạch cán bộ, quản lý cán bộ theo quan điểm đổi mới của Đại hội VI là vấn đề cơ bản và cấp bách nhất trong công tác cán bộ, cần có những quy định cụ thể sau Hội nghị Trung ương 5 có thể thực hiện được ngay. Tinh thần chung là coi trọng phát hiện, sử dụng nhân tài, có chính sách đãi ngộ nhằm khuyến khích tài năng, bảo đảm sự chuyển tiếp có tính kế thừa, tính liên tục trong cốt cán lãnh đạo của Đảng, Nhà nước cũng như trong đội ngũ cốt cán ở cơ quan lãnh đạo

và quản lý các cấp, kể cả đội ngũ cán bộ đầu đàn các ngành khoa học.

- Về tổ chức, phương hướng chung là sắp xếp hợp lý cả tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở sao cho gọn nhẹ, tinh giản, bớt ban, bộ, ngành, tránh phiền hà cho cấp dưới, giảm mạnh biên chế. Phân biệt chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước, cải tiến sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở. Hết sức chú ý tới vai trò, vị trí và tổ chức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

4. Về tổ chức cơ sở đảng và đảng viên

- Vấn đề đánh giá đảng viên và tổ chức cơ sở đảng có ý nghĩa rất quan trọng. Trung ương đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về nâng cao chất lượng đảng viên, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Nhưng tình hình ít chuyển biến theo mong muốn. Vì vậy, việc đánh giá cho sát, đúng, cụ thể thực trạng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong từng loại hình tổ chức cơ sở đảng (nông thôn, phường, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, quân đội, công an, cơ quan...); xét kỹ các nguyên nhân là vấn đề quan trọng, nhất là trong hoàn cảnh Đảng phạm sai lầm kéo dài về lãnh đạo kinh tế - xã hội.

- Về chủ trương, biện pháp giải quyết, phải quán triệt tinh thần đổi mới và yêu cầu đổi mới của Đại hội VI, nhất là đổi mới về chính sách kinh tế, chính sách xã hội; nâng cao chất lượng đảng viên, định rõ tiêu chuẩn đảng viên, phát triển đảng trong tình hình tồn tại năm thành phần kinh tế và phát triển sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa; rà soát lại đội ngũ đảng viên, tăng cường công tác giáo dục, tự phê bình và phê bình trong Đảng, tiếp tục đưa những người không đủ

tư cách đảng viên ra khỏi Đảng bằng những hình thức, biện pháp thích hợp.

- Làm rõ chức năng lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng đối với tập thể lao động, chức năng kiểm tra đối với thủ trưởng và cơ quan quản lý theo cơ chế mới; tăng cường kiện toàn lại tổ chức cơ sở đảng, trọng tâm là trong lĩnh vực kinh tế, trước hết là lĩnh vực phân phối lưu thông cho phù hợp với tình hình thực tế và nguyên tắc tổ chức của Đảng để tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng.

*

* *

Bộ Chính trị dự định triệu tập Hội nghị Trung ương 5 bàn về công tác xây dựng đảng vào cuối tháng 5-1988.

Đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng góp ý kiến về yêu cầu, nội dung của Hội nghị Trung ương 5 và gửi văn bản về Văn phòng Trung ương trước ngày 20-4-1988.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 35-CT/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1988

Về củng cố tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Khoa học và kỹ thuật ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong lực lượng sản xuất của xã hội. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật nước ta đã được tập hợp lại trong các Hội Khoa học và kỹ thuật và có vai trò vô cùng quan trọng trong cách mạng khoa học và kỹ thuật.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam cần được củng cố tổ chức và đổi mới hoạt động, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nắm vững trọng tâm là ba chương trình kinh tế. Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo thực hiện có hiệu quả Chỉ thị này.

I- LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM là tổ chức xã hội tự nguyện của tất cả các Hội Khoa học và kỹ thuật của người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước.

Những nhiệm vụ chủ yếu của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam là:

1. Đoàn kết tất cả các Hội Khoa học và kỹ thuật của người Việt Nam ở trong và ngoài nước nhằm phổ cập chủ trương, chính sách khoa học và kỹ thuật của Đảng và Nhà nước, kiến thức khoa học và kỹ thuật cho quần chúng, bồi dưỡng và nâng cao liên tục trình độ cho đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, triển khai ứng dụng và đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, tư vấn về chính sách khoa học - kỹ thuật và kinh tế - xã hội cho Đảng và Nhà nước.

2. Phối hợp hoạt động của các tổ chức hội viên, quản lý thống nhất công tác hợp tác quốc tế trong Liên hiệp hội.

Thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ trên đây mà góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng con người mới cho hội viên.

II- CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam bao gồm các Hội Khoa học và kỹ thuật ngành Việt Nam và các Hội Khoa học kỹ thuật của Việt kiều ở các nước tự nguyện gia nhập Liên hiệp hội.
Liên hiệp hội có hệ thống tổ chức từ trung ương đến tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương

2. Ban Chấp hành Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam là Hội đồng điều hành của Liên hiệp hội, đại diện cho tất cả các Hội thành viên và Hội địa phương, được bầu ra theo nguyên tắc dân chủ và bình đẳng. Cơ cấu và cơ chế hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam phải thể hiện được nguyên tắc quản lý thống nhất của Liên hiệp hội và tính độc lập tự quản của các Hội thành viên và Hội địa phương.

3. Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo cơ cấu và quy chế của một đoàn thể quần chúng cấp trung ương, có biên chế độc lập, có tài chính riêng, có cơ quan ngôn luận và xuất bản riêng, hoạt động theo Điều lệ của Hội và tuân thủ luật pháp của Nhà nước.

4. Các Hội khoa học và kỹ thuật được sự tài trợ ban đầu của Nhà nước về kinh phí và hoạt động và sớm hướng tới tự chủ về tài chính.

Biên chế chuyên trách của hệ thống Liên hiệp hội do Hội tự xác định. Cán bộ chuyên trách công tác của Hội được hưởng các chế độ, chính sách như đối với các cán bộ cơ quan đảng, đoàn thể do quỹ lương của Hội tự trả. Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam cũng như các Hội ngành và Hội địa phương được hoạt động kinh tế theo chế độ ưu đãi để bảo đảm kinh phí cho hoạt động Hội.

III- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ Củng cố Hội

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Bí thư Trung ương Đảng - Ban Khoa giáo Trung ương giúp Ban Bí thư trực tiếp theo dõi,

hướng dẫn hoạt động Liên hiệp hội. Các ban khác của Đảng tùy theo chức năng và quy chế hoạt động của mình có trách nhiệm giúp đỡ và hướng dẫn Liên hiệp hội. Tổ chức đảng của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam trực thuộc Đảng ủy Khối Khoa giáo Trung ương.

Hội Liên hiệp Khoa học và kỹ thuật tỉnh, thành phố, đặc khu đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy, thành ủy, đặc khu ủy. Ban Khoa giáo (hoặc Tuyên giáo) các cấp giúp cấp ủy theo dõi, hướng dẫn hoạt động của Hội.

2. Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khoa học Việt Nam, các bộ, các ngành có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam và tạo điều kiện để Liên hiệp hội gắn các hoạt động của mình với hoạt động của Nhà nước, đồng thời để Liên hiệp hội thực hiện được chức năng phản biện và giám định xã hội về khoa học kỹ thuật của một Hội quần chúng.

3. Tổng Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức quần chúng khác cần phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam trong các hoạt động phổ biến kiến thức và vận động quần chúng ứng dụng và đưa nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Để chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc lần thứ II của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp hội có nhiệm vụ củng cố các hội đã có, thành lập các hội cần thiết bằng các hình thức thích hợp cho sự phát triển khoa học - kỹ thuật và kinh tế - xã hội của đất nước.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỒ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 49-QĐ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1988

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Khoa giáo Trung ương

Thi hành Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 22-7-1986 của Bộ Chính trị,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

I- VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN

Ban Khoa giáo Trung ương là cơ quan tham mưu chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác khoa giáo, có chức năng giúp Trung ương nghiên cứu, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thuộc các lĩnh vực khoa giáo, bao gồm khoa học (khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật), giáo dục (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và chuyên nghiệp), y tế và thể dục thể thao; làm công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đảng trong các ngành khoa giáo theo quy định của Trung ương; hướng dẫn nghiệp vụ cho các

Ban Khoa giáo hoặc Ban Tuyên giáo (về mặt công tác khoa giáo) của các cấp uỷ đảng.

Ban Khoa giáo Trung ương có *những nhiệm vụ cụ thể* sau đây:

1. Nghiên cứu đề xuất với Trung ương những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách thuộc các lĩnh vực khoa giáo; chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn và quyết định các vấn đề về công tác khoa giáo.
Theo dõi, kiểm tra việc thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong các lĩnh vực khoa giáo thành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
Đối với các vấn đề về công tác khoa giáo do các ngành chuẩn bị để trình Hội đồng Bộ trưởng, Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban có trách nhiệm theo dõi, tham gia nghiên cứu ngay từ đầu, thẩm tra dự án trước khi Hội đồng Bộ trưởng, Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định.
2. Giúp Ban Bí thư làm quán triệt và theo dõi, kiểm tra các cấp uỷ đảng, các ngành và các đoàn thể quần chúng, trước hết là các ngành và các hội quần chúng trong khối khoa giáo, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách về các lĩnh vực khoa giáo; kịp thời phát hiện những ưu điểm, những nhân tố mới để phát huy, những thiếu sót, lệch lạc để uốn nắn hoặc đề nghị Ban Bí thư, Bộ Chính trị uốn nắn; qua kiểm tra, đề xuất những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh chủ trương, chính sách và kiến nghị các biện pháp nhằm thúc đẩy việc thực hiện.
3. Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ chung về công tác tư tưởng của Đảng, giúp Ban Bí thư chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng đối với các ngành và các lực lượng làm công tác khoa giáo.
4. Tiến hành công tác tổ chức và cán bộ thuộc các ngành trong khối theo quy định của Trung ương.

Ban có trách nhiệm nắm tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ, đề xuất những chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và đãi ngộ cho phù hợp.

Theo dõi, đôn đốc các ngành thực hiện và tham gia xây dựng quy hoạch cán bộ của các ngành trong khối; đề xuất, thẩm tra và phát biểu ý kiến về danh sách cán bộ do các ngành và các hội quần chúng đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

Thường xuyên kiểm tra công tác tổ chức, cán bộ của các ngành, các hội trong khối, bảo đảm thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Giúp Ban Bí thư nắm tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ cao (tiên sĩ và giáo sư), quản lý những cán bộ khoa học và kỹ thuật thuộc diện Trung ương trực tiếp quản lý.

Giúp Ban Bí thư quản lý nhân sự chủ chốt của các ban chấp hành trung ương các hội khoa học kỹ thuật và chuyên môn, nghiệp vụ trong khối như: Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Y học cổ truyền dân tộc, Tổng hội Y học, v.v..

Đối với các đề án kiện toàn tổ chức bộ máy của các ngành trong khối, Ban có trách nhiệm thẩm tra và phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng trước khi quyết định.

5. Phối hợp với Ban Chấp hành Đảng bộ khối cơ quan Khoa giáo Trung ương hướng dẫn và kiểm tra các đảng bộ cơ quan trung ương thuộc khối khoa giáo trong việc quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, lựa chọn và bồi dưỡng các bí thư đảng bộ cơ quan.

Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nắm tổng hợp tình hình và nghiên cứu đề xuất ý kiến với Trung ương những vấn đề về xây dựng đảng ở các cơ sở thuộc lĩnh vực khoa giáo (trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu khoa học, v.v..).

6. Hướng dẫn nghiệp vụ cho các Ban Khoa giáo hoặc

Ban Tuyên giáo (về mặt công tác khoa giáo) của các cấp uỷ địa phương.

II- VỀ TỔ CHỨC, CÁN BỘ VÀ CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC CỦA BAN

Lãnh đạo Ban Khoa giáo Trung ương gồm có trưởng ban và bốn phó trưởng ban để phân công phụ trách các lĩnh vực công tác giáo dục, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và kỹ thuật, y tế và thể dục thể thao. Mỗi đồng chí phó trưởng ban là tổng chuyên viên của một lĩnh vực.

Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng. Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trung ương về toàn bộ công việc của Ban theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Các phó trưởng ban giúp trưởng ban và cùng với trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trung ương về lĩnh vực công tác được phân công.

Tổ chức bộ máy và biên chế của Ban phải gọn, nhẹ, coi trọng chất lượng.

Bộ máy của Ban gồm có:

- Tổ chuyên viên về giáo dục,
- Tổ chuyên viên về khoa học xã hội,
- Tổ chuyên viên về khoa học tự nhiên và kỹ thuật,
- Tổ chuyên viên về y tế,
- Tổ chuyên viên về thể dục thể thao,
- Vụ Tổ chức và cán bộ,
- Văn phòng.

Cán bộ của Ban phải là những chuyên gia giỏi, có phẩm chất và năng lực để thực hiện toàn diện chức năng của Ban trong từng lĩnh vực, phải có trình độ và năng lực để chủ trì tổ chức nghiên cứu hay tham gia nghiên cứu những vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban, chủ trì tiến hành

kiểm tra hoặc tham gia kiểm tra việc thực hiện các chủ trương của Đảng trong lĩnh vực mình phụ trách.

Ngoài số cán bộ trong biên chế, Ban được thực hiện chế độ sử dụng cộng tác viên để phục vụ công tác nghiên cứu và kiểm tra của Ban.

Ban Khoa giáo Trung ương bàn thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương về biên chế; bố trí lại cán bộ cho phù hợp với yêu cầu. Căn cứ vào nhu cầu để lựa chọn và đề nghị với Ban Bí thư điều động về Ban những cán bộ có đủ tiêu chuẩn trên đây để bổ sung cho những khâu còn thiếu.

Ban giữ vững chế độ báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư, trước hết là đồng chí Bí thư phụ trách khối, để được sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên. Ban được Ban Bí thư cung cấp đầy đủ thông tin và những điều kiện làm việc cần thiết khác để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong điều hành công tác, Ban chuyển dần sang *thực hiện chế độ chuyên viên*.

Ban duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các ban đảng khác, với Văn phòng Trung ương, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng và các bộ, các ngành trong khối, v.v., để cùng phối hợp công tác trong những nhiệm vụ có liên quan theo quy chế làm việc của Trung ương.

Ban được quan hệ với các cơ quan tương đương của các đảng các nước xã hội chủ nghĩa anh em để hợp tác trong các lĩnh vực công tác khoa giáo.

Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các ban khác của Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các ngành và các đoàn thể ở trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho các quyết định trước đây.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 36-CT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 1988

Về thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về "Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp"

Nghị quyết của Bộ Chính trị (số 10-NQ/TW ngày 5-4-1988) về "Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp" có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp toàn diện (nông, lâm, ngư), trước hết đối với việc đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và giải phóng sức sản xuất ở nông thôn.

Các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý kinh tế các cấp, các tổ chức và đơn vị kinh tế cơ sở cần làm tốt các việc sau đây:

1. Tổ chức ngay việc nghiên cứu quán triệt Nghị quyết trong các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể, các cơ quan quản lý cho đến cơ sở và người lao động, làm cho mỗi cấp, mỗi người nắm vững tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết, biến thành hành động cụ thể ngay từ việc điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 1988. Trong quá trình nghiên cứu, cần lưu ý cả những vấn đề lý luận và thực tiễn, đặc biệt quán triệt các quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, cả về kinh tế và xã hội nông

thôn; cần nắm vững đặc điểm về chặng đường đầu của thời kỳ quá độ và *những yêu cầu cần phải đạt được* trong đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.

Các đồng chí lãnh đạo tỉnh uỷ, thành uỷ và các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương phải trực tiếp phổ biến Nghị quyết này của Bộ Chính trị.

Ban Nông nghiệp Trung ương phối hợp với Ban Tuyên huấn, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương và các bộ trong khối nông nghiệp tổ chức bồi dưỡng về nội dung Nghị quyết cho một số cán bộ lãnh đạo, quản lý nông nghiệp, cán bộ tuyên huấn, cán bộ giảng dạy các trường đảng, trường quản lý.

Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Thông tin chỉ đạo các hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình... mở đợt tuyên truyền giải thích sâu rộng Nghị quyết Bộ Chính trị trong nhân dân gắn với việc giới thiệu những kinh nghiệm tốt, những điển hình hay, phê bình, nhắc nhở những nơi làm kém; chú ý đối tượng chính là nông thôn, người lao động nông nghiệp. Cần có hình thức thích hợp để tuyên truyền sâu rộng đến các vùng miền núi, đến đồng bào các dân tộc.

2. Trong khi nghiên cứu quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị, các ngành, các cấp, nhất là các Bộ trong khối nông nghiệp, cần liên hệ kiểm điểm trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới và công tác quản lý nông nghiệp trong thời gian vừa qua, xây dựng chương trình hành động *tập trung phục vụ nông nghiệp*, trước hết cho kế hoạch sản xuất, huy động, điều

phối lương thực, thực phẩm, tăng cường liên minh công - nông về kinh tế một cách thiết thực và có hiệu quả ngay từ kế hoạch năm 1988 và những năm tiếp sau.

3. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ trong khối nông nghiệp và các bộ có liên quan nhanh chóng thể chế hoá Nghị quyết Bộ Chính trị thành các văn bản pháp quy cụ thể của Nhà nước; việc này cần làm xong trong thời gian ngắn nhất.

4. Ban Nông nghiệp Trung ương chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết và thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các bộ, ban, ngành, hằng tháng báo cáo kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp về Ban Bí thư, đồng gửi Ban Nông nghiệp Trung ương để tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 34-CT/TW, ngày 14 tháng 4 năm 1988

Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Luật gia Việt Nam

Kể từ ngày thành lập đến nay, Hội Luật gia Việt Nam đã có nhiều đóng góp vào công cuộc xây dựng nền pháp lý xã hội chủ nghĩa Việt Nam và giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật trong cán bộ và nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của Đảng. Tuy nhiên, ở trung ương và địa phương tổ chức của Hội chưa được củng cố, hoạt động còn nặng về hình thức; sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng đối với Hội chưa được quan tâm đúng mức.

Để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện việc quản lý đất nước bằng pháp luật theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Hội Luật gia Việt Nam cần được củng cố và tăng cường về tổ chức, đổi mới về phương thức hoạt động, đặc biệt là tăng cường hoạt động trong nước. Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, các cấp, các ngành thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Cần thấy rõ hoạt động của Hội Luật gia có tác dụng quan trọng đối với công tác tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Hội Luật gia Việt Nam là tổ chức của những người làm công tác pháp luật, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Hội Luật gia dân chủ quốc tế. Hội có nhiệm vụ tập hợp những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy và thi hành pháp luật trong nước, tích cực tham gia tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; góp phần vào công cuộc xây dựng pháp luật, giám sát việc thi hành pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cho các ngành, trước hết là những cán bộ quản lý kinh tế và hành chính nhà nước; xây dựng nền pháp lý Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phục vụ cho công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, dân chủ hoá và xây dựng trật tự, kỷ cương xã hội chủ nghĩa. Hội hợp tác chặt chẽ với Hội Luật gia dân chủ quốc tế, tổ chức luật gia của các nước xã hội chủ nghĩa và các tổ chức luật gia tiến bộ trên thế giới, tích cực đấu tranh vì một thế giới hoà bình, công bằng, tiến bộ.

2. Hết sức coi trọng xây dựng và tăng cường hoạt động của Hội, bảo đảm thực hiện các công tác thiết thực, tránh hình thức. Những bộ, ngành, địa phương đã thành lập Hội, cần quan tâm lãnh đạo củng cố và tạo điều kiện, phương tiện thuận lợi... cho Hội hoạt động; những nơi chưa có tổ chức Hội thì cần thành lập và sớm triển khai hoạt động.

3. Lãnh đạo Hội Luật gia Việt Nam phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hướng dẫn các tổ chức của Hội hoạt động phục vụ các trọng tâm công tác của Đảng, Nhà nước, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật.

4. Ban Nội chính Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**
Số 18-TT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 1988

**Về lãnh đạo tốt đại hội các cấp
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Đại hội các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ III của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiến hành trong năm 1988 là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn và quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân. Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo tốt Đại hội Mặt trận để *đạt được những yêu cầu* sau đây:

- Quán triệt quan điểm "lấy dân làm gốc" và lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công"; làm cho việc chuẩn bị và tiến hành đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp là quá trình phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần làm chủ tập thể, tính tích cực và hành động cách mạng sáng tạo của các tầng lớp nhân dân để góp phần cùng với Đảng và Nhà nước từng bước khắc phục khó khăn, tham gia xây dựng, quản lý kinh tế và quản lý xã hội, thực hiện các nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng và các nghị quyết Trung ương Đảng tiếp theo đã đề ra.

- Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải thể hiện sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận, đổi

mới tổ chức và cán bộ, phát huy vai trò to lớn của Mặt trận trong việc đoàn kết toàn dân, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, các thành phần, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ, đoàn kết mọi người Việt Nam ở nước ngoài, thu hút đông đảo quần chúng vào các phong trào cách mạng, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các đại biểu đại hội, của các tầng lớp nhân dân, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", chăm lo đời sống nhân dân, bảo vệ những quyền công dân mà Hiến pháp đã quy định, vận động nhân dân phát triển sản xuất, làm kinh tế gia đình, tổ chức phân phối lưu thông, dịch vụ, hoạt động văn hoá, giáo dục lành mạnh, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, đấu tranh chống tiêu cực.

- Uỷ ban Mặt trận các cấp đi sâu, đi sát lực lượng sản xuất, kinh doanh tư nhân, cá thể, những trí thức tiêu biểu ngoài Đảng, các chức sắc tôn giáo, những người tiêu biểu trong các dân tộc và người Hoa, người già và người về hưu, người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài và thân nhân họ ở trong nước; tăng cường các hoạt động thiết thực của Mặt trận ở cơ sở phường, xã.

- Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc hướng vào việc xây dựng giám sát, kiểm tra thực hiện các chính sách xã hội và tham gia tích cực thực hiện ba chương trình kinh tế ở địa phương và trong cả nước, kết hợp chặt chẽ với cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ

máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.

- Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo tốt đại hội các cấp Mặt trận, từ chuẩn bị chu đáo đề án, chuẩn bị nhân sự đến tiến hành đại hội một cách thực sự dân chủ, có chất lượng cao. Đảng đoàn Mặt trận ở trung ương phối hợp với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, các ban Trung ương Đảng và các ngành có liên quan chuẩn bị và tiến hành đại hội Mặt trận toàn quốc thiết thực và tiết kiệm.

- Chỉ đạo các đoàn thể và các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về vai trò, nhiệm vụ và hoạt động của Mặt trận trước, trong và sau đại hội. Các cấp chính quyền cần tích cực giúp đỡ các cấp Mặt trận tiến hành đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 11-NQ/TW, ngày 2 tháng 5 năm 1988

Về các biện pháp cấp bách chống lạm phát

I- Tình hình lạm phát ở nước ta nghiêm trọng và kéo dài do nhiều nguyên nhân sâu xa như Đại hội VI của Đảng và các nghị quyết tiếp theo của Ban Chấp hành Trung ương đã phân tích. Song bước sang năm 1988, *tình hình lạm phát càng nghiêm trọng hơn*; biểu hiện tập trung ở giá cả thị trường tăng cao đột biến, lượng tiền phát hành thêm để bù đắp bội chi ngân sách và cho vay tín dụng tăng nhanh chưa từng có, đồng tiền mất giá rất nhanh. Trong hoàn cảnh đó, có ngành, địa phương và cơ sở khắc phục khó khăn, đổi mới quản lý, tiếp tục phát triển được sản xuất, kinh doanh; song nhìn toàn cục, sản xuất đình trệ, phân phối, lưu thông thêm rối loạn, ngân sách nhà nước thiếu hụt lớn; đời sống công nhân, viên chức, nhất là trong khu vực hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, người về hưu và một bộ phận quan trọng nông dân càng thêm khó khăn gay gắt, lòng dân không yên, v.v..

Nguyên nhân trực tiếp của tình hình lạm phát hiện nay là:

- Hai năm liền mất mùa nặng trong cả nước, sản xuất nông nghiệp sút kém, không thực hiện được kế hoạch huy động

và điều phối lương thực trong nước, *miền Bắc thiếu lương thực nghiêm trọng*, làm cho giá cả lương thực ở cả hai miền tăng đột biến, góp phần đẩy giá các mặt hàng khác lên theo.

- *Quản lý kinh tế vĩ mô bị buông lỏng, kỷ cương, kỷ luật từ trên xuống dưới không nghiêm*; vật tư, hàng hoá, nguồn vốn của Nhà nước bị sử dụng sai mục đích, kế hoạch, bị mất và lấy cấp quá lớn, tốc độ bội chi ngân sách quá nhanh, thất thu và lãng phí ngân sách rất nghiêm trọng, kỷ luật quản lý tiền mặt không được chấp hành, công tác tín dụng có nhiều khuyết điểm.

- *Việc chỉ đạo, điều hành có nhiều thiếu sót*; chậm cụ thể hoá và thể chế hoá các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị; chưa coi trọng công tác kiểm tra, kiểm soát, nhất là kiểm tra, thanh tra về tài chính, vật tư, tín dụng, giá cả; không kiên quyết xử lý những vụ tiêu cực lớn và nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu.

- *Không ngăn chặn được và đấu tranh có hiệu quả chống lại những thủ đoạn phá hoại nham hiểm của địch.*

Chống lạm phát là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và Nhà nước, phải được giải quyết một cách toàn diện, nhưng trong tình hình kinh tế - xã hội rất không bình thường hiện nay phải *thực hiện ngay một số biện pháp cấp bách để giảm tốc độ lạm phát, nhịp độ tăng giá và tỷ lệ bội chi ngân sách, bảo đảm đời sống tối thiểu của nhân dân lao động, không để tình hình tiếp tục diễn biến xấu hơn nữa*, tiến tới ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội.

Nghị quyết này của Bộ Chính trị tập trung vào những biện pháp cấp bách thực hiện trong năm 1988.

II- NHỮNG BIỆN PHÁP CẤP BÁCH CHỐNG LẠM PHÁT LÀ

1. Tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực, nhất là ở miền Bắc

Để đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm Nhà nước nắm đại bộ phận lương thực thực phẩm, phải mở rộng việc ký kết hợp đồng kinh tế với nông dân. Trước mắt, Hội đồng Bộ trưởng và các cấp, các ngành tập trung hơn nữa nguồn vật tư và vốn của cả nước, kể cả của trung ương, địa phương và cơ sở nông nghiệp cho sản xuất lương thực, thực phẩm, vụ hè thu và vụ mùa; thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp.

- Ở những địa phương miền Bắc có diện người thiếu đói rộng và gay gắt, các tỉnh uỷ, huyện uỷ, đảng uỷ xã phải coi việc vận động và giúp đỡ nhân dân chống đói là nhiệm vụ trung tâm đột xuất.

- Hội đồng Bộ trưởng phải chỉ đạo bằng mọi cách có đủ lương thực bán kịp thời theo định lượng cho các đối tượng hưởng lương và tăng được quỹ lương thực của Nhà nước để chủ động được cả trong những tháng giáp hạt.

Thu đúng, thu đủ các khoản nợ thuế, nợ hợp đồng hai chiều và dịch vụ kỹ thuật của các vụ trước (đảng viên, cán bộ phải gương mẫu trong việc này). Tích cực mua thêm lương thực ở những nơi có điều kiện. Thực hiện được kế hoạch vận chuyển lương thực từ Nam ra Bắc. Bộ Giao thông vận tải phải đặc biệt chăm lo việc chuyên chở này, chống tiêu cực, ăn cắp và làm mất phẩm chất lúa, gạo trên đường vận chuyển. Khẩn cấp nhập khẩu một số lương thực; kiên quyết điều chỉnh cơ cấu hàng nhập khẩu, sử dụng số ngoại tệ đã được phép nhập hàng tiêu dùng cao cấp, xa xỉ để nhập lương thực và

vật tư cho sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng.

Thu đúng, thu đủ thuế nông nghiệp và số lương thực mua theo hợp đồng kinh tế năm 1988; tích cực chuẩn bị hàng, tiền để mua lương thực ngoài hợp đồng ngay từ đầu vụ thu hoạch chiêm xuân 1988 ở miền Bắc, vụ hè thu ở Nam Bộ và các tỉnh miền Trung. Tập trung phân thóc thuế về Nhà nước trung ương sử dụng. Trong quan hệ giữa trung ương và địa phương, phải bảo đảm trung ương đưa về địa phương bao nhiêu vật tư, hàng hoá và tiền, thì trung ương phải thu lại được khối lượng lương thực tương ứng theo tỷ giá vật tư - lương thực hợp lý (1 urê = 2 thóc) và giá cả đã được thoả thuận; các cấp chính quyền địa phương phải chịu trách nhiệm giao nộp đủ lương thực cho trung ương.

- Tập trung việc kinh doanh đại bộ phận lương thực vào hệ thống lương thực quốc doanh. Địa phương này mua lương thực của địa phương khác phải thông qua công ty lương thực sở tại, không mua trực tiếp của nông dân, hợp tác xã và không qua tư thương mua gom. Nghiêm trị những kẻ đầu cơ, tích trữ lương thực.

- Trên cơ sở thực hiện đồng bộ các biện pháp nói trên, phấn đấu kiềm chế giá lương thực và *kéo giá lương thực đột biến xuống* khi nông dân có thu hoạch và Nhà nước có tương đối đủ lương thực bán ra.

2. *Tăng cường quản lý vật tư, hàng hoá, ngoại tệ, kim loại quý, đá quý và quản lý thị trường*

- *Thực hiện Nhà nước độc quyền kinh doanh những vật tư chỉ có Nhà nước sản xuất và nhập khẩu; nghiêm cấm tư nhân kinh doanh các loại vật tư này.* Hội đồng Bộ trưởng

sớm ban hành những biện pháp cụ thể để thực hiện chủ trương này. Huy động ngay những vật tư, hàng hoá tồn kho quá mức, quá hạn của các cơ sở sản xuất và các tổ chức kinh doanh vào sản xuất và lưu thông để thu nhanh tiền về bổ sung cho vốn lưu động.

- *Trung ương thống nhất quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, thống nhất quản lý ngoại tệ để sử dụng có kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của cả nước*, đồng thời bảo đảm quyền lợi chính đáng và nhu cầu ngoại tệ cho tái sản xuất, mở rộng kinh doanh của các cơ sở, các tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất, nhập khẩu. Đi đôi với việc thực hiện chế độ *mua, bán ngoại tệ thông qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam*, bỏ chế độ kết hối ngoại tệ. *Chấm dứt việc mua bán, thanh toán bằng ngoại tệ* giữa các đơn vị và tổ chức trong nước. Những trường hợp nhượng quyền sử dụng ngoại tệ trong quan hệ trao đổi, liên kết kinh tế đều phải thông qua Ngân hàng Ngoại thương. Phát hiện và xử lý nghiêm bọn đầu cơ, lưu thông trái phép ngoại tệ trên thị trường trong nước.

Ngân hàng thống nhất quản lý kinh doanh vàng, bạc, kim loại quý, đá quý và *có kế hoạch kinh doanh vàng, bạc* để phân đấu chi phối được giá vàng trên thị trường.

- *Tăng cường hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán*, làm cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chuyển sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chiếm lĩnh được thị trường bán buôn và chi phối được thị trường bán lẻ về những vật tư chủ yếu và mặt hàng thiết yếu nhất. Chấn chỉnh tổ chức, giáo dục cán bộ, nhân viên, tăng cường quản lý, khắc phục có hiệu quả những hiện tượng tiêu cực trong hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (đặc biệt là tệ ăn chênh lệch giá và tuồn hàng cho tư thương); bảo đảm vật tư chủ yếu và hàng hoá thiết yếu nhất đưa đến tay người sử dụng kịp thời, đúng giá theo chính sách của Nhà nước.

Phải giáo dục, tổ chức và quản lý tốt tiểu thương, đưa họ vào buôn bán có nền nếp theo quỹ đạo của hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với tăng cường thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, phải *sắp xếp, tổ chức lại để sử dụng tốt và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa thương nghiệp tư nhân dưới nhiều hình thức; tăng cường quản lý thị trường*, thực hiện nghiêm ngặt chế độ đăng ký và kiểm tra kinh doanh. Việc tăng cường quản lý thị trường không được gây trở ngại cho việc mở rộng lưu thông, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Mũi nhọn đấu tranh quản lý thị trường là bọn đầu cơ, buôn lậu, nâng giá, móc vật tư, hàng hoá của Nhà nước, những phần tử buôn bán lớn trái phép, những phần tử thoái hoá, biến chất trong guồng máy thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, trong bộ máy nhà nước và hệ thống tổ chức đảng. Phải nghiêm trị những phần tử nói trên.

Nghiêm cấm các cơ quan không có chức năng làm công tác phân phối lưu thông kinh doanh buôn bán để kiếm chênh lệch giá, gây rối loạn thị trường.

Các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng phải góp phần tăng cường quản lý giá cả, thị trường bằng các biện pháp đồng bộ: kinh tế, hành chính, giáo dục, tổ chức. Các cơ quan kinh tế, thanh tra nhà nước, các tổ chức làm công tác tư tưởng và các đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, quản lý giá, quản lý thị trường, tích cực đấu tranh chống tệ đầu cơ, buôn lậu, nâng giá. Phải thành lập các đội *thanh tra nhân dân* ở từng khu vực để làm việc này.

3. *Tạm thời thực hiện chính sách hai giá bán đối với những vật tư cơ bản và một số ít hàng tiêu dùng thiết yếu*

Đối với than, điện, xăng dầu, sắt, thép, xi măng, gỗ, giấy, áp dụng một giá bán buôn ổn định đến cuối năm 1988 (sau khi đã được điều chỉnh lên một mức độ nhất định cho phù hợp với chi phí sản xuất, chi phí nhập khẩu, thị trường và giá cả đã thay đổi và phù hợp với sức chịu đựng của nền kinh tế)

cho các ngành, các cơ sở thuộc các thành phần kinh tế sản xuất và tiêu thụ theo kế hoạch pháp lệnh và theo hợp đồng kinh tế với Nhà nước. Dành một phần các loại vật tư nói trên bán theo giá kinh doanh cho các cơ sở sản xuất khác và nhân dân. Để xoá nạn bao cấp qua giá kéo dài làm thiệt hại lớn cho ngân sách nhà nước, Nhà nước sẽ lần lần điều chỉnh giá vật tư lên sát với giá trị; các xí nghiệp phải kiên quyết đổi mới cơ chế quản lý, đưa kỹ thuật tiên bộ và công nghệ mới vào sản xuất để bảo đảm giá bán sản phẩm làm ra không đội giá thị trường vào thời điểm xí nghiệp giao hàng hoặc giá bán có cao hơn thị trường một ít nhưng được xã hội chấp nhận; không được vì lý do Nhà nước tăng giá vật tư mà xí nghiệp tùy tiện nâng giá bán sản phẩm. Nghiêm cấm việc mua đi, bán lại vật tư để thu chênh lệch giá.

Đối với *gạo, chất đốt* (ở các thành phố), *điện sinh hoạt hoặc dầu thắp sáng*, bán cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội theo định lượng *với giá ổn định* trong từng thời gian (từ 3 đến 6 tháng) do Hội đồng Bộ trưởng quy định. Bộ Tài chính bù lỗ kịp thời cho ngành hàng. Đối với *thịt (cá), đường, nước chấm (nước mắm), xà phòng* bán cho các đối tượng trên *theo định lượng với giá ổn định hay giá kinh doanh* tùy tình hình cụ thể từng nơi; nơi nào bán theo mức giá kinh doanh nào thì bù chênh lệch vào lương theo giá ấy. Các mặt hàng nói trên *bán cho các đối tượng khác theo giá kinh doanh thương nghiệp*.

Nơi nào có đủ điều kiện đang bù giá vào lương các mặt hàng định lượng trong lương, thì vẫn tiếp tục thực hiện, nhưng phải báo cáo và xin ý kiến của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về mức bù giá.

Đối với các mặt hàng khác, thực hiện bán theo một giá kinh doanh. Hàng xa xỉ, hàng tiêu dùng cao cấp bán theo giá thị trường.

Nhà nước phải sử dụng các biện pháp đồng bộ để bảo đảm quan hệ cung cầu, tăng cường quản lý giá, nhất là đối với các

mặt hàng có tác động lớn đến nền kinh tế, đến sản xuất và đời sống.

Hội đồng Bộ trưởng định giá bán các vật tư cơ bản và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Các uỷ ban nhân dân tỉnh, thành, đặc khu định giá mua nông sản ngoài hợp đồng, giá bán các vật tư và hàng tiêu dùng quan trọng của địa phương sản xuất, theo đúng những nguyên tắc định giá của Nhà nước. Các cơ sở sản xuất, lưu thông được định giá mua, giá bán với khách hàng theo nguyên tắc thoả thuận đối với các mặt hàng không thuộc danh mục các mặt hàng thuộc các cấp nói trên định giá. Hội đồng Bộ trưởng sớm định danh mục các mặt hàng thuộc từng cấp định giá.

Các bộ chủ quản, các uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố phải kiểm soát chặt chẽ giá bán ra của các xí nghiệp, công ty, giá mua hàng xuất khẩu, giá bán hàng nhập khẩu, sử dụng cả biện pháp kinh tế và hành chính (thuế, xử phạt về kinh tế, truy tố trước pháp luật, v.v..) để chấm dứt tình trạng tuỳ tiện nhập hàng tiêu dùng cao cấp, xa xỉ, chấm dứt việc tranh mua, tranh bán, tuỳ tiện nâng giá hàng xuất khẩu, hàng thiết yếu gây rối thị trường; bắt buộc niêm yết giá và bán hàng theo giá niêm yết.

4. Về lương

Việc trả lương, thưởng trong khu vực sản xuất kinh doanh phải gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế và năng suất lao động của công nhân viên chức dựa trên cơ sở định mức và *đơn giá tính lương* được xí nghiệp quy định theo sự hướng dẫn của cơ quan chức năng các cấp của Nhà nước.

Đối với cán bộ, nhân viên trong khu vực hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng chính sách xã hội, ngoài việc bảo đảm cung ứng kịp thời, đầy đủ lương thực và một số hàng tiêu dùng thiết yếu theo định lượng, Nhà nước *thực hiện chế độ trợ cấp khó khăn* trong từng thời gian (vài tháng) tuỳ theo diễn biến của tình hình giá cả.

Phải *quản lý chặt chẽ quỹ lương, quỹ thưởng*, nghiêm cấm mọi hiện tượng lợi dụng sơ hở trong quản lý kinh tế để tuỳ tiện trả lương, trả thưởng vượt quá mức tăng thu nhập của xí nghiệp và mức tăng năng suất lao động của công nhân. Đối với những tổ chức, cơ sở đã trả lương, thưởng vượt quá hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng suất lao động thực tế, Nhà nước phải có biện pháp kiểm tra để xử lý công minh.

Phải khẩn trương *tạo ra nhiều việc làm*, kể cả đẩy mạnh hợp tác lao động quốc tế và mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế trước hết cho những người trong các cơ sở kinh tế quốc doanh và trong biên chế nhà nước, góp phần tích cực *giảm biên chế*.

5. Về tài chính, ngân sách

a) *Tích cực tăng thu cho ngân sách và chống thất thu.*

Nâng tỷ lệ động viên từ thu nhập quốc dân sản xuất vào ngân sách năm 1988 cao hơn so với năm 1987 và đạt tỷ lệ 28-30% trong các năm sau.

Tất cả các cấp, các ngành phải chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách động viên đã ban hành, trước hết là các pháp lệnh về thuế và thu quốc doanh, không cho phép bất cứ cấp nào được tuỳ tiện sửa đổi hoặc đặt ra chế độ thu và không làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách; phải quản lý chặt chẽ, chống thất thu và không để khê đọng thuế. *Thu đủ nợ thuế và nợ hợp đồng hai chiều* trong khu vực kinh tế tập thể và cá thể. Nhà nước tập trung các nguồn thu của Nhà nước hiện đang bị phân tán và sử dụng trái phép trong khu vực kinh tế quốc doanh.

Khẩn trương *bổ sung, sửa đổi chế độ thuế hiện hành*. Từ quý II đến hết năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng và Hội đồng Nhà nước phải lần lượt xây dựng và ban hành những văn bản pháp quy mới về thuế nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp và nghề cá), thuế tiểu thủ công nghiệp, thuế thương nghiệp - dịch vụ, v.v..

Tăng cường bộ máy thu thuế trong hệ thống tài chính từ trung ương tới địa phương, vừa bảo đảm sự chỉ đạo của

ngành, vừa bảo đảm sự chỉ đạo của các cấp chính quyền, làm trong sạch đội ngũ cán bộ thuế, thay đổi phương pháp thu thuế và có kỷ luật nghiêm đối với mọi hành vi chống thuế, lậu thuế, tham ô thuế.

Các cấp uỷ đảng phải lãnh đạo chặt chẽ công tác thu thuế ở địa phương. Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu phải coi việc *bảo đảm các nguồn thu cho ngân sách nhà nước* là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của mình và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bộ trưởng. Các đoàn thể quần chúng phải đóng góp tích cực vào việc thực hiện chủ trương này.

Đẩy mạnh việc phát hành các hình thức công trái quốc gia để vay vốn ngắn hạn, dài hạn của dân. Chỉ đạo chặt chẽ việc xổ số, thu các khoản lệ phí, v.v.. Cho phép các cơ sở sản xuất (kể cả xí nghiệp quốc doanh) huy động vốn trong dân và cán bộ với tỷ lệ lãi hợp lý, để đỡ bớt cho ngân sách trong việc cấp vốn.

Trong điều hành kế hoạch ngân sách, *phải bám sát tình hình biến động của giá, kịp thời thu các khoản chênh lệch giá* để bù đắp ngân sách, chống đầu cơ nâng giá, điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

b) *Chi đúng và triệt để tiết kiệm chi.*

Dựa trên cơ sở nguồn thu có thể nắm chắc mà bố trí chi.

Sắp xếp lại cơ cấu chi cho hợp lý, có hiệu quả và thực hiện kiểm tra nghiêm ngặt các chế độ định mức chi.

Đối với *chi xây dựng cơ bản*, phải điều chỉnh lại việc bố trí vốn xây dựng cơ bản của cả trung ương, tỉnh, huyện, xã và cơ sở, *kể cả công trình trọng điểm*. Tập trung vốn đầu tư hơn nữa cho sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đặc biệt là cho kế hoạch sản xuất lương thực. Kiên quyết và khắt khe trừng phạt, hoãn những công trình (kể cả của trung ương, địa phương và cơ sở) không trực tiếp tạo ngay ra của cải vật chất.

Nhà nước có quy định cụ thể về kiểm soát đầu tư xây dựng cơ bản và phân công cơ quan có thẩm quyền quyết

định định, hoãn ngay những công trình không được phép xây dựng.

Thực hiện *triệt để tiết kiệm chi cả trong sản xuất và tiêu dùng, trong quốc phòng và an ninh*. Thi hành các biện pháp đặc biệt để giảm bớt các khoản bù lỗ, bù giá, trợ cấp xuất khẩu. Kiểm tra chặt chẽ các khoản chi ngoài lương, gắn với tinh giản biên chế bộ máy quản lý nhà nước và bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh. Giảm đến mức thấp nhất các khoản mua sắm và chi phí hành chính khác.

c) *Về phân cấp quản lý ngân sách và điều hành ngân sách*

Trong 6 tháng đầu năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành những sửa đổi, bổ sung về phân cấp quản lý ngân sách, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tính thống nhất trong hệ thống ngân sách nhà nước, xác định rõ vai trò chủ đạo và cơ cấu thu, chi của ngân sách trung ương, nhiệm vụ, quyền hạn và cấu thành các khoản thu, chi của ngân sách tỉnh, huyện, xã. Xoá bỏ mọi loại quỹ đen dưới mọi hình thức.

d) *Thiết lập trật tự, kỷ cương trong công tác tài vụ kế toán*, bắt buộc thực hiện nghiêm chỉnh điều lệ kế toán đã được Hội đồng Bộ trưởng ban hành và thực hiện báo cáo trung thực, nghiêm trị mọi vi phạm. Chuẩn bị sớm trình Quốc hội và Hội đồng Nhà nước ban hành pháp lệnh về kế toán thống kê, trên cơ sở đó nâng cao vai trò giám đốc tài chính, củng cố kỷ luật tài chính kế toán đối với các thành phần kinh tế.

e) *Tổ chức thanh tra tài chính và vật tư* đối với các địa phương, ngành và cơ sở trọng điểm, góp phần thúc đẩy hạch toán kinh tế, tăng cường bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống tham ô, lãng phí, xoá các quỹ đen và cấm tất cả các loại chi tiêu ngoài sổ sách kế toán, các hành động tham ô, trao đổi, mua bán trái phép vật tư của Nhà nước, đấu tranh chống mọi hành vi lậu thuế, trốn thuế, khai man trong sổ sách kế toán. Trong tháng 5-1988, tổ chức nhiều đoàn thanh tra tài chính, vật tư của Nhà nước về một số địa phương và ngành, kể cả các cơ sở kinh tế của quân đội và công an.

Xử lý nghiêm những hành vi cố ý vi phạm pháp luật và kỷ luật tài chính, vật tư. Sớm đưa ra xét xử trước pháp luật một số vụ tiêu cực, tham ô lớn tiền, hàng và vật tư của Nhà nước và công bố trên báo, đài.

6. Về tiền tệ, tín dụng

Ngay trong năm 1988, phải giảm tối đa mức phát hành tiền cho chi ngân sách nhà nước và cho vay tín dụng; ngân hàng phải huy động được nhiều vốn, lấy đó làm nguồn vốn cho vay chủ yếu của ngân hàng. Trong tình hình hiện nay, phải *thực hiện chính sách tín dụng có trọng điểm*, tập trung vốn cho vay vào các lĩnh vực sản xuất theo ba chương trình kinh tế lớn và cho các ngành kinh doanh quan trọng của trung ương. Phải phân biệt ngay *ngân hàng phát hành* và *ngân hàng kinh doanh*. Việc phát hành tiền cho ngân sách phải lấy từ ngân hàng phát hành và phải do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định; khi phát hành khối lượng tiền lớn phải do Bộ Chính trị quyết định. Ngân hàng kinh doanh phải thực sự kinh doanh tín dụng và các dịch vụ ngân hàng để phục vụ sản xuất, kinh doanh, đời sống và tăng nhanh vòng quay của đồng tiền qua ngân hàng.

Bắt buộc các *hộ có đăng ký kinh doanh*, trước hết là các hộ kinh doanh lớn, *phải mở tài khoản gửi vốn kinh doanh và thanh toán qua ngân hàng*.

Điều chỉnh hợp lý lãi suất tín dụng, có tính đến mối quan hệ giữa lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay, bảo đảm huy động được vốn, kể cả huy động vốn của dân; người sản xuất kinh doanh có thể vay vốn của ngân hàng mà phát triển sản xuất, kinh doanh có lãi, mặt khác ngân hàng thu hồi được vốn và không bị lỗ về dịch vụ cho vay.

Ngân hàng phải cải tiến thể thức thanh toán, nâng cao tinh thần trách nhiệm và có thái độ phục vụ tốt khách hàng, bảo đảm kịp thời và đủ tiền mặt cho nhu cầu sản xuất, lưu thông. Thực hiện bắt buộc thanh toán không dùng tiền mặt

giữa các tổ chức kinh tế quốc doanh, tập thể và tư nhân có tài khoản ở ngân hàng, nghiêm ngặt trước hết với các tổ chức kinh tế quốc doanh. Thực hiện *trả một phần lương bằng séc hoặc sổ mua hàng* để bớt phát hành tiền.

+ *Áp dụng các đòn bẩy và chế tài kinh tế* để thúc đẩy các ngành, các cơ sở sản xuất kinh doanh (cả quốc doanh và tập thể) tăng nhanh chu chuyển vật tư, hàng hoá, tăng nhanh vòng quay đồng tiền và thanh toán qua ngân hàng, tôn trọng kỷ luật tài chính, tiền mặt, tín dụng.

7. Thống nhất tư tưởng, hành động, đề cao trách nhiệm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương

Các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở và toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân cần quán triệt sâu sắc tinh thần và nội dung đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết Trung ương tiếp theo, hiểu rõ thực trạng kinh tế - xã hội và ý nghĩa của những biện pháp cấp bách chống lạm phát, *biến Nghị quyết của Bộ Chính trị về những biện pháp cấp bách chống lạm phát thành nhận thức, tư tưởng thống nhất trong toàn Đảng, toàn thể bộ máy nhà nước và toàn dân*, *đề cao trách nhiệm* của mọi cấp, mọi ngành, mọi người với cả nước, khắc phục mọi biểu hiện bảo thủ, trì trệ, cũng như chủ quan nóng vội, mọi biểu hiện của tệ tập trung quan liêu cũng như cục bộ, bản vị, phân tán, vô tổ chức.

Mặt khác, phải *tăng cường kỷ luật, kỷ cương*, bảo đảm "nói và làm theo nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước", xử lý kịp thời và nghiêm minh những trường hợp cố tình làm sai hoặc không chấp hành nghị quyết, pháp luật, để thực sự *tạo ra sự thống nhất hành động của toàn Đảng, toàn dân*, trước hết là của các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền, bảo đảm thực hiện thắng lợi các biện pháp cấp bách mà Nghị quyết này của Bộ Chính trị đã đề ra.

Đề cao kỷ luật hạch toán, thống kê và báo cáo trung thực.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thực hiện các biện pháp cấp bách chống lạm phát là một trọng tâm công tác của toàn Đảng, toàn dân, toàn thể bộ máy nhà nước hiện nay. Phải tăng cường sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của *Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền*, tạo ra sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn dân đối với Nghị quyết này của Bộ Chính trị. Thông qua đi sát thực tế, nghiên cứu, kiểm tra tình hình và chế độ báo cáo xin chỉ thị chặt chẽ Trung ương, Bộ Chính trị xem xét để điều chỉnh, bổ sung kịp thời những *giải pháp chưa hoàn chỉnh* và uốn nắn lệch lạc có thể nảy sinh. Phải giữ vững chế độ *hội ý hằng tuần* giữa Thường trực Ban Bí thư và Thường trực Hội đồng Bộ trưởng, giữa Thường trực các cấp ủy và Thường trực uỷ ban nhân dân để xử lý kịp thời các vấn đề mới phát sinh, tạo ra sự hoàn toàn thống nhất giữa chủ trương của Đảng và giải pháp cụ thể của Nhà nước.

- *Hội đồng Bộ trưởng tăng cường chỉ đạo, điều hành*; có chương trình hành động khẩn trương tổ chức thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị về mặt Nhà nước ngay từ tháng 5-1988, bắt buộc các ngành có phương án, kế hoạch thiết thực, tổ chức thực hiện cụ thể ngay trong quý II, có quy định thời hạn hoàn thành đối với từng việc lớn, nhanh chóng đề ra những biện pháp có hiệu lực để tăng cường quản lý vĩ mô nền kinh tế; trước mắt tập trung xây dựng để ban hành nhanh những văn bản pháp quy cấp thiết nhất phục vụ cho việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, xem xét lại và công bố huỷ bỏ ngay những văn bản pháp quy trái với tinh thần và nội dung Nghị quyết này. Cứ ba tháng một lần, có sơ kết báo cáo kết quả với Bộ Chính trị.

- *Các bộ trưởng, các Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố* có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết này của Bộ Chính trị và các biện pháp đã đề ra. Các cơ quan trung ương cần thay đổi cách làm việc, xuống tận cơ sở

cùng với cơ sở bàn bạc xây dựng với tinh thần cộng đồng trách nhiệm những phương án hợp lý hoá sản xuất, đẩy mạnh lưu thông, khắc phục khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, giúp các cơ sở chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, thực hiện các biện pháp chống lạm phát trong phạm vi và trách nhiệm của mỗi cơ sở.

- *Ban Bí thư cùng với Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các ngành, các cấp tiến hành đợt thanh tra tài chính* trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân liên quan đến việc thực hiện các biện pháp đấu tranh với lạm phát. Xử lý nghiêm và nhanh các đơn vị và cá nhân sai phạm, ở bất cứ cấp nào và cương vị nào. Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm của đợt tổng thanh tra này, xây dựng những quy chế quản lý đúng đắn, có hiệu quả về vật tư, tài chính, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và đưa công tác kiểm kê, kiểm soát của Đảng, Nhà nước và thanh tra của nhân dân lao động vào nền nếp.

- *Các ngành tuyên huấn và các cơ quan thông tin đại chúng* giải thích và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết của Bộ Chính trị, nội dung các biện pháp chống lạm phát, phương hướng khắc phục khó khăn và trách nhiệm của mọi người, mọi tổ chức trong việc góp phần chống lạm phát, làm chuyển biến tình hình, tạo ra sự nhất trí trong tư tưởng và hành động đối với các chủ trương của Đảng. Cần chỉ rõ những tiềm năng cần phát huy, những kinh nghiệm tốt cần phổ biến, kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, đồng thời chỉ rõ tính phức tạp, gian khổ đòi hỏi có thời gian của cuộc đấu tranh chống lạm phát, khắc phục tư tưởng bi quan, đồng thời đề phòng tư tưởng nóng vội. Đấu tranh kịp thời và sắc bén chống những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch,

những biểu hiện cơ hội, vụ lợi, lợi dụng hoặc xuyên tạc chính sách nhằm vun vén lợi ích cá nhân, cục bộ.

- *Cấp uỷ đảng các cấp* phải chỉ đạo chặt chẽ, kết hợp việc thực hiện các biện pháp cấp bách chống lạm phát với đổi mới công tác tổ chức - cán bộ, với việc tiến hành cuộc vận động chính trị lớn làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, đấu tranh chống tiêu cực.

- *Các đoàn thể quần chúng*, trước hết là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... phải vận động quần chúng với tinh thần làm chủ, tham gia tích cực vào việc thực hiện các chủ trương, biện pháp cấp bách chống lạm phát.

- *Các ban của Trung ương Đảng* phải tăng cường đi sát thực tế, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị ở các cấp, các ngành, thường xuyên sơ kết kinh nghiệm để đề nghị Ban Bí thư hoặc kiến nghị với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng kịp thời phát huy ưu điểm, uốn nắn lệch lạc.

Nghị quyết của Bộ Chính trị về các biện pháp cấp bách chống lạm phát không có gì là ngược lại, hoặc thụt lùi so với nội dung của các Nghị quyết 2, 3, 4 của Trung ương Đảng (Khoá VI). Trái lại, Nghị quyết nói rõ thêm, bổ sung thêm một số điểm để từ trung ương đến các cấp cần lưu ý trong khi thực hiện triệt để các Nghị quyết 2, 3 và 4 của Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH
Tháng 5 năm 1988

**Về Nghị quyết Bộ Chính trị về các biện pháp
cấp bách chống lạm phát***

Nghị quyết của Bộ Chính trị đã nêu khá đầy đủ về các biện pháp cấp bách chống lạm phát. Trong bài phát biểu này, tôi chỉ xin trình bày một số ý kiến nhằm làm sáng tỏ thêm một số vấn đề cần thiết.

Trước hết, tôi muốn nói Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về các biện pháp cấp bách chống lạm phát trong hoàn cảnh nào. Khi đặt vấn đề phải có nghị quyết của Bộ Chính trị về chống lạm phát, có ý kiến cho rằng, điều quan trọng hiện nay để chống lạm phát là ra sức phát triển sản xuất. Ý kiến này cho rằng hình như Bộ Chính trị chưa quan tâm đầy đủ đến vấn đề phát triển sản xuất, nếu cứ loay hoay mãi với vấn đề giá, lương, tiền thì không có lối ra. Về ý kiến đó, tôi muốn nói rằng trên nhận thức, Bộ Chính trị luôn luôn cho rằng sản

* Theo Công văn số 186/CV/TW, ngày 14-5-1988 gửi các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Tỉnh uỷ, Thành uỷ, các ban, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các bộ, uỷ ban, tổng cục.

xuất là gốc để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, kể cả vấn đề chống lạm phát. Trên thực tế, Bộ Chính trị cũng đã hành động như vậy. Việc ban hành các Nghị quyết 3 và 4 của Trung ương, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, các chính sách sử dụng và quản lý các thành phần kinh tế chính là nhằm mục đích đó. Việc mở rộng quan hệ kinh tế với Liên Xô, việc công bố Luật đầu tư với nước ngoài cũng không có mục đích nào khác hơn là để phát triển sản xuất trong nước. Tuy ba chương trình kinh tế chưa được thảo luận kỹ để ban hành, nhưng Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng vẫn quan tâm chỉ đạo giải quyết các vấn đề nảy sinh liên quan đến việc thực hiện nội dung ba chương trình. Vừa qua, Bộ Chính trị cũng đã yêu cầu Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các ngành xuống cùng các cơ sở sản xuất tính "đầu vào", "đầu ra", "quay hộp đen" để thực hiện Nghị quyết Trung ương 3. Tóm lại, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã và đang rất coi trọng nhiệm vụ lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất.

Song trong lúc này, khi mà cơn lốc lạm phát làm cho giá, tỷ giá, tiền lương, ngân sách, tiền tệ đã trở nên quá bất hợp lý, cản trở nghiêm trọng sản xuất, xuất khẩu, hạch toán kinh doanh, thì việc giải quyết *những vấn đề cấp bách chống lạm phát* là một khâu quan trọng không thể trì hoãn để tạo điều kiện phát triển sản xuất và ổn định một bước đời sống. Trong cơn lốc lạm phát này, đồng tiền mất giá quá nhanh, thước đo để hạch toán luôn luôn biến động, giá cả tăng vọt từng ngày, đồng lương thực tế giảm sút nghiêm trọng, thì sản xuất không thể phát triển một cách bình thường được. Tình trạng găm hàng chờ giá, sản xuất và kinh doanh quay vòng không kịp để bù đắp vốn so với tốc độ trượt giá quá nhanh, rõ ràng là những vật cản to lớn đối với sản xuất, đó là lý do vì sao phải có ngay nghị quyết của Bộ Chính trị về các biện pháp cấp bách chống lạm phát. Mặt khác, có xử lý nhanh và đúng những vấn đề về phân phối lưu thông thì mới có thể dành nhiều thời gian chỉ đạo giải quyết đồng bộ các mặt công tác khác, nhất là để cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp có nhiều

thời gian đi xuống dưới chỉ đạo, giúp đỡ các cơ sở tổ chức lại sản xuất, cải tiến kinh doanh, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý, biến các nghị quyết của Trung ương và các quyết định của Nhà nước thành hiện thực.

Ở đây tôi thấy cần thiết phải nói rõ thêm một số tình hình kinh tế - xã hội trước mắt để chúng ta cùng thống nhất với nhau về yêu cầu kìm hãm tốc độ lạm phát hiện nay quan trọng biết chừng nào đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của mọi cơ sở và tổ chức kinh tế, mọi thành phần kinh tế. Tình hình kinh tế - xã hội từ cuối năm 1987, nhất là bốn tháng đầu năm 1988, đột biến xấu đi rất nhanh.

Ở Hội nghị Trung ương 4, chúng ta nhận định tình hình kinh tế - xã hội nhìn chung vẫn đang tiếp tục diễn biến xấu, song trong nền kinh tế đã có những nhân tố mới, những kinh nghiệm tốt để năm 1988 *chuyển mạnh* các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo những bước đi vững chắc. Lúc bấy giờ, tình hình giá cả tương đối ít biến động (bình quân hàng tháng trong quý III-1987 tăng 7%). Ngay trong quý IV-1987, sau khi Nhà nước điều chỉnh giá vật tư lên, chỉ số giá thị trường trong thời gian ngắn ban đầu tuy tăng nhanh hơn nhưng không nhiều (bình quân hàng tháng trong quý IV-1987 là 10%). Từ tình hình đó, chúng ta cho rằng sang năm 1988, nói chung có thể sớm thực hiện cơ chế một giá kinh doanh; tính đúng, tính đủ giá vật tư, năng lượng đưa vào sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng; bảo đảm xuất nhập khẩu không lỗ, tiến tới có lãi; chuyển hẳn ngành lương thực sang mua bán với nông dân trong hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng theo sát giá thị trường, v.v.. Khi đặt ra những chủ trương như thế, chúng ta nghĩ rằng giá cả thị trường không có đột biến xấu, hơn nữa còn có thể ngày một ổn định hơn.

Nhưng tình hình đã không diễn ra như nhận định chủ quan của chúng ta. Từ đầu năm 1988 đến nay, tình hình tiếp tục diễn biến xấu quá nhanh. Tiền phát hành và giá thị trường

xã hội tăng lên đột biến với một tốc độ lớn, chưa từng có kể từ 13 năm nay. Chỉ trong vòng 3 tháng rưỡi, từ đầu tháng 12-1987 đến nay, thóc gạo và giá vàng tăng từ 3 đến 4 lần. Do hậu quả của hai năm sản xuất lương thực liên tục giảm sút nên giá thóc ở miền Bắc từ 100-120 đồng cuối năm 1987 lên 400 - 600đ/kg đầu năm 1988, ở đồng bằng sông Cửu Long từ 80-90 đồng lên 190-220đ/kg, giá gạo mậu dịch quốc doanh Hà Nội từ 170-180đ/kg lên 600-610đ/kg. Giá thóc gạo tăng nhanh đã đẩy các giá khác lên theo và làm cho tỷ giá giữa hàng nông sản và công nghệ phẩm càng thêm bất hợp lý. Giá vàng ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 500.000đ/lạng, nay đã lên 1,8 triệu đồng/lạng (18-4-1988). Mức bội chi ngân sách và khối lượng tiền phát hành và lưu thông từ đầu năm 1988 đến nay đã bằng cả năm 1987, trong khi đó Nhà nước vẫn còn nợ tiền mặt (nợ lương, phụ cấp, tiền bù giá...) hàng chục tỷ đồng. Tốc độ phát hành lớn buộc chúng ta phải đưa thêm các đồng tiền lớn vào lưu thông, nhưng vẫn in không kịp.

Đồng tiền mất giá rất nhanh, giá cả tăng đột biến, đến mức các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa đình đốn vì không thể bổ sung kịp vốn, không biết tiêu thụ sản phẩm theo giá nào. Đời sống nhân dân lao động, nhất là những người hưởng lương, ngày càng thêm khốn đốn. Diện nông dân thiếu đói ở miền Bắc càng mở rộng và số người thiếu đói gay gắt tăng nhanh. Các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân có vàng không dám bỏ vốn vào sản xuất, sợ mất cả chì lẫn chài, chỉ xoay xở buôn bán kiếm lời ngay. Các nhà đầu tư nước ngoài không phải xã hội chủ nghĩa vào thăm dò khả năng làm ăn với ta đều sợ tốc độ lạm phát của ta làm họ mất vốn nên không dám đầu tư, các tổ chức quốc tế thì không dám cho ta vay thêm nữa, v.v.. Tình hình nghiêm trọng về kinh tế dẫn đến những diễn biến xấu về tâm lý, xã hội, rất dễ đưa đến những biến động chính trị

nếu chúng ta lơ là cảnh giác, để cho kẻ thù và những phần tử xấu lợi dụng cơ hội xen vào kích động, khoét sâu tâm lý bất mãn đã nảy sinh trong nhân dân. Nếu cứ theo đà này, thì chưa biết tình hình sẽ diễn biến đến đâu, chưa lường trước được. Nói một cách hình ảnh là chúng ta đang ở trong "Vòng xoáy tròn ốc chết người". Tình hình đó diễn ra ở từng ngành, từng địa phương với mức độ gay gắt khác nhau, có những cơ sở vẫn tiếp tục kinh doanh có hiệu quả, song xét toàn bộ, chúng ta đang đứng trước tình hình khủng hoảng về kinh tế, rối loạn về phân phối lưu thông. Chính là xuất phát từ cách nhìn toàn cục đó mà Bộ Chính trị thấy cần có những chủ trương *cấp bách, đặc biệt* để kìm hãm tốc độ lạm phát quá nhanh.

Đặt vấn đề như vậy cũng hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết Đại hội VI của Đảng: "Giải quyết khâu then chốt là giảm dần, đi tới chấm dứt lạm phát".

Trong quá trình nghiên cứu nghị quyết, có ý kiến nói rằng: những biện pháp của nghị quyết này là quay trở lại cơ chế cũ tập trung quan liêu bao cấp, gò bó cấp dưới. Nhận định như vậy là không đúng. Bộ Chính trị bao giờ cũng chủ trương *phải mở rộng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương dưới sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước trung ương*. Việc thiết lập trật tự, kỷ cương, kỷ luật và tăng cường hiệu lực điều hành của Nhà nước trung ương trong quản lý vĩ mô nền kinh tế quốc dân khác hẳn với việc duy trì cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Cần nhấn mạnh rằng chúng ta chống lại sự tập trung thái quá, quan liêu hoá, không dựa trên cơ sở mở rộng đầy đủ dân chủ ở bên dưới, chứ không chống lại sự tập trung được coi là đúng đắn và cần thiết đối với Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, cả hai mặt tập trung và dân chủ chúng ta thực hiện còn yếu và phải tăng cường cả hai.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: "Tình trạng tập trung quan liêu trong công tác quản lý và điều hành còn nặng. Tình trạng phân tán, vô tổ chức trong hoạt động kinh tế cũng phổ biến", vì vậy, "thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ".

Theo phương hướng đó, trong thời gian qua, chúng ta đã thực hiện phân cấp quản lý kinh tế nhằm mở rộng quyền hạn và tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, làm cho *các cấp chính quyền địa phương phát huy được quyền chủ động trong việc giải quyết những nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương đi đôi với đề cao trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước trung ương và cả nước*. Đồng thời, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết bảo đảm quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất kinh doanh (Nghị quyết Hội nghị 3 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 217 của Hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp...). Việc thực hiện bước đầu các nghị quyết đó đã đem lại những kết quả tích cực. Đồng thời thực tế cũng chỉ rõ những lệch lạc cần uốn nắn do buông lỏng quản lý vĩ mô, kỷ cương và kỷ luật không nghiêm từ trên xuống dưới. Thực tế ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em đều chứng minh rằng: kinh tế vĩ mô càng phát triển sống động bao nhiêu càng đòi hỏi sự quản lý vĩ mô chặt chẽ bấy nhiêu. Nếu không như vậy sẽ xảy ra khả năng đi trượt khỏi quỹ đạo kinh tế xã hội chủ nghĩa có kế hoạch, tình trạng mạnh ai nấy được, hoạt động tự phát, vô tổ chức mở rộng địa bàn hoạt động, dẫn tới sự phát triển của đơn vị kinh tế này đối lập và kìm

hãm sự phát triển của đơn vị kinh tế khác và ngược lại. Như vậy, quản lý vĩ mô càng đúng đắn chừng nào càng tạo điều kiện cho các cơ sở, địa phương hoạt động tốt, tự chủ, sống động (nhưng có trật tự, kỷ cương) chừng ấy.

Cần lưu ý rằng so với các nước đang phát triển và nhiều nước tư bản chủ nghĩa, mức độ quản lý vĩ mô của Nhà nước ta hiện nay lỏng lẻo và yếu kém hơn nhiều. Chúng ta mới huy động được khoảng 22% thu nhập quốc dân sản xuất vào ngân sách nhà nước, trong khi các nước đang phát triển đã huy động được trên 30% thu nhập quốc dân vào ngân sách; Thụy Điển huy động tới 60% thu nhập quốc dân vào ngân sách. Không có nước nào cho phép thị trường chợ đen về ngoại tệ mạnh hoạt động ở quy mô rộng lớn như nước ta. Tình hình quản lý giá cả và những vật tư cơ bản ở tất cả các nước đều chặt chẽ hơn nước ta. Ngay như ở nước Mỹ là nước tư bản chủ nghĩa điển hình, trong thời kỳ khủng hoảng dầu lửa, việc lên giá một galon dầu mấy xu đôla cũng phải đưa ra Quốc hội thảo luận và quyết định. Có thể kể thêm một số hiện tượng buông lỏng quản lý vĩ mô khác như: việc bù giá vào lương ở mỗi địa phương làm theo một cách, dẫn đến sự khác biệt lớn trong thu nhập giữa những người ăn lương; thuế và hợp đồng hai chiều Nhà nước bị thất thu nghiêm trọng; ngân sách bị chi sai mục đích, nhiều thứ "quỹ đen" được lập ra trái phép; nạn tranh mua, tranh bán đẩy giá lên cao diễn ra phổ biến ở nhiều nơi, v.v.. Tất cả những tình hình đó đều là những nhân tố làm tăng thêm lạm phát. Nói như vậy để khẳng định sự tăng cường quản lý kinh tế vĩ mô như nghị quyết đã đề ra là hoàn toàn cần thiết, phù hợp với Nghị

quyết Đại hội VI. Mức độ các biện pháp đề ra trong Nghị quyết này của Bộ Chính trị là bình thường so với nhiều nước khác. Để chống lạm phát, có nước (như Áchentina) đã ban hành lệnh thiết quân luật, cấm tăng lương, tăng giá và đình chỉ phát hành tiền trong một thời gian nhất định. Sau khi cân nhắc kỹ, chúng ta đã không lựa chọn những quyết định đó, mặc dù một số chuyên gia trong nước ta cũng đã đề nghị những biện pháp quyết liệt như vậy.

Trong quá trình nghiên cứu nghị quyết cũng có những ý kiến cho rằng: Nghị quyết này của Bộ Chính trị là một bước lùi so với các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4. Nhận định tổng quát như vậy là không có cơ sở, Bộ Chính trị cho rằng: Nội dung và phương hướng cơ bản của các nghị quyết trên là hoàn toàn đúng đắn và phải tiếp tục tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt. Các nghị quyết đó đang đi vào cuộc sống và bước đầu phát huy tác dụng tích cực. Cần khẳng định rằng Nghị quyết này của Bộ Chính trị không có gì đối lập và mâu thuẫn với các nghị quyết của Trung ương trước đây, xét về nội dung và phương hướng cơ bản. Chỉ riêng về *giá một số ít mặt hàng là tạm thời có sự điều chỉnh nhất định mà thôi*. Sở dĩ có tình hình đó là vì như trên đã trình bày, trong điều kiện giá cả tăng đột biến, cung cầu mất cân đối nghiêm trọng, thì đối với một số ít mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và vật tư cơ bản, chúng ta không thể thực hiện ngay được một giá kinh doanh thương nghiệp. Chẳng hạn, trong tình hình hiện nay mà cứ tiếp tục thực hiện việc mua bán thóc gạo phổ biến theo sát giá thị trường thì chắc chắn chúng ta không thể in kịp tiền để đáp ứng nhu cầu lưu thông và toàn bộ giá cả thị trường sẽ biến động cực kỳ rối loạn. Việc tạm thời thực hiện mua bán theo hai giá, trong đó có giá ổn định trong một thời gian, đối với một số ít mặt hàng cơ bản và thiết yếu lúc này là cần thiết để góp phần kiềm cơn lốc tăng giá, ít ra cũng không đổ thêm dầu vào lửa. Quan niệm cho rằng làm như vậy là "nửa

vời" là không đúng đắn. Cần phân biệt làm "nửa vời" với *thực hiện bước đi đúng đắn*. Làm "nửa vời" là dừng lại ở những giải pháp quá hạn hẹp, hạn chế phát huy tác dụng tích cực. Còn bước đi đúng đắn thì phù hợp với tình hình thực tế, do đó thúc đẩy sự vật tiến lên. Chủ trương như trên cũng không có gì trái với tinh thần của Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết Trung ương tiếp theo. Nghị quyết Đại hội VI nói rõ: "Phấn đấu thi hành chính sách một giá, đó là giá kinh doanh thương nghiệp" nhưng "trong tình hình cụ thể hiện nay, ở những nơi, những lúc nhất định, đối với một số ít mặt hàng thiết yếu mà cung - cầu căng thẳng, giá cả biến động mạnh, Nhà nước chưa đủ lực lượng để kìm giá lại, thì tạm thời áp dụng chính sách hai giá trong việc mua nông sản và bán lẻ hàng tiêu dùng". Các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4 cũng đều nói: "Phấn đấu" hoặc "sớm" thi hành chính sách một giá, không đòi hỏi phải chuyển *ngay* và *toàn bộ* tất cả các mặt hàng sang một giá. Việc thực hiện chính sách hai giá đối với một số ít mặt hàng đề ra trong Nghị quyết Bộ Chính trị này là tạm thời, khi quan hệ cung - cầu còn quá căng thẳng và giá cả biến động mạnh.

Sau đây, tôi xin nói thêm về *một số chủ trương, biện pháp* cụ thể đã đề ra trong Nghị quyết Bộ Chính trị về chống lạm phát.

1. Có nhiều đề nghị bổ sung các biện pháp về đẩy mạnh sản xuất, sớm bàn về ba chương trình kinh tế lớn. Đó cũng là yêu cầu mà Bộ Chính trị đã đề ra và đã thể hiện một phần trong các nghị quyết về kế hoạch ba năm còn lại 1988-1990, về cơ chế quản lý công nghiệp, nông nghiệp, đồng thời nhiều vấn đề về sản xuất đã và đang được giải quyết rất tích cực như phân bón, thuốc trừ sâu, điện, máy móc nông nghiệp... bằng nhiều con đường (trong và ngoài nước). Sắp tới đây, sẽ sớm ban hành kế hoạch và ngân sách nhà nước năm 1988 và bàn về ba chương trình kinh tế. Mặc dù có những khó khăn

khách quan, song sự chuẩn bị chậm và đến nay chưa trình ra thảo luận tại Bộ Chính trị các vấn đề này là một thiếu sót. Các cơ quan phụ trách ba chương trình cần xúc tiến công việc, bảo đảm tiến độ đã đề ra.

2. Về chính sách trao đổi hàng hoá giữa Nhà nước với nông dân và giá cả

Do tình hình cung - cầu về lương thực mất cân đối gay gắt, giá lương thực tăng đột biến nên trong việc thực hiện các phương thức thanh toán giữa Nhà nước với nông dân ghi trong Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, chúng ta phải đặc biệt coi trọng việc mua, bán thông qua hợp đồng kinh tế là chủ yếu theo tỷ giá đã được xác định hợp lý (1 urê = 2 thóc). Phải thấy rõ hiện nay, do giá lương thực lên cao nên tỷ giá giữa urê và thóc ngày càng thu hẹp dần, bất lợi cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Từ tỷ giá 1 urê = 3 thóc xuống còn dưới 2, có nơi chỉ còn 1 = 1,3. Đó là tỷ giá bất hợp lý, không có lợi cho sản xuất công nghiệp và như thế cũng sẽ ngược lại bất lợi cho nông nghiệp. Với tỷ giá 1 urê = 2 thóc, nông dân đã có lợi và Nhà nước có được một khối lượng lương thực cần thiết để trang trải các nhu cầu tối thiểu của xã hội. Bằng con đường đó, cùng với việc thu đủ, thu đúng thuế nông nghiệp, Nhà nước có *điều kiện bán lương thực với giá ổn định trong từng thời gian* cho các đối tượng, đồng thời tạo cơ sở để ổn định các giá khác. Ngoài việc mua theo hợp đồng kinh tế, Nhà nước tích cực chuẩn bị hàng, tiến để mua kịp thời lương thực ngoài hợp đồng sát giá thị trường với nông dân.

Bộ Chính trị hoàn toàn nhất trí với nhiều ý kiến là phải tập trung quyết liệt hơn nữa để giải quyết vấn đề lương thực. Giải quyết tình hình thiếu đói trước mắt ở nông thôn miền Bắc, tạo dự trữ lương thực của Nhà nước để chủ động đối phó với mọi tình hình. Việc kinh doanh lương thực sẽ được giao cho ngành lương thực của Nhà nước từ trung ương đến địa phương.

Về giá:

Tình thần cơ bản và nhất quán của chúng ta vẫn là tích cực phấn đấu để sớm thực hiện cơ chế một giá mua, bán theo giá kinh doanh, thu hẹp dần, tiến tới chấm dứt việc áp dụng hai giá bằng cách tích cực cân đối cung - cầu xã hội (trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất) và kiểm soát được về cơ bản giá cả xã hội.

Nhưng trong tình hình cung - cầu mất cân đối quá lớn và giá cả thị trường biến động mạnh, Bộ Chính trị chủ trương phải tạm thời áp dụng chính sách hai giá đối với một số ít vật tư, hàng hoá như trong Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị đã ghi. Đó là điều bất đắc dĩ, nhưng là sự lựa chọn chính xác nhất trong tình hình hiện nay. Phải thấy rõ đây không phải là quay trở lại cơ chế bao cấp, mà chỉ là một biện pháp tình thế áp dụng trong một thời gian nhất định.

Mặt khác, cũng cần thấy rõ, do chế độ bao cấp kéo dài nhiều năm ở nước ta, đặc biệt là bao cấp qua giá, nhất là giá vật tư, nguyên liệu - "đầu vào" của sản xuất; làm cho Nhà nước bị lỗ rất lớn. Để dần dần tiến tới bán vật tư, nguyên liệu theo đúng giá trị, *dần dần* giảm bớt bù lỗ, bù giá cho ngân sách, chúng ta phải *từng bước* nâng giá "đầu vào" lên. Điều mấu chốt là làm thế nào để việc tăng giá "đầu vào" *không làm đội giá đang hình thành trên thị trường*, không làm cho mặt bằng giá cả xã hội tăng lên tương ứng. Tuy nhiên, cũng không loại trừ trường hợp có một số mặt hàng giá bán tăng lên một ít, miễn là được thị trường chấp nhận. Muốn đưa giá "đầu vào" lên mà *không làm đội giá bán đang hình thành trên thị trường* thì điều quyết định là các cơ sở sản xuất *phải tích cực quay "hộp đen"* bằng cải tiến mạnh mẽ cơ chế quản lý, hợp lý hoá sản xuất, ra sức tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu, loại trừ những chi phí bất hợp lý, áp dụng rộng rãi kỹ thuật tiến bộ, đổi mới công nghệ sản xuất. Về mặt này, nhìn chung các cơ sở sản xuất của chúng ta còn nhiều tiềm năng để phát huy. Nhờ đó, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm tăng, giá thành sản phẩm hạ, lợi ích của người lao

động, của tập thể và Nhà nước đều được bảo đảm. "Quay hộp đen" tốt là một nhân tố hàng đầu để chống lạm phát và là mặt trận phấn đấu quyết liệt của chúng ta hiện nay cũng như trong những năm sắp tới.

Bộ Chính trị yêu cầu các bộ, các ngành, các cấp, cơ sở sản xuất và kinh doanh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, khả năng của mình phải tìm mọi cách để hạn chế việc giá tăng cao vọt rất không hợp lý. Nghiêm trị bọn buôn lậu, đầu cơ tích trữ, bọn phản động phá giá làm thị trường hỗn loạn để làm giàu trên lưng nhân dân lao động, công nhân viên chức, quân đội, v.v..

3. Về quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu và ngoại tệ

Bộ Chính trị khẳng định yêu cầu nhất thiết phải thống nhất quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu về mọi mặt (chính sách thị trường, mặt hàng, giá cả, sử dụng ngoại tệ...) song song với phát huy tính chủ động và năng động của các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu; kiên quyết chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán hàng xuất nhập khẩu, đẩy giá lên cao, làm mất giá đồng bạc Việt Nam, làm cho càng xuất khẩu nhiều bao nhiêu càng bị lỗ nhiều bấy nhiêu. Bộ Chính trị yêu cầu phải tiến hành những biện pháp cần thiết để khắc phục tệ quan liêu, của quyền trong thực hiện độc quyền ngoại thương như nhiều ý kiến đề nghị. Hội đồng Bộ trưởng sẽ xem xét và bàn bạc kỹ với các ngành, các địa phương khi cải tiến cơ chế quản lý hoạt động xuất nhập khẩu.

Về ngoại tệ, Bộ Chính trị khẳng định yêu cầu *trung ương thống nhất quản lý ngoại tệ, thực hiện chế độ mua bán ngoại tệ thông qua Ngân hàng Việt Nam*. Đó là một việc cực kỳ cấp bách, nhất thiết phải thực hiện, đó cũng là yêu cầu tối thiểu bình thường của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trong khi thực hiện, Bộ Chính trị lưu ý các biện pháp bảo đảm quyền lợi chính đáng về sử dụng ngoại tệ của các địa phương, ngành và cơ sở nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bộ Chính trị chủ trương quản lý ngoại tệ nhằm trước hết là chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung ngoại tệ

để nhập nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, v.v. cho sản xuất, hạn chế khắt khe việc lãng phí ngoại tệ vào việc nhập hàng xa xỉ phẩm.

4. Về tiền lương, thực tế cho thấy hiện nay chưa có điều kiện tiền đề để thực hiện yêu cầu của Nghị quyết Trung ương hai về "bãi bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá bù lỗ, chuyển sang chế độ trả lương bằng tiền" trong cả nước. Tuy theo điều kiện từng vùng, có thể quy định mềm dẻo hơn về số lượng mặt hàng cần thiết phải bán định lượng, không nhất thiết phải làm đồng loạt. Những nơi có đủ điều kiện tiếp tục bù giá vào lương, bán các mặt hàng định lượng theo giá kinh doanh thì vẫn được tiếp tục làm, nhưng phải báo cáo và xin ý kiến Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về mức bù giá, đặc biệt là về giá lương thực. Bộ Chính trị lưu ý trong tình hình hiện nay, điều quan trọng để bảo đảm tiền lương thực tế là cung ứng đủ và kịp thời các mặt hàng định lượng, đồng thời tiến hành *trợ cấp khó khăn trong từng thời gian*, tùy theo sự biến động của giá cả thị trường.

Bộ Chính trị cũng khẳng định *yêu cầu kiểm soát chặt chẽ quỹ lương, quỹ thưởng* trong sản xuất, kinh doanh, gắn tiền lương, tiền thưởng với hiệu quả kinh tế và năng suất lao động, khắc phục những chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa các ngành và các vùng.

5. Về tài chính, ngân sách, tiền tệ và tín dụng

Bộ Chính trị cho rằng, hiện nay khả năng tăng nhanh các nguồn thu là hiện thực, phải ráo riết tiến hành tích cực, đồng thời kiên quyết giảm chi những khoản chưa bức thiết, sửa đổi những bất hợp lý trong chế độ thuế.

Về chế độ chi, Bộ Chính trị đòi hỏi phải nâng cao hiệu quả chi và kiểm soát chặt chẽ chi cho xây dựng cơ bản ở tất cả các ngành, các cấp. Hiện nay, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã nắm được tình trạng xây dựng trụ sở rất lãng phí của một số bộ, công ty, một số địa phương. Phải chấm dứt ngay tình trạng đó và đưa quy chế xây dựng cơ bản vào nền nếp, đồng thời, cần có chính sách huy động thêm vốn

dầu tư của các thành phần kinh tế, của cán bộ công nhân viên, của Việt kiều...

Về tiền tệ, tín dụng: để tích cực góp phần chống lạm phát, nghị quyết Bộ Chính trị lần này nhấn mạnh phải thực hiện tín dụng có trọng điểm (tập trung vốn cho vay phục vụ ba chương trình kinh tế và có một số công trình trọng điểm nhà nước), phải lấy việc huy động vốn trong xã hội làm nguồn vốn cho vay chủ yếu của ngân hàng. Do đó các loại ngân hàng kinh doanh phải sớm được thành lập và hoạt động, phân biệt với chức năng của ngân hàng phát hành nhà nước. Nghị quyết cũng tính đến phải sử dụng rộng rãi các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt (kể cả dùng séc và sổ mua hàng để trả một phần lương), các biện pháp để quay nhanh đồng tiền qua ngân hàng.

Trên đây là một số vấn đề tôi muốn nói rõ thêm, đặc biệt là cách đặt vấn đề của nghị quyết lần này. Về những vấn đề khác, trong nghị quyết đã nói rõ.

Để kết thúc, một lần nữa tôi xin nhấn mạnh chống lạm phát là nhiệm vụ mang tính cấp bách, không thể trì hoãn, là một nhiệm vụ trung tâm hiện nay, đòi hỏi các ngành, các cấp cũng như toàn Đảng, toàn dân nhất trí và tích cực thực hiện. Cần chỉ rõ rằng lạm phát như mức độ hiện nay cản trở rất lớn cho hạch toán đúng đắn trong sản xuất và kinh doanh, làm điêu đứng người ăn lương, gây tác hại sâu sắc và toàn diện đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Vì vậy, nhất thiết phải bảo đảm sự nhất trí cao với nghị quyết trong nhận thức, tư tưởng và hành động.

Các ngành, các cấp cần theo sát diễn biến, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị những biện pháp bổ sung, sửa đổi cần thiết.

Bộ Chính trị cũng đòi hỏi tất cả các ngành, các cấp, từ trung ương đến cơ sở phải đề cao *kỷ luật, kỷ cương*, đề cao chế độ trách nhiệm. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng hứa sẽ kiên quyết xử lý kỷ luật bất kỳ cá nhân hoặc cấp nào vi phạm kỷ luật, kỷ cương và công bố

trong Đảng hoặc trên các cơ quan ngôn luận. Bộ Chính trị hứa sẽ không có bất kỳ một ô, dù nào cho bất kỳ kẻ sai phạm nào. Sắp tới đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ xử lý một số vụ việc nêu gương nâng cao kỷ luật, kỷ cương và chống tiêu cực. Chỉ bằng cách đó, chúng ta mới nâng cao sức chiến đấu của Đảng và thực hiện được các biện pháp chống lạm phát đã đề ra.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 37-CT/TW, ngày 17 tháng 5 năm 1988

Về đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở

Theo quy định của Điều lệ Đảng, trong quý IV-1988 và quý I-1989, các đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở sẽ họp đại hội.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ khác trực thuộc trung ương có trách nhiệm lãnh đạo tốt đại hội hai cấp nói trên theo tinh thần đổi mới của Đại hội VI của Đảng với những nội dung sau đây:

1. *Đánh giá đúng tình hình và có chương trình hành động thiết thực*

Đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở, với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, có thái độ *nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, đánh giá đúng tình hình, phân tích sâu sắc những nguyên nhân chủ quan của*

những ưu điểm, khuyết điểm trong sự lãnh đạo và chỉ đạo của đảng bộ, nhất là trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, xây dựng đảng, củng cố quốc phòng, an ninh. Dựa vào Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, các nghị quyết của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, đại hội đảng bộ hai cấp nói trên phải đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chương trình hành động và biện pháp thực hiện thiết thực.

Tuỳ tính chất từng đảng bộ (cơ sở và cấp trên trực tiếp của cơ sở; nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, phân phối lưu thông, v.v.) mà đi sâu vào các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4, 5, 6, các Nghị quyết 4, 10, 11 của Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chính trị và mục tiêu phấn đấu chính xác.

2. *Bầu cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên và ban chấp hành đảng bộ các cấp*

- Đại biểu được bầu đi dự đại hội phải là người thực sự tiêu biểu cho đảng bộ và phong trào của cơ sở, của địa phương, có kiến thức và năng lực đóng góp vào thành công của đại hội, trung thực mang đến đại hội nguyện vọng và ý kiến xác đáng của đảng viên, nhân dân.

- Ban chấp hành đảng bộ được bầu phải bao gồm những cán bộ ưu tú của đảng bộ, *có phẩm chất đạo đức cách mạng tốt, có kiến thức và năng lực đóng góp vào sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của cấp uỷ và đảm đương nhiệm vụ sẽ được phân công, có khả năng đoàn kết được cán bộ, đảng viên, nhân dân, có phong cách làm việc tốt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tin cậy.* Đối với những đồng chí dự kiến phân công giữ các cương vị chủ chốt trong cấp uỷ như bí thư, phó bí thư thường trực, trưởng ban tổ chức, chủ tịch uỷ ban nhân dân, càng phải bảo đảm chặt chẽ các tiêu chuẩn trên đây.

Đối với những người đang bị công luận phê phán, lên án hoặc có nhiều đơn, thư tố cáo, phát hiện về những hành vi tiêu cực mà chưa được kết luận, thì cấp uỷ hiện hành phải thẩm tra,

xem xét, kết luận rõ ràng trước khi tiến hành đại hội và công bố công khai kết luận của mình trong phạm vi những người cần biết, không được vin có bận nhiều việc để bỏ qua, đến đại hội vẫn gò ép đưa vào danh sách ứng cử đại biểu và cấp uỷ viên.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, coi trọng *cấu tạo cấp uỷ* thích hợp để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo các mặt, các vùng và sát thực tế của cấp uỷ; song không nhất thiết ngành nào, địa phương nào cũng có người tham gia cấp uỷ và không phải đã là cấp uỷ viên thì muốn phân công làm trưởng ngành nào cũng được. Mạnh bạo đưa cán bộ trẻ có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực vào cấp uỷ, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa của cấp uỷ (ở cấp huyện và tương đương, bên cạnh một số ít đồng chí trên 45 tuổi, nên có đại bộ phận cấp uỷ viên tuổi từ 35 đến 45 và khoảng 20% cấp uỷ viên tuổi dưới 35). Tăng được tỷ lệ cấp uỷ viên là người dân tộc (nếu có), là nữ. Cần có một số ít cấp uỷ viên là người tiêu biểu cho phong trào thi đua lao động sản xuất ở cơ sở (có thể có cả người làm kinh tế gia đình giỏi). Ở các phường, quận các thành phố phải chú ý đưa thành phần công nhân, lao động đang trực tiếp sản xuất vào cấp uỷ, sau đó phân công tác thích hợp để vẫn tiếp tục sản xuất được.

Cấp uỷ huyện, quận nên có khoảng 29 đến 39 cấp uỷ viên; các Tỉnh uỷ và Thành uỷ căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương để có sự hướng dẫn thích hợp với từng nơi.

3. Chuẩn bị và tiến hành đại hội thực sự dân chủ, thiết thực và tiết kiệm

- Đề án đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở và bản tự phê bình

của chi uỷ, đảng uỷ cơ sở trước đại hội cần được đưa ra các tổ chức kinh tế, văn hoá, chính quyền, đoàn thể nhân dân ở cơ sở thảo luận, góp ý kiến rộng rãi. Đề án đại hội và bản tự phê bình trước đại hội của cấp uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở phải gửi xuống đại hội các đảng bộ cơ sở và đưa ra các cơ quan kinh tế, văn hoá, chính quyền, đoàn thể cấp tương đương thảo luận, tham gia ý kiến; có thể trưng cầu ý kiến quần chúng ở một số cơ sở kinh tế quan trọng của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật trong địa phương, qua đó nâng cao chất lượng của các văn kiện nói trên.

- Về nhân sự cấp uỷ mới và đại biểu đi dự đại hội cấp trên, cấp uỷ hiện hành có trách nhiệm thăm dò ý kiến của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong phạm vi có thể làm được để cân nhắc, có dự kiến chu đáo. Đối với cán bộ ở địa phương nào, ngành nào sẽ để lại hoặc đưa mới vào cấp uỷ, cần phải lấy được ý kiến của quần chúng và cán bộ, nhân viên, đảng viên ở địa phương đó, ngành đó. Ra đại hội, tùy tình hình cụ thể của các trường hợp có người thắc mắc mà có nhiều hình thức thông báo thích hợp (cho từng đại biểu, nhóm đại biểu, đoàn đại biểu hoặc cho toàn đại hội) để đại biểu đánh giá đúng cán bộ mà cân nhắc, lựa chọn bầu cử.

- Quá trình chuẩn bị đại hội và tiến hành đại hội phải tạo được một phong trào đảng viên và quần chúng hành động cách mạng, thiết thực đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, chăm lo đời sống nhân dân, tạo chuyển biến rõ rệt

về kinh tế - xã hội, mở rộng dân chủ, thẩm tra tư cách cán bộ, đảng viên, giải quyết các vụ việc tiêu cực và khắc phục các khuyết điểm trong lãnh đạo, tăng thêm niềm tin của mọi người vào sự lãnh đạo của Đảng.

- Việc tổ chức đại hội đảng bộ phải tiết kiệm, mang lại kết quả thiết thực, không phô trương, hình thức, không gây lãng phí, chi tiêu tốn kém.

*

* *

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

Ban Tổ chức Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị này lên Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 53-QĐ/TW, ngày 17 tháng 5 năm 1988

Về việc bầu cử trong Đảng

Điều 10 của Điều lệ Đảng quy định: "Các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đều do bầu cử dân chủ mà lập ra".

Điều 12 của Điều lệ Đảng quy định: "Việc bầu cử phải được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín".

Để thi hành các quy định nói trên, Ban Bí thư ban hành quy chế bầu cử trong Đảng như sau:

I- NHỮNG NGUYÊN TẮC, THỦ TỤC BẦU CỬ CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CÁC CẤP CỦA ĐẢNG

1. *Bầu cử các cơ quan lãnh đạo các cấp* nói ở Điều 10 của Điều lệ Đảng bao gồm: bầu cử đại biểu đi dự đại hội đại biểu các cấp; bầu cử ban chấp hành đảng bộ các cấp; việc bầu cử bí thư, các phó bí thư, uỷ viên thường vụ của cấp uỷ và bầu cử uỷ ban kiểm tra các cấp đều áp dụng quy định và hướng dẫn bầu cử trong Đảng.

Việc bầu đoàn chủ tịch đại hội hoặc chủ tịch hội nghị có thể lấy biểu quyết cả danh sách, nhưng nếu đa số các đại biểu

đại hội hoặc đa số thành viên dự hội nghị yêu cầu thì cũng bầu cử bằng phiếu kín.

2. *Quyền ứng cử trong Đảng:*

a) Tất cả đảng viên chính thức đều có quyền ứng cử vào ban chấp hành đảng bộ các cấp của Đảng (nếu đảng viên đó không có mặt ở đại hội thì phải gửi đơn xin ứng cử đến đoàn chủ tịch đại hội cấp đó để đoàn chủ tịch ghi tên vào danh sách ứng cử).

b) Trong đại hội đại biểu thì chỉ những đại biểu chính thức mới có quyền ứng cử làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu cấp trên. Nếu là đại hội đảng viên thì đảng viên chính thức mới có quyền ứng cử làm đại biểu.

c) Các uỷ viên chấp hành hoặc cán bộ chung quanh cấp uỷ được cấp uỷ giới thiệu xuống đại hội cấp dưới để ứng cử làm đại biểu đi dự đại hội cấp mình được quyền ứng cử làm đại biểu của đảng bộ cấp dưới.

3. *Quyền đề cử trong Đảng*

a) Trong đại hội đại biểu thì đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết (nếu được triệu tập đến đại hội) được quyền đề cử những người mà mình tin nhiệm làm đại biểu đi dự đại hội cấp trên hoặc vào ban chấp hành đảng bộ. Nếu là đại hội đảng viên thì đảng viên chính thức và dự bị đều được quyền đề cử người mà mình tin nhiệm làm đại biểu hoặc vào ban chấp hành đảng bộ.

b) Cấp uỷ đứng ra triệu tập đại hội đại biểu hay đại hội đảng viên được quyền đề cử danh sách những người mà cấp uỷ thấy xứng đáng làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu cấp trên hoặc vào ban chấp hành đảng bộ để đại hội xem xét lựa chọn. Nhưng việc có cần thiết phải giới thiệu trước đại hội hay không là do cấp uỷ quyết định, còn việc bầu cho ai là quyền của các đại biểu, không ai được gò ép.

c) Người đã ứng cử hoặc được đề cử muốn rút khỏi danh sách bầu cử thì phải báo cáo với đoàn chủ tịch đại hội (hoặc chủ tịch hội nghị). Nếu đoàn chủ tịch (hoặc chủ tịch hội nghị) xét thấy cần để lại trong danh sách bầu cử thì bàn với người ứng

cử hoặc được đề cử đó. Nếu đồng chí đó cứ xin rút thì đoàn chủ tịch (hoặc chủ tịch hội nghị) rút tên trong danh sách bầu cử và báo cáo để đại hội biết.

4. *Quyền bầu cử trong Đảng*

a) Trong đại hội đại biểu các cấp hoặc đại hội đảng viên, chỉ có đại biểu chính thức hoặc đảng viên chính thức của đảng bộ mới có quyền bầu cử.

b) Những uỷ viên ban chấp hành cấp trên, hoặc cán bộ chung quanh cấp uỷ, được cấp uỷ triệu tập đại hội giới thiệu xuống đại hội cấp dưới ứng cử làm đại biểu để đi dự đại hội cấp mình thì không được quyền bầu cử, vì không phải là đại biểu do cấp dưới bầu ra.

5. *Lập danh sách bầu cử, phiếu bầu và điều kiện trúng cử*

a) *Lập danh sách bầu cử:*

Đoàn chủ tịch đại hội (hoặc chủ tịch hội nghị) lập danh sách những người ứng cử và được đề cử. Danh sách bầu phải được người bầu cử thảo luận và thông qua trước khi bầu cử.

- Danh sách bầu cử (đại biểu, bầu ban chấp hành đảng bộ, bầu uỷ viên thường vụ cấp uỷ) nên nhiều hơn số lượng quy định phải bầu để người bầu có thể lựa chọn.

- Danh sách bầu cử gồm cả bầu đại biểu chính thức hoặc uỷ viên chính thức ban chấp hành và đại biểu dự khuyết hoặc uỷ viên dự khuyết ban chấp hành. Bầu đại biểu chính thức hoặc uỷ viên chính thức ban chấp hành trước. Số còn lại trong danh sách bầu cử sẽ bầu đại biểu dự khuyết hoặc uỷ viên dự khuyết ban chấp hành.

- Trường hợp bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng do đại hội quy định, thì có tiếp tục bầu cử để lựa chọn những người còn lại trong danh sách bầu cử cho đủ số lượng đã quy định hay không là do đại hội quyết định.

b) *Phiếu bầu cử:*

Phiếu bầu nên in sẵn danh sách những người ứng cử và được đề cử theo thứ tự vần A, B, C... (theo tên gọi).

- Những phiếu bầu thiếu so với số lượng phải bầu do đại hội quy định được coi là hợp lệ.

- Những phiếu không bầu cho ai trong danh sách, bầu thừa hoặc bầu người ngoài danh sách bầu cử là phiếu không hợp lệ.

c) Điều kiện trúng cử:

- Người trúng cử phải được quá một nửa số phiếu bầu so với tổng số phiếu bầu hợp lệ trong đại hội. Trong trường hợp người trúng cử có số phiếu ngang nhau, thì bầu lại để chọn người có số phiếu cao hơn.

- Số cấp uỷ viên và cán bộ được cấp uỷ triệu tập đại hội giới thiệu xuống đại hội cấp dưới ứng cử làm đại biểu là nằm trong tổng số đại biểu của đảng bộ cấp dưới. Trường hợp có đồng chí trong số những đồng chí đó không trúng cử thì đại hội cử đại biểu khác thay thế để đủ số lượng đại biểu của đảng bộ đã được phân bổ.

- Cấp uỷ triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do cấp dưới cử ra, trừ trường hợp sau khi trúng cử làm đại biểu đã phạm pháp hình sự đang bị truy tố trước pháp luật, hoặc có sai lầm bị cấp uỷ có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng để xem xét kỷ luật. Còn các trường hợp khác, nếu cần bác bỏ tư cách đại biểu, phải đưa ra đại hội xét và quyết định.

II- VỀ LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO BẦU CỬ TRONG ĐẢNG

Điều 12 của Điều lệ Đảng quy định: "Việc bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải bảo đảm đầy đủ tính dân chủ và phải được chuẩn bị chu đáo để việc lựa chọn các thành viên được chính xác".

Để bảo đảm thực hiện các điều quy định trên đây, về lãnh đạo và chỉ đạo bầu cử trong Đảng cần thực hiện tốt những điểm chủ yếu sau đây:

1. Cấp uỷ đứng ra triệu tập đại hội đại biểu hay đại hội đảng viên có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung đưa ra đại hội thảo luận quyết định.

Về nhân sự phải:

a) Chuẩn bị hồ sơ lý lịch của những người ứng cử và được đề cử.

b) Nắm được ưu, khuyết, mạnh, yếu cơ bản của từng người. Nếu có những vấn đề vướng mắc thì cấp uỷ phải cho điều tra xác minh, xem xét kết luận.

2. Điều 12 của Điều lệ Đảng quy định: "Đoàn chủ tịch đại hội tổ chức và hướng dẫn việc bầu cử theo đúng các nguyên tắc và thủ tục". Trong việc tổ chức và hướng dẫn bầu cử chú trọng các điểm sau đây:

a) Làm cho đại hội quán triệt mục đích, yêu cầu, tiêu chuẩn và cơ cấu ban chấp hành đảng bộ hoặc đại biểu đi dự đại hội cấp trên. Trên cơ sở đó, các đại biểu phải đề cao trách nhiệm, sáng suốt lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn để bầu vào cơ quan lãnh đạo của Đảng hoặc làm đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

b) Dựa theo hướng dẫn của cấp trên, đoàn chủ tịch dự kiến số lượng uỷ viên chính thức và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành đề nghị đại hội thảo luận biểu quyết về số lượng.

c) Đoàn chủ tịch lập danh sách những người ứng cử và được đề cử đưa ra đại hội thảo luận thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Trong quá trình lập danh sách bầu cử và thảo luận ở đại hội, đoàn chủ tịch cần nắm vững tình hình, uốn nắn những nhận thức và hành động lệch lạc, hướng cho các đại biểu có tư tưởng, quan điểm đúng và nắm vững tiêu chuẩn để đại biểu lựa chọn những người có phẩm chất và năng lực bảo đảm thực hiện tốt công tác được phân công sau khi vào cấp uỷ. Không được gò ép theo dự kiến chủ quan của tiểu ban nhân sự hoặc của cấp uỷ cấp trên. Những vấn đề người bầu cử chất vấn, hoặc cần tìm hiểu thêm về ưu điểm, khuyết điểm, đặc điểm lịch sử chính trị... của người ứng cử và được đề cử

thì cấp uỷ triệu tập đại hội phải trả lời, tùy theo vấn đề mà trả lời chung trong đại hội hoặc trả lời cho từng đoàn hoặc từng đại biểu biết. Những trường hợp chưa rõ thì phải điều tra, xác minh, nếu chưa kết luận được cũng phải báo cáo lại để đại biểu biết.

3. Sau khi đại hội bầu ra ban chấp hành mới, đồng chí bí thư cấp uỷ khoá trước có trách nhiệm triệu tập các uỷ viên ban chấp hành khoá mới với tư cách là "triệu tập viên" và đề nghị hội nghị cử ra chủ tịch phiên họp đầu tiên để lãnh đạo bầu cử các chức danh: bí thư, các phó bí thư, uỷ viên thường vụ và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ (nội dung chương trình phiên họp do hội nghị thông qua. Không nhất thiết phải bầu xong hết các chức danh kể trên trong phiên họp đầu tiên này).

Trước khi bầu, hội nghị cần thảo luận để quán triệt tiêu chuẩn các chức danh trên.

4. Để giúp đại hội hoặc hội nghị cấp uỷ trong bầu cử, đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị giới thiệu danh sách ban kiểm phiếu để đại hội hoặc hội nghị thông qua. Ban kiểm phiếu gồm các đồng chí là đại biểu chính thức hoặc uỷ viên chính thức ban chấp hành không có tên trong danh sách ứng cử và đề cử. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ phát phiếu, kiểm phiếu, công bố kết quả và lập biên bản bầu cử. Những trường hợp vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử và những khiếu nại về bầu cử thì ban kiểm phiếu báo cáo với đoàn chủ tịch đại hội để đưa ra đại hội xem xét giải quyết.

Trên đây là những quy định chung, các cấp uỷ đảng căn cứ vào đó để thi hành. Những điều làm khác Quy định này phải xin ý kiến Ban Bí thư.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ban hành và thay thế các quy định trước đây.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 38-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 1988

**Về việc tiến hành đợt thanh tra tài chính
 trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân**

Nghị quyết của Bộ Chính trị số 11-NQ/TW, ngày 2-5-1988 đã vạch rõ nguyên nhân quan trọng của tình hình lạm phát ngày càng nghiêm trọng là: "Quản lý kinh tế vĩ mô bị buông lỏng, kỷ cương, kỷ luật từ trên xuống dưới không nghiêm; vật tư, hàng hoá, nguồn vốn của Nhà nước bị sử dụng sai mục đích, kế hoạch, bị mất và lấy cắp quá lớn, tốc độ bội chi ngân sách quá nhanh, thất thu và lãng phí ngân sách rất nghiêm trọng, kỷ luật quản lý tiền mặt không được chấp hành, công tác tín dụng có nhiều khuyết điểm". Bộ Chính trị đã quyết định: Phải tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, đặc biệt là thanh tra tài chính, nhằm nhanh chóng lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế tài chính, đấu tranh bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống mọi biểu hiện tiêu cực, tham ô, lãng phí..., trước mắt tiến hành một đợt thanh tra tài chính trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân liên quan đến việc thực

hiện các biện pháp chống lạm phát.

Để thực hiện tốt quyết định trên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng và các cấp, các ngành chính quyền:

1. Quán triệt sâu sắc mục đích ý nghĩa và tầm quan trọng của đợt thanh tra tài chính này đối với việc tăng cường có hiệu quả quản lý kinh tế tài chính và quản lý ngân sách, góp phần tích cực chống lạm phát, tạo thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội trước mắt, để có sự chỉ đạo chặt chẽ, đúng mức và tổ chức thật tốt đợt thanh tra này, nhằm đạt cho được các mục tiêu sau đây:
 - a) Khai thác và tập trung được đầy đủ, kịp thời các nguồn thu vào ngân sách nhà nước, thúc đẩy việc sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả các khoản chi ngân sách. Phải thu hồi ngay vào ngân sách nhà nước các khoản phải thu còn tồn đọng, các quỹ ngoài ngân sách, các quỹ trái phép bằng tiền (kể cả ngoại tệ) và bằng hiện vật; các khoản chi sai chế độ, các khoản tiền và hiện vật đơn vị hoặc cá nhân lợi dụng tham ô... Đình chỉ ngay các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản không có kế hoạch, không đúng mục đích, gây lãng phí vật tư, tiền vốn. Bãi bỏ ngay các quy định của ngành, địa phương trái với chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.
 - b) Đề ra các biện pháp bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh kỷ luật tài chính, kỷ luật thu nộp ngân sách nhà nước... Nghiên cứu, bổ sung và chấn chỉnh cơ chế quản lý kinh tế tài chính nhằm phát huy tính năng động và sáng tạo trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị, tăng thu, tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.
 - c) Xử lý nghiêm minh những tổ chức và cá nhân vi phạm nghiêm trọng chế độ quản lý kinh tế tài chính, gây tổn thất tài sản của Nhà nước. Gắn công tác thanh tra với việc làm trong sạch đội ngũ cán bộ, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước.

2. Tiến hành thanh tra tài chính ở tất cả các cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, quốc doanh, tập thể, cá thể, hành chính sự nghiệp, ở cả các cơ quan và đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, các cấp ngân sách nhà nước. Cần có kế hoạch thanh tra nhiều bước. Trước mắt, nên tập trung thanh tra các ngành, các đơn vị trọng điểm quản lý và sử dụng nhiều hàng hoá, vật tư và tiền vốn, các địa phương có số thu, chi ngân sách lớn.

3. Các cấp uỷ đảng phải trực tiếp chỉ đạo công tác thanh tra; trực tiếp có ý kiến chỉ đạo cụ thể với từng ngành, thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải tăng cường chỉ đạo các thủ trưởng các bộ, và giám đốc các sở tổ chức thanh tra tài chính đối với các đơn vị trực thuộc sự quản lý của mình. Từng ngành ở trung ương và địa phương chịu trách nhiệm chính trong công tác tổ chức thanh tra các đơn vị trong ngành.

Ngành tài chính cần cử những đoàn tiến hành thanh tra một số ngành, một số địa phương và một số cơ sở trọng điểm để rút kinh nghiệm, phổ biến kinh nghiệm cho các bộ, các ngành, các địa phương thống nhất thực hiện.

Các tổ chức quần chúng, trước hết là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ... cần có biện pháp vận động quần chúng ở các cơ sở tích cực tham gia vào các cuộc thanh tra.

Định kỳ 3 tháng một lần, các ngành trung ương, các cấp uỷ đảng và uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải gửi báo

cáo kết quả thanh tra cho Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Bộ Tài chính phải tổng hợp tình hình tiến hành thanh tra tài chính trong từng thời gian và trực tiếp báo cáo với Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Chỉ thị này phổ biến đến toàn thể các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể để chỉ đạo thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 90-TB/TW, ngày 22 tháng 5 năm 1988

Về tình hình lương thực
ở nông thôn tám tỉnh miền Bắc

Ngày 19-5-1988, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã họp với các đồng chí lãnh đạo tỉnh uỷ và uỷ ban nhân dân tám tỉnh có diện người thiếu ăn rộng (Thanh Hoá, Nghệ Tĩnh, Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình, Hải Hưng, Bắc Thái, Hà Bắc, Vĩnh Phú) để đánh giá thực chất tình hình và kiểm điểm việc giải quyết tình hình trên.

1. *Về tình hình*, theo báo cáo của tám tỉnh, diện người thiếu ăn khá rộng (số lượng như đã nêu trong báo cáo giữa tháng 5-1988 của Văn phòng Trung ương), nhưng số thiếu đói gay gắt chỉ tập trung vào một số vùng trong tỉnh (huyện trung du, miền núi hoặc huyện sản xuất rất khó khăn, thiếu nước, ngập mặn, v.v.). Ở một vài tỉnh, tuy có nhiều người thiếu đói, nhưng cũng còn có nhiều người có đủ hoặc thừa lương thực. Gay gắt nhất là ở Thanh Hoá, có 21 trường hợp chết do ốm và đói. Còn ở các tỉnh khác, không có người chết đói.

Nói chung, các cấp uỷ tám tỉnh đã có nhiều cố gắng chỉ đạo khắc phục tình hình thiếu đói. Có tỉnh dân đông, lương

thực tính bình quân theo đầu người thấp, năm qua lại bị mất mùa nặng, nhưng đã chỉ đạo chặt chẽ từ khâu sản xuất đến huy động, lưu thông, tiêu dùng lương thực, các đồng chí trong cấp uỷ và chính quyền tỉnh đi sát lãnh đạo, kiểm tra các huyện, xã phát động nhân dân đoàn kết, tương trợ, "lá lành đùm lá rách", nên đã vượt qua được khó khăn trong lúc giáp hạt.

Cho đến ngày 18-5, ở tám tỉnh nói trên, lúa đã trở bông, một số nơi đã bắt đầu thu hoạch lúa chiêm xuân trà sớm, có nơi đã thu hoạch ngô xuân và khoai lang, nên tình hình căng thẳng về lương thực ở nông thôn bước đầu đã dịu đi. Tuy nhiên, đối với một số nơi khác, hậu quả đợt thiếu đói này còn kéo dài đến giáp hạt tháng 8, tháng 9-1988.

2. *Về nguyên nhân của tình hình thiếu ăn ở nông thôn*, theo báo cáo của tám tỉnh, là do mấy năm liên mất mùa, đặc biệt là vụ chiêm xuân 1987 mất nặng, lương thực vụ mùa 1987 thu hoạch khá nhưng không đủ bù đắp thiệt hại của mấy vụ qua và đã bị sử dụng sớm từ tháng 9-1987, trong dân không còn dự trữ lương thực. Do Nhà nước không bảo đảm đầy đủ và kịp thời lương thực hàng tháng cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, buộc họ phải lấy một phần lương thực từ nông thôn hoặc mua thêm ở thị trường tự do, đẩy giá lên cao, làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nông dân. Có nơi do đánh giá tình hình kết quả sản xuất không đúng, đã huy động lương thực quá mức. Riêng Thanh Hoá, do nội bộ Tỉnh uỷ không ổn định kéo dài, nên sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ và uỷ ban nhân dân tỉnh để giải quyết vấn đề lương thực có nhiều khuyết điểm; để tình hình xấu xảy ra ở một số huyện, xã mà tỉnh không biết.

Nói chung, các cấp uỷ đảng và các cấp chính quyền, từ trung ương đến các địa phương, sau khi thu hoạch vụ mùa 1987 đã không đánh giá đúng tình hình sản xuất và đời sống, không lường trước được tình trạng thiếu lương thực

gay gắt có thể xảy ra nên chậm có những biện pháp tích cực và chủ động xử lý tình hình.

3. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu lãnh đạo tám tỉnh nói trên *tích cực chỉ đạo làm tốt những việc sau đây*:

a) Mỗi cấp uỷ, mỗi cơ quan có trách nhiệm phải tự kiểm điểm khuyết điểm của mình trong việc để xảy ra tình hình thiếu đói vừa qua, đặc biệt là ở những nơi đã xảy ra những hiện tượng quá gay gắt.

b) Tiếp tục kiểm tra rất chặt chẽ và cụ thể tình hình từng huyện, thị, từng thôn, xã, tiếp tục vận động nông dân tương trợ, giúp đỡ nhau; Nhà nước đã dành một số lương thực thật cần thiết cho các địa bàn trọng điểm; các cấp uỷ và chính quyền địa phương phải chỉ đạo chặt chẽ việc phân phối lương thực đến tay người thật sự thiếu đói; kiên quyết không để xảy ra tình trạng có người chết đói.

Từng tỉnh phải chỉ đạo giải quyết nhanh tình trạng có người đi ăn xin ở các thành phố, thị xã; đặc biệt phải phối hợp với Thủ đô Hà Nội để giải quyết vấn đề này.

Nhà nước sẽ cố gắng bảo đảm đủ lương thực tháng 5, tháng 6 cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang. Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Giao thông vận tải thực hiện nghiêm túc, kịp thời những quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về hỗ trợ lương thực cho một số địa phương. Ta không chủ trương kêu gọi các nước và các tổ chức quốc tế cứu trợ nhân dân ta về lương thực.

c) Ngay từ bây giờ, các tỉnh chủ động tính toán kế hoạch sản xuất và cân đối lương thực tại chỗ trên từng địa bàn, từng hợp tác xã và từng gia đình, để có biện pháp kịp thời ngăn

chặn và giải quyết tình trạng thiếu lương thực trong kỳ giáp hạt vụ mùa 1988, trước hết là chỉ đạo làm tốt vụ hè thu ở nơi có điều kiện, vụ mùa và vụ đông 1988, hết sức coi trọng sản xuất, chế biến và sử dụng màu.

d) Vụ chiêm xuân này, ở miền Bắc, triển vọng thu hoạch khá. Phải bằng mọi cách kịp thời nắm lương thực và có dự trữ lương thực ở mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Không huy động quá sức dân, bảo đảm đời sống tối thiểu của nhân dân, nhưng không để lương thực trôi nổi trên thị trường. Phải tích cực thu đủ thuế, đủ nợ hợp đồng hai chiều và dịch vụ nông nghiệp. Không cấm chợ ngăn sông, nhưng Nhà nước phải thống nhất kinh doanh lương thực, phải quản lý thị trường, không để bọn đầu cơ tranh mua lương thực với Nhà nước. Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính bảo đảm các điều kiện vật tư và tiền cho các địa phương để mua được hầu hết số lương thực hàng hoá của nông dân bán ra.

đ) Địa phương nào cần mua lương thực từ ngoài tỉnh thì chuyển vật tư, tiền cho Tổng công ty lương thực để thu mua thống nhất và có kế hoạch. Chấm dứt tình trạng các tỉnh vào miền Nam trực tiếp mua lương thực ở thị trường nông thôn. Các cơ quan không được tuỳ tiện đi mua lương thực ở địa

phương, làm cho việc phân phối lương thực không thể kiểm soát được, gây ra lãng phí lương thực và gây thêm căng thẳng cho thị trường xã hội.

e) Tiến hành kiểm tra việc phân phối và sử dụng lương thực, trên tinh thần tiết kiệm và xoá dần những khoản bao cấp không cần thiết, lập lại những quỹ lương thực dự trữ của địa phương và trung ương, quỹ phúc lợi xã hội của các hợp tác xã.

4. Ngoài ra, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các cấp uỷ và ngành tuyên truyền, thông tin phải thông báo cho đảng viên, nhân dân biết tình hình thiếu lương thực một cách đúng đắn, thấy được những biện pháp khắc phục và triển vọng của tình hình. Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo chặt chẽ việc đưa tin và bài về tình hình thiếu lương thực trên các báo, đài. Không hốt hoảng, không làm ồn ào, không được lan truyền những tin không đúng, làm xôn xao dư luận và đẩy giá lương thực lên.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
HỒNG HÀ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 14-NQ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 1988

Về ngân sách năm 1988

Trong hai ngày 20 và 21-5-1988, Bộ Chính trị đã họp để xem xét dự toán ngân sách năm 1988. Sau khi nghe các ngành hữu quan báo cáo, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

Dự án ngân sách năm 1988 vẫn còn mang nặng tính chất là một ngân sách tiêu dùng và bao cấp, không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, khoa học, kỹ thuật và văn hoá, xã hội. Dự án ngân sách đó một mặt phản ánh tình trạng yếu kém nghiêm trọng của nền kinh tế quốc dân: năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, một phần quan trọng tiêu dùng và toàn bộ vốn đầu tư đều dựa vào vốn vay nước ngoài, cơ cấu thu, chi không hợp lý, bội chi ngân sách quá lớn. Mặt khác, chưa đề ra được những biện pháp tích cực nhằm từng bước khắc phục những yếu kém này.

Để khắc phục tình trạng không bình thường nói trên, cần *thật sự đổi mới công tác kế hoạch hoá và quản lý kinh tế*, đồng thời *xây dựng và thực hiện một chính sách tài chính quốc gia tích cực* dựa trên cơ sở phát triển sản xuất có kế

hoạch, nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo đảm quan hệ đúng đắn giữa tích lũy và tiêu dùng, có cơ cấu thu chi hợp lý; nhằm góp phần tích cực chống lạm phát, ổn định sức mua đồng tiền, thực hiện công bằng xã hội. Mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị kinh tế và mọi người lao động phải phấn đấu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, thực hành triệt để tiết kiệm, tích cực đóng góp vào ngân sách nhà nước. Hội đồng Bộ trưởng cần chuẩn bị trình Bộ Chính trị sớm về kế hoạch thực hiện ba chương trình kinh tế và chính sách tài chính quốc gia.

Giảm bội chi ngân sách, tiến tới cân bằng ngân sách nhà nước, cải tiến cơ cấu ngân sách để bảo đảm sự phát triển kinh tế, xã hội và các nhiệm vụ khác của đất nước, là mục tiêu phấn đấu của tất cả các ngành, các cấp.

Trước mắt, đối với *ngân sách nhà nước năm 1988*, phải giảm dần từng bước những bất hợp lý trong cơ cấu ngân sách, tích cực tăng thu, triệt để tiết kiệm chi, *giữ tỷ lệ bội chi ngân sách năm 1988 thấp hơn tỷ lệ bội chi ngân sách năm 1987*. Hội đồng Bộ trưởng căn cứ vào yêu cầu tổng quát này để xây dựng dự toán ngân sách 1988 trình Quốc hội thông qua và giao trách nhiệm cho các ngành, các cấp thực hiện. Muốn vậy, phải thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp lớn sau đây:

1. *Tăng nguồn thu cho ngân sách, thu đúng, thu đủ theo chính sách*

Khẩn trương sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, kinh doanh theo hướng bảo đảm thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, nhanh chóng ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, đổi mới công tác kế hoạch hoá và quản lý, đẩy mạnh hạch toán kinh tế, nhằm phát triển mạnh sản xuất và lưu thông hàng hoá có kế hoạch, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, từ đó tạo ra nguồn thu ngày càng lớn cho ngân sách nhà nước.

- *Kinh tế quốc doanh* đóng vai trò chủ đạo nền kinh tế quốc dân và nắm tuyệt đại bộ phận đầu tư, hàng hoá, tiền vốn của

Nhà nước, *phải đưa lại nguồn thu lớn nhất cho ngân sách nhà nước. Năm 1988 phải tăng tỷ lệ đóng góp vào ngân sách nhà nước so với năm 1987*.

+ Tăng cường quản lý vật tư, hàng hoá của Nhà nước. Trong năm 1988, phải *đổi mới tổ chức ngành vật tư và cơ chế quản lý vật tư*, bảo đảm vật tư được quản lý tập trung và cung ứng theo kế hoạch, bảo đảm vật tư tới địa chỉ sử dụng đúng giá quy định của Nhà nước với chi phí ít nhất, giảm mạnh tỷ lệ mất mát, hao hụt, *thực hiện kết toán vật tư* theo hợp đồng đã ký kết. Kiên quyết khắc phục cho được tình trạng phân tán, vô tổ chức và mọi biểu hiện tiêu cực khác trong hoạt động cung ứng và kinh doanh vật tư ở các ngành, các cấp. Việc điều chỉnh giá vật tư phải làm từng bước vững chắc, không được gây đột biến giá thị trường.

+ Lãnh đạo các bộ, các ngành trung ương và địa phương phải đi về các đơn vị kinh tế quốc doanh, cùng cán bộ quản lý và quần chúng lao động tìm mọi biện pháp giảm tiêu hao vật tư, năng lượng, hợp lý hoá lao động, tinh giản bộ máy quản lý sản xuất, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật giá, kiểm tra chặt chẽ quỹ lương, quỹ thưởng, giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, thực hiện hạch toán trung thực, *chuyển sang hạch toán kinh doanh*, bảo đảm sản xuất, kinh doanh có lãi và làm đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, tích cực góp phần vào việc lập trật tự giá trên thị trường xã hội.

- *Tăng thích đáng tỷ lệ động viên cho ngân sách từ các khu vực kinh tế ngoài quốc doanh* trên cơ sở khuyến khích và phát huy mạnh mẽ tiềm năng của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh sản xuất và lưu thông hàng hoá, khắc phục tình trạng thất thu quá lớn trong khu vực này.

Các ngành, các cấp phải coi việc bảo đảm thu đúng và thu đủ cho ngân sách nhà nước theo pháp luật quy định là một nhiệm vụ chủ yếu và chịu trách nhiệm trước Trung ương về việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Trước mắt, thu đủ nợ thuế và nợ hợp đồng hai chiều đã được kết luận. Từ nay về sau, phải kịp thời quyết toán và thanh toán sòng phẳng,

không để tái diễn những trường hợp khê đọng thuế và nợ hợp đồng hai chiều quá lâu và quá nhiều. Kiện toàn tổ chức thuế, làm trong sạch đội ngũ cán bộ thuế, thay đổi phương pháp thu thuế, bảo đảm chỉ đạo song trùng của Bộ Tài chính và chính quyền địa phương đối với ngành thuế, thực hiện đúng các pháp lệnh về thuế.

Khẩn trương bổ sung, sửa đổi những bất hợp lý đã phát hiện trong chế độ thuế hàng hoá và xuất nhập khẩu, nhằm khuyến khích phát triển và bảo vệ tốt hơn kinh tế trong nước, ban hành những văn bản pháp quy về những chế độ thuế khác theo Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị.

- Phải lập ngay *cân đối ngoại tệ và thanh toán quốc tế* là bộ phận cấu thành trong cân đối kinh tế quốc dân. Giao Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo Bộ Tài chính cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước lập cân đối này, thống nhất quản lý các khoản thu chi ngoại tệ, các khoản vay và nợ quốc gia. Cải tổ việc quản lý các nguồn ngoại tệ ở trung ương và địa phương, thực hiện ngay chế độ mua bán ngoại tệ qua Ngân hàng Ngoại thương đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh; áp dụng chế độ thu, chi ngoại tệ thống nhất trong cả nước. Mặt khác phải bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ của các cơ sở sản xuất kinh doanh có ngoại tệ gửi ở ngân hàng.

Hội đồng Bộ trưởng cần khẩn trương ra các văn bản pháp quy và triển khai các biện pháp có hiệu lực khắc phục tình trạng lỏng lẻo, phân tán hiện nay trong thu chi ngoại tệ.

- củng cố hệ thống tài chính thống nhất và thông suốt từ trung ương đến địa phương theo một chế độ phân cấp và quản lý chặt chẽ ngân sách, đúng tinh thần và nội dung đã ghi trong Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị về các biện pháp cấp bách chống lạm phát, nhằm tăng thu cho ngân sách trung ương và khuyến khích thoả đáng các địa phương tạo ra được nhiều nguồn thu và thu đúng, thu đủ cho ngân sách. Không ngành nào, địa phương nào được tự tiện thay đổi các chế độ, chính sách tài chính đã được Nhà nước ban hành.

Gặp trường hợp xét thấy có điểm quy định của Nhà nước chưa sát hợp tình hình thực tiễn, thì phải báo cáo, xin chỉ thị Hội đồng Bộ trưởng, không tùy tiện làm trái chế độ, chính sách chung. Tăng cường kiểm tra, phát hiện những trường hợp vi phạm và xử lý thích đáng. Đồng thời, Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo Bộ Tài chính và các ngành có liên quan xem xét lại các chính sách, chế độ tài chính, loại bỏ những nội dung không còn thích hợp, điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách cho sát hợp với tình hình thực tiễn, với yêu cầu tăng cường chế độ quản lý tài chính thống nhất trong cả nước, khuyến khích và bắt buộc các ngành, các địa phương tăng thu và tiết kiệm chi cho ngân sách.

2. Chi đúng chính sách, kế hoạch và triệt để tiết kiệm chi, kiên quyết chống tham ô, lãng phí dưới mọi hình thức

Mỗi ngành, mỗi cấp phải xem xét lại các khoản chi, loại bỏ ngay những khoản chi bất hợp pháp, bất hợp lý gây nên tình trạng bất công trong xã hội và lãng phí lớn, thực hiện chi trên cơ sở những chế độ, mức hợp lý được Hội đồng Bộ trưởng và Bộ Tài chính bổ sung sửa đổi.

Hội đồng Bộ trưởng giao chỉ tiêu cụ thể và cắt giảm chi bắt buộc cho các ngành, các cấp, kể cả đối với quốc phòng và an ninh (Đối với việc giảm biên chế hành chính và quốc phòng, an ninh bước đầu cần có những khoản chi nhất định để tạo công việc làm, sau đó mới có thể giảm chi được). Áp dụng chế độ tiết kiệm nghiêm ngặt, nhất là các khoản chi không có hiệu quả thiết thực cho sản xuất và đời sống.

Các cơ sở sản xuất và thương nghiệp phải giao nộp và tiêu thụ hàng hoá theo đúng mục tiêu kế hoạch trên cơ sở chấn chỉnh công tác quản lý, giá cả, chấm dứt tình trạng "găm hàng chờ giá", "giữ hàng phân phối nội bộ", kinh doanh không đúng chức năng. Thi hành kỷ luật nghiêm đối với những trường hợp vi phạm.

- Xem xét lại *chi xây dựng cơ bản*, kể cả ở các công trình trọng điểm, giảm tỷ lệ chi phí trong thiết kế, chống mất mát, lãng phí trong xây dựng. Kiên quyết đình hoãn những

công trình xây dựng ngoài kế hoạch Nhà nước và chưa đem lại hiệu quả thiết thực.

- Kiên quyết *cắt giảm các khoản chi bù lỗ không hợp lý ở tất cả các lĩnh vực.*

+ *Về lương thực*, phải thu đủ thuế, đủ nợ, thực hiện thu mua lương thực qua hợp đồng kinh tế là chủ yếu, đồng thời tạo điều kiện về hàng và tiền mua lương thực theo giá thoả thuận, đúng thời điểm để nắm được đại bộ phận lương thực hàng hoá của nông dân; giảm đáng kể tỷ lệ hư hao, mất mát lương thực trong thu mua, vận chuyển bảo quản và phân phối lương thực; bằng mọi biện pháp kinh tế, tổ chức, hành chính bình ổn giá lương thực, quản lý giá lương thực theo từng vùng, tiến tới thực hiện giá lương thực tính vào lương thống nhất trong cả nước, để *hạn chế chi ngân sách cho bù giá lương thực.*

+ Kiên quyết *giảm ngay, tiến tới chấm dứt bù lỗ cho xuất khẩu từ năm 1989* trên cơ sở đổi mới một cách cơ bản hệ thống tổ chức và cơ chế quản lý xuất, nhập khẩu, thiết lập trật tự, kỷ cương trên mặt trận này, chấm dứt tranh mua, nâng giá trong nước, tranh bán và bị dìm giá ở ngoài nước, nâng giá bán hàng nhập khẩu để bù giá mua cao hàng xuất khẩu trong nước. Hội đồng Bộ trưởng khẩn trương chuẩn bị và sớm trình Bộ Chính trị xem xét đề án đổi mới tổ chức và quản lý xuất, nhập khẩu và quản lý ngoại tệ trong quý III - 1988.

- Bỏ chế độ cấp vốn lưu động từ ngân sách cho các tổ chức và đơn vị kinh tế quốc doanh (trừ một số cơ sở trọng điểm, sẽ có quy định riêng). Nhà nước phải ban hành các chính sách tạo điều kiện và đòi hỏi các cơ sở phải tìm mọi cách để tự cấp vốn như tạo thêm thu nhập thuần tuý, tăng vòng quay chu

chuyển vốn và huy động thêm vốn của tập thể, cá nhân dưới nhiều hình thức, vay vốn của ngân hàng... để mở rộng kinh doanh. Ngân hàng cũng cần đổi mới cơ chế cho vay tín dụng để thúc đẩy xí nghiệp phát triển sản xuất, tăng vòng quay tiền vốn.

Trước mắt, phải huy động ngay số vốn lưu động còn tồn đọng dưới nhiều hình thức ở các cơ sở sản xuất và lưu thông.

- *Chi lương và bù giá vào lương*

Các ngành, các cấp phải chấp hành đúng các chế độ, chính sách tiền lương thống nhất của Nhà nước, bảo đảm trả lương, trả thưởng phù hợp với nguyên tắc phân phối theo lao động, không tùy tiện đặt ra các chế độ tiền lương, tiền thưởng trái với chế độ chung của Nhà nước. Hội đồng Bộ trưởng phải ban hành các định mức, định chuẩn về tiền lương và tiền thưởng áp dụng thống nhất trong cả nước. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chi trả lương, thưởng và chấp hành quỹ lương trên cơ sở các định mức, định chuẩn của Nhà nước.

Hội đồng Bộ trưởng ban hành khung giá các mặt hàng bán định lượng theo giá ổn định cho từng vùng và giữ ổn định trong một thời gian để thực hiện bù giá vào lương theo sự chỉ đạo thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng, tạo điều kiện cho các xí nghiệp hạch toán vào giá thành được chính xác, thuận lợi.

Các ngành, các cấp chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bù giá vào lương theo đúng mặt hàng định lượng, đối tượng và mức giá; Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phải hướng dẫn mức bù giá các mặt hàng thiết yếu trong từng khu vực có hoàn cảnh tương tự, khắc phục tình trạng mỗi tỉnh bù theo mức giá và chế độ khác nhau. Đồng thời các ngành, các cấp phải bảo đảm đủ quỹ hàng hoá để bán theo định lượng cho cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

3. *Quản lý giá*

Hội đồng Bộ trưởng phải ban hành ngay các biện pháp về mặt quản lý giá, kể cả việc phân công, phân cấp định giá đúng đắn, nhằm dần dần tạo ra mặt bằng giá với các mức giá tương đối hợp lý giữa các nhóm hàng (vật tư, hàng công nghiệp tiêu dùng, nông sản, v.v.), chủ động ngăn ngừa và khắc phục tình hình đột biến về giá cả, làm đảo lộn dự án ngân sách và tăng thêm tốc độ lạm phát.

4. *Quản lý chặt chẽ tiền mặt*

Bắt buộc các tổ chức kinh tế quốc doanh phải dùng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trong quan hệ mua, bán với nhau. Mở rộng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt giữa các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Ngân hàng phải tăng được quỹ cho vay bằng cách động viên được mọi nguồn vốn sẵn có trong xã hội; hạn chế tối đa tiền phát hành thêm.

Cấm các cơ sở toạ chi tiền mặt. Muốn vậy, ngân hàng phải bảo đảm thanh toán kịp thời tiền mặt cho người gửi.

5. *Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính*

Kỷ luật, kỷ cương trong tài chính nhà nước và tài chính xí nghiệp hiện nay bị buông lỏng nghiêm trọng, gây tác hại hết sức to lớn về nhiều mặt. Không khôi phục và tăng cường được kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đặc biệt là trong công tác quản lý tài chính, thì dự toán ngân sách có được tính toán chính xác đến đâu, cuối cùng cũng bị phá vỡ trong tổ chức thực hiện. *Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính là yêu cầu hết sức cấp bách* để bảo đảm thực hiện đúng dự toán ngân sách năm 1988, góp phần tích cực chống lạm phát, tiến tới ổn định dần tình hình kinh tế - xã hội để đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân trở lại bình thường.

Trong việc thiết lập trật tự, kỷ cương tài chính, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành cho tới các cơ sở thực hiện ngay một số việc sau đây:

- Thực hiện đúng chế độ thu, chi tài chính quốc gia và

nộp ngân sách cho trung ương. Không được tuỳ tiện đặt ra các chính sách, chế độ riêng về thu, chi tài chính.

- Thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh về kế toán và thống kê của Nhà nước, chấm dứt tình trạng lập nhiều sổ sách, giả mạo chứng từ, v.v..

- Mọi nguồn thu đều phải được hạch toán và phản ánh đầy đủ trong ngân sách. Xoá bỏ các loại quỹ đen, chấm dứt chi tiêu ngoài ngân sách và không có chứng từ. Công khai hoá việc thu, chi tài chính và báo cáo đúng lên cấp trên.

- Tiến hành tốt các đợt thanh tra tài chính, vật tư, tiền mặt, kịp thời biểu dương gương tốt, việc tốt, xử lý nghiêm minh các đơn vị và cá nhân vi phạm kỷ luật tài chính. Xây dựng nền nếp thanh tra thường xuyên của các cơ quan nhà nước và của nhân dân.

6. Bộ Chính trị *nhấn mạnh*: các chủ trương, biện pháp đề ra trên đây đã được bàn bạc nhiều lần, đề ra trong nhiều nghị quyết Trung ương, gần đây là Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị về các biện pháp cấp bách chống lạm phát. Vấn đề quyết định là *ở sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện một cách nhất quán, kiên quyết và triệt để* từ trên xuống dưới. Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, phải phát hiện và giải quyết kịp thời các trường hợp có những quy định không sát thực tế, cứng nhắc của các cơ quan cấp trên, và những việc làm tuỳ tiện, vô nguyên tắc của các cấp dưới.

Các cấp, các ngành phải đồng tâm nhất trí thực hiện tốt các chủ trương và biện pháp đã nêu ở trên.

Hội đồng Bộ trưởng phải tăng cường điều hành việc thực hiện ở các cấp, các ngành, kịp thời sơ kết, rút kinh nghiệm để báo cáo và kiến nghị với Bộ Chính trị bổ sung chủ trương,

chính sách cần thiết nhằm thực hiện cho bằng được dự án ngân sách năm 1988. Ban Bí thư có kế hoạch chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện của các cấp uỷ đảng và các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương, lãnh đạo các đoàn thể tích cực phát động quần chúng thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước đã đề ra.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 55-QĐ/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1988

Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp từ nay đến năm 1990

Đảng ta đã nhiều lần đề ra chủ trương quy hoạch cán bộ, nhưng nội dung và phương pháp làm chưa tốt. Một số ngành, địa phương và cơ sở có làm quy hoạch cán bộ nhưng kết quả đạt được còn ít. Do thiếu quy hoạch, việc sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo thường lúng túng, bị động, chưa bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng đổi mới và kiện toàn các cơ quan lãnh đạo.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: "Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là mắt xích quan trọng nhất mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng".

Từ nay, các cấp, các ngành phải rất coi trọng công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành, khẩn trương đưa công tác này đi vào nền nếp.

Công tác quy hoạch cán bộ từ nay đến năm 1990 phải nhằm trước hết chuẩn bị nhân sự cho Đại hội toàn quốc lần thứ VII và đại hội các cấp của Đảng. Vì vậy:

1. *Cần làm tốt việc lựa chọn cán bộ dự bị cho các vị trí sau đây:* bí thư, các phó bí thư đảng uỷ các cấp (ở Trung ương là Tổng Bí thư, các Uỷ viên Bộ Chính trị, các đồng chí Bí thư; ở cấp tỉnh, thành là bí thư, phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ), chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân các cấp (ở Trung ương là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, các Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng); trưởng ban các ban của Đảng và lãnh đạo các cơ quan chính quyền các cấp (bộ trưởng, giám đốc sở, trưởng phòng ở cấp huyện, cán bộ chủ chốt các viện khoa học quan trọng); các cán bộ chủ chốt trong Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban chấp hành các đoàn thể Tổng Công đoàn, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Phụ nữ, v.v.. Đặc biệt quan tâm đến Bí thư thứ nhất và Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh từ cấp trung ương đến tỉnh, thành, quận, huyện và cơ sở.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm giúp Trung ương tập hợp danh sách cán bộ dự bị cho các chức danh thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Ban tổ chức các cấp cũng có nhiệm vụ tương ứng đối với thường vụ các cấp uỷ.

Từ nay đến cuối năm 1988 cần lựa chọn để bổ sung một số đồng chí vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương; kiện toàn cơ quan lãnh đạo ở một số tỉnh cần thiết. Đồng thời các cấp uỷ cần chú trọng *tăng cường cán bộ cho các cơ quan đảng và nhà nước*, nhất là những cơ quan kinh tế; thay đổi cán bộ ở những vị trí cần phải thay đổi (những đồng chí năng lực quá yếu không đảm đương nổi trách nhiệm, những đồng chí không bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đổi mới, những đồng chí phạm sai lầm, khuyết điểm nặng, v.v..).

2. *Mỗi chức danh nói trên trong quy hoạch phải có từ hai đến ba cán bộ dự bị* do cấp uỷ hoặc ngành sử dụng cán bộ đó nhận xét, đánh giá và đề nghị cấp uỷ quản lý cán bộ đó thông qua (ví dụ: bí thư Tỉnh uỷ đề nghị người dự bị thay thế mình, thường vụ tỉnh uỷ nhận xét đánh giá và đề nghị Trung ương thông qua và ghi vào danh sách cán bộ dự bị của Trung

ương). Hàng năm, mỗi cấp có nhận xét đánh giá lại cán bộ dự bị trên cơ sở đó sắp xếp lại (ví dụ: người thứ nhất xuống thứ hai, người thứ ba lên thứ nhất, hoặc đưa ra khỏi danh sách cán bộ dự bị).

Khi lựa chọn cán bộ dự bị cần chú ý cán bộ nữ, cán bộ xuất thân từ công nhân, nông dân, người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, cán bộ quân đội và công an đã được rèn luyện trong thực tế công tác và có triển vọng trở thành cán bộ lãnh đạo. Thực hiện một bước trẻ hoá, trí thức hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo.

Việc lựa chọn cán bộ dự bị phải dựa vào tiêu chuẩn chung của cán bộ là: Có phẩm chất chính trị vững vàng, trước hết thể hiện ở lòng trung thành với đường lối của Đảng, ở thái độ tích cực đối với công cuộc đổi mới, ở sự trung thực đối với Đảng; có quyết tâm cao trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng; có phong cách làm việc tập thể và dân chủ, đoàn kết được cán bộ và quần chúng, biết lắng nghe ý kiến quần chúng, sâu sát quần chúng và cơ sở; có kiến thức và năng lực tiếp thu và cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng vào lĩnh vực công tác mình phụ trách, biết tổ chức và điều hành công việc; có ý thức tổ chức kỷ luật, có lối sống lành mạnh, không tham vọng cá nhân. Nhân vô thập toàn, ai có ưu điểm gì tập thể giúp đỡ phát huy, ai có nhược điểm gì tập thể giúp đỡ khắc phục.

Tiêu chuẩn trên đây đối với từng chức danh phải được cụ thể hoá, nhất là về kiến thức và năng lực.

Cần tạo nguồn rộng rãi để bổ sung quy hoạch cán bộ dự bị tiếp theo.

3. *Việc xây dựng quy hoạch cán bộ phải làm một cách đồng bộ từ lựa chọn đến đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công tác*

Sau khi lập danh sách cán bộ dự bị, có ngay kế hoạch

đào tạo, bồi dưỡng một cách cơ bản; cán bộ thiếu kiến thức mặt nào thì được bồi dưỡng về mặt đó: thiếu về lý luận chính trị và quản lý kinh tế thì cho đi học; có lý luận, có bằng cấp cao nhưng thiếu thực tế, thiếu kinh nghiệm lãnh đạo thì bố trí cho đi công tác thực tế và lãnh đạo chung. Nếu cần thì cho bổ túc văn hoá, từng bước giao việc từ thấp đến cao; bố trí cán bộ dự bị vào các vị trí kế cận để làm quen với nhiệm vụ dự kiến được giao và để khi cần có thể thay thế ngay được. Cần thực hiện luân chuyển cán bộ dự bị một cách có kế hoạch bằng cách đưa cán bộ từ địa phương này đến địa phương khác, từ cơ quan trung ương, tỉnh, thành về công tác ở địa phương, ở huyện, quận, cơ sở và đưa cán bộ từ cơ sở, địa phương lên công tác ở các ngành và cơ quan trung ương. Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ thuộc Trung ương quản lý.

4. Việc đánh giá, lựa chọn cán bộ dự bị *phải bảo đảm nguyên tắc dân chủ, tập thể, công khai*. Phải lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ, đảng viên, quần chúng ở nơi cán bộ đó công tác, kết hợp với nhận xét của cơ quan có thẩm quyền quản lý

cán bộ. Cần tổ chức cho cán bộ dự bị tự nhận xét ưu điểm, khuyết điểm của mình trước cơ quan quản lý cán bộ.

Cấp uỷ có thẩm quyền quản lý cán bộ nào thì quyết định đưa cán bộ đó có đủ tiêu chuẩn vào danh sách cán bộ dự bị.

5. Để giúp cấp uỷ và lãnh đạo các ngành làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, *cần kiện toàn cơ quan tổ chức cán bộ của các cấp, các ngành*. Cán bộ cơ quan tổ chức, quản lý cán bộ phải có phẩm chất đạo đức tốt, công tâm, khiêm tốn, trung thực, nhiệt tình, có kiến thức và kinh nghiệm về công tác xây dựng đảng, có ý thức tổ chức, kỷ luật, biết giữ gìn bí mật về công tác cán bộ.

Cuối năm 1989, sẽ *sơ kết rút kinh nghiệm* công tác quy hoạch cán bộ.

Quá trình quy hoạch cán bộ đòi hỏi phải có thời gian dài hơn. Nhưng nay thời gian còn lại quá ít, vậy mong các cấp, các ngành chú ý thực hiện ngay. Cố gắng làm tốt, rút kinh nghiệm cho các khoá sau làm tốt hơn, với thời gian và cách làm đầy đủ hơn.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 54-QĐ/TW, ngày 28 tháng 5 năm 1988

Về chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Trung ương

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

Ban Dân vận Trung ương có chức năng giúp Ban Bí thư *ngiên cứu và kiểm tra việc thực hiện* chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác quần chúng.

Nhiệm vụ của Ban Dân vận Trung ương là:

1. Nghiên cứu, tổng kết tình hình và công tác vận động quần chúng, chuẩn bị các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các chủ trương, chính sách chung đối với công tác quần chúng; kết hợp tham gia với đảng đoàn các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nghiên cứu những vấn đề thuộc về công tác vận động đối với từng đối tượng công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, thợ thủ công, tiểu chủ, tư sản, Việt kiều, tôn giáo, người Hoa...

2. Kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác quần chúng ở các cấp uỷ đảng, các ngành chính quyền, các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc và lực lượng vũ trang.

3. Chủ trì và phối hợp với đảng đoàn Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các ban của Trung ương Đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng trong việc giúp Ban Bí thư nghiên cứu tình hình và hướng dẫn các cấp thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng đối với công tác tôn giáo, người Hoa; xây dựng cơ sở chính trị và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo, người Hoa.

Hướng dẫn nghiệp vụ cho Ban Dân vận của các cấp uỷ địa phương.

4. Làm công tác tổ chức và cán bộ theo quy định của Trung ương. Phối hợp và tham gia cùng đảng uỷ khối xây dựng các đảng bộ cơ quan trong khối vũng mạnh.

II- TỔ CHỨC VÀ CÁCH LÀM VIỆC CỦA BAN

Ban Dân vận Trung ương có trưởng ban và một số phó trưởng ban.

Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng, kết hợp với chế độ làm việc tập thể đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân. Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trung ương về toàn bộ công việc của Ban. Các phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban đồng thời cùng trưởng ban chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về lĩnh vực công tác được phân công.

Bộ máy và biên chế của Ban phải gọn, nhẹ, coi trọng chất lượng; gồm những cán bộ có phẩm chất, có năng lực nghiên

cứu, tổng hợp, có tinh thần đổi mới, có kiến thức về kinh tế - xã hội, có khả năng và kinh nghiệm về công tác vận động quần chúng trong lĩnh vực công tác được giao, có hiểu biết về công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đảng.

Ngoài số cán bộ trong biên chế, Ban được thực hiện chế độ cộng tác viên để phục vụ công tác nghiên cứu và kiểm tra theo yêu cầu của Ban.

Ban Dân vận Trung ương bàn bạc thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương về tổ chức, biên chế và chế độ sử dụng cộng tác viên của Ban.

Ban thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo với Ban Bí thư, trực tiếp làm việc với đồng chí Bí thư phụ trách khối dân vận, giúp đồng chí Bí thư phụ trách khối xây dựng chế độ làm việc với đồng chí Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các đồng chí bí thư đảng đoàn các đoàn thể và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, với các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng trong khối về các vấn đề chung của công tác quần chúng và những vấn đề của từng đoàn thể.

Ban quan hệ chặt chẽ với các ban của Trung ương Đảng, với Văn phòng Trung ương, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng và các bộ, các ngành để cùng phối hợp công tác, theo quy chế của các ban Đảng.

Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các ban khác của Trung ương, các Tỉnh uỷ, Thành uỷ, đặc khu uỷ, các ngành và các đoàn thể ở trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho các quyết định trước.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

quyết định của ban bí thư số 54-qđ/tw... 239

240 văn kiện đảng toàn tập

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 57-QĐ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 1988

Về việc thành lập Đảng bộ Vận tải đường sắt

Căn cứ vào Điều 11 của Điều lệ Đảng, xét tình hình và đặc điểm về tổ chức quản lý ngành đường sắt Việt Nam

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Đảng bộ Vận tải đường sắt gồm 39 đảng bộ cơ sở của các đơn vị vận tải đường sắt và sáu đảng bộ cơ sở dịch vụ, hậu cần trực tiếp phục vụ hệ thống vận tải đường sắt (có danh sách kèm theo).
Các đảng bộ cơ sở của ngành đường sắt còn lại đặt trực thuộc các cấp uỷ địa phương nơi đơn vị đóng.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ Vận tải đường sắt và đảng uỷ cấp trên cơ sở trực thuộc sự lãnh đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng.
Đảng uỷ Vận tải đường sắt có trách nhiệm lãnh đạo các mặt công tác trong đảng bộ, làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng; lãnh đạo đảng viên và quần chúng tham gia xây dựng kế hoạch, thi đua thực hiện kế hoạch, chấp hành mệnh lệnh của người thủ trưởng và những quy định của đơn vị; tham

gia ý kiến về công tác cán bộ theo quy định của Trung ương; kiểm tra hoạt động của cơ quan quản lý và của người thủ trưởng, bảo đảm cho đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh; chăm lo công tác xây dựng đảng, công tác quần chúng, xây dựng khối đoàn kết thống nhất ý chí và hành động trong đảng bộ và ngành vận tải đường sắt.

3. Đảng bộ Vận tải đường sắt được quan hệ với các đảng bộ cơ sở khác trong ngành đường sắt để trao đổi kinh nghiệm và phối hợp hành động hướng vào mục tiêu, nhiệm vụ chung của tổng cục.

Đảng uỷ Vận tải đường sắt và các cơ sở đảng vận tải đường sắt phải quan hệ chặt chẽ với các cấp uỷ địa phương để phối hợp việc giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên và thi hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và các chủ trương của cấp uỷ, chính quyền địa phương nơi đơn vị đóng.

4. Chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ Vận tải đường sắt lâm thời gồm chín đồng chí, do đồng chí Trần Thiện Đoan làm Bí thư Đảng uỷ. Sau sáu tháng sẽ tổ chức đại hội đại biểu để bầu Ban chấp hành đảng bộ chính thức.

5. Các đảng bộ có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này hiện nay thuộc cấp uỷ địa phương nào thì cấp uỷ đó bàn giao cho Đảng uỷ Vận tải đường sắt lâm thời. Việc bàn giao phải hoàn thành trong tháng 6-1988.

6. Các ban: Tổ chức Trung ương, Tuyên huấn Trung ương, Công nghiệp Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung

ương theo chức năng của mình giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng đảng của Đảng bộ Vận tải đường sắt.

Đồng chí Tổng cục trưởng Tổng cục Đường sắt có trách nhiệm tạo các điều kiện cần thiết để Đảng uỷ Vận tải đường sắt hoạt động được thuận tiện.

7. Các đảng bộ cơ sở ngành đường sắt, đồng chí Tổng cục trưởng Tổng cục Đường sắt, các tỉnh uỷ, thành uỷ có đơn vị đường sắt đóng tại địa phương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các ban khác của Trung ương Đảng có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI NÓI
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

Tháng 6 năm 1988

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ quan trọng là thảo luận và ra nghị quyết về một số vấn đề cấp bách xây dựng đảng, bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Không phải ngẫu nhiên mà lúc này vấn đề xây dựng đảng trở thành mối quan tâm hàng đầu của toàn Đảng, của tất cả đảng viên, cán bộ và nhân dân. Hiện nay, Đảng ta đang đứng trước nhiệm vụ cách mạng to lớn và phức tạp: lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội do Đại hội VI đề ra. Vậy mà thời gian từ nay đến Đại hội VII chỉ còn hơn hai năm. Từ sau Đại hội VI, chúng ta đã đề ra được một số nghị quyết và chính sách quan trọng. Nhưng tình hình kinh tế - xã hội vẫn chưa có những chuyển biến cơ bản, có những mặt tiếp tục diễn biến xấu hơn. Sản xuất, kinh doanh còn nhiều vướng mắc. Cơ chế quản lý kinh tế mới chậm đi vào cuộc sống. Tiêu cực ở trong Đảng và trong xã hội còn nhiều. Đời sống của nhân dân, cán bộ công nhân viên và lực lượng vũ trang có những khó khăn

lớn, nhất là trong dịp thiếu hụt lương thực và giá cả biến động mạnh vừa qua. Niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng có mặt bị giảm sút. Đảng ta phải nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình trước thực trạng nói trên. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực và phẩm chất của đảng viên, cán bộ nói chung chưa đáp ứng được tình hình đòi hỏi. Vì vậy, điều dễ hiểu là Đảng phải nghiêm túc soát xét lại mình với tinh thần phê phán sâu sắc, xiết chặt lại đội ngũ, tăng cường tính giai cấp và tính tiên phong để giữ được vai trò là hạt nhân lãnh đạo toàn xã hội, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên. Tuy nhiên, tại hội nghị này, chúng ta chưa có điều kiện bàn công tác xây dựng đảng một cách toàn diện và lâu dài. Trọng tâm của hội nghị là giải quyết những vấn đề cấp bách, nhưng cũng rất cơ bản, nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong Đảng, từ đó thúc đẩy sự chuyển biến tích cực của toàn xã hội để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI. Nhằm mục đích đó, Hội nghị Trung ương 5 sẽ thảo luận và quyết định ba vấn đề lớn sau đây:

1. Về công tác tư tưởng của Đảng,
2. Về công tác tổ chức và cán bộ,
3. Về đảng viên và tổ chức cơ sở đảng.

Nhân dịp này, tôi xin phát biểu một số vấn đề có liên quan đến dự thảo nội dung nghị quyết để các đồng chí tham khảo.

Thư các đồng chí,

Trước hết, tôi nghĩ rằng, để giải quyết những vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng đảng hiện nay, chúng ta không thể bỏ qua *những kinh nghiệm và bài học về xây dựng đảng* trước đây của Đảng ta. Những kinh nghiệm và bài học đó tạo thành truyền thống và sức mạnh của Đảng, làm nên giá trị tinh thần cao quý của nhân dân ta. Một câu hỏi lớn đặt ra là vì sao một đảng mácxít - leninnít, Đảng do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện, ra đời ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến, với hơn 90% là nông dân, vậy mà chỉ sau 15 năm đấu tranh,

dưới sự lãnh đạo của chỉ trên dưới 5.000 đảng viên trong cả nước mà đã lật đổ được chế độ thực dân, giành chính quyền, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á? Tiếp đó, Đảng đã phát động toàn thể nhân dân xông vào hai cuộc kháng chiến cực kỳ ác liệt, đánh bại hai tên đế quốc đầu sỏ, sau chín năm giành được độc lập, tự do cho một nửa nước và sau 30 năm, giải phóng được miền Nam, hoàn toàn thống nhất đất nước. Trong khi đó, ở trên thế giới cũng như ở khu vực Đông Nam Á, có nhiều đảng cộng sản ra đời trước Đảng ta, có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương tự nước ta, có những cơ hội lịch sử không khác chúng ta, nhưng mặc dù phải hy sinh biết bao xương máu, cách mạng vẫn chưa giành được thắng lợi. Suy cho cùng, nhân tố quyết định là ở vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Tôi nghĩ rằng, chúng ta phải thường xuyên nghiên cứu sâu sắc, lật đi lật lại nhiều lần những bài học lịch sử của các thời kỳ đấu tranh cách mạng trước đây để vận dụng vào điều kiện mới. Nếu tước đi những biểu hiện cụ thể do hoàn cảnh đặc thù, chúng ta có thể tìm thấy những giá trị chung trong các bài học đó, và cho đến hôm nay, chúng vẫn mang đầy đủ ý nghĩa.

Một là, điều cơ bản tạo thành sức mạnh của Đảng ta trước hết là do Đảng có đường lối chính trị đúng đắn và sáng tạo, kết hợp nhuần nhuyễn lý luận Mác - Lênin, kinh nghiệm của các đảng anh em với thực tế lịch sử cụ thể của nước ta. Đảng nhạy bén trước những đổi thay của tình hình, dự cảm được chiều hướng vận động của thời cuộc, bắt mạch đúng nguyện vọng của nhân dân, nhờ đó đã đề ra các chủ trương chiến lược và sách lược đúng đắn. Điều này có thể thấy rõ từ Cương lĩnh đầu tiên của Đảng cho đến các chủ trương lớn áp dụng trong từng thời kỳ như cao trào và thoái trào cách mạng đầu những năm 30, Mặt trận dân chủ Đông Dương, Mặt trận phản đế, Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước; từ đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp đến đỉnh cao của chiến tranh nhân dân chống đế quốc Mỹ. Ở đây, tôi không có điều kiện đi sâu phân tích

từng chủ trương nói trên, mà muốn rút ra một kết luận là: Đảng xây dựng được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, chính xác là điều có ý nghĩa sống còn đối với sinh mệnh của Đảng và vận mệnh của đất nước. Nhờ đó mà đoàn kết được cán bộ, đảng viên, tập hợp được đông đảo quần chúng, bảo đảm cho cách mạng từng bước tiến lên vững chắc, dù có gặp những khó khăn tạm thời thì cũng vượt qua được để cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn.

Hai là, Đảng ta luôn luôn coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, cho nên tin ở dân và dựa vào dân, đấu tranh cho lợi ích thiết thực của dân, nhờ đó dân đi theo Đảng, hưởng ứng các chủ trương do Đảng đề ra. Trong từng thời kỳ cách mạng, Đảng biết tập hợp nhân dân vào các mặt trận dưới những tên gọi khác nhau, đưa ra những khẩu hiệu đấu tranh thích hợp, phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng bức xúc của quần chúng. Nhờ đó, ý chí của Đảng đã biến thành ý chí của nhân dân, tạo thành sức mạnh "dời non, lấp biển". Để dân theo Đảng, các đảng viên thâm nhập vào dân, cùng ăn, cùng ở và cùng làm với dân, được dân che chở, đùm bọc. Nhờ gắn bó với dân, Đảng hiểu được lòng dân để đề ra các chủ trương phù hợp, đồng thời giáo dục, tổ chức vận động nhân dân tham gia các đoàn thể cách mạng, phát triển được đảng viên trong quần chúng. Một trong những hình thức nổi tiếng đưa những người cách mạng thâm nhập vào quần chúng là "phong trào vô sản hoá" diễn ra vào cuối những năm 20, đầu những năm 30. Hồi đó, nhờ phong trào này mà nhiều thanh niên vốn xuất thân từ các tầng lớp tiểu tư sản trí thức đã tự lột xác, từ giác ngộ dân tộc đi đến giác ngộ giai cấp, từ tán thành chủ nghĩa cộng sản đến thực sự rèn luyện mình trở thành những chiến sĩ cộng sản kiên cường. Phong trào vô sản hoá góp phần xúc tiến việc kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước để hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, truyền thống gắn bó máu thịt với dân vẫn được cán bộ, đảng viên ta phát huy, nhờ đó đã giành được thắng lợi.

Ba là, Đảng ta mạnh vì từng tế bào của nó mạnh, từng đảng viên và cán bộ, từng chi bộ mạnh. Trước đây, những người đi làm cách mạng chỉ vì nung nấu một lý tưởng sâu sắc: đánh đổ đế quốc và phong kiến, giải phóng nhân dân thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, giành lại độc lập, tự do cho đất nước để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngoài ra, không có một động cơ nào khác. Làm cách mạng lúc bấy giờ đồng nghĩa với sự hy sinh, chết chóc, bản thân chịu hy sinh và gia đình, họ hàng cũng bị liên lụy. Chức vụ trong Đảng càng cao thì đòn thù càng nặng, cái sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc. Lý tưởng cao cả dẫn dắt mọi đảng viên đấu tranh vì sự nghiệp, bất chấp hy sinh, đoàn kết với nhau keo sơn, trên dưới một lòng. Hai tiếng "đồng chí" lúc bấy giờ thật là vô cùng thiêng liêng và cao cả, vì nó mà người ta bảo vệ nhau, nhường cơm sẻ áo, sống chết cùng nhau. Điều đó cốt nghĩa vì sao tuy số lượng đảng viên ít, điều kiện hoạt động cực kỳ khó khăn, nhưng chất lượng của Đảng cao, uy tín của Đảng lớn, tạo cho Đảng sức mạnh vô địch để chiến thắng.

Những điều tôi nói trên đây chưa phải là toàn bộ các nhân tố để Đảng ta giành thắng lợi. Nhưng đó là những nhân tố rất cơ bản. Có thể có người cho tôi nói toàn những chuyện cũ, không hợp với điều kiện sống của ngày hôm nay. Không phải như vậy! Quá khứ, hiện tại và tương lai là một dòng chảy liên tục. Hình thức cụ thể có thể khác, nhưng bản chất sự vật không thể khác được. Những điều tôi nói trên là cái cốt lõi tạo thành truyền thống và sức mạnh của Đảng ta, trước đây cũng như hiện nay và sau này. Chúng ta phải trân trọng, gìn giữ và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó, làm cho chúng sống lại trong sự nghiệp của ngày hôm nay. Đối với chúng ta, đặc biệt những đảng viên trẻ, cần thiết phải ôn lại thường xuyên và được giáo dục bằng những

truyền thống đó. Tiếc rằng, đây là vấn đề mà hiện nay chúng ta còn xem nhẹ.

Thư các đồng chí,

Với đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, chính quyền nhân dân được thiết lập từ phạm vi một nửa nước, mở rộng ra cả nước. Một trang sử mới bắt đầu: cả nước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Với khí thế bừng bừng của người vừa chiến thắng tên đế quốc giàu mạnh nhất thế giới, chúng ta tưởng rằng có thể nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đơn giản cho rằng, đã chiến thắng trong cuộc chiến tranh cực kỳ ác liệt thì cũng có thể dễ dàng thắng lợi trong xây dựng kinh tế. Chúng ta không tính đến hai loại quy luật hoàn toàn khác nhau. Tôi muốn nhắc đến một câu nói rất hay của Lênin, đại ý: có những ưu điểm, nếu kéo dài mãi quá mức cần thiết sẽ trở thành khuyết điểm. Chúng ta cũng ở trong trường hợp này. Từ đó, đã đề ra những chủ trương chiến lược sai lầm trên các mặt cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Về cơ cấu kinh tế, chủ trương xây dựng công nghiệp nặng trên quy mô lớn, tốc độ cao, coi nhẹ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Đầu tư xây dựng cơ bản tràn lan, làm phân tán vốn, hiệu quả rất thấp. Về cơ chế quản lý kinh tế, duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, không tính đến quan hệ hàng hoá - tiền tệ và quy luật giá trị. Tư tưởng y lại rất nặng, cấp dưới dựa vào cấp trên, địa phương dựa vào trung ương, trong nước dựa vào ngoài nước, sử dụng viện trợ và vốn vay nước ngoài lãng phí đến mức ăn hết cả vốn. Bộ máy quan liêu hành chính phình ra quá lớn, người nhiều việc ít hoặc làm được ít việc, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, nặng về xoá bỏ các quan hệ sản xuất cũ, cải tạo ồ ạt theo kiểu chiến

dịch nhằm thiết lập nhanh sở hữu toàn dân và tập thể xã hội chủ nghĩa, không thừa nhận trên thực tế nền kinh tế nhiều thành phần. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh tàn phá, nhưng chúng ta đã không coi trọng việc sử dụng các thành phần kinh tế để đẩy mạnh lực lượng sản xuất, không lấy việc phát triển lực lượng sản xuất làm nhiệm vụ hàng đầu. Những sai lầm và khuyết điểm nói trên đã được Đại hội Đảng lần thứ VI phân tích đầy đủ và nghiêm túc trên tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật". Những sai lầm và khuyết điểm đó bắt nguồn chủ yếu từ chủ nghĩa chủ quan duy ý chí, bất chấp quy luật khách quan trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội. Sai lầm lớn trong tư duy lý luận là lẫn lộn bước đi về thời kỳ quá độ, không chú ý đến điều mà Lênin căn dặn là: phải hình dung cho thật rõ chúng ta đang quá độ từ đâu và đến đâu? Vì không chú ý đầy đủ đặc điểm lớn nhất của nước ta là nền sản xuất nhỏ còn phổ biến như Bác Hồ đã dạy, nên chúng ta đã chủ trương quá độ *thẳng, trực tiếp* lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua các nấc thang trung gian cần thiết, những nấc thang trung gian mà ngay những nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa trung bình tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng không thể bỏ qua. Tôi nghĩ rằng, những lệch lạc trong Đảng, trong quản lý bộ máy nhà nước và trong xã hội nói chung, *trước hết và chủ yếu* bắt nguồn từ những sai lầm về các chủ trương chiến lược nói trên. Do đó, điều kiện tiên quyết để khắc phục những lệch lạc trong các lĩnh vực của đời sống, kể cả lĩnh vực xây dựng đảng, là phải đề ra được những chủ trương chiến lược về kinh tế - xã hội đúng đắn. Về mặt này, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đáp ứng được nguyện vọng của chúng ta, là cơ sở chủ yếu để khắc phục những thiếu sót trong công tác xây dựng đảng.

Ngoài ra, những tiêu cực trong Đảng và trong xã hội còn bắt nguồn từ một nguyên nhân khác là chúng ta buông lỏng công

tác xây dựng đảng, giáo dục và quản lý đảng viên, coi nhẹ việc xây dựng chiến lược con người.

Từ sau ngày thống nhất đất nước đến nay, đại đa số cán bộ, đảng viên vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp. Mặc dù kinh tế và đời sống gặp nhiều khó khăn, nhưng phần lớn cán bộ, đảng viên ta vẫn kiên trì chịu đựng, công tác và lao động cần cù, không bị đồng tiền và danh vọng cám dỗ làm hoen ố phẩm chất. Những tấm gương sáng đó chúng ta thấy ở khắp nơi. Nhưng mặt khác, có không ít cán bộ, đảng viên mắc phải nhiều tiêu cực, thậm chí một số trượt dài vào vũng bùn thoái hoá, biến chất.

Lênin đã dạy chúng ta không biết bao nhiêu lần là phải cảnh giác đề phòng những nguy cơ rất dễ xảy ra đối với một đảng cầm quyền. Trước hết, đó là bệnh quan liêu bần giã, xa rời quần chúng, xa rời thực tế, hống hách với nhân dân, lên mặt là "quan cách mạng" (lời Bác Hồ). Họ chỉ biết suốt ngày thảo ra hết công văn này đến chỉ thị khác, ngập đầu trong các giấy tờ, hoặc đi từ phòng họp này sang phòng họp khác, ban bố các mệnh lệnh, còn cuộc sống sinh động và sự việc thực tế thì hoàn toàn xa lạ. Họ chỉ biết huênh hoang nói những điều cao xa, lý thuyết trừu tượng về cách mạng, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nhưng không thể bắt tay giải quyết được một công việc thực tế cụ thể nào cho ra hồn. Lênin đã chế nhạo là sẵn sàng đổi một tá những người cộng sản như vậy để lấy một chuyên gia tư sản.

Một căn bệnh khác cũng hết sức nguy hại đối với một đảng cầm quyền là khi có quyền lực và nắm của cải vật chất trong tay, một số cán bộ, đảng viên không làm chủ được bản thân, sinh lòng thèm khát đồng tiền, sẵn sàng "chiếm công vi tư", đục khoét của cải của nhân dân, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa bằng nhiều thủ đoạn tinh vi hoặc trắng trợn. Họ thực hiện triết lý vô lương tâm: "Sống chết mặc bay, tiền thấy bỏ túi" trong lúc nhân dân ta còn phải chịu đựng muôn vàn gian khổ. Quy luật chạy theo đồng tiền làm cho người ta

không dừng lại ở đó. Tiền đi liền với gái, sống buông thả, sa đoạ, móc ngoặc và tiếp tay cho bọn làm ăn bất chính ngoài xã hội. Đối với những người này thì không có gì để nói đến lý tưởng cách mạng, vì cái mà họ đeo đuổi chỉ là lợi ích vật chất bản thân, vật mà họ tôn thờ chỉ là đồng tiền.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, cũng cần cảnh giác với những kẻ cơ hội chủ nghĩa đủ mọi loại phát sinh. Nói chung, đó là những người sống vô nguyên tắc, chỉ biết luồn lọt, nịnh bợ để có danh và lợi. Lúc thuận lợi thì họ xông vào để kiếm chác, lúc khó khăn thì lảng tránh cốt giữ lấy thân. Họ sống lá mặt, lá trái, đổi chiều theo hướng gió, miễn là đạt được mục đích vị kỷ cá nhân.

Một tình hình khác rất đáng quan tâm là ở trong Đảng và ngoài xã hội, việc giáo dục lý tưởng bị xem nhẹ. Trong khi đó, một bộ phận nhân dân, đặc biệt là thanh niên, một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, lý tưởng xã hội chủ nghĩa đang bị phai mờ. Tôi được biết là hiện nay có những cơ quan, trường học chuyên làm việc giáo dục, rèn luyện con người, nhưng rất ngại nói đến lý tưởng và niềm tin cộng sản chủ nghĩa, nói đến đạo đức cách mạng. Cũng có khi nói đến lý tưởng, nhưng nặng về sách vở trừu tượng, không thấm vào lòng người. Có ai đó vẫn cho rằng, kinh tế và đời sống còn khó khăn như thế này thì không làm công tác tư tưởng được. Lẽ nào chờ đến khi kinh tế phát triển và đời sống no đủ mới làm công tác tư tưởng hay sao? Công tác tư tưởng đâu phải chỉ khuôn lại ở việc tô hồng chế độ, chỉ nói cái hay, cái đẹp, lảng tránh mặt tiêu cực, mặt xấu và khó khăn?

Vấn đề là nói như thế nào để người ta căm ghét cái xấu, yêu thương cái tốt, tôn trọng lẽ phải, từ đó thúc đẩy tích cực hành động của con người làm cho cái tốt và lẽ phải chiến thắng. "Chống" phải đi đôi với "xây" và "xây" là chính. Tránh khuynh hướng từ chỗ ca ngợi một chiều, nay chuyển sang chỉ nói khuyết điểm và tiêu cực.

Những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong những năm qua còn do chất lượng sinh hoạt chi bộ và cấp uỷ yếu kém. Nội dung sinh hoạt đảng thường trùng lặp với sinh hoạt chuyên môn hay công đoàn. Không hiếm trường hợp tiến hành chính thức, qua loa, gọi là có sinh hoạt cho đúng quy định. Thiếu không khí tự phê bình và phê bình trên tinh đồng chí, thay vào đó là bệnh nể nang, xuê xoa theo kiểu "dễ người dễ ta". Đó là lý do vì sao có những đảng viên bắt đầu đi vào con đường lầm lạc mà không được ngăn chặn kịp thời, còn những đảng viên vốn đã mắc sai lầm thì tiếp tục mắc nhiều hơn nữa, đến mức phải xử lý nặng về mặt đảng, chính quyền và pháp luật. Mặt khác, ở một số chi bộ và cấp uỷ, những cuộc tự phê bình và phê bình biến thành cơ hội đả kích nhau, tạo ra phe phái, gây mất đoàn kết nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến quần chúng. Tình hình tương đối phổ biến là chi bộ và cấp uỷ không quản lý chặt chẽ đảng viên, không nắm chắc tâm tư và diễn biến tư tưởng của họ. Trong trường hợp này, chi bộ đã bỏ mất chức năng quan trọng là giáo dục, rèn luyện đảng viên.

Điều đáng quan tâm hiện nay là ở không ít cấp uỷ, kể cả cấp uỷ tỉnh, thành, có tình hình mất đoàn kết nghiêm trọng và kéo dài. Có những nơi, việc cấp uỷ mất đoàn kết đã gây ra những tác hại nặng nề, làm tê liệt sự lãnh đạo của Đảng, kìm hãm sự phát triển của phong trào quần chúng. Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng nổi bật hơn cả là do bệnh cá nhân chủ nghĩa như kèn cựa địa vị, đầu óc gia trưởng, độc đoán của người đứng đầu, ý thức tổ chức kỷ luật lỏng lẻo... Tình trạng thiếu dân chủ cũng khá nặng nề trong nhiều tổ chức đảng, chính quyền và cơ quan đoàn thể. Trong trường hợp này, người lãnh đạo thường không tin và không nghe quần chúng, nhất là khi ý kiến của quần chúng không thuận tai mình, đặc biệt khi được họ phê bình, chỉ ra những thiếu sót.

Từ chỗ thiếu dân chủ đến dân chủ hình thức thì tình hình cũng chẳng tốt đẹp gì hơn. Thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức làm yếu sự tập trung thống nhất, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm. Như dự thảo nghị quyết về xây dựng đảng đã chỉ rõ, một trong những khuyết điểm lớn nhất trong công tác xây dựng đảng của chúng ta hiện nay là vừa không giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng và Nhà nước, vừa thiếu dân chủ.

Một khuyết điểm lớn khác là công tác quy hoạch cán bộ lâu nay bị xem nhẹ, hầu như thả nổi. Đến mức là hiện nay chúng ta ở trong tình trạng "bị hẫng", thiếu nghiêm trọng những người thay thế nhiều chức vụ chủ chốt cần phải thay. Lắm khi người mới được đề bạt không bằng người đã rời khỏi chức vụ. Cứ mỗi lần tiến hành đại hội đảng các cấp lại phải "đốt đuốc" đi tìm cán bộ, mất rất nhiều công sức nhưng không ít trường hợp tìm không trúng. Thiếu quy hoạch cán bộ còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ vì trong trường hợp này khó mà xác định được đúng ai cần đào tạo và đào tạo để làm gì, đào tạo cái gì và ở đâu. Việc trẻ hoá cán bộ do đó cũng khó thực hiện. Ban tổ chức các cấp từ trung ương đến cơ sở, với tư cách là tham mưu giúp cấp uỷ, chịu trách nhiệm chính về vấn đề này. Nói như vậy không có nghĩa là việc quy hoạch cán bộ phó mặc cho ban tổ chức làm, mà là nhiệm vụ chủ yếu của các cấp lãnh đạo đảng, chính quyền và đoàn thể từ trung ương đến cơ sở.

Thưa các đồng chí,

Chính là nhằm khắc phục tình hình nói trên và thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI mà lần này Hội nghị

Trung ương sẽ quyết định một số vấn đề cấp bách về xây dựng đảng. Tinh thần cơ bản của Nghị quyết Đại hội VI là đổi mới sâu sắc và toàn diện mọi mặt đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Muốn đổi mới xã hội, trước hết Đảng phải tự đổi mới, phải tiến hành cuộc cách mạng về công tác xây dựng đảng, vì Đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn xã hội. Một vấn đề trung tâm trong công tác xây dựng đảng là *nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng*. Năng lực này thể hiện ở:

- Đảng đề ra các đường lối, chủ trương lớn định hướng cho sự phát triển của toàn xã hội trong từng thời gian nhất định thể hiện ở Nghị quyết Đại hội toàn quốc, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Căn cứ vào đó, các cấp chính quyền cụ thể hoá và thể chế hoá thành các đạo luật, pháp lệnh, chính sách, biện pháp, v.v. và tổ chức việc thực hiện.
 - Đảng kiểm tra chính quyền trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, phát hiện những lệch lạc để uốn nắn, bổ sung những thiếu sót; tiến hành nghiên cứu thực tiễn, nhất là các điển hình tiên tiến để rút kinh nghiệm đúc kết thành bài học và phổ biến rộng rãi.
 - Đảng phát hiện, lựa chọn cán bộ để bố trí vào các chức vụ trong bộ máy của Đảng, đồng thời giới thiệu với các cơ quan dân cử những cán bộ có phẩm chất và năng lực để họ lựa chọn.
 - Đảng giáo dục và đào tạo đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản và cán bộ các đoàn thể cũng như tiến hành công tác tư tưởng rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân lao động, vận động quần chúng thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách do Đảng và Nhà nước đề ra.
- Trong việc thực hiện sự lãnh đạo của mình, Đảng đề phòng hai khuynh hướng không đúng: bao biện làm thay công tác

của chính quyền hoặc phó mặc cho chính quyền, bỏ rơi vai trò lãnh đạo của Đảng.

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay, nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã ra nhiều nghị quyết quan trọng và đúng đắn. Đó là những nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý trong công nghiệp quốc doanh và nông nghiệp, về phân phối lưu thông và những biện pháp cấp bách chống lạm phát, về cuộc vận động lớn, về văn hoá, văn nghệ và báo chí, về quốc phòng và an ninh, v.v.. Sắp tới, Bộ Chính trị sẽ bàn về ba chương trình kinh tế, trong đó có xuất nhập khẩu, về kế hoạch 5 năm 1991-1995, sẽ thông qua nghị quyết về cơ chế quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải đối với kinh tế ngoài quốc doanh. Bộ Chính trị cũng đang chỉ đạo việc biên soạn Cương lĩnh Đảng và Chiến lược kinh tế - xã hội.

Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng và chính quyền nhân dân các cấp cũng đã ban hành một số văn bản pháp quy, chính sách và biện pháp cụ thể.

Tất cả những chủ trương, biện pháp đó nhằm mục tiêu giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, ổn định tình hình kinh tế - xã hội để từ đó tiếp tục tiến lên.

Tuy vậy, thực trạng kinh tế và xã hội vẫn chưa có chuyển biến, thậm chí có mặt đang gay gắt thêm. Ở đây có nguyên nhân khách quan (thiên tai làm mất mùa mấy vụ liền, thời gian còn quá ngắn, chưa đủ sức tạo ra chuyển biến mới...), nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan. Đó là năng lực cụ thể hoá và tổ chức hành động của các cấp, các ngành để đưa Nghị quyết của Đại hội và các nghị quyết của Trung ương vào cuộc sống.

Đổi mới không chỉ diễn ra trên lĩnh vực quan trọng nhất là kinh tế, mà còn bao gồm nhiều lĩnh vực khác như chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hoá, khoa học, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; đổi mới công tác các đoàn thể; đổi mới ở mọi cấp, mọi ngành, mọi cơ quan và đơn vị cơ sở, v.v.. Không một

ai, một cơ quan nào có thể vạch ra nội dung đổi mới cụ thể cho tất cả các đối tượng đó. Do đó, mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị và mỗi cán bộ phụ trách phải chủ động đổi mới. Có như vậy thì công cuộc đổi mới toàn xã hội diễn ra mới nhanh và sát hợp.

Con đường cơ bản tạo ra sự đổi mới nhanh chóng là xông thẳng vào cuộc sống để tổ chức quần chúng hành động cách mạng. Qua đó, thực tiễn sẽ làm bộc lộ rõ *cái gì* cần đổi mới và đổi mới *như thế nào*. Cứ ngồi trong phòng mà thảo luận miên man thì không có lối ra. Khi Đảng có chủ trương đúng đắn thì sẽ được quần chúng hưởng ứng rộng rãi, tạo thành phong trào hành động cách mạng sôi nổi. Từ đó xuất hiện nhiều mô hình năng động, sáng tạo, làm phong phú thêm đường lối, chính sách, đóng góp cho Đảng những kinh nghiệm quý. Vừa qua, tuy trên phạm vi toàn xã hội đổi mới chưa nhiều, nhưng những mô hình như vậy đã xuất hiện nhiều nơi như khoán theo định mức, đơn giá trong sản xuất nông nghiệp, "quay hộp đen" có hiệu quả trong sản xuất công nghiệp và chế biến xuất khẩu, Ngân hàng Công thương hoạt động theo nguyên tắc góp cổ phần, kinh doanh tốt và được khách hàng tín nhiệm, v.v.. Từ trong hoạt động sáng tạo của quần chúng, các ban, ngành, các cơ quan nghiên cứu lý luận, các phương tiện thông tin đại chúng cần thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút ra bài học hay để phổ biến, nâng lên thành lý luận để chỉ đạo trở lại hoạt động thực tiễn. Được như vậy thì hoạt động thực tiễn của chúng ta mang tính tự giác cao, bớt mò mẫm đường vòng, kinh nghiệm chủ nghĩa. Tôi nhớ lại thời gian hoạt động cách mạng trước đây, chúng tôi cũng đã làm theo phương pháp đó và được tổng kết lại trong câu nói nô nôm na cho dễ nhớ như sau: "Điều, nghiên, phân, tổng, phổ; tuyên, văn, giáo, huấn, hành".

Trong tình hình hiện nay, việc củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng phụ thuộc vào hai nhân tố cơ bản: *Một là*, Đảng đưa ra được những giải pháp đúng đắn để làm chuyển biến tình hình. Vấn đề này ở trên tôi đã đề cập và có

cơ sở để nói rằng chúng ta đã đạt được một số kết quả bước đầu.

Hai là, Đảng làm tròn nhiệm vụ của đội tiên phong bằng cách củng cố về tư tưởng, tổ chức, nâng cao phẩm chất, năng lực và sức chiến đấu của đảng viên để làm nòng cốt và động viên, lôi cuốn nhân dân lao động thực hiện thắng lợi các giải pháp đó.

Thành công của công cuộc đổi mới hiện nay phụ thuộc rất lớn vào nhân tố thứ hai này.

Dự thảo nghị quyết đã trình bày toàn diện nội dung làm thế nào để Đảng xứng đáng là đội tiên phong như thế. Tôi chỉ xin nói thêm một vài điều.

Làm cách mạng không chỉ cần có tri thức mà còn cần có tình cảm cách mạng sôi nổi. Lý tưởng cách mạng hun đúc nên tình cảm đó. Hoàn cảnh càng khó khăn gian khổ, càng đòi hỏi có lý tưởng cách mạng cao mới vượt qua được. Lý tưởng không phải là điều gì cao xa, viển vông, mơ tưởng. Lý tưởng của chúng ta lúc này là bằng hành động thiết thực góp phần vào sự nghiệp đổi mới để mau chóng ổn định tình hình kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Việc giáo dục lý tưởng không chỉ thông qua sách vở, nhà trường, mà *còn* và *chủ yếu* là thông qua lao động sản xuất, công tác và chiến đấu hàng ngày của mỗi người. Chỉ có như vậy thì lý tưởng mới trở thành máu thịt, bền vững và có ý nghĩa thực tế. Không thể giáo dục lý tưởng chỉ bằng lý luận suông.

Người cán bộ, đảng viên có lý tưởng là người thống nhất giữa lời nói và việc làm, lòng mong muốn và hành động thiết thực, thống nhất giữa phẩm chất chính trị và đạo đức thường ngày. Không thể có hai bộ mặt khác nhau. Một mặt, nói rất nhiều và nói rất hay về lý tưởng cao đẹp và đạo đức cách mạng; mặt khác lại hành động tiêu cực như tự tư tự

lợi, ăn cắp của công, hống hách với dân, xa rời quần chúng, kèn cựa địa vị, cục bộ bản vị, tự do vô kỷ luật, v.v.. Phải thẳng thắn thừa nhận rằng, những hiện tượng đó trong Đảng hiện nay không phải ít, kể cả ở một số cán bộ cấp cao. Người đảng viên có lý tưởng cách mạng cũng không thể là người sống theo kiểu trung bình chủ nghĩa. Trong Đảng, không thể có đảng viên trung bình. Vậy mà theo thống kê, trong Đảng ta bây giờ có khoảng mấy chục phần trăm những đảng viên như vậy.

Hiện nay, cuộc vận động chống tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội đang được triển khai. Nếu trong Đảng không tiến hành triệt để cuộc vận động này thì không có cơ sở để mở rộng ra ngoài xã hội. Chúng ta có khuyết điểm lớn là buông lỏng công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên trong một thời gian dài. Nay phải xiết chặt lại kỷ luật, kỷ cương, nâng cao sức chiến đấu của mỗi đảng viên. Phải kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử đã thoái hoá, biến chất. Những người khác phạm khuyết điểm nhẹ hơn thì cần phê bình, giáo dục, giúp họ tiến bộ, nếu sau đó vẫn không thay đổi thì cũng phải có biện pháp xử lý thích đáng. Phải khắc phục tình trạng hữu khuynh, nể nang, bè cánh, ô dù trong việc làm trong sạch đảng. Hiện nay, phải coi trọng chất lượng đảng viên hơn là phát triển số lượng. Hơn lúc nào hết, lúc này đảng viên - nhất là đảng viên là cán bộ - phải nêu cao tính giai cấp và tính tiên phong để lấy lại lòng tin của dân.

Tiêu chuẩn quan trọng nhất của cán bộ, đảng viên hiện nay là tích cực ủng hộ sự đổi mới, có kiến thức, phẩm chất và năng lực thực hiện sự đổi mới, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong công tác cán bộ, tôi muốn lưu ý các đồng chí là phải đẩy mạnh việc quy hoạch cán bộ, tích cực chuẩn bị nhân sự

cho Đại hội VII và đại hội đảng bộ các cấp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kế cận chủ chốt. Cần tiến hành sớm chừng nào càng chủ động được chừng đó và mới có được đội ngũ cán bộ tốt thay thế.

Những vấn đề khác, trong dự thảo nghị quyết đã nói đủ, tôi không nhắc lại.

Cuối cùng, tôi xin đề nghị các đồng chí có sự quan tâm thích đáng đến vấn đề tổ chức thực hiện nghị quyết này. Đây không phải là lần đầu tiên chúng ta có nghị quyết về xây dựng đảng. Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương (Khoá III) cũng như Nghị quyết về xây dựng đảng trình bày tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V là những nghị quyết về xây dựng đảng có nội dung khá tốt, nhưng tại sao không đi vào cuộc sống được? Đó là vì ta xem nhẹ việc tổ chức thực hiện, coi việc ra được nghị quyết là xong. Lần này chúng ta phải kiên quyết khắc phục khuyết điểm này, phải chỉ đạo ráo riết, làm đến nơi đến chốn, không "đánh trống bỏ dùi". Chỉ có như vậy chúng ta mới khôi phục được lòng tin của nhân dân về năng lực tổ chức thực hiện của Đảng. Về vấn đề này, tôi xin lưu ý ba điểm.

Một là, việc thực hiện nghị quyết về xây dựng đảng phải gắn chặt và nhằm phục vụ việc thực hiện các nghị quyết khác của Đảng, nhất là các nghị quyết về kinh tế. Thông qua các phong trào thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước mà củng cố Đảng về mọi mặt, lấy đó làm điều kiện và thước đo kết quả thực hiện công tác xây dựng đảng.

Hai là, không phó mặc công tác xây dựng đảng cho ban tổ chức đảng các cấp. Đây là nhiệm vụ của các cấp uỷ đảng, của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đảng, chính quyền, chuyên môn và đoàn thể các cấp. Khắc phục hiện tượng tách rời công tác chính quyền, công tác chuyên môn với công tác xây dựng đảng. Bất cứ lĩnh vực công tác nào, nếu cán bộ lãnh đạo chủ chốt không quan tâm đến công tác đảng, đoàn thanh niên cộng sản và các đoàn thể quần chúng thì không thể thực

hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách đề ra cho ngành mình, lĩnh vực mình phụ trách. Cho nên thủ trưởng các ngành vừa phải lo công tác chuyên môn, vừa phải quan tâm công tác xây dựng đảng.

Ba là, trong việc triển khai thực hiện nghị quyết về xây dựng đảng, mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị cơ sở phải đề ra chương trình hành động cụ thể, có tính đến đặc điểm riêng của mình. Không ai có thể làm thay được. Cấp trên chỉ có thể đề ra những phương hướng lớn, còn nội dung, biện pháp cụ thể cũng như việc quy hoạch cán bộ phải do từng ngành, từng cấp, từng đơn vị cơ sở làm. Thủ trưởng các ngành, các cấp phải đích thân dự kiến những người chuẩn bị thay thế mình cũng như các chức danh khác trong quyền hạn được phân cấp, rồi thông qua cơ chế chọn lựa dân chủ để quyết định.

Thưa các đồng chí,

Trên đây là một số ý kiến tôi gợi ý để các đồng chí tham khảo. Còn nhiều vấn đề trong dự thảo nghị quyết cần được Hội nghị cho ý kiến, thảo luận và tranh luận để thống nhất quan điểm và nội dung.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương họp vào một thời điểm rất quan trọng. Cán bộ, đảng viên và nhân dân đang mong chờ và đòi hỏi Đảng ta phải được củng cố vững mạnh, đủ sức đưa đất nước vượt ra khỏi khó khăn, ổn định tình hình kinh tế - xã hội và tiếp tục tiến lên. Tôi tin rằng Hội nghị của chúng ta thể hiện được lòng mong mỏi đó. Chúc Hội nghị thành công.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
Số 05-NQ/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1988

**Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng,
bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI
của Đảng**

I- TÌNH HÌNH ĐẢNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG,
MỤC TIÊU CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. *Trong cách mạng dân tộc, dân chủ*, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh anh dũng, kiên cường, trải qua nhiều thử thách, hy sinh và giành được nhiều thắng lợi to lớn. Trong quá trình đó, Đảng không ngừng được tôi luyện, trưởng thành và đã xây dựng nên những truyền thống quý báu: Đảng xây dựng được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn; coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, tin ở dân, dựa vào dân, đấu tranh vì lợi ích thiết thực của dân; giữ gìn sự đoàn kết nhất trí, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, nêu cao chủ nghĩa quốc tế vô sản, đoàn kết chặt chẽ với các đảng và các nước anh em. Đảng thật sự là một đảng vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin, mang bản chất cách mạng và khoa học, xứng

đáng là đội tiên phong lãnh đạo và là niềm tự hào của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta.

Bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, Đảng ta có những cố gắng lớn trong lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữ vững thành quả cách mạng, bảo vệ Tổ quốc, tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác quốc tế. Phần đông cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, lao động và công tác cần cù, chiến đấu dũng cảm, không bị đồng tiền và danh vọng cám dỗ làm hoen ố phẩm chất; trình độ nhận thức và năng lực công tác được nâng thêm một bước. Nhưng Đảng cũng phạm nhiều khuyết điểm và sai lầm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, gây ra những hậu quả nặng nề. Đại hội VI của Đảng đã kết luận đó là những khuyết điểm, sai lầm về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Đại hội đã nhận định rất đúng rằng: "Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế - xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng*".

Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, với tinh thần đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã cụ thể hoá một số vấn đề mà Đại hội VI nêu ra, quyết định một số chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội, văn hoá - văn nghệ, báo chí, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, ... mở ra những hướng đi mới. Đã bước đầu khơi dậy được không khí dân chủ, thẳng thắn tự phê bình và phê bình trong Đảng và trong xã hội. Đã sắp xếp lại một bước tổ chức

bộ máy, thay đổi, bố trí lại một số cán bộ. Đã có những tiến bộ bước đầu trong phong cách lãnh đạo. Một số nhân tố tích cực đã xuất hiện ở một số ngành, địa phương và cơ sở, tuy chưa nhiều và chưa vững chắc, song nếu được tổng kết tốt để mở rộng, chắc chắn sẽ tạo điều kiện thúc đẩy công cuộc đổi mới. Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất trí, đồng tình và đã thu được một số kết quả, nhưng việc thực hiện chưa đều và chưa mạnh, kết quả còn rất hạn chế.

Đến nay, đất nước vẫn đang đứng trước những khó khăn gay gắt về kinh tế - xã hội; có mặt tiếp tục xấu đi một cách nghiêm trọng. Sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức *chưa ngang tầm nhiệm vụ cách mạng, chưa đáp ứng đòi hỏi của công cuộc đổi mới và yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân*. Việc cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng còn chậm, có cái chưa thật sát hợp. Năng lực tổ chức thực hiện của nhiều cấp ủy đảng và trình độ quản lý điều hành của nhiều cơ quan nhà nước còn kém. Đội ngũ cán bộ, đảng viên đông nhưng nói chung không mạnh; trình độ năng lực về nhiều mặt còn thấp, sự giác ngộ lý tưởng và phẩm chất của một bộ phận đảng viên giảm sút đáng lo ngại; một số cán bộ, kể cả ở cấp cao, không gương mẫu, thậm chí thoái hoá, biến chất. Ở nhiều nơi, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng rất yếu. Các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng không được chấp hành nghiêm túc; trong Đảng vừa thiếu dân chủ, vừa thiếu tập trung, lỏng lẻo kỷ luật. Không

ít cán bộ còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc địa vị. Hiện tượng mất đoàn kết xảy ra khá phổ biến, một số nơi nghiêm trọng. Bệnh quan liêu, xa rời quần chúng, hống hách, cửa quyền, tệ ăn cắp của công, ăn hối lộ còn nặng, nhất là ở một số cán bộ lợi dụng chức quyền hoặc nắm vật tư, của cải của Nhà nước. Quan hệ giữa Đảng và quần chúng bị xói mòn, uy tín của Đảng giảm sút nghiêm trọng. Nói một cách tổng quát, *tính chất giai cấp công nhân và tính chất tiên phong của Đảng đang bị giảm sút; nhiều truyền thống tốt đẹp của Đảng bị lãng quên và tổn thương nặng*.

Tình hình yếu kém trên đây, trước hết là chủ yếu bắt nguồn từ những sai lầm về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện như Đại hội VI và các Hội nghị Trung ương đã kiểm điểm; chậm cụ thể hoá các nội dung đổi mới và cơ chế quản lý mới; thiếu nhất trí trên một số vấn đề cụ thể về kinh tế - xã hội, nhất là về giá - lương - tiền, tác hại đến sự đoàn kết, thống nhất, kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy chính quyền, đến việc giữ gìn sự trong sạch của cán bộ, đảng viên. Mặt khác, *có những nguyên nhân* về công tác tư tưởng và tổ chức, như: không coi trọng đúng mức công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn; không coi trọng việc giáo dục, rèn luyện lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, buông lỏng quản lý và rèn luyện đảng viên; chậm đổi mới chính sách cán bộ và không làm tốt công tác quản lý và quy hoạch cán bộ; buông lỏng kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, nhất là đối với một số cán bộ ở cấp cao, không thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng và các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; không tập trung sức chỉ đạo một cách kiên

quyết và đến nơi đến chốn việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, coi nhẹ công tác kiểm tra.

Hai vấn đề nghiêm trọng nhất là:

- Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa thiếu dân chủ, vừa buông lỏng kỷ luật.
- Chậm thay đổi quan điểm và chính sách cán bộ; chậm xây dựng và thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt, nhất là cán bộ kế cận. Quản lý cán bộ còn quan liêu, chưa có một cơ chế quản lý nên không nắm chắc được cán bộ.

2. Chúng ta đang tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện mà Đại hội VI của Đảng đã đề ra. Đây thật sự là một cuộc đấu tranh gay go, gian khổ, đòi hỏi phải gấp rút củng cố Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; tăng cường và đổi mới công tác xây dựng đảng.

Phương hướng chung của công tác xây dựng đảng hiện nay là: *Phát huy bản chất và truyền thống cách mạng tốt đẹp của Đảng, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác, nâng cao giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất, kiến thức và năng lực lãnh đạo chính trị của cán bộ, đảng viên, mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật trong Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm nhiệm vụ mới.*

Từ nay đến năm 1990, phải tập trung sức thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách và cơ bản nhằm đạt những yêu cầu sau đây:

- Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhất trí, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các chính sách đã được cụ thể hoá, bồi dưỡng lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tính giai cấp công nhân, vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.
- Tiếp tục cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị; từng bước cụ thể hoá và thể chế hoá cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý, nhằm thật sự mở rộng dân chủ và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phát huy tính năng động và hiệu lực của bộ máy đảng và nhà nước.
- Sắp xếp lại một cách có hệ thống và hợp lý bộ máy tổ chức của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng; nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng.
- Xây dựng quy hoạch cán bộ, kiện toàn một bước quan trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, trước hết ở trung ương và cơ sở.
- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ: mở rộng dân chủ, lập lại trật tự, kỷ cương; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; đấu tranh chống quan liêu, chống vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

II- MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẤP BÁCH CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

A- Đổi mới và tăng cường công tác tư tưởng của Đảng

1. *Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm* nhằm phục vụ thiết thực việc đổi mới tư duy và cụ thể hoá kịp thời, đúng đắn các nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế - xã hội, mà cấp bách nhất là chống lạm phát. Chuẩn bị Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội để trình Đại hội VII của Đảng.

Tổ chức lại các cơ quan tham mưu và các lực lượng nghiên cứu, tăng cường công tác thông tin, hướng vào một số vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội đang cần giải quyết. Trong công tác nghiên cứu, nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận của đồng chí Hồ Chí Minh vĩ đại và của Đảng ta; xuất phát từ thực tiễn cách mạng nước ta, nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu lý luận và kinh nghiệm của các đảng anh em.

Đối với những vấn đề mới đặt ra, những vấn đề phức tạp còn có những ý kiến khác nhau phải cùng nhau nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, lắng nghe ý kiến của quần chúng, của các chuyên gia và cán bộ khoa học, phát huy tự do tư tưởng, tranh luận thẳng thắn, dân chủ và đi đến kết luận. Khi đã có kết luận của tập thể, đã thành nghị quyết, tất cả mọi cán bộ, đảng viên, không trừ một ai, đều phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng.

Đảng yêu cầu mọi đảng viên và cán bộ, trước hết là những cán bộ chủ chốt, phải ra sức học tập, nghiên cứu thực tiễn, nâng cao trình độ nhận thức về các mặt, nhất là về kinh tế và quản lý kinh tế, những kiến thức thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Các trường đảng cần đổi mới nội dung chương trình và

phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao trình độ đào tạo cơ bản, đồng thời bám sát và phục vụ thiết thực công cuộc đổi mới, gắn lý luận với thực tiễn, khắc phục lối giáo dục lý luận trừu tượng có tính chất kinh viện.

2. *Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng* cả về nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện, nhằm *nâng cao giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức thực tiễn* của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

a) *Mục tiêu và nội dung:*

- *Nâng cao trình độ nhận thức về công cuộc đổi mới* để cán bộ và đảng viên nắm vững và thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và nghị quyết của Trung ương Đảng. Tiếp tục làm cho từng đảng viên, từng người lao động quán triệt những quan điểm của Đại hội VI, thật sự chuyển biến theo tinh thần đổi mới cả trong nhận thức và trong việc làm, bồi dưỡng những nhận thức mới về chính sách kinh tế, chính sách xã hội, về cơ chế quản lý, về pháp luật...

Mỗi ngành, mỗi cấp kịp thời phát hiện và bồi dưỡng những nhân tố mới, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm, nhân các điển hình tiên tiến và dùng những điển hình đó để giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Kiên quyết phê phán và khắc phục tư tưởng bảo thủ không muốn đổi mới, vì nhận thức lạc hậu hoặc vì động cơ duy trì địa vị và quyền lợi cá nhân, *đồng thời khắc phục tư tưởng nóng vội, thoát ly thực tế*. Rất coi trọng đấu tranh chống những phần tử cơ hội, thiếu trung thực, lợi dụng đổi mới để luồn lách, hành động sai trái hòng thoả mãn những tham vọng cá nhân.

- *Đẩy mạnh việc giáo dục lý tưởng cách mạng*, nâng cao phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Trước những khó khăn thử thách hiện nay, Đảng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên càng phải kiên định lập trường cách mạng, *vững vàng trong cuộc đấu tranh thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng*

chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữa đổi mới và bảo thủ, giữa cái tích cực và cái tiêu cực; nêu cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cách mạng tiến công, hy sinh phấn đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Đảng, khắc phục tâm trạng bi quan, động dao, giảm lòng tin và ý chí chiến đấu. Nâng cao cảnh giác, đề phòng địch dùng tiền, vàng, hàng hoá, sắc đẹp mua chuộc cán bộ, đảng viên. Nêu cao lối sống cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; lên án và đấu tranh mạnh mẽ với chủ nghĩa cá nhân và đầu óc địa vị; tệ tham ô, ăn cắp của công, ăn hối lộ, thói quan liêu của quyền, lối sống xa hoa, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, ích kỷ cá nhân, cùng các tệ gia trưởng, độc đoán, ức hiếp quần chúng, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, v.v.. Những cán bộ, đảng viên không chăm lo lợi ích của Đảng, của nhân dân, chỉ thu vén cho lợi ích cá nhân của mình thì không còn tư cách đứng trong hàng ngũ của Đảng. Hãy thực hiện tốt khẩu hiệu: "Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Giáo dục tinh thần dân chủ, ý thức tổ chức kỷ luật, nhất là ý thức chấp hành các nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, kỷ luật phát ngôn; xây dựng phong cách lãnh đạo và lễ lối làm việc mới.

Trong điều kiện phát triển mạnh sản xuất hàng hoá, khai thác tiềm năng của năm thành phần kinh tế, mở rộng quan hệ với nước ngoài, càng phải nêu cao ý thức và có biện pháp tích cực bảo vệ cách mạng, bảo vệ Đảng.

b) *Hình thức và biện pháp* phải đổi mới và thích hợp với trình độ và tâm lý của quần chúng trong tình hình hiện nay, khắc phục cách làm cũ kỹ, giản đơn, một chiều, thiếu sức thuyết phục. *Mở rộng tính dân chủ, tính công khai, tính chân thật và tính chiến đấu, đồng thời bảo vệ bí mật của Đảng và bí mật quốc gia.* Công tác tư tưởng phải bám sát cuộc sống, bám sát tâm tư, nguyện vọng quần chúng, phục vụ thiết thực cho cơ sở. Thực hiện thông tin hai chiều.

Cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đảng và cấp uỷ đảng (trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư) coi đây là điều kiện đầu tiên để triển khai có hiệu quả công tác tư tưởng. Tổ chức tốt việc thảo luận dân chủ, thẳng thắn, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, nâng cao tính giáo dục, tính chiến đấu.

Phát triển rộng rãi các hình thức tiếp xúc và đối thoại với quần chúng, với ý thức thật sự trọng dân, gần dân, nghe dân và tin dân, tránh quan liêu, hình thức, mệnh lệnh, gia trưởng, gây phiền hà cho quần chúng và cơ sở.

Tiếp tục tăng cường lãnh đạo và quản lý các cơ quan báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ theo hướng phục vụ tích cực công cuộc đổi mới, góp phần thực hiện các nghị quyết của Đảng. Phát huy tác dụng tốt đi đôi với khắc phục kịp thời những lệch lạc trong báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ.

Đấu tranh kiên quyết và có hiệu quả chống chiến tranh tâm lý, chống những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, chống những mưu đồ lợi dụng dân chủ và công khai để nói xấu, vu cáo, kích động chia rẽ hòng gây rối, phá hoại Đảng ta, chế độ ta.

Các cấp uỷ đảng, các cán bộ lãnh đạo và quản lý từ trung ương đến cơ sở đích thân chỉ đạo và trực tiếp làm công tác tư tưởng. Cấp uỷ và chi bộ phân công và kiểm tra đảng viên làm công tác tư tưởng. Tăng cường các cơ quan làm công tác tư tưởng. Không vin vào tình hình kinh tế, đời sống khó khăn để buông lỏng công tác tư tưởng.

B- Tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới

1. Về công tác tổ chức:

- Làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và lễ lối làm việc giữa các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế và các đoàn thể quần chúng. Bảo đảm nội dung lãnh đạo của Đảng là vạch đường lối, chủ trương, chính sách lớn; chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bố trí cán bộ

trong các cơ quan đảng và nhà nước, kiến nghị và giới thiệu cán bộ với các cơ quan dân cử để các tổ chức đó bầu cử một cách dân chủ; thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra; phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thuyết phục và vận động quần chúng thực hiện các nghị quyết của Đảng. Các cấp uỷ đảng không làm thay cơ quan nhà nước trong việc quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội; phát huy vai trò của các cơ quan dân cử.

- *Thực hiện cuộc cải cách về tổ chức bộ máy* của các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng từ trung ương đến cơ sở.

+ Trong thời gian tới, *kiện toàn Hội đồng Bộ trưởng, sắp xếp lại các bộ, kiện toàn uỷ ban nhân dân các cấp* theo hướng gọn nhẹ, bỏ bớt các đầu mối không cần thiết, giảm mạnh biên chế hành chính, phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh; giảm bớt các sở, phòng, ban ở tỉnh, huyện. Sắp xếp lại các viện nghiên cứu; đưa phần lớn các viện nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật chuyên ngành về các liên hiệp sản xuất tương ứng, bỏ bớt một số viện nghiên cứu chưa cần thiết. Xây dựng, bố trí và sử dụng tốt cán bộ khoa học, kỹ thuật và nhân viên kỹ thuật, đưa một số lớn cán bộ khoa học, kỹ thuật về trực tiếp công tác ở cơ sở. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp lại bộ máy ở cấp xã, phường và các cơ sở khác.

+ *Kiện toàn các ban tham mưu của Đảng*, bổ sung những cán bộ thật sự có năng lực và phẩm chất, để làm tham mưu cho cấp uỷ và giúp cấp uỷ kiểm tra, tổng kết thực tiễn. Sắp xếp lại một số ban đảng và cơ quan chức năng của chính quyền, tránh chồng chéo, trùng lắp. Các ban của Đảng chỉ cần ít cán bộ nhưng giỏi và chuyên sâu. Sử dụng tốt vai trò làm tham mưu của các viện nghiên cứu, các trường đại học, các chuyên gia giỏi, chuyên gia đầu ngành... thông qua hình thức hội đồng tư vấn theo từng chuyên đề. Tổ chức mạng lưới cộng tác

viên và tạo điều kiện để sử dụng được tài năng của những chuyên gia giỏi.

+ *Các đoàn thể quần chúng* định rõ chức năng, nhiệm vụ, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình, sắp xếp lại bộ máy, giảm biên chế cán bộ chuyên trách, tăng cường hoạt động kiêm nhiệm, hướng về cơ sở, khắc phục bệnh hành chính hoá, quan liêu hoá.

+ Trên cơ sở thực hiện quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, nâng cao chất lượng mọi mặt của quân đội thường trực và công an, mở rộng và nâng cao chất lượng dự bị động viên, giảm mạnh quân số.

Có kế hoạch đưa những người trong biên chế dôi ra do sắp xếp lại tổ chức sang bộ phận trực tiếp sản xuất, về cơ sở, đi các vùng kinh tế mới hoặc tạo điều kiện cho họ làm dịch vụ, làm kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, bảo đảm việc làm và đời sống của họ; hết sức tránh đưa cán bộ, nhân viên từ bộ phận hành chính này sang bộ phận hành chính khác.

- Các cấp uỷ đảng, mọi tổ chức đảng, mọi cán bộ và đảng viên từ trung ương đến cơ sở *phải thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ*, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, mở rộng tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật của Đảng.

Củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối, chính sách và các nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Xây dựng cơ chế bảo đảm dân chủ trong sinh hoạt đảng, đấu tranh khắc phục tệ gia trưởng, độc đoán.

Chú trọng xây dựng ý thức chấp hành các nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; trong khi vận dụng chủ trương, chính sách không được cường điệu đặc điểm của địa phương, đơn vị mình để làm trái nghị quyết của Đảng, hoặc chỉ thực hiện những điểm phù hợp với lợi ích cục bộ, tùy tiện truyền đạt ý kiến riêng của cá nhân. Thực hiện đúng nguyên tắc thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

- *Xây dựng phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mới*, tuân thủ các quy chế công tác, quy trình làm việc; khắc phục bệnh

quan liêu, giấy tờ, phô trương hình thức, lời nói không đi đôi với việc làm, giải quyết việc không dứt khoát, thiếu trách nhiệm, nể nang, né tránh nhau. Thực hiện chế độ cán bộ lãnh đạo các cấp dành thời gian đi cơ sở, tiếp dân, giải quyết kịp thời tại chỗ những công việc cụ thể; giảm bớt những cuộc họp không cần thiết, họp thiếu chuẩn bị, họp quá dài, hiệu quả ít.

- *Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng*, trước hết là công tác kiểm tra của các cấp uỷ đảng. Kiểm tra phải có chương trình, kế hoạch, được xây dựng thành chế độ và đem lại hiệu quả thiết thực.

Các ban của Đảng giúp cấp uỷ kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng về lĩnh vực mình phụ trách. Kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước và sự kiểm tra của quần chúng; sử dụng kịp thời kết quả kiểm tra, thanh tra vào việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và tăng cường công tác cán bộ, công tác xây dựng đảng, kiện toàn tổ chức bộ máy. Coi trọng hơn nữa việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước và kiểm tra tư cách đảng viên. Có kết luận rõ ràng, xử lý công minh, chính xác, kịp thời những tổ chức và cá nhân vi phạm kỷ luật, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng và chế độ trách nhiệm, dù người đó đang giữ cương vị gì. Chống nể nang, bè cánh, "ô dù".

Kiện toàn cơ quan kiểm tra của Đảng ở các cấp.

- Trong tình hình hiện nay cần đặc biệt coi trọng *công tác bảo vệ đảng*.

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực thực hiện sự nghiệp đổi mới

Đại hội VI của Đảng đã khẳng định: "Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là *mắt xích quan trọng nhất* mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng". Trước mắt, từ nay đến năm 1990, cần tập trung xây dựng *những hạt nhân lãnh đạo, những cán bộ chủ chốt ở*

các cấp, các ngành, nhất là ở trung ương và cơ sở; chú trọng những cán bộ lãnh đạo và cán bộ tham mưu giỏi về kinh tế, an ninh, quốc phòng, đồng thời phải chuẩn bị cán bộ cho lâu dài.

a) *Nâng cao trình độ, phẩm chất và năng lực của cán bộ, phù hợp với yêu cầu đổi mới*, bảo đảm có đủ sức thực hiện các nghị quyết của Đảng và các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Cố gắng trong một thời gian ngắn bồi dưỡng, đào tạo được những cán bộ lãnh đạo vừa có phẩm chất, vừa có năng lực, nhất là phẩm chất chính trị vững vàng, năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn.

Sử dụng thật tốt số cán bộ hiện có, đồng thời chuẩn bị lớp cán bộ kế cận.

Các cấp, các ngành thường xuyên chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, tăng cường kiểm tra, quản lý cán bộ. Xây dựng cho cán bộ ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, ý thức tổ chức kỷ luật. Đấu tranh chống các biểu hiện giảm sút ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm, bảo thủ, trì trệ, quan liêu, hống hách, xa rời quần chúng, lợi dụng chức quyền để tham ô, ăn cắp hoặc hưởng đặc quyền, đặc lợi.

Bên cạnh những lớp cơ bản đào tạo đội ngũ cán bộ dự bị theo quy hoạch, các trường đảng phát triển mạnh các lớp bồi dưỡng ngắn ngày nâng cao trình độ theo yêu cầu tiêu chuẩn của từng loại cán bộ, từng chức danh. Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đảng, kiện toàn đội ngũ giảng viên trường đảng.

b) *Từng bước trẻ hoá đội ngũ cán bộ, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa trong cơ quan lãnh đạo mỗi cấp*.

- Đề bạt kịp thời những cán bộ trẻ đã được đào tạo, đã qua thử thách, có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực vào các cương vị lãnh đạo để tăng cường sức chiến đấu, tính năng động của đội ngũ cán bộ và để bảo đảm sự kế thừa liên tục ở các cơ quan lãnh đạo. Chú ý kết hợp cán bộ lớn tuổi với cán bộ trẻ, tránh lối đổi mới và trẻ hoá một cách hình thức, chỉ

căn cứ vào độ tuổi và học vị. Khắc phục tư tưởng đẳng cấp, tôn ty theo kiểu phong kiến, cục bộ địa phương đang còn khá nặng nề và là trở ngại cho việc đổi mới cán bộ.

Bảo đảm ở mỗi cấp uỷ thường xuyên có ba độ tuổi, trong đó chú trọng tăng tỷ lệ cán bộ trẻ. Từ nay, mỗi lần bầu cấp uỷ (kể cả Ban Chấp hành Trung ương) cần đổi mới khoảng 1/3; tăng thêm số lượng uỷ viên ban chấp hành các cấp; chú ý cấu tạo trong số cấp uỷ một số đồng chí ưu tú đang trực tiếp sản xuất, công tác ở cơ sở. Những đồng chí giữ chức bí thư các cấp uỷ nói chung không quá 10 năm.

Đề bạt vượt cấp những cán bộ ở cấp dưới thực sự có năng lực và phẩm chất giữ những trọng trách lãnh đạo ở cấp trên.

- Thực hiện đúng chế độ hưu trí đối với cán bộ. Có chính sách sử dụng hợp lý một số đồng chí tuy lớn tuổi, nhưng có năng lực, còn sức khoẻ và có yêu cầu.

c) Xúc tiến xây dựng quy hoạch cán bộ, tích cực chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VII của Đảng và đại hội đảng bộ các cấp; đồng thời chuẩn bị cho lâu dài

- *Xác định và nắm vững tiêu chuẩn mỗi loại cán bộ để có căn cứ đánh giá, lựa chọn và bố trí cán bộ.* Chấm dứt tình trạng đánh giá cán bộ theo cảm tính chủ quan, chỉ nhấn mạnh một chiều đến quá trình công tác, lý lịch gia đình, nặng về tuổi tác, cấp bậc hoặc bằng cấp, không chú trọng hiệu quả.

Tiêu chuẩn hàng đầu của cán bộ lãnh đạo là phẩm chất chính trị, trước hết thể hiện ở lòng trung thành với đường lối của Đảng, ở thái độ tích cực đối với công cuộc đổi mới, ở sự trung thực đối với Đảng; có quyết tâm cao trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, có lối sống trong sạch, lành mạnh; có kiến thức và năng lực tiếp thu và cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng vào lĩnh vực mình phụ trách, biết tổ chức và điều hành công việc, có khả năng đoàn kết cán bộ; có phong cách dân chủ tập thể, biết lắng nghe ý kiến quần chúng, sâu sát quần chúng và cơ sở; có ý thức tổ chức kỷ luật, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nói đi đôi với làm.

d) Bắt tay ngay vào việc lựa chọn cán bộ dự bị. Mỗi cán bộ phụ trách ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ quan, đơn vị sản xuất và công tác phải tích cực chuẩn bị người thay thế mình. Mỗi chức danh lãnh đạo phấn đấu có *từ 2 đến 3 người dự bị* và phải do tập thể lựa chọn bồi dưỡng trong một số năm. Khi cán bộ lãnh đạo cũ sắp kết thúc nhiệm vụ của mình, giao ngày càng nhiều công việc lãnh đạo cho người cán bộ dự bị có khả năng nhất đảm nhiệm, không để xảy ra tình trạng người mới thay bị bỏ ngỡ trong công việc. Đồng chí bí thư cấp uỷ, thủ trưởng đơn vị đích thân cùng tập thể có thẩm quyền chỉ đạo việc này không khoán trắng cho cơ quan, tổ chức hoặc cho một vài đồng chí trong thường vụ chuẩn bị. Chú ý cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ xuất thân từ công nhân, nông dân, người dân tộc thiểu số, những cán bộ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, cán bộ trong quân đội và công an đã được rèn luyện trong thực tế và có triển vọng trở thành cán bộ lãnh đạo.

Từ nay đến năm 1989, xác định được cán bộ dự bị cho các chức vụ chủ chốt ở trung ương (Tổng Bí thư, Uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, các bộ trưởng, trưởng ban...). Ở cấp tỉnh, thành xác định được cán bộ dự bị cho các chức vụ lãnh đạo chủ chốt (bí thư, chủ tịch, phó bí thư). Xác định được cán bộ dự bị giám đốc một số đơn vị kinh tế quan trọng và cán bộ chủ chốt ngành an ninh, quốc phòng.

Khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dự bị, kết hợp việc học tập ở trường, lớp với việc rèn luyện trong công tác thực tế theo một quy trình chặt chẽ. Căn cứ vào chỗ mạnh, chỗ yếu và triển vọng phát triển của mỗi người mà mạnh dạn bố trí vào những cương vị công tác nhất định, đảm nhiệm những công việc phù hợp, qua đó thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ trưởng thành. Sau một thời gian lại xem xét, đánh giá, sàng lọc, chọn lấy người xứng đáng nhất. *Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ* một cách có kế hoạch; đưa những cán bộ ở địa phương này sang

địa phương khác; đưa các cán bộ ở cơ quan cấp trên được đào tạo tương đối cơ bản và có hệ thống xuống công tác ở địa phương và cơ sở một thời gian để bồi dưỡng, đồng thời đưa những cán bộ có năng lực, phẩm chất đã công tác ở địa phương và cơ sở lên công tác ở các cơ quan cấp trên.

d) *Điều chỉnh bố trí lại cán bộ một cách hợp lý, từ nay đến cuối năm 1988:*

- Ở trung ương: kiện toàn một bước Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng; bố trí lại cán bộ chủ chốt ở một số bộ, một số ban và đoàn thể cùng với việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Ở cấp tỉnh, thành: một số nơi có nhu cầu có thể mở hội nghị đại biểu đảng, kiện toàn cấp uỷ. Bố trí lại một số giám đốc sở, giám đốc xí nghiệp, công ty theo yêu cầu kiện toàn tổ chức bộ máy.

- Ở cấp huyện và cơ sở: tiến hành tốt đại hội đảng bộ thường kỳ, kiện toàn ban chấp hành; sắp xếp lại đội ngũ cán bộ.

Đưa ra khỏi chức vụ lãnh đạo những cán bộ bảo thủ, trì trệ, không thông suốt và không chuyển biến theo quan điểm đổi mới hoặc không đủ kiến thức và năng lực để thực hiện đổi mới trong phạm vi công việc của mình; những cán bộ bản lĩnh không vững vàng, cơ hội; những cán bộ gia trưởng, độc đoán, trù dập cấp dưới và quần chúng, kém ý thức tổ chức kỷ luật, cá nhân chủ nghĩa, bè cánh cục bộ; những cán bộ có lối sống không lành mạnh, lợi dụng chức quyền xâm phạm tài sản của Nhà nước và của tập thể, bị quần chúng oán ghét. Chống tư tưởng nể nang, hữu khuynh, không kiên quyết, dứt khoát trong việc xử lý cán bộ có sai phạm.

Chấm dứt tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu không làm được việc do kém năng lực hoặc bị kỷ luật ở nơi này lại chuyển sang nhận nhiệm vụ ở nơi khác mà vẫn giữ nguyên chức, nguyên lương, thậm chí còn được lên chức, lên lương. Dứt khoát không cất nhắc những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý hoặc chuyên môn lên chức vụ hoặc ngạch bậc cao hơn khi tập

thể đã thấy không đủ sức vươn lên để đảm nhiệm công việc dự kiến được giao. Những cán bộ đã đưa lên mà không đủ phẩm chất và năng lực thì kiên quyết đưa xuống.

đ) *Cải tiến một số chế độ chính sách đối với cán bộ* theo hướng thực hiện nguyên tắc *phân phối theo lao động, trọng dụng tài năng*, khuyến khích những người làm việc có hiệu quả.

- Bổ sung chính sách khen thưởng những người có sáng kiến, phát minh, có thành tích; xem xét điều chỉnh lại một số quy định về đãi ngộ không hợp lý ở các cấp, các ngành, bỏ những quy định mang tính chất đặc quyền đặc lợi hoặc bình quân chủ nghĩa. Thực hiện đúng quy định làm việc gì thì hưởng tiêu chuẩn chế độ tương ứng với công việc đó. Khắc phục những chỗ quá bất hợp lý trong chính sách lương.

- Nghiên cứu và thực hiện chính sách đãi ngộ đúng mức đối với cán bộ khoa học kỹ thuật, nhất là đối với những chuyên gia giỏi, chuyên gia đầu ngành.

- Có chính sách đãi ngộ, từng bước giải quyết khó khăn đối với cán bộ cơ sở, chú trọng những cơ sở xa xôi hẻo lánh, miền núi, hải đảo, khuyến khích những cán bộ khoa học kỹ thuật và công tác ở cơ sở, khuyến khích những cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi.

Có chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của các cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ có nhiều công lao đã hy sinh, với tất cả tấm lòng kính trọng và biết ơn của nhân dân, của Đảng, của thế hệ hôm nay đối với các đồng chí đó. Cần quan tâm bồi dưỡng những vấn đề thời sự, chính sách và sử dụng các đồng chí hy sinh vào những công việc thích hợp với khả năng, sức khoẻ và hoàn cảnh của mỗi người.

e) *Đổi mới công tác quản lý cán bộ:* xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước và các đảng đoàn của các đoàn thể quần chúng. Mỗi đồng chí lãnh đạo chịu trách nhiệm quản lý những cán bộ dưới quyền mình. Quản lý cán bộ gắn với quản lý thực hiện nhiệm vụ chính trị; quản lý công việc gắn với quản lý

con người; không khoán trắng mọi việc cho cơ quan tổ chức. Các ban đảng phối hợp với ban tổ chức để giúp cấp uỷ làm công tác quy hoạch, quản lý và chính sách cán bộ.

Thực hiện đúng nguyên tắc *tập thể, dân chủ và trách nhiệm của thủ trưởng* trong công tác quản lý cán bộ. Việc nhận xét, đánh giá, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ và cho cán bộ hưu trí nhất thiết do tập thể cấp có thẩm quyền bàn bạc, quyết định. Khi lựa chọn, đề bạt cán bộ vào các chức vụ lãnh đạo và quản lý nhất thiết lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên, quần chúng có liên quan; thực hiện chế độ bỏ phiếu tín nhiệm. Khi chuẩn bị nhân sự cho các chức vụ Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Chính trị lấy ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương. Khắc phục quan niệm coi công tác tổ chức cán bộ là công việc riêng của một số người trong phạm vi hẹp, và chỉ lấy ý kiến của một ít người, thậm chí của một vài người làm quyết định của tập thể.

Đồng chí lãnh đạo chủ chốt (Tổng Bí thư, bí thư cấp uỷ, trưởng ban, bộ trưởng, giám đốc...) đích thân chăm lo công tác cán bộ. Đồng thời sử dụng và phát huy mạnh mẽ vai trò của các cơ quan tham mưu.

g) *Kiện toàn cơ quan tổ chức các cấp, các ngành và cơ sở, đổi mới đội ngũ những người làm công tác cán bộ*

- Chức năng của cơ quan tổ chức các cấp, các ngành là làm tham mưu tổng hợp, giúp cấp uỷ và thủ trưởng về công tác tổ chức xây dựng đảng; có nhiệm vụ nghiên cứu hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình để báo cáo với cấp uỷ; giúp cấp uỷ xây dựng quy hoạch cán bộ, sắp xếp bộ máy tổ chức, chuẩn bị các quyết định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, quản lý cán bộ.

- Khẩn trương kiện toàn cơ quan tổ chức các cấp, các ngành và cơ sở, thay đổi những người làm công tác tổ chức cán bộ

mà phẩm chất không đủ tin cậy, quan điểm bảo thủ, thành kiến với cán bộ, thiếu trung thực, kém năng lực, cửa quyền, sinh hoạt không lành mạnh. Bổ sung những đồng chí thật sự có tinh thần đổi mới, trung thực, khách quan, công tâm, sâu sát, có kiến thức và kinh nghiệm về công tác xây dựng đảng, có hiểu biết nhất định về quản lý kinh tế, quản lý xã hội và chuyên môn nghiệp vụ. Việc kiện toàn đội ngũ những người làm công tác tổ chức cán bộ cần tham khảo rộng rãi ý kiến của những cơ quan, những người có liên quan. Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho những người làm công tác tổ chức cán bộ.

C- Nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

1. *Nâng cao chất lượng đảng viên*

- Đảng viên trước hết có *giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thể hiện rõ vai trò tiên phong gương mẫu, có tinh thần hy sinh quên mình*, có trình độ và năng lực lãnh đạo chính trị, đi đầu và biết vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nếu trước đây, trong cách mạng dân tộc dân chủ, đảng viên phải nêu gương trong cuộc đấu tranh giữa cái sống và cái chết, phấn đấu hy sinh để giải phóng đất nước, giành chính quyền, thì ngày nay nêu gương chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân; cống hiến hết sức mình cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đảng viên phải có *thái độ tích cực đối với công cuộc đổi mới* và có kiến thức, có năng lực thực hiện đổi mới.

Đã là đảng viên thì phải *lao động, không bóc lột*. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc.

Trong điều kiện hiện nay, Đảng đòi hỏi mọi đảng viên nỗ lực phấn đấu, làm hết sức mình, bằng lao động sáng tạo và có chất lượng cao của mình (kể cả lao động chân tay và lao động trí óc, lao động kỹ thuật và lao động quản lý), góp phần xoá bỏ nghèo nàn lạc hậu, làm giàu cho đất nước, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân và bản thân có thêm thu nhập.

+ Đảng khuyến khích đảng viên ngoài việc phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác được giao, tích cực phát triển kinh tế gia đình theo chính sách và quy định của Nhà nước để có thêm thu nhập, khắc phục một phần khó khăn về đời sống.

+ Đảng cho phép những đảng viên có vốn góp cổ phần vào các đơn vị kinh tế tập thể hoặc kinh tế quốc doanh.

Ban Bí thư sẽ có quy định và hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

- *Làm tốt công tác phát triển đảng, từng bước trẻ hoá đội ngũ của Đảng*, hướng vào công nhân, những người lao động ưu tú trong nông dân, lực lượng vũ trang, trí thức xã hội chủ nghĩa, nữ, người dân tộc thiểu số; những vùng, những ngành trọng yếu và còn ít đảng viên. Nâng cao tỷ lệ đảng viên là công nhân trong Đảng, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất công nghiệp; phát triển đảng trong cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý ở những ngành kinh tế kỹ thuật mũi nhọn. Những người lao động ưu tú trong nông dân cá thể, thợ thủ công cá thể... nếu đủ điều kiện và tiêu chuẩn cũng có thể được kết nạp vào Đảng. Rất chặt chẽ về nguyên tắc và thủ tục kết nạp, đồng thời xoá bỏ những sự phiền hà, máy móc trong việc điều tra lý lịch và công tác xét duyệt. Chống khuynh hướng chạy theo số lượng, ngăn ngừa những phần tử xấu và cơ hội chui vào Đảng, coi trọng hơn nữa chất lượng ngay từ khâu lựa chọn đối tượng để kết nạp vào Đảng. Ở những cơ sở kém nát phải kiện toàn đội ngũ cán bộ cốt cán rồi mới kết nạp đảng viên mới.

Quan tâm lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện đoàn viên và thanh niên, xây dựng đoàn thanh niên vững mạnh, tạo điều kiện và giúp đỡ các đoàn viên tích cực phấn đấu trở thành đảng viên và hăng hái tham gia xây dựng đảng, xứng đáng là đội hậu bị của Đảng.

- *Làm tốt công tác giáo dục, phân công, kiểm tra, quản lý đảng viên*. Mỗi cấp uỷ đảng có kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, phẩm chất và năng lực của đảng viên. Chú trọng xây dựng lập trường giai cấp công nhân, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng; giáo dục và kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Cần có chương trình huấn luyện phù hợp với trình độ và điều kiện công tác của từng loại đảng viên ở từng loại cơ sở. Thực hiện có nền nếp việc phân công đảng viên, phân bố lại lực lượng đảng viên theo hướng gắn trực tiếp với sản xuất, với công tác, làm tốt công tác vận động quần chúng cả ở nơi cư trú. Khắc phục tình trạng đảng viên thoát ly sản xuất, xa rời quần chúng. Chi bộ phải kiểm tra, quản lý chặt chẽ đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo; nắm được cụ thể và chính xác phẩm chất và tình hình công tác, các hoạt động của từng cán bộ, đảng viên thuộc trách nhiệm và phạm vi mình quản lý. Hết sức coi trọng giáo dục, đồng thời phát hiện kịp thời và kiên quyết xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng. Đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Thi hành kỷ luật nghiêm khắc những người cố tình bao che cho kẻ phạm pháp và vi phạm kỷ luật dù người đó ở cương vị nào.

Đối với những đảng viên nhất thời có phạm khuyết điểm chưa đến mức nghiêm trọng thì cần tích cực giáo dục, bồi dưỡng, tạo điều kiện để các đồng chí đó nâng cao ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm sửa chữa khuyết điểm để vươn lên. Nếu sau một thời gian vẫn không chuyển biến, vai trò tiên phong gương mẫu không còn, thì đưa ra khỏi Đảng.

2. *Củng cố, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng:*

- Trong điều kiện chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các đơn vị kinh tế cơ sở, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, các tổ chức cơ sở đảng đóng vai trò hết sức quan trọng. Cần khẩn trương nghiên cứu cụ thể hoá và bổ sung chức năng, nhiệm vụ, hình thức tổ chức, cơ chế hoạt động của các loại tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với yêu cầu mới. Các tổ chức cơ sở đảng phải thật sự là *hạt nhân lãnh đạo chính trị* trong các tập thể lao động và là người *kiểm tra* mọi hoạt động của cơ quan quản lý và người thủ trưởng. Chú trọng công tác giáo dục, vận động quần chúng; bằng nhiều hình thức, tổ chức để quần chúng giám sát, kiểm tra, phê bình, tham gia xây dựng đảng.

- Trên cơ sở tiêu chuẩn hoá từng chức danh, có quy hoạch, biện pháp *gấp rút kiện toàn đội ngũ cốt cán ở cơ sở*, chú trọng nâng cao vai trò và trách nhiệm của bí thư và thủ trưởng.

Ở xí nghiệp kiện toàn bí thư đảng uỷ, giám đốc xí nghiệp, thư ký công đoàn và bí thư đoàn thanh niên. Ở nông thôn kiện toàn bí thư đảng uỷ xã, chủ tịch xã, chủ nhiệm hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và các chức vụ chủ chốt khác.

- *Củng cố chi bộ, cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.* Mỗi loại chi bộ có nội dung và hình thức sinh hoạt cụ thể, phù hợp với yêu cầu, tính chất và điều kiện công tác, không máy móc rập khuôn. Sinh hoạt chi bộ đi vào nền nếp thường xuyên, nâng cao vai trò lãnh đạo bảo đảm tính giáo dục, tính chiến đấu, phát huy được trí tuệ của tập thể trong việc thảo luận quán triệt, vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ chính trị; nghiêm túc tự phê bình và phê bình, rèn luyện và quản lý tốt đảng viên.

- *Các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương tập trung sức củng cố các cơ sở*, nhất là những cơ sở yếu kém, những cơ sở trực tiếp quan hệ đến kinh tế, an ninh, quốc phòng, những

cơ sở ở biên giới, hải đảo, miền núi, ở những vùng có nhiều khó khăn và những vùng có nhiều tiềm năng kinh tế lớn. Chọn lựa một số cán bộ tốt, có trình độ và năng lực tăng cường cho cơ sở, trước hết là những cơ sở trọng điểm. Những nơi cần thiết có thể lập các đoàn cán bộ xuống củng cố cơ sở trong một thời gian nhất định, giúp đỡ hướng dẫn các mặt công tác cho cơ sở và bồi dưỡng cán bộ.

Tăng cường cán bộ lãnh đạo và cán bộ tham mưu có chất lượng cho các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, bảo đảm có đủ sức hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, nhất là những tổ chức đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh đóng trên đất địa phương.

Nghiên cứu, tổng kết hoạt động của một số đảng uỷ cấp trên của cơ sở (như đảng uỷ khối các cơ quan trung ương hoặc địa phương, hội đồng bí thư hoặc hội nghị bí thư ở các liên hiệp xí nghiệp...) để có kết luận về các hình thức tổ chức đó.

- Ở những nơi có đông đảng viên không trực tiếp sản xuất, công tác, tùy điều kiện, có thể thành lập những chi bộ theo địa bàn dân cư hoặc đơn vị hành chính. Nhiệm vụ chủ yếu của chi bộ này là làm công tác giáo dục, vận động quần chúng chấp hành chính sách, quản lý đảng viên, xây dựng nội bộ, tham gia ý kiến vào những vấn đề chung của đảng bộ.

III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. *Tổ chức tốt việc nghiên cứu* Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, làm cho các cấp, các ngành, các tổ chức, cơ sở đảng, mọi cán bộ, đảng viên nắm vững những yêu cầu và nội dung cấp bách của việc xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trên cơ sở đó, liên hệ với địa phương, đơn vị mình, có kế hoạch tổ chức thực hiện một cách thiết thực.

2. Việc thực hiện nghị quyết Trung ương về xây dựng đảng gắn chặt với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các nghị

quyết Trung ương và Bộ Chính trị tập trung vào những nhiệm vụ cấp bách về kinh tế, xã hội, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, chống lạm phát và ổn định tình hình về mọi mặt.

Thống nhất kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương với Nghị quyết Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Gắn việc thực hiện nghị quyết Trung ương về xây dựng đảng với việc tăng cường xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và việc lãnh đạo củng cố các đoàn thể quần chúng.

3. Các cấp uỷ đảng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp có biện pháp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đảng, thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng và các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng.

Cấp uỷ đảng và đồng chí thủ trưởng trực tiếp chăm lo công tác đảng và công tác cán bộ theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Cấp uỷ có chương trình thường xuyên bàn về công tác đảng và kiểm tra các mặt của công tác xây dựng đảng.

Tăng cường những cán bộ có phẩm chất, trình độ, năng lực và kinh nghiệm về công tác đảng làm tham mưu cho cấp uỷ; kiện toàn và nâng cao năng lực của các cơ quan tham mưu trực tiếp giúp việc cấp uỷ.

4. Các cấp, các ngành có chương trình cụ thể triển khai công việc phải làm trong thời gian từ nay đến năm 1990; có phân công trách nhiệm rõ ràng. Cần tiến hành làm thủ, làm từng bước vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, có chuẩn bị; khắc phục tình trạng đánh trống bỏ dùi, làm không đến nơi đến chốn. Đối với một số vấn đề mới và quan trọng, Ban Bí thư có kế

hoạch làm thí điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

Sớm ban hành một số văn bản cụ thể hoá những nội dung quan trọng của nghị quyết (như sắp xếp tổ chức bộ máy; quy hoạch cán bộ; và cơ chế quản lý cán bộ, chính sách đãi ngộ cán bộ; quy định đảng viên làm kinh tế, công tác lý luận, công tác trường đảng, báo chí, xuất bản, v.v..) để hướng dẫn thực hiện.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, kịp thời tổng kết phổ biến kinh nghiệm của những nơi làm tốt và uốn nắn lệch lạc, khắc phục khuyết điểm. Ở Trung ương, các Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Uỷ ban Kiểm tra cùng với các ban khác của Đảng có trách nhiệm giúp Ban Bí thư cụ thể hoá nghị quyết, theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, đảng uỷ trực thuộc đảng đoàn, các ban, ngành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và định kỳ báo cáo về Ban Bí thư Trung ương.

*

* *

Nghị quyết này của Trung ương có tầm quan trọng lớn, liên quan đến toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta hiện nay, góp phần làm cho tình hình kinh tế, xã hội chuyển biến tốt. Việc thực hiện Nghị quyết này phải được các cấp, các ngành coi là nhiệm vụ quan trọng và khẩn trương, cần kiên quyết thực hiện một cách thiết thực, tránh hình thức, nửa vời.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) tin tưởng rằng, với quyết tâm đổi mới, với tiềm lực và kinh nghiệm đã có, toàn Đảng tăng cường đoàn kết, vươn lên nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đáp ứng yêu cầu của cách mạng, xứng đáng với lòng mong đợi của nhân dân.

Phải xây dựng Đảng ta luôn luôn xứng đáng là Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và rèn luyện.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DIỄN VĂN BẾ MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)
Do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc

Ngày 20 tháng 6 năm 1988

Thưa các đồng chí,

Qua năm ngày làm việc, hôm nay Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương kết thúc.

Với tinh thần làm việc khẩn trương, các đồng chí đã tích cực đóng góp nhiều ý kiến bổ ích qua phát biểu ở Hội trường và sửa chữa trực tiếp vào bản dự thảo nghị quyết. Những ý kiến đóng góp đó, một mặt bổ sung thêm phương hướng và nội dung cụ thể về công tác xây dựng đảng; mặt khác chúng mình làm sáng rõ thêm những vấn đề đúng đắn đã nêu trong dự thảo. Tất cả ý kiến của các đồng chí đều đã được tổng hợp đầy đủ. Bộ Chính trị đã sơ bộ nghiên cứu và trao đổi về các ý kiến đó để sửa chữa và bổ sung một bước vào bản dự thảo. Tối đây, Bộ Chính trị sẽ tiếp tục hoàn chỉnh để sớm có nghị quyết chính thức.

Điều vui mừng là qua phát biểu của các đồng chí, về cơ bản, chúng ta nhất trí với cách đặt vấn đề và những nội dung lớn của bản dự thảo. Các đồng chí đều cho rằng những vấn đề đặt ra trong nghị quyết vừa cấp bách, vừa cơ bản, đáp ứng

được yêu cầu xây dựng đảng trong thời gian trước mắt. Hơn lúc nào hết, tình hình hiện nay đòi hỏi Đảng ta phải nhanh chóng và quyết tâm củng cố, nâng cao sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để chặn đứng đà suy thoái, lấy lại lòng tin đầy đủ của nhân dân, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi các mục tiêu lớn do Đại hội VI đề ra. Hội nghị cũng thể hiện đầy đủ phong cách làm việc dân chủ, bằng việc đóng góp ý kiến thẳng thắn, công khai, có cả tranh luận, biểu thị thái độ đồng tình hoặc không đồng tình đối với những vấn đề nêu trong dự thảo và các ý kiến phát biểu trong Hội nghị. Bộ Chính trị đã lắng nghe các đồng chí và tiếp thu những ý kiến đúng để đưa vào nghị quyết. Tôi nghĩ rằng phong cách làm việc dân chủ như vậy là cần thiết và cần được phát huy hơn nữa, vì chỉ có như vậy thì nghị quyết mới thực sự kết tinh trí tuệ của tập thể, tạo ra sự nhất trí cao trong Ban Chấp hành Trung ương, từ đó nhất trí trong toàn Đảng. Và cũng chỉ có như vậy thì mới tạo ra sự thống nhất cao trong hành động.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị chúng ta đã làm rõ thêm một số vấn đề quan trọng. Trước hết là vấn đề *đánh giá tình hình*. Hội nghị khẳng định, mặc dù có không ít cán bộ, đảng viên sút giảm ý chí chiến đấu, phai mờ lý tưởng cách mạng, phạm phải nhiều tiêu cực, thậm chí có một số thoái hoá, biến chất, nhưng *đại đa số cán bộ, đảng viên* vẫn giữ được các phẩm chất tốt đẹp. Đó là tinh thần chịu đựng khó khăn, gian khổ, lao động sản xuất và công tác cần cù, chiến đấu dũng cảm, có lối sống trong sạch, chân thành mong muốn Đảng được củng cố vững mạnh để đưa đất nước sớm vượt khỏi những thử thách hiện nay. Các đồng chí đều cho rằng, càng thâm nhập xuống cơ sở càng thấy rõ những biểu hiện phong phú về phẩm chất tốt đẹp của đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân, từ nông thôn đến thành thị, từ cơ sở đến Trung ương. Bất cứ ở địa phương nào, lĩnh vực nào và ngành nào cũng đều có những

mô hình năng động, sáng tạo, đổi mới. Thực tế đúng như vậy. Máy chuyển đi nghiên cứu cơ sở của tôi vừa qua đã đem lại cho tôi niềm phấn khởi thật sự và có thêm thực tế để khẳng định điều mà các đồng chí đã nói. Đó là nét chủ yếu của tình hình. Nói như vậy không có nghĩa là cho phép chúng ta xem nhẹ các hiện tượng tiêu cực với những mức độ nặng nhẹ, nhiều ít khác nhau đang có ở nhiều nơi, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp và trong quần chúng. Như các đồng chí đã nói, phải xem là nghiêm trọng những hành động tiêu cực diễn ra ở một bộ phận cán bộ, công nhân viên trong một số ngành như thương nghiệp, xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, thuế vụ, giao thông vận tải, tàu viễn dương, v.v.. Phải xem là nghiêm trọng không những chỉ có cá nhân tiêu cực mà còn cả tập thể tiêu cực. Chúng ta không phủ nhận là những tiêu cực ở trong Đảng và trong xã hội có nguyên nhân ở đời sống kinh tế khó khăn, ở chế độ, chính sách đối với cán bộ và nhân dân còn nhiều chỗ bất hợp lý. Nhưng một nguyên nhân không kém phần quan trọng là do Đảng buông lỏng giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng, buông lỏng việc quản lý cán bộ, đảng viên, coi nhẹ việc sử dụng vũ khí sắc bén tự phê bình và phê bình. Ở Hội nghị này, không phải là không có lý khi có nhiều đồng chí đề nghị nên thêm một đoạn nói về truyền thống cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta ở phần đầu của bản nghị quyết để góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên. Đồng thời, cũng cần thấy rõ đất nước ta đang ở trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội (chỉ nói trong Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết không ghi điều này, do đó không được phổ biến ra ngoài). Nếu ra sự thật đó không phải để cho chúng ta chán nản, khiếp sợ, mà chính là để đòi hỏi phải có những nỗ lực phi thường, phải phấn đấu quyết liệt với sự đồng tâm nhất trí cao của toàn Đảng, toàn dân mới vượt qua được. Khủng hoảng kinh tế - xã hội không thể không mang ít nhiều nội dung chính trị. Nhưng nếu từ đó đi đến kết luận là có khủng hoảng chính trị thì hoàn toàn

không đúng và nguy hiểm. Nói đến khủng hoảng chính trị là nói đến chế độ chính trị và kinh tế lung lay đến mức phải thay đổi, là nói đến sự bất mãn của quần chúng đạt đến mức chống đối công khai hoặc không khí xã hội căng thẳng như kho thuốc súng sắp bùng nổ. Thử hỏi tình hình nước ta đã ở vào mức độ trầm trọng như vậy chưa? Phải gọi đúng tên sự vật. Nói chưa đúng mức hoặc nói quá đi đều là có hại và không khoa học. Ngay lòng tin của nhân dân đối với Đảng cũng không thể nói là mất hoàn toàn, mà là giảm sút trên một số mặt. Đặc biệt, nhân dân giảm sút nhiều lòng tin ở năng lực tổ chức thực hiện của Đảng và Nhà nước ta; mất lòng tin đối với một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất và phạm nhiều tiêu cực lớn khác. Mặt khác, phải khẳng định là chúng ta *có lỗi ra* và có *đây đủ quyết tâm để vượt ra* khỏi khủng hoảng. Hơn ai hết, các đồng chí Ủy viên Trung ương nói riêng và các đảng viên của Đảng nói chung phải có niềm tin và quyết tâm đó. Phải đánh tan tâm lý tiểu tư sản bi quan, hoài nghi, thụ động trước tình hình. Đồng thời, cảnh giác đề phòng những tin đồn thất thiệt do bọn xấu tung ra, gieo nghi ngờ đối với sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Phải thấy rằng, bên cạnh những mặt còn khó khăn, thậm chí có những mặt diễn biến xấu hơn trước, trong một năm rưỡi qua, chúng ta đang bắt đầu đi trên con đường đổi mới đúng đắn về cơ cấu kinh tế, về sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế, về cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp và công nghiệp. Chúng ta cũng đã có những chủ trương phản ánh tư duy mới về quốc phòng - an ninh, về chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại (như giải quyết vấn đề Campuchia, Luật đầu tư, quan hệ kinh tế với Liên Xô...). Những nghị quyết của Đảng nói chung là đúng đắn, nhưng việc cụ thể hoá và tổ chức thực hiện còn chậm, đồng thời trong nghị quyết còn có những chỗ chưa hoàn chỉnh, trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung.

Một mặt khác của tình hình đất nước ta trong thời gian qua đáng ghi nhận là bầu không khí dân chủ, cởi mở và tinh thần công khai đã bắt đầu khởi động, ít nhiều có ý nghĩa tích cực đối với đời sống nhân dân.

Thời gian còn quá ngắn và gấp lúc mùa màng thất bát nên chưa đủ để cho các chủ trương đổi mới nói trên gặt hái được thành quả rõ rệt. Nhưng đó là bước mở đầu quan trọng trên con đường đổi mới, là tín hiệu của xã hội đang vận động và đổi thay. Những chủ trương nói trên đi vào cuộc sống sẽ góp phần khai thác tiềm năng lao động, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, sử dụng tốt hơn nguồn viện trợ nước ngoài và tạo ra những năng lực sản xuất mới.

Nghị quyết Trung ương lần thứ năm này được thực hiện tốt, chắc chắn sẽ thúc đẩy quá trình đổi mới tiến lên mạnh mẽ hơn nữa.

Về mặt tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đúng như nhiều đồng chí nhấn mạnh, cùng với việc thực hiện các nghị quyết đã ban hành, cần coi trọng việc xây dựng sớm ba chương trình kinh tế, thúc đẩy việc soạn thảo Cương lĩnh chính trị của Đảng và Chiến lược kinh tế - xã hội. Để làm được các việc trên, các đồng chí đề nghị phải coi trọng công tác nghiên cứu lý luận. Có đồng chí cho rằng hình như Bộ Chính trị xem nhẹ vấn đề này. Hoàn toàn không phải như vậy! Bản thân các nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước đã chứa đựng những luận điểm lý luận quan trọng. Trong quá trình soạn thảo các nghị quyết và chính sách lớn cũng như Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội, Đảng đã thu hút các giới nghiên cứu khoa học tham gia đóng góp tích cực. Để nghiên cứu lý luận tốt, các nhà lý luận không thể không đọc sách kinh điển Mác - Lênin, thậm chí phải đọc cả tài liệu phản diện, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, mở rộng luồng thông tin, tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, v.v.. Lênin đã nói: Người cộng sản phải làm giàu kiến thức của mình bằng kho tàng tri thức của nhân loại. Đó là một trong những điều kiện để sáng tạo khoa học. Nhưng, như trong bài

phát biểu khai mạc Hội nghị, tôi nhấn mạnh một điều cốt tử: *Lý luận cách mạng Việt Nam phải xuất phát từ thực tế Việt Nam và giải quyết những vấn đề do cách mạng Việt Nam đặt ra*. Muốn vậy, các nhà lý luận phải đi vào phong trào hành động cách mạng của quần chúng mà nghiên cứu và khái quát thành lý luận. Chỉ bằng con đường cơ bản đó thì lý luận mới đóng được vai trò hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động thực tiễn của quần chúng. Tôi nói như vậy với lòng mong muốn chân thành là làm sao cho việc nghiên cứu lý luận của chúng ta thiết thực hơn, bổ ích hơn, phục vụ đắc lực hơn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trên tinh thần đổi mới, tránh đi vào con đường "tầm chương trích cú", kinh viện, giáo điều, không còn thích hợp với tình hình cách mạng nước ta trong giai đoạn mới. Trên tinh thần đó, chúng ta hiểu việc học chủ nghĩa Mác - Lênin là học phương pháp luận của nó - phương pháp duy vật biện chứng, để vận dụng vào việc nghiên cứu thực tiễn cách mạng Việt Nam cho tốt. Trong việc xây dựng đảng về mặt chính trị và tư tưởng, một số đồng chí có nói phải nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ. Tôi hoàn toàn đồng ý. Nhưng cần hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong chặng đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta. Không nên hiểu đơn giản khái niệm này, chỉ quy lại ở nhiệm vụ đấu tranh bằng bạo lực, đàn áp, bắt bớ và nhà tù, thậm chí hiểu sai cải tạo theo kiểu xoá bỏ sạch trơn các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể. Các khái niệm nói trên còn có nghĩa rộng. Trong nhiều bài viết của mình sau Cách mạng Tháng Mười, Lênin thường dùng các khái niệm này theo nghĩa rộng. Người nói: "Chính trị của chúng ta lúc này là xây dựng nước nhà về mặt kinh tế", hoặc "chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế", "kinh tế quyết định chính trị". Lênin nói những điều đó hoàn toàn không mâu thuẫn gì với mình khi Người viết: "Chính trị không thể không giữ địa vị ưu tiên so với kinh tế". Lênin rất đúng khi Người chủ trương muốn giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh

giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường thì điều chủ yếu là phải tạo ra được sức sản xuất lớn mạnh bằng cách phát triển kinh tế năm thành phần, mà nòng cốt là kinh tế xã hội chủ nghĩa, hướng các thành phần phi công hữu phát triển theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội VI của Đảng ta cũng chủ trương như vậy. Từ nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta càng phải rất coi trọng việc sử dụng các thành phần kinh tế phi công hữu, vừa sử dụng vừa cải tạo các thành phần đó. Việc sử dụng các thành phần này chính là vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội, nhằm phát triển mạnh lực lượng sản xuất, tăng của cải xã hội, thoả mãn nhu cầu đa dạng của nhân dân. Hiện nay chúng ta đang khổ sở vì sự kém phát triển này và khắc phục sự chậm tiến về kinh tế là nhiệm vụ khó khăn nhất, phức tạp nhất. Chúng ta sử dụng các thành phần đó, kể cả tư bản tư nhân loại nhỏ và tư bản nước ngoài, không nhằm mục đích nào khác hơn, theo cách nói hình ảnh của Ăngghen là bắt con ngựa tư sản cày trên mảnh đất của giai cấp vô sản. *Thưa các đồng chí*, đó chính là *nội dung chủ yếu* của cuộc đấu tranh giữa hai con đường, đấu tranh giai cấp sau khi cách mạng vô sản giành thắng lợi. Dĩ nhiên, cuộc đấu tranh đó còn diễn ra trên các lĩnh vực khác.

Về nguyên tắc tập trung dân chủ, dân chủ và kỷ luật, kỷ cương, trong Hội nghị cũng có nhiều đồng chí đề cập. Không nên chỉ nhấn mạnh mặt nào, mà phải chú ý cả hai, vì không có mặt này thì không có mặt kia và ngược lại. Đời sống xã hội vốn bao hàm hai mặt đó, chúng là một thể mâu thuẫn thống nhất. Xã hội chúng ta hiện nay còn thiếu cả hai mặt đó và cả hai mặt đó cũng đang có nhiều vấn đề phải giải quyết. Cũng như bảo thủ, trì trệ và nóng vội trong quá trình đổi mới, trong Đảng ta đang tồn tại cả hai khuynh hướng đó và phải đấu tranh để khắc phục.

Nói về dân chủ thì hiện nay chúng ta còn xa mới thực hiện được đầy đủ. Không nói về nguồn gốc lịch sử là nước ta chưa trải qua giai đoạn dân chủ tư sản nên tư tưởng phong kiến

còn nặng nề, mà ngay hiện nay, những điều kiện cần thiết để thực hiện dân chủ đầy đủ cũng còn thiếu, như trình độ kiến thức, khả năng thông tin nhiều mặt, đời sống vật chất và tinh thần còn thấp kém, v.v.. Tuy vậy, từ Đại hội VI đến nay, chúng ta đã có nhiều tiến bộ về mở rộng dân chủ, kể cả trong Đảng và ngoài xã hội. Tôi cũng phải nói rõ là trong sinh hoạt của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã có bầu không khí dân chủ. Các ý kiến khác nhau đều được nói ra, không có bất cứ hiện tượng nào chèn ép, cấm đoán, dù tinh vi hay thô bạo. Chính vì các ý kiến khác nhau đều được nói ra cả, nên có đồng chí ngộ nhận rằng Bộ Chính trị không thống nhất quan điểm. Tôi xin nói thẳng là có sự khác nhau ý kiến cụ thể trong Bộ Chính trị trong quá trình thảo luận, tranh luận về những vấn đề nhất định thuộc nội dung, chi tiết, mức độ của các chủ trương và biện pháp thực hiện. Đó là điều rất bình thường. Nhưng cuối cùng, điều quan trọng là khi đã thành quyết định của tập thể thì mọi Ủy viên Bộ Chính trị đều chấp hành, nói và làm theo nghị quyết dựa trên nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tập thể. Nhân đây, tôi muốn nói rõ Nghị quyết 11 chống lạm phát là một trong nhiều nghị quyết được tất cả Ủy viên Bộ Chính trị nhất trí tán thành.

Nói dân chủ không có nghĩa là muốn nói gì thì nói, làm gì thì làm. Dân chủ phải có lãnh đạo và hướng dẫn. Nếu không, sẽ trượt sang dân chủ quá trớn, tự do tùy tiện vô nguyên tắc. Nền dân chủ của chúng ta là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đó là chưa nói đến người đảng viên còn phải có đảng tính. Đã là nghị quyết của Đảng, khi đã được quyết định trên cơ sở dân chủ, thì mọi đảng viên bắt buộc phải nói và làm theo đúng nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện thấy những chỗ thiếu sót, chưa hợp lý, thì đảng viên có

quyền đề đặt lên cấp trên để sửa đổi, bổ sung, không được vin vào vì nghị quyết có chỗ nào đó chưa đúng mà không thực hiện. Điều lệ Đảng đã ghi rõ nguyên tắc: thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương. Không thể chấp nhận tình trạng nghị quyết vừa ký chưa ráo mực, đã bác bỏ nghị quyết hoặc tìm cách không thực hiện.

Lênin đòi hỏi, một mặt phải thực hiện dân chủ đầy đủ, dân chủ tràn trề như nước lũ mùa xuân; mặt khác phải tập trung cao độ trên cơ sở dân chủ, phải áp dụng kỷ luật sắt như thuyền viên tuân thủ nghiêm ngặt sự điều khiển của thuyền trưởng hoặc như chiến sĩ chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy. Chỉ có như vậy thì muôn người như một, làm nên sức mạnh vô địch của Đảng. Hiện nay, tình trạng vi phạm kỷ luật, kỷ cương ở trong Đảng ta và ngoài xã hội khá nghiêm trọng. Với nghị quyết Trung ương lần này, mong rằng toàn Đảng, trước hết là các đồng chí Ủy viên Trung ương phải nêu tấm gương sáng về ý thức tổ chức kỷ luật trong việc chấp hành các nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước; nêu gương sáng đấu tranh chống bệnh cục bộ, bản vị, chỉ biết lợi ích của địa phương, ngành và tập thể nhỏ, không thấy được lợi ích chung, toàn cục. Mặt khác, các ngành trung ương cũng cần phải đi sát địa phương, quan tâm giải quyết các lợi ích chính đáng của họ. Có như vậy thì các lợi ích mới được kết hợp hài hòa, tạo ra sự nhất trí chung. Kinh nghiệm cho thấy rằng, việc làm sống động vì mô bao giờ cũng phải đi liền và gắn chặt với việc nắm chắc vĩ mô. Đó là một nhân tố quan trọng quyết định sự thành công trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, đặc biệt trong tình hình hiện nay.

Thư các đồng chí,

Trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ năm, tôi đồng ý với ý kiến của nhiều đồng chí là không nên tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị riêng. Nhưng phải chú ý

tổ chức nghiên cứu nghiêm túc nghị quyết đến từng chi bộ, đảng viên, có liên quan bản thân và cấp uỷ trên tinh thần tự phê bình và phê bình sâu sắc, đồng thời xây dựng chương trình hành động cụ thể. Gắn việc thực hiện Nghị quyết này với Nghị quyết 04 và các nghị quyết khác, nhất là các nghị quyết về kinh tế, trong đó đặc biệt cấp bách là chống lạm phát. Hết sức chú ý theo dõi, sơ kết, tổng kết và phát huy các nhân tố tích cực, các điển hình tiên tiến, nhân rộng chúng lên thành phong trào quần chúng sôi nổi. Đồng thời coi trọng việc chống tiêu cực, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

Mong rằng việc thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Trung ương 5 sẽ tạo ra sự đoàn kết nhất trí, sự đồng tâm hiệp lực cao trong Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để làm cho Đảng ta vững mạnh, lấy lại được lòng tin của nhân dân. Từ Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí Ủy viên Trung ương đến từng đảng viên trong các chi bộ cơ sở cần phải thấu suốt yêu cầu đó và nhất trí thực hiện. Chỉ có như vậy, Đảng ta mới có khả năng đưa đất nước vượt ra khỏi tình trạng khó khăn hiện nay, thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Đại hội VI.

Với niềm tin tưởng đó, thay mặt Đoàn Chủ tịch và Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ năm.

Chúc các đồng chí sức khoẻ.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)

Số 310-TB/VPTW, ngày 21 tháng 6 năm 1988

Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng
bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI
của Đảng

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) đã họp từ ngày 14 đến ngày 20-6-1988, để quyết định một số vấn đề cấp bách về xây dựng đảng.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã đọc bài phát biểu quan trọng tại Hội nghị.

Hội nghị nhất trí nhận định rằng, trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh anh dũng, kiên cường, trải qua nhiều thử thách, hy sinh và giành được nhiều thắng lợi to lớn. Đảng không ngừng được tôi luyện, trưởng thành, giữ vững bản chất cách mạng tốt đẹp và đã xây dựng nên những truyền thống quý báu: Đảng xây dựng được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn; coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, tin ở dân, dựa vào dân, đấu tranh vì lợi ích của dân; luôn luôn giữ gìn sự đoàn

kết nhất trí, chăm lo xây dựng tốt đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng.

Bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, Đảng ta có những cố gắng lớn trong lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữ vững thành quả cách mạng, bảo vệ Tổ quốc, tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác quốc tế. Nhưng Đảng cũng phạm những khuyết điểm và sai lầm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, để lại những hậu quả nặng nề. Đại hội VI của Đảng đã kết luận đó là những sai lầm về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

Từ sau Đại hội VI đến nay, với tinh thần đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội VI, quyết định một số chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội, văn hoá, văn nghệ, báo chí, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, v.v. mở ra những hướng đi mới. Đã bước đầu khơi dậy được không khí dân chủ, thẳng thắn tự phê bình và phê bình trong Đảng và trong xã hội. Đã sắp xếp lại một bước tổ chức bộ máy, thay đổi, bố trí lại một số cán bộ. Đã có những tiến bộ trong phong cách lãnh đạo. Một số nhân tố tích cực đã xuất hiện ở một số ngành và địa phương. Mặc dù có không ít cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, phai mờ lý tưởng cách mạng, thoái hoá, biến chất, nhưng đại đa số cán bộ, đảng viên, từ nông thôn đến thành thị, từ cơ sở đến trung ương vẫn giữ được phẩm chất cách mạng tốt đẹp.

Nhưng đến nay, đất nước vẫn đang đứng trước những khó khăn gay gắt về kinh tế - xã hội, có mặt tiếp tục xấu đi; hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội còn nhiều. Sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức *chưa ngang tầm nhiệm vụ cách mạng, chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của công cuộc đổi mới và yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân; tính giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng đang*

giảm sút; truyền thống cách mạng tốt đẹp của Đảng bị tổn thương. Hai khuyết điểm nghiêm trọng nhất trong công tác xây dựng đảng là: vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa thiếu dân chủ, vừa kém kỷ luật; chậm thay đổi quan điểm và chính sách cán bộ, chậm xây dựng và thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt, nhất là cán bộ kế cận.

Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội được đồng bào cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động nhất trí, đồng tình và đã thu được một số kết quả, nhưng việc thực hiện chưa đều và chưa mạnh, kết quả còn hạn chế.

Tình hình yếu kém trên đây trước hết là chủ yếu bắt nguồn từ những sai lầm trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội, buông lỏng công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ.

Hội nghị Trung ương nhấn mạnh rằng, chúng ta đang thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện mà Đại hội VI của Đảng đã đề ra. Cách mạng nước ta đang ở bước chuyển rất quan trọng. Tình hình đòi hỏi phải gấp rút củng cố Đảng, nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; tăng cường và đổi mới công tác xây dựng đảng.

Phương hướng chung của công tác xây dựng đảng hiện nay là: *Phát huy bản chất và truyền thống cách mạng tốt đẹp của Đảng, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác, nâng cao giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất, kiến thức và năng lực lãnh đạo chính trị của cán bộ, đảng viên, mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật trong Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm nhiệm vụ mới.*

Hội nghị Trung ương chỉ rõ: từ nay đến năm 1990, toàn Đảng tập trung sức thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách về xây dựng đảng nhằm đạt *các yêu cầu* sau đây:

- Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhất trí, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các chính sách đã được cụ thể hoá, bồi dưỡng lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tính giai cấp công nhân, vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

- Sắp xếp lại một cách có hệ thống và hợp lý bộ máy tổ chức của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng; nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng.

- Xây dựng quy hoạch cán bộ, kiện toàn một bước quan trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành ở trung ương và cơ sở.

- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ: mở rộng dân chủ, lập lại trật tự, kỷ cương; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; đấu tranh chống quan liêu, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

- Từng bước cụ thể hoá và thể chế hoá cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý, nhằm thực hiện sự mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy tính năng động của toàn bộ máy.

Hội nghị Trung ương đã đề ra *một số nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng đảng là:*

1. *Đổi mới và tăng cường công tác tư tưởng*

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phục vụ thiết thực việc cụ thể hoá kịp thời, đúng đắn các nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế - xã hội; chuẩn bị Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội để trình Đại hội VII của Đảng; tổ chức lại các cơ quan tham mưu và các lực lượng nghiên cứu, tăng cường công tác thông tin.

Đối với những vấn đề mới đặt ra, những vấn đề phức tạp, còn có ý kiến khác nhau thì cùng nhau nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, lắng nghe ý kiến của quần chúng, của các chuyên gia và cán bộ khoa học, phát huy tự do tư tưởng, tranh luận thẳng thắn, dân chủ và đi đến kết luận. Khi đã có kết luận của tập thể, đã thành nghị quyết, tất cả mọi đảng viên, cán bộ, không trừ một ai, đều phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng.

Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cả về nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện; phê phán và khắc phục tư tưởng bảo thủ không muốn đổi mới, đồng thời khắc phục tư tưởng nóng vội, hoặc mượn cớ đổi mới để hành động sai trái. Đấu tranh chống những phần tử cơ hội, thiếu trung thực, lợi dụng đổi mới để luồn lách, thoả mãn những tham vọng cá nhân. Mở rộng tính dân chủ, tính công khai, tính chân thật và tính chiến đấu, đồng thời bảo vệ bí mật quốc gia, nêu cao ý thức và có biện pháp tích cực bảo vệ Đảng.

Phát triển rộng rãi các hình thức tiếp xúc và đối thoại với quần chúng, với ý thức thật sự trọng dân, gần dân, nghe dân và tin dân, không quan liêu, hình thức, gia trưởng, gây phiền hà cho quần chúng và cơ sở.

Tăng cường lãnh đạo và quản lý các cơ quan báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ theo hướng phục vụ tích cực công cuộc đổi mới, góp phần thực hiện các nghị quyết của Đảng. Phát huy những kết quả tốt đi đôi với khắc phục những lệch lạc trong báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật.

Đấu tranh kiên quyết và có hiệu quả chống chiến tranh tâm lý, chống những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của địch, chống những mưu đồ lợi dụng dân chủ và công khai để chống lại sự nghiệp của Đảng và của nhân dân.

Các cấp uỷ đảng, các cán bộ lãnh đạo và quản lý trung ương đến cơ sở đích thân chỉ đạo và trực tiếp làm công tác

tư tưởng.

2. Tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ

Làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và lề lối làm việc giữa các cơ quan đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, trên cơ sở đó tiếp tục kiện toàn một cách cơ bản tổ chức của các cơ quan này từ trung ương đến cơ sở, thực hiện bằng được cuộc đổi mới về tổ chức bộ máy. Đảng kiến nghị và giới thiệu cán bộ với các cơ quan dân cử để các tổ chức đó bầu cử một cách dân chủ. Các cấp uỷ đảng không làm thay cơ quan nhà nước trong việc quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Các cấp uỷ đảng, mọi tổ chức đảng, mọi cán bộ và đảng viên phải thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, mở rộng tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật của Đảng. Củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối, chính sách và các nguyên tắc tổ chức của Đảng. Xây dựng phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mới, khắc phục bệnh quan liêu giấy tờ, phô trương hình thức, lời nói không đi đôi với việc làm, thiếu quyết đoán, thiếu trách nhiệm, nể nang, né tránh. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, trước hết là công tác kiểm tra của các cấp uỷ đảng, đem lại hiệu quả thiết thực.

Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực thực hiện sự nghiệp đổi mới, trước hết là những hạt nhân lãnh đạo, những cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, nhất là ở trung ương và cơ sở; những cán bộ lãnh đạo và cán bộ tham mưu giỏi về từng lĩnh vực. Từng bước trẻ hoá đội ngũ cán bộ, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa trong cơ quan lãnh đạo mỗi cấp; xúc tiến xây dựng quy hoạch cán bộ, lựa chọn cán bộ dự bị, cán bộ kế cận. Kết hợp cán bộ lớn tuổi với cán bộ trẻ, tránh lối đổi mới và trẻ hoá đội ngũ cán bộ một cách hình thức, chỉ căn cứ vào độ tuổi và học vị, khắc phục tư tưởng đẳng cấp, tôn ti theo kiểu phong kiến, cục bộ, địa phương.

Từ nay, mỗi lần bầu cấp uỷ (của cả Ban Chấp hành Trung ương) cần đổi mới khoảng 1/3. Những đồng chí giữ chức bí thư các cấp uỷ nói chung không quá 10 năm.

Cán bộ quản lý nhà nước, quản lý sản xuất, kinh doanh, cán bộ chủ chốt các đoàn thể quần chúng không nhất thiết đều phải là đảng viên. Đề bạt vượt cấp những cán bộ ở cấp dưới thực sự có năng lực và phẩm chất giữ những trọng trách lãnh đạo ở cấp trên. Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ một cách có kế hoạch; đưa cán bộ ở cơ quan trung ương xuống công tác ở địa phương và cơ sở một thời gian, đồng thời đưa những cán bộ có năng lực, phẩm chất đã công tác nhiều năm ở địa phương và cơ sở lên công tác ở các cơ quan trung ương. Đưa ra khỏi chức vụ lãnh đạo những cán bộ không đủ phẩm chất và năng lực thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chấm dứt tình trạng bố trí những cán bộ không làm được việc do kém năng lực hoặc bị kỷ luật ở nơi này lại chuyển sang nhận nhiệm vụ ở nơi khác mà vẫn giữ nguyên chức, nguyên lương, thậm chí còn được lên chức, lên lương. Dứt khoát không cất nhắc những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý hoặc chuyên môn lên chức vụ hoặc ngạch bậc cao hơn khi tập thể đã thấy không đủ sức vươn lên để đảm nhiệm công việc dự kiến được giao. Cải tiến một số chế độ chính sách đối với cán bộ theo nguyên tắc phân phối theo lao động, trọng dụng tài năng.

3. Về nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, Hội nghị Trung ương khẳng định: đảng viên trước hết có giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, thể hiện rõ vai trò tiên phong gương mẫu, có tinh thần hy sinh quên mình, có trình độ và năng lực lãnh đạo chính trị, đi đầu thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; có thái độ tích cực đối với công cuộc đổi mới và có kiến thức, có năng lực thực hiện đổi mới. Đã là đảng viên thì phải lao động, không bóc lột, đó là vấn đề có tính nguyên tắc. Trong điều kiện hiện

nay, Đảng khuyến khích đảng viên ngoài việc phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác được giao, tích cực phát triển kinh tế gia đình để có thêm thu nhập. Làm tốt công tác phát triển đảng, từng bước trẻ hoá đội ngũ của Đảng, chăm lo giáo dục, kiểm tra, quản lý chặt chẽ đảng viên, nâng cao trình độ, phẩm chất và năng lực của đảng viên, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Hội nghị Trung ương còn nhấn mạnh việc củng cố, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, làm cho các tổ chức cơ sở thực sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị trong các tập thể lao động và là người kiểm tra mọi hoạt động của cơ quan quản lý và người thủ trưởng. Gấp rút kiện toàn đội ngũ cốt cán ở cơ sở, củng cố chi bộ, cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, là những vấn đề có ý nghĩa quyết định nâng sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương tập trung sức củng cố các cơ sở, nhất là những cơ sở yếu kém, những cơ sở trực tiếp quan hệ đến kinh tế, an ninh, quốc phòng, những cơ sở ở biên giới, hải đảo, miền núi, ở những vùng có nhiều khó khăn và những vùng có nhiều tiềm năng kinh tế lớn.

Hội nghị Trung ương chỉ rõ phải tổ chức tốt việc thực hiện nghị quyết về xây dựng đảng, gắn chặt với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết Trung ương và Bộ Chính trị, tập trung vào những nhiệm vụ cấp bách về kinh tế - xã hội, chống lạm phát, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) tin tưởng rằng, với quyết tâm đổi mới, với tiềm lực và kinh nghiệm đã có, toàn Đảng tăng cường đoàn kết, vươn

lên nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của cách mạng, xứng đáng với lòng mong đợi của nhân dân.

Phải xây dựng Đảng luôn luôn xứng đáng là Đảng Cộng sản Việt Nam do Bác Hồ vĩ đại sáng lập và rèn luyện.

*

* *

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) đã bầu đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Đảng, làm Ủy viên chính thức Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Đảng. Cũng tại Hội nghị này, sau khi nghe Bộ Chính trị báo cáo về trách nhiệm cá nhân của đồng chí Hà Trọng Hoà, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá, qua việc kiểm tra một số vấn đề ở tỉnh Thanh Hoá, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thi hành kỷ luật đồng chí Hà Trọng Hoà bằng hình thức cách chức Ủy viên Trung ương Đảng và cách chức Bí thư Tỉnh uỷ.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 20-TT/TW, ngày 6 tháng 7 năm 1988

Về việc lãnh đạo chặt chẽ công tác điều tra, truy tố, xét xử bọn phạm tội nghiêm trọng

Thời gian gần đây, tình hình phạm pháp, đặc biệt là những vụ trọng án về kinh tế và hình sự, tăng cả về số lượng và tính chất nghiêm trọng. Đáng chú ý là hoạt động của bọn đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, nhất là tân được giả gây chết người; những vụ giết người cướp của, tội phạm gây án dùng vũ khí chống lại nhân dân và cảnh sát khi bị đuổi bắt. Tình hình trên là không bình thường, khiến nhân dân thiếu yên tâm, thiếu tin tưởng và gây tâm lý bất bình trong xã hội. Trong nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân quan trọng là công tác phòng ngừa tội phạm rất yếu, việc điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan pháp luật chưa kịp thời, thiếu nghiêm minh nên chưa góp phần phát động quần chúng trấn áp, ngăn chặn có hiệu quả hoạt động của bọn phạm tội. Để phòng ngừa và đấu tranh làm giảm tình hình phạm tội, nhất là các vụ trọng án, các cấp uỷ địa phương cần nắm chắc tình hình, chỉ đạo các ngành trong khối nội chính ở địa phương phối hợp với các ngành, các đoàn thể lập kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn. Việc điều tra, truy tố, xét xử bọn tội

phạm này phải kịp thời, nghiêm khắc. Những vụ đặc biệt nghiêm trọng cần phải lên mức án tối đa thì cần lập hồ sơ xét xử nhanh, thi hành án đúng lúc và kết hợp tuyên truyền giáo dục công khai, phát động phong trào quần chúng đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các loại tội phạm. Hội đồng Bộ trưởng cần có kế hoạch kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo uỷ ban nhân dân tỉnh, thành và các ngành chức năng (Nội vụ, Thanh tra, Quốc phòng, Hải quan, Tư pháp, Tài chính, Thương nghiệp) phối hợp chặt chẽ với các cơ quan kiểm sát, toà án, lựa chọn những vụ án điển để chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử kịp thời và thống nhất. Các cấp uỷ phải chỉ đạo xử lý các vụ án đúng đường lối, đồng thời phải tôn trọng tính độc lập, tuân thủ pháp luật của các cơ quan này. Ban Nội chính Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc các ngành trong khối nội chính thực hiện Thông tri này và báo cáo thường xuyên với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 42-CT/TW, ngày 9 tháng 7 năm 1988

Về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI)

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

Để thực hiện nghị quyết của Trung ương, các cấp uỷ đảng, các ngành cần làm tốt những việc sau đây:

1. *Tổ chức việc quán triệt nghị quyết*

Tổ chức và phổ biến đến đảng viên toàn văn nghị quyết của Trung ương và bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh trong buổi khai mạc và bế mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm làm cho toàn Đảng nhận thức sâu sắc những quan điểm cơ bản của nghị quyết, khẳng định truyền thống tốt đẹp của Đảng

ta và sự nỗ lực phấn đấu của nhiều đảng bộ, của đông đảo cán bộ, đảng viên đang hoạt động trên các lĩnh vực công tác, nhất là từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, toàn Đảng đang từng bước phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới theo Nghị quyết Đại hội, đồng thời làm cho cán bộ và đảng viên nhận thức thật đầy đủ tình hình sa sút nghiêm trọng về tư tưởng và tổ chức, một nguyên nhân làm cho uy tín của Đảng bị giảm sút và truyền thống tốt đẹp của Đảng bị tổn thương và yêu cầu bức thiết phải củng cố Đảng.

Qua nghiên cứu nghị quyết, làm cho mỗi đảng viên nâng cao nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, bảo đảm từ nay đến năm 1990 có chuyển biến thật sự, nhất là về kinh tế và đời sống, để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Các tổ chức đảng, các thủ trưởng các ngành, đơn vị và từng đảng viên phải tự kiểm điểm ưu điểm, khuyết điểm trong công tác đảng, có biện pháp sửa chữa thiết thực.

Báo, đài và các cơ quan thông tin đại chúng khác, trước hết là báo Đảng, có kế hoạch tăng cường đưa tin, viết bài về công tác xây dựng đảng, làm rõ những vấn đề cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm, nêu gương những đảng bộ và đảng viên gương mẫu, giới thiệu những đảng bộ lãnh đạo giỏi, đồng thời phê bình đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực.

2. *Các cấp uỷ đảng, các ngành sau khi nghiên cứu nghị quyết, cần có chương trình hành động cụ thể. Chú ý một số việc:*

- Trước mắt cần tập trung chỉ đạo tốt đại hội đảng bộ cơ sở và đại hội đảng bộ huyện, quận theo nội dung Chỉ thị 37-CT/TW, ngày 17-5-1988 của Ban Bí thư, đặc biệt coi trọng bố trí cốt cán cơ sở. Cần phân công một số đồng chí trong thường vụ và trong tỉnh uỷ xuống giúp chỉ đạo một số huyện, quận và cơ sở, nhất là những cơ sở yếu kém.

- Trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức bộ máy, điều chỉnh bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, thành, cán bộ chủ chốt các ngành, các cơ sở quan trọng gắn với yêu cầu xây dựng quy hoạch cán bộ dự bị các chức vụ lãnh đạo chủ chốt.

- Xây dựng quy chế làm việc của cấp uỷ, nhất là quy chế làm việc của thường vụ, nâng cao trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm của từng cá nhân, phát huy dân chủ và tăng cường kỷ luật trong sinh hoạt của các tổ chức đảng.

- Sơ kết việc thi hành Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, có biện pháp cụ thể để đẩy mạnh cuộc vận động.

- Có biện pháp cụ thể, thiết thực để tăng cường công tác giáo dục tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3. *Các ban của Trung ương có trách nhiệm* giúp Ban Bí thư phối hợp với các ngành có liên quan nghiên cứu để cụ thể hoá nghị quyết thành các chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch cán bộ, đảng viên làm kinh tế, cải tiến hệ thống các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cải tiến công tác báo chí, xuất bản, công tác lý luận, v.v..

4. *Về tổ chức chỉ đạo việc thực hiện nghị quyết:* Tất cả các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở đều có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo việc nghiên cứu nghị quyết và thực hiện nghị

quyết để đạt hiệu quả thiết thực. Ban Bí thư sẽ định thời gian nghe các ngành và địa phương trực tiếp báo cáo, các ban của Trung ương có trách nhiệm giúp Trung ương theo dõi và tổng hợp tình hình để báo cáo với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 16-NQ/TW, ngày 15 tháng 7 năm 1988

**Về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với
các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế
ngoài quốc doanh**

I- VỀ TÌNH HÌNH

Lực lượng sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải (chủ yếu là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp) thuộc kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, công tư hợp doanh, sản xuất cá thể, tiểu chủ và các cơ sở sản xuất của các nhà tư sản dân tộc, có vị trí quan trọng đối với nền kinh tế nước ta trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Lực lượng sản xuất ngoài quốc doanh trên đây hình thành và phát triển trên nhiều vùng của đất nước, cung cấp một phần quan trọng sản phẩm tiêu dùng, sản phẩm xuất khẩu và đáp ứng một phần đáng kể tư liệu sản xuất cho nhiều ngành kinh tế. Gần 2 triệu lao động chuyên sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, làm công nghiệp xây dựng, vận tải và hàng chục vạn lao động tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp

ở nông thôn đã tạo ra 60% giá trị công nghiệp địa phương và 40% giá trị công nghiệp cả nước.

Những kết quả đã đạt được còn thấp xa so với khả năng thực tế của lực lượng sản xuất, so với tiềm năng phong phú của đất nước và nhu cầu của xã hội. Lực lượng lao động ở thành thị và nông thôn chưa có và thiếu việc làm còn lớn, nguồn nguyên liệu đa dạng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và nhiều tài nguyên thiên nhiên khác chưa được khai thác; các nguồn dự liệu, phế liệu trong sản xuất công nghiệp chưa được tận dụng triệt để. Nguồn vốn nhân rồi khá lớn trong dân cư và một phần máy móc, trang bị của các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh chưa được huy động.

Những sai lầm trong việc tập thể hoá sản xuất trước đây, thiên về xác lập quan hệ sản xuất mới một cách hình thức, coi nhẹ việc củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất, những quan điểm không đúng về các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã có lúc, có nơi làm cho lực lượng sản xuất giảm sút, nhiều ngành nghề thủ công mỹ nghệ mai một; trình độ trang bị, thiết bị ở hầu hết các cơ sở sản xuất xuống cấp, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất thấp; thu nhập của người lao động chưa cao và mức đóng góp vào ngân sách chưa hợp lý. Nhiều cơ sở sản xuất tiểu chủ, tư sản muốn duy trì sản xuất phải chia nhỏ năng lực sản xuất hoặc phải lấy danh nghĩa kinh tế tập thể.

Cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp và công tác quản lý lỏng lẻo đã không ngăn chặn được những thói hư, tật xấu trong sản xuất kinh doanh (làm hàng giả,

trốn thuế, hoạt động ngoài kỷ cương pháp luật, v.v.). Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng được cụ thể hoá thành các Nghị quyết 2, 3 và 4 của Ban Chấp hành Trung ương, các nghị quyết của Bộ Chính trị, các nghị định của Hội đồng Bộ trưởng và sự hướng dẫn chủ động, sáng tạo của một số địa phương đã bước đầu đẩy mạnh hoạt động của khu vực kinh tế quan trọng này. Nhưng tốc độ phát triển đó vẫn còn quá chậm so với khả năng thực tế.

II- ĐỔI MỚI CÁC CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ

Giải phóng sức lao động xã hội, phát triển nền sản xuất hàng hoá là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, phải phát huy các thành phần kinh tế, khai thác tốt năng lực của các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng và vận tải ngoài quốc doanh (gọi tắt là các cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh) nhằm đưa các cơ sở này đều trở thành những bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân phát triển theo hướng quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính quyền của nhân dân lao động cần thu hút và phân công lại lao động tại chỗ ở thành thị và nông thôn, thúc đẩy nhanh quá trình đưa sản xuất công nghiệp vào nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, phát triển xây dựng và vận tải, theo *những phương hướng, chính sách kinh tế cơ bản và lâu dài* như sau:

1. Đồng thời với việc củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, làm cho kinh tế quốc doanh thật sự giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể ngày càng vững mạnh, cần phát triển mạnh mẽ, không hạn chế kinh tế gia đình, các đơn vị sản xuất công tư hợp doanh, tiểu chủ, tư bản tư doanh ở thành thị và nông thôn, xoá bỏ những định kiến, những khuynh hướng độc quyền hoặc phân biệt đối xử và thiếu bình đẳng trước pháp luật đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Bằng luật pháp và các chính sách quản lý kinh tế cụ thể, nhất là các chính sách thuế đúng đắn, Nhà nước tác động tích cực vào quá trình hình thành và phát triển các ngành, nghề cần thiết cho nhu cầu trước mắt và lâu dài của xã hội, thúc đẩy quá trình phân công lao động chuyên môn hoá và hiệp tác hoá, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật, làm cho các đơn vị sản xuất này tích cực đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới trang bị, máy móc và công nghệ sản xuất, thực hiện đúng phương châm "tiểu công nghiệp hiện đại, thủ công nghiệp tinh xảo", tăng sản lượng, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên phát triển các ngành, nghề sử dụng nhiều lao động, sử dụng nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và trong nước, các ngành, nghề gắn với nông nghiệp ở nông thôn và các ngành, nghề tiêu hao ít năng lượng và nguyên liệu những ngành nhanh chóng tạo ra lợi nhuận và thu nhập cho người lao động và cho ngân sách quốc gia; khuyến khích mở rộng các hình thức tổ chức làm công nghiệp chế tạo công cụ cầm tay, công cụ cải tiến hoặc máy móc nhỏ chế biến nông sản, vận tải đường sông, đường bộ và ven biển, góp phần đắc lực vào việc đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

Việc xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới phải nhằm phát triển lực lượng sản xuất; chấn chỉnh và ổn định các loại hình kinh tế, các thành phần kinh tế, tạo môi trường kinh tế xã hội và khuôn khổ pháp lý bình đẳng để các đơn vị hoạt động thuận lợi, đúng đắn, thi đua có tính cạnh tranh với nhau trên cơ sở tài năng, sức lực thật sự của mình, không ngừng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả.

2. Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển dưới các hình thức kinh tế sau đây:

Kinh tế tập thể bao gồm các hình thức tổ chức từ thấp đến cao, dưới hai hình thức chủ yếu: tổ hợp tác và hợp tác xã, là thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế tập thể tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi, do các thành viên là những người lao động tự góp

vốn, góp sức lao động cùng nhau tiến hành sản xuất, kinh doanh thực hiện những dịch vụ phù hợp với khả năng và nhu cầu xã hội. Các đơn vị kinh tế tập thể có thể thuê mướn thêm lao động trong những khâu kỹ thuật phức tạp hoặc đòi hỏi tay nghề tinh xảo và trong thời vụ sản xuất khẩn trương, được huy động thêm vốn để phát triển sản xuất, được liên doanh, liên kết với các cơ sở sản xuất trong nước và ngoài nước.

Đơn vị kinh tế tập thể hoạt động theo nguyên tắc tự quản. Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất, quy mô sản xuất, hình thức quản lý, phương thức phân phối trong nội bộ đơn vị (chú trọng tích lũy để mở rộng sản xuất, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và có phần thích đáng phân phối theo vốn cổ phần), do các thành viên của đơn vị cùng nhau định đoạt.

Kinh tế gia đình là kinh tế do công nhân viên chức nhà nước, thành viên xí nghiệp quốc doanh, xí nghiệp tập thể và công nhân viên chức xí nghiệp tư nhân cũng như những người ngoài tuổi lao động cùng với gia đình mình làm thêm bằng cách nhận gia công cho các xí nghiệp hoặc làm các dịch vụ.

Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển rộng rãi, được miễn các khoản thuế sản xuất kinh doanh áp dụng đối với các thành phần kinh tế khác.

Xí nghiệp công tư hợp doanh là đơn vị kinh tế do một hay nhiều chủ hộ có tài sản, vốn bằng tiền cùng góp với Nhà nước dưới dạng cổ phần để cùng nhau sản xuất kinh doanh và chia lãi trên cơ sở tính theo tỷ lệ vốn của mỗi bên đóng góp. Xí nghiệp công tư hợp doanh là loại hình tổ chức sản xuất được khuyến khích phát triển, các chủ hộ góp vốn vào xí nghiệp được sự bảo hộ của Nhà nước về tài sản, vốn đã góp và thu nhập chính đáng từ cơ sở hợp doanh.

Kinh tế tư nhân là đơn vị kinh tế do những người có vốn, có tài sản lập ra, sản xuất kinh doanh theo pháp luật. Kinh tế tư nhân bao gồm các hình thức:

- *Hộ cá thể* là cơ sở sản xuất của người đứng ra đăng ký và tổ chức sản xuất cùng gia đình; có thể thuê mướn thêm lao động thời vụ.

- *Hộ tiểu chủ* là các hộ sản xuất mà chủ hộ vừa là người sản xuất chính vừa có thuê mướn thêm lao động.

- *Xí nghiệp tư bản sản xuất công nghiệp* (gọi tắt là xí nghiệp tư doanh) là đơn vị do một hoặc nhiều nhà tư sản dân tộc cùng góp vốn để tổ chức sản xuất kinh doanh dưới hình thức xí nghiệp tư doanh hoặc công ty tư doanh, công ty cổ phần, tổ hợp tư doanh, với quy mô không hạn chế.

Các xí nghiệp này được thuê mướn lao động theo nhu cầu sản xuất và kỹ thuật.

Các nhà tư sản dân tộc hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp góp phần tích cực vào quốc kế dân sinh, ích nước, lợi nhà, được Nhà nước bảo đảm bằng pháp luật. Tư sản dân tộc là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. *Tổ chức liên doanh liên kết trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh:*

Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh hoàn toàn tự chủ trong việc quyết định tham gia hay không tham gia các hình thức liên hiệp sản xuất, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác.

Trong trường hợp có nhu cầu, các đơn vị sản xuất có quyền tự nguyện liên kết với cơ sở quốc doanh để mở rộng sản xuất, phân công lao động và chuyên môn hoá sản xuất. Có thể thành lập các hình thức liên hiệp sản xuất gồm các đơn vị kinh tế một ngành hay nhiều ngành thuộc các thành phần kinh tế khác nhau hoặc các trung tâm dịch vụ sản xuất, các công ty dịch vụ, các cơ sở cung ứng và tiêu thụ chung cho các thành viên, v.v..

4. Nhà nước có chính sách và biện pháp cụ thể bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của các cơ sở sản xuất thuộc tất cả các thành phần kinh tế; bảo đảm lợi ích chính đáng của kinh tế tập thể, kinh tế gia đình; bảo đảm quyền hạn và trách nhiệm kinh doanh hợp pháp theo luật định, quyền sở hữu và

thừa kế tài sản của những người sản xuất cá thể, tiểu chủ và của các nhà tư sản dân tộc sản xuất công nghiệp, dịch vụ hay tham gia công tư hợp doanh; bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động làm thuê trong các xí nghiệp tư nhân.

Bằng các chính sách và chế độ quản lý được thể chế hoá dưới các hình thức pháp luật thích hợp, Nhà nước bảo đảm quyền tự quản của các cơ sở sản xuất tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tiểu chủ và của các xí nghiệp tư bản tư doanh; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm, chức năng của hệ thống cơ quan chính quyền các cấp, của các cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật cũng như của các cơ quan có liên quan vừa bảo đảm tôn trọng các nguyên tắc tự quản của các cơ sở sản xuất, vừa bảo đảm sự kiểm tra, kiểm soát đúng đắn của Nhà nước theo pháp luật.

Nhà nước và xã hội ủng hộ và khuyến khích các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh hoạt động có hiệu quả và hợp pháp, giám sát và đấu tranh kịp thời với mọi biểu hiện tiêu cực, sai trái, trốn tránh sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, trốn thuế và hối lộ cán bộ dù ở khu vực kinh tế nào.

5. *Các chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh* cần theo đúng các phương hướng và nguyên tắc sau đây:

Về quy hoạch, kế hoạch: Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh chủ động tự xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo phương hướng phát triển kinh tế do Nhà nước đề ra và theo nhu cầu của xã hội và khả năng vật tư, kỹ thuật, tiền vốn và lao động của mình; không cơ quan chính quyền nhà nước cấp nào được giao chỉ tiêu pháp lệnh cho các đơn vị sản xuất này.

Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh quan hệ với các đơn vị quốc doanh và với các tổ chức kinh tế khác thông qua hợp đồng kinh tế, trên tinh thần hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, cùng có trách nhiệm như nhau trước pháp luật.

Về lâu dài, Nhà nước có quy hoạch, kế hoạch hướng dẫn và giúp đỡ các cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh phát triển sản

xuất, kinh doanh đúng phương hướng chung, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Về vật tư và trang bị kỹ thuật: Nhà nước có trách nhiệm dành một lượng vật tư cần thiết bán cho các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh thông qua hệ thống cung ứng vật tư trong cả nước; có các chính sách khuyến khích phát triển các vùng trồng trọt và khai thác nguyên liệu trong nước cho khu vực sản xuất này.

Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh tự tổ chức khai thác, thu mua vật tư, nguyên liệu, phế liệu để sản xuất, theo các chế độ cụ thể của Nhà nước về khai thác và bảo vệ tài nguyên, nhằm vừa tránh được những sự lạm dụng làm tổn hại, lãng phí tài nguyên quốc gia, vừa tận dụng được các nguồn thứ liệu, phế liệu.

Các ngành kinh tế - kỹ thuật, các cơ sở sản xuất cơ khí quốc doanh có kế hoạch và chương trình sản xuất trang bị, thiết bị phục vụ các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh, đáp ứng nhu cầu hợp lý của họ và coi đó là một đối tượng quan trọng phải phục vụ của mình. Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh được mua vật tư, máy móc, trang bị của các công ty, các xí nghiệp quốc doanh không dùng đến với giá thỏa thuận; được tham gia đấu thầu cùng các xí nghiệp quốc doanh trong việc nhận các đơn hàng nhà nước về sản xuất và dịch vụ, bán lại sản phẩm cho các tổ chức kinh doanh của Nhà nước.

Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh có sản phẩm xuất khẩu, được hưởng quyền sử dụng ngoại tệ để mua máy móc, thiết bị và vật tư phục vụ cho tái sản xuất sản phẩm xuất khẩu. Các đơn vị sản xuất công nghiệp bình đẳng trước pháp luật với các đơn vị kinh tế quốc doanh trong quan hệ giao dịch mua sắm vật tư, trang, thiết bị và trong các hoạt động xuất - nhập khẩu.

Về tiêu thụ sản phẩm. Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh chủ động tiêu thụ sản phẩm của mình theo hợp đồng kinh tế, được tổ chức các cửa hàng để bán, bảo hành và làm dịch vụ sửa chữa sản phẩm do mình làm ra; có quyền chọn các công

ty, các tổ chức xuất, nhập khẩu thích hợp để uỷ thác xuất hoặc nhập khẩu các sản phẩm và vật tư cần thiết.

Các đơn vị hàng xuất khẩu được tham gia với các tổ chức xuất - nhập khẩu chuyên trách có liên quan để đàm phán với các tổ chức kinh tế nước ngoài trong việc thực hiện chương trình sản xuất hàng xuất khẩu và yêu cầu nhập khẩu vật tư của mình để tái sản xuất hàng xuất khẩu trong việc cùng nghiên cứu thị trường khi có nhu cầu, và tự chịu mọi phí tổn. Các hợp tác xã và các xí nghiệp công - tư hợp doanh lớn, có đủ điều kiện do Nhà nước quy định, được đặt quan hệ xuất khẩu và nhập khẩu trực tiếp với các tổ chức kinh tế nước ngoài.

Về khoa học - kỹ thuật: Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh được Nhà nước giúp đỡ, khuyến khích ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất; được cử người vào các trường chuyên môn, nghiệp vụ của Nhà nước để đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của sản xuất, kinh doanh và tự chịu phí tổn; được tuyển dụng các học sinh đã tốt nghiệp các trường của Nhà nước làm việc cho mình trên cơ sở bảo đảm và tăng cường nguồn kinh phí đào tạo cán bộ, công nhân lành nghề; được quyền ký hợp đồng liên kết với các viện nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, các trường học, các xí nghiệp quốc doanh để thực hiện các chương trình nghiên cứu đổi mới sản phẩm công nghệ, trang, thiết bị để thúc đẩy tiến bộ khoa học, kỹ thuật và quá trình đổi mới có hiệu quả kinh tế, Nhà nước miễn hoặc giảm một phần các khoản thuế trong một thời gian nhất định và được ngân hàng ưu tiên cho vay vốn, được các cơ quan cung ứng vật tư ưu tiên bán những vật tư cần thiết.

Các đơn vị sản xuất công nghiệp được giữ bản quyền về các sáng kiến, phát minh và được khen thưởng xứng đáng với các sáng kiến, phát minh đó, theo chế độ đăng ký sáng kiến, phát minh với cơ quan quản lý của Nhà nước.

Nhà nước có chính sách khuyến khích, khen thưởng thích đáng đối với những nghệ nhân giỏi (như tặng danh hiệu

nghệ nhân dân xuất sắc, tặng giải thưởng "đôi tay vàng"...).

Về lao động. Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh có thuê mướn lao động theo hợp đồng phải thực hiện pháp luật về lao động; thường xuyên cải thiện điều kiện lao động, tôn trọng pháp luật và các thể chế của Nhà nước về vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động, bảo đảm sức khoẻ lâu dài của người lao động; chịu trách nhiệm thực hiện các chế độ bảo hiểm và phúc lợi xã hội cho người lao động.

Hội đồng Bộ trưởng sớm ban hành chính sách bảo hiểm xã hội, thành lập công ty bảo hiểm để lo công việc bảo hiểm xã hội và hưu trí đối với công nhân, viên chức làm việc trong các đơn vị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh.

Về tài chính, kế toán và tín dụng. Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh phải thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký sản xuất, chế độ kế toán, thống kê thống nhất theo pháp luật của Nhà nước; được huy động thêm vốn dưới nhiều hình thức khác nhau (vay, cổ phần...) để phát triển sản xuất.

Các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh có quyền chọn ngân hàng để mở tài khoản; quan hệ giữa ngân hàng với các đơn vị này là quan hệ hợp đồng bình đẳng giữa các bên kinh doanh.

III- CẢI TIẾN BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI ĐỐI VỚI NHỮNG ĐƠN VỊ SẢN XUẤT NGOÀI QUỐC DOANH

1. Việc cải tiến bộ máy quản lý nhà nước đối với các đơn vị sản xuất này phải theo đúng các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế đã ghi trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), và phù hợp với các chính sách trên đây.

Các bộ quản lý ngành có nhiệm vụ lập quy hoạch toàn ngành, bao gồm cả các đơn vị sản xuất và dịch vụ công nghiệp, xây dựng và vận tải ngoài quốc doanh; xây dựng các chính sách, chuẩn mức chủ yếu của ngành, kiểm tra việc thực hiện các chính sách và chuẩn mức đó. Bộ phải thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở sản xuất này.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có chức năng cân đối, kế hoạch hoá chung toàn nền kinh tế quốc dân, bao gồm cả khu vực sản xuất ngoài quốc doanh.

Tỉnh, thành phố quản lý nhà nước đối với các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh theo phương hướng quy hoạch chung và kế hoạch cân đối chung các mặt trên địa bàn tỉnh, thành phố; kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ, kiến nghị Hội đồng Bộ trưởng hoàn thiện các chính sách, chế độ đối với các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh.

Huyện, quận là cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp đối với các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh theo pháp luật, không can thiệp vào hoạt động nội bộ của các đơn vị; thực hiện chức năng xây dựng kế hoạch cân đối chung và tổng hợp cho tất cả các lực lượng sản xuất trên địa bàn huyện, quận.

Chính quyền các cấp phường, xã thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước, giám sát các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh trên địa bàn phường, xã về mặt chấp hành pháp luật; không can thiệp vào các hoạt động tác nghiệp của các đơn vị đó.

2. *Tổ chức lại hệ thống tổ chức xã hội* của những người sản xuất ngoài quốc doanh phù hợp với sự phát triển sản xuất và theo nguyên tắc tự nguyện, đồng thời góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế và bảo đảm các quyền lợi kinh

tế, chính trị và xã hội cho các thành viên, nên theo phương hướng sau đây:

- Xã viên hợp tác xã sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và những người lao động trong các xí nghiệp công tư hợp doanh, các xí nghiệp tư doanh nếu tự nguyện và có đủ các tiêu chuẩn do Tổng Công đoàn quy định thì tham gia các tổ chức công đoàn.

- Những người lao động trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, trong các hội tiểu chủ sản xuất thủ công, mỹ nghệ tự nguyện tham gia hội lao động thủ công nghiệp; các chi hội này ở các đơn vị cơ sở gia nhập liên hiệp công đoàn quận, huyện. Trước mắt nên tổ chức các hội này tại các thành phố và trung tâm dân cư có các ngành, nghề thủ công, mỹ nghệ phát triển.

- Các nhà tư sản dân tộc, các tiểu chủ, người sản xuất cá thể có thể tự nguyện cùng nhau tổ chức và tham gia hội công - kỹ nghệ gia được tổ chức tại các trung tâm có công nghiệp phát triển; trước hết nên tổ chức tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Do nhu cầu quan hệ với tổ chức liên hiệp xã quốc tế và liên hiệp xã các nước khác, ở trung ương nên hình thành một tổ chức gọn nhẹ mang tên "Hội đồng trung ương các hợp tác xã và các đơn vị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh".

IV- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Nghị quyết này của Bộ Chính trị có nội dung đổi mới sâu sắc về quan điểm, chính sách quản lý và tổ chức đối với các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ trung ương đến cơ sở, phải quán triệt nghị quyết, phải có sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức tư tưởng và hành động.

Cần làm cho được các việc sau đây:

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng có chỉ thị hướng dẫn thực hiện đến tất cả các tổ chức đảng các cấp, làm cho toàn thể

đảng viên, cán bộ thông suốt nội dung của nghị quyết, biến thành hành động cụ thể.

2. Các cơ quan tuyên huấn, báo chí phổ biến rộng rãi nội dung nghị quyết đến toàn dân để mọi người hưởng ứng và thực hiện.

3. Hội đồng Bộ trưởng cần:

- Có biện pháp củng cố và phát triển các hợp tác xã hiện có, làm cho các cơ sở này phát huy được vai trò nòng cốt của mình, chấn chỉnh các cơ sở trá hình, nếu cần, giải thể, quay trở lại các loại hình sản xuất thật sự của nó.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các chính sách đã được ban hành, bổ sung những điểm còn thiếu cho đúng với nghị quyết của Bộ Chính trị.

- Xây dựng để trình Hội đồng Nhà nước duyệt hoặc tự ban hành các chính sách, chế độ dưới hình thức các văn bản pháp quy như: điều lệ mẫu của hợp tác xã, xí nghiệp công tư hợp doanh, các xí nghiệp tư doanh; quy chế hoạt động của các liên hiệp sản xuất, trung tâm dịch vụ; điều lệ tổ chức Hội đồng trung ương các hợp tác xã và các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh; chính sách khuyến khích các tiểu chủ, tư sản dân tộc, cá thể góp vốn cùng xí nghiệp quốc doanh hiện có, chưa dùng hết công suất để nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm theo nguyên tắc người góp vốn được chia lãi theo tỷ lệ đóng góp; sớm sửa đổi thuế trực thu, gián thu nhằm khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh đúng hướng, đáp ứng nhu cầu của xã hội, đồng thời có đóng góp thích đáng vào ngân sách nhà nước, chống trốn thuế, lậu thuế, chống tệ hối lộ, tham ô trong công tác thuế; ban hành chế độ và thủ tục đăng ký sản xuất kinh doanh theo các pháp luật, chính sách, chế độ quy định.

- Sơ kết kinh nghiệm và kết quả đạt được trong việc thi hành nghị quyết này của Bộ Chính trị và các nghị định của Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành về khuyến khích phát triển sản xuất của các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh, xây

dựng luật hoặc pháp lệnh; bổ sung hoặc xây dựng mới hệ thống thuế phù hợp với yêu cầu đã nói ở trên đây trình Hội đồng Nhà nước hoặc Quốc hội ban hành chậm nhất vào cuối năm 1988.

4. Tổng Công đoàn phải tích cực tăng cường hệ thống công đoàn ở các cấp quận, huyện để thu hút lực lượng công nhân đông đảo của các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh, nhất là ở các thành phố lớn và trung tâm công nghiệp.

5. Liên hiệp xã trung ương, dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, có kế hoạch cụ thể trong việc giải thể các tổ chức liên hiệp xã các cấp, chuyển sang hoạt động mới phù hợp với yêu cầu đã nêu trong Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-CT/TW, ngày 24 tháng 7 năm 1988

Về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị "Về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh"

Nghị quyết của Bộ Chính trị số 16-NQ/TW, ngày 15-7-1988 "Về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh" là sự đổi mới sâu sắc về quan điểm, chính sách quản lý và tổ chức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải (chủ yếu là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp).

Để thực hiện tốt Nghị quyết này, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, chính quyền và các ngành, các tổ chức và đơn vị cơ sở cần làm tốt các việc sau đây:

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghị quyết trong các cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể, các ngành, các

đơn vị cơ sở và người lao động; làm cho tất cả các cán bộ, đảng viên nắm vững tinh thần và nội dung của nghị quyết để có sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức tư tưởng và trong hành động.

2. Liên hiệp xã Trung ương cùng uỷ ban nhân dân các cấp, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Bộ trưởng triển khai việc chuyển hướng hoạt động của các tổ chức liên hiệp xã các cấp sang mô hình hoạt động mới phù hợp với yêu cầu của nghị quyết, làm cho hoạt động của các tổ chức này thiết thực và có hiệu quả kinh tế hơn. Đây là vấn đề lớn, trước mắt tập trung làm thí điểm ở một số tỉnh và thành phố lớn, sau đó rút kinh nghiệm mở rộng ra các địa phương. Việc chuyển đổi tổ chức không được làm ngừng trệ hoạt động sản xuất kinh doanh, và không được để mất mát tài sản công cộng.

3. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các cơ quan có liên quan xây dựng các văn bản pháp quy dưới đây, trình Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước ban hành:

- Điều lệ mẫu của hợp tác xã.
 - Quy chế hoạt động của các xí nghiệp công tư hợp doanh, xí nghiệp tư doanh.
 - Quy chế hoạt động của các liên hiệp sản xuất, trung tâm dịch vụ.
 - Các chính sách: thuế, giá cả, huy động vốn, phân phối thu nhập, kinh phí, chế độ đăng ký kinh doanh.
 - Điều lệ (hoặc quy chế) tổ chức và hoạt động của Hội đồng trung ương các hợp tác xã và các đơn vị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Liên hiệp xã Trung ương nghiên cứu dự thảo điều lệ hoạt động và tổ chức bảo hiểm xã hội và hưu trí đối với công nhân, viên chức trong các đơn vị ngoài quốc doanh, trình Hội đồng

Bộ trưởng ban hành. Trước mắt, mọi chế độ thu và chi trả cho các xã viên khi về hưu, tai nạn lao động, mai táng phí... vẫn thực hiện theo những quy định hiện hành.

5. Tổng Công đoàn Việt Nam phối hợp với Liên hiệp xã Trung ương nghiên cứu việc thu hút lực lượng công nhân trong các đơn vị sản xuất ngoài quốc doanh, trước mắt, cần thí điểm ở một vài thành phố lớn, sau đó báo cáo Ban Bí thư để có chủ trương cụ thể triển khai ra các địa phương khác.

6. Việc thay đổi tổ chức và nội dung hoạt động của các đơn vị như đã nêu trong Nghị quyết này, cần tiến hành theo từng bước hợp lý, cố gắng cuối năm 1988 sẽ có các mô hình tổ chức mới.

7. Ban Công nghiệp Trung ương, Liên hiệp xã Trung ương và các ngành có liên quan cũng như các thành phố và tỉnh có nhiều cơ sở tiểu, thủ công nghiệp chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết, thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng kịp thời có biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc và sai sót trong khi thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 61-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1988

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương là cơ quan tham mưu về văn hoá, văn nghệ của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ban có các nhiệm vụ chính sau đây:

1. Nghiên cứu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những chủ trương, chính sách lớn về văn hoá, văn nghệ.

Đối với các đề án, dự thảo nghị quyết, chỉ thị có liên quan đến văn hoá, văn nghệ do các cơ quan chuẩn bị trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, Ban có trách nhiệm tham gia chuẩn bị, góp ý kiến, thẩm tra trước khi trình.

2. Giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra các ngành, các cấp, trước hết là các cơ quan thuộc khối văn hoá, văn nghệ, việc

chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về văn hoá, văn nghệ. Qua kiểm tra, kịp thời báo cáo Ban Bí thư phát huy những ưu điểm, uốn nắn những lệch lạc, hoàn chỉnh, bổ sung các chủ trương, chính sách về văn hoá, văn nghệ.

3. Giúp Ban Bí thư hướng dẫn các cơ quan văn hoá, văn nghệ ở trung ương và địa phương quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về văn hoá, văn nghệ; Ban có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ cho các cơ quan tham mưu của Đảng về văn hoá, văn nghệ ở địa phương; phối hợp với Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo một số hoạt động văn hoá, văn nghệ theo quy định của Ban Bí thư trong Chỉ thị số 31-CT/TW, ngày 22-3-1988.

4. Làm tốt công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đảng theo quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ văn hoá, văn nghệ; đề xuất những chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ văn hoá, văn nghệ, theo dõi, kiểm tra và tham gia xây dựng quy hoạch cán bộ văn hoá, văn nghệ.

Kiểm tra và phát biểu ý kiến của mình với các cơ quan chức năng về bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, và các chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với các nhà hoạt động văn hoá, các văn nghệ sĩ tiêu biểu.

Đối với những đề án về tổ chức bộ máy của Bộ Văn hoá, các hội văn học nghệ thuật và các cơ quan văn hoá - văn nghệ khác trình lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước... Ban tham gia trong quá trình chuẩn bị, phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng trước khi quyết định.

Phối hợp với đảng uỷ khối trong công tác xây dựng đảng bộ cơ quan Bộ Văn hoá và đảng bộ các hội văn học nghệ thuật;

kiện toàn ban chấp hành các đảng bộ này và tạo thuận lợi cho đảng uỷ khối hoạt động.

II- TỔ CHỨC

Lãnh đạo Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương có trưởng ban và một số phó trưởng ban. Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng.

Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trung ương về toàn bộ công việc của Ban được Trung ương giao.

Các phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban và cùng trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trung ương về từng lĩnh vực công tác được phân công.

Ban liên hệ với các ban, ngành liên quan theo quy chế làm việc của các ban đảng.

Tổ chức bộ máy và biên chế của Ban phải gọn nhẹ, gồm những cán bộ thực sự có phẩm chất và năng lực, quán triệt tinh thần đổi mới của Đảng, có quan hệ tốt với các nhà hoạt động văn hoá và văn nghệ. Ngoài số cán bộ trong biên chế, Ban được sử dụng các cộng tác viên thường xuyên hoặc từng thời gian phục vụ công tác nghiên cứu của Ban.

Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương không tổ chức vụ. Từng chuyên viên hay một nhóm chuyên viên theo dõi một chuyên ngành hay một lĩnh vực công tác. Chuyên viên làm việc trực tiếp với trưởng ban hoặc phó trưởng ban theo sự phân công của trưởng ban. Ngoài chức trách thường xuyên, khi cần thiết, các chuyên viên phải tham gia những hoạt

động chung của Ban vượt khỏi phạm vi chức trách của từng chuyên viên. Phải có quy chế làm việc của chuyên viên, có chính sách, chế độ thoả đáng cho chuyên viên làm việc có kết quả tốt.

Văn phòng Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương do Chánh văn phòng phụ trách và có một đến hai phó văn phòng giúp việc. Văn phòng chịu trách nhiệm về công tác tổng hợp, hành chính, quản trị và thông tin của Ban.

Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương nghiên cứu và bàn thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương về biên chế cán bộ, nhân viên của Ban.

Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các cơ quan văn hoá - văn nghệ trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho Quyết định 98-QĐ/TW, ngày 14-10-1981 của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 44-CT/TW, ngày 17 tháng 8 năm 1988

Về việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hội đồng nhân dân

Trong những năm gần đây, hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp đã bước đầu có chuyển biến và đạt được một số kết quả. Tuy nhiên, sự chuyển biến đó chưa đồng đều và chưa mạnh; phần lớn các cơ quan dân cử ở địa phương chưa thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình; hoạt động còn hình thức và kém hiệu lực. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình hình này là cấp ủy đảng ở nhiều địa phương chưa coi trọng và phát huy vai trò của hội đồng nhân dân, bao biện công việc của chính quyền, làm giảm sút hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước ở địa phương và hạn chế việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Để hội đồng nhân dân các cấp làm tốt nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ thị:

1. Các cấp ủy đảng phải thực sự đổi mới việc lãnh đạo tổ chức và hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp. Trên cơ sở quán triệt tinh thần đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đã được nêu rõ trong bài diễn văn quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội

Khoá VIII, các cấp uỷ đảng cần nghiêm túc kiểm điểm việc lãnh đạo hội đồng nhân dân, khắc phục những khuyết điểm của mình, nhất là khuyết điểm chưa coi trọng vai trò của hội đồng nhân dân, cách lãnh đạo thiếu dân chủ, bao biện công việc của cơ quan nhà nước; đề ra được những chủ trương, hình thức phương pháp lãnh đạo cụ thể, đúng đắn phù hợp với tinh thần đổi mới, bảo đảm cho hội đồng nhân dân hoạt động có hiệu quả thiết thực.

Từ nay, khi kiểm điểm công tác lãnh đạo hằng năm, các cấp uỷ đảng cần kiểm điểm sự lãnh đạo đối với hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng Nhà nước đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp, nhằm cụ thể hoá Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân, quy định những việc phải làm để đổi mới và tăng cường hoạt động của các cơ quan dân cử. Các cấp uỷ đảng phải nghiên cứu nắm vững và lãnh đạo việc thi hành nghiêm chỉnh quy chế đó, tạo ra sự chuyển biến mới trong hoạt động của các cơ quan dân cử ở địa phương.

3. Chú trọng kiện toàn tổ chức của hội đồng nhân dân.

- Thông qua cuộc vận động chính trị theo nội dung Nghị quyết 04, ngày 12-9-1987 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 16, ngày 29-9-1987 của Ban Bí thư, cần lãnh đạo hội đồng nhân dân rà soát lại và bãi miễn những người không còn đủ tư cách, không làm tròn trách nhiệm của người đại biểu.

- Ban Tổ chức của Chính phủ, Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước cần phối hợp tổ chức rút kinh nghiệm những cuộc bầu cử trước đây; kiến nghị kế hoạch cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã sẽ tiến hành vào đầu năm 1989, bảo đảm cho cuộc bầu cử đúng luật, thật sự dân chủ, không gò ép, áp đặt, lựa chọn được những đại biểu đủ tiêu chuẩn và có năng lực làm việc. Chú ý lãnh đạo cử tri lựa chọn, bầu cử được nhiều quần chúng tốt đủ tiêu chuẩn vào hội đồng nhân dân. Tỷ lệ đảng viên tham gia hội đồng không quá 50% tổng số đại biểu ở mỗi cấp.

- Thành lập đảng đoàn hội đồng nhân dân để giúp cấp uỷ lãnh đạo công tác chính quyền địa phương. Lựa chọn một số cấp uỷ viên ứng cử vào các ban của hội đồng nhân dân, chú trọng củng cố và tăng cường ban thư ký của Hội đồng nhân dân.

Từ nay trở đi, khi tiến hành bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân, đồng thời với việc chuẩn bị nhân sự của uỷ ban nhân dân, cần xem xét việc lựa chọn cán bộ có năng lực để lãnh đạo các ban của hội đồng nhân dân.

Ban Nội chính Trung ương giúp Ban Bí thư kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 62-QĐ/TW, ngày 25 tháng 8 năm 1988

Về chức năng nhiệm vụ của Ban Dân tộc Trung ương

I. Ban Dân tộc Trung ương có chức năng làm tham mưu tổng hợp cho Trung ương Đảng về công tác dân tộc thiểu số. Ban có các nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu, tổng hợp các vấn đề dân tộc và công tác dân tộc; kiến nghị với Trung ương Đảng những vấn đề về chủ trương, chính sách đối với các dân tộc thiểu số.
2. Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách đối với các dân tộc thiểu số.
3. Kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về vấn đề dân tộc thiểu số ở các cấp uỷ đảng, các tổ chức chính quyền và các đoàn thể.
4. Làm công tác tổ chức cán bộ theo quy định của Trung ương. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu công

tác xây dựng đảng ở vùng dân tộc thiểu số và xây dựng chính sách đối với cán bộ dân tộc thiểu số.

5. Hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác dân tộc ở các ngành và bộ phận chuyên trách làm công tác dân tộc của các cấp uỷ địa phương.

II- TỔ CHỨC VÀ CÁCH LÀM VIỆC CỦA BAN

Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng, có trưởng ban và một số phó trưởng ban giúp việc. Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trung ương về toàn bộ công việc của Ban. Các phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban, đồng thời cùng trưởng ban chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về lĩnh vực công tác được phân công.

Bộ máy giúp việc của Ban gồm có:

- Vụ Kinh tế - đời sống.
 - Vụ Văn hoá, giáo dục, y tế.
 - Vụ Chính trị (gồm các lĩnh vực xây dựng đảng, chính quyền đoàn thể, cán bộ, an ninh, quốc phòng).
 - Văn phòng Ban (gồm có bộ phận nghiên cứu tổng hợp, phòng hành chính quản trị và phòng tổ chức cán bộ cơ quan).
- Biên chế của Ban phải gọn nhẹ, sắp xếp phù hợp với chức năng nhiệm vụ, coi trọng chất lượng: gồm những cán bộ có phẩm chất, có năng lực nghiên cứu, tổng hợp, có tinh thần đổi mới, có kiến thức về kinh tế - xã hội, có khả năng và kinh nghiệm công tác ở vùng dân tộc thiểu số, hiểu biết về công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đảng.

Ngoài số cán bộ trong biên chế, Ban được thực hiện chế

độ cộng tác viên để phục vụ công tác nghiên cứu, kiểm tra
theo yêu cầu của Ban.

Ban Dân tộc Trung ương bàn bạc thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương về biên chế và chế độ sử dụng cộng tác viên của Ban.

Ban quan hệ chặt chẽ với các ban của Trung ương Đảng, với Văn phòng Trung ương, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, với các cấp, các ngành để trao đổi những vấn đề có liên quan đến chính sách dân tộc.

Ban Dân tộc Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các ban khác của Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các ngành và các đoàn thể ở trung ương có nhiệm vụ thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho các quyết định và văn bản trước.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 21-TT/TW, ngày 26 tháng 8 năm 1988

Về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị

Trong cuộc họp ngày 23-8-1988, Ban Bí thư đã nghe báo cáo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động "làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội".

Ban Bí thư lưu ý các cấp, các ngành một số vấn đề:

1. Các tỉnh, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban, các bộ, ngành trung ương cần sơ kết cuộc vận động kiểm điểm rút kinh nghiệm việc chỉ đạo cuộc vận động trong thời gian qua, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của những đơn vị tiên tiến, vững mạnh đã làm tốt cuộc vận động. Thống nhất kế hoạch thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị với Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm, gắn chặt với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị, tập trung vào những nhiệm vụ cấp bách về kinh tế - xã hội, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, chống lạm phát. Cần định rõ chương trình hành động

chung thống nhất của từng ngành, từng địa phương, trong từng thời gian, có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng các ngành quan trọng như: các ngành nắm nhiều hàng hoá, vật tư, tiền tệ, các ngành công an, quân đội, hải quan, xuất nhập khẩu, giao thông vận tải... Các địa phương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Nam - Đà Nẵng và các địa bàn quan trọng khác.

2. Cần tiến hành đồng bộ các nội dung ghi trong Nghị quyết 04 và 05 (Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm). Phải thực hiện tốt cả yêu cầu "xây" và yêu cầu "chống", cả trong tổ chức đảng, trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội. Các ngành thuộc khối nội chính tập trung theo dõi, chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tiêu cực ngoài xã hội; Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp báo cáo với Ban Bí thư.

3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh, chính xác, dứt điểm các vụ tiêu cực lớn trong bộ máy đảng và nhà nước. Kiên quyết xử lý bọn đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp lớn ngoài xã hội, mà dư luận quần chúng quan tâm. Phê phán nghiêm khắc và xử lý nghiêm minh những cán bộ vô trách nhiệm, vi phạm các nguyên tắc quản lý kinh tế, tài chính, vi phạm kỷ luật, kỷ cương của Đảng, Nhà nước, gây ra những thiệt hại lớn. Qua mỗi vụ xử lý cần rút kinh nghiệm để giáo dục cán bộ, đảng viên, thông báo công khai trên báo, đài hoặc trong nội bộ. Kịp thời kiện toàn tổ chức, xây dựng các chế độ, quy chế làm việc, khắc phục các sơ hở trong công tác quản lý.

4. Về chỉ đạo, các cấp uỷ đảng, các ngành, các đoàn thể, trước hết là đồng chí bí thư, phó bí thư thường trực, đồng chí thủ trưởng phải trực tiếp chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, uốn nắn những lệch lạc; các bộ, ngành ở trung ương cần phối hợp chặt chẽ với các cấp uỷ địa phương trong việc giải quyết việc xảy ra ở cơ sở ngành mình phụ trách trong quá trình thực hiện, nhất là các vấn đề tổ chức, cán bộ. Các ban của Trung ương có trách nhiệm giúp Trung ương theo dõi

tổng hợp tình hình báo cáo với Ban Bí thư; các đồng chí Bí thư Trung ương phụ trách khối thường xuyên theo dõi chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 05 của Trung ương và Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị trong phạm vi khối. Ban Bí thư sẽ định thời gian nghe một số ngành và địa phương trực tiếp báo cáo.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 45-CT/TW, ngày 26 tháng 8 năm 1988

Về tổ chức kỷ niệm 10 năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô (1978-1988)

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô được ký đến nay tròn 10 năm (3-11-1978 - 3-11-1988). Năm nay Đảng và Nhà nước ta sẽ kỷ niệm trọng thể sự kiện quan trọng này nhằm khẳng định đường lối tiếp tục củng cố và tăng cường hơn nữa sự hợp tác toàn diện và tình hữu nghị giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước trong tình hình mới.

Đợt kỷ niệm này diễn ra vào dịp kỷ niệm 71 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại sẽ có những hoạt động chính như:

1. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Ngoại giao ta gửi điện mừng đến các đồng chí lãnh đạo Liên Xô.

- Các bộ, ngành, tỉnh, thành và đơn vị có quan hệ hoặc kết nghĩa với Liên Xô gửi điện mừng đến các cơ quan và đơn vị tương ứng của Liên Xô.

2. Tổ chức mít tinh trọng thể kỷ niệm ở Thủ đô Hà Nội và lễ đặt vòng hoa tại tượng đài Lenin.

3. Tổ chức tháng hữu nghị Việt - Xô từ 1 đến 30-11-1988 với những hoạt động thiết thực, bổ ích, tiết kiệm và đạt hiệu quả, nhằm giáo dục sâu rộng trong nhân dân ta ý nghĩa và lợi ích của tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô trong giai đoạn mới với tinh thần đổi mới của Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam và tinh thần của Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô. Các hình thức kỷ niệm như tổ chức mạng lưới báo cáo viên nói chuyện theo đề cương của Ban Tuyên huấn Trung ương, tổ chức đợt thi đua ngắn trong các đơn vị có chuyên gia Liên Xô hoặc đơn vị kết nghĩa để thúc đẩy hoàn thành kế hoạch cuối năm, tổ chức các hoạt động văn hoá, triển lãm, thể thao, phát hành tem, tranh cổ động...

Đài, báo viết xã luận, bài và tin về hợp tác hữu nghị với Liên Xô, tổ chức cầu truyền hình Việt - Xô, mời đại sứ Liên Xô phát biểu trên Đài phát thanh và truyền hình Trung ương...

3. Khẩu hiệu của đợt kỷ niệm:

- Nhiệt liệt chào mừng kỷ niệm 10 năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô!

- Tình đoàn kết, hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô muôn năm!

Ban Tuyên huấn Trung ương cùng với Ban Đối ngoại Trung ương và Bộ Ngoại giao có kế hoạch phối hợp với Bộ Thông tin, Bộ Văn hoá và các ngành có liên quan tổ chức đợt kỷ niệm này trong phạm vi cả nước phù hợp với tình hình hiện nay của đất nước ta.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

thông tri của ban bí thư số 21-tt/tw... 351

352 văn kiện đảng toàn tập

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 46-CT/TW, ngày 26 tháng 8 năm 1988

Về kỷ niệm 200 năm
Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789-1989)

Ngày 5 tháng Giêng năm Kỷ Tỵ, tức ngày 10-2-1989, toàn dân ta sẽ kỷ niệm tròn 200 năm Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa.

Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa mùa xuân năm Kỷ Dậu 1789 là một chiến công vĩ đại và hiển hách vào bậc nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, với chiến lược thần tốc, quyết thắng của thiên tài chính trị - quân sự Quang Trung, quân và dân ta đã đánh tan 29 vạn quân xâm lược, giải phóng Thăng Long, đập tan mưu đồ xâm lược nước ta của bọn phong kiến Mãn Thanh. Cùng với chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, Quang Trung và nhân dân ta đã đánh tan các thế lực phong kiến phản bội dân tộc, bước đầu thống nhất đất nước, bảo vệ nền độc lập, tự chủ của Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến đã nói "Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo,

Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng".

Hai trăm năm qua, chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa và tên tuổi, sự nghiệp Quang Trung vĩ đại đã trở thành tấm gương ngời sáng, tiêu biểu cho trí tuệ, nghệ thuật quân sự Việt Nam; tiêu biểu cho truyền thống yêu nước, tinh thần quật cường chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Để kỷ niệm trọng thể, thiết thực lần thứ 200 chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, Ban Bí thư yêu cầu các ngành, các cấp:

1. Mở một đợt tuyên truyền giáo dục rộng rãi trong nhân dân về chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, về sự nghiệp vẻ vang của Anh hùng dân tộc Quang Trung để phát huy truyền thống yêu nước, động viên toàn dân, toàn quân ra sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI, bảo vệ độc lập chủ quyền đất nước và từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

2. Các bảo tàng trung ương, các tỉnh có các di tích lịch sử liên quan đến chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa năm 1789, đến chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785, đến sự nghiệp giữ nước, dựng nước của phong trào Tây Sơn, đặc biệt là Anh hùng dân tộc Quang Trung, cần tiến hành nghiên cứu bảo vệ, tu sửa, tôn tạo, phát huy tác dụng di tích, nhất là ở Hà Nội - nơi diễn ra chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa và ở Nghĩa Bình - quê hương của phong trào Tây Sơn và của Quang Trung; các địa phương cần tiến hành sưu tầm tài liệu, hiện vật gốc về các vấn đề trên để bổ sung vào các bảo tàng,

nhà lưu niệm, nhà truyền thống. Các cơ quan truyền thông đại chúng, ngành văn hoá, văn nghệ, thông tin cần có kế hoạch cụ thể nhân dịp kỷ niệm sự kiện lịch sử trọng đại này.

3. Tổ chức lễ kỷ niệm trọng thể 200 năm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa tại Thủ đô và tỉnh Nghĩa Bình. Các tỉnh khác, căn cứ vào sự kiện và di tích lịch sử cụ thể có liên quan đến chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, phong trào Tây Sơn và Quang Trung có những hình thức kỷ niệm thích hợp.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 19-TT/TW, ngày 27 tháng 8 năm 1988

Về việc khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập

- Để khen thưởng kịp thời cho những cán bộ có thành tích trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Ban Bí thư quyết định phân cấp xét thưởng Huân chương Độc lập các hạng cho bộ, ban, ngành trung ương và cấp uỷ địa phương xét, đề nghị Hội đồng Nhà nước quyết định, sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương. Việc xét thưởng Huân chương Hồ Chí Minh vẫn do Ban Bí thư, Huân chương Sao vàng vẫn do Bộ Chính trị quyết định như hiện nay.
- Cho phép truy tặng Huân chương bậc cao cho những cán bộ đã từ trần có đủ tiêu chuẩn nhưng chưa được khen thưởng, giao cho Ban Tổ chức Trung ương nắm lại tình hình báo cáo Ban Bí thư quyết định mốc thời gian truy tặng.
- Những cán bộ được khen huân chương bậc cao trước khi có Thông tri số 38-TT/TW, ngày 25-10-1984 của Ban Bí thư,

nay đối chiếu với tiêu chuẩn quy định thấy mức khen chưa thoả đáng thì cho phép điều chỉnh. Những cán bộ được khen sau khi có thông tri của Ban Bí thư chỉ điều chỉnh mức khen đối với các trường hợp đặc biệt.

Ban Tổ chức Trung ương, Viện Khen thưởng và thi đua hướng dẫn thực hiện Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 22-TT/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1988

Về điều tra, khảo sát tình hình nông thôn

Trải qua các thời kỳ chiến đấu và xây dựng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình hình nông thôn nước ta đã có những biến đổi sâu sắc. Những thành tựu đạt được trên nhiều mặt là to lớn. Song, tình hình vẫn còn nhiều khó khăn và còn nhiều vấn đề phức tạp cần được giải quyết để phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của hàng chục triệu người đang sống và lao động ở nông thôn.

Để góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện do Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã đề ra và thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý nông nghiệp, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định tiến hành cuộc điều tra, khảo sát tình hình nông thôn.

1. *Mục đích, yêu cầu* của cuộc điều tra, khảo sát là: Đánh giá đúng đắn tình hình kinh tế - xã hội của nông thôn nước ta, làm cơ sở cho việc tiếp tục xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung điều tra, khảo sát:

- Đánh giá đúng đắn diễn biến và thực trạng kinh tế, văn hoá, chính trị, tư tưởng, tâm lý, đời sống và nếp sống của các tầng lớp dân cư ở từng vùng nông thôn.

- Làm rõ các mối quan hệ giữa Nhà nước và nông dân. Đánh giá thực chất quan hệ công - nông liên minh thông qua việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước đối với nông dân; đánh giá khả năng đưa công nghiệp vào nông nghiệp và nông thôn.

- Đánh giá tình hình thực hiện dân chủ hoá, công khai hoá, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở nông thôn; sự tín nhiệm của dân đối với cán bộ xã, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã.

3. Tổ chức thực hiện:

- Cuộc điều tra, khảo sát bắt đầu từ quý IV - 1988 đến hết năm 1989, chia ra nhiều bước.

- Đồng chí Bí thư Trung ương Đảng phụ trách về nông nghiệp làm Trưởng ban chỉ đạo cuộc điều tra, khảo sát gồm đại diện các cơ quan, ngành, đoàn thể (cấp trưởng hoặc phó): Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Học viện Nguyễn Ái Quốc, Viện Mác - Lênin, Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thủy sản, Tổng cục Thống kê, Tổng cục Quản lý ruộng đất, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hoá, Hội Nông dân Việt Nam. Ban Nông nghiệp Trung ương làm thường trực Ban chỉ đạo.

- Ban chỉ đạo Trung ương trực tiếp chỉ đạo việc điều tra, khảo sát, nghiên cứu tại một số điểm tiêu biểu cho các vùng (lấy huyện làm điểm) thuộc các tỉnh và thành phố: Hà Nội, Hải Hưng, Sơn La, Vĩnh Phú, Quảng Nam - Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đồng Nai và Hậu Giang. Các tỉnh và thành phố này có trách nhiệm cùng Ban chỉ đạo Trung ương lựa chọn huyện điểm, cử một số cán bộ am hiểu nông thôn, nắm vững quan

điểm đổi mới của Đảng về nông nghiệp cùng với cán bộ Trung ương (do Ban chỉ đạo Trung ương trưng tập từ các cơ quan, ngành, đoàn thể ở Trung ương) lập thành tổ công tác về huyện điểm thực hiện cuộc điều tra, khảo sát, nghiên cứu. Số cán bộ này phải được bồi dưỡng về quan điểm mới của Đảng, về mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và nghiệp vụ khảo sát nghiên cứu.

- Căn cứ vào nội dung, phương pháp và kế hoạch do Ban chỉ đạo Trung ương hướng dẫn, các tỉnh, thành phố trong cả nước cần có kế hoạch chọn điểm để tự tổ chức khảo sát nghiên cứu và báo cáo kết quả về Ban chỉ đạo Trung ương.

- Ban chỉ đạo Trung ương phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương lập dự trù kinh phí cho cuộc điều tra, khảo sát nghiên cứu (phần ở trung ương), theo tinh thần tiết kiệm.

- Ban Nông nghiệp Trung ương lựa chọn cán bộ tham gia và dự kiến Ban chỉ đạo Trung ương cuộc khảo sát nghiên cứu này trình Thường trực Ban Bí thư duyệt. Ban chỉ đạo Trung ương làm tốt công tác chuẩn bị kế hoạch toàn diện.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 47-CT/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1988

**Về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách
về ruộng đất**

I- MỘT SỐ TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT

Tình hình ruộng đất ở các vùng trong cả nước ta trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, diễn biến phức tạp, có nơi xáo trộn lớn. Từ sau ngày giải phóng miền Nam, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chính sách quan trọng về ruộng đất. Tuy nhiên, ở một số vùng nông thôn còn nhiều vấn đề phức tạp về ruộng đất phải tiếp tục giải quyết. Hiện nay ở một số địa phương, nhất là ở miền Tây và miền Đông Nam Bộ, một số nông dân đang đòi lại ruộng đất cũ, có nơi xảy ra những vụ tranh chấp gay gắt.

Những ruộng đất nông dân đòi lại phổ biến là: ruộng đất đã qua mấy lần điều chỉnh, ruộng đất bị cắt bớt và bị "xáo canh" khi thực hiện khoán sản phẩm; ruộng đất xâm canh, bị cắt; ruộng đất do lâm trường, nông trường và đơn vị quân đội quản lý nhưng không sử dụng hết, trong đó có cả ruộng đất của nông dân trước đây đã khai phá; ruộng đất do một số cán bộ, đảng viên chiếm vì tư lợi. Ở trung du, miền núi có sự

tranh chấp ruộng đất giữa đồng bào dân tộc tại chỗ với đồng bào các địa phương khác đến sản xuất và khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới. Ngoài ra, còn có tranh chấp giữa đất trồng lúa với đất nuôi tôm; giữa đất trồng cao su với đất trồng cây tiêu, cà phê, cây điều; đất hương hỏa, đất thổ cư... Sở dĩ có tình hình nói trên là do:

1. Sau ngày giải phóng miền Nam, Chỉ thị Bộ Chính trị số 57-CT/TW, ngày 15-11-1978, các Chỉ thị Ban Bí thư số 19-CT/TW, ngày 3-5-1983 và số 100-CT/TW, ngày 13-1-1981 đã đề ra những chủ trương đúng: xoá bỏ các hình thức bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn và tàn dư bóc lột phong kiến, tịch thu ruộng đất của ngụy quân, ngụy quyền và tay sai ác ôn đem chia cho nông dân, điều chỉnh ruộng đất vượt quá mức lao động của những hộ trung nông lớp trên nhường cho các gia đình bản nông, trung nông nghèo và gia đình thương binh, liệt sĩ theo tinh thần "nhường cơm, sẻ áo" trong nội bộ nông dân lao động, giao ruộng khoán đến hộ và người lao động.

Nhưng trong các chỉ thị nói trên, nhất là trong Chỉ thị Ban Bí thư số 19-CT/TW, ngày 3-5-1983 về hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ *đã có những điểm không đúng* như: Chủ trương "chia cấp đất cho những hộ nông dân chưa có hoặc thiếu ruộng đất, tính theo bình quân nhân khẩu của xã"; "ở những nơi đã điều chỉnh ruộng đất song còn chênh lệch ít nhiều về ruộng đất trong nội bộ nông dân thì kết hợp với xây dựng tập đoàn và thực hiện khoán sản phẩm để giải quyết tiếp", đã dẫn đến tình trạng "xáo canh", "cào bằng" về ruộng đất ở nông thôn, gây xáo động lớn về ruộng đất đối với nhiều hộ nông dân. Chủ trương chia ruộng đất cho cả các hộ làm nghề buôn bán hoặc đã có ngành nghề khác, không xem xét khả năng sản xuất nông nghiệp của mỗi hộ đã làm cho những hộ nông dân có khả năng sản xuất nông sản hàng hoá thiếu ruộng đất để sản xuất.

Do đó, nền sản xuất nông sản hàng hoá ở nông thôn Nam Bộ trước đó đã phát triển một bước, nay giảm sút. Các hộ nông dân nghèo hoặc các hộ không quen làm nghề nông được chia cấp ruộng đất nhưng thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm nên sản xuất kém hiệu quả và Nhà nước chưa đủ điều kiện để đầu tư tiếp sức cho nông dân. Trong khi đó, lợi dụng chủ trương điều chỉnh ruộng đất, một số đảng viên, cán bộ dựa vào chức quyền chiếm dụng ruộng đất trái phép. Một số cơ quan, đơn vị chiếm nhiều ruộng đất nhưng dùng không hết, nông dân đã nhiều lần đòi lại nhưng chưa được giải quyết, nông dân rất thất vọng.

2. Khi xây dựng các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp, một số nơi nóng vội, gò ép, chưa thật sự tôn trọng nguyên tắc để nông dân tự nguyện tham gia; chưa chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, nhất là về cán bộ; chưa xác định nội dung, bước đi, hình thức phù hợp. Thêm vào đó, cơ chế quản lý và chính sách của Đảng, Nhà nước trước đây chưa thật sự khuyến khích nông dân và sản xuất nông nghiệp, dẫn đến tình trạng nhiều tập đoàn sản xuất, hợp tác xã làm ăn kém hiệu quả, đời sống nông dân khó khăn.

3. Một số cấp uỷ đảng và cấp chính quyền giải quyết việc tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân còn chậm; Nhà nước chậm ra những văn bản cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, (nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (Khoá VI). Nhiều nơi chưa kịp thời uốn nắn những nhận thức không đúng trong cán bộ và nông dân về chính sách ruộng đất. Một số cơ sở, địa phương, khi giải quyết kiến nghị của nông dân còn thiên về biện pháp mệnh lệnh, hành chính.

4. Gần đây, được tiếp thu Luật đất đai, Nghị quyết 10 Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng (Khoá VI), đối chiếu với thực tế, nông dân biết được nhiều việc làm sai trái, không đúng với chính sách về quản lý và sử dụng ruộng đất của một số cấp uỷ đảng và cấp chính

quyền, nên đã có những đòi hỏi giải quyết vấn đề ruộng đất theo đúng những chính sách mới của Đảng và Nhà nước.

II- PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT

Các cấp uỷ đảng phải nghiên cứu kỹ và chấp hành đúng Luật đất đai và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, vận dụng cho phù hợp với hoàn cảnh và đặc điểm cụ thể của địa phương.

Tư tưởng chỉ đạo là:

1. Bảo đảm phát triển sản xuất nông sản, hàng hoá, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nông dân, phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ trong nội bộ nông dân lao động và tăng cường khối liên minh công - nông, làm cho tình hình ruộng đất sớm ổn định và nông dân yên tâm, phấn khởi sản xuất.

2. Giải quyết vấn đề ruộng đất gắn với việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VI), làm trong sạch, nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn.

Những cán bộ, đảng viên chiếm dụng ruộng đất trái phép, chiếm ruộng đất tốt và gần nhà, đưa ruộng đất xấu và xa nhà cho nông dân thì phải sửa sai ngay; tùy theo mức độ sai lầm của từng trường hợp mà xử lý kỷ luật nghiêm minh.

3. Phải làm cho cán bộ, đảng viên thông suốt với các chủ trương, chính sách của Đảng về ruộng đất, khắc phục những điều bất hợp lý do một số cán bộ, đảng viên gây ra, làm gương cho nông dân giải quyết những vấn đề phức tạp về ruộng đất trong nội bộ nông dân lao động.

III- NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP

Ruộng đất là một vấn đề khó khăn và phức tạp, khi giải quyết phải *theo đúng nguyên tắc*:

- *Không giữ rồi, không dỡ ra toàn bộ mọi vấn đề, mọi trường hợp* đòi lại và tranh chấp về ruộng đất để xử lý (trong nội bộ nông dân hoặc giữa nông dân với các tổ chức kinh tế quốc doanh và cơ quan, đơn vị của Nhà nước). Chỉ xem xét và giải quyết từng trường hợp cụ thể một cách thấu đáo, thận trọng.

- Trên cơ sở quán triệt các chính sách của Đảng và Nhà nước về ruộng đất, điều tra, nắm chắc tình hình ruộng đất và các hộ sử dụng ruộng đất ở địa phương, cấp uỷ đảng và cấp chính quyền cơ sở *phải dựa vào dân, bàn bạc dân chủ, công khai với nông dân để giải quyết các vấn đề về ruộng đất*, giáo dục, giải thích, thuyết phục nông dân, giải quyết có lý, có tình, không gò ép, mệnh lệnh, không được ức hiếp hoặc có hành vi thô bạo với nông dân, bảo đảm tăng cường đoàn kết trong nội bộ nông dân lao động, ổn định sinh hoạt trong nông thôn.

- Đối với những trường hợp vi phạm Luật đất đai và ngang ngược chiếm đất của người khác, tuy đã được giải thích, thuyết phục nhiều lần nhưng không tự giác chấp hành, cũng như đối với những trường hợp khi tranh chấp ruộng đất đã vi phạm luật pháp Nhà nước thì *phải dùng biện pháp hành chính hoặc luật pháp để xử lý*.

- Gắn việc giải quyết vấn đề ruộng đất với *tổ chức lại sản xuất, bố trí lại cơ cấu sản xuất hàng hoá* theo hướng thâm canh, tăng vụ, kinh doanh tổng hợp, mở mang ngành nghề, *phân bố lại lao động, dân cư* phù hợp với đặc điểm và quy hoạch của từng địa phương, xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, làm cho nông dân có đủ việc làm, phát triển sản xuất và sử dụng ruộng đất ngày càng có hiệu quả kinh tế cao.

Những chủ trương, biện pháp chủ yếu:

1. Giải quyết những việc tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân và các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã phải *dựa vào đơn vị kinh tế tập thể (tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông*

ngiệp) và dựa vào nông dân, lấy dân làm gốc, trên cơ sở điều tra, nắm chắc tình hình ruộng đất ở địa phương, bàn bạc dân chủ, công khai với nông dân ở cơ sở, giáo dục, thuyết phục, động viên đoàn kết và tương trợ trong nội bộ nông dân. Đối với những hộ hiện nay sống bằng các nghề buôn bán, lao động tự do, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp hoặc dịch vụ nông nghiệp trước đây đã được chia ruộng đất, song sử dụng ruộng đất kém hiệu quả hoặc không lao động sản xuất lại thuê người khác làm, thì nay cần động viên họ *giao lại ruộng đất cho tập thể* và họ được bồi hoàn giá trị sản phẩm đang trồng trên đất đai đó, công sức họ đã bỏ ra để tăng thêm độ màu mỡ của đất so với khi nhận ruộng khoán của tập thể.

Số ruộng đất nói trên cùng với những ruộng đất khác do cá nhân, cơ quan, đơn vị chiếm dụng trái phép hoặc bao giữ quá mức đã được thu hồi, ruộng đất hoang hoá, bãi bồi... hợp thành *quỹ ruộng đất để giao thêm cho các hộ có khả năng và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp nhưng thiếu ruộng đất để sản xuất*.

Đối với những hộ khi điều chỉnh lần thứ hai theo Chỉ thị của Ban Bí thư số 19-CT/TW, ngày 3-5-1983 và thực hiện việc giao ruộng khoán theo Chỉ thị Ban Bí thư số 100-CT/TW, ngày 13-1-1981, *ruộng đất đã bị cắt bớt và bị "xáo canh"*, nay *thật sự thiếu đất để sản xuất* và yêu cầu xin lại ruộng cũ thì cấp chính quyền địa phương bàn bạc với nông dân để xem xét, giải quyết từng trường hợp cụ thể nhưng nói chung không xáo trộn lại ruộng đất ở địa phương.

Đối với ruộng đất của những gia đình thương binh, liệt sĩ, chiến sĩ, gia đình có công với cách mạng, giải quyết theo đúng chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm đời sống của các gia đình đó.

Đối với những người đã thoát ly nông thôn làm các ngành nghề hoặc công tác trong các cơ quan nhà nước, ruộng đất của họ đã được chia cấp cho nông dân thì nay họ không được đòi lại, trừ trường hợp thật đặc biệt do chính quyền và nhân dân địa phương xem xét.

2. *Đối với ruộng đất xâm canh*

Đối với nông dân ở nơi cư trú không có ruộng đất phải đi đến nơi khác sản xuất, *nguyên tắc chung là không được cắt ruộng đất xâm canh.*

Những người xâm canh ở nơi khác nếu sau khi bị cắt bớt ruộng đất mà đời sống hiện nay đã ổn định do đã có ruộng đất ở nơi cư trú hoặc đã có ngành nghề khác để sinh sống thì không được đòi lại ruộng đất đã bị cắt; những người được cấp ruộng đất xâm canh đúng đối tượng và sản xuất đã ổn định thì giữ nguyên hiện trạng. Những người bị cắt ruộng đất xâm canh, đời sống đang khó khăn, nhưng ruộng đất bị cắt đã giao cho người khác thì vận động, thuyết phục họ nhận đất mới; nếu ở địa phương quá thiếu ruộng đất, quỹ ruộng đất không còn thì vận động thực hiện "nhường cơm, sẻ áo" trong nội bộ nông dân.

Đối với những ruộng đất cắt từ các hộ xâm canh đã giao lại cho nông dân sở tại phù hợp với khả năng sản xuất của họ thì giữ nguyên hiện trạng.

3. *Đối với những vụ tranh chấp ruộng đất giữa nông dân địa phương với các tổ chức kinh tế nhà nước* (nông trường, lâm trường, cơ quan, đơn vị của Nhà nước nói chung) phải giải quyết theo đúng tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị.

- *Đối với những khu vực rộng lớn* (như miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và một số vùng khác) *trước đây quy hoạch phân bố đất đai không hợp lý* (giữa các tổ chức kinh tế trung ương và địa phương, giữa quốc doanh, tập thể và các thành phần kinh tế khác), hoặc xác định phương hướng sản xuất và phân bố cây trồng, vật nuôi chưa phù hợp, đang có hiện tượng tranh

chấp giữa các cây, con thì Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các ngành có liên quan phối hợp với địa phương kiểm tra và quy hoạch lại để có thêm đất đai cho nông dân sở tại sản xuất.

- *Những khu doanh trại, căn cứ quân sự và các đất đai khác do quân đội đang quản lý* phải quy hoạch lại để sử dụng đất đai một cách hợp lý, số diện tích đất đai dôi ra phải giao cho địa phương cấp cho nông dân.

4. *Đối với ruộng đất chiếm dụng trái phép hoặc sử dụng quá nhiều, không hợp lý*

- Ruộng đất do các cá nhân (bao gồm cả cán bộ, đảng viên) chiếm dụng trái phép dưới các hình thức (như đổi ruộng xấu và xa nhà lấy ruộng tốt và gần nhà, sử dụng ruộng đất dôi ra sau điều chỉnh ruộng đất vì lợi ích riêng...) đều phải được thu hồi.

- Những cá nhân bao giữ ruộng đất hoang hoá, bãi bồi quá nhiều, không hợp lý, sử dụng không hết và kém hiệu quả, phải trả bớt cho địa phương để chia cấp cho nông dân.

5. *Đối với những vụ tranh chấp ruộng đất giữa đồng bào đến xây dựng vùng kinh tế mới với đồng bào dân tộc địa phương*

- Phải căn cứ vào quy hoạch từng vùng để giải quyết đất ruộng, đất rừng cho đồng bào dân tộc sở tại sản xuất, kết hợp mở rộng khai hoang ở những nơi có điều kiện để tạo đủ công ăn việc làm thực hiện định canh, định cư.

- Cần giáo dục, vận động, thuyết phục đồng bào dân tộc sở tại "nhường cơm, sẻ áo", giúp đỡ lẫn nhau đối với đồng bào nơi khác đến, đang sinh sống và sản xuất xen ghép với đồng bào dân tộc địa phương, đồng thời các nông trường, lâm trường cần có kế hoạch giao bớt đất ruộng, đất rừng không sử dụng hết cho nhân dân sản xuất hoặc thu hút đồng bào vào sản xuất trong nông trường, lâm trường theo những hình thức thích hợp.

6. *Đối với ruộng đất do xoá bỏ tàn dư bóc lột phong kiến của phú nông, tư sản nông thôn, do tịch thu, trưng thu của các loại phản động và ruộng đất hiện qua các thời kỳ cách mạng,*

đã được chia cấp cho nông dân thì không trả lại. Nếu đời sống họ khó khăn, không có ruộng sản xuất thì giải quyết như mọi công dân khác.

7. *Các vụ tranh chấp ruộng đất hương hỏa, thổ cư...* phải căn cứ vào Luật đất đai để xử lý hành chính hoặc theo pháp luật.

8. *Gắn việc giải quyết vấn đề ruộng đất hiện nay với việc phát triển vùng kinh tế mới* ở các địa phương trung du, miền núi và vùng đồng bằng còn nhiều ruộng đất hoang hoá (như Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên và một số vùng khác...) với những phương hướng khai thác, sử dụng ruộng đất hợp lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đưa lại hiệu quả kinh tế nhanh và cao, có chính sách đầu tư hỗ trợ của Nhà nước.

*
* *

Trên đây là một số chủ trương, biện pháp chủ yếu để giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất. Nhưng mỗi địa phương, mỗi cơ sở sản xuất nông nghiệp đều có những đặc điểm, hoàn cảnh và điều kiện cụ thể khác nhau, rất đa dạng và rất phức tạp, nên việc chỉ đạo phải hết sức sâu sát từng trường hợp, từng địa phương, cơ sở thì mới ổn định được tình hình trong nông dân và nông thôn.

IV- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO

1. Giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất là một *công tác đột xuất* ở một số địa phương cần được các cấp uỷ đảng tập trung chỉ đạo đúng mức, gắn công tác này với việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, gắn với việc xây dựng và củng cố các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm, phân công lao động theo hướng sản xuất nông sản hàng hoá.

2. *Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Tổng cục quản lý ruộng đất phối hợp chặt chẽ với Ban Nông nghiệp Trung ương và Hội Nông dân Việt Nam thảo luận và ban hành ngay những văn bản pháp quy* cụ thể hoá Luật đất đai và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, làm cơ sở pháp lý cho nông dân, các cơ sở và địa phương thực hiện; cử cán bộ về các vùng trọng điểm hướng dẫn thực hiện các văn bản của Nhà nước về chính sách giải quyết các vấn đề về ruộng đất.

3. *Các ngành và các đoàn thể quần chúng, nhất là Hội Nông dân Việt Nam*, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, cùng với chính quyền các cấp giải quyết tốt vấn đề ruộng đất và xử lý thoả đáng các vụ tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân.

4. *Tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, đảng uỷ và chi uỷ ở xã là những cấp trực tiếp* chỉ đạo giải quyết vấn đề ruộng đất (cũng như các vấn đề thuyền, lưới, rừng, v.v. của nông dân, ngư dân) ở địa phương. Cần chú ý:

- Vấn đề ruộng đất (cũng như các vấn đề thuyền, lưới, rừng, v.v. phải được *giải quyết cụ thể tại chỗ, tại tập đoàn sản xuất và hợp tác xã bằng nhiều biện pháp*: kinh tế, hành chính và pháp luật, lấy biện pháp vận động, thuyết phục và giải quyết lợi ích kinh tế của người lao động là chủ yếu, trên cơ sở bàn bạc thật sự dân chủ, công khai giữa quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự hướng dẫn của Hội Nông dân, của Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ ở nông thôn.

Tỉnh, thành phố cùng với cơ sở, xã, huyện phải luôn luôn nắm chắc tình hình ruộng đất, *giải quyết tại chỗ kịp thời*, tích cực, đúng đắn nguyện vọng của nông dân, không để ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và đời sống của người lao động.

- Có sự phân công cụ thể giữa cơ sở, huyện và tỉnh để chỉ đạo rút kinh nghiệm, tổ chức tập huấn cán bộ và đưa cán bộ về *giúp cơ sở, nhất là những cơ sở có nhiều trường hợp đòi lại và*

tranh chấp ruộng đất cũng như có nhiều vụ việc khác liên quan đến sản xuất, đến đời sống của nông dân và nông thôn.

5. *Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu* chấp hành nghiêm chỉnh chính sách ruộng đất của Đảng và Nhà nước; xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên chiếm dụng trái phép ruộng đất và phải thu hồi số ruộng đất đó.

6. Cần xử lý hành chính hoặc hình sự *đối với những trường hợp ngang ngược chiếm đất của người khác*, cố tình không tuân theo luật pháp của Nhà nước và *đối với những kẻ lợi dụng tình hình phức tạp về ruộng đất để gây rối*, phá hoại trật tự và an toàn xã hội.

7. *Các cơ quan thông tin đại chúng, các đài, báo* có nhiệm vụ tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề ruộng đất, những điển hình tốt về giải

quyết ruộng đất ở xã, huyện, tỉnh. Khi đề cập những việc liên quan đến tình hình sản xuất, quan hệ sản xuất và đời sống ở nông thôn phải đi sâu, nắm chắc tình hình, hiểu rõ quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm phản ánh chính xác và trung thực.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ thường xuyên báo cáo Ban Bí thư kết quả giải quyết những vấn đề về ruộng đất ở địa phương mình.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 64-QC/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1988

Về quản lý cán bộ, nhân viên ngành Cơ yếu Việt Nam

Công tác cơ yếu là công tác khoa học kỹ thuật, cơ mật đặc biệt, luôn gắn liền với sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy của Đảng, Nhà nước, quân đội, công an được tổ chức thành một ngành hoàn chỉnh có quy chế quản lý thống nhất về mọi mặt từ trung ương đến cơ sở.

I- NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1: Công tác tổ chức, công tác cán bộ của ngành Cơ yếu do Ban Bí thư Trung ương lãnh đạo quản lý thống nhất.

- Những vấn đề thuộc về đường lối, chủ trương và chính sách, về công tác cán bộ do Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định.

- Ban Cơ yếu Trung ương chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp đội ngũ cán bộ, nhân viên cơ yếu trong cả nước theo quy chế của Trung ương.

- Cấp uỷ, thủ trưởng cơ quan sử dụng cơ yếu chịu trách nhiệm quản lý cán bộ, nhân viên thuộc quyền và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ theo quy định của Trung ương và hướng dẫn của Ban Cơ yếu Trung ương.

Điều 2: Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan cơ yếu và cơ quan sử dụng cơ yếu các cấp trong công tác quản lý cán bộ, nhân viên cơ yếu. Khi quyết định hoặc đề nghị với Trung ương quyết định những chủ trương chính sách lớn về công tác tổ chức, công tác cán bộ cơ yếu, Ban Cơ yếu Trung ương cần trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, các ban, ngành và địa phương có sử dụng cơ yếu và các cơ quan chức năng có liên quan.

Điều 3: Việc bố trí, sắp xếp, đề bạt, khen thưởng cán bộ, nhân viên cơ yếu do cấp uỷ, thủ trưởng có sử dụng cơ yếu quyết định theo sự phân công quản lý cán bộ cơ yếu của Trung ương.

Điều 4: Việc cho cán bộ, nhân viên cơ yếu thôi làm công tác cơ yếu do cấp uỷ, lãnh đạo các ban, ngành có sử dụng cơ yếu quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Ban Cơ yếu Trung ương.

II- NỘI DUNG QUẢN LÝ VÀ TIÊU CHUẨN CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

1. Quản lý đội ngũ cán bộ, nhân viên

Điều 5: Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị của ngành Cơ yếu và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên cơ yếu, Ban Cơ yếu Trung ương nghiên cứu đề xuất những chủ trương, biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên cơ yếu để Ban Bí thư xem xét và quyết định.

Ban Cơ yếu Trung ương thường xuyên nắm chắc về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên toàn ngành cơ yếu,

định kỳ báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

Điều 6: Cấp uỷ, thủ trưởng các ngành có tổ chức hệ thống cơ yếu có trách nhiệm đề xuất với Ban Cơ yếu Trung ương yêu cầu về xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên cơ yếu ngành mình để Ban Cơ yếu Trung ương có kế hoạch thống nhất đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn ngành cơ yếu.

Điều 7: Ban Cơ yếu Trung ương lập kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo cán bộ cơ yếu đáp ứng yêu cầu cho cả nước; biên soạn giáo trình, giáo khoa chuyên ngành, quy định chương trình tài liệu, thời gian đào tạo cơ bản tại trường và huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ tại chức cho cán bộ, nhân viên toàn ngành cơ yếu.

Điều 8: Việc tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên cơ yếu do cơ quan cơ yếu các cấp phụ trách và có trách nhiệm báo cáo chương trình, thời gian học tập cho cấp uỷ, thủ trưởng cơ quan sử dụng cơ yếu biết.

Việc giáo dục chính trị, tư tưởng, thời sự, chính sách, văn hoá thường xuyên cho cán bộ, nhân viên cơ yếu do cấp uỷ và thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng cơ yếu phụ trách.

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn người làm công tác cơ yếu

Điều 9: - Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có triển vọng kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Cán bộ, nhân viên cơ yếu ngoài tiêu chuẩn nói chung phải là người rất trung thực, tuyệt đối giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước, bảo đảm tuyệt đối tin cậy về chính trị, có phẩm chất, đạo đức cách mạng tốt, có năng lực chuyên môn thành thạo, có sức khỏe, có điều kiện và tự nguyện phục vụ lâu dài.

- Lịch sử chính trị rõ ràng, không có quan hệ với người trong tổ chức đảng phái phản động, phản tử xấu và những người đang sinh sống ở nước tư bản, đế quốc.

- Tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên, có năng khiếu của người làm công tác cơ yếu.

3. Điều động, đề bạt, xếp lương và chuyển ngành cán bộ, nhân viên cơ yếu.

Điều 10: - Điều động cán bộ cấp cục và tương đương do cấp uỷ, thủ trưởng của ngành có sử dụng cơ yếu và quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Ban Cơ yếu Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương.

- Điều động cán bộ cấp phòng và tương đương ở ngành nào thì do Cục trưởng Cục Cơ yếu ngành đó đề xuất với thủ trưởng cơ quan sử dụng cơ yếu quyết định và thông báo cho Ban Cơ yếu Trung ương biết.

- Việc điều động cán bộ, nhân viên trong nội bộ ngành Cơ yếu do cán bộ phụ trách cơ yếu đề xuất, thủ trưởng cơ quan đơn vị sử dụng cơ yếu quyết định và thông báo cho Cục Cơ yếu thuộc ngành đó biết.

- Thực hiện định kỳ điều động thay phiên đối với cán bộ, nhân viên cơ yếu công tác ở những vùng tình hình an ninh chính trị phức tạp.

Điều 11: Việc đề bạt, bổ nhiệm chức vụ, nâng lương cán bộ, nhân viên cơ yếu thuộc cấp nào, ngành nào sử dụng do cấp uỷ, thủ trưởng ngành đó xét đề nghị hoặc ra quyết định theo sự phân công quản lý cán bộ, nhân viên cơ yếu sau khi trao đổi với cán bộ phụ trách cơ yếu cấp mình.

Riêng đối với cán bộ cấp cục, cấp phòng và tương đương thì trước khi ra quyết định cần trao đổi thống nhất ý kiến với lãnh đạo Ban Cơ yếu Trung ương (nếu là cấp cục) và với Cục trưởng Cục Cơ yếu các ngành (nếu là cấp phòng).

Điều 12: Việc xếp lương cho học sinh cơ yếu tốt nghiệp ra trường thi hành theo quy chế của Nhà nước đối với học sinh của ngành Cơ yếu.

Điều 13: Theo định kỳ hoặc đột xuất, Ban Cơ yếu Trung ương và Cục Cơ yếu các ngành tổ chức kiểm tra đánh giá

tình hình đội ngũ cán bộ, nhân viên cơ yếu trong toàn ngành theo phân công, phân cấp quản lý. Trước khi tiến hành kiểm tra phải có sự trao đổi thống nhất nội dung với cấp uỷ, thủ trưởng nơi đến kiểm tra.

4. Cán bộ, nhân viên cơ yếu công tác ở nước ngoài

Điều 14: Tất cả cán bộ, nhân viên cơ yếu được cử đi công tác nước ngoài đều phải có sự thống nhất giữa Ban Cơ yếu Trung ương với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có tổ chức cơ yếu ở nước ngoài.

Điều 15: Cán bộ, nhân viên cơ yếu công tác ở nước ngoài chịu sự quản lý về mọi mặt công tác và sinh hoạt của cấp uỷ đảng và đồng chí đại sứ, thủ trưởng cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước đó và chịu sự quản lý chỉ đạo về công tác chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật mật mã của cơ quan cơ yếu cấp trên.

Điều 16: Cán bộ, nhân viên cơ yếu công tác ở nước ngoài có thể làm thêm một số công việc như văn thư, đánh máy, bảo mật nếu có điều kiện, nhưng không ảnh hưởng đến công tác cơ yếu. Không được quan hệ tiếp xúc với người nước ngoài ở nước sở tại, không làm các công việc tiếp khách, phiên dịch, tài chính, vật tư, mua bán... Không dự các cuộc họp mặt chiêu đãi người nước ngoài. Không quan hệ với Việt kiều và cán bộ, học sinh của ta dù là người thân đang làm việc, học tập ở nước ngoài khi chưa được phép của đồng chí đại sứ, thủ trưởng cơ quan của ta ở nước ngoài.

Điều 17: Cán bộ, nhân viên cơ yếu công tác ở nước ngoài khi có việc ra khỏi đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện của ta ở nước đó kể cả trường hợp quá cảnh để đi qua một nước khác thì phải báo cáo cho người phụ trách biết rõ lý do, địa điểm, thời gian đi và về, và ít nhất phải đi từ hai người trở lên,

tuyệt đối không được đi một mình. Cán bộ, nhân viên công tác ở các nước tư bản, đế quốc thì hết sức hạn chế đi ra ngoài, khi thật cần thiết phải ra ngoài, bí thư đảng uỷ hay thủ trưởng phải cử người đi cùng để bảo vệ. Cấm cán bộ, nhân viên cơ yếu mang tài liệu và luật mật mã ra khỏi đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện nước ta ở nước ngoài, nếu do yêu cầu nhiệm vụ phải mang ra ngoài thì phải báo cáo với lãnh đạo đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện để tổ chức bảo vệ được an toàn bí mật.

Điều 18: Không được cử cán bộ, nhân viên cơ yếu đang công tác ở các cơ quan lãnh đạo chủ chốt ở Trung ương đi làm cơ yếu tại đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện của ta tại các nước tư bản, đế quốc, không cử cán bộ, nhân viên cơ yếu đang trực tiếp làm công tác nghiên cứu và sử dụng kỹ thuật mật mã đi lao động, học nghề ở nước ngoài.

- Mỗi cán bộ, nhân viên cơ yếu chỉ được đi một nhiệm kỳ ở một nước tư bản, đế quốc.

Điều 19: Trường hợp cán bộ, nhân viên cơ yếu phục vụ đoàn đại biểu của ta đi nước ngoài thì mọi thẩm quyền nói ở Điều 15, 16, 17 trên đây do đồng chí trưởng đoàn quyết định.

5. Quan hệ xã hội, gia đình và công tác quản lý hồ sơ của cán bộ, nhân viên cơ yếu

Điều 20: Cán bộ, nhân viên cơ yếu không tự ý quan hệ với các tổ chức quốc tế, với người nước ngoài, khi được giao nhiệm vụ quan hệ với tổ chức hoặc người nước ngoài thì phải chấp hành nghiêm túc các quy định của thủ trưởng có thẩm quyền.

Điều 21: Mọi cán bộ, nhân viên cơ yếu khi tình hình gia đình, bản thân và quan hệ xã hội có những thay đổi thì phải báo cáo đầy đủ, rõ ràng và kịp thời với đồng chí phụ trách cơ yếu và cấp uỷ, thủ trưởng sử dụng cơ yếu.

Điều 22: Cơ quan cơ yếu các cấp phải có đầy đủ hồ sơ cán bộ, nhân viên và lưu giữ quản lý chặt chẽ theo chế độ phân cấp quản lý.

6. Những người không được trực tiếp làm công tác khoa học kỹ thuật mật mã và chuyên môn nghiệp vụ cơ yếu, những người buộc phải ra khỏi ngành Cơ yếu

Điều 23: Những người không được đào tạo, bồi dưỡng về khoa học kỹ thuật mật mã nghiệp vụ cơ yếu: đang công tác mà bị khai trừ ra khỏi Đảng, khỏi Đoàn.

Điều 24: Những người khi phát hiện phạm một trong những điểm sau đây, buộc phải ra khỏi ngành Cơ yếu:

- Bản thân là tay sai cho địch, chống đối cách mạng, tham gia đảng phái, tổ chức phản động, quan hệ với phần tử xấu.
- Vợ hoặc chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, anh chị em ruột là mật thám, gián điệp, phản động, sĩ quan nguy, viên chức nguy, địa chủ cường hào có nợ máu...
- Những người phạm sai lầm nghiêm trọng về bí mật quốc gia, bí mật quân sự, an ninh, sinh hoạt bê tha, thoái hoá biến chất...

III- CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CƠ YẾU

Điều 25: Cán bộ, nhân viên ngành Cơ yếu gồm cơ yếu đảng, chính quyền, quân đội, công an phải thực hiện chế độ tình nguyện hưởng lương phục vụ lâu dài và được hưởng mọi quyền lợi chính sách như quân đội và công an.

Điều 26: Cấp uỷ thủ trưởng cơ quan trực tiếp sử dụng cơ yếu và cơ quan cơ yếu các cấp chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện nhằm bảo đảm đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước đã ban hành đối với cán bộ, nhân viên cơ yếu.

Điều 27: Cán bộ, nhân viên cơ yếu lập thành tích xuất sắc trong công tác và học tập thì tùy theo thành tích cụ thể, cấp uỷ, thủ trưởng trực tiếp sử dụng cơ yếu quyết định hoặc đề nghị cấp trên xét quyết định khen thưởng. Riêng về thành tích thuộc các công trình nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật mật mã thì có sự trao đổi với Ban Cơ yếu Trung ương để có hình thức đặc cách khen thưởng nhằm giữ được bí mật nội dung các công trình, đề tài nghiên cứu.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28: Cấp uỷ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có sử dụng cơ yếu các ngành, các cấp có liên quan và cán bộ phụ trách cơ quan cơ yếu các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện bản Quy chế này.

Điều 29: Ban Cơ yếu Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện bản Quy chế này.

Điều 30: Những quy định trước đây về quản lý cán bộ, nhân viên cơ yếu trái với bản Quy chế này đều bãi bỏ.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 107-TB/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1988

Về sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 10 Bộ Chính trị và tổng kết phong trào hợp tác hoá nông nghiệp

Ngày 23-8-1988, Ban Bí thư đã họp bàn về việc tiến hành sơ kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 10 và tổng kết phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

Ban Bí thư đã cho ý kiến như sau:

1. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp tuy mới được thực hiện trong một thời gian ngắn, nhưng đã được sự nhất trí cao trong các cấp, các ngành, tạo niềm phấn khởi, hăng hái sản xuất trong quần chúng nông dân và bước đầu thu được những kết quả rõ rệt. Tuy nhiên, một số cấp uỷ đảng chỉ đạo tổ chức thực hiện còn lúng túng, việc thể chế hoá Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị còn chậm.

Ban Bí thư quyết định tổ chức hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị vào tháng 10-1988 nhằm đánh giá kết quả bước đầu thực hiện Nghị quyết, khẳng định những quan điểm, chủ trương đúng đắn của

Nghị quyết; kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề mới phát sinh, phát huy những nhân tố mới, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, các ngành, các cấp đối với việc thực hiện Nghị quyết quan trọng này.

Ban Bí thư giao trách nhiệm cho Ban Nông nghiệp Trung ương phối hợp với các ban khác của Đảng, các ngành, các đoàn thể quần chúng, nhất là Hội Nông dân Việt Nam, và các cấp uỷ địa phương chuẩn bị chu đáo để việc sơ kết đạt được kết quả tốt.

2. Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở nước ta đã trải qua 30 năm, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhưng cũng có nhiều thiếu sót, khuyết điểm và đang còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu kết luận. Vì vậy, cần tổng kết phong trào nói trên, coi đây là một đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước hoàn thành vào đầu năm 1990.

Ban Bí thư đồng ý với mục đích, yêu cầu, nội dung và phạm vi tổng kết mà Ban Nông nghiệp Trung ương đã trình.

Ban Bí thư giao cho Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thủy sản, Học viện Nguyễn Ái Quốc, Viện Mác - Lênin, Uỷ ban Khoa học xã hội và một số ngành có liên quan thực hiện. Đồng chí Lê Phước Thọ, Bí thư Trung ương Đảng, phụ trách chỉ đạo.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí cho việc tổng kết theo chế độ hiện hành.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**
Số 23-TT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1988

**Về việc đổi mới phương thức quan hệ hợp tác
với Lào và Campuchia**

Bộ Chính trị đã ra Quyết định số 35-QĐ/TW ngày 30-12-1987 về đổi mới phương thức quan hệ giữa Đảng ta với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

Để thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội VI và Quyết định nói trên của Bộ Chính trị, cần đổi mới phương thức quan hệ về Đảng đi đôi với đổi mới phương thức quan hệ hợp tác giữa ta với Lào và Campuchia.

Các ngành ở trung ương, các tỉnh, thành giảm dần và tiến tới chấm dứt từ 1989 các cuộc hội nghị của ngành, địa phương giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Phát triển hình thức hợp tác tay đôi giữa ta với Lào, ta với Campuchia một cách thiết thực, có chất lượng và hiệu quả, kiên quyết bỏ những tổ chức và hoạt động mang tính hình thức, gây lãng phí, hứa mà không làm, hoặc chưa được phép của lãnh đạo

ta mà cứ hứa, cứ cam kết và ký với bạn những thoả thuận hoặc kế hoạch hợp tác.

Mọi hoạt động quan hệ với Đảng hoặc Nhà nước hai nước Lào, Campuchia phải theo đúng quy chế đối ngoại về Đảng hoặc về Nhà nước. Nghiêm cấm mọi sự liên lạc cục bộ hoặc cá nhân trái với quy chế chung.

Giữ gìn và củng cố khối đoàn kết, sự hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Ban Bí thư yêu cầu các ngành ở trung ương, các cấp uỷ đảng cần quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh Thông tri này. Ban Đối ngoại Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi và kiểm tra việc thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 71-QĐ/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1988

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Công nghiệp Trung ương

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Ban Công nghiệp Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công nghiệp, bao gồm các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, địa chất, giao thông vận tải, thông tin bưu điện, xây dựng cơ bản, công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Ban có các nhiệm vụ chính sau đây:

1. *Nghiên cứu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối và chủ trương, chính sách lớn trong lĩnh vực công nghiệp:*

Nghiên cứu, chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các đề án thuộc phạm vi được phân công trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sau khi có nghị quyết, đề xuất với Ban Bí thư nội dung cụ thể hoá chủ trương, chính sách đó để làm căn cứ cho việc thể chế hoá về mặt nhà nước. Chủ động tham gia chuẩn bị, góp ý kiến và thẩm tra các đề án, dự thảo nghị quyết, chỉ thị có liên quan đến công nghiệp do các cơ quan chuẩn bị trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng.

Đối với các đề án được phân công chuẩn bị, Ban cần lấy ý kiến của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và phối hợp với các ban, ngành, địa phương có liên quan cùng tham gia nghiên cứu trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. *Giúp Ban Bí thư hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công nghiệp:*

Thường xuyên báo cáo Ban Bí thư tình hình chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công nghiệp từ thể chế hoá, phổ biến quán triệt đến việc tổ chức thực hiện.

Sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chính sách lớn; kịp thời phát hiện các nhân tố mới điển hình tiên tiến, phát huy những ưu điểm, uốn nắn những lệch lạc, bổ sung, hoàn chỉnh hoặc đổi mới các chủ trương, chính sách về công nghiệp.

Trường hợp cần thiết, được sự uỷ nhiệm của Ban Bí thư, Ban tổ chức làm thủ hoặc chỉ đạo trọng điểm thực hiện các chủ trương quan trọng để rút kinh nghiệm.

3. *Làm tốt công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đảng thuộc các ngành trong khối công nghiệp theo quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư:*

Tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ và công nhân, đơn đốc và tham gia xây dựng quy hoạch cán bộ, đề xuất những chủ trương về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và chính sách đãi ngộ cán bộ. Thẩm tra và đề xuất ý kiến về bố trí, đề bạt cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Chủ động tham gia trong quá trình chuẩn bị và phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng trước khi quyết định những vấn đề về tổ chức bộ máy của các ngành công nghiệp.

Phối hợp với Đảng uỷ khối công nghiệp Trung ương trong công tác xây dựng đảng ở các cơ quan trung ương; tham gia ý kiến về công tác xây dựng đảng và sự lãnh đạo của Đảng trong các ngành công nghiệp. Riêng đối với Đảng bộ Vận tải đường sắt, Ban thực hiện trách nhiệm của mình theo tinh thần Quyết định 57-QĐ/TW, ngày 16-6-1988 của Ban Bí thư. Ban phối hợp với tổ chức công đoàn trung ương trong công tác xây dựng đội ngũ công nhân công nghiệp.

II- TỔ CHỨC

Lãnh đạo Ban Công nghiệp Trung ương có trưởng ban và một số phó trưởng ban. Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng. Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị và Ban Bí thư về toàn bộ công việc được phân công. Các phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban và cùng trưởng ban chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về từng lĩnh vực công tác được giao.

Tổ chức bộ máy của Ban gọn, nhẹ, hợp lý, gồm những cán bộ quán triệt tinh thần đổi mới của Đảng, có phẩm chất, năng lực, có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác được giao.

Trong điều hành công tác, Ban chuyển sang thực hiện chế độ chuyên viên; trước mắt, thực hiện chế độ chuyên viên đối với một số lĩnh vực; ngoài số cán bộ trong biên chế, có thể sử dụng các cộng tác viên thường xuyên hoặc từng thời gian về những công việc cụ thể.

*

* *

Ban Công nghiệp Trung ương bàn thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương về biên chế cán bộ, nhân viên của Ban. Ban Công nghiệp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các ngành trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho quyết định số 34-CT/TW, ngày 3-2-1978 của Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

ĐIỀU VĂN
DO ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG NGUYỄN VĂN LINH
ĐỌC TẠI LỄ TRUY ĐIỀU ĐỒNG CHÍ
TRƯỜNG CHINH

Sáng ngày 5 tháng 10 năm 1988

Thưa đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đồng chí Trường Chinh kính mến của chúng ta, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người cộng sản kiên cường mẫu mực, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, nhà văn hoá và nhà báo lớn, nhà thơ với bút danh Sóng Hồng, không còn nữa. Đồng chí đã làm việc đến giờ phút cuối cùng trước khi vĩnh biệt chúng ta. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vô cùng đau buồn, thương tiếc đồng chí.

Tám mươi mốt tuổi đời, sáu mươi ba năm hoạt động cách mạng kiên cường và liên tục, đồng chí đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và phong phú của đồng chí gắn liền với những chặng đường đấu tranh vô cùng quyết liệt nhưng rất tự hào của nhân dân ta. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng và của dân tộc cùng với những sự kiện trọng đại của cách mạng Việt Nam.

Là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, được rèn luyện và trưởng thành trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng chí đã trở thành nhà lãnh đạo có uy tín lớn, được nhân dân ta và bè bạn trên thế giới tin yêu, kính trọng. Đồng chí là một trong những người cộng sản đầu tiên đã tham gia vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, đưa phong trào cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới, giai đoạn giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta phát huy vai trò quyết định xu thế phát triển của đất nước theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, từ năm 1941, cùng với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, đã có nhiều quyết sách đúng đắn, sáng tạo, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng, vai trò của đồng chí nổi bật là một trong những người lãnh đạo kiệt xuất đã đưa cuộc Cách mạng Tháng Tám đến thành công và đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng.

Nhiều năm là thành viên trong Bộ Chính trị, đồng chí đã có nhiều đóng góp lớn vào sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong những năm kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Năm 1986, ở cương vị Tổng Bí thư, đồng chí đã sớm nhận rõ được xu thế của thời đại, thực trạng của đất nước, yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân, đồng chí đã có nhiều đóng góp rất quan trọng vào việc đề ra chủ trương đổi mới. Vang mãi trong lòng nhân dân ta lời phát biểu của đồng chí trong quá trình chuẩn bị Đại hội VI: "Đối với nước ta, đổi mới là yêu

cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn". Lời nói đó đang thúc đẩy nhân dân ta tiến lên trong sự nghiệp đổi mới. Trong trách nhiệm Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã tích cực góp sức mình trong việc xây dựng Cương lĩnh và chiến lược kinh tế - xã hội chuẩn bị nội dung cho Đại hội lần thứ VII của Đảng.

Là người lãnh đạo, đồng chí rất quan tâm đến công tác nghiên cứu lý luận, luôn luôn chăm lo việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và bản thân đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào kho tàng lý luận cách mạng Việt Nam. Đồng chí là nhà văn hoá đã sớm đặt cơ sở lý luận cho việc xây dựng một nền văn hoá mới Việt Nam theo phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng.

Đồng chí còn là nhà báo cách mạng nổi tiếng. Ngay từ những ngày còn trẻ, đồng chí đã làm chủ bút nhiều tờ báo quan trọng của Đảng. Đồng chí là linh hồn của tờ "Cờ giải phóng", "Tạp chí Cộng sản"; là tác giả của nhiều bài báo có tính chiến đấu cao, có sức thuyết phục lớn. Đó là những tờ báo đã có ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng từ những năm trước Cách mạng Tháng Tám.

Hoạt động nhiều mặt của đồng chí còn thể hiện trên lĩnh vực thơ ca. Những bài thơ của đồng chí với bút danh Sóng Hồng đã thể hiện sức chiến đấu cao và lòng nhân ái sâu sắc.

Ở đồng chí, nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà lý luận, nhà hoạt động văn hoá, nhà báo, nhà thơ đã quyện với nhau làm một. Đó là sự thể hiện một cách sinh động lương tâm, trí tuệ và tình cảm cách mạng cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản, của nhà lãnh đạo cách mạng của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đồng chí luôn luôn là tấm gương sáng về tính kiên cường cách mạng, tính nguyên tắc và tổ chức kỷ luật, tình cảm chân thành với đồng bào, đồng chí, tính khiêm tốn giản dị trong cuộc sống hàng ngày, cách làm việc khoa học, cẩn thận, cụ thể nhằm hiệu quả thiết thực.

Đồng chí mất đi là một tổn thất lớn đối với chúng ta, nhưng cuộc đời cao đẹp của đồng chí, tài năng nhiều mặt của đồng chí sẽ sống mãi trong lòng nhân dân ta. Đạo đức mẫu mực của đồng chí mãi mãi là tấm gương quý báu đối với chúng ta. Vĩnh biệt đồng chí, chúng ta và cả các thế hệ mai sau mãi mãi ghi nhớ công lao to lớn của đồng chí.

Đồng chí Trường Chinh kính mến,

Chúng tôi, những người đồng chí thân thiết của đồng chí, những bạn bè quốc tế gần gũi của đồng chí, cùng đồng bào và chiến sĩ cả nước kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí với niềm tiếc thương vô hạn. Chúng tôi chân thành chia sẻ nỗi đau buồn sâu sắc này với gia đình đồng chí.

Vĩnh biệt đồng chí, chúng tôi nguyện xiết chặt hàng ngũ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản

Việt Nam, giữ vững đoàn kết, nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân, ra sức khắc phục mọi khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiến lên.

Xin nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí Trường Chinh kính mến.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 72-QĐ/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1988

Một số chính sách đối với cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945 đã về hưu

Để chăm sóc tốt hơn cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945 đã về hưu, sau khi đã thống nhất ý kiến với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư quyết định một số chính sách đối với cán bộ nói trên như sau:

- Từ tháng 10-1988, nâng phụ cấp thâm niên ưu đãi (mức phụ cấp cơ bản, tại Điều 4 Nghị định số 236/HĐBT ngày 18-9-1985) từ 20 đồng nay lên 30 đồng.
- Được quản lý bảo vệ sức khoẻ ở các ban bảo vệ sức khoẻ địa phương nơi cư trú (tỉnh, thành phố, huyện, thị).

- Hằng tháng, bán một lần đủ tiêu chuẩn lương thực bản thân.

Đối với cán bộ về hưu nói chung nếu gia đình neo đơn hoặc sống độc thân và có yêu cầu thì ngành lương thực đem lương thực tới bán tại nhà.

- Thực hiện phân cấp quản lý cán bộ, nhằm bảo đảm

mỗi cán bộ về hưu có cơ quan chịu trách nhiệm chăm sóc thường xuyên.

Hội đồng Bộ trưởng và các ban: Tổ chức, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 17-NQ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1988

Về một số vấn đề kinh tế - tài chính

Tại phiên họp trong các ngày 8 và 10-10-1988, sau khi nghe báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng, xem xét các đề nghị cụ thể của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Chính trị đã cho ý kiến như sau:

1. Hội đồng Bộ trưởng cần sớm trình ra Bộ Chính trị *báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị* về các biện pháp cấp bách chống lạm phát, rút ra những kết luận có tính chất tổng kết, phân tích tình hình sắp tới và xây dựng đề án cơ bản hơn về chống lạm phát.

2. Về lương thực

Cần huy động kịp thời vật tư, hàng hoá, tiền mặt để mua đến mức tối đa số lương thực thừa của nông dân cần bán theo giá thoả thuận, hạn chế đến mức thấp nhất việc nhập khẩu lương thực và tốt nhất là không mua chịu lương thực bằng đôla.

Hội đồng Bộ trưởng cần kiểm tra kỹ việc cân đối lương thực, khắc phục hư hao mất mát, tăng dự trữ lương thực và tăng cường việc chế biến màu để thay đổi cơ cấu bữa ăn, không để

xảy ra tình hình khẩn trương về lương thực vào đầu năm 1989.

Cần sớm tổ chức lại và đổi mới cơ chế, chuyển ngành lương thực sang kinh doanh, bỏ trung gian, tổ chức cung ứng vật tư và mua lương thực tận nơi sản xuất, bán đến tay người tiêu dùng.

Các tỉnh, thành phố còn bán gạo giá thấp 50 đồng/kg phải chuyển sang bán giá kinh doanh không lỗ.

3. Về xuất nhập khẩu

Trong khi áp dụng tỷ giá kết toán nội bộ 700đồng/rúp và 900 đồng/đôla cần áp dụng cơ chế thu bù chênh lệch, giảm bù lỗ xuất khẩu, tiến tới xuất nhập khẩu có lãi. Mức bù lỗ xuất khẩu năm 1988 không được vượt quá 100 tỷ đồng.

Chấn chỉnh tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu, bớt đầu mối và cấp trung gian, sửa đổi thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu đối với hàng xuất khẩu và nhập khẩu. Nghiên cứu thu thuế tài nguyên, địa tô chênh lệch, thu hồi vốn đầu tư của Nhà nước để trả nợ nước ngoài.

Khống chế giá mua tối đa hàng xuất khẩu ở trong nước, bảo đảm người sản xuất có lãi, không để tranh mua, đẩy giá lên cao. *Khống chế giá bán tối thiểu ra thị trường quốc tế*, không để tranh bán và để nước ngoài dìm giá.

Hội đồng Bộ trưởng chuẩn bị đề án toàn diện về kinh tế đối ngoại, trong đó có vấn đề xuất nhập khẩu và vấn đề nợ nước ngoài để trình Bộ Chính trị.

4. Về lưu thông hàng hoá, vật tư

Đẩy mạnh việc tổ chức lại các ngành vật tư, nội thương, khắc phục tình trạng mua bán lòng vòng, qua nhiều khâu trung gian.

Thu hẹp diện bán giá thấp và giảm bớt mức chênh lệch giữa giá thấp (giá cứng) và giá kinh doanh (giá mềm), tiến tới thực hiện một giá kinh doanh, Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo chặt chẽ không để gây ra biến động lớn về giá cả.

Để khơi thêm nguồn hàng hoá, vật tư ở nước ngoài, cần sửa đổi thuế hàng nhập đối với những hàng phi mậu dịch. Tuỳ theo đối tượng, tính chất của hàng hoá, nhu cầu trong nước mà có mức thuế thích hợp. Đối với những công dân Việt Nam đi công tác hoặc lao động ở nước ngoài đã đóng góp với Nhà nước, có những loại hàng cần khuyến khích nhập thì miễn thuế hoặc chỉ thu thuế ở mức thấp để quản lý, không nhằm mục đích điều tiết.

5. Về tiền

Nhanh chóng tách chức năng của ngân hàng nhà nước và ngân hàng kinh doanh; ngân hàng kinh doanh thực sự hoạt động trên cơ sở huy động vốn nhàn rỗi, thực hiện hạch toán có lãi, hết sức tránh cách làm hình thức.

Tổ chức việc *mua, bán ngoại tệ và vàng* trên cơ sở kinh doanh với tỷ giá hợp lý ấn định cho từng thời gian, nhằm góp phần ổn định thị trường ngoại tệ và vàng bạc.

Giao Hội đồng Bộ trưởng quyết định việc *phát hành tiền* ở mức cần thiết để thu mua nông sản, trước hết là lúa.

Dùng séc thay tiền mặt trong kinh doanh, vận dụng các hình thức *thanh toán không dùng tiền mặt* để bán các mặt hàng định lượng đối với công nhân, viên chức.

6. Tài chính

Sửa đổi những điểm bất hợp lý trong chế độ thuế hiện hành, khắc phục tình trạng đánh thuế trùng lặp, chồng chất, loại hàng nào đã đánh thuế xuất nhập khẩu thì không đánh thuế hàng hoá.

Tổ chức thực hiện pháp lệnh về kế toán và thống kê, áp dụng nghiêm ngặt chế độ bán hàng và dịch vụ đều phải có hoá đơn, sổ sách, chống thất thu và lạm thu thuế, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong ngành thuế.

Tăng cường kỷ luật tài chính, khắc phục tình trạng tùy tiện giữ lại các khoản nộp ngân sách. Do tình hình diễn biến phức tạp, bội chi ngân sách có thể không giữ được mức 400 tỷ đồng đã quy định, song nhất thiết không được vượt quá 450 tỷ đồng. Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các ngành, các cấp phấn đấu giữ mức bội chi tối đa cho phép này.

7. Lương

Cần có đề án trình Bộ Chính trị xem xét giải quyết một cách cơ bản, đồng bộ vấn đề tiền lương và thu nhập, có phân biệt giữa khu vực sản xuất, lưu thông và khu vực hành chính sự nghiệp.

Trong khu vực sản xuất, phải bảo đảm trả lương trên cơ sở năng suất, chất lượng, hiệu quả, hạch toán đủ lương vào giá thành, không bình quân chủ nghĩa, không được ăn vào vốn, không đòi hỏi thống nhất mức lương cụ thể.

Đối với khu vực hành chính sự nghiệp, thực hiện trợ cấp khó khăn thêm 30% lương chính từ ngày 1-10-1988.

Tích cực sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và tạo thêm việc làm.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 73-QĐ/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1988

Về việc tiếp dân đến cơ quan trung ương đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh

Để tiếp nhân dân các tỉnh, thành phía nam đến các cơ quan trung ương đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa khiếu nại, kiến nghị, đơn tố cáo gửi Trung ương Đảng và Nhà nước, Sau khi trao đổi ý kiến thống nhất với Thường trực Hội đồng Bộ trưởng,

BAN BÍ THƯ QUY ĐỊNH:

- Việc giải quyết các vụ việc do nhân dân khiếu nại, tố cáo, trước hết thuộc về trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và cấp chính quyền ở cơ sở, rồi đến các cấp ở huyện và tỉnh.
- Khi có dân đến các cơ quan trung ương đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh khiếu nại thì cơ quan T.78 chịu trách nhiệm tiếp dân đến T.78, cơ quan Cục Quản trị 2 Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng chịu trách nhiệm tiếp dân đến cơ quan Cục Quản trị 2 Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng.

Nhiệm vụ của hai cơ quan nói trên là tiếp dân đến, nghe trình bày các khiếu nại và kiến nghị; nhận đơn từ để chuyển về Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng xem xét; giải thích, thuyết phục đồng bào trở về nhà, về địa phương; liên hệ với cấp uỷ đảng và cấp chính quyền địa phương có đồng bào khiếu nại; hai cơ quan nói trên không có thẩm quyền giải quyết cụ thể những vấn đề do đồng bào nêu ra.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra công việc tổ chức tiếp dân của hai cơ quan T.78 và Cục Quản trị 2 Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng.

3. Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm phối hợp và giúp đỡ cơ quan T.78 và cơ quan Cục Quản trị 2 Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng tổ chức tốt việc tiếp dân.

4. Bộ Nội vụ có trách nhiệm chỉ đạo Cục Cảnh vệ và Công an Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn ở các nơi tiếp dân nói riêng và trong thành phố nói chung, có phương án phòng chống những phần tử xấu lợi dụng tình hình để gây rối.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 18-NQ/TW, ngày 24 tháng 10 năm 1988

Về phương hướng xây dựng Tổng cục Hàng không dân dụng

Sáng ngày 15-10-1988, Bộ Chính trị đã thảo luận về tình hình và phương hướng xây dựng Tổng cục Hàng không dân dụng. Sau khi nghe Đảng uỷ quân sự Trung ương báo cáo, Bộ Chính trị đã kết luận như sau:

Tổng cục Hàng không dân dụng là một ngành kinh tế kỹ thuật của Nhà nước, làm nhiệm vụ vận tải hành khách, hàng hoá trong nước và ngoài nước, thực hiện quyền tự chủ kinh doanh, hạch toán kinh tế, mở rộng hợp tác quốc tế về hàng không dân dụng. Tổng cục Hàng không dân dụng được Nhà nước đầu tư và tự đầu tư, làm nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước. Các cơ quan nhà nước có liên quan, bao gồm cả Bộ Quốc phòng, có trách nhiệm tạo điều kiện và kiểm tra để Tổng cục Hàng không dân dụng thực hiện chức năng của mình. Xét tình hình các mặt hiện nay, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xây dựng lực lượng hàng không dân dụng về các mặt, chỉ huy thống nhất bầu trời và bay.

Bộ Chính trị giao cho đồng chí Lê Đức Anh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và là thành viên Hội đồng Bộ trưởng, phối hợp cùng các bộ, các ban có liên quan giải quyết các vấn đề nảy sinh của Tổng cục Hàng không dân dụng và kiểm tra Tổng cục trong quá trình chấp hành nhiệm vụ, có khó khăn gì thì báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 48-CT/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1988

**Về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 10
ngày thành lập nước Cộng hoà nhân dân
Campuchia (7-1-1979 - 7-1-1989) và ngày ký
Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam
và Campuchia (18-2-1979 - 18-2-1989)**

Hai ngày kỷ niệm lần thứ 10 Quốc khánh nước Cộng hoà nhân dân Campuchia và ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong bối cảnh tình hình Campuchia, tình hình khu vực và tình hình quốc tế đang có những chuyển biến có lợi cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Campuchia và nhân dân ba nước Đông Dương. Mười năm qua, nhân dân Campuchia dưới chế độ cộng hoà nhân dân do Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia lãnh đạo, cùng với sự giúp đỡ chí tình, vô tư và có hiệu quả của nhân dân Việt Nam, đã đạt được thành tích to lớn trên mọi lĩnh vực, xoá bỏ hậu quả khủng khiếp của chế độ diệt chủng Pôn Pốt,

từng bước tiến lên tự đảm nhiệm việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vị trí của nước Cộng hoà nhân dân Campuchia trên trường quốc tế đang được khẳng định và củng cố. Sự lớn mạnh đó của Cộng hoà nhân dân Campuchia chính là cơ sở cho Việt Nam từng bước rút quân, bắt đầu từ năm 1982, rút Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia năm 1988 và đến cuối năm 1989 hoặc chậm lắm là đầu năm 1990 sẽ hoàn thành rút toàn bộ quân tình nguyện về nước. Đó cũng là cơ sở thuận lợi để nước Cộng hoà nhân dân Campuchia chủ động tiến công ngoại giao. Chính sách hoà hợp dân tộc và nội dung giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia do Cộng hoà nhân dân Campuchia đề ra ngày càng được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới.

Hai ngày kỷ niệm ấy vào đầu năm 1989 có ý nghĩa rất quan trọng đối với nhân dân hai nước Campuchia và Việt Nam, có tác động nhất định đối với cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, ổn định, hợp tác ở Đông Nam Á. Ban Bí thư quyết định:

Tổ chức trọng thể kỷ niệm hai ngày nói trên bằng một đợt hoạt động hữu nghị Việt Nam - Campuchia sâu rộng trong cả nước và ở ngoài nước, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 18 tháng 2 năm 1989, với mục đích và nội dung sau đây:

1. Nêu cao ý nghĩa thắng lợi chiến lược của nhân dân Campuchia trong cuộc cách mạng tháng 1 năm 1979 đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt và thành lập nước Cộng hoà nhân dân Campuchia; nêu bật những thành tựu to lớn, toàn diện mà nhân dân Campuchia đã giành được trong 10 năm qua, làm rõ thế và lực của cách mạng Campuchia đang ngày càng được củng cố vững chắc. Đó là cơ sở cho giải pháp chính trị về Campuchia, bảo đảm cho cách mạng Campuchia tiếp tục phát triển, thực hiện thắng lợi chính sách hoà hợp dân tộc và

nguyện vọng của nhân dân Campuchia xây dựng trong cuộc sống hoà bình, trong độc lập và tự do.

2. Khẳng định tình đoàn kết và hợp tác lâu dài giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia. Phát huy truyền thống yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng của nhân dân và quân đội ta trong sự giúp đỡ chân thành, vô tư, to lớn và có hiệu quả của Việt Nam đối với nhân dân Campuchia, giáo dục nhân dân ta tăng cường đoàn kết, hợp tác hữu nghị với nhân dân Campuchia trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau; vạch trần và kiên quyết chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn chia rẽ, phá hoại tình đoàn kết giữa nhân dân hai nước.

3. Giải thích thiện chí và lập trường của Cộng hoà nhân dân Campuchia và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc tìm một giải pháp chính trị thoả đáng cho vấn đề Campuchia, hết lòng ủng hộ giải pháp chính trị, chính sách hoà hợp dân tộc của Đảng và Nhà nước Cộng hoà nhân dân Campuchia, góp phần cùng nhân dân Campuchia tranh thủ dư luận các nước có liên quan nhằm bảo đảm cho Campuchia trở thành một nước hoà bình, độc lập, trung lập và không liên kết, có quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước Đông Dương cũng như với các nước ASEAN, tạo ra khu vực hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á; lên án tội ác của bọn diệt chủng Pôn Pốt và mọi âm mưu đưa bọn diệt chủng trở lại nắm quyền lực cai trị đất nước Campuchia.

Biện pháp thực hiện trong dịp kỷ niệm này:

1. Trao đổi Đoàn cấp cao Đảng và Nhà nước và Đoàn Hội hữu nghị hai nước dự các hoạt động dịp kỷ niệm; trao đổi điện mừng của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hai nước.

2. Ban Tuyên huấn Trung ương cung cấp tài liệu và hướng dẫn các cấp, các ngành và các phương tiện thông tin đại chúng, làm tốt đợt hoạt động hữu nghị theo yêu cầu nội dung nói trên.

3. Tổ chức các cuộc nói chuyện, kể chuyện sinh động về cách mạng Campuchia, về tình đoàn kết hữu nghị anh em giữa hai Đảng, nhân dân và quân đội hai nước.

4. Tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề về cách mạng Campuchia, về quan hệ Việt Nam - Campuchia.

5. Tổ chức triển lãm ở Hà Nội và ở các tỉnh, thành, đặc khu về thành tựu của cách mạng Campuchia. Viện Bảo tàng cách mạng và Viện Bảo tàng Quân đội có phòng giới thiệu chuyên đề về cách mạng Campuchia và quan hệ Việt Nam - Campuchia.

6. Ngành văn hoá tổ chức tuần phim, biểu diễn hoặc liên hoan nghệ thuật; ngành thể dục - thể thao tổ chức hoạt động thể dục, thể thao; Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia phối hợp với Đoàn thanh niên, với các hội nghệ thuật, các đài phát thanh, truyền hình thi sáng tác thơ, nhạc về tình hữu nghị Việt Nam - Campuchia, thi tìm hiểu về Campuchia; Tổng cục Bưu điện phát hành bộ tem về hai ngày kỷ niệm nói trên.

7. Các ban, ngành, địa phương, các đơn vị tổ chức thăm viếng các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh từ chiến trường Campuchia và chiến trường Tây Nam; tổ chức các cuộc gặp gỡ những người đã chiến đấu ở hai chiến trường về, các chuyên gia, các cán bộ an ninh và những gia đình có cống hiến đối với cách mạng Campuchia.

Những nơi có người Campuchia công tác, học tập thì tổ chức thăm hỏi, liên hoan văn nghệ, thể dục, thể thao...

8. Các ban, ngành, các địa phương, đơn vị có quan hệ kết nghĩa và hợp tác với Campuchia; Trung ương Hội, các chi hội, phân hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia tổng kết hoạt động 10 năm và đề ra phương hướng hoạt động thiết thực cho những năm tới phù hợp với tình hình mới và gửi thư, điện chúc mừng các ban, ngành, địa phương, đơn vị hữu quan.

9. Các cơ quan thông tin đại chúng, nhất là Thông tấn xã Việt Nam, đài phát thanh, đài truyền hình, có kế hoạch phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng Campuchia để đẩy mạnh tuyên truyền đối ngoại về vấn đề Campuchia phù hợp với tình hình lúc đó. Ban Đối ngoại, Bộ Ngoại giao, các đoàn thể nhân dân phối hợp với các cơ quan, đoàn thể hữu quan ở Campuchia vận động các nước anh em, bè bạn và các tổ chức quốc tế ủng hộ chính sách hoà hợp dân tộc và sáng kiến giải quyết vấn đề Campuchia của Cộng hoà nhân dân Campuchia, ủng hộ thiện chí của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tiếp tục lên án tội ác và âm mưu của bọn Pôn Pốt.

10. Tổ chức lễ kỷ niệm: Đề nghị Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Hà Nội tổ chức mít tinh trọng thể ở Hà Nội.

Các thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và những địa phương, đơn vị có các đoàn đại biểu Campuchia đến thăm vào dịp này hoặc có người Campuchia công tác và học tập cũng tổ chức mít tinh kỷ niệm.

Ban Tuyên huấn Trung ương cùng với Ban Đối ngoại Trung ương, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam có trách nhiệm giúp Ban Bí thư hướng dẫn các cấp uỷ tỉnh, thành phố, các đoàn thể, các ngành thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 20-NQ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1988

Về một số vấn đề trước mắt
trong công tác tư tưởng

Ngày 5-11-1988, sau khi nghe báo cáo của Ban Tuyên huấn Trung ương về công tác tư tưởng, Bộ Chính trị đã thảo luận và có những kết luận như sau:

1. Hai năm qua, các cấp uỷ đảng, các ngành, các đoàn thể, các cơ quan tuyên truyền, giáo dục và văn hoá, văn nghệ đã có nhiều cố gắng triển khai và hướng dẫn thực hiện các Nghị quyết của Đảng theo tinh thần đổi mới của Đại hội VI. Một số chủ trương về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, bảo đảm quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế quốc doanh, phát huy các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, về các mặt công tác an ninh, quốc phòng, đối ngoại, về mở rộng tính dân chủ và công khai, về đấu tranh chống tiêu cực... đã bước đầu phát huy hiệu quả.

Ở nông thôn, nơi tập trung phần lớn dân số là nông dân, nhiều nơi đang có không khí phấn khởi sản xuất. Phong trào thi đua của công nhân ở các công trình trọng điểm đã đem lại một số kết quả tốt; công nhân một số xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu đã bước đầu tăng năng suất

và thu nhập. Một bộ phận cán bộ khoa học - kỹ thuật biết gắn công tác nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất và đời sống, đã có những thành tựu về đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Trong các ngành an ninh, quốc phòng, giáo dục, y tế,... mặc dầu có rất nhiều khó khăn, cũng xuất hiện nhiều gương người tốt, việc tốt. Báo chí và văn hoá, văn nghệ đã có bước phát triển mới, góp phần khơi dậy không khí dân chủ, công khai trong xã hội. Nhưng mặt khác phải thấy tình hình kinh tế - xã hội còn rất nhiều khó khăn như nhiều nghị quyết của Trung ương đã chỉ ra.

Các cấp uỷ đảng, các ngành, các đoàn thể, các cơ quan tuyên truyền giáo dục cần *thông tin đầy đủ và đúng đắn tình hình đất nước*, những việc làm được và chưa làm được, phân tích rõ nguyên nhân, những giải pháp để tháo gỡ khó khăn, tạo ra niềm tin, củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, thúc đẩy công cuộc đổi mới. Chú ý tổng kết và phổ biến những nhân tố tích cực trong cuộc sống, những mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi. Phải thông qua việc nghiên cứu và thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1989, qua việc kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI để thực hiện nhiệm vụ công tác tư tưởng nói trên.

2. *Cần khẳng định đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường đúng đắn*, xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là lý tưởng và mục tiêu phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân ta. Cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như đổi mới ở nước ta không phải là thay đổi các mục tiêu đó, mà là làm cho các mục tiêu đó được thực hiện với những hình thức, bước đi, biện pháp đúng và có hiệu quả hơn. Uốn nắn kịp thời những nhận thức lệch lạc, động dao về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, phủ nhận những thành quả cách mạng của nhân dân ta.

Trong việc thông tin về các nước tư bản chủ nghĩa, cần giới thiệu những kinh nghiệm quản lý năng động, có hiệu quả, những kinh nghiệm đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản

xuất, mặt khác phải vạch rõ những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, những vấn đề nan giải của chế độ tư bản chủ nghĩa, phê phán tư tưởng sùng bái chủ nghĩa tư bản, phản kích những luận điệu thù địch hòng hạ uy tín của chủ nghĩa xã hội, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin.

3. *Cuộc đấu tranh chống tiêu cực* trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và trong xã hội hai năm qua đã thu được một số kết quả qua việc phát hiện và xử lý những vụ, việc tiêu cực, qua việc thực hiện những chính sách về cơ chế mới. Nhưng rõ ràng kết quả cũng chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Các cấp uỷ đảng, các ngành, các đoàn thể cần rút kinh nghiệm để tăng cường lãnh đạo làm đúng, làm tốt hơn nữa cuộc vận động này. Cần tạo điều kiện thuận lợi cho báo chí tiếp tục mở rộng phê bình công khai, đưa ra và lên án mạnh mẽ trước công luận những vụ, việc tiêu cực điển hình, những cán bộ thoái hoá, biến chất, đấu tranh chống những nếp sống không lành mạnh và hủ tục trong xã hội, chống bọn lưu manh, côn đồ, bọn gian thương. Việc chống tiêu cực cần đi sâu vào việc phân tích, phê phán cơ chế quản lý lỗi thời tạo điều kiện phát sinh những hiện tượng tiêu cực, giới thiệu những nơi áp dụng tốt cơ chế mới, có tác dụng giảm những tiêu cực.

Các báo, đài cần rút kinh nghiệm về những vụ, việc tiêu cực đã đưa lên báo, đài trong thời gian qua, khẳng định những việc làm tốt, vạch rõ những khuyết điểm để tiếp tục làm tốt hơn, nhằm bảo đảm tính chính xác và đem lại hiệu quả tích cực, nâng cao lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của quần chúng trong việc củng cố chính quyền cách mạng, động viên được quần chúng tích cực đấu tranh để xây dựng chế độ mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan chức năng cần rút kinh nghiệm trong việc xử lý các vụ, việc tiêu cực thời gian qua, để sắp tới xử lý được đúng, được kịp thời. Cần ủng hộ và bảo vệ những người bị oan, bị trù dập, phân biệt rõ giữa tố cáo

đúng và tố cáo sai, vạch rõ và phê phán những kẻ vu cáo, xuyên tạc sự thật.

4. Công tác tư tưởng phải quán triệt và thực hiện tốt *chính sách đối ngoại* trong tình hình mới nhằm thêm bạn bớt thù, giữ vững hoà bình để xây dựng đất nước.

Tiếp tục giáo dục nâng cao tinh thần quốc tế vô sản và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị với Liên Xô, Lào, Campuchia và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ủng hộ phong trào cách mạng trên thế giới, góp phần thúc đẩy xu thế đối thoại, đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình trên thế giới và trong khu vực.

Về chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với Trung Quốc, giải thích rõ ta coi Trung Quốc là nước xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước ta chủ trương thông qua đối thoại để giải quyết những bất đồng, tiến tới lập lại quan hệ bình thường giữa hai nước và khôi phục tình hữu nghị Việt - Trung.

Trong việc thông tin về công cuộc cải tổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, phải biết tiếp thu có chọn lọc những thông tin, kinh nghiệm của các nước anh em nhằm thúc đẩy công cuộc đổi mới của ta, không rập khuôn, sao chép, không đưa những thông tin không phù hợp với điều kiện nước ta lên báo, đài.

Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì cùng với Ban Đối ngoại Trung ương và Bộ Ngoại giao nghiên cứu giúp Ban Bí thư tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền ra nước ngoài. Trước mắt, cần thống nhất sự chỉ đạo, sử dụng tốt các công cụ sẵn có.

5. Cần tiếp tục *mở rộng hơn nữa tính dân chủ, tính công khai* trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt các đoàn thể, các cơ quan dân cử, các cơ quan nhà nước, ngoài xã hội và trên báo chí, nhằm vào các yêu cầu:

- Phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên, của công nhân, nông dân, trí thức và lực lượng vũ trang góp sức vào sự nghiệp đổi mới.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, không chỉ phê phán mà còn tích cực đóng góp ý kiến, kinh nghiệm vào việc giải quyết những vấn đề cuộc sống đang đặt ra.

- Xây dựng ý thức tự giác thực hiện các nghị quyết của Đảng, các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước. *Cần làm rõ dân chủ phải có lãnh đạo, mở rộng dân chủ phải nhằm nâng cao ý thức giữ vững kỷ luật và tuân thủ pháp luật.* Ngăn ngừa và uốn nắn những biểu hiện cực đoan, vô chính phủ, vi phạm kỷ luật và pháp luật. Không thể coi việc ngăn ngừa và uốn nắn đó là hạn chế dân chủ mà chính là để bảo đảm cho việc mở rộng dân chủ và công khai đi đúng hướng, có lợi cho sự nghiệp đổi mới.

- Giữ được bí mật cho cách mạng. Ngăn ngừa và uốn nắn những biểu hiện lợi dụng dân chủ, công khai để xuyên tạc sự thật, để phủ định thành quả cách mạng, đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, vì những động cơ cá nhân không tốt. Phải cảnh giác không để kẻ thù lợi dụng khoét sâu vào những sơ hở, sai sót của cách mạng để phá hoại sự nghiệp đổi mới, chống chủ nghĩa xã hội.

Để bảo đảm mở rộng tính dân chủ, tính công khai, cần xây dựng Luật báo chí, Luật xuất bản, luật cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ, các quy chế mới về mở rộng dân chủ trong sinh hoạt của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, trong sinh hoạt đảng và sinh hoạt các đoàn thể cách mạng. Trong không khí dân chủ và trước những chủ trương đổi mới trên các lĩnh vực, quần chúng sẽ đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải xử lý những việc làm sai trước đây. Các cấp uỷ đảng và các cơ quan nhà nước cần có ý thức đầy đủ trách nhiệm giải

quyết vấn đề này theo hướng dựa vào quần chúng, lắng nghe ý kiến những người trung thực, thông tin cho quần chúng những gì quần chúng cần biết và từ đó mà cùng bàn, cùng giải quyết tại cơ sở một cách có lý có tình, trong trật tự và luật pháp, những vấn đề nảy sinh trong từng cơ sở. Không đưa lên cấp trên những việc thuộc thẩm quyền giải quyết ở cơ sở và có khả năng giải quyết tốt trong từng cơ sở. Không gây căng thẳng hoặc đối lập giữa quần chúng với Đảng và Nhà nước. Theo dõi, kịp thời phát hiện hoạt động của những phần tử địch, xấu lợi dụng tình hình trên chống phá chế độ ta.

6. *Tăng cường lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng* nhằm phục vụ tích cực công cuộc đổi mới, góp phần thực hiện các nghị quyết của Đảng.

a) Cần lập chương trình, kế hoạch và tổ chức lực lượng triển khai công tác *ngiên cứu lý luận, nghiên cứu thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm* nhằm từng bước hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm đổi mới của Đại hội VI.

Thành lập một hội đồng gồm các đồng chí phụ trách các cơ quan nghiên cứu lý luận, được uỷ quyền giúp Ban Bí thư xem xét, kết luận những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong nội dung giảng dạy ở các trường đảng.

Tổ chức các nhà khoa học, các cán bộ nghiên cứu lý luận, giới báo chí và văn nghệ sĩ đi nghiên cứu thực tiễn, bám sát cuộc sống thực tế sinh động ở cơ sở, chú ý góp sức với các ngành, các địa phương đúc kết kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến. Từ kết quả tổng kết kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng mà góp phần xây dựng các nghị quyết và chính sách

của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền giới thiệu những mô hình tốt để nhân ra trên diện rộng và đưa vào nội dung giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, gắn lý luận với thực tiễn.

Cần xây dựng quy chế *quản lý các cuộc hội thảo, các diễn đàn* phát biểu về đề tài khoa học xã hội và về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả, phát huy được trí tuệ của cán bộ. Tại hội thảo và các diễn đàn khác được tranh luận tự do, nhưng không được tuyên truyền những quan điểm cá nhân trái với chủ trương của Đảng, ảnh hưởng không tốt đến sự nhất trí về chính trị, tư tưởng và hành động trong Đảng, trong nhân dân.

Các cấp uỷ, các cơ quan nhà nước cần tăng cường lãnh đạo và *quản lý các hoạt động văn hoá, văn nghệ* theo Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị, phát huy những kết quả đã đạt được, kịp thời uốn nắn, khắc phục những thiếu sót, lệch lạc.

Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Viện Mác - Lênin, Học viện Nguyễn Ái Quốc giúp Ban Bí thư nghiên cứu, sắp xếp hợp lý *hệ thống các viện nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, hệ thống các trường đảng*, kiện toàn đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận, đội ngũ giảng viên để bảo đảm thực hiện quy hoạch và nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

b) Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì cùng với Bộ Thông tin và các cơ quan khác có liên quan nghiên cứu dự thảo nghị

quyết của Bộ Chính trị về *đổi mới công tác báo chí* và khẩn trương hoàn chỉnh Luật báo chí để Hội đồng Bộ trưởng xem xét, trình Quốc hội thông qua. Trước mắt, căn cứ các quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước, có kế hoạch sắp xếp lại một bước mạng lưới báo chí và xuất bản trong cả nước phù hợp với khả năng của ta, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền giáo dục. Trong khi sắp xếp lại, chưa xét việc cho ra báo mới hoặc lập nhà xuất bản mới. Không cho ra báo tư nhân và nhà xuất bản tư nhân, ngăn ngừa việc đưa vào nước ta các sách báo và văn hoá phẩm xấu của nước ngoài và của bọn phản động lưu vong, ngăn chặn các sách báo, văn hoá phẩm xấu và xử lý nghiêm minh các hành động vi phạm pháp luật trong công tác xuất bản, in và phát hành sách báo.

Các cấp uỷ, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể cần tăng cường lãnh đạo và quản lý các báo, đài của mình theo tinh thần các nghị quyết của Đảng và kết luận này của Bộ Chính trị.

c) Ban tuyên huấn các cấp giúp cấp uỷ xây dựng và quản lý chặt chẽ lực lượng *báo cáo viên, tuyên truyền viên*, bảo đảm truyền đạt trung thực các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những vấn đề thời sự trong nước và quốc tế theo đúng quan điểm của Đảng, khắc phục tình trạng tùy tiện phát ngôn của một số cán bộ không có trách nhiệm làm báo cáo viên như hiện nay.

d) Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương chủ trì cùng với Bộ Văn hoá và các cơ quan khác có liên quan căn cứ Nghị quyết số 05 của Bộ Chính trị về công tác văn hoá - văn

nghệ giúp Ban Bí thư ban hành các cơ chế, chính sách *đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng đối với văn hoá - văn nghệ*, hướng dẫn việc thảo luận các vấn đề đang đặt ra trong giới văn nghệ để đi đến có kết luận đúng đắn, có tính thuyết phục. Cần có kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ lý luận và phê bình văn nghệ và nâng cao chất lượng phê bình văn nghệ.

7. Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính xem xét, giải quyết thích đáng các nhu cầu cấp bách về *cơ sở vật chất - kỹ thuật* và kinh phí của các cơ quan tuyên truyền, giáo dục, nhất là đối với các ngành thông tấn, phát thanh, truyền hình, về giấy in và thiết bị, vật liệu ngành in, các thiết bị kỹ thuật điện tử. Trong kế hoạch 5 năm tới, cần có kế hoạch đầu tư thích đáng cho việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phục vụ thông tin, báo chí.

Trên cơ sở quỹ đào tạo được cấp, các cấp uỷ đảng và các trường đảng tính toán kế hoạch chiêu sinh, không chạy theo số lượng, sử dụng hợp lý kinh phí vào cải thiện điều kiện sinh hoạt cho học viên và giảng viên, đổi mới công tác giảng dạy và học tập, nâng cao chất lượng đào tạo.

Các ban, các bộ có trách nhiệm cần bổ sung *các chính sách* đối với văn nghệ sĩ, phóng viên, biên tập viên báo chí và xuất bản, báo cáo viên, giảng viên...

8. Thành lập *Ủy ban công tác tư tưởng* của Trung ương Đảng với nhiệm vụ giúp Ban Bí thư đánh giá tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và tâm trạng chính trị của quần chúng để báo cáo theo định kỳ và khi có những sự kiện chính trị quan trọng; kiến nghị Ban Bí thư và Bộ Chính trị những chủ

trương, chính sách thuộc lĩnh vực công tác tư tưởng; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan, các ngành trên mặt trận tư tưởng. Ủy ban tư tưởng được quyền trực tiếp giải quyết một số vấn đề do sự uỷ nhiệm của Ban Bí thư. Ủy ban công tác tư tưởng cần có quy chế làm việc và có chương trình công tác để đưa hoạt động của Ủy ban vào nề nếp. Ban Bí thư sẽ quyết định cụ thể danh sách các đồng chí trong Ủy ban công tác tư tưởng.

9. Sự nghiệp đổi mới ở nước ta, công cuộc cải tổ ở Liên Xô, và các nước xã hội chủ nghĩa khác đang đặt ra nhiều vấn đề mới, tác động đến nhận thức tư tưởng và tâm trạng chính trị, xã hội khá phức tạp. Kẻ thù và những phần tử xấu đang thừa cơ xuyên tạc tình hình, phá hoại lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình đó, các cấp uỷ đảng, các ngành, các đoàn thể phải luôn luôn tỉnh táo, *hết sức coi trọng công tác tư tưởng*, làm cho trong Đảng và trong xã hội có sự đoàn kết nhất trí về tư tưởng và hành động, bảo đảm thực hiện tốt các Nghị quyết của Đảng.

*

* *

Căn cứ các nhiệm vụ công tác tư tưởng đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng và những kết luận của Bộ Chính trị trong thông báo này, các tỉnh, thành, đặc khu uỷ, các bộ, ban, đảng đoàn và đảng uỷ trực thuộc Trung ương, nhất là các đồng chí phụ trách có kế hoạch kiểm điểm tình hình và tăng cường lãnh đạo công tác tư tưởng.

Làm chuyển biến tình hình tư tưởng và tâm trạng xã hội hiện nay không phải chỉ bằng công tác tư tưởng, mặc dầu công tác tư tưởng là rất quan trọng. Để chuyển biến được tình hình tư tưởng, tạo ra được phong trào cách mạng của

quần chúng, thúc đẩy công cuộc đổi mới, các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể cần có biện pháp đồng bộ cải thiện tình hình kinh tế, xã hội, chăm lo đời sống và giải quyết việc làm cho dân, làm tốt từng việc có thể làm được, gỡ dần ở từng cơ sở, từng ngành, từng khu vực, trước hết là chăm lo đời sống những người ăn lương và lực lượng vũ trang; đồng thời giải quyết tốt các yêu cầu cấp bách về bảo đảm trật tự và an toàn xã hội, về đổi mới tổ chức và cán bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 121-TB/TW, ngày 10 tháng 12 năm 1988

Về Hội đồng nghệ thuật và quỹ văn hoá

Ngày 16-9-1988, Ban Bí thư đã thống nhất chủ trương về Hội đồng nghệ thuật và có ý kiến về việc xây dựng quỹ văn hoá như sau:

1. Về Hội đồng nghệ thuật:

- Ở trung ương: thành lập các Hội đồng nghệ thuật quốc gia chuyên ngành làm tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Văn hoá.
- Ở các tỉnh, thành phố và đơn vị nghệ thuật cơ sở thành lập các hội đồng nghệ thuật làm tư vấn cho giám đốc các Sở Văn hoá - thông tin và giám đốc các đơn vị nghệ thuật cơ sở.

Bộ Văn hoá phối hợp với các hội nghệ thuật, các cơ quan có liên quan xây dựng đề án về các hội đồng nghệ thuật nói trên trình Nhà nước xem xét, quyết định.

2. Về quỹ văn hoá:

Trong khi ta chưa có điều kiện xây dựng quỹ văn hoá có quy mô lớn, cần mở rộng quỹ văn hoá hiện có (thuộc Bộ Văn hoá). Bộ Văn hoá phối hợp với các Hội văn học - nghệ thuật xây dựng kế hoạch mở rộng hoạt động của quỹ văn hoá. Sau một thời gian thực hiện, rút kinh nghiệm, xây dựng đề án quỹ văn hoá theo đúng Nghị quyết 05-NQ/TW, ngày 28-11-1987

của Bộ Chính trị. Theo tinh thần đó, Bộ Văn hoá trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 123-TB/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1988

Về một số vấn đề cần nắm vững trong khi thực hiện Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị ở các tỉnh Nam Bộ

I. Cuộc họp của Ban Bí thư do đồng chí Tổng Bí thư chủ trì đã nghe đoàn công tác của Ban Bí thư, nghe các tỉnh Nam Bộ báo cáo tình hình ruộng đất hiện nay. Ban Bí thư có ý kiến chỉ đạo như sau:

Sau khi Bộ Chính trị ra Chỉ thị 47, các tỉnh đã tổ chức thảo luận trong Đảng và phổ biến rộng trong nhân dân. Nhiều tỉnh uỷ đã cụ thể hoá chỉ thị của Bộ Chính trị và kế hoạch hướng dẫn thực hiện, tiếp tục cử các tỉnh uỷ viên xuống huyện, xã chỉ đạo, đồng thời tổ chức nhiều đoàn cán bộ xuống cơ sở, nhất là xuống những nơi tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân đang diễn ra gay gắt. Một số tỉnh đã vận dụng sáng tạo Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị sát hợp thực tế địa phương, đã giải quyết được nhiều vụ tranh chấp ruộng đất, đạt kết quả bước đầu làm lắng dịu một bước tình hình tranh chấp ruộng đất ở địa phương và nêu lên một số kinh nghiệm. Tuy nhiên, ở một số nơi vẫn xảy ra một số vụ tranh chấp ruộng đất khá gay gắt.

Tình hình tranh chấp ruộng đất, ngoài những nguyên nhân mà Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị đã phân tích, thực tế ngày càng rõ còn do dân số tăng nhanh, đất canh tác thu hẹp dần, ngành nghề chậm phát triển; nội bộ Đảng, kể cả một số cán bộ trung, cao cấp, chưa thật quán triệt quan điểm, chủ trương, biện pháp giải quyết vấn đề ruộng đất của Đảng; một số nơi chưa tích cực xử lý một số cán bộ, đảng viên chiếm dụng ruộng đất trái phép; tình hình ruộng đất rất phức tạp, các tỉnh vận dụng Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị để giải quyết vấn đề ruộng đất có những trường hợp cụ thể khác nhau, cho nên có ảnh hưởng tới tâm lý nông dân ở nơi khác; một số nông dân ở một số nơi có yêu sách thật sự về ruộng đất; một số địa chủ, phú nông cũ ngóc đầu dậy, và một số phần tử xấu, bọn phản động kích động nông dân.

Giải quyết tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân rất phức tạp, đòi hỏi các cơ quan lãnh đạo Đảng và chính quyền ở tỉnh, huyện và cơ sở phải chỉ đạo sát, nhạy bén và tập trung hơn nữa.

II. *Yêu cầu* giải quyết tình hình tranh chấp ruộng đất hiện nay là, phải trên cơ sở Nghị quyết 10 và Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị, Luật đất đai đã được Quốc hội thông qua, chủ động và nhanh chóng tạo được sự ổn định cần thiết về ruộng đất để nông dân yên tâm tập trung sức lực, vốn liếng phát triển sản xuất hàng hoá, trước mắt là sản xuất vụ lúa đông xuân; không để tình hình tranh chấp về ruộng đất và tình hình không ổn định ở nông thôn ảnh hưởng xấu tới đoàn kết

nông thôn, tác động xấu đến những mặt khác, không để cho bọn xấu lợi dụng, kích động, phá hoại.

1. Để đạt được yêu cầu nói trên, *trước hết cần nắm vững hơn nữa những quan điểm và nguyên tắc trong chỉ thị của Bộ Chính trị.*

Kiên quyết bảo vệ thành quả cách mạng về ruộng đất đồng thời tích cực sửa chữa những trường hợp sai một cách có tình có lý, phù hợp với tình hình thực tế từng nơi.

- Trước hết phải khẳng định nhiều chủ trương, chính sách trước đây của Đảng và Nhà nước về vấn đề ruộng đất là đúng đắn như: việc xoá bỏ bóc lột, địa chủ, phú nông; tịch thu, trưng thu, trưng mua và đất hiến của địa chủ tiến bộ, đất của tư sản, đất truat hữu (đã bán cho nguy quyền Sài Gòn) ruộng đất của tay sai ác ôn trong nguy quân, nguy quyền, để chia cấp cho những hộ nông dân không có hoặc thiếu đất; chủ trương ưu tiên cho các gia đình có công với cách mạng và chủ trương "nhường cơm, sẻ áo" trong nội bộ nông dân... Cần kiên quyết bảo vệ những thành quả cách mạng đó.

Nhưng, trong một số chủ trương, chính sách về ruộng đất, về cải tạo nông nghiệp trước đây có những điểm sai như điều chỉnh ruộng đất và thực hiện khoán sản phẩm theo kiểu bình quân, cào bằng, nôn nóng gò ép nông dân vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã, việc tổ chức quản lý lại yếu kém. Trong tổ chức thực hiện cũng có khuyết điểm như "xáo canh"; một số ít cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền đã chiếm dụng trái phép ruộng đất, quan liêu, mất dân chủ. Cần tích cực sửa chữa những sai sót nói trên.

- Phải nắm vững nguyên tắc không giữ rồi, bảo vệ những việc làm đúng, nhưng phải chủ động sửa những cái sai sót và bất hợp lý. Đối với những nông dân sống bằng ruộng đất vừa qua được trang trải, giao khoán, cần chỉ đạo chặt chẽ, dù trong trường hợp nào cũng không nên để cho một số nông dân "trắng tay", không có đất trồng trọt, không có nghề gì sinh

sống. Không trở lại mặt bằng ruộng đất trước Chỉ thị 57 của Bộ Chính trị. Việc giao thêm ruộng khoán cho các hộ thực sự có điều kiện và yêu cầu nhận thêm ruộng khoán để sản xuất hàng hoá phải tùy thuộc vào quỹ ruộng đất hiện có của từng địa phương và khả năng tạo thêm quỹ đất, tạo thêm ngành nghề, phân công lại lao động trong hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Nếu là nông dân cá thể thì phải thi hành đúng Điều 28 Luật đất đai.

- Phải đưa vào hợp tác xã, tập đoàn sản xuất hoặc ấp, xã, để giải quyết vấn đề ruộng đất. Phải thông qua kiên trì giáo dục, thuyết phục, phát huy đoàn kết tương trợ trong nông dân, thực sự bàn bạc dân chủ giữa các hộ có vấn đề tranh chấp và bàn bạc dân chủ, công khai trong các tập đoàn sản xuất, các hợp tác xã, trong bà con nông dân các ấp để giải quyết tốt theo đúng chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực tiễn của địa phương. Chính quyền các cấp cần hỗ trợ cho các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất phát triển thêm ngành nghề, tạo thêm quỹ đất hỗ trợ cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, nhất là ở những nơi đất hẹp người đông.

- Phải gắn thực hiện Chỉ thị 47 với thực hiện Nghị quyết 10 Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, kiện toàn các tổ chức kinh tế tập thể của nông dân với những hình thức, bước đi, trình độ tổ chức sản xuất và quản lý thích hợp, có hiệu quả, nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho xã viên, tập đoàn viên.

- Hiện nay vụ đông xuân đã đến, để bảo đảm cho sản xuất và đời sống của nông dân, các cấp chính quyền địa phương giáo dục nông dân chấm dứt tình trạng người này chiếm ruộng người khác, làm ảnh hưởng đến sản xuất, việc tranh chấp ruộng đất còn có vấn đề gì chưa hợp lý thì sau vụ thu hoạch, chính quyền xem xét giải quyết.

- Khi giải quyết tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân, căn cứ vào các cơ sở sau đây:

+ Quỹ đất, ngành nghề và dân số của địa phương đã có hoặc khả năng mở rộng thêm diện tích đất mới.

+ Mức sống hiện tại của từng hộ.

+ Đặc điểm đất đai (ruộng 1 vụ, 2 vụ...) và các điều kiện khác (giao thông, thuỷ lợi).

+ Điều kiện và khả năng sản xuất của từng hộ.

- Hướng giải quyết các trường hợp cụ thể: Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị đã đề ra tương đối toàn diện về chủ trương, biện pháp giải quyết đối với từng dạng tranh chấp ruộng đất; các địa phương căn cứ vào đó để giải quyết. Dưới đây, hướng dẫn giải quyết thêm một số trường hợp cụ thể:

+ Đối với các đối tượng thuộc diện chính sách như: thương binh, gia đình liệt sĩ, bộ đội tại ngũ, cán bộ hưu trí, gia đình có công với cách mạng... vừa qua được trang trải giao khoán ruộng đất thì nói chung không giao đất lại chủ cũ. Đây là vấn đề có tính chất chiến lược.

+ Đối với những hộ trước có đất bị điều chỉnh nhưng hiện nay vẫn có ruộng hoặc nhiều ruộng hơn so với mức bình quân ở địa phương, nay muốn đòi lại toàn bộ ruộng cũ thì ta không giải quyết theo yêu cầu của họ; cần kiên trì giáo dục thuyết phục họ thông cảm với những người khác.

+ Đối với những hộ trước đây có đất bị điều chỉnh, nay do nhân khẩu tăng lên, bình quân ruộng đất thấp, đời sống thực sự khó khăn, hoặc những hộ trước đây bị điều chỉnh quá nhiều, quá sát, nay muốn nhận lại một phần ruộng đất để sản xuất, thì căn cứ vào quỹ đất của địa phương, vào điều kiện sản xuất của từng gia đình mà giải quyết cho họ được nhận khoán thêm một số diện tích nhưng phải bảo đảm nguyên tắc dân chủ bàn bạc, thương lượng giữa những hộ có liên quan để giải quyết.

+ Đối với những hộ không có ruộng hoặc ít ruộng nhưng lại có vườn, có ngành nghề, đời sống được bảo đảm thì vận động họ không nên nhận thêm ruộng.

+ Theo Luật đất đai, ruộng đất không được sang bán và cho thuê; ai vi phạm sẽ bị xét xử theo luật pháp; phần ruộng đất bán, hoặc cho thuê sẽ bị thu hồi và đem giao khoán cho nông dân khác. Riêng đối với vùng đồng bào Khơme, do điều kiện đời sống và sản xuất của một số người thực sự khó khăn, không đủ sức canh tác, họ tạm thời cho người khác thuê một vài vụ sản xuất thì tạm thời chấp nhận.

+ Mức trả hoa lợi ruộng đất là do bàn bạc thương lượng thỏa thuận giữa đôi bên, có sự lãnh đạo, hướng dẫn của chính quyền địa phương (nếu cần thiết, có sự đóng góp ý kiến của các tập đoàn viên, xã viên hợp tác xã và nhân dân trong ấp); mức trả hoa lợi tương ứng công lao động như khai hoang, làm thuỷ lợi, cải tạo mặt bằng đồng ruộng (nếu có) và hoa lợi cây trồng trên mặt đất bằng hiện nay (nếu có). Với ruộng đất đã trang trải, giao khoán cho người khác canh tác nhiều năm rồi thì không đặt vấn đề trả hoa lợi ruộng đất.

- Phải kết hợp đồng bộ các biện pháp: vận động, thuyết phục, lợi ích kinh tế và hành chính, pháp luật; lấy vận động, thuyết phục làm cơ bản, đồng thời có đấu tranh phê phán trong nội bộ nông dân đối với người ngang nhiên chiếm lại "đất cũ". Ta xem xét giải quyết yêu cầu thực sự, chính đáng nhưng phải tùy theo quỹ đất. Những trường hợp chủ đất "cũ" ngang nhiên vi phạm pháp luật, nhất là những người đời sống đã được bảo đảm, có ruộng canh tác bằng hoặc cao hơn mức bình quân ruộng đất ở địa phương, ta đã giáo dục nhiều lần mà họ vẫn ngang nhiên giành, chiếm ruộng đất đã giao khoán cho người khác thì phải thuyết phục và đấu tranh có tình có lý, trường hợp cá biệt cũng phải xử lý bằng pháp luật. Đối với một số địa chủ, phú nông cũ nhân cơ hội này đòi lại ruộng đất đã bị tịch thu, trưng thu hoặc họ đã hiến thì giáo dục nông dân đoàn kết đấu tranh, không cho họ lấn chiếm ruộng đất trái phép. Đây là một hình thức của cuộc đấu tranh giai cấp, cần giáo dục để trong Đảng và nông dân lao động thông suốt.

- Các tỉnh, thành căn cứ tình hình ruộng đất của địa phương có thể quy định mức ruộng đất canh tác tối đa đối với những hộ có khả năng sản xuất (khi định mức này, nên tính đến tình hình ruộng đất của cả nước, của khu vực); nếu còn quỹ ruộng đất có thể cho nông dân mượn để canh tác; có thể quy định cho mượn sử dụng trong mấy năm, khi thu hồi thì không bồi hoàn công lao động.

- Đối với các nông trường, lâm trường, cơ sở quốc doanh sản xuất thủy sản, trước hết là các cơ sở làm ăn kém hiệu quả, đất đai còn để hoang hoá, thì nên dành một phần đất giao khoán cho nông dân không có hoặc thiếu đất.

- Đối với cơ sở nghiên cứu thực nghiệm khoa học kỹ thuật nông nghiệp, các cơ sở nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp hợp tác liên doanh với nước ngoài thì phải bảo vệ tốt, ngăn chặn mọi hành động lấn chiếm.

- Đối với địa phương đã giải quyết ruộng đất mà nông dân đã thực sự chấp nhận, chính quyền địa phương cấp giấy giao quyền sử dụng ruộng đất theo Nghị quyết 10 Bộ Chính trị.

- Phải gắn việc giải quyết vấn đề ruộng đất hiện nay với việc thực hiện Nghị quyết năm của Trung ương nhằm nâng cao sức chiến đấu và sự lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, xây dựng cơ sở đảng ở nông thôn trong sạch, vững mạnh.

2. Một số công tác cụ thể khác:

a) Tìm cách tăng thêm quỹ đất bằng khai hoang, tăng vụ, mở rộng diện tích, hướng chủ yếu ở Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên và một số nơi có điều kiện như ở Kiên Giang, Minh Hải, Hậu Giang... để *tăng thêm quỹ đất* cho nông dân địa phương và nông dân các tỉnh khác tối mở mang vùng kinh tế mới.

Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các bộ có liên quan (nhất là Ủy ban Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Thủy lợi...) làm quy hoạch để triển khai sớm.

Trung ương và tỉnh phối hợp đầu tư khai hoang tăng vụ, đồng thời động viên những hộ có khả năng bỏ vốn thêm phục vụ cho sản xuất.

b) *Củng cố các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất*

Cùng với việc giải quyết vấn đề ruộng đất, cần tiến hành đổi mới cơ chế quản lý và kiện toàn các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, trước mắt thực hiện tốt mấy việc sau đây:

- Kiện toàn ban quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, thay thế những cán bộ quản lý không đủ tin nhiệm do có nhiều sai phạm trong vấn đề ruộng đất, có nhiều hành động tiêu cực khác hoặc do năng lực quản lý yếu.

- Phân loại các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất để hướng dẫn nội dung tổ chức lại sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý thích hợp theo tinh thần Nghị quyết 10 Bộ Chính trị. Ban quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức các hình thức lao động, thực hiện khoán sản phẩm, thâm canh tăng vụ, từng bước mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề, tổ chức tốt công tác dịch vụ kỹ thuật cho các hộ, xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật và phúc lợi công cộng. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của ban quản lý mới và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý cơ sở nắm vững và thực hiện được những chức năng nhiệm vụ đó (tập huấn theo nội dung mới do Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Nông nghiệp Trung ương biên soạn).

c) *Về công tác tư tưởng*

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về một số vấn đề trước mắt trong công tác tư tưởng, tổ chức quán triệt Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị và kết luận này của Ban Bí thư đến từng chi bộ nhằm tạo ra sự nhất trí cao trong Đảng về quan điểm,

chủ trương, biện pháp giải quyết ruộng đất. Đảng, chính quyền và các đoàn thể phải trên dưới một lòng, nói và làm nhất quán theo một hướng, giữ vững kỷ luật, nêu cao trách nhiệm của đảng viên trong việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở nông thôn hiện nay.

Đối với quần chúng, cần khẳng định rõ: từ trước đến nay chưa có văn bản nào của Đảng và Nhà nước chủ trương trả lại "ruộng đất cũ" cho nông dân, trên cơ sở đó vận động bà con nông dân bình tĩnh và tin tưởng thực hiện Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị. Trên cơ sở đối thoại thẳng thắn, đấu tranh chống lại những tư tưởng sai trái.

- Đảng viên, cán bộ cần nghiêm túc và gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giải quyết tình hình tranh chấp ruộng đất hiện nay, từ đó tuyên truyền giáo dục, giải thích, thuyết phục quần chúng hiểu và thực hiện.

Phải lắng nghe, thu thập ý kiến, nguyện vọng, thắc mắc của quần chúng, phản ánh với tổ chức đảng, tham gia củng cố tổ chức đảng, bàn bạc dân chủ đề ra những quyết định đúng đắn, phù hợp.

- Các đảng viên, kể cả đang hoạt động và về hưu không tự ý nhóm họp tuyên truyền những quan điểm cá nhân trái với chủ trương của Đảng, ảnh hưởng không tốt đến sự nhất trí về chính trị, tư tưởng và hành động trong Đảng, trong nhân dân, không được tự động tham gia các cuộc biểu tình tự phát của quần chúng. Nếu chưa thống nhất về quan điểm và phương pháp thực hiện với chủ trương nào của Đảng thì được quyền phát biểu quan điểm của mình cho tổ chức đảng, không được phát ngôn vô nguyên tắc.

Các cấp uỷ tỉnh, huyện cần quan tâm đúng mức việc giúp đảng uỷ xã nắm thật vững các quan điểm, chủ trương về giải quyết ruộng đất trong Nghị quyết 10, Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị, Luật đất đai, tạo sự nhất trí trong toàn Đảng về

giải quyết ruộng đất hiện nay; củng cố tổ chức cơ sở đảng nông thôn trong sạch, vững mạnh. Cần thận trọng trong đánh giá phê phán cán bộ cơ sở, ai sai thì nói sai, ai đúng phải nói đúng, ai bị hiểu lầm và bị vu cáo thì nhanh chóng thanh minh cho họ; đảng viên ở cơ sở có yêu cầu chính đáng về ruộng đất để sản xuất, để xây dựng nhà như mọi người, phải được bảo vệ và giải thích để quần chúng hiểu rõ. Đảng viên lợi dụng chức quyền chiếm dụng ruộng đất thì phải trả lại và tuý theo trường hợp cụ thể có xử lý kỷ luật thích đáng. Cần thay ngay những cán bộ kém năng lực, bổ sung những cán bộ tốt và có trình độ để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở. Chăm lo củng cố các đoàn thể quần chúng đặc biệt là hội nông dân đủ sức vận động và giáo dục thuyết phục quần chúng.

d) Tăng cường công tác an ninh và trật tự xã hội

Trong khi giải quyết những yêu cầu chính đáng về ruộng đất của quần chúng nông dân, cần đề cao cảnh giác cách mạng, đề phòng các phần tử cơ hội, bất mãn và bọn phản động lợi dụng tình hình tranh chấp ruộng đất để kích động, gây rối, làm mất trật tự an ninh. Lực lượng an ninh các cấp cần:

- Quán triệt sâu sắc các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị.

- Nắm chặt tình hình và âm mưu hoạt động của địch trên các mặt chính trị - kinh tế - xã hội và chiến tranh tâm lý.

- Chủ động ngăn chặn kịp thời các hoạt động của địch và đối tượng hình sự, bảo vệ các mục tiêu đã được quy định, bảo vệ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở.

- Lực lượng công an cùng với lực lượng vũ trang sẵn sàng đối phó kịp thời với bọn địch trong các tình huống.

3. *Mấy vấn đề về tổ chức chỉ đạo*

- Phổ biến đến các đảng bộ cơ sở ý kiến chỉ đạo trên đây của Ban Bí thư cùng với việc tổ chức quán triệt thêm Nghị quyết 10 và Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị, bài trả lời phỏng vấn của đồng chí Tổng Bí thư trên báo *Nhân dân* ngày 8-12-1988, nhằm làm cho các cơ sở đảng nắm vững hơn nữa những quan điểm và chủ trương giải quyết của Đảng về vấn đề ruộng đất hiện nay. Hướng dẫn, giúp đỡ các đảng bộ cơ sở xây dựng được kế hoạch triển khai chỉ đạo giải quyết vấn đề ruộng đất, sớm làm cho tình hình nông thôn ổn định. Ở những nơi mà vấn đề ruộng đất còn diễn biến phức tạp, cần tập trung giải quyết trước khi tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở.

- Các tỉnh uỷ, huyện uỷ huy động cán bộ các ngành, các đoàn thể về cơ sở, nhất là về những địa phương có tình hình diễn biến phức tạp để giúp cơ sở giải quyết tốt vấn đề ruộng đất, và có biện pháp ngăn chặn kịp thời việc nông dân tập trung về Thành phố Hồ Chí Minh đưa yêu sách.

- Gắn việc giải quyết vấn đề ruộng đất với việc chỉ đạo sản xuất vụ đông xuân, nhằm tạo điều kiện sản xuất thuận lợi cho nông dân, hướng nông nghiệp tiến lên phát triển sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị.

- Các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình... có vai trò rất quan trọng trong việc góp phần giải quyết các vụ tranh chấp ruộng đất hiện nay. Do vậy, các cơ quan thông tin đại chúng cần phản ánh trung

thực, chính xác tình hình nhằm tăng cường đoàn kết nông dân, ổn định nông thôn, củng cố liên minh công nông; hướng dẫn việc giải quyết tranh chấp ruộng đất theo đúng quan điểm, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước; phản ánh chính xác các vụ việc tiêu cực của đảng viên, phê phán và đấu tranh với hành động vi phạm pháp luật của một số cán bộ và nhân dân, vạch mặt lên án bọn xấu, cơ hội, phản động kích động nông dân có những hành động làm rối loạn trật tự trị an, chia rẽ nội bộ nông dân.

- Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng huy động một số cán bộ các ban, ngành ở Trung ương về kiểm tra và giúp các tỉnh chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết 10 và Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị. Hội đồng Bộ trưởng cần xúc tiến khẩn trương việc thể chế hoá các văn bản dưới Luật đất đai và Nghị quyết 10, Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị.

Thông báo này được phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 126-TB/TW, ngày 19 tháng 12 năm 1988

Về công tác ngành Kiểm sát

Ngày 9-12-1988, Ban Bí thư đã họp, có đại diện các ngành Tòa án, Nội vụ, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng dự. Sau khi nghe đồng chí Trần Quyết, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, báo cáo về tình hình vi phạm pháp luật và phạm tội, về công tác ngành Kiểm sát từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay, Ban Bí thư đã có những ý kiến chính sau:

1. Báo cáo của ngành Kiểm sát đã nêu rõ tình hình và quan điểm của ngành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm sát nhằm bảo đảm đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước; cần làm rõ thêm những nội dung đã đổi mới và cần đổi mới theo tinh thần và nội dung Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Nhiều vấn đề về pháp chế xã hội chủ nghĩa bảo đảm việc phát huy được tiềm năng của 5 thành phần kinh tế, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp luật, v.v. cần được nghiên cứu và giải quyết theo tinh thần đổi mới.

Các cơ quan có trách nhiệm đề ra với Đảng và Nhà nước chương trình xây dựng pháp luật, loại bỏ những luật pháp không còn phù hợp.

Chưa nên ra chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo công tác kiểm sát mà tích cực chuẩn bị để có chỉ thị hoặc nghị quyết của Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với các ngành thi hành pháp luật. Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp phối hợp với Ban Nội chính Trung ương tích cực chuẩn bị để có thể trình vấn đề này vào 6 tháng cuối năm 1989.

2. Về một số vấn đề do Viện Kiểm sát và Tòa án tối cao nêu ra, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

- Trong tình hình hiện nay, cần đề cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh chống địch và những phần tử xấu lợi dụng cơ hội kích động quần chúng gây rối trật tự và an toàn xã hội.

- Cần có biện pháp đặc biệt để bảo vệ an ninh, trật tự và an toàn xã hội nhưng phải định rõ nội dung của biện pháp đặc biệt như mở các đợt vận động quần chúng trấn áp bọn tội phạm hình sự, tập trung vào bọn lưu manh côn đồ cướp của, giết người, bọn cầm đầu, thu gom đồng và nhòm dấn đến phá hủy đường dây điện thoại, dây tải điện, vật tư kỹ thuật quốc phòng; bọn đầu cơ, buôn lậu. Phải chú trọng bảo vệ những người đấu tranh chống tiêu cực. Cần quy định rõ những trường hợp các lực lượng cảnh sát nhân dân được sử dụng vũ khí để trấn áp kịp thời bọn lưu manh côn đồ dùng vũ khí chống lại khi làm nhiệm vụ.

- Đối với các vụ án nghiêm trọng, các cơ quan pháp luật điều tra nhanh, xét xử nhanh và đề nghị Hội đồng Nhà nước xét duyệt nhanh đối với các án tử hình.

- Việc xử lý các vụ phạm pháp để cho các cơ quan chấp pháp thực hiện theo đúng pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của mình. Từ nay, các cấp ủy không tổ chức các ban chuyên án chỉ đạo trực tiếp việc điều tra, truy tố, xét xử, cũng như không can thiệp quá sâu vào công tác chuyên môn của cơ quan pháp luật, kể cả đối với cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý; trừ trường hợp người phạm pháp là chức sắc tôn giáo, nhân vật có tiếng tăm mà việc đưa ra xét xử, bắt giam có thể gây ra phản ứng không thuận lợi trong dư luận quốc tế cần có sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng.

Gặp trường hợp cán bộ, đảng viên phạm pháp hoặc có dấu hiệu phạm pháp cần khởi tố, tạm giam hoặc truy tố thì cơ quan điều tra hoặc Viện Kiểm sát báo cáo với cấp ủy quản lý cán bộ, đảng viên đó biết; nếu cấp ủy không nhất trí thì Viện trưởng Viện Kiểm sát báo cáo lên Viện trưởng Viện Kiểm sát cấp trên quyết định, trừ những cán bộ thuộc diện Ban Bí thư và Bộ Chính trị quản lý thì Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải báo cáo lên Ban Bí thư và Bộ Chính trị trước khi khởi tố, truy tố và xét xử.

- Các cấp ủy cần tăng cường lãnh đạo các Viện Kiểm sát và các cơ quan chấp pháp về chính trị tư tưởng và công tác cán bộ, làm cho các cơ quan này thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Các vấn đề khác nêu ra trong đề nghị của Viện Kiểm sát thuộc trách nhiệm giải quyết của Hội đồng Bộ trưởng và Hội đồng Nhà nước; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo với Hội đồng Bộ trưởng và Hội đồng Nhà nước giải quyết.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 80-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1988

Về việc xuất bản Báo *Nhân dân chủ nhật*

Xét đề nghị của Ban biên tập Báo *Nhân dân* (công văn số 464 ngày 21-11-1988), Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Cho phép xuất bản từ quý I năm 1989 Báo *Nhân dân chủ nhật* với tính chất là tuần báo chính trị - xã hội của Đảng.

Báo *Nhân dân chủ nhật* có nhiệm vụ, bằng nội dung và hình thức phong phú, sinh động, mở rộng thông tin, trao đổi ý kiến, hướng dẫn dư luận đối với một số vấn đề mới của cuộc sống mà quần chúng quan tâm, góp phần thúc đẩy sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực.

Báo *Nhân dân chủ nhật* ra 16 trang, khổ bằng nửa khổ Báo *Nhân dân* hàng ngày, giá bán không bù lỗ.

Từ khi xuất bản Báo *Nhân dân chủ nhật*, Báo *Nhân dân* hàng ngày ra mỗi tuần 6 số, nghỉ ngày chủ nhật.

Ban biên tập Báo *Nhân dân* có nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo công tác biên tập và xuất bản Báo *Nhân dân chủ nhật*.

2. Ban biên tập Báo *Nhân dân*, Ban Tuyên huấn Trung ương và các ban, ngành có liên quan thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 82-QĐ/TW, ngày 15 tháng 2 năm 1989

Về một số điểm về thi hành kỷ luật trong Đảng

- Căn cứ Điều 53 Điều lệ Đảng giao cho Ban Chấp hành Trung ương quy định một số điểm cụ thể việc thi hành kỷ luật trong Đảng,
- Căn cứ vào tình hình xét xử kỷ luật trong Đảng hiện nay,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUY ĐỊNH:

I- Phân biệt phạm vi sai lầm để xác định thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý, nhưng không phải là uỷ viên hoặc uỷ viên dự khuyết của ban chấp hành các cấp của Đảng.

1. Sai lầm thuộc phạm vi thi hành kỷ luật của chi bộ là sai lầm trong việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên và chấp hành các nguyên tắc sinh hoạt đảng như thực hiện Nghị quyết của chi bộ, chấp hành các chính sách, chế độ, pháp luật, giữ gìn đạo đức cách mạng, tham gia sinh hoạt chi bộ, đóng đảng phí, v.v..

2. Sai lầm không thuộc phạm vi thi hành kỷ luật của chi

bộ là sai lầm về công tác khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ do cấp uỷ quản lý người cán bộ đó giao cho.

Đối với sai lầm thuộc phạm vi thi hành kỷ luật của chi bộ, hội nghị chi bộ quyết định kỷ luật theo thẩm quyền đã được quy định ở Điều 53 của Điều lệ Đảng.

Đối với sai lầm không thuộc phạm vi thi hành kỷ luật của chi bộ, việc quyết định kỷ luật thuộc thẩm quyền của cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quản lý người cán bộ đó. Chi bộ, đảng uỷ, ban, đảng đoàn nơi cán bộ đó sinh hoạt đề nghị với cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ về mức độ, hình thức kỷ luật. Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý người cán bộ đó được quyết định thi hành kỷ luật với các hình thức khiển trách, cảnh cáo và báo cáo với cấp uỷ; cấp uỷ quyết định thi hành kỷ luật với các hình thức cách chức và khai trừ ra khỏi Đảng (Uỷ ban kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ để báo cáo và đề nghị cấp uỷ quyết định).

Nói chung, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý cán bộ xét đề nghị của chi bộ, đảng uỷ, ban, đảng đoàn nơi cán bộ đó sinh hoạt trước khi quyết định kỷ luật, nhưng cũng có trường hợp cấp uỷ quản lý cán bộ đó xem xét, quyết định kỷ luật rồi thông báo cho chi bộ hoặc các tổ chức đảng nói trên biết.

II- Phạm vi quyền hạn của uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận, thị và tương đương trở lên trong việc chuẩn bị thay đổi hoặc xoá bỏ quyết định của các tổ chức đảng cấp dưới về các vụ thi hành kỷ luật.

Uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận, thị và tương đương trở lên được quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ quyết định của tổ chức đảng cấp dưới về kỷ luật trong hai trường hợp dưới đây:

- Khi giải quyết các vụ khiếu nại về kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên và cán bộ do cấp uỷ cấp dưới quản lý).

- Khi kiểm tra việc thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng cấp dưới thấy có trường hợp thi hành kỷ luật chưa đúng.

Cụ thể là:

1. Đối với đảng viên:

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được chuẩn y thay đổi hoặc xoá bỏ mọi hình thức kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định, trừ trường hợp kỷ luật đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành đảng bộ cấp dưới trực tiếp; Uỷ ban Kiểm tra của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc (hoặc cấp tương đương) được chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ mọi hình thức kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định, trừ trường hợp kỷ luật đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành đảng bộ cấp dưới trực tiếp; Uỷ ban kiểm tra của huyện uỷ (hoặc cấp tương đương) được chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ việc thi hành kỷ luật của tổ chức cơ sở đảng đối với đảng viên bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức chi uỷ viên và đảng uỷ viên bộ phận (thuộc đảng bộ cơ sở); còn hình thức cách chức cấp uỷ viên cơ sở và khai trừ ra khỏi Đảng thì thuộc quyền hạn của huyện uỷ (hoặc cấp tương đương).

2. Đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành các cấp.

a) Việc chuẩn y, thay đổi, xoá bỏ quyết định kỷ luật đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành cấp tỉnh, thành phố trực thuộc (hoặc cấp tương đương) do Ban Bí thư quyết định; đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý thì trình Bộ Chính trị quyết định.

b) Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được uỷ nhiệm chuẩn y, thay đổi, xoá bỏ quyết định kỷ luật của các tổ chức đảng cấp dưới đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành cấp huyện (hoặc cấp tương đương) trở xuống.

c) Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc (hoặc cấp tương đương) được uỷ nhiệm chuẩn y, thay đổi, xoá bỏ quyết

định kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành của tổ chức cơ sở đảng.

3. Qua công tác kiểm tra, nếu uỷ ban kiểm tra cấp trên thấy những đảng viên (kể cả cấp uỷ viên và cán bộ do cấp uỷ cấp dưới quản lý) phạm sai lầm cần phải thi hành kỷ luật nhưng tổ chức đảng cấp dưới chưa hoặc không thi hành kỷ luật thì uỷ ban kiểm tra cấp trên yêu cầu và đôn đốc cấp uỷ cấp đó thi hành kỷ luật, rồi báo cáo cho cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên. Sau khi tổ chức đảng cấp dưới quyết định kỷ luật, trong trường hợp xét thấy cần thiết, uỷ ban kiểm tra cấp trên kiểm tra lại và thực hiện quyền hạn theo Chương X của Điều lệ Đảng và những quy định cụ thể đã ghi trong mục II này.

III- Một số điểm thực hiện Điều 55, 56, 57 (Chương X) Điều lệ Đảng

a) **Điều 55:** việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, tạm đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ qua một cấp uỷ viên và tạm đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng là nhằm ngăn chặn hành động gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận hoặc không để cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn. Do đó, việc này chỉ được áp dụng trong trường hợp hết sức đặc biệt như đảng viên bị truy tố còn chờ xét xử, bị cơ quan pháp luật tạm giam hoặc cấp uỷ viên và tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng đến mức có thể thi hành kỷ luật từ cách chức cấp uỷ viên trở lên hoặc giải tán tổ chức ấy. Những việc nói trên phải được cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y kỷ luật khai trừ đảng viên, cách chức cấp uỷ viên hoặc kỷ luật giải tán tổ chức ấy quyết định.

Thời hạn tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên nói chung, không được quá 6 tháng. Trường hợp cần gia hạn thì tổng số thời gian tạm đình chỉ sinh hoạt đảng, kể cả trước và sau khi gia hạn, cũng không được quá một năm. Riêng đối với trường hợp đảng viên bị tạm giam thì việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng theo thời hạn lệnh tạm giam (kể cả gia hạn, nếu có) của cơ quan pháp luật có thẩm quyền (quy định tại Điều 71, Chương V, bộ Luật tố tụng hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam); khi hết thời hạn quy định (kể cả gia hạn, nếu có) mà cơ quan pháp luật không truy tố thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định cho đảng viên đó tiếp tục sinh hoạt đảng.

b) **Điều 56:** đảng viên bị tù (kể cả trường hợp được hưởng án treo) thì tổ chức đảng phải khai trừ ra khỏi Đảng. Đối với trường hợp cá biệt, xét nguyên nhân gây án chủ yếu do hoàn cảnh khách quan, nếu được hưởng án treo không quá một năm, trước đó thực sự là đảng viên tốt, sau khi hết hạn tù (được hưởng án treo không quá một năm) và hết thời gian thử thách (nếu có), vẫn còn đủ tư cách đảng viên thì có thể được xét kết nạp lại.

Trường hợp bị tù oan, đã được cơ quan pháp luật xoá án,

xét nếu còn đủ tư cách đảng viên thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khôi phục đảng tịch cho đảng viên đó.

c) **Điều 57:** việc xét công nhận đảng viên bị kỷ luật đã sửa chữa khuyết điểm theo quy định chung "chậm nhất là một năm". Tuy nhiên, vấn đề này không thể tiến hành quá sớm, mà phải qua một thời gian thử thách ít nhất là sau 6 tháng, kể từ khi ký quyết định kỷ luật, mới xem xét việc công nhận sửa chữa khuyết điểm. Trong thời gian đảng viên bị thi hành kỷ luật chưa được công nhận sửa chữa khuyết điểm thì không được đề bạt, nâng lương.

IV. Quy định này thay thế Quy định số 10-QĐ/TW, ngày 3-11-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, có hiệu lực kể từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phụ trách giải thích rõ tinh thần, nội dung và hướng dẫn thực hiện những vấn đề cụ thể khác trong Chương VII và Chương X của Điều lệ Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 49-CT/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1989

Về việc tăng cường hợp tác toàn diện với Ấn Độ trong tình hình mới

1. Thời gian qua, quan hệ về mọi mặt giữa nước ta và Ấn Độ đã có những chuyển biến quan trọng nhưng chưa phát triển ngang tầm với mối quan hệ chiến lược giữa hai nước. Chuyến đi thăm Ấn Độ của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh từ ngày 23 đến ngày 29-1-1989 đã đạt kết quả rất tốt đẹp, mở ra một giai đoạn mới, cao hơn trong quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực giữa Việt Nam và Ấn Độ. Hai bên nhất trí hoàn toàn về chính trị và các vấn đề có ý nghĩa chiến lược cũng như phương hướng cơ bản của sự hợp tác tay đôi và quyết tâm nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Ấn trong thời gian tới. Ấn Độ thực sự muốn giúp đỡ ta về kinh tế và khoa học - kỹ thuật, đã tạo những điều kiện rất thuận lợi cho ta trong khả năng của Ấn Độ; muốn Việt Nam, Lào, Campuchia mạnh, có lợi cho việc giữ vững hoà bình ở Đông Nam Á và

Nam Á. Kết quả chuyến đi này càng khẳng định trong tình hình hiện nay, *chính sách hợp tác của ta với Ấn Độ có tầm quan trọng đặc biệt.*

2. Tiếp theo Chỉ thị 04-CT/TW, ngày 9-3-1987 của Ban Bí thư về tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với Ấn Độ, thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW, ngày 20-5-1988 của Bộ Chính trị về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, Ban Bí thư chỉ thị các ngành, các cấp quán triệt chủ trương trên của Đảng, nhận rõ những khả năng mới hợp tác toàn diện với Ấn Độ về chính trị, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, tích cực góp phần thực hiện đầy đủ những thoả thuận đã đạt được giữa đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Thủ tướng Ấn Độ R.Gandhi. Cụ thể là:

a) *Về chính trị:*

- Hai bên tiếp tục các cuộc trao đổi ý kiến thường xuyên Việt Nam - Ấn Độ và phối hợp hoạt động tại các diễn đàn quốc tế, đặc biệt trong quá trình phấn đấu bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, trong việc giải quyết vấn đề Campuchia, lập khu vực hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á và trong cuộc đấu tranh chung ở châu Á và trên thế giới, đặc biệt trong Phong trào Không liên kết và cuộc đấu tranh cho một trật tự kinh tế thế giới mới.

- Sớm có các hình thức thích hợp phát triển quan hệ chính thức giữa Đảng ta với Đảng Quốc đại I trong khi tiếp tục đẩy mạnh quan hệ với hai Đảng Cộng sản (CPI và CPIM).

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức quần chúng xã hội của ta với Ấn Độ.

b) *Về kinh tế:*

- Thực hiện các hiệp định vừa được ký kết. Cần hình thành ngay tổ chức liên ngành để nghiên cứu gấp những biện pháp thực hiện những chủ trương, phương hướng hợp tác mà lãnh đạo cấp cao nhất hai nước đã thoả thuận, đặc biệt về lĩnh vực dầu khí và năng lượng nguyên tử. Hết sức coi trọng việc

nghiên cứu và tiếp thu kinh nghiệm của Ấn Độ về phát triển kinh tế, về quản lý vĩ mô nền kinh tế, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào việc phát triển nền kinh tế lạc hậu, phát triển kinh tế nông thôn, về kế hoạch dân số. Cần cử những cán bộ kinh tế, công nghệ cấp cao sang Ấn Độ nghiên cứu hoặc mời chuyên gia Ấn Độ sang trình bày kinh nghiệm; gửi người sang đào tạo và cử cán bộ sang thực tập, bồi dưỡng ở Ấn Độ.

- Nhanh chóng khắc phục những trở ngại trong hợp tác với Công ty CIMMCO (về hai nhà máy ở Thành phố Hồ Chí Minh và Bến Tre), tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với Ấn Độ trong lĩnh vực dệt bao đay, thuộc da, làm mũi giày. Cần có kế hoạch đẩy mạnh việc khai thác, chế biến dầu thực vật như dầu cọ, dầu lạc, dầu dừa, dầu cá nhằm đáp ứng nhu cầu rất lớn của Ấn Độ về dầu thực vật và tạo ra khả năng thanh toán của ta đối với Ấn Độ.

- Sớm nghiên cứu khả năng hợp tác liên doanh giữa các công ty của hai nước trong các ngành trồng bông, tơ tằm, cọ dầu, cao su, gia công may mặc xuất khẩu, thăm dò và khai thác quặng và than. Tranh thủ các công ty tư nhân Ấn Độ đầu tư vào Việt Nam và hợp tác với các công ty ta trong một số lĩnh vực đã sơ bộ thoả thuận mà bạn có khả năng và kinh nghiệm.

- Nghiên cứu khả năng liên doanh tay ba giữa Việt Nam - Ấn Độ với Liên Xô hoặc một nước thứ ba trong các lĩnh vực gia công, dịch vụ...

c) *Về khoa học - kỹ thuật:*

Kiện toàn Phân ban hỗn hợp kinh tế - khoa học kỹ thuật

Việt - Ấn cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

3. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cần chỉ đạo các ngành xây dựng kế hoạch chung hợp tác với Ấn Độ trên các mặt. Các bộ cần có kế hoạch cụ thể hợp tác ngắn hạn và dài hạn với Ấn Độ. Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế đối ngoại, Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Ban Đối ngoại Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương có trách nhiệm đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 83-QĐ/TW, ngày 4 tháng 3 năm 1989

Về chia tỉnh Nghĩa Bình và tỉnh Phú Khánh

Căn cứ vào kiến nghị của đảng bộ và nhân dân hai tỉnh
Nghĩa Bình và Phú Khánh,
Căn cứ vào thực tiễn mọi mặt của hai tỉnh nói trên,

**BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH:**

1. Đồng ý cho chia tỉnh Nghĩa Bình thành hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và chia tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa.
2. Việc chia hai tỉnh *phải được chuẩn bị thật chu đáo*, nhất là về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, chế độ chính sách, bảo đảm phát huy thế mạnh và khả năng của các địa phương, giải phóng mọi năng lực sản xuất, giữ vững an ninh, trật tự, củng cố quốc phòng, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân

dân, tăng cường đoàn kết nhất trí trong các đảng bộ và nhân dân.

3. Giao cho các đồng chí lãnh đạo Hội đồng Nhà nước, Quốc hội, Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo làm các thủ tục cần thiết để việc chia tỉnh tiến hành theo đúng Hiến pháp, luật pháp, và phải hoàn thành trong quý II-1989.

Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Ban Tổ chức của Chính phủ có trách nhiệm cử cán bộ giúp hai tỉnh Nghĩa Bình và Phú Khánh trong quá trình chia tỉnh.

4. Phân công đồng chí Võ Chí Công trực tiếp chỉ đạo hai tỉnh Nghĩa Bình và Phú Khánh tổ chức việc chia tỉnh theo quyết định của Bộ Chính trị.

5. Ban Bí thư có trách nhiệm giải thích lý do và ý nghĩa Quyết định này của Bộ Chính trị và làm tốt công tác tư tưởng đối với các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ; đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định và báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 24-TT/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1989

Về việc kỷ niệm lần thứ 200 cuộc Cách mạng tư sản Pháp (14-7-1789 - 14-7-1989)

Cuộc Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 xoá bỏ chế độ phong kiến và đề xướng tư tưởng "tự do, bình đẳng, bác ái" là một bước phát triển của xã hội loài người. Chúng ta cần tổ chức nghiên cứu với tinh thần khoa học theo quan điểm của Đảng để đánh giá đúng vai trò và ý nghĩa của cuộc cách mạng đó, đồng thời làm rõ tính hạn chế và không triệt để của Cách mạng tư sản Pháp; không sùng bái mù quáng chế độ tư sản, và khẳng định lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Việc tổ chức ngày kỷ niệm này cũng phải tính đến quan hệ giữa nước ta với Chính phủ Pháp và Đảng Cộng sản Pháp. Vì vậy, các hình thức kỷ niệm dịp này là:

1. Uỷ ban Khoa học xã hội tổ chức hội nghị khoa học nhằm đánh giá cuộc cách mạng này theo tinh thần trên, coi đó là hoạt động chính của ngày kỷ niệm.

Không nên mở nhiều hội thảo ở các địa phương, ngành, cơ sở, nơi nào thấy thật cần thiết cho công tác giảng dạy của mình thì chỉ tổ chức hội thảo nội bộ (không đưa tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng) và phải hết sức coi trọng chất lượng, tránh hình thức.

2. Bộ Văn hoá tổ chức "những ngày phim" về cuộc Cách mạng Pháp.

3. Bộ Thông tin phối hợp với Thư viện Quốc gia và Thư viện Khoa học tổ chức triển lãm sách ở thư viện.

4. Hội hữu nghị Việt - Pháp tổ chức cuộc gặp mặt (không tổ chức mít tinh).

5. Các phương tiện thông tin đại chúng:

- Báo *Nhân dân*, Tạp chí *Cộng sản* và các Tạp chí *Khoa học xã hội* viết một số bài nghiên cứu sâu sắc về cuộc Cách mạng 1789 của Pháp hoặc đăng một số bản tham luận có giá trị ở hội nghị khoa học theo hướng nói trên.

- Đại diện báo *Nhân dân* của Đảng Cộng sản Pháp có bài trên báo *Nhân dân* hoặc trên đài ta.

- Đại sứ Pháp phát biểu trên Đài phát thanh và truyền hình (nếu Đại sứ yêu cầu).

6. Nếu phía Pháp mời đại biểu của ta sang dự các hoạt động kỷ niệm hoặc hội nghị khoa học tại Pháp thì tùy từng việc cụ thể, có thể cử đại biểu đi dự.

Những hoạt động khác như xuất bản sách văn học theo kế hoạch hằng năm, trao đổi các đoàn nghệ thuật theo hiệp định hợp tác văn học hằng năm, v.v. thì tiến hành bình thường không ghép vào chương trình kỷ niệm.

Mọi việc liên hệ với Sứ quán Pháp liên quan đến ngày kỷ niệm này đều phải thông qua Bộ Ngoại giao, không tùy tiện xin tài trợ của Pháp.

Ban Bí thư uỷ nhiệm Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo các báo chí tuyên truyền cho ngày kỷ niệm; uỷ nhiệm Uỷ ban Tư tưởng chỉ đạo Uỷ ban Khoa học xã hội tiến hành hội nghị khoa học về cuộc Cách mạng này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH KHAI MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

Ngày 20 tháng 3 năm 1989

Thưa các đồng chí,

Hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị toàn thể lần thứ sáu với nội dung:

- Thảo luận, bổ sung và ra Nghị quyết "Kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng nhiệm vụ ba năm tới".

- Bầu bổ sung một số Ủy viên Trung ương chính thức.

Thực hiện đường lối đổi mới ở nước ta là một quá trình sáng tạo cách mạng, là một cuộc đấu tranh gian khổ giữa cái cũ, lạc hậu và cái mới, tiến bộ. Chúng ta không có một mẫu hình có sẵn để theo đó mà đổi mới. Vì vậy, phải vừa làm, vừa tìm tòi, kịp thời đúc rút kinh nghiệm để bổ sung, hoàn chỉnh dần các chủ trương, chính sách. Nhằm mục đích đó, sau một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Hội nghị bốn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp vào tháng 12-1987 đã kiểm điểm và rút kinh nghiệm một bước. Đến nay, sau hai năm thực

hiện Nghị quyết Đại hội VI, có nhiều vấn đề mới phát sinh cần phải kịp thời tổng kết. Do đó, Bộ Chính trị đã lập ra một tiểu ban chuẩn bị bản dự thảo báo cáo và tổ chức kiểm điểm sâu rộng trong các cấp tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, ngành trung ương trong mấy tháng qua.

Đây là một sự kiện to lớn trong sinh hoạt chính trị của đất nước ta. Bản thân việc kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI là một biểu hiện của tinh thần đổi mới, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, tinh thần khoa học và thực sự cầu thị của Đảng ta. Bộ Chính trị đã trình ra Hội nghị Trung ương những tài liệu cần thiết. Sau đây, tôi xin phát biểu một vài vấn đề

*

* *

**I- VỀ YÊU CẦU KIỂM ĐIỂM HAI NĂM
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VI
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ BA NĂM TỚI**

Bản báo cáo trình Hội nghị Trung ương lần này là sản phẩm trí tuệ tập thể của các đồng chí Trung ương, của các ban, ngành trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Chính trị.

Sau khi tổng hợp các ý kiến đóng góp, sửa chữa, Bộ Chính trị đã dành hai ngày để thảo luận và cho ý kiến về việc tiếp thu các ý kiến, sửa đổi dự thảo báo cáo. Tất cả các ý kiến đóng góp đã được tập hợp và xem xét nghiêm túc. Rất nhiều ý kiến đã được tiếp thu, thể hiện trong báo cáo mới. Tuy vậy, có những ý kiến đóng góp vì nhiều nguyên nhân nên chưa được

phản ánh trong báo cáo, hoặc có những ý kiến mới bổ sung, các đồng chí sẽ phát biểu trong hội nghị.

Sau đây, để cho cuộc thảo luận đi đúng trọng tâm, tôi xin đề cập một số vấn đề:

1. Một số ý kiến đặt vấn đề quá rộng, quá xa, vượt khỏi khuôn khổ của báo cáo này, như yêu cầu làm rõ mô hình của chủ nghĩa xã hội, nội dung của thời kỳ quá độ ở nước ta, tính chất của thời đại ngày nay, mô hình công nghiệp hoá, v.v.. Cần phân biệt kiểm điểm hai năm giữa hai kỳ Đại hội với Báo cáo chính trị trước Đại hội, với Cương lĩnh Đảng và Chiến lược kinh tế - xã hội. Báo cáo kiểm điểm căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VI, phân tích những công việc đã triển khai, chỉ rõ những việc làm được và chưa làm được, rút ra những bài học kinh nghiệm. Báo cáo đó không thể tổng kết những vấn đề vượt khỏi Nghị quyết Đại hội hoặc giải quyết những vấn đề thuộc về Cương lĩnh hoặc Chiến lược kinh tế dài hạn. Báo cáo được xây dựng theo tinh thần cái gì đã rõ, suy nghĩ đã chín thì trình bày. Đặc biệt, quan trọng nhất là xuất phát từ kết quả thực tiễn trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI để tổng kết. Có những vấn đề tuy cần thiết nhưng chuẩn bị chưa kỹ thì chỉ nêu lên ý chính hoặc đặt vấn đề để tiếp tục nghiên cứu, như vấn đề kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, chính sách tài chính quốc gia, v.v.. Nói như vậy không có nghĩa là bản kiểm điểm này không đề cập đến những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa xã hội, những nội dung quan trọng của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về quá trình công nghiệp hoá trong điều kiện hiện nay. Những vấn đề này có được đề cập trong báo cáo thông qua việc trình bày cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống chính trị và dân chủ hoá, v.v.. Chỉ có điều là những vấn đề đó được trình bày như là sự khái quát kết quả của hoạt động thực tiễn mà chúng ta nhận thức được ở trình độ hiện nay.

Làm như vậy tức là chúng ta tuân thủ lời dạy của Lenin khi Người nói: Mác không bao giờ đưa ra những định nghĩa tưởng tượng có tính chất kinh viện và giả tạo thế nào là chủ nghĩa xã hội, thế nào là chủ nghĩa cộng sản mà phân tích những nấc thang trưởng thành của chúng. Đó cũng là cách làm phù hợp với phép biện chứng là từ thực tiễn sinh động đến tư duy trừu tượng, đúc kết thành lý luận, từ lý luận lại trở về với thực tiễn. Chúng ta cần tránh cách đề ra những luận điểm tiên nghiệm để bắt cuộc sống phải tuân theo. Kinh nghiệm của nước ta và kết quả nghiên cứu các nước trên thế giới cũng xác nhận cách làm thận trọng như vậy là đúng đắn và cần thiết.

Có một số ý kiến cho rằng, việc xây dựng Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội có phần chậm. Trên thực tế, chúng ta đang xúc tiến việc thực hiện hai nhiệm vụ này của Đại hội. Song chúng ta không thể làm các công việc khó khăn và phức tạp này một cách vội vã, tách rời với thực tiễn. Không thể tách thành hai quá trình biệt lập nhau: việc xây dựng Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế với những công việc mà chúng ta đang triển khai trên thực tế để thực hiện công cuộc đổi mới. Chính nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng là một đóng góp quan trọng vào quá trình xây dựng Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội. Tiếp đó, những nghị quyết của các hội nghị Trung ương, của Bộ Chính trị, việc tổng kết hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng mà chúng ta đang tiến hành hiện nay đều là những viên gạch xây dựng Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế. Chỉ trên cơ sở chủ yếu là tổng kết thực tiễn quá trình đổi mới thì Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế mới có căn cứ vững chắc về lý luận và thực tiễn.

2. Một số ý kiến khác đặt ra yêu cầu giải quyết những vấn đề quá cụ thể, tỉ mỉ của từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương như các biện pháp cụ thể để phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giải quyết vấn đề ruộng đất, vấn đề thương nghiệp và vật tư, vấn đề giáo dục... Bản kiểm điểm này

không thể đi sâu vào các vấn đề quá cụ thể như vậy, vì nó không phải là bản kế hoạch kinh tế - xã hội của Hội đồng Bộ trưởng hoặc đề án công tác của một ngành, một địa phương. Vấn đề đặt ra là: trên cơ sở giải quyết những vấn đề cơ bản, Hội đồng Bộ trưởng và các ngành, các cấp sẽ cụ thể hoá sau.

3. Trên tinh thần đó, báo cáo đã đề cập đến bốn lĩnh vực chủ yếu:

- Lĩnh vực kinh tế - xã hội (đây là trọng điểm của báo cáo).
- Công tác đối ngoại, quốc phòng và an ninh.
- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Đánh giá tổng quát tình hình, nắm chắc những nhiệm vụ then chốt để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.

Trong những vấn đề lớn nêu trên, có một số nội dung rất cơ bản nhưng Trung ương chưa có điều kiện bàn sâu và chưa có nghị quyết như giáo dục, y tế, xây dựng con người mới, vấn đề dân tộc, công tác các đoàn thể quần chúng, v.v.. Có tình hình đó không phải do Trung ương xem nhẹ, mà chủ yếu là vì thời gian hai năm sau Đại hội VI quá ngắn, chưa cho phép chúng ta triển khai kịp. Nói cho công bằng thì chúng ta cũng có không ít lần bàn đến các vấn đề trên và đã có một số chủ trương, nhưng còn chấp vá, chủ yếu là để giải quyết những vướng mắc có tính chất đột xuất trước mắt. Tới đây, chúng ta sẽ xem xét, giải quyết các vấn đề này cơ bản và có hệ thống hơn.

Việc trình bày bốn vấn đề lớn nói trên thấu suốt các yêu cầu: đánh giá đúng những thành tựu, triển vọng, nhân tố mới, cũng như những khuyết điểm, thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; vạch ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan; rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực và cụ thể; bổ sung những quan niệm, nội dung, bước đi của quá trình đổi mới và đề ra những nhiệm vụ, giải pháp lớn có hiệu lực cho ba năm tới; tạo ra niềm tin, sự đoàn kết thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI.

Báo cáo là cơ sở để Trung ương thảo luận, hoàn chỉnh và bổ sung. Để cho cuộc thảo luận có kết quả, tôi đề nghị với Trung ương bám sát các yêu cầu cơ bản trên đây, không mở rộng quá xa hay đi vào những vấn đề quá chi tiết.

Để nâng cao nội dung của báo cáo, chúng ta phải có quan điểm toàn cục, xuất phát từ tình hình chung của đất nước để đánh giá những việc làm được và chưa làm được, rút kinh nghiệm và tìm ra những giải pháp, không quá đi sâu vào những sự việc cụ thể của ngành và địa phương.

Trên cơ sở thảo luận, Hội nghị Trung ương sẽ ra nghị quyết về vấn đề này. Sau Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị sẽ có kế hoạch tổ chức phổ biến nghị quyết để toàn Đảng, các cấp và các ngành quán triệt sâu sắc, xây dựng chương trình hành động nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ lớn mà bản nghị quyết này đề ra.

Tôi tin rằng, với tinh thần thực sự cầu thị, khoa học và khách quan, cuộc thảo luận của Trung ương sẽ nâng cao và bổ sung bản báo cáo.

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Trước đây, Bộ Chính trị có dự kiến tổ chức Hội nghị đại biểu toàn quốc trong năm nay để thảo luận và thông qua báo cáo kiểm điểm hai năm và mở rộng Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Sở dĩ có chủ trương đó là vì:

- Do tầm quan trọng của việc kiểm điểm hai năm và vạch ra phương hướng nhiệm vụ cả ba năm tới nên văn bản này cần được hội nghị đại biểu toàn quốc gồm các Ủy viên Trung ương và những cán bộ chủ chốt của các cấp, các ngành tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua. Làm như vậy để tập hợp được đầy đủ hơn trí tuệ của toàn Đảng, chẳng những làm cho chất lượng của bản báo cáo tốt hơn mà còn tạo ra sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI.

- Do sự cần thiết phải mở rộng Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị thấy rằng, đến Đại hội VII, có đến 111 đồng chí trên tổng số 170 Ủy viên Trung ương từ 60 tuổi trở lên. Như vậy, tỉ lệ các đồng chí Ủy viên Trung ương khoá VI tiếp tục tham gia Ban Chấp hành Trung ương khoá VII chắc không nhiều, sẽ hạn chế tính liên tục và kế thừa trong cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Do đó, thấy cần phải tăng số lượng các Ủy viên Trung ương, bổ sung thêm các đồng chí có năng lực, có tinh thần đổi mới, có phẩm chất, đạo đức tốt và nói chung còn trẻ đã xuất hiện nhiều trong quá trình đổi mới hai năm qua.

Trước Hội nghị Trung ương sáu, Bộ Chính trị đã tiến hành thăm dò ý kiến các đồng chí Ủy viên Trung ương về chủ trương trên. Một số đồng chí cho rằng không nên triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc với hai nội dung này. Đối với việc kiểm điểm hai năm, chỉ cần Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và thông qua là đủ, vì vấn đề đặt ra không phải là thay đổi đường lối do Đại hội VI đã vạch ra, mà là trên cơ sở kiểm điểm, bổ sung và nâng cao hơn đường lối đó. Việc này, Ban Chấp hành Trung ương có đủ thẩm quyền để làm. Đối với vấn đề thứ hai là mở rộng Ban Chấp hành Trung ương, một số đồng chí cho rằng làm như vậy trái với Điều lệ Đảng, chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới đủ thẩm quyền quyết định. Các đồng chí đó cho rằng, làm như vậy là không giữ vững kỷ cương, kỷ luật, trong tình hình hiện nay lại càng phải đề cao vấn đề này, nhất là cơ quan lãnh đạo tối cao của Đảng phải làm gương cho các cấp dưới. Bộ Chính trị đã nghiên cứu kỹ ý kiến của các đồng chí và cho rằng nếu chưa đạt được sự thống nhất hoàn toàn trong các Ủy viên Trung ương trên các vấn đề này thì không nên triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc. Đúng là điều khoản trong Điều lệ Đảng quy định chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền quyết định số lượng và cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương là hơi cứng nhắc, ít nhiều có gây trở ngại cho chúng ta trong việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới cán bộ.

Nhưng để tôn trọng nguyên tắc, chúng ta phải chấp hành, không thể có một quyết định nào khác. Đây là vấn đề cần rút kinh nghiệm để xem xét sửa đổi Điều lệ Đảng sao cho hợp lý trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII tới đây.

Đối với những cán bộ có triển vọng lẽ ra có thể bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương kỳ này thì chúng ta vẫn tiếp tục tích cực đào tạo và bồi dưỡng theo quy hoạch, bảo đảm đến Đại hội VII có được những đồng chí xứng đáng tham gia vào Ban Chấp hành Trung ương.

2. Trước đây Bộ Chính trị cũng có chủ trương tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu này và một số Hội nghị Trung ương tiếp theo cho đến Đại hội VII sẽ bầu bổ sung, tăng thêm số lượng ủy viên Bộ Chính trị so với hiện nay. Chủ trương đó xuất phát từ tình hình sau đây:

- Hiện nay, Bộ Chính trị có 13 đồng chí, tuổi bình quân hơn 68 tuổi, đến Đại hội VII, 2 đồng chí trẻ nhất cũng 67 tuổi, các đồng chí còn lại xấp xỉ và trên 70 tuổi. Do đó, đến Đại hội VI vào năm 1991, có nhiều đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hiện nay sẽ không có điều kiện tham gia Bộ Chính trị Khoá VII.

- Xuất phát từ dự kiến sửa đổi về tổ chức: đến Đại hội VII có thể bỏ cơ cấu Ban Bí thư, tăng cường và mở rộng Bộ Chính trị nhằm bảo đảm được các mặt công tác: một số đồng chí thường trực công việc của Bộ Chính trị, một số đồng chí phụ trách công tác Quốc hội, Hội đồng Bộ trưởng, các ban, ngành quan trọng của Đảng và Nhà nước, số khác phụ trách các vùng, các địa phương trọng yếu.

Tham khảo ý kiến các Ủy viên Trung ương về dự kiến nói trên, một số đồng chí cho rằng muốn tăng thêm số lượng Ủy viên Bộ Chính trị thì trước hết phải làm rõ nguyên tắc "có vào, có ra" và phải thảo luận cho nhất trí có nên bỏ cơ cấu Ban Bí thư hay không. Bộ Chính trị thấy cách đặt vấn đề như vậy là đúng đắn. Tại Hội nghị Trung ương lần này, chúng ta không có đủ thời gian để bàn các việc đó, việc chuẩn bị nhân sự cho Bộ Chính trị cũng chưa chu đáo. Ở Hội nghị Trung ương sau, trên cơ sở chuẩn bị đầy đủ hơn, trong đó có

việc kiểm điểm cá nhân của các Ủy viên Bộ Chính trị, chúng ta sẽ xem xét và quyết định vấn đề này. Bộ Chính trị cho rằng việc tăng cường và bổ sung các Ủy viên Bộ Chính trị là một việc làm cấp bách. Nếu chờ đến Đại hội VII mới làm thì quá chậm và bất lợi. Nếu được tham gia sớm Bộ Chính trị thì các đồng chí đó sẽ quen việc dần, nắm bắt ngay các vấn đề trọng đại của đất nước, đến Đại hội VII bảo đảm được sự kế thừa và phát triển trong cơ quan lãnh đạo. Vì vậy, nếu ở Hội nghị Trung ương lần này chưa làm được, thì ở các Hội nghị Trung ương sau, chúng ta sẽ lần lượt bầu bổ sung một số Ủy viên Bộ Chính trị mới để khắc phục những mặt bất lợi kể trên.

Về mặt nhân sự, Hội nghị Trung ương sáu chỉ bầu 3 Ủy viên Trung ương dự khuyết lên chính thức thay cho số còn khuyết.

*

* *

Thưa các đồng chí,

Xét về nội dung và ý nghĩa, Hội nghị này của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là một trong những Hội nghị quan

trọng nhất từ Đại hội VI đến nay. Trên cơ sở kiểm điểm việc làm hai năm qua, Hội nghị sẽ định hướng công việc cho ba năm tới nhằm xoay chuyển tình hình, thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội VI đề ra. Toàn Đảng, toàn dân tin tưởng và mong đợi vào kết quả tốt đẹp của Hội nghị chúng ta. Tôi tin rằng, Hội nghị này một lần nữa thể hiện sự đoàn kết nhất trí của Ban Chấp hành Trung ương và sẽ thành công tốt đẹp. Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xin cảm ơn sự chú ý của các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)*

Kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, và phương hướng nhiệm vụ ba năm tới

Đại hội VI đánh dấu một bước đổi mới căn bản về quan điểm và chính sách của Đảng ta trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Tinh thần đổi mới của Đại hội VI được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi trong nhân dân.

Qua hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, chúng ta cần kiểm điểm xem đã làm được gì, cái gì chưa làm được và phải tiếp tục làm như thế nào để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới?

Để trả lời câu hỏi trên, trước hết cần nhìn lại việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI đã diễn ra trong bối cảnh nào?

Trên thế giới đang diễn ra giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đưa đến những bước nhảy vọt của lực lượng sản xuất, làm cho nền kinh tế thế giới có tính quốc tế cao về sản xuất và thị trường, tạo cơ hội cho các nước có thể phát triển nhanh, và cũng đặt ra nguy cơ lớn cho các nước có thể bị bỏ rơi rất xa trong cảnh nghèo nàn lạc hậu. Các nước đều điều chỉnh chiến lược về đối nội và đối ngoại nhằm tập

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

trung lực lượng để phát triển kinh tế. Phong trào đấu tranh ngăn chặn nguy cơ chiến tranh hạt nhân, xu thế hoà hoãn và giải quyết bằng đối thoại các cuộc xung đột ở các khu vực đang phát triển cùng với cuộc đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau. Tuy nhiên, bản chất của các lực lượng đế quốc và phản động không hề thay đổi. Đối với nước ta, các lực lượng thù địch chưa từ bỏ âm mưu và hành động phá hoại, bao vây và cô lập.

Chủ nghĩa xã hội trên thế giới đứng trước sự thách thức về phát triển kinh tế và khoa học, kỹ thuật, phải tự nhận thức lại mình, khắc phục những mặt yếu kém, trì trệ, phát huy bản chất ưu việt của mình để tiếp tục tiến lên. Sự nghiệp cải tổ và cải cách ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã giành được kết quả bước đầu nhưng còn nhiều khó khăn, chưa tạo ra được chuyển biến căn bản.

Ở trong nước, chúng ta bắt đầu tiến hành đổi mới trong điều kiện có những nhân tố mới xuất hiện, song tình hình chung về kinh tế, xã hội đang diễn biến xấu. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp ăn sâu, bám rễ trong hệ thống quản lý cùng với việc bố trí không đúng cơ cấu kinh tế và những khuyết điểm khác về chính sách kinh tế xã hội trong nhiều năm, cộng thêm sai lầm về xử lý giá - lương - tiền cuối năm 1985 để lại hậu quả lớn cả về kinh tế, xã hội, không dễ khắc phục ngay trong một thời gian ngắn. Nguồn vay mượn nước ngoài tăng lên tuy tạo thêm vốn phát triển kinh tế, nhưng số nợ và lãi phải trả hàng năm làm gay gắt thêm cán cân thanh toán.

Hậu quả của chiến tranh còn rất nặng nề cả về kinh tế, xã hội; chúng ta lại phải đối phó với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các lực lượng thù địch; ngân sách phải dành một phần quan trọng cho chi phí quốc phòng và thực hiện chính sách xã hội đối với những người đã chịu nhiều hy sinh, có nhiều công lao đối với đất nước.

Sự bùng nổ dân số từ nhiều năm dồn lại, làm tăng sức ép vốn đã gay gắt về việc làm và đời sống.

Đại hội VI đã xác định những chủ trương lớn định hướng cho sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội, thời gian và kiến thức chưa đủ để tổng kết có hệ thống nhiều vấn đề thực tiễn, chưa làm rõ được nội dung cụ thể và bước đi của quá trình đổi mới.

Cuộc sống đòi hỏi bức bách phải đổi mới, không thể chần chừ. Nhưng chúng ta không có sẵn mẫu hình đổi mới, nên phải tìm tòi và sáng tạo, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm.

Cũng phải nói rằng, lúc đầu từ cơ quan lãnh đạo cho đến cán bộ, đảng viên chưa nhận thức được đầy đủ tính chất cách mạng sâu sắc và toàn diện của sự nghiệp đổi mới, cũng chưa đánh giá được đúng mức những điều kiện và khả năng thực tế. Tình hình diễn ra khó khăn, phức tạp hơn dự kiến, đồng thời thực tiễn càng làm bộc lộ rõ tiềm năng vật chất, trí tuệ và ý thức chính trị của nhân dân ta.

Trong bối cảnh nói trên, hai năm qua, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, xuất phát từ thực tiễn, đã nghiên cứu xây dựng nhiều nghị quyết nhằm cụ thể hoá đường lối đổi mới của Đại hội VI, phát triển và nâng cao quan điểm của Đại hội trên một số lĩnh vực, cả về kinh tế, quốc phòng, an ninh, ngoại giao, về công tác tư tưởng và văn hoá, văn nghệ, về xây dựng Đảng. Tuy nhiên, còn một số lĩnh vực quan trọng như giáo dục, y tế và một số vấn đề khác thuộc chính sách xã hội chưa được nghiên cứu, xác định rõ nội dung đổi mới.

Các nghị quyết của Đảng đã đi vào cuộc sống như thế nào? Thực tiễn đã chỉ ra đúng, sai và đặt ra những vấn đề gì phải

giải quyết tiếp để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới? Dưới đây, sẽ làm rõ những vấn đề này.

*
* *

Phần thứ nhất

LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI

Hai năm qua, tư tưởng chỉ đạo của Đại hội VI: "giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa" đã đi vào cuộc sống và được kiểm nghiệm trong thực tiễn thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ và chính sách lớn về kinh tế.

I- BỐ TRÍ LẠI CƠ CẤU SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU CHỈNH LỚN CƠ CẤU ĐẦU TƯ THEO HƯỚNG TẬP TRUNG THỰC HIỆN NHỮNG MỤC TIÊU CỦA BA CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ

1. Đại hội VI đã đề ra nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình kinh tế theo những mục tiêu xác định và đã định hướng cho việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư. Thực tiễn cho thấy rõ, chúng ta chưa đủ điều kiện và khả năng xây dựng các chương trình mục tiêu theo đúng nghĩa của nó, mà chỉ có thể xây dựng các chương trình với mức độ bố trí các cân đối lớn và các biện pháp chủ yếu nhằm thực hiện các mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và những mặt hàng xuất khẩu quan trọng trong

mấy năm trước mắt. Do chậm nhận ra điều này nên việc xây dựng ba chương trình kinh tế của cả nước bị kéo dài, cho đến nay vẫn chưa được công bố chính thức, ảnh hưởng không nhỏ đến việc định hướng và xác lập các cân đối của các chương trình kinh tế do các địa phương và các ngành xây dựng. Mặc dù có những thiếu sót trên, nhưng dựa vào Nghị quyết Đại hội VI, Trung ương và các cấp đã thực hiện được một bước bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo những mục tiêu của ba chương trình kinh tế, thể hiện ở kế hoạch hàng năm và các hiệp định về hợp tác kinh tế với nước ngoài, đặc biệt là với Liên Xô.

Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước đã tập trung hơn cho việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế và cho các công trình trọng điểm. Trung ương đã đình và hoãn 37 công trình lớn, chiếm một phần tư giá trị thiết bị toàn bộ đã ký với nước ngoài; đã cắt giảm nhiều công trình của một số ngành và địa phương. Do được tập trung đầu tư, các công trình trọng điểm bảo đảm được tiến độ thi công. Trong ba năm đã đưa vào sử dụng 30 công trình thuỷ lợi, 22 công trình công nghiệp, bốn công trình giao thông trên hạn ngạch và hàng ngàn công trình dưới hạn ngạch. Công trình thuỷ điện Sông Đà, Trị An đã bắt đầu được huy động một phần, giảm bớt khó khăn về năng lượng. Các ngành, địa phương và cơ sở cũng dành nhiều vốn đầu tư hơn cho việc phát triển nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi trọng các công trình quy mô nhỏ, có hiệu quả nhanh. Tính chung, đã dành cho các mục tiêu của ba chương trình kinh tế khoảng hơn 60% vốn đầu tư của ngân sách trung ương, 75-80% vốn đầu tư của địa phương.

Vốn đầu tư qua ngân sách nhà nước giảm mạnh, tính theo cùng một giá so với năm 1986 thì năm 1987 giảm 15%, năm 1988 giảm 33%, nhưng nhìn toàn diện thì *tổng vốn đầu tư trong nền kinh tế không giảm*. Ngoài vốn đầu tư của ngân sách trung ương, các địa phương đã huy động thêm vốn để đầu tư bổ sung bằng 30 đến 50% vốn đầu tư theo kế hoạch

nhà nước. Đó là chưa kể số vốn đầu tư của các cơ sở quốc doanh, của các hợp tác xã, của kinh tế gia đình và kinh tế tư nhân. Tuy chưa thống kê được đầy đủ, nhưng có thể đánh giá chung, *phần đầu tư của khu vực nhân dân có vị trí rất quan trọng*, có hiệu quả và tác động rõ nét đến việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế. Đây là bài học lớn trong việc huy động vốn, khai thác tiềm năng trong nhân dân để phát triển lực lượng sản xuất. Năm 1988 nguồn vốn đầu tư của nước ngoài cũng bắt đầu được khai thác theo luật đầu tư mới ban hành.

Về bố trí lại sản xuất, trong nền kinh tế đã xuất hiện những nhân tố để hình thành một số ngành sản xuất mới, có hiệu quả và triển vọng tốt, tuy mới chỉ ở bước đầu, như nuôi và chế biến tôm, công nghiệp gia công xuất khẩu hàng may mặc, mũ giày, công nghiệp lắp ráp hàng điện tử... Trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp đã có một số tiến bộ về tăng vụ và chuyển vụ, trồng cây công nghiệp dài ngày. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp và một số cơ sở kinh tế quốc doanh khi chuyển sang cơ chế mới, đã chủ động sắp xếp lại sản xuất và lao động trong đơn vị mình. Các đơn vị kinh tế và các địa phương đã mở rộng hơn các hình thức hiệp tác, liên doanh, liên kết kinh tế. Hình thức đấu thầu bắt đầu thực hiện ở một số nơi, đã thể hiện rõ tác dụng đối với việc sắp xếp lại sản xuất, nhưng phạm vi áp dụng còn rất hẹp.

Những tiến bộ trong bố trí lại cơ cấu đầu tư và cơ cấu sản xuất cùng với việc thực hiện các chính sách mới nhằm giải phóng mọi lực lượng sản xuất để phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã bước đầu tác động tích cực đến việc thực hiện các mục tiêu về lương thực - thực phẩm, về hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. *Tình hình chung còn nhiều khó khăn, nhưng nhìn vào thực tế cuộc sống, nhu cầu về một số sản phẩm đã được đáp ứng tốt hơn trước.*

Sản xuất *lương thực* năm 1987 bị mất mùa nặng; năm 1988 mặc dù một số tỉnh bị thiên tai nhưng cả nước vẫn đạt trên 19 triệu tấn, cao nhất từ trước đến nay. Tình hình dự trữ và

cân đối lương thực gần đây khá hơn trước. Về thực phẩm, do chính sách khuyến khích nhân dân sản xuất và lưu thông hàng hoá, thực hiện cơ chế giá kinh doanh, nên thị trường thịt, cá, đậu, rau, hoa quả,... đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng, kể cả ở một số nơi trước đây từng thường xuyên khan hiếm như Hà Nội.

Sản xuất *hàng tiêu dùng*, so với năm trước, năm 1987 tăng 9,5%, năm 1988 tăng 11%. Chính sách sản xuất và lưu thông hàng tiêu dùng theo cơ chế kinh doanh làm cho thị trường hàng tiêu dùng từ nhiều nguồn trong nước và ngoài nước trở nên phong phú hơn. Trừ vài mặt hàng thiết yếu còn khan hiếm, nói chung các mặt hàng khác đã có thể mua bán bình thường. Tuy nhiên đối với một số vùng miền núi và nông thôn hẻo lánh, nhu cầu hàng tiêu dùng chưa được đáp ứng tốt.

Kim ngạch *xuất khẩu* năm 1987 tăng 3,8%, năm 1988 tăng 17,2% so với năm trước. Tuy nhiên chúng ta chưa tạo được những mặt hàng chủ lực có vị trí ổn định trên thị trường quốc tế; xuất khẩu mới chỉ xấp xỉ bằng 40% nhập khẩu; một số mặt hàng quan trọng xuất sang thị trường xã hội chủ nghĩa không thực hiện được nghĩa vụ cam kết.

Đánh giá chung tốc độ phát triển kinh tế năm sau so với năm trước, tổng sản lượng nông nghiệp năm 1987 chỉ tăng 0,3% do bị mất mùa nặng, năm 1988 tăng 2,2% (sản lượng lương thực quy thóc tăng 7,9%); tổng sản lượng công nghiệp tăng 9,5% và 9%, trong đó hàng tiêu dùng tăng 9,5% và 11%; thu nhập quốc dân sản xuất tăng 2,5% và 5,9%. *So với tốc độ phát triển dân số cũng như so với nhu cầu và khả năng thực tế thì mức độ phát triển ấy vẫn còn thấp.*

2. Những vấn đề đặt ra và hướng giải quyết

Qua hai năm thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế, nổi lên một số vấn đề lớn:

- *Nhìn chung, sản xuất và cân đối lương thực chưa vững chắc*; kể cả khi được mùa, miền Bắc vẫn thường xuyên thiếu, đặc biệt là ở các thành phố và khu công nghiệp.

Nạn thiếu đói ở một số vùng trên miền Bắc trong những tháng đầu năm 1988 dẫn tới những hậu quả không đáng có là do nhiều khuyết điểm trong chính sách và sự điều hành cân đối lương thực.

Những tiến bộ gần đây về cân đối và dự trữ lương thực cho thấy rõ: vấn đề lương thực phải được giải quyết một cách toàn diện và đồng bộ, theo quan điểm phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, khắc phục xu hướng tự cấp, tự túc; đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, phải có chính sách cởi mở về lưu thông lương thực theo cơ chế kinh doanh. Các khâu bảo quản, vận chuyển, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu cũng phải được coi trọng và giải quyết theo phương thức kinh doanh. Bằng những giải pháp tổng hợp đó, chúng ta có khả năng trong vài năm tới bảo đảm được cân đối lương thực thiết yếu.

- *Hàng tiêu dùng* sản xuất trong nước nhìn chung chất lượng thấp, có những loại kém hơn trước, giá thành cao, đã có một số hàng khó bán. Trong khi đó, hàng nhập ngoại tăng từ nhiều nguồn, trong đó một phần đáng kể thoát ly sự kiểm soát của nhà nước, đã lấn át một số loại hàng sản xuất trong nước. *Chính sách bảo hộ sản xuất* vừa thiếu, vừa không được thực hiện nghiêm chỉnh.

Cần khẩn trương bổ sung chính sách đối với hàng nhập khẩu theo hướng vừa bảo hộ sản xuất trong nước, vừa thúc đẩy sản xuất trong nước vươn lên nâng cao chất lượng, hạ giá thành, đổi mới sản phẩm. Chính sách đó cũng phải đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng có mức thu nhập khác nhau, góp phần điều tiết thu nhập qua việc tiêu dùng những hàng cao cấp. Tinh thần đó phải được thể hiện trong chính

sách thuế đánh vào hàng nhập khẩu. Đồng thời cần coi trọng việc giáo dục ý thức dùng hàng nội hoá, khắc phục xu hướng tôn sùng hàng ngoại một cách mù quáng.

- Việc khai thác khả năng hiện có về *công nghiệp nặng* và xây dựng *kết cấu hạ tầng* chưa được quan tâm đúng mức. Trong kế hoạch đầu tư và sản xuất phục vụ ba chương trình kinh tế, cần chú trọng đồng bộ hoá và tận dụng năng lực sản xuất của các xí nghiệp cơ khí; đồng bộ hoá trong xây dựng cơ sở hạ tầng về năng lượng; đầu tư thích đáng hơn bằng nhiều nguồn vốn để sớm khắc phục tình trạng xuống cấp nghiêm trọng của hệ thống giao thông vận tải và quá lạc hậu về thông tin, liên lạc.

- Nguồn vốn đầu tư tập trung qua ngân sách rất có hạn do ngân sách nhà nước đang bội chi lớn, lại phải dành phần lớn cho các công trình chuyển tiếp. Tuy đã kiên quyết đình hoãn một số công trình nhưng khả năng tăng vốn đầu tư của ngân sách cho ba chương trình rất eo hẹp; nhiều ngành và địa phương đều cho rằng không được Nhà nước quan tâm đầu tư. Trong mấy năm tới, tình hình này còn tiếp diễn.

Để đáp ứng nhu cầu đầu tư thực hiện ba chương trình kinh tế, giải pháp quan trọng số một là phải có *chính sách tạo vốn từ nhiều nguồn*, nhất là phải có chính sách động viên thu nhập quốc dân một cách hợp lý và thu hút mạnh vốn đầu tư trong nhân dân và nước ngoài. Trong kế hoạch hoá đầu tư cần đặc biệt coi trọng nguồn vốn to lớn của các cơ sở và của nhân dân; có kế hoạch và chính sách để khuyến khích, hướng dẫn các cơ sở và nhân dân đầu tư có lợi nhất cho mình và cho xã hội.

Cần đổi mới cơ chế đầu tư theo hướng: vốn đầu tư của nhà nước chủ yếu tập trung cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, một số công trình then chốt phục vụ cho việc thực hiện ba chương trình kinh tế, một số công trình phúc lợi xã hội; phần lớn vốn đầu tư cho các công trình sản xuất kinh doanh phải theo nguyên tắc tự vay tự trả, gắn trách nhiệm và hiệu quả đầu

tư. Đồng thời phải thực hiện tốt chức năng hướng dẫn và kiểm soát của Nhà nước đối với toàn bộ đầu tư trong xã hội, hướng tập trung đầu tư cho các ngành sản xuất. Tiếp tục đổi mới quản lý và kế hoạch hoá xây dựng cơ bản, mở rộng phương thức đấu thầu, chuyển hẳn hoạt động xây dựng cơ bản sang hạch toán kinh doanh.

- Cơ cấu sản xuất của nền kinh tế quốc dân chưa có chuyển biến rõ. Sản xuất nông nghiệp nhìn chung còn mang nặng tính chất tự cấp, tự túc, chậm mở mang ngành nghề ở nông thôn và hình thành những vùng chuyên canh có tỉ suất hàng hoá cao. Trong khi năng lực sản xuất hiện có chưa được tận dụng, những cơ sở có kỹ thuật cao đang còn thường xuyên thiếu nguyên liệu thì nhiều địa phương vẫn tiếp tục phát triển cơ sở sản xuất mới, điển hình là thuốc lá, rượu, xe đạp và phụ tùng, quạt máy... Các hoạt động dịch vụ cho sản xuất, kinh doanh và đời sống phát triển còn yếu, chưa thành một ngành quan trọng trong cơ cấu kinh tế.

Phải tạo ra môi trường kinh doanh để thúc đẩy quá trình sắp xếp lại sản xuất một cách hợp lý, có hiệu quả thông qua hiệp tác, liên kết và cạnh tranh giữa các đơn vị kinh tế.

Nhà nước định hướng và dùng các biện pháp kinh tế là chủ yếu để thúc đẩy quá trình đó thay cho sự sắp xếp theo lối hành chính.

Những vấn đề nêu trên cần được giải quyết trong việc *xây dựng, chỉnh lý và triển khai thực hiện ba chương trình kinh tế trong những năm trước mắt*, tập trung vào mục tiêu lương thực - thực phẩm, một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, một số mũi nhọn xuất khẩu và hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Đồng thời *tiếp tục nghiên cứu và hình thành từng bước chiến lược kinh tế - xã hội*, trước hết là xác định những ngành kinh tế mũi nhọn để định hướng cho việc bố trí cơ cấu kinh tế và đầu tư trong kế hoạch 5 năm 1991-1995 và cho việc xây dựng phương án kinh tế làm ăn với nước ngoài.

Đối với *kinh tế miền núi* (cả phía Bắc và Tây Nguyên), cần sớm tổng kết và có phương án phát triển kinh tế - xã hội phù

hợp với đặc điểm, khả năng và đúng với tầm quan trọng của địa bàn này, đặc biệt coi trọng giao thông vận tải và lưu thông hàng hoá, nhằm khai thác các thế mạnh về kinh tế và từng bước nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các dân tộc, khắc phục tình trạng miền núi ngày càng xa cách về trình độ phát triển so với các vùng khác.

II- THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CƠ CẤU KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN

Từ chủ trương phải sớm căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, chuyển sang thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một bước đổi mới quan trọng trong chính sách kinh tế của Đảng, được đề ra trong Đại hội VI, được cụ thể hoá và phát triển trong các nghị quyết của Trung ương và các Nghị quyết 10, 16 của Bộ Chính trị.

1. Chính sách này đi vào cuộc sống tương đối nhanh, bước đầu khơi dậy tiềm năng kinh tế của nhân dân thông qua việc phát triển mạnh kinh tế gia đình, kinh tế cá thể và nhiều loại hình kinh tế hợp tác đa dạng ở cả nông thôn và thành thị, tuy không đồng đều giữa các vùng. Một số cơ sở kinh tế của tư sản dân tộc bắt đầu đăng ký hoạt động, phần lớn là cơ sở nhỏ.

Trong hai năm qua, hoạt động của các thành phần kinh tế này đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của nông nghiệp, đặc biệt là cây lâu năm và chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản và vào sự sống động của thị trường thực phẩm và hàng tiêu dùng. Những kết quả bước đầu đã chứng minh khả năng tiềm tàng rất to lớn của nhân dân trong việc phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tăng thêm của cải cho xã hội, giải quyết việc làm và ổn định đời sống.

Tuy nhiên, các tiềm năng đó chưa được giải phóng triệt để và có phần chưa được phát huy đúng hướng. Do chính sách đối

với các thành phần kinh tế chưa được thể chế hoá đồng bộ; quyền sở hữu, sử dụng và thừa kế tài sản, quyền kinh doanh và hưởng thu nhập chính đáng cũng như nghĩa vụ đối với Nhà nước chưa được quy định thành luật nên nhiều người chưa yên tâm, mạnh dạn bỏ vốn sản xuất kinh doanh. Mặt khác, Nhà nước buông lỏng việc hướng dẫn, điều tiết và kinh tế quốc doanh chưa thực hiện được vai trò chủ đạo trong nhiều lĩnh vực nên hoạt động của các thành phần kinh tế còn nặng tính tự phát. Có tình trạng thiên về kinh doanh thương nghiệp, ăn uống hơn là đầu tư vào sản xuất.

Cần sửa chữa những thiếu sót đó để phát huy mạnh hơn nữa tiềm năng kinh tế của nhân dân, khắc phục xu hướng tự phát mù quáng và ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực.

2. Thực tiễn đã làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề mới, phát triển quan điểm và bổ sung chính sách của Đại hội VI về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Một là, chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, phù hợp với quy luật về sự thích ứng giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính sách đó thể hiện tinh thần dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi người được tự do làm ăn theo luật pháp, tự lựa chọn hình thức kinh tế.

Hai là, trong nền kinh tế quốc dân thống nhất do nhà nước xã hội chủ nghĩa kiểm soát, hướng dẫn và điều tiết, với kinh tế quốc doanh nắm những vị trí then chốt, các thành phần kinh tế vừa hợp tác với nhau, bổ sung cho nhau, vừa cạnh tranh với nhau, tạo thành sức mạnh tổng hợp của toàn dân phát triển nền kinh tế hàng hoá theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ hiệu quả kinh tế và điều kiện sản xuất kinh doanh, các đơn vị kinh tế vừa đi sâu vào chuyên môn hoá vừa phát triển kinh doanh tổng hợp, mở rộng phạm vi hoạt động và quan hệ hợp tác dưới nhiều hình thức. Xu hướng phân công chuyên môn hoá máy móc theo lối áp đặt từ trên,

chia cắt hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và theo địa giới hành chính, làm cho lực lượng sản xuất bị kìm hãm, cần phải xoá bỏ.

Các hình thức sở hữu không tồn tại biệt lập mà có nhiều loại hình hỗn hợp, đan xen nhau. Sự phân chia giản đơn thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, chia cắt và đối lập các hình thức sở hữu là không phù hợp với thực tế.

Ba là, phải tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh vững mạnh, phát huy tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, bảo đảm cho sự phát triển ổn định và có hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh thể hiện trên mấy mặt:

- Kinh tế quốc doanh nắm những vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân. Đó là những cơ sở quan trọng trong công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng; những cơ sở lớn hoặc có kỹ thuật hiện đại hoặc tạo nguồn thu lớn cho Nhà nước trong công nghiệp nhẹ và các ngành kinh tế khác; một số trung tâm nghiên cứu và dịch vụ kỹ thuật ở trình độ cao. Kinh tế quốc doanh cũng nắm vai trò chủ yếu trong một số ngành có vị trí chi phối đối với các hoạt động kinh tế như ngân hàng, lưu thông vật tư và hàng hoá thiết yếu, xuất khẩu, nhập khẩu. Theo phương hướng đó, khu vực kinh tế quốc doanh sẽ không ngừng mở rộng trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Kinh tế quốc doanh cần có lực lượng đủ sức chi phối thị trường song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề. Những ngành nghề, loại hoạt động nào mà kinh tế hợp tác xã, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân có thể làm tốt, có hiệu quả thì nên tạo điều kiện cho các loại hình kinh tế ấy phát triển và dùng nhiều hình thức thích hợp để liên kết họ với kinh tế quốc doanh.

Trong thời gian qua, việc phát triển kinh tế quốc doanh một cách tràn lan ở cả một số lĩnh vực không thích hợp, đã không thu được hiệu quả mà còn trở thành gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý, cần xem xét và giải quyết cụ thể. Một số cơ sở quốc doanh có thể dùng hình thức vốn cổ phần hoặc chuyển thành xí nghiệp tư bản nhà nước ở các mức độ khác nhau để có thêm điều kiện mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cơ sở nào không có ý nghĩa quan trọng về kinh tế và không chuyển được sang kinh doanh có hiệu quả thì Nhà nước có thể đầu thầu tài sản của cơ sở đó cho các đơn vị quốc doanh khác, cho tập thể hay cá nhân mua hoặc thuê.

- Các đơn vị kinh tế quốc doanh phải *nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, nêu gương về kỹ thuật công nghệ, về quản lý, về quan hệ hợp tác, về ý thức phục vụ sản xuất và đời sống, chủ động liên kết và dẫn dắt các thành phần kinh tế khác*. Kinh tế quốc doanh giành vị trí chủ đạo trong nền kinh tế và trên thị trường bằng cơ chế kinh doanh, trong quan hệ bình đẳng với các thành phần kinh tế. Xoá bỏ mọi hình thức độc quyền bằng mệnh lệnh hành chính.
Bốn là, phải đổi mới nhận thức về hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng.

Thực tiễn đã chứng minh tư tưởng của Lênin về hợp tác hoá dưới nhiều hình thức từ thấp đến cao là phù hợp với quy luật. Mọi tổ chức sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở tự nguyện góp vốn, góp sức và quản lý dân chủ, không phân biệt quy mô, trình độ kỹ thuật, mức độ tập thể hoá tư liệu sản xuất, đều là hợp tác xã. Quan niệm đồng nhất hợp tác hoá và tập thể hoá đã dẫn tới tình trạng gò ép, nôn nóng trong việc tập thể hoá tư liệu sản xuất.

Theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp là các đơn vị kinh tế hợp tác ở các trình độ phát triển khác nhau, vừa có sở hữu toàn dân về ruộng đất, vừa có sở hữu tập thể về vốn và quỹ không chia, vừa có sở hữu của xã viên về một số loại tư liệu sản

xuất. Ban quản trị hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải quản lý việc thực hiện chế độ khoán, đồng thời đảm nhiệm những khâu, những hoạt động kinh tế mà việc tổ chức làm chung có lợi hơn từng gia đình tự làm, đặc biệt là trong các dịch vụ phục vụ sản xuất và lưu thông, trong việc mở mang ngành nghề kinh doanh tổng hợp. Quy mô và cơ chế, bộ máy quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của từng đơn vị, do quần chúng xã viên quyết định. Chúng ta phải *tích cực củng cố hợp tác xã, tập đoàn sản xuất theo hướng đó*, đi đôi với việc tiếp tục giải quyết có lý, có tình vấn đề tranh chấp ruộng đất. Đối với một số đơn vị không có khả năng củng cố được hoặc từ lâu chỉ tồn tại trên danh nghĩa (như một số nơi thuộc miền núi), quần chúng yêu cầu giải thể thì không nên gò ép, mà nên chuyển sang các hình thức thấp thích hợp hơn như tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất...

Trong cơ chế mới, gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ, nhận khoán sử dụng ruộng đất theo hợp đồng với hợp tác xã và chủ động phát triển sản xuất, kinh doanh dưới nhiều hình thức. Chúng ta khuyến khích gia đình xã viên làm giàu, đồng thời phải quan tâm giúp đỡ những hộ nghèo túng để họ có thêm điều kiện và cố gắng làm ăn tốt. Tăng số hộ giàu có phải đi đôi với giảm số hộ nghèo túng. Khuyến khích làm giàu phải đi đôi với không ngừng tăng cường quan hệ đoàn kết, tương trợ và hợp tác ở nông thôn.
Năm là, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều hình thức kinh doanh của kinh tế tư nhân vẫn thích hợp, có hiệu quả và cần thiết lâu dài. Kinh tế tư nhân hoạt động theo luật pháp dưới sự hướng dẫn và điều tiết của Nhà nước, tuy còn mang bản chất tư hữu, nhưng ít nhiều có tính chất tư bản nhà nước và là một bộ phận hợp thành của cơ cấu kinh tế hàng hoá đi lên chủ nghĩa xã hội.

Kinh tế tư nhân, kể cả tư bản tư nhân, được phát triển theo luật pháp, không hạn chế về quy mô, về địa bàn hoạt động trong nước, được phép kinh doanh trong các lĩnh vực sản

xuất, xây dựng, vận tải, thương nghiệp, dịch vụ, bao gồm cả kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, kinh doanh vàng bạc, hoạt động dịch vụ y tế, giáo dục (như mở phòng khám bệnh và bệnh viện tư, cửa hàng bán thuốc tư, mở trường, lớp tư thực...). Các cơ sở sản xuất tư nhân có quy mô và điều kiện nhất định được giao dịch xuất, nhập khẩu và hợp tác sản xuất trực tiếp với bạn hàng ở nước ngoài. Nhà nước quy định rõ những ngành nghề mà tư nhân không được phép kinh doanh, xây dựng cơ chế bảo đảm sự kiểm soát, hướng dẫn và điều tiết của Nhà nước. Theo tinh thần đó, cần khẩn trương sửa đổi và bổ sung luật pháp hiện hành, xây dựng luật kinh doanh và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh.

Chính sách nêu trên không trái với chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa theo quan niệm đúng đắn mà Đại hội VI đã đề ra. Song do cách tiến hành cải tạo trước đây làm cho khái niệm cải tạo xã hội chủ nghĩa bị hiểu sai lệch, nên cách nói "sử dụng đi đôi với cải tạo" đối với kinh tế tư nhân dễ gây ra nghi ngại, không có lợi cho việc thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Sáu là, phải bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật về kinh tế, về chính trị và xã hội đối với mọi người lao động và các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, xoá bỏ những định kiến, phân biệt đối xử không đúng cả trong luật pháp, chính sách và trong tâm lý xã hội.

Quan hệ bình đẳng giữa các thành phần không loại trừ *chính sách ưu đãi của Nhà nước* đối với những ngành nghề, những địa bàn và những hình thức kinh tế cần khuyến khích. Nhưng trong mọi trường hợp, sự ưu đãi của Nhà nước không được gây ra ỷ lại và trì trệ.

III- ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

Hai năm qua, đã có nhiều nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị và văn bản pháp quy của Hội đồng Bộ trưởng về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm chuyển các đơn vị cơ sở

thuộc các thành phần kinh tế sang hạch toán kinh doanh và đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

1. Tiến trình chuyển sang hạch toán kinh doanh diễn ra không đều nhau ở các khu vực kinh tế

- Đối với kinh tế hợp tác xã và gia đình xã viên, kinh tế tư nhân:

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp đã tổng kết kinh nghiệm sáng tạo của phong trào quần chúng, được nông dân hoan nghênh, triển khai thực hiện nhanh. Ở những nơi thực hiện cơ chế khoán mới, thu nhập của người sản xuất tăng rõ rệt, tạo động lực kích thích nông dân hăng hái sản xuất, gắn bó với ruộng đất và sử dụng đất đai, mặt nước, đồi rừng tốt hơn. Bộ máy quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất giảm khoảng 30-50%. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cũng nảy sinh một số vấn đề cần tiếp tục giải quyết như tranh chấp ruộng đất, thực hiện chính sách xã hội đối với các đối tượng cần được trợ cấp... Mặt khác, do thời gian còn ngắn nên một số nội dung quan trọng khác của Nghị quyết 10 chưa thực hiện được nhiều như việc phát triển ngành nghề ở nông thôn, tạo điều kiện cho ai giỏi nghề nào làm nghề ấy...

Tuy nhiên, do cơ chế quản lý chung của Nhà nước chậm được đổi mới và do cách làm không đúng của nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh nên các đơn vị kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư nhân đang có nhiều vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, như: thuế chồng chéo, lạm thu; giao lưu hàng hoá còn bị cản trở; mua bán chưa thật sự thoả thuận; gia công còn mang tính chất của quyền; nhiều tổ chức kinh doanh của Nhà nước nợ tiền, nợ hàng của nông dân, thợ thủ công.

Ngược lại, các đơn vị kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư nhân cũng chưa được định hướng rõ để khắc phục tính tự phát; không ít cơ sở có những biểu hiện tiêu cực như trốn thuế, dây dưa nợ, lẩn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước, làm hàng giả, đầu cơ tích trữ...

- Trong khu vực kinh tế quốc doanh, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng đã tạo cho các xí nghiệp có quyền chủ động hơn trước trong sản xuất, kinh doanh.

Đã xuất hiện nhiều mô hình xí nghiệp, liên hiệp, công ty chuyển được sang hạch toán kinh doanh, gắn với thị trường, tự trang trải, có tích lũy, bảo đảm được đời sống của công nhân viên và đóng góp cho Nhà nước. Phần đông các xí nghiệp này thuộc loại quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu là sản xuất hàng tiêu dùng, được chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, kinh doanh, phát triển quan hệ liên kết, hợp tác trong nước hoặc ngoài nước để tự tạo các điều kiện về vật tư, tiền vốn và tiêu thụ. Tuy nhiên, do chưa có một hệ thống luật pháp và chính sách đồng bộ theo cơ chế kinh doanh nên các xí nghiệp này chưa được bảo đảm an toàn trước luật pháp; đồng thời lại có mặt thoát ly sự kiểm soát của Nhà nước.

Nhìn tổng quát, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa chậm đi vào cuộc sống. Đại bộ phận các xí nghiệp sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch pháp lệnh chưa thoát khỏi tình trạng ỷ lại, bị động và ách tắc trong hoạt động kinh tế do phải chờ kế hoạch, chờ vật tư, chờ giá, chờ tiêu thụ, chờ cấp vốn, tiền và bù lỗ... Hạch toán thu chi, lỗ lãi vẫn mang tính hình thức; bao cấp tiếp tục nặng nề. Chi phí "đầu vào" được đưa vào giá thành còn quá thấp. Nhiều khoản thu không phải từ kết quả sản xuất, kinh doanh mà dựa vào các "khe hở" trong thể chế hiện hành, nhất là thu chênh lệch giá vật tư và sản phẩm. Trên thực tế, Nhà nước vẫn phải dùng ngân sách để bù đắp chi phí cho các xí nghiệp dưới nhiều hình thức.

2. Vì sao nền kinh tế, trước hết là khu vực kinh tế quốc doanh chậm chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh?

Có nhiều nguyên nhân. Cơ cấu kinh tế mất cân đối, điều kiện sản xuất không ổn định là một trở ngại lớn. Song

nguyên nhân quan trọng nhất là do *cơ chế quản lý vĩ mô chuyển chậm và còn do dự, lúng túng*. Cụ thể là:

- Kế hoạch hoá vẫn nặng tính pháp lệnh theo quan hệ cấp phát, giao nộp, chủ yếu vẫn bó hẹp trong phạm vi kinh tế quốc doanh và ngân sách nhà nước, chưa chuyển theo hướng kế hoạch hoá nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Tính cân đối của kế hoạch còn thấp, không vững chắc, kể cả trong việc bố trí kế hoạch cũng như thực hiện kế hoạch.

- Hệ thống chính sách đòn bẩy chưa thoát khỏi cơ chế cũ.

Chính sách thị trường chưa thật sự cởi mở. Cơ chế định giá chưa thật sự bảo đảm quyền chủ động của cơ sở; duy trì quá lâu chính sách giá và tỷ giá thấp trong phạm vi rộng. Chính sách thuế vừa có chỗ bất hợp lý, trùng lặp, vừa thất thu lớn. Tín dụng ngân hàng vẫn nặng bao cấp, chưa thật sự kinh doanh vốn và tiền tệ. Tiền lương giải quyết chậm, chấp vá, không có tác dụng khuyến khích tăng năng suất lao động.

- Pháp chế kinh tế xây dựng chậm; chưa tạo môi trường thuận lợi và hành lang rộng mở cho hoạt động kinh doanh, chưa tạo cơ sở cho các ngành nội chính chuyển theo cơ chế mới về quản lý kinh tế.

- Lực lượng dự trữ quốc gia còn rất mỏng.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý theo cơ chế mới chưa được chú ý.

Nhìn chung, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương còn can thiệp sâu vào sản xuất kinh doanh của các đơn vị cơ sở. Trong khi đó, nhiều nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý của Nhà nước không được chú ý thực hiện; nhiều công cụ quan trọng như kế hoạch, tài chính, tiền tệ, vật tư không được sử dụng tốt. Có thể nói, *Nhà nước vẫn nắm quá chặt những cái cần buông, nhưng lại buông lỏng những cái cần nắm*. Đó là một nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng rối loạn trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế.

Sang năm 1988, nhất là từ khoảng giữa năm, cơ chế quản lý vĩ mô có một số chuyển biến tích cực. Đã dần dần mở rộng trong cả nước cơ chế giá kinh doanh trong việc mua nông

sản, bán hàng tiêu dùng, kể cả gạo, bán vật tư cho nông dân và một số loại vật tư khác. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với rúp và đôla cũng bắt đầu được giải quyết phù hợp với tình hình thực tế. Hệ thống ngân hàng kinh doanh đã bước đầu hình thành. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở các cấp được thu gọn một bước... Đó là những đổi mới quan trọng. Song do giải quyết chưa đồng bộ, thời gian còn ngắn, nên kết quả thực tế còn hạn chế.

3. Thực tiễn hai năm qua giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn *nội dung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch gồm nhiều thành phần*.

Phát triển nền kinh tế hàng hoá là con đường tất yếu để đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hàng hoá dưới chủ nghĩa xã hội không chỉ là hàng tiêu dùng mà bao gồm cả tư liệu sản xuất, sản phẩm khoa học - kỹ thuật, dịch vụ, thông tin, tiền tệ... Do đó, ngoài thị trường hàng tiêu dùng, còn có các thị trường khác như thị trường vật tư, thị trường dịch vụ, thị trường chứng khoán... Có những tư liệu sản xuất không thể chuyển quyền sở hữu như đất đai, rừng, v.v. nhưng để sử dụng hợp lý, người sử dụng phải trả tiền dưới hình thức thuế hoặc tiền thuê. Trong sản xuất hàng hoá, người lao động làm chủ sức lao động của mình và sức lao động cũng phải được tính giá trị để xác định hợp lý tiền lương và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, chống chủ nghĩa bình quân.

Nền kinh tế nước ta là một cơ cấu thống nhất gồm nhiều thành phần; do đó *thị trường xã hội cũng là một thể thống nhất với nhiều lực lượng khác nhau tham gia lưu thông hàng hoá*, vừa hợp tác, bổ sung cho nhau, vừa cạnh tranh với nhau, thực tiễn đã bác bỏ quan niệm chia cắt thị trường ra làm hai, thị trường có tổ chức và thị trường tự do, với hệ thống giá và phương thức mua bán khác nhau, đó là cách tổ chức lưu thông theo cơ chế cũ, cản trở sản xuất và lưu thông hàng hoá. *Thị trường phải thông suốt trong cả nước và từng*

bước hoà nhập với thị trường thế giới. Trong thị trường thống nhất, kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã phải bằng phương thức kinh doanh mà chiếm vị trí chi phối. Nhà nước dùng luật pháp, các chính sách kinh tế và lực lượng vật chất để điều chỉnh các hoạt động trên thị trường theo định hướng của kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, đấu tranh xoá bỏ các hoạt động kinh tế ngầm, nạn chợ đen, kinh doanh phi pháp. Thị trường có cơ chế vận động theo các quy luật của sản xuất và lưu thông hàng hoá trong quan hệ tác động qua lại với các quy luật kinh tế khác. Trong nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch, cơ chế thị trường không đối lập, cũng không tách rời mà hoà nhập với cơ chế kế hoạch hoá. *Kế hoạch hoá định hướng cho nền kinh tế hàng hoá và thị trường phát triển cân đối, vững chắc*, hạn chế những thiệt hại do tính tự phát, vô tổ chức gây ra. Kế hoạch hoá phải tuân theo quy luật và phù hợp với tình hình thực tế; do đó, phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường và vận dụng quy luật của thị trường. Đồng thời, thị trường cũng phải được kế hoạch hoá dưới nhiều hình thức. Như vậy, *thị trường vừa là một căn cứ, vừa là một đối tượng của kế hoạch hoá*.

Kế hoạch đi vào cuộc sống bằng các chính sách, biện pháp kinh tế là chủ yếu. Các chính sách kinh tế phải vận dụng nhiều quy luật, trong đó có các quy luật của thị trường, để *giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích*, theo nguyên tắc: lợi ích của người sản xuất kinh doanh là động lực trực tiếp đối với hoạt động kinh tế và tạo cơ sở cho việc đáp ứng các lợi ích khác, cái gì có lợi cho Nhà nước, cho xã hội cũng phải có lợi cho người sản xuất kinh doanh và ngược lại. Như vậy, *cơ chế thị trường phải được vận dụng nhất quán trong kế hoạch hoá và các chính sách kinh tế*.

Cơ chế thị trường vận động trong *môi trường tự do sản xuất, lưu thông hàng hoá theo luật pháp* và tác động đến quá trình tái sản xuất thông qua *giá cả*. Trong quan hệ hợp tác và cạnh tranh trên cơ sở bình đẳng, người sản xuất, người lưu thông và người tiêu dùng chủ động mua, bán, thoả thuận với

nhau về giá, hình thành nên giá thị trường. Đối với các đơn vị kinh tế, đó chính là giá kinh doanh, vừa phản ánh giá trị và phù hợp với sức mua của đồng tiền, vừa chịu tác động trực tiếp của quan hệ cung - cầu. Giá cả trong nước cũng không thể tách rời giá cả trên thị trường quốc tế. Nhà nước không dùng mệnh lệnh hành chính áp đặt giá mà sử dụng các chính sách, biện pháp kinh tế và lực lượng dự trữ là chính để tác động đến quan hệ cung - cầu, điều tiết, hướng dẫn giá cả trên thị trường, đồng thời chống bọn đầu cơ, buôn lậu, gây rối thị trường.

4. Khâu trung tâm đồng thời là điểm xuất phát để xây dựng cơ chế quản lý nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch là *chuyển toàn bộ các đơn vị kinh tế, đặc biệt là các xí nghiệp quốc doanh, sang cơ chế kinh doanh*.

Đó là cơ chế hoạt động *theo nguyên tắc tự trang trải, tự phát triển và đóng góp vào ngân sách nhà nước*. Muốn vậy, trên cơ sở bảo đảm chấp hành luật pháp, các đơn vị kinh tế phải có đầy đủ quyền *tự chủ và tự chịu trách nhiệm* cả về kế hoạch và tổ chức sản xuất, kinh doanh, về tài chính và giá cả, về phân phối thu nhập, về quan hệ mua, bán, hợp tác, liên kết, liên doanh, về tuyển dụng lao động và cho thôi việc, về quản lý trong nội bộ đơn vị. Các xí nghiệp quốc doanh là người trực tiếp sử dụng tài sản thuộc sở hữu toàn dân được Nhà nước giao cho quản lý, phải có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh gắn với trách nhiệm bảo vệ và phát triển tài sản ấy.

Khâu chủ yếu cần giải quyết trước mắt để chuyển được các đơn vị kinh tế sang kinh doanh là đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng xoá bỏ bao cấp đi đôi với giải thoát cho các đơn vị kinh tế khỏi sự điều khiển hành chính, quan liêu của Nhà nước. Vai trò quản lý của Nhà nước đối với các đơn vị kinh tế phải đạt các yêu cầu: tạo môi trường và hành lang cho các đơn vị kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh năng động, có trật tự; hướng các hoạt động kinh tế đi theo quỹ đạo của kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, bảo

đảm các quan hệ cân đối lớn của nền kinh tế; giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích.

Để đáp ứng các yêu cầu trên, các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước phải được đổi mới:

- Cơ chế kế hoạch hoá phải chuyển hướng theo yêu cầu phát triển có kế hoạch nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, nâng cao chất lượng kế hoạch hoá ở tầm vĩ mô, chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch hướng dẫn là chủ yếu gắn với các chính sách đòn bẩy để định hướng cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của các đơn vị kinh tế. Quá trình đổi mới nội dung và phương pháp kế hoạch hoá phải ăn khớp với quá trình sửa đổi, bổ sung các chính sách đòn bẩy. Do đó, cần thống nhất việc xây dựng kế hoạch với việc hoạch định các chính sách kinh tế.

Tổ chức tốt thông tin kinh tế, đặc biệt là thông tin thị trường và thông tin khoa học, kỹ thuật trong và ngoài nước, nhằm phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và đáp ứng nhu cầu thông tin của các đơn vị kinh tế.

- Chính sách tài chính quốc gia nói chung và các chính sách cụ thể về thuế, tín dụng, tiền tệ, giá cả, tiền lương là những công cụ trọng yếu mà Nhà nước cần sử dụng tốt để tác động đến sản xuất và thị trường, kích thích và điều tiết các hoạt động kinh tế theo định hướng của kế hoạch vĩ mô. Các chính sách đó phải được đổi mới theo hướng xoá bỏ bao cấp, phân phối hợp lý thu nhập, nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, thực hành tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng, đẩy lùi và khống chế lạm phát.

- Pháp chế kinh tế cần được khẩn trương xây dựng theo hướng xoá bỏ những quy định lỗi thời, ban hành luật và các văn bản pháp quy khác xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích trong sản xuất - kinh doanh, xây dựng trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế phù hợp với cơ chế mới.

- Dự trữ quốc gia, trước hết là về lương thực, nhiên liệu, vàng, ngoại tệ và tiền Việt Nam, cần được mau chóng tăng

cường đi đôi với bố trí hợp lý dự trữ kinh doanh của các tổ chức kinh tế quốc doanh để chủ động đối phó với những biến động bất thường của thị trường và giá cả.

Các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương phải thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, không can thiệp vào hoạt động sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Đối với một số sản phẩm đặc biệt quan trọng cần nắm, Nhà nước đặt hàng cho các đơn vị kinh tế theo cơ chế kinh doanh, trên cơ sở hợp đồng thoả thuận và chỉ giao chỉ tiêu pháp lệnh trong trường hợp thật cần thiết.

Nhà nước định giá một số vật tư, hàng hoá do các tổ chức kinh tế của Nhà nước nắm, thuộc loại cực kỳ thiết yếu đối với sản xuất và đời sống, nhưng không bao cấp qua giá. Các vật tư, hàng hoá khác được mua bán theo giá thoả thuận. Vật tư khan hiếm được bán cho đơn vị sử dụng qua đấu thầu hoặc theo địa chỉ trong trường hợp Nhà nước giao chỉ tiêu pháp lệnh.

Khi thực hiện cơ chế kinh doanh, tính đúng giá các chi phí sản xuất, sẽ có những xí nghiệp quốc doanh không thực hiện được nghĩa vụ đối với Nhà nước, thậm chí không tự bù đắp được chi phí. Nhà nước tạo điều kiện giúp đỡ các xí nghiệp đó phần đầu vươn lên và có thể tạm thời miễn thuế, giảm thuế, hoặc trợ cấp có thời hạn cho những xí nghiệp có vai trò thiết yếu đối với nền kinh tế quốc dân. Các xí nghiệp không trong diện đó mà thua lỗ kéo dài thì phải áp dụng biện pháp như các phần trên đã nói.

Trên cơ sở chuyển các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh, để hình thành đồng bộ cơ chế quản lý mới đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, chúng ta còn phải giải quyết tiếp nhiều vấn đề, như:

- Cụ thể hoá chế độ làm chủ tập thể lao động, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng và hoạt động của các đoàn thể quần chúng, chế độ khoán và hạch toán kinh tế trong nội bộ các đơn vị kinh tế quốc doanh và hợp tác xã.

- Tạo môi trường thúc đẩy việc sắp xếp lại hệ thống tổ chức sản xuất và hệ thống lưu thông vật tư, hàng hoá, tín dụng và tiền tệ theo cơ chế kinh doanh, xoá bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết.

- Xác định mối quan hệ giữa cơ quan chính quyền trung ương và các cấp địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế, trong chế độ phân cấp ngân sách.

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy và cán bộ trong hệ thống quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng tinh giản, thực hiện đúng chức năng. Tích cực đào tạo lại cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản lý các đơn vị kinh tế theo yêu cầu của cơ chế mới.

Chuyển mạnh sang cơ chế kinh doanh thì khó tránh khỏi những chấn động trong nền kinh tế mà chúng ta cần lường trước để *bố trí hợp lý bước đi trong từng thời gian*, phù hợp với điều kiện thực tế và với các bước chống lạm phát.

IV- CHỐNG LẠM PHÁT

Thi hành Nghị quyết Đại hội VI, hai năm qua chúng ta đã dành nhiều thời gian, công sức thực hiện nhiều biện pháp quan trọng nhằm từng bước đẩy lùi lạm phát, nhưng tình hình vẫn xấu. Nửa đầu năm 1987 và những tháng giáp hạt đầu năm 1988, đã diễn ra những cơn sốt lạm phát với mức tăng giá trên 20%/tháng. Trong mấy tháng cuối năm 1988, tốc độ tăng giá có giảm, nhưng chưa vững chắc và vẫn còn ở mức 5-8%/tháng. Lạm phát gay gắt, kéo dài vừa là đặc trưng nổi bật, vừa làm trầm trọng thêm khủng hoảng kinh tế và tác động rất xấu đến tình hình xã hội. *Vì vậy, chống lạm*

phát đang là nhiệm vụ cấp bách nhất, là vấn đề kinh tế, xã hội và chính trị nóng bỏng.

Lạm phát ở nước ta là hậu quả tổng hợp của nhiều nhân tố tích tụ qua nhiều năm và diễn ra trong tình trạng kinh tế thiếu hụt với hiệu quả sản xuất, kinh doanh rất thấp, nhất là trong khu vực kinh tế quốc doanh. Sản xuất tăng chậm và không ổn định, nhiều năng lực sản xuất bị kìm hãm, chi phí sản xuất lại quá cao, hư hao, mất mát, lãng phí quá lớn.

Tình trạng kinh tế thiếu hụt và kém hiệu quả kéo dài, có phần do cơ cấu kinh tế vốn đã mất cân đối lại bị hậu quả chiến tranh và những sai lầm về chính sách kinh tế trong nhiều năm làm cho trầm trọng thêm. Song phần *quan trọng và trực tiếp nhất là do duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp*, làm cho các hoạt động kinh tế vừa bị trói buộc, vừa ỷ lại vào Nhà nước nên hiệu quả rất thấp và làm kiệt quệ nền tài chính quốc gia.

Cơ chế bao cấp trong chính sách tài chính, tín dụng là nguyên nhân chính dẫn tới bội chi nghiêm trọng ngân sách và tiền mặt (năm 1987, ngân sách nhà nước bội chi 89 tỷ đồng, năm 1988: 450 tỷ¹; tiền mặt qua hai năm đó bội chi 155 tỷ và 788 tỷ).

Bội chi ngân sách do nhiều nguyên nhân như thất thu lớn về thuế, chi phí cho nhu cầu quốc phòng, an ninh, cho bộ máy quản lý quá lớn..., song phần quan trọng nhất là do bao cấp dưới nhiều hình thức (lớn nhất là qua giá và bù lỗ) cho khu vực kinh tế quốc doanh. Năm 1988, phần ngân sách bao

¹. Chưa kể một số khoản chưa thanh, quyết toán xong như bù lỗ lương thực, bù lỗ xuất khẩu, bổ sung vốn xây dựng cơ bản đã chi.

cấp cho kinh tế quốc doanh lớn hơn phần kinh tế quốc doanh đóng góp cho ngân sách tới 234 tỷ đồng (năm 1987 là 160 tỷ). Nhà nước còn bao cấp dưới hình thức ngân hàng cho vay vốn lưu động với lãi suất thấp xa tốc độ trượt giá. Năm 1988 kinh tế quốc doanh được bao cấp qua hình thức này 520 tỷ đồng, trong đó 80% rơi vào các tổ chức lưu thông.

Như vậy, đáng lẽ các đơn vị kinh tế phải tự nuôi mình, tự tích lũy để phát triển và đóng góp ngày càng nhiều cho Nhà nước, thì ngược lại, Nhà nước bao cấp rất lớn dưới nhiều hình thức cho kinh tế quốc doanh, chưa kể phần bao cấp gián tiếp cho các thành phần kinh tế khác.

Chính sách tín dụng với lãi suất rất thấp so với tốc độ trượt giá, một mặt làm cho nhu cầu về vốn và tiền mặt tăng lên không bình thường, có phần giả tạo, đồng thời tạo ra thế "cửa quyền" của ngân hàng; mặt khác, lại không thu hút được các nguồn vốn nhàn rỗi. Ngân hàng vừa huy động được ít vốn, vừa bị hụt vốn khi cho vay, cuối cùng lại dựa vào phát hành để bù đắp, nhưng vẫn thu lãi lớn một cách bất hợp lý. Những sai lầm trong chính sách tín dụng và trong cơ chế hoạt động của ngân hàng đã gây nhiều khó khăn cho các đơn vị sản xuất và là một nguyên nhân quan trọng của lạm phát. Nhìn chung lại, trong nhiều nguyên nhân tác động tổng hợp đến tình hình lạm phát thì việc phát hành tiền để bù đắp thiếu hụt ngân sách và vốn tín dụng ngân hàng là *hai kênh chính trực tiếp làm tăng vọt khối lượng tiền lưu thông*; gây đột biến về giá cả. Mặt khác, giá cả tăng còn do hệ quả của việc chuyển từ quan hệ hiện vật theo cơ chế cũ sang quan hệ hàng hoá - tiền tệ theo cơ chế mới và do những biến động bất thường về cung - cầu như những đợt giá gạo, giá vàng tăng đột biến kéo theo giá hàng loạt mặt hàng khác tăng lên. Từ sự phân tích trên và từ kinh nghiệm thực tiễn những năm qua, cần xác định những quan điểm và phương hướng cơ bản để xây dựng phương án đồng bộ chống lạm phát.

- Chống lạm phát phải trên cơ sở xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển mạnh sang cơ chế mới, giải phóng triệt để các năng lực sản xuất theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh với hiệu quả ngày càng cao.

Quá trình chống lạm phát phải gắn chặt với quá trình cải cách kinh tế. Mọi biện pháp chống lạm phát phải phù hợp với cơ chế kinh doanh. Không thể chống lạm phát và xoá bao cấp bằng phương pháp tập trung quan liêu, dùng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu để kìm giá, nắm hàng, nắm tiền, quản lý thị trường.

- Giải pháp chống lạm phát phải toàn diện, đồng bộ, đồng thời phải tập trung vào khâu then chốt là giảm dần, tiến tới chấm dứt phát hành để chi tiêu ngân sách và cho vay tín dụng. Đi đôi với biện pháp chủ yếu là xoá bao cấp qua ngân sách và qua tín dụng, gắn liền với đổi mới cơ chế quản lý, cần có những biện pháp đồng bộ để củng cố nền tài chính quốc gia, cân bằng ngân sách một cách tích cực, chỉnh đốn lưu thông tiền tệ, phát triển hoạt động tín dụng và dịch vụ ngân hàng theo cơ chế kinh doanh, xoá bỏ độc quyền trong lĩnh vực này.

- Quá trình chống lạm phát đi đôi với thực hiện cơ chế tự chủ kinh doanh diễn ra trong tình hình thị trường còn tiếp tục biến động. Vì vậy, một mặt cần chủ động tính đến yếu tố trượt giá trong hạch toán kinh doanh, trước hết là đối với tín dụng, thuế và tiền lương; mặt khác cần sử dụng tốt các công cụ quản lý vĩ mô để điều hoà cung cầu, hạn chế giá cả đột biến, đặc biệt là giá gạo, vàng và ngoại tệ.

- Chống lạm phát là một quá trình phức tạp, rất khó khăn, không thể giản đơn, nóng vội. *Cần có bước đi* phù hợp với điều kiện thực tế, tranh thủ thắng lợi từng bước, tạo điều kiện tốt cho bước sau. Sự chỉ đạo phải rất tập trung, kiên quyết, đề cao kỷ luật, kỷ cương. Coi chống lạm phát là trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp, là sự nghiệp của quần chúng. Phải tạo ra sự nhất trí, quyết tâm cao từ trên xuống

dưới. Các biện pháp chống lạm phát phải bảo vệ lợi ích của người lao động và coi trọng yếu tố tâm lý xã hội, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và tham gia của đông đảo quần chúng.

Toàn Đảng, toàn dân phải tập trung mọi nỗ lực khắc phục tai hoạ lạm phát, coi đó là nội dung chủ yếu và là điều kiện tiên quyết để đưa tình hình kinh tế, xã hội ra khỏi khủng hoảng, đi vào thể ổn định và phát triển.

Tư tưởng chỉ đạo nêu trên cần được quán triệt trong đề án chống lạm phát với nội dung toàn diện, có các biện pháp, bước đi cụ thể.

V- PHÁT HUY ĐỘNG LỰC KHOA HỌC, KỸ THUẬT

1. Hoạt động khoa học, kỹ thuật hai năm qua đã bước đầu chuyển trọng tâm vào phục vụ các mục tiêu của ba chương trình kinh tế, gắn với thực hiện chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học, kỹ thuật của Hội đồng tương trợ kinh tế. Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất có tiến bộ, nhất là trong nông nghiệp. Các ngành khoa học xã hội cũng bước đầu chuyển biến, có phần đóng góp vào việc đổi mới tư duy, đổi mới chính sách kinh tế, xã hội.

Nhưng nhìn chung, *khoa học, kỹ thuật ở nước ta phát triển rất chậm so với bước tiến mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật trên thế giới, chưa thực sự trở thành động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội; nhiều tiềm năng, nhất là cán bộ khoa học, kỹ thuật chưa được sử dụng tốt.*

Nguyên nhân chủ yếu là do *cơ chế quản lý kinh tế* chậm được đổi mới, các cơ sở kinh tế chưa thực sự chuyển sang hạch toán kinh doanh nên chưa cần đến khoa học, kỹ thuật như một động lực để phát triển. Đồng thời, *cơ chế quản lý khoa học, kỹ thuật* còn nặng tính chất hành chính, bao cấp. Hoạt động khoa học, kỹ thuật nhìn chung còn chưa chủ động gắn với sản xuất kinh doanh và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Tổ chức khoa học, kỹ thuật còn phân tán, trùng chéo; cơ cấu tổ chức và lề lối làm việc vẫn mang nặng

tính chất như cơ quan hành chính. Kế hoạch hoá và quản lý khoa học, kỹ thuật vẫn tách rời kế hoạch hoá và quản lý kinh tế, xã hội.

Mặt khác, cơ quan *lãnh đạo các ngành, các cấp* cũng chưa có chuyển biến mạnh trong nhận thức về vị trí của khoa học, kỹ thuật, chưa thực sự dựa vào khoa học, kỹ thuật trong công tác lãnh đạo và quản lý; do đó chưa tạo điều kiện cần thiết và chưa có chiến lược khoa học, kỹ thuật để định hướng cho sự phát triển. Nền giáo dục kỹ thuật làm cơ sở cho phong trào quần chúng ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật cũng chưa được quan tâm xây dựng.

2. Thực tiễn hai năm qua khẳng định rằng: khoa học, kỹ thuật chỉ có thể trở thành động lực phát triển kinh tế, xã hội *trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hoá và khi kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cũng được coi là sản phẩm hàng hoá*. Đây là vấn đề then chốt để gắn khoa học, kỹ thuật với kinh tế, tạo điều kiện cho khoa học, kỹ thuật phát triển mạnh. *Trong những năm trước mắt cần thực hiện một số biện pháp chủ yếu:*

- Trước hết, *phải sớm chuyển các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh*, tạo ra yêu cầu khách quan, bức thiết cho việc chủ động khai thác và sử dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật.

- Phải *đổi mới cơ chế hoạt động khoa học, kỹ thuật* theo hướng tiếp tục chuyển một số bộ phận quan trọng hoạt động khoa học, kỹ thuật, chủ yếu là những khâu gắn bó trực tiếp với sản xuất hàng hoá và dịch vụ, sang hạch toán kinh doanh, tự trang trải toàn bộ hoặc một phần các chi phí, bao gồm cả tiền lương.

Các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật có quyền chủ động xác định đề tài nghiên cứu ứng dụng, tự tạo nguồn vốn hoạt động và khi kết quả nghiên cứu đưa vào ứng dụng thành công thì được quyền bán hoặc hưởng theo hiệu quả ứng dụng trên nguyên tắc thỏa thuận với người sử dụng, không giới hạn mức thu nhập tối đa. Thị trường là người đặt hàng

nghiên cứu, nghiệm thu kết quả và tạo vốn cho các hoạt động khoa học, kỹ thuật. Các cơ sở khoa học, kỹ thuật phải lựa chọn phương án đầu tư có lợi nhất, kết hợp có hiệu quả việc nhập các thành tựu khoa học, kỹ thuật với việc tự nghiên cứu, đồng thời nâng cao trình độ tiếp nhận kỹ thuật và công nghệ hiện đại của nước ngoài.

Nhà nước chỉ cấp kinh phí thông qua hình thức đặt hàng cho một số cơ sở nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội, những nghiên cứu dài hạn, nghiên cứu phục vụ công ích xã hội và cho việc xây dựng cơ sở vật chất của một số trung tâm nghiên cứu khoa học, kỹ thuật lớn. Phần quan trọng nhất của vốn đầu tư cho khoa học, kỹ thuật phải dựa vào hợp đồng ký kết với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, vào nguồn vốn tín dụng và các hình thức nhân dân góp vốn vào nguồn vốn hợp tác kinh doanh nghiên cứu khoa học, kỹ thuật với nước ngoài.

Khẩn trương xây dựng chiến lược khoa học, kỹ thuật gắn với chiến lược kinh tế - xã hội.

Đổi mới quy trình ra quyết định của các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp để đưa khoa học vào hoạt động lãnh đạo và quản lý.

- Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp kinh tế và tổ chức để *tạo môi trường kinh doanh cho hoạt động khoa học, kỹ thuật*: hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các quy định bảo vệ quyền sở hữu phát minh, sáng chế; ban hành quy định về các hình thức đầu thầu, nhận thầu, quan hệ mua bán, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trong nước và ngoài nước; lập quỹ tín dụng hỗ trợ cho việc áp dụng kỹ thuật mới và công nghệ mới; đẩy mạnh các hình thức hợp tác, cạnh tranh, phát triển mọi loại hình tổ chức nghiên cứu ứng dụng đa dạng, đan kết nhiều thành phần kinh tế; mở rộng các hoạt động dịch vụ thông tin, chào hàng khoa học, kỹ thuật để tạo cầu nối nhanh nhạy giữa khoa học và sản xuất, kinh doanh.

- Thông qua quan hệ hợp tác, liên kết trong môi trường kinh doanh mà *tổ chức lại hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật* theo hướng: gắn các viện nghiên cứu chuyên ngành với các tổ chức sản xuất, kinh doanh; hình thành các Liên hiệp khoa học - sản xuất, các tổ chức đào tạo - nghiên cứu hoặc đào tạo - nghiên cứu - sản xuất trong một số lĩnh vực có điều kiện; giải thể các viện khoa học, kỹ thuật hoạt động không có hiệu quả; tăng cường cán bộ khoa học, kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Phát triển các hình thức hợp tác khoa học, kỹ thuật với nước ngoài và với Việt kiều. Thực hiện cơ chế quản lý tập thể bằng hội đồng khoa học trong việc quyết định và điều hành các hoạt động khoa học. Nghiên cứu việc thành lập Hội đồng khoa học kỹ thuật và Hội đồng khoa học xã hội để thảo luận và quyết định những vấn đề cơ bản về hoạt động khoa học, kỹ thuật của cả nước.

- *Đổi mới các chính sách đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật* theo hướng khuyến khích và trọng dụng tài năng, bảo đảm các điều kiện, phương tiện cần thiết cho công việc và đời sống của cán bộ khoa học, kỹ thuật theo đề tài và kết quả nghiên cứu, không phụ thuộc vào chức vụ quản lý. Có chế độ đánh giá và khen thưởng xứng đáng những tài năng khoa học, những thành quả nghiên cứu có giá trị về khoa học, kỹ thuật và quản lý. Nhằm mục đích đó, cần thiết lập chế độ định kỳ xét cấp giải thưởng quốc gia mang tên các danh nhân của đất nước. Khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật tăng thu nhập bằng chất xám của mình. Có chính sách thực sự tranh thủ được trí tuệ và tài năng của người Việt Nam ở nước ngoài.

Trong phương hướng chung nêu trên, cần nhấn mạnh yêu cầu đối với hoạt động *khoa học xã hội* trong sự nghiệp đổi mới về nhận thức, phương pháp tư duy, xây dựng ý thức xã hội và nhân cách xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt coi trọng việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta, nắm bắt nhanh nhạy và vận dụng những thông tin, kinh nghiệm khoa học

của các nước, phù hợp với điều kiện của ta, không áp dụng dập khuôn, máy móc. Xây dựng phương án tổ chức lực lượng và có chính sách đầu tư thích đáng để xây dựng cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ và chiến lược kinh tế - xã hội gắn với chiến lược khoa học - kỹ thuật, chiến lược kinh tế đối ngoại...; làm sáng tỏ kịp thời những vấn đề lý luận, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội, thực hiện dân chủ hoá xã hội chủ nghĩa.

VI- MỞ RỘNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. Trên cơ sở đổi mới về quan điểm theo Nghị quyết Đại hội VI, *hoạt động kinh tế đối ngoại đã bước đầu mở rộng hơn trước cả về quy mô, hình thức và thị trường.*

Những điểm mới là: đã mở rộng các hình thức hợp tác sản xuất với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác về trồng cây dài ngày và rau quả, gia công hàng công nghiệp nhẹ, với tổng số vốn vay sử dụng trong thời kỳ 1986-1990 gần 2 tỷ rúp; qua một năm thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã có hơn 1.600 đoàn vào nghiên cứu, đã cấp 37 giấy phép đầu tư và kinh doanh với tổng số vốn đầu tư 357 triệu đôla (trong đó mới chỉ có 13 dự án đi vào hoạt động); phát triển quan hệ trực tiếp giữa các xí nghiệp làm hàng xuất khẩu với bạn hàng ở nước ngoài. Kim ngạch xuất khẩu năm 1988 cao hơn hẳn các năm trước. Đã nâng số chuyên gia và lao động xuất khẩu lên 15 vạn người.

Tuy nhiên, *hoạt động kinh tế đối ngoại phát triển còn chậm so với khả năng trước mắt, quy mô còn nhỏ bé, hình thức chưa phong phú và hiệu quả còn thấp. Nhập siêu còn lớn. Nước ngoài ngày một tăng và chưa tạo được nguồn để trả.* Cụ thể là:

- Kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người một năm mới đạt khoảng 15 rúp - đôla, vào loại gần thấp nhất thế giới.

Một số mặt hàng xuất khẩu sang Liên Xô không thực hiện được cam kết. Xuất khẩu sang khu vực 2 có tăng nhưng nhà nước trung ương không tập trung được ngoại tệ mạnh để sử dụng cho những nhu cầu cấp bách.

- Cơ cấu hàng xuất khẩu chưa thay đổi, đại bộ phận vẫn là hàng nông, lâm, hải sản ở dạng thô, luôn bị thua thiệt về giá cả trên thị trường thế giới. Hợp tác sản xuất với các nước xã hội chủ nghĩa và đầu tư của nước ngoài chưa thực sự gắn với du nhập kỹ thuật mới. Hiệu quả xuất khẩu lao động và chuyên gia còn thấp. Hoạt động du lịch có phát triển, nhưng còn rất thấp so với khả năng thực tế.

- Kim ngạch nhập khẩu hàng năm gấp hơn 2,5 lần xuất khẩu nhưng hiệu quả sử dụng rất thấp vì phần lớn vẫn phân phối theo cơ chế bao cấp; nhập khẩu chưa gắn với đẩy mạnh xuất khẩu; tỷ trọng nhập hàng tiêu dùng từ thị trường tư bản còn cao, nhiều loại chưa thiết thực. Chính sách đối với hàng xuất nhập khẩu của nhân dân qua biên giới chưa rõ ràng và kém hiệu lực. Chưa có chính sách bảo hộ sản xuất trong nước đối với những mặt hàng cần thiết.

- Ngân sách bù lỗ xuất nhập khẩu quá lớn. Nguyên nhân quan trọng là do định tỷ giá theo cơ chế quan liêu bao cấp, thoát ly giá thị trường; đồng thời các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu và nhiều đơn vị sản xuất hàng xuất khẩu chưa thực sự chuyển sang hạch toán kinh doanh. Người làm hàng xuất khẩu, nhất là xuất sang khu vực 1, còn chịu nhiều khó khăn, thiệt thòi.

Chưa có chiến lược bố trí cơ cấu kinh tế và chiến lược kinh tế đối ngoại để định hướng cho việc xây dựng các phương án thu hút vốn và kỹ thuật của nước ngoài. Hệ thống chính sách kinh tế và cơ chế quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại ban hành chậm và thiếu đồng bộ, chưa đủ bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước và sự yên tâm đầu tư của người nước ngoài. Cơ sở hạ tầng yếu kém. Còn rất thiếu cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

2. Thực tiễn hai năm qua càng khẳng định yêu cầu bức thiết phải *xây dựng và thực hiện một chiến lược kinh tế đối ngoại theo quan điểm mở cửa*, phù hợp với điều kiện và tiềm năng ưu thế về lao động, tài nguyên, khí hậu và vị trí địa lý của nước ta, nhằm đưa nền kinh tế nước ta tham gia ngày càng nhiều vào sự phân công lao động quốc tế, thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn và tiến bộ kỹ thuật từ bên ngoài.

Hiệu quả các hoạt động kinh tế đối ngoại phải thể hiện ở mức độ đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong nước. Coi đó là tiêu chuẩn số một để lựa chọn đối tượng và hình thức trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

Hoạt động kinh tế đối ngoại trong ba năm tới phải *tập trung thực hiện mấy yêu cầu lớn*: tăng nhanh nguồn thu ngoại tệ, thu hút mạnh nguồn vốn và tiến bộ kỹ thuật của nước ngoài để phát triển có hiệu quả nền kinh tế quốc dân. Mở rộng và nâng cao hiệu quả xuất khẩu lao động và cán bộ khoa học, kỹ thuật; sửa đổi những bất hợp lý trong hợp đồng lao động với các nước. Hình thức kinh tế đối ngoại phải đa dạng, phong phú, hướng trọng tâm vào những ngành, những hoạt động mang lại hiệu quả nhanh và sử dụng nhiều lao động xã hội. *Hướng mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại* trước hết phải coi trọng phát triển quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức kinh tế và tư nhân nước ngoài, đặc biệt là Ấn Độ và các nước khác trong khu vực gần nước ta. Cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hơn 2 triệu người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư, đóng góp bằng nhiều hình thức vào công cuộc xây dựng đất nước.

Trong quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa, phải đổi mới cách làm ăn, bảo đảm hiệu quả trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, khắc phục tư tưởng y lại.

3. *Cần khẩn trương đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại* và các lĩnh vực công tác có liên quan như hải quan, nội vụ...; trong đó, quan trọng hàng đầu là đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu.

Các chính sách và quy định cụ thể về kinh tế đối ngoại phải có sức hấp dẫn và tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng về môi trường kinh doanh, về xuất nhập cảnh, thông tin liên lạc và ăn ở đi lại cho người nước ngoài và Việt kiều vào Việt Nam để đầu tư kinh doanh, hoặc tham quan, du lịch, thăm người thân... Có chính sách rộng rãi cho người Việt Nam ra nước ngoài để tiếp cận thị trường, học hỏi kỹ thuật mới, tham quan, du lịch hoặc làm ăn sinh sống. Cần quy định các nguyên tắc và chính sách đối với các đơn vị kinh tế trong nước vay vốn của nước ngoài để bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ. Khẩn trương nghiên cứu phương án, tập trung làm thử ở một vài nơi để rút kinh nghiệm và tạo điều kiện mở rộng việc xây dựng các "khu chế xuất", "đặc khu kinh tế".

Phải dứt khoát chuyển các hoạt động xuất nhập khẩu sang hạch toán kinh doanh trên cơ sở tỷ giá hối đoái thống nhất và linh hoạt, hình thành theo cơ chế kinh doanh. Xoá bỏ việc quy định tỷ giá kết toán nội bộ. Tất cả các đơn vị kinh tế có quan hệ giao dịch trực tiếp với nước ngoài bằng ngoại tệ đều phải hạch toán kinh doanh bằng ngoại tệ, tự vay, tự trả, bảo đảm tái tạo và có lãi bằng ngoại tệ. Người làm hàng xuất khẩu hoặc mua hàng nhập khẩu mà chưa đủ điều kiện giao dịch trực tiếp với bạn hàng ở nước ngoài thì thực hiện quan hệ mua bán hoặc uỷ thác với các công ty kinh doanh xuất nhập khẩu theo nguyên tắc thoả thuận về giá cả tính bằng tiền Việt Nam. Nhà nước phải thanh toán nhanh và sòng phẳng các khoản nợ cũ đối với các cơ sở làm hàng xuất khẩu; có chính sách bảo đảm lợi ích cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, nhất là xuất khẩu cho khu vực 1. Ngân hàng ngoại thương kinh doanh mua, bán ngoại tệ đối với mọi đối tượng thuộc tất cả các thành phần kinh tế và người nước

ngoài. Chính sách thuế phải thật sự khuyến khích phát triển có định hướng các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Nhà nước quản lý thống nhất mọi hoạt động kinh tế đối ngoại bằng luật pháp và chính sách. Phải quản lý tốt việc sử dụng ngoại tệ, nhất là ngoại tệ mạnh. Cần tổ chức lại hệ thống kinh doanh xuất nhập khẩu trung ương và địa phương theo hướng giảm mạnh các tầng nấc trung gian không cần thiết. Các cơ sở làm hàng xuất khẩu thuộc các thành phần kinh tế nếu có những điều kiện nhất định, được quan hệ trực tiếp với bạn hàng tại nước ngoài, nhưng phải tuân theo pháp luật và chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Phát triển tổ chức *hiệp hội* trong các lĩnh vực kinh tế đối ngoại, trước hết là các hiệp hội những người sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và quản lý dân chủ; xoá bỏ tình trạng độc quyền mang tính chất của quyền. Khẩn trương kiện toàn tổ chức dịch vụ đầu tư. *Gấp rút đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng đúng cán bộ có năng lực và kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế đối ngoại.*

VII- THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Chính sách xã hội có phạm vi rất rộng, bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người. Chúng ta chưa đủ điều kiện để tổng kết, giải quyết mọi vấn đề và xây dựng một chính sách xã hội cơ bản, lâu dài theo yêu cầu của Nghị quyết Đại hội VI. Hai năm qua, chúng ta đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc thực hiện chính sách xã hội: tạo điều kiện cho hàng triệu người có công ăn việc làm, đời sống của một bộ phận nhân dân ổn định hơn, bước đầu khơi dậy không khí dân chủ, cởi mở, đấu tranh chống tiêu cực trong xã hội, xây dựng được một số mô hình tốt về thực hiện kế hoạch dân số, tổ chức cuộc sống của nhân dân, về giáo dục, y tế, văn hoá... *Nhưng tình hình chung trong lĩnh vực xã hội chưa chuyển biến, nhiều mặt tiếp tục diễn biến xấu, xuống cấp, có mặt*

ng nghiêm trọng hơn. Chất lượng giáo dục, y tế giảm sút, nhiều giá trị đạo đức bị xói mòn, tệ nạn xã hội phát triển, v.v. đang là mối lo lắng lớn của nhân dân.

Phải nghiêm khắc kiểm điểm rằng trong lĩnh vực quan trọng này chúng ta *có nhiều khuyết điểm*: chưa tập trung đúng mức việc lãnh đạo và chỉ đạo, chưa thực sự gắn việc giải quyết các vấn đề kinh tế với yêu cầu thực hiện các chính sách xã hội, chưa dự đoán được và thiếu nhạy bén trước những vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình thực hiện các chính sách kinh tế mới, chậm tổng kết kinh nghiệm để có giải pháp kịp thời về chính sách xã hội phù hợp với điều kiện thực tế. Có thể nói quan điểm phát huy nhân tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất chưa thật sự quán triệt trong hoạt động thực tiễn. Tình hình đó đòi hỏi các cấp, các ngành phải thật sự nâng cao ý thức trách nhiệm, dày công suy nghĩ tìm những giải pháp đúng đắn đối với các vấn đề xã hội.

Từ thực tiễn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI cần bổ sung, cụ thể hoá một bước *phương hướng giải quyết các vấn đề thuộc chính sách xã hội* phù hợp với việc đổi mới các chính sách kinh tế:

- *Trong quá trình thực hiện các chính sách kinh tế mới luôn nảy sinh những vấn đề mới về mặt xã hội, cần đổi mới cách xem xét và chủ động giải quyết theo hướng bảo đảm sự thống nhất, hài hoà giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.* Chẳng hạn: việc khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh đòi hỏi phải thực hiện công bằng xã hội theo quan điểm mới. Trong nông thôn, đi liền với

việc phát triển các hình thức khoán, đấu thầu, khuyến khích làm giàu chính đáng, phải không ngừng nâng cao ý thức và mở rộng các hình thức đoàn kết, hợp tác tương trợ theo tình làng, nghĩa xóm, chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ. Khuyến khích cạnh tranh kinh tế phải đi liền với phát triển các hình thức hợp tác xã hội chủ nghĩa. Thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại theo quan điểm mở cửa, đồng thời phải chủ động ngăn ngừa và giải quyết những vấn đề xã hội do sự du nhập những lối sống không phù hợp...

- Trong quá trình phát triển của nền kinh tế, nhà nước xã hội chủ nghĩa cần phải chăm lo sự nghiệp phúc lợi, ngày càng tốt hơn cho toàn xã hội về giáo dục, y tế, văn hoá, nhà ở... Nhưng trình độ phát triển phúc lợi xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển sản xuất và thu nhập quốc dân. Vì vậy, *cần có một tỷ lệ hợp lý giữa phân phối thu nhập trực tiếp và phân phối qua phúc lợi xã hội*, trên nguyên tắc phân thu nhập được phân phối trực tiếp phải đủ bảo đảm đời sống cho người lao động. Do đó, chính sách tiền lương và phân phối thu nhập phải tính đến nhu cầu chi của người lao động về chữa bệnh, học tập, nhà ở... Hình thức phúc lợi không phải trả tiền cần được cân nhắc kỹ điều kiện và hiệu quả.

- Việc phân phối thu nhập và lập quỹ phúc lợi trong khu vực sản xuất kinh doanh là do các đơn vị kinh tế tự quyết định theo nguyên tắc tự trang trải, trên cơ sở tuân thủ những quy định chung của Nhà nước. Quyền tự chủ của các đơn vị sản xuất, kinh doanh và quyền làm chủ của người lao động, trước hết và quan trọng nhất, là ở *quyền tạo lập và hưởng thụ thu nhập bằng kết quả lao động của mình.*

- Kinh phí hoạt động của các tổ chức đào tạo, giáo dục, y tế, các cơ quan khoa học, kỹ thuật, các đoàn thể xã hội..., cần

được *chuyển từng bước* từ chỗ hoàn toàn dựa vào nguồn cấp phát của Nhà nước sang tự trang trải một phần hoặc toàn bộ dựa vào nguồn thu từ công dịch vụ và phục vụ, từ các khoản đóng góp của hội viên các đoàn thể, từ sự trợ giúp tự nguyện ở trong và ngoài nước, từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của chính mình. Nhà nước vẫn đầu tư cho các sự nghiệp này nhưng chủ yếu dành cho việc trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật và thực hiện chính sách ưu tiên cần thiết, như đối với miền núi.

- *Phấn đấu thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với toàn dân, do dân đóng góp.* Quỹ bảo hiểm đời sống đối với người về hưu hình thành từ khoản trích quỹ lương của công nhân viên chức và đóng góp của những người lao động khác, cần được quản lý và hạch toán riêng, tách khỏi ngân sách. Phát triển các hình thức kinh doanh bảo hiểm về tài sản, mùa màng, giao thông, nhân thọ... Cần nghiên cứu ban hành *chế độ toàn dân đóng góp vào quỹ đền ơn, trả nghĩa* dành cho thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng.

Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị sớm có kỳ họp bàn về chính sách xã hội tương đối toàn diện.

Trước mắt, cần tập trung giải quyết một số vấn đề lớn sau đây về chính sách xã hội:

1. *Đời sống của nhân dân: nhìn chung tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã có từng bộ phận nhân dân đời sống đi vào ổn định và cải thiện một bước.* Đáng chú ý là tương quan về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư tăng thêm sự chênh lệch, có mặt hợp lý, có mặt bất hợp lý, *không bảo đảm công bằng xã hội.* Nhìn chung ở cả thành thị và nông thôn, số hộ làm ăn khá giả tăng lên. Trong đó, bên cạnh những trường hợp dựa vào sản xuất kinh doanh chính đáng và nguồn thu nhập hợp pháp, có cả những trường hợp làm giàu bất chính, phi pháp. Hưởng ứng các chính sách mới đối với nông nghiệp, nhìn chung nông dân hăng hái sản xuất và có thu nhập khá hơn. Đời sống ở những vùng không bị thiên tai đi dần vào thế ổn

định và có phần được cải thiện. Một số người đã bắt đầu khá giả hơn nhờ có vốn và biết làm ăn chính đáng. Bên cạnh số đông tạm đủ ăn, vẫn có một bộ phận nông dân thường xuyên túng thiếu do nhiều hoàn cảnh và nguyên nhân khác nhau. Hiện nay, ở một số tỉnh mất mùa nặng, diện nông dân thiếu ăn khá rộng.

Công nhân, viên chức khu vực sản xuất, kinh doanh có mức thu nhập chênh lệch nhau khá lớn giữa các xí nghiệp, nhưng nói chung nhờ có thêm các khoản thu nhập khác ngoài tiền lương nên đời sống đỡ khó khăn. Đáng chú ý là tiền lương của nhiều xí nghiệp chỉ chiếm dưới một nửa tổng thu nhập thực tế nên chi phí lao động không được hạch toán đầy đủ vào giá thành và tiền lương bị mất tác dụng kích thích tăng năng suất lao động. Các khoản thu nhập thêm ngoài tiền lương có phần dựa vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh nhưng cũng có phần do các cách xoay xở không chính đáng.

Những người làm nghề tiểu thủ công, dịch vụ, buôn bán nhỏ nói chung tự giải quyết được công ăn việc làm và bảo đảm được cuộc sống, tuy có bộ phận chưa thật ổn định. Một số hộ sản xuất, kinh doanh có thu nhập cao.

Trong cả nước có hàng chục vạn gia đình nhờ có người đi xuất khẩu lao động hoặc được người thân cư trú ở nước ngoài trợ giúp mà bảo đảm được đời sống, trong đó nhiều người có mức sống cao.

Khó khăn gay gắt nhất và bị giảm sút nhiều nhất là đời sống của những người mà nguồn thu nhập chính dựa vào tiền lương và trợ cấp xã hội. Những người khó khăn nhất về đời sống tập trung nhiều ở công nhân viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, người về hưu không có nguồn thu nhập khác, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ neo đơn.

Tình hình đời sống về mặt tiền lương và thu nhập đặt ra *mấy vấn đề phải giải quyết cấp bách:*

- *Sớm khắc phục tình trạng tiền lương không đủ sống và thu nhập chênh lệch quá bất hợp lý, gây mất ổn định và bất bình*

trong xã hội. Yêu cầu trước mắt về giải quyết tiền lương là ổn định và nâng dần tiền lương thực tế; tiền tệ hoá tiền lương; hạch toán đủ chi phí lao động vào giá thành; bổ sung, sửa đổi ngay những điểm quá bất hợp lý trong chế độ tiền lương hiện hành và khẩn trương chuẩn bị điều kiện để thực hiện cải cách căn bản chế độ tiền lương. Sớm ban hành thuế thu nhập.

Đối với khu vực sản xuất, kinh doanh, tiền lương phải thực sự phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng suất lao động. Cùng với việc chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh, cần thực hiện rộng rãi phương thức tự trang trải tiền lương theo kết quả cuối cùng của xí nghiệp (tiền lương và các quỹ xí nghiệp nằm trong phần còn lại của tổng thu nhập sau khi trừ các chi phí vật chất và các khoản nộp ngân sách, trả lãi ngân hàng).

Đối với cán bộ viên chức khu vực hành chính, phải bảo đảm tiền lương thực tế, tính đầy đủ và kịp thời vào tiền lương các khoản trợ cấp do điều chỉnh giá gạo, giá điện, giá dầu đun nấu, thuốc chữa bệnh... Áp dụng chế độ khoán quỹ lương, khoán chi tiêu hành chính cho từng đơn vị; phần tiết kiệm được do giảm biên chế và giảm chi tiêu sẽ được dùng vào việc cải thiện đời sống cho đơn vị.

Chuyển các cơ quan sự nghiệp như bệnh viện, trường học, cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, cơ sở văn hoá nghệ thuật... sang cơ chế tự trang trải từng bước và từng phần. Có cơ chế sử dụng hợp lý các khoản thu học phí, viện phí. Xác định mức tài trợ của Nhà nước cho quỹ lương của từng lĩnh vực.

Đối với lực lượng vũ trang, phải cung cấp đủ tiêu chuẩn hiện vật theo định lượng, bảo đảm tiền lương thực tế đối với sĩ quan tại ngũ và có chế độ phụ cấp đối với cán bộ sĩ quan xuất ngũ để có thêm điều kiện tạo lập cuộc sống mới. Sửa đổi và bổ sung sớm một số chế độ chính sách để sĩ quan yên tâm làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Có cơ chế và các hình thức tổ

chức thích hợp để quân đội kết hợp làm kinh tế có hiệu quả và có đời sống tốt hơn.

- Bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, đồng thời kiên quyết xử lý những trường hợp làm ăn phi pháp. Sửa đổi chính sách thuế theo hướng khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng sản xuất, kinh doanh và điều tiết hợp lý mức thu nhập.

- Bổ sung chế độ đãi ngộ đối với những người về hưu và những người hưởng trợ cấp xã hội. Phát triển các hình thức tương trợ, giúp đỡ những người không nơi nương tựa và những gia đình nông dân quá khó khăn, không để tái diễn nạn đói.

2. Sức ép về vấn đề *giải quyết việc làm* vẫn tiếp tục gay gắt. Phải tạo ra sự đổi mới nhận thức trong toàn xã hội về việc làm và cơ chế giải quyết việc làm, từ bỏ nếp quen lâu nay là thụ động chờ Nhà nước đào tạo nghề theo kiểu bao cấp và phân phối vào các cơ sở quốc doanh. Phải *đa dạng hoá việc làm và thu nhập* trên cơ sở phát huy khả năng thu hút lao động của mọi thành phần kinh tế. Phát triển các hoạt động dịch vụ về đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, hướng dẫn tổ chức sản xuất kinh doanh, để người lao động có thể chủ động và thuận tiện trong học nghề, đổi nghề, tìm nơi làm việc hoặc tự tạo việc làm.

Vấn đề giải quyết việc làm phải gắn với việc thực hiện ba chương trình kinh tế, đặc biệt là phát triển kinh tế nông thôn toàn diện và phát triển kinh tế đối ngoại. Trong những năm trước mắt, phải kết hợp giữa giải quyết việc làm tại chỗ là chủ yếu với phân bố lại lao động theo vùng lãnh thổ, đưa lao động và dân cư di xây dựng vùng kinh tế mới. Mở rộng mạnh hơn việc đi hợp tác lao động tại nước ngoài.

Cần nghiên cứu biện pháp để sử dụng số lao động dôi ra tại các cơ quan, xí nghiệp, đặc biệt là số lao động có kỹ thuật. Lập quỹ tài trợ cho số lao động dôi ra trong một thời gian cần thiết, tạo điều kiện cho họ tự tổ chức sản xuất kinh doanh hoặc đào tạo lại nghề nghiệp.

3. *Vấn đề dân số* vẫn đang trong tình trạng báo động. Nhiều vùng đông dân ở nông thôn vẫn chưa có chuyển biến rõ trong việc hạn chế sinh đẻ. Tốc độ tăng dân số của cả nước giảm không đáng kể và năm 1987, 1988 vẫn còn ở mức trên 2%, hàng năm tăng thêm 1,3 triệu người.

Chúng ta cần làm cho nhân dân thấy hết hậu quả nghiêm trọng của sự bùng nổ dân số. Đi đôi với các biện pháp giáo dục hành chính, cần phải sử dụng kiên quyết và đồng bộ hệ thống các biện pháp khuyến khích và xử phạt về kinh tế.

Đồng thời phải bảo đảm đủ kinh phí, phương tiện, cán bộ để đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Phấn đấu hạ cho được tốc độ tăng dân số đến năm 1990 xuống còn 1,7%.

Các cấp đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở *phải đặt vấn đề giảm tốc độ tăng dân số là nhiệm vụ có tính chiến lược*, phải coi đó là công việc thường xuyên, cấp bách trong chương trình hoạt động của mình. Củng cố và tăng cường hoạt động của cơ quan dân số và kế hoạch hoá gia đình.

4. *Các ngành giáo dục* đã có những cố gắng để duy trì các hoạt động dạy và học trong hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, xã hội và eo hẹp về đầu tư cho giáo dục; bước đầu mở ra các hình thức đào tạo mới nhằm khai thác khả năng đầu tư của xã hội cho giáo dục. Nhiều địa phương đã có những biện pháp tích cực để giảm bớt khó khăn về đời sống cho đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học.

Tuy nhiên, những cố gắng đó *chưa làm cho chất lượng giáo dục ra khỏi tình trạng thấp kém*: số trẻ em trong độ tuổi cấp I bị thất học còn nhiều, số người lao động không biết chữ vẫn tiếp tục gia tăng, nhất là ở các vùng miền núi và nông thôn xa thành thị; nội dung và phương pháp giáo dục trong các loại trường đã lạc hậu nhiều; cơ sở vật chất của giáo dục rất nghèo nàn và đang tiếp tục xuống cấp.

Cần tổng kết việc thực hiện cải cách giáo dục để xác định cụ thể hướng điều chỉnh. Trong những năm tới, công tác giáo

dục phải hướng trọng tâm vào việc *từng bước ổn định tình hình giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo*.

Phải nhanh chóng điều chỉnh lại mục tiêu giáo dục. Các cấp học, bậc học, ngành học tuỳ theo chức năng của mình mà góp phần cụ thể vào việc đào tạo thanh thiếu niên thành con người mới xã hội chủ nghĩa, theo hướng hình thành nhân cách người lao động năng động và sáng tạo, có ý chí đưa đất nước đi lên, có đủ phẩm chất đạo đức và năng lực cần thiết để đáp ứng những yêu cầu mới của nền kinh tế hàng hoá xã hội chủ nghĩa nhiều thành phần. Từ đó, điều chỉnh lại nội dung và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại hoá, nâng cao năng lực thực hành, khắc phục những yếu kém trong khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, tình trạng lạc hậu trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn.

Đa dạng hoá các loại hình trường lớp, các hình thức đào tạo chính quy và không chính quy, tập trung và tại chức, dài hạn và ngắn hạn, vừa học vừa làm, bồi dưỡng thường xuyên...

Từng bước mở rộng việc tổ chức các lớp dân lập ở các bậc học, ngành học theo quy chế chung của Nhà nước. Mở một số trường dành cho những thanh thiếu niên có năng khiếu và tài năng, với sự đầu tư đặc biệt. Mở thêm hệ thống trường dành cho trẻ em có tật.

Tập trung sức làm tốt giáo dục toàn diện ở cấp I, lớp 1. Từng bước thực hiện phổ cập cấp I phổ thông cơ sở cho trẻ em trong độ tuổi ở những nơi có điều kiện, kết hợp phổ cập cấp I với việc xoá nạn mù chữ; phổ cập cấp II phổ thông cơ sở ở các vùng kinh tế phát triển, đặc biệt là ở các thành phố lớn; phổ cập phổ thông trung học cho công nhân trẻ ở các ngành sản xuất trọng điểm, các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn.

Mở rộng các hình thức phổ cập nghề nghiệp cho thanh niên, đồng thời chú ý đặc biệt đến việc đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề. Tổ chức lại các loại hình đào tạo dài hạn tập trung thành hệ chuẩn; thực hiện đào tạo cao học; sắp xếp lại cho hợp lý mạng lưới trường đại học và chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là năng lực

thực hành. Cải cách chế độ đánh giá, thi cử; hoàn thiện công tác tuyển sinh ở các cấp học, bậc học theo hướng phân cấp cho nhà trường, trên nguyên tắc công bằng, công khai và dân chủ.

Đổi mới công tác quản lý giáo dục, mở rộng quyền chủ động cho trường học; phân cấp cho các địa phương trong công tác quản lý, phát triển và tự trang trải một phần kinh phí giáo dục.

Thiết thực chăm lo đời sống và điều kiện giảng dạy của giáo viên, dành tỷ lệ đầu tư thích đáng của ngân sách nhà nước cho giáo dục; thể chế hoá việc đầu tư từ các nguồn khác; *ưu tiên đầu tư cho phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng cao và vùng sâu*. Nghiên cứu quy định mức học phí và mức trợ cấp của ngân sách nhà nước cho từng cấp học, ngành học theo từng vùng. Xây dựng chính sách học bổng và chính sách khuyến khích đặc biệt cho những học sinh xuất sắc.

5. *Công tác bảo vệ sức khoẻ* có liên quan đến hoạt động của nhiều ngành, trước hết là y tế và thể dục thể thao. Trong hai năm qua, tuy đã có một số chuyển biến nhưng quy mô và chất lượng của nhiều mặt hoạt động còn chưa đáp ứng được những yêu cầu tối thiểu. Hệ thống bảo vệ sức khoẻ đang gặp nhiều khó khăn và xuống cấp, khả năng bảo đảm chất lượng phòng, chống dịch khám và chữa bệnh ngày càng giảm sút. Trong những năm trước mắt, trên cơ sở huy động rộng rãi mọi lực lượng xã hội tham gia công tác chăm sóc sức khoẻ, cần mạnh dạn đổi mới hệ thống tổ chức và cơ chế quản lý, chuyển hướng mạnh mẽ công tác chăm sóc sức khoẻ theo hướng dự phòng, kết hợp y học dân tộc với y học hiện đại, tăng cường các hoạt động về chăm sóc sức khoẻ ban đầu, mở rộng phong trào thể dục thể thao trong nhân dân, trước hết là trong thanh thiếu niên, học sinh.

Ngành y tế cần có kế hoạch toàn diện để củng cố hệ thống y tế, trước hết là y tế cơ sở, *đặc biệt là ở các tỉnh miền núi*. Cùng với việc nâng cao chất lượng của các cơ sở y tế nhà

nước, cần mở rộng các hình thức dịch vụ sức khoẻ của tập thể và tư nhân.

Tại các cơ sở y tế nhà nước, để thực hiện chế độ thu viện phí, cần ban hành các chính sách trợ cấp trực tiếp cho những đối tượng nằm trong diện cần được trợ cấp thay cho chế độ chữa bệnh không mất tiền và thay cho việc bao cấp thuốc chữa bệnh qua giá thấp. Các cơ sở y tế nhà nước được mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế có thu tiền nhằm tự trang trải một phần kinh phí, từng bước nâng cao đời sống cán bộ y tế trên cơ sở chất lượng và hiệu quả công tác.

Hệ thống được và trang bị y tế cần chuyển nhanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh. Nhanh chóng xây dựng công nghiệp kháng sinh, phát triển nuôi trồng dược liệu, dựa vào xuất khẩu dược liệu để trang trải một phần nhu cầu nhập khẩu mới.

Ngành thể dục thể thao cần xây dựng các tổ chức xã hội theo nguyên tắc tự quản để điều hành và phát triển các hoạt động thể dục thể thao của quần chúng.

Phần thứ hai

VỀ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI, QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

I- VỀ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI

1. Nghị quyết Đại hội VI đặt cơ sở cho việc đổi mới công tác đối ngoại nhằm giữ vững hoà bình, tranh thủ thời gian và điều kiện thuận lợi để tập trung sức lực vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị phát triển tinh thần đổi mới của Đại hội VI, đã xác định những quan niệm mới, vạch ra chính sách đối ngoại nhằm phục vụ sự nghiệp đổi mới của Đảng và phù hợp với những biến đổi sâu sắc trong quan hệ

quốc tế. Nghị quyết đã tạo cơ sở để tăng cường sự thống nhất nhận thức về quan điểm đối ngoại trong Đảng và đưa tới những thắng lợi trên mặt trận đối ngoại.

Chúng ta đã củng cố quan hệ đồng minh chiến lược với Liên Xô, đổi mới và tăng cường quan hệ hợp tác có hiệu quả giữa hai nước, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, tạo được sự nhất trí với Liên Xô về chủ trương đấu tranh cho hoà bình ở Đông Nam Á, trong vấn đề Campuchia và trong quan hệ với Trung Quốc. Quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác cũng đã được tăng cường.

Chúng ta đã bước đầu đổi mới quan hệ giữa Việt Nam, Lào, Campuchia theo hướng tạo điều kiện để mỗi nước vươn lên làm chủ công việc của mình, giương cao ngọn cờ hoà bình, độc lập dân tộc và củng cố vị trí quốc tế; đồng thời tiếp tục tăng cường đoàn kết, hợp tác có hiệu quả giữa ba nước trong giai đoạn mới.

Trong tình hình mới, chúng ta đã ra sức củng cố quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy với Ấn Độ, vì lợi ích của hai nước và hoà bình ở châu Á và Đông Nam Á.

Trong hai năm qua, ... Chính sách cải thiện quan hệ với Trung Quốc đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng anh em và dư luận rộng rãi trên thế giới.

...

Trong hai năm qua, chúng ta vẫn tiếp tục giúp bạn Campuchia xây dựng lực lượng cách mạng đi đôi với việc rút từng bước quân đội ta khỏi Campuchia. Trên cơ sở thắng lợi của cách mạng Campuchia, với việc ta rút 3/4 quân đội Việt Nam khỏi Campuchia, đồng thời với xu thế hoà hoãn trên thế giới và xu thế hoà bình ở Đông Nam Á, chúng ta đã hợp

tác với Indônêxia thúc đẩy hợp hội nghị không chính thức ở Giacácta. Với kết luận về hai vấn đề then chốt của một giải pháp về Campuchia, chúng ta đã từng bước chuyển cuộc đấu tranh từ vấn đề quân đội Việt Nam ở Campuchia sang vấn đề chống chế độ diệt chủng Pôn Pốt trở lại Campuchia.

Những kết quả trên đã tạo ra một bước ngoặt trong việc giải quyết vấn đề Campuchia và một tập hợp lực lượng mới nhằm chống chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

Việc ta và Mỹ hợp tác giải quyết các vấn đề người Mỹ mất tích và những vấn đề nhân đạo của Việt Nam đã góp phần tạo ra bầu không khí mới trong quan hệ giữa nước ta với các nước ASEAN và các nước khác.

Luật đầu tư của ta và triển vọng giải quyết vấn đề Campuchia đang thúc đẩy các nước ASEAN, phương Tây và các tổ chức quốc tế đi vào làm ăn với ta và chuẩn bị kế hoạch hợp tác về kinh tế trong thời kỳ sau khi vấn đề Campuchia được giải quyết.

Trong khi triển khai chính sách đối ngoại phục vụ việc giữ vững hoà bình và phát triển kinh tế, chúng ta tiếp tục đoàn kết với các lực lượng cách mạng trên thế giới và thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của mình, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình và phát triển.

2. *Khuyết điểm* là tư duy đối ngoại của một bộ phận cán bộ chưa thay đổi kịp với những biến chuyển nhanh chóng trên thế giới; còn đứng trên những quan niệm cũ về quan hệ quốc tế để xử lý những vấn đề mới, chưa nhận thức sâu sắc về những thay đổi cơ bản trên quốc tế và mục tiêu cao nhất của ta là ra sức tranh thủ thời cơ tạo môi trường hoà bình để tập trung xây dựng và bảo vệ đất nước. Chưa thấy rằng trong bối cảnh cách mạng khoa học kỹ thuật và kinh tế thế giới quốc tế hoá cao độ, việc đa dạng hoá quan hệ giữa nước ta với các nước trên thế giới, tăng cường tham gia vào phân công lao

động quốc tế là điều kiện không thể thiếu được để phát triển đất nước.

Do những khó khăn kinh tế trong nước và việc chậm ban hành những chính sách mở cửa đã hạn chế việc tận dụng các khả năng mới về phát triển quan hệ hợp tác với nước ngoài.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ làm công tác đối ngoại, nhất là về kinh tế, chưa được coi trọng và chuyển biến kịp với tình hình mới. Chưa thực hiện được việc thống nhất quản lý đối ngoại.

3. *Phương hướng cơ bản* trong những năm trước mắt là tích cực thực hiện đường lối của Đại hội VI và Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị về công tác đối ngoại, kiên trì đường lối độc lập, tự chủ, giữ vững hoà bình, tranh thủ thời gian và điều kiện thuận lợi, từng bước ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cần tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để giành vị trí có lợi trong phân công lao động quốc tế; thực hiện phương châm "thêm bạn, bớt thù", chuyển từ đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình.

Tích cực chuẩn bị chiến lược chính trị và kinh tế đối ngoại lâu dài cho tới cuối thế kỷ này. Chuyển mạnh hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chủ yếu sang quan hệ chính trị - kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước anh em trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền,

bình đẳng cùng có lợi, cùng chịu trách nhiệm. Đối mới mạnh mẽ quan hệ mọi mặt với Lào và Campuchia theo tinh thần mới, phù hợp với tình hình sau khi vấn đề Campuchia được giải quyết.

Kiên trì thúc đẩy bình thường hoá quan hệ Việt - Trung, khôi phục quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Tranh thủ thời cơ giải quyết vấn đề Campuchia bằng chính trị, đồng thời chuẩn bị tốt khả năng rút hết quân không có giải pháp trong năm 1989. Xây dựng mối quan hệ quốc tế mới với các nước ASEAN, biến Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác.

Mở rộng và đa dạng hoá quan hệ với các nước, bình thường hoá quan hệ với Mỹ, phát triển quan hệ với các nước châu Á - Thái Bình Dương cũng như với Tây Âu.

Tích cực tham gia vào đấu tranh cho hoà bình, đoàn kết và ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng cách mạng, góp phần phát triển phong trào không liên kết.

Cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới đã có một số thay đổi về hình thức, nhưng bản chất cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới không thay đổi. Trong tình hình mới, chúng ta phải hết sức tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới, nhưng phải thấy hết tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh mới và hết sức đề cao cảnh giác.

II- VỀ QUỐC PHÒNG

1. Quán triệt tư tưởng của Đại hội VI và Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị về công tác quốc phòng, hai năm qua đã *chuyển*

hướng chiến lược mới trong công tác quốc phòng, thực hiện có kết quả nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, tạo ra những điều kiện thuận lợi mới cho công cuộc xây dựng kinh tế.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của đất nước, âm mưu và hành động của kẻ địch, đã bổ sung và hoàn chỉnh chiến lược mới bảo vệ Tổ quốc; điều chỉnh xong về cơ bản việc bố trí lực lượng chủ lực trên các hướng chiến trường; sắp xếp lại lực lượng vũ trang ba thứ quân; đang xây dựng và củng cố các công trình quốc phòng trọng yếu; xác định yêu cầu, nội dung xây dựng các tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc trong thế trận chiến tranh nhân dân.

Nền quốc phòng toàn dân được củng cố một bước theo hướng phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản. Lực lượng quân đội thường trực đã được chú ý xây dựng theo hướng chính quy, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao. Chấn chỉnh một bước tổ chức, biên chế của các đơn vị và cơ quan, giảm được 50 vạn quân. Tăng cường công tác chuẩn bị động viên và xây dựng lực lượng dự bị động viên.

Công tác đảng và công tác chính trị trong quân đội được coi trọng, đã triển khai thực hiện cơ chế lãnh đạo của Đảng trong quân đội và sự nghiệp quốc phòng; kiện toàn một bước đội ngũ cán bộ theo yêu cầu mới, đang xúc tiến bổ sung quy hoạch cán bộ và triển khai thực hiện quy hoạch cán bộ quân đội.

Quân đội đã tích cực tham gia xây dựng kinh tế, tự trang trải một phần nhu cầu của bộ đội và công nhân viên quốc phòng, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân, tăng thêm hàng tiêu dùng cho xã hội.

2. Tuy nhiên, những kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu, *có những mặt còn hạn chế, nhiều vấn đề còn phải có nỗ lực rất*

lớn trong một thời gian tương đối dài mới có thể đạt được yêu cầu đề ra.

Cho đến nay, Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị về công tác quốc phòng chưa được quán triệt sâu đến nhiều cấp tỉnh, huyện và cơ sở. Năng lực lãnh đạo về quốc phòng của các cấp còn hạn chế. Nhiều địa phương chưa xây dựng xong phương án phòng thủ. Chất lượng các lực lượng vũ trang ở nhiều nơi còn thấp; hậu cần tại chỗ còn mỏng; quản lý lực lượng dự bị chưa chặt; việc kết hợp kinh tế với quốc phòng chưa thật rõ nét.

Đời sống của bộ đội tiếp tục bị giảm sút. Chính sách hậu phương quân đội có nơi, có lúc chưa được thực hiện nghiêm chỉnh.

Tình hình tiêu cực trong bộ đội còn nhiều, cuộc đấu tranh chống tiêu cực đã thu được một số kết quả nhưng chưa đạt yêu cầu.

Có nhiều khó khăn trong việc tạo nguồn cán bộ, đào tạo sĩ quan.

3. Thực tế cho thấy trong xu thế chung của thời đại, kẻ thù tuy có thay đổi một số sách lược, nhưng chưa thay đổi mưu đồ ..., chưa từ bỏ âm mưu phá hoại cách mạng nước ta, tình hình chung còn có diễn biến phức tạp. Vì vậy phải tích cực thực hiện nhiệm vụ quốc phòng mà Đại hội VI và Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị đã đề ra.

Các cấp uỷ đảng phải nâng cao chất lượng lãnh đạo công tác quốc phòng, thường xuyên giáo dục nhân dân đề cao cảnh giác. Quân đội phối hợp chặt chẽ với công an nhân dân, tăng cường khả năng phòng thủ và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù,

bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc; đồng thời làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Phấn đấu để trong các năm tới đạt được bước chuyển biến mạnh hơn và vững chắc hơn về chất lượng trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, củng cố nền quốc phòng toàn dân và xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế.

Trong khi triển khai nhiệm vụ một cách toàn diện, *cần giải quyết có hiệu quả một số vấn đề lớn sau đây:*

Thực hiện có kết quả kế hoạch củng cố tổ chức phòng thủ đất nước, nhất là ở các khu vực trọng điểm. Đẩy mạnh xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, xây dựng công trình chiến đấu, xây dựng lực lượng dự bị động viên, xây dựng quy hoạch quốc phòng dài hạn.

Đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân và hậu phương đất nước một cách toàn diện trên cơ sở phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh và kinh tế. Triển khai có chất lượng kế hoạch xây dựng các tỉnh, thành phố thành các khu vực phòng thủ vững chắc. Xúc tiến xây dựng các tỉnh biên giới phía bắc, khu quần đảo Trường Sa vững mạnh.

Tạo một bước chuyển mạnh hơn và vững chắc hơn về chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang với số quân thường trực hợp lý, tiếp tục giảm quân số thường trực, xây dựng quân đội chính quy ngày càng hiện đại, nâng cao trình độ chất lượng và hiệu quả chiến đấu.

Có tổ chức và chính sách đúng nhằm đào tạo và xây dựng đội ngũ sĩ quan và tướng lĩnh giỏi, coi đó là một khâu then chốt trong xây dựng quân đội.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, nâng cao chất lượng chính trị của các lực lượng vũ trang, khắc phục những hiện tượng tiêu cực. Nâng cao tinh thần cảnh giác

cách mạng, ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ và bộ đội.

Bảo đảm hợp lý ngân sách, vật tư cho quốc phòng. Cải tiến và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với quân thường trực, tạo điều kiện để các sĩ quan và công nhân viên quốc phòng yên tâm phục vụ lâu dài. Bổ sung và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội trong tình hình mới.

Tăng cường trang bị kỹ thuật cho các lực lượng vũ trang và từng bước xây dựng công nghiệp quốc phòng. Chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận và khoa học kỹ thuật quân sự. Xác định rõ chiến lược quốc phòng trong thời bình để thực hiện trong tình hình có chuyển biến mới.

Phát huy khả năng và tiềm lực của quân đội trong xây dựng kinh tế, bao gồm lực lượng của các quân khu, các tỉnh, thành phố, các quân chủng, binh chủng, nhằm tự giải quyết một phần các nhu cầu của quân đội và tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Quân đội làm kinh tế phải theo cơ chế quản lý chung của Nhà nước, thực hiện hạch toán kinh doanh.

III- CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị, công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội có đổi mới bước đầu và đạt được những kết quả nhất định. Đã phấn đấu giữ vững an ninh chính trị, đối phó kịp thời với những biến động xấu. Đã định hướng được mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp công tác và xây dựng lực lượng công an nhân dân trong tình hình mới.

Các cấp uỷ Đảng, các ngành và nhân dân đã quan tâm hơn đến công tác bảo vệ an ninh và trật tự xã hội. Sự phối hợp giữa các ngành nội chính có tiến bộ hơn. Đã trấn áp hoạt động chống đối của bọn phản động và các thế lực cũ không chịu cải tạo, đập tan âm mưu hoạt động vũ trang của các bọn xâm nhập qua biên giới. Tổ chức tốt hơn công tác phòng ngừa xã hội, tấn công bọn tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự, trừng trị bọn lưu manh côn đồ, triệt phá nhiều băng, ổ trộm cướp, bắt và xử lý nhiều vụ đầu cơ, buôn lậu lớn.

Đang từng bước xây dựng tổ chức công an nhân dân theo hướng tinh giản, bớt đầu mối trung gian, tăng cường cho lực lượng chiến đấu và cơ sở. Chấn chỉnh công tác đào tạo, nâng cao dần trình độ cho cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân.

Sự hợp tác trong lĩnh vực an ninh với Campuchia, Lào, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác được tăng cường và ngày càng thiết thực hơn.

2. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội hiện nay vẫn diễn biến xấu, phức tạp, có mặt nghiêm trọng, đang là mối quan tâm lo ngại lớn của nhân dân. Tội phạm hình sự, các tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng thêm. Pháp luật, kỷ cương xã hội lỏng lẻo, kém hiệu lực.

Hoạt động của công an tuy có cố gắng nhưng nhiều mặt vẫn còn đơn độc, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành và nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự xã hội.

Còn hữu khuynh trong việc trấn áp các tội phạm, vừa có tình trạng buông lỏng chuyên chính đối với tội phạm nguy hiểm, vừa thiếu thận trọng, bắt oan, sai, vi phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Bố trí thế trận đánh địch còn nhiều sơ hở, nhiều trận địa còn bỏ trống, chậm phát hiện và có biện pháp đối phó kịp thời đối với một số thủ đoạn hoạt động phá hoại mới của

địch ở biên giới, bờ biển. Chống tiêu cực trong nội bộ hiệu quả thấp. An ninh nội bộ rất sơ hở, kỷ luật giữ gìn bí mật quốc gia lỏng lẻo, nhất là trong quan hệ tiếp xúc trực tiếp với nước ngoài.

Việc bố trí lại lực lượng và tổ chức cán bộ làm còn chậm. Một số chế độ, chính sách đối với công an không hợp lý. Đời sống cán bộ, chiến sĩ công an còn nhiều khó khăn. Trang bị phương tiện hoạt động thiếu thốn, lạc hậu và ngày càng xuống cấp.

3. Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những chuyển biến lớn, tác động toàn diện đến công tác an ninh, trật tự, an toàn xã hội của nước ta. Cùng với công cuộc đổi mới ở trong nước, việc chuyển hướng công tác đối ngoại tạo ra những thuận lợi mới rất cơ bản cho sự nghiệp phát triển của đất nước, nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề mới phức tạp trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Trong bối cảnh trên, bảo vệ an ninh chính trị, đặc biệt là bảo vệ nội bộ và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các cấp, các ngành, trong đó lực lượng công an, an ninh là nòng cốt. Nhiệm vụ đó phải gắn liền và phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ mà Đại hội VI và Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị đã đề ra, thể chế hoá các chủ trương của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bố trí lại thế trận an ninh, xác định đúng mục tiêu, đối tượng, địa bàn và đổi mới đối sách, biện pháp

ng nghiệp vụ nhằm phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, tăng cường *xây dựng phong trào quần chúng* bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự an toàn xã hội, nhất là ở cơ sở. Có quy chế phối hợp giữa công an với các ngành để thực hiện tốt công tác phòng ngừa toàn xã hội đối với tội phạm.

Tập trung chỉ đạo củng cố an ninh biên giới, bờ biển, hải đảo và những vùng xung yếu khác. Đẩy mạnh tấn công bọn tội phạm, trừng trị kịp thời và nghiêm minh các hoạt động của bọn lưu manh côn đồ, bọn đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường, lập lại trật tự, kỷ cương trong xã hội, nhất là ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp kinh tế, giáo dục, hành chính, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nội chính trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội.

Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ an ninh của Lào và Campuchia, bảo đảm sự đoàn kết hữu nghị và an ninh, trật tự ở ba nước Đông Dương. Tăng cường chất lượng, hiệu quả hợp tác với an ninh Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Trên cơ sở lấy phong trào quần chúng làm nền tảng, tiếp tục xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Nhà nước cần có kế hoạch tăng thêm trang bị phương tiện phục vụ cho hoạt động trước mắt của lực lượng công an nhân dân, đồng thời từng bước hiện đại hoá các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh trong tình hình mới.

Phần thứ ba

ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội đang đòi hỏi phải đổi mới một cách căn bản tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị nhằm tăng cường chất lượng lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò tích cực và năng lực sáng tạo của nhân dân. Không phát huy dân chủ, không đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị thì không thể thực hiện được công cuộc đổi mới ở nước ta. Đây là một nhiệm vụ *vừa cơ bản, vừa cấp bách*.

I- Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, quán triệt bài học "dân là gốc", Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương và biện pháp tích cực, thiết thực để phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, mở rộng dân chủ nội bộ. *Thành quả rõ rệt nhất là đã bước đầu tạo ra được không khí dân chủ, cởi mở trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng, trong hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng*.

Trong sinh hoạt của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhiều tổ chức đảng các cấp, trong hoạt động của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng nhân dân các cấp, trong sinh hoạt của các đoàn thể quần chúng đã bắt đầu có sự đổi mới, thảo luận cởi mở, công khai, thẳng thắn.

Công tác tư tưởng, hoạt động khoa học, báo chí, văn hoá - văn nghệ... có bước phát triển mới về nội dung và phương pháp thông tin, về thảo luận dân chủ các ý kiến khác nhau, tự phê bình và phê bình, đấu tranh phê phán các hiện tượng tiêu cực, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới.

Nhiều tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể quần chúng đã có ý thức tôn trọng dân và gần dân hơn, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của dân, trả lời và giải quyết những vấn đề quần chúng nêu ra. Nhân dân lao động ở cả thành phố và nông thôn ý thức rõ hơn và có những đòi hỏi cao hơn về các quyền tự do, dân chủ.

Đã từng bước cải tiến tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, bớt được một phần những hiện tượng tổ chức đảng ôm đồm, bao biện công việc của Nhà nước và các tổ chức kinh tế. Đã chấn chỉnh lại một số tổ chức, thu gọn bộ máy, bỏ bớt những khâu mỗi trung gian và những tổ chức trùng lặp; giảm biên chế hành chính gián tiếp.

Nhưng những tiến bộ đó còn *rất hạn chế, chưa đồng bộ*. Trên nhiều vấn đề về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, nhận thức của cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, chưa rõ và chưa thống nhất. Chậm có những biện pháp củng cố và tăng cường hệ thống chính trị, bảo đảm cho nhân dân thật sự tham gia giải quyết những công việc chung của đất nước. Chủ nghĩa quan liêu, bệnh dân chủ hình thức, tư tưởng phong kiến, gia trưởng còn nặng. Quyền làm chủ chính đáng của nhân dân ở nhiều nơi bị vi phạm, có nơi vi phạm rất nặng. Đã diễn ra không ít những hiện tượng ức hiếp dân, trù dập, trả thù những người trung thực. Mặt khác, lại có tình trạng buông lỏng pháp chế xã hội chủ nghĩa, buông lỏng chuyên chính vô sản; chậm khắc phục, uốn nắn những biểu hiện dân chủ cực đoan, lợi dụng việc mở rộng dân chủ để vu cáo, gây phe phái, đả kích sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Hội đồng Bộ trưởng; không trừng trị nghiêm minh những hành động phạm pháp, tham ô, thoái hoá, vi phạm quyền công dân và làm sai chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cuộc vận động làm trong sạch Đảng, bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, đã thu được một số kết quả. Nhưng do thiếu sự chỉ đạo tập trung, kiên quyết, nên nhìn chung chưa đạt yêu cầu đề ra.

Bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, Đảng coi nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng kinh tế là chủ yếu, nhưng tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Đảng cũng như của cả hệ thống chính trị về cơ bản vẫn theo mô hình và phương thức cũ. *Khuyết điểm lớn nhất là chức năng, nhiệm vụ chưa phân định rõ, bộ máy rất nặng nề, công kênh, nhiều cấp trung gian; các tổ chức trong hệ thống hoạt động chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; số lượng cán bộ nhiều nhưng hiệu quả hoạt động thấp*.

Hiện nay, nhiều tổ chức Đảng vẫn bao biện làm thay nhiều công việc của cơ quan nhà nước và các đoàn thể; cấp trên ôm đồm nhiều công việc thuộc chức năng và thẩm quyền của cấp dưới. Hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp chưa thể hiện rõ là cơ quan quyền lực cao nhất. Nhiều cơ quan hành chính các cấp ỷ lại vào cấp uỷ Đảng, chưa làm hết nhiệm vụ và quyền hạn của mình; năng lực điều hành còn kém. Hoạt động của các cơ quan kiểm sát, tư pháp, toà án trong nhiều trường hợp còn hữu khuynh, né tránh, buông lỏng chuyên chính vô sản; mặt khác lại chưa đổi mới kịp với những chuyển biến của tình hình. Các đoàn thể quần chúng chậm đổi mới hình thức tổ chức và phương thức hoạt động. Hoạt động vẫn mang tính chất hành chính, quan liêu, hiệu quả chưa cao. Chính tình hình trên đây là một trở ngại lớn cho việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước.

II- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho công cuộc đổi mới nói chung đi tới thắng lợi.

Trong quá trình đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị cũng như đổi mới các lĩnh vực khác của xã hội, *phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản* sau đây:

- Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng ta; *xây dựng*

nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho các mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

- Với bản chất cách mạng và khoa học, *chủ nghĩa Mác -*

Lênin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, là tư tưởng chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Đổi mới tư duy là nhằm khắc phục những quan niệm không phù hợp, làm phong phú những quan niệm về chủ nghĩa xã hội, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, chứ không phải xa rời nó. Phải đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thường xuyên quan tâm giáo dục, truyền bá thế giới quan Mác - Lênin và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó, mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là *tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản*; là làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn.

Sự lãnh đạo của Đảng là yêu cầu khách quan, là điều kiện cốt tử bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta giành được thắng lợi. Phải đấu tranh, phê phán những khuynh hướng phủ nhận hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phải lắng nghe, tiếp nhận những ý kiến trung thực phê bình sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng.

- Dân chủ hoá các lĩnh vực của đời sống xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng và phát triển nền dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động là điều kiện cơ bản bảo đảm thắng lợi cho công cuộc đổi mới. Đó là dân chủ xã hội chủ nghĩa chứ không phải dân chủ tư sản. Dân chủ phải đi đôi với tập trung, với kỷ luật, ý thức trách nhiệm công dân và tôn trọng pháp luật. *Dân chủ phải có lãnh đạo*, lãnh đạo để phát huy dân chủ đúng hướng và lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ. Dân chủ với nhân dân đồng thời nghiêm trị những lực lượng phá hoại thành quả cách mạng.

- Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Nội dung đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Quan trọng nhất là cần tập trung giải quyết những vấn đề lớn sau đây:

1. *Nhận thức đúng bản chất, nội dung vấn đề dân chủ ở nước ta hiện nay.*

Đảng ta chủ trương thực hiện dân chủ hoá trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và tạo mọi điều kiện để phát huy dân chủ.

Dân chủ trên lĩnh vực chính trị, trước hết là bảo đảm dân chủ trong sinh hoạt cũng như trong bầu cử, ứng cử, lựa chọn cán bộ đưa vào các cơ quan lãnh đạo, trong việc ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định của các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.

Dân chủ trong lĩnh vực kinh tế thể hiện ở việc mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khu vực quốc doanh và tập thể, bảo đảm quyền làm chủ của người công nhân, nông dân, xã viên; thực hiện đúng đắn chính sách khuyến khích và hướng dẫn sự phát triển của

kinh tế gia đình, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, tạo điều kiện cho họ được làm ăn tự do theo pháp luật, đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, việc phát huy dân chủ thể hiện rõ ở chính sách bảo đảm phát huy trí tuệ, tài năng của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, đậm đà bản sắc dân tộc và từng bước đáp ứng nhu cầu văn hoá của nhân dân; bảo đảm tự do sáng tác, tự do phê bình, nâng cao trách nhiệm công dân của người nghệ sĩ.

Dân chủ trong lĩnh vực tư tưởng thể hiện ở việc bảo đảm quyền được thông tin của nhân dân, đa dạng hoá thông tin, thực hiện thông tin hai chiều, quyền phát biểu ý kiến, tranh luận thẳng thắn, nhưng thông tin phải chính xác, có định hướng, phát biểu với tinh thần xây dựng và phải bảo vệ bí mật quốc gia. Trong quá trình mở rộng dân chủ phải ngăn ngừa đấu tranh khắc phục khuynh hướng dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản, phải tỉnh táo, đấu tranh chống lại những lực lượng lợi dụng việc mở rộng dân chủ để chống chế độ ta. Phải lắng nghe ý kiến rộng rãi của nhân dân, nhưng không "theo đuôi" quần chúng. Cần phân biệt những ý kiến đúng đắn với những ý kiến sai trái, sàng lọc tiếp thu những ý kiến đúng. Nhân dân kiểm tra Đảng và Nhà nước, đồng thời nhân dân cũng tự kiểm tra nhau trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Suy cho cùng, việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nhằm phát huy nhân tố *con người*, phát huy cao độ tính tự giác và sức sáng tạo to lớn của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Đồng thời, bảo đảm cho con người có điều kiện vật chất và tinh thần để phát triển toàn diện, được đào tạo và rèn luyện thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này, trong đó có những nguyên tắc cơ bản trên đây cùng với kết luận của Bộ Chính trị về công tác tư tưởng là phương hướng, nội dung chủ yếu của công tác tư tưởng trong thời gian tới. Các cấp uỷ

Đảng, các cơ quan chính quyền, các đoàn thể quần chúng cần phải quán triệt sâu sắc trong hoạt động của mình, nhằm tạo ra sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng và toàn dân.

2. Xây dựng và hoàn chỉnh từng bước hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Công cuộc đổi mới, yêu cầu dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội đang đòi hỏi phải khẩn trương đổi mới hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trước mắt cần rà soát lại những bộ luật hiện hành (kể cả Hiến pháp), bổ sung và sửa đổi những điểm cần thiết theo tinh thần đổi mới; ban hành một số luật mới. Bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân như: quyền được thông tin, được chất vấn, được trả lời, quyền được tham gia bàn bạc, quyết định và thực hiện những công việc của tập thể và Nhà nước; quyền bình đẳng trước pháp luật giữa các thành phần kinh tế; quyền có việc làm, quyền được bảo vệ cá nhân và phát triển nhân cách... phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội nước ta. Mọi công dân đều có nghĩa vụ sống và làm việc theo pháp luật. Tích cực tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật trong nhân dân và lãnh đạo thực hiện có kết quả những chính sách, pháp luật, quy chế, quy định của Nhà nước. Trừng trị đích đáng và kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật, làm suy yếu và phá hoại nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức lại công tác nghiên cứu chính sách và pháp luật, bảo đảm thu hút được nhiều tổ chức, nhiều lực lượng tham gia và nâng cao tính chính xác, tính khoa học của chính sách và pháp luật.

3. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trên cơ sở đó đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

Đây là vấn đề then chốt trong việc nâng cao hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị.

a) *Về Đảng*: sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta. Vì vậy, Đảng phải tự đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của mình.

Đảng lãnh đạo thông qua việc xây dựng cương lĩnh, đường lối cách mạng, vạch ra những chủ trương, chính sách lớn trên các lĩnh vực đối nội và đối ngoại, định hướng hoạt động của Nhà nước và của toàn dân. Dựa vào những quyết định trên của Trung ương, tổ chức đảng các cấp ra những quyết định, những chủ trương cụ thể để lãnh đạo các hoạt động thuộc phạm vi phụ trách của mình.

Đảng kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách. Qua kiểm tra, tổng kết thực tiễn, tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đường lối, chính sách, kịp thời bổ khuyết, uốn nắn những chủ trương không sát thực tế, những hành động trái với đường lối, chính sách của Đảng.

Đảng xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, bố trí cán bộ các cơ quan của Đảng, chuẩn bị và giới thiệu các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng để họ lựa chọn. Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác cán bộ của Nhà nước, nhưng tôn trọng các thể chế nhà nước về tuyển dụng, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ.

Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình bằng công tác thuyết phục, giáo dục và bằng sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và theo đúng pháp luật. Đảng là cơ quan lãnh đạo chứ không phải là cơ quan quản lý. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng chính là nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo ngang tầm với yêu cầu của cách mạng.

- Để đáp ứng được yêu cầu nói trên, *phải đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng* từ trung ương đến cơ sở.

Ở Trung ương: Ban Chấp hành Trung ương Đảng phải bao gồm những đồng chí có trình độ chính trị, có năng lực và có uy tín, có tinh thần đổi mới, nắm vững tình hình thực tế, có khả năng tham gia thảo luận và quyết định những vấn đề về chiến lược, chủ trương, chính sách lớn. Không nhất thiết tất

cả các bộ trưởng, bí thư tỉnh uỷ đều là Uỷ viên Trung ương. Kiện toàn Bộ Chính trị, làm rõ thêm chức năng và cách làm việc của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Bộ máy của Trung ương Đảng (các ban và văn phòng), cần được sắp xếp lại hợp lý, tinh, gọn. Cán bộ của các ban phải có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu, đề xuất và kiểm tra việc thực hiện các vấn đề về chủ trương, chính sách. Giải thể những ban, những bộ phận có chức năng, nhiệm vụ trùng lặp với nhau và trùng lặp với bộ máy nhà nước. Thành lập các uỷ ban chuyên đề của Trung ương làm nhiệm vụ nghiên cứu hoặc thẩm tra những đề án quan trọng để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị xem xét và quyết định.

Ở các địa phương: tổ chức bộ máy của cấp uỷ đảng càng phải gọn nhẹ, phù hợp với chức năng và phương thức lãnh đạo của Đảng. Không nhất thiết phải có bộ máy như ở Trung ương.

- *Đổi mới phong cách làm việc, mở rộng dân chủ nội bộ*, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm thảo luận, tranh luận một cách bình đẳng, thẳng thắn; lắng nghe và tôn trọng các ý kiến khác nhau. Khi đã có quyết định của tập thể, phải chấp hành nghiêm túc. Giữ vững kỷ luật Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình.

b) *Bộ máy Nhà nước*: nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức tập trung quyền lực của nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Nhà nước phải có thực quyền, có năng lực quản lý mọi mặt hoạt động của xã hội bằng pháp luật.

Phấn đấu để ba năm tới Nhà nước có bước tiến lớn về năng lực quản lý, điều hành năng động, có hiệu lực.

- *Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử*, làm cho Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thật sự là cơ quan quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sửa đổi chế độ bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, bảo đảm chọn đúng những người đại biểu của nhân dân, có điều kiện bàn và quyết định những vấn đề thuộc trách

nhiệm của cơ quan dân cử. Tổ chức lại các uỷ ban chuyên trách của Quốc hội. Bỏ tổ chức Hội đồng Nhà nước, thành lập Đoàn Chủ tịch Quốc hội làm chức năng cơ quan thường trực của Quốc hội. Đổi mới cách sinh hoạt, cách làm việc của Quốc hội, của các uỷ ban chuyên trách của Quốc hội theo hướng hoạt động thường xuyên hơn. Ở các địa phương, phải kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân, lập cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, thành, quận, huyện.

- *Thực hiện đúng chức năng, quyền hạn của hệ thống quản lý hành chính các cấp.* Trong lĩnh vực kinh tế, phải phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý của các tổ chức sản xuất kinh doanh. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế bằng pháp luật, bằng hệ thống các chính sách, quy chế, điều hành các quan hệ kinh tế vĩ mô, không làm thay, không giải quyết những công việc thuộc quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế.

Đổi mới tổ chức và cách làm việc của Hội đồng Bộ trưởng, thực hiện đúng chức trách, quyền hạn của tập thể Hội đồng Bộ trưởng, đồng thời phát huy trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Giảm số lượng thành viên Hội đồng Bộ trưởng. Bỏ tổ chức thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, đề cao trách nhiệm và quyền hạn cá nhân của các thành viên trong Hội đồng Bộ trưởng. Giảm phần lớn các cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

Sắp xếp lại các bộ, các uỷ ban nhà nước một cách hợp lý, gọn nhẹ, bảo đảm cho bộ thực hiện đúng chức năng của mình là nghiên cứu và quy định các vấn đề về pháp luật, chính sách, về quy hoạch và kế hoạch để quản lý nhà nước về kinh tế xã hội ở tầm vĩ mô, thực hiện sự thanh tra, kiểm soát của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế - xã hội. Sáp nhập những bộ có phạm vi, đối tượng quản lý gần nhau hoặc có quan hệ chặt chẽ với nhau, làm cho công việc quản lý đồng bộ, nhịp nhàng và có hiệu lực hơn. Điều chỉnh lại tổ chức các tổng

cục, phân biệt rõ cơ quan quản lý nhà nước với ngành kinh tế kỹ thuật.

Sửa đổi cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động và chế độ làm việc của *uỷ ban nhân dân các cấp*. Thường trực Uỷ ban không phải là một cấp và làm thay công việc của uỷ ban nhân dân. Định lại mối quan hệ giữa uỷ ban nhân dân và Hội đồng nhân dân. Sắp xếp lại các sở chuyên môn theo hướng sở phải làm đúng chức năng quản lý nhà nước.

- *Làm rõ và đổi mới một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của hệ thống tư pháp, tòa án, viện kiểm sát.* Tôn trọng hoạt động độc lập của các cơ quan tư pháp, bảo đảm việc bắt người, giam giữ người, xét xử và thi hành án nghiêm minh, đúng pháp luật.

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý nhà nước phải xuất phát từ yêu cầu, đối tượng quản lý, từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, từ trình độ đội ngũ cán bộ, và phải gắn liền với việc bố trí, sắp xếp hợp lý cán bộ; tránh tình trạng giản đơn, máy móc, sắp xếp lại bộ máy một cách hình thức.

c) *Các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội.*

Bằng công tác tổ chức và vận động quần chúng sâu rộng, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội đại diện cho quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, hỗ trợ đắc lực và là hậu thuẫn cho hoạt động của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước.

Các cấp uỷ Đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo các đoàn thể quần chúng, tạo mọi điều kiện để mỗi đoàn thể phát huy tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động của mình. Thể chế hoá quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản

lý xã hội. Định ra và thực hiện các quy chế phối hợp sự hoạt động của các đoàn thể và các cơ quan nhà nước từ trung ương đến các địa phương và cơ sở.

Với chức năng vận động và tổ chức quần chúng, các đoàn thể đổi mới phương thức hoạt động để sát với quần chúng, với hội viên. Nội dung và hình thức vận động gắn chặt với nguyện vọng, lợi ích và điều kiện sinh hoạt của hội viên. Tổ chức bộ máy của mỗi đoàn thể rất gọn, không cần nhiều cán bộ chuyên trách như hiện nay, nhất là ở cơ sở. Bỏ những hình thức tổ chức và hoạt động làm cho đoàn thể trở nên "hành chính hoá", xa quần chúng, không gắn với hội viên. Các đoàn thể phấn đấu tạo thêm nguồn thu nhập để giảm một phần kinh phí do Nhà nước cấp.

Khuyến khích việc tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng có tính chất xã hội hoặc theo nghề nghiệp. Hướng dẫn các hội hoạt động đúng hướng.

4. Một số vấn đề về cán bộ.

Từ Đại hội VI đến nay, Đảng ta đã có một số nghị quyết và quyết định về công tác cán bộ. Đã tiếp tục điều chỉnh và bố trí lại nhiều cán bộ chủ chốt ở các cơ quan, các ngành, các địa phương và cơ sở. Nhưng nhìn chung, việc thay đổi cán bộ chưa tạo ra được chất lượng mới đủ sức tác động làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình kinh tế, xã hội. Điều đó có nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu là ở công tác tổ chức cán bộ: chưa thật sự đổi mới tư duy trong việc đánh giá; bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ; nhiều trường hợp đánh giá cán bộ chưa thật khoa học, điều chuyển cán bộ chưa trúng; chưa khắt khe trong xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, chưa tích cực đào

tạo và đào tạo lại cán bộ theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý; lúng túng trong việc đổi mới chính sách cán bộ; cơ chế quản lý và tuyển chọn cán bộ chưa thật hợp lý, hiệu quả còn thấp. Đến nay, *vấn đề cán bộ vẫn đang nổi lên như một khâu có ý nghĩa quyết định trong toàn bộ sự lãnh đạo của Đảng.*

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Trung ương 5, phấn đấu trong ba năm tới đạt được sự chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ.

Trước mắt, chú trọng thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Thống nhất quan điểm về phẩm chất và năng lực cán bộ, về tiêu chuẩn đánh giá cán bộ trong công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, lựa chọn, sử dụng và phát huy những cán bộ có tinh thần đổi mới, có kiến thức và năng lực lãnh đạo, quản lý kinh tế xã hội, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.
- Cụ thể hoá tiêu chuẩn cán bộ cho từng chức danh lãnh đạo và quản lý. Không có tiêu chuẩn phẩm chất và năng lực chung chung; phẩm chất và năng lực phải thể hiện ở kết quả thực tế công tác; không có cán bộ bất cứ việc gì cũng làm được.

Phân định rõ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chuyên môn. Cán bộ lãnh đạo và quản lý có thể thay đổi vị trí công tác tùy theo sự tín nhiệm. Cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ phải được đào tạo có hệ thống và phải được ổn định, bảo đảm hoạt động chuyên sâu, có hiệu suất cao.

Không lấy tiêu chuẩn đảng viên, cấp uỷ viên để bố trí cán bộ vào tất cả các chức vụ lãnh đạo, quản lý nhà nước và đoàn thể.

Quy định giới hạn tuổi cho từng loại chức danh cán bộ trong bộ máy Đảng, Nhà nước và đoàn thể. Cán bộ đến tuổi, năng lực và sức khoẻ yếu, thì về hưu. Trường hợp còn sức khoẻ, có năng lực có thể được giữ lại làm những việc thích hợp.

- Xúc tiến mạnh việc xây dựng quy hoạch cán bộ từ cán bộ lãnh đạo cao nhất trong Đảng, Nhà nước cho đến cán bộ cơ sở; tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt quy hoạch đó. Tích cực chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VII của Đảng và đại hội đảng bộ các cấp, đặc biệt là chuẩn bị những chức vụ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp theo phương hướng bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Chống tư tưởng nể nang, hữu khuynh, thiếu tin vào cán bộ trẻ, không tích cực đào tạo, chuẩn bị, hoặc "nín áo" nhau trong công tác cán bộ. Coi việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ có tư duy mới, có kiến thức và có năng lực hoạt động thực tiễn là công việc cấp thiết.

- Việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ phải theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện dân chủ hoá, công khai hoá. Đổi mới quy chế tuyển chọn và đề bạt cán bộ, bảo đảm lựa chọn và sử dụng đúng những cán bộ thật sự có tài năng và phẩm chất. Kết hợp việc nhận xét đánh giá của tổ chức đảng, của thủ trưởng với việc lấy ý kiến của quần chúng, bỏ phiếu tín nhiệm, bầu cử hoặc thi tuyển. Thực hiện chế độ miễn nhiệm đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ.

- Sửa đổi quy chế quản lý cán bộ theo hướng cơ quan nào trực tiếp giao việc và chỉ đạo công việc hàng ngày của cán bộ thì cơ quan đó trực tiếp quản lý cán bộ. Việc đánh giá, bố trí, đề

bạt và thi hành kỷ luật cán bộ do tập thể cấp uỷ được phân cấp quản lý cán bộ đó quyết định, và cần trao đổi ý kiến với đương sự, lắng nghe ý kiến trình bày của đương sự trước khi quyết định. Khắc phục tệ bè phái, cảm tình cá nhân trong công tác cán bộ.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH, NẮM CHẮC NHỮNG NHIỆM VỤ THEN CHỐT ĐỂ ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

1. Sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc đổi mới đã được triển khai trên các mặt đời sống xã hội với những mức độ khác nhau và *thu được kết quả bước đầu quan trọng*.

Một là, đã chuyển hướng trong xây dựng cơ cấu kinh tế, bắt đầu hình thành ngày càng rõ nét cơ cấu kinh tế nhiều thành phần; đã điều chỉnh một bước cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung cho mục tiêu của ba chương trình kinh tế. Việc cải tiến cơ chế quản lý đã đem lại động lực mới trong sản xuất của khu vực kinh tế hợp tác xã nông nghiệp, bước đầu việc cải tiến cơ chế quản lý, khu vực kinh tế quốc doanh tuy còn nhiều khó khăn, nhưng đã xuất hiện những mô hình làm ăn giỏi. Với những kinh nghiệm về quản lý vi mô và vĩ mô đã thu được, trong đó có kinh nghiệm về cải cách giá, chúng ta có thêm điều kiện để chuyển các xí nghiệp quốc doanh sang hạch toán kinh doanh. Những kết quả trên đây đã bước đầu giải phóng sức sản xuất, tạo những tiền đề mới để tiến lên thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới về kinh tế - khâu trung tâm đồng thời cũng là khâu khó khăn, phức tạp nhất của toàn bộ sự nghiệp đổi mới.

Hai là, bầu không khí dân chủ đã được hình thành trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội VI của Đảng trở nên sâu sắc thêm, xã hội quen dần với nếp sinh hoạt dân chủ, công khai. Nó đang trở thành động lực thúc đẩy đổi mới mọi mặt đời sống xã hội và chuẩn bị cho những cải cách sâu rộng về tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta.

Ba là, chúng ta đã thực hiện chuyển hướng chiến lược quốc phòng, điều chỉnh kế hoạch chiến lược bảo vệ Tổ quốc, giảm quân số và chấn chỉnh quân đội thường trực, tăng cường thế trận chiến tranh nhân dân và công tác bảo vệ an ninh chính trị phù hợp với tình hình mới của đất nước.

Bốn là, sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đối ngoại đang từng bước đưa nước ta ra khỏi tình thế bị bao vây, mở ra khả năng khôi phục và phát triển quan hệ hợp tác và đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình với các nước láng giềng trong khu vực cũng như với các nước khác trên thế giới.

Sau một năm rưỡi tìm tòi, thử nghiệm triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI và vật lộn để vượt qua những khó khăn hàng ngày từ giữa năm 1988, những tiến bộ và nhân tố mới nói trên xuất hiện rõ dần và trong những tháng cuối năm tình hình kinh tế xã hội có sự cải thiện nhất định: lạm phát và tăng giá giảm đi một ít, tình hình cung ứng lương thực, thực phẩm bớt gay gắt, hàng hoá trên thị trường nhiều lên, hoạt động giao dịch, chuẩn bị hợp tác với bên ngoài được mở rộng; bước đầu động viên được nhân dân chủ động, hăng hái hơn góp sức lực, của cải, tài năng vào xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thực tế khẳng định: *đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn*. Đi theo con đường đó, chúng ta đang từng bước khắc phục khó khăn, trì trệ, mở ra những khả năng mới để tập trung sức xây dựng trong hoà bình, từng bước hoà nhập vào đà phát triển của nền kinh tế và cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trên thế giới.

Tuy nhiên, cho đến hết năm 1988, những tiến bộ đã đạt được còn chưa đồng bộ và cơ bản, *tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn gay gắt*.

Kinh tế phát triển còn chậm, hiệu quả thấp, sản xuất lương thực chưa vững chắc, trong khi dân số tăng quá nhanh. Phân phối vẫn rối ren, ngân sách nhà nước thâm thủng lớn, lạm phát còn ở mức độ cao, giá cả thường xuyên biến động. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nhiều ngành kinh tế và sự nghiệp công cộng xã hội tiếp tục xuống cấp. Nợ nước ngoài tăng thêm, nợ đến hạn không trả được kịp thời, lực lượng dự trữ của Nhà nước rất mỏng. Xét trên phạm vi toàn xã hội, cơ chế kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp vẫn còn nặng. Tình hình xã hội về nhiều mặt tiếp tục diễn biến xấu. Trên thực tế, *từ nhiều năm nay, nước ta đã lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về kinh tế, xã hội; cho đến nay chúng ta vẫn chưa ra khỏi tình trạng đó*.

Mặc dù khó khăn trước mắt còn lớn, tình hình còn nhiều phức tạp, sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đất nước ta đang đi sâu vào con đường đổi mới, những tiến bộ và nhân tố mới đã xuất hiện ngày càng rõ nét. Tác động tích cực của các nhân tố mới đã thể hiện trong thực tế đời sống, triển vọng tiềm tàng mà các nhân tố đó chứa đựng và những kinh nghiệm tích lũy được trong hai năm qua đã cho chúng ta *thấy rõ thêm hướng đi, những giải pháp và đang tạo ra những tiền đề thuận lợi mới để từng bước đưa nước ta vượt ra khỏi khó khăn*.

2. Chúng ta cần nhận rõ, việc khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội không thể diễn ra nhanh chóng vì những khó khăn quá lớn mà thời gian tiến hành đổi mới còn quá ngắn. Mặt khác tình hình chuyển biến chậm còn do *những khuyết điểm chủ quan*. Dưới đây chúng ta sẽ đi sâu kiểm điểm công tác lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo, điều hành của Nhà nước để rút kinh nghiệm cho bước đi tiếp theo.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ VI, trong hai năm qua, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã ban

hành nhiều nghị quyết, cụ thể hoá và phát triển nghị quyết Đại hội, đã đề ra ngày càng rõ nét nội dung đổi mới về nhiều lĩnh vực cơ bản. Các cơ quan nhà nước đã cố gắng thể chế hoá nghị quyết của Đảng và tổ chức chỉ đạo thực hiện, việc xử lý công việc gần đây ngày càng thể hiện nhất quán hơn quan điểm đổi mới và có hiệu lực hơn. Song công tác lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước có những thiếu sót quan trọng:

a) *Chậm tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ về một số quan điểm và bước đi trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế* nên trong một số trường hợp xử lý những chủ trương cụ thể thiếu cơ sở vững chắc, ý kiến thường phân tán, đi đến giải quyết chậm trễ, không nhất quán và kém hiệu quả. Điều này thể hiện rõ nhất trong việc xử lý những chủ trương quản lý vĩ mô về phân phối, lưu thông và về kế hoạch hoá. Chính khâu yếu này trong chỉ đạo đã làm chậm trễ việc xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh. Chẳng hạn, do chưa đi sâu tổng kết thực tiễn để làm rõ những quan điểm về sản xuất hàng hoá, về thị trường, về kinh doanh, nên xử lý các vấn đề về cơ chế quản lý giá, về tỷ giá, mức lãi suất ngân hàng, tiền mặt, cơ chế quản lý xuất nhập khẩu, v.v. có nhiều lúng túng; kế hoạch nhà nước còn quyết định tập trung từ bên trên một cách thiếu căn cứ nhiều chỉ tiêu pháp lệnh về sản lượng, mặt hàng, địa chỉ tiêu thụ sản phẩm, về giá... Trong khi đó lại buông lỏng công tác quản lý tài chính xí nghiệp và kế hoạch nộp ngân sách và chậm sửa đổi cơ chế tín dụng, tiền tệ sai lầm.

Chúng ta cũng chậm xác định quan điểm và chính sách tiền lương, để kéo dài tình trạng bất hợp lý trong chế độ lương và sự tuỳ tiện trong xử lý tiền lương ở các ngành, địa phương và cơ sở.

Nghị quyết Trung ương 2 chưa xác định thật sáng tỏ quan điểm phải trên cơ sở phát triển sản xuất, tạo điều kiện thực hiện hạch toán kinh doanh mà phần đầu "4 giảm", nên trong

chỉ đạo còn có lúc muốn "4 giảm" đơn thuần, muốn kìm giá, giữ giá bằng biện pháp hành chính.

Khi khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh, thì lại có phần xem nhẹ và lúng túng trong việc quản lý, hướng dẫn, kiểm soát các hoạt động đó.

Chúng ta thiếu kiến thức quản lý và kinh nghiệm điều hành nền kinh tế hàng hoá. Do đó phải tìm tòi, phải trả giá, đó là điều khó tránh, song thiếu sót là chậm tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm thực tế và còn thiếu sự nghiên cứu có hệ thống và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, kể cả kinh nghiệm quản lý của các nước tư bản chủ nghĩa.

b) *Về bước đi* trong cải cách kinh tế, có những thiếu sót sau đây:

- Chậm xác định những mục tiêu, định hướng lớn và các cân đối chủ yếu của ba chương trình kinh tế để làm chỗ dựa vững chắc cho việc bố trí kế hoạch hàng năm.

- Chậm thiết kế phương án tổng thể các biện pháp và bước đi chống lạm phát, thực hiện quá chậm những biện pháp cần thiết về đổi mới chính sách và cơ chế tài chính và tiền tệ tín dụng.

- Lẽ ra nên tập trung cụ thể hoá và thể chế hoá sớm hơn nữa những chính sách liên quan đến kinh tế tập thể, cá thể, tư bản tư nhân và đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, là những lĩnh vực có thể đem lại hiệu quả nhanh. Những chính sách trong các lĩnh vực này lẽ ra cũng có thể ban hành thành luật sớm hơn để nhân dân thật yên tâm thực hiện.

- Việc đề ra những chủ trương đổi mới về quản lý giá, lương, tài chính, tiền tệ nêu ra trong Nghị quyết Trung ương 2 là cần thiết, song những đổi mới về cơ chế kế hoạch hoá, cơ chế quản lý xí nghiệp và cuộc vận động cải tiến quản lý xí nghiệp chưa được triển khai tiếp theo ngay một cách đồng bộ, kịp thời nên chỉ đạo thực hiện tốn nhiều công sức nhưng hiệu quả thấp.

- Hệ thống luật pháp, nhất là luật pháp kinh tế chưa kịp sửa đổi, bổ sung; quan điểm và hoạt động của một số ngành thuộc hệ thống nội chính chưa đổi mới đồng bộ, nên trong không ít trường hợp đã gây cản trở cho việc đổi mới về kinh tế, xã hội.

d) *Công tác lãnh đạo tư tưởng* còn thiếu chủ động: chưa dự kiến trước những khuynh hướng tư tưởng sai lệch có thể nảy sinh trong quá trình đổi mới để chủ động tuyên truyền, giáo dục quần chúng, cũng chưa chủ động trang bị những nhận thức mới cần thiết cho quần chúng sẵn sàng đón nhận những hiện tượng kinh tế xã hội mới một cách tự tin, không bị ngỡ ngàng; có lúc thiên về mặt chống tiêu cực, ít đi sâu giới thiệu những nhân tố tích cực, những việc làm được; chưa kịp thời ngăn chặn những tư tưởng sai lầm, những lệch lạc của một số cơ quan báo chí, xuất bản, để tình trạng lan tràn văn hoá phẩm xấu kéo dài.

đ) *Công tác xây dựng đảng và tổ chức, cán bộ* của Đảng và Nhà nước chậm đổi mới. Nội dung đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nêu ra trong Hội nghị Trung ương 5 chưa ngang tầm như là một khâu có tính chất quyết định trong việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị. Phân định chức năng giữa tổ chức đảng và Nhà nước còn những điểm chưa rõ ràng và bất hợp lý; nhiều tổ chức đảng, nhất là cấp uỷ đảng ở nhiều địa phương còn bao biện làm thay nhiều công việc của cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng. Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy và thay đổi cán bộ tuy có đạt những kết quả nhất định nhưng nhìn chung chưa đem lại một biến đổi chất lượng như mong đợi. Nhất là chậm đề ra nội dung, biện pháp và triển khai trên thực tế công tác quy hoạch cán bộ, chưa xây dựng được cơ chế bảo đảm phát hiện, bồi dưỡng và bố trí đúng cán bộ có phẩm chất và năng lực

vào vị trí thích hợp. Công tác tổ chức và cán bộ đang trở thành nhiệm vụ bức xúc, cần giải quyết tốt và khẩn trương để thúc đẩy công cuộc đổi mới triển khai mạnh mẽ hơn nữa và đi đến thành công.

e) *Hội đồng Bộ trưởng thể chế hoá nghị quyết của Đảng chậm và có trường hợp chưa trúng, chưa nhất quán*. Rõ nhất là chậm xử lý nhiều vướng mắc quan trọng về chính sách (như về thuế, tỷ giá, giá, vốn, tiền mặt, quyền sử dụng ngoại tệ, v.v.) đã gây khó khăn nghiêm trọng đến hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Nguyên nhân của tình trạng này một phần do quan điểm đổi mới của tập thể Hội đồng Bộ trưởng hoặc của một số thành viên Hội đồng Bộ trưởng có lúc chưa đủ sáng tỏ, một phần do sự quán triệt quan điểm đổi mới, trình độ nghiệp vụ và kiến thức thực tế của bộ máy tham mưu nghiên cứu và xây dựng chính sách còn quá yếu. Một nguyên nhân rất quan trọng nữa là các bộ chưa tập trung làm tốt chức năng quản lý nhà nước, chưa dành được thời gian và sức lực cần thiết để giải quyết những vấn đề quản lý vĩ mô, còn làm nhiều việc thuộc trách nhiệm và quyền hạn điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của cơ sở, cuốn hút vào xử lý quá nhiều việc đột xuất, cụ thể.

Về chỉ đạo điều hành, khuyết điểm nổi bật là duy trì quá lâu tình trạng bao cấp trong phân phối lương thực, chưa giải quyết trúng cơ chế chính sách về lưu thông, kinh doanh lương thực, để lương thực thường xuyên căng thẳng không đáng có.

Những thiếu sót và yếu kém trong hoạt động chỉ đạo điều hành của bộ máy nhà nước có liên quan đến những nhược điểm và khuyết điểm về tổ chức, cơ chế hoạt động và cơ cấu cán bộ.

3. *Mục tiêu và những nhiệm vụ then chốt cần nắm chắc trong ba năm tới.*

Hiện nay yêu cầu đổi mới và chuyển biến căn bản thực trạng kinh tế - xã hội đã trở nên đặc biệt cấp bách. Hướng vào nhiệm vụ bao trùm của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là "ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội", *mục tiêu chung* của ba năm tới (1989-1991) là *"ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội"*, tạo ra được *bước ngoặt* trong việc ổn định tình hình, đi vào chiều sâu công cuộc đổi mới.

Chúng ta không có ảo tưởng là mục tiêu nói trên sẽ được thực hiện một cách dễ dàng, suôn sẻ. Vì như đã phân tích, thực trạng kinh tế, xã hội nước ta còn nhiều khó khăn; sự nghiệp đổi mới đòi hỏi phải giải quyết cùng một lúc nhiều nhiệm vụ rất phức tạp; trong quan hệ quốc tế, chúng ta không chỉ có thuận lợi mới mà còn phải đương đầu với những thách thức mới rất to lớn. Song, chúng ta cũng nhận rõ những khả năng, những nhân tố và điều kiện thuận lợi rất cơ bản mà chúng ta có thể và cần phải triệt để khai thác, đó là:

- Tiềm năng vật chất và trí tuệ của con người Việt Nam, của các thành phần kinh tế còn chưa được phát huy, cơ sở vật chất - kỹ thuật và tài nguyên thiên nhiên chưa được tận dụng đầy đủ. Đó là những lực lượng dự trữ lớn cho sự phát triển kinh tế.
- Các chủ trương, chính sách đổi mới về kinh tế được ban hành ngày càng đồng bộ và phát huy tác dụng ngày càng đầy đủ hơn, mạnh mẽ hơn.
- Điều kiện vật chất của nền kinh tế trong ba năm tới sẽ được tăng thêm, một phần quan trọng vì những công trình xây dựng lớn trước đây bắt đầu cung cấp sản phẩm cho xã hội.

- Giao lưu và hợp tác kinh tế quốc tế giữa nước ta với các nước trên thế giới sau khi "vấn đề Campuchia" được giải quyết sẽ có bước phát triển quan trọng.

Thành công của chúng ta trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội sẽ tùy thuộc ở chỗ chúng ta khắc phục những yếu kém và thiếu sót, hạn chế các khó khăn, phát huy những nhân tố mới và các điều kiện thuận lợi mới với quy mô và tốc độ nào.

Để thực hiện mục tiêu của Đại hội, trong khi triển khai toàn diện các giải pháp đã trình bày ở các phần trên, cần nắm chắc *những nhiệm vụ then chốt* sau đây:

Một là, khuyến khích và hướng dẫn các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ, thực hiện tốt vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, *tập trung sức đẩy mạnh thực hiện ba chương trình kinh tế*. Để phục vụ tốt ba chương trình kinh tế, cần tăng cường cơ sở hạ tầng, nhất là *giao thông, vận tải* và thông tin liên lạc, đồng thời phát huy khả năng của các ngành công nghiệp nặng, đặc biệt là của *công nghiệp cơ khí*. Với kết quả thực hiện ba chương trình, đáp ứng được nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội; tạo ra được tích lũy ban đầu từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để sử dụng tốt nguồn vay của nước ngoài; có dự trữ về một số vật tư, hàng hoá quan trọng, trước hết là lương thực.

Phát triển kinh tế nông thôn, bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp nông thôn, dịch vụ, cả mặt lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả về sản xuất và về tổ chức đời sống xã hội là điều kiện quan trọng nhất để thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế và ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tăng cường liên minh công nông, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đảng và Nhà nước cần tập trung hơn nữa sự lãnh đạo và quản lý, bằng lực lượng vật chất và cơ chế chính sách phù hợp, tạo ra sự chuyển biến thật sự có ý nghĩa đối với đời sống kinh tế và xã hội ở nông thôn. Ngoài lực lượng của bản thân nông dân, phải huy động sức mạnh của các ngành

kinh tế quốc dân, từ công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, giao thông vận tải, lực lượng khoa học kỹ thuật đến các ngành phân phối lưu thông tác động đồng bộ để giải phóng mạnh mẽ tiềm năng kinh tế phong phú của khu vực này.

Hai là, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, hình thành về cơ bản cơ chế mới quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô. Đến năm 1991, đại bộ phận các đơn vị kinh tế quốc doanh phải chuyển sang hạch toán đầy đủ, tự trang trải, tự tích lũy để phát triển, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách quốc gia. Trong những năm tới phải dồn sức lực vào việc khắc phục sự yếu kém trong các mặt quản lý vĩ mô.

Ba là, kiểm chế và đẩy lùi dần lạm phát xuống mức nền kinh tế có thể chấp nhận. Đó là mục tiêu cấp bách trong những năm trước mắt để ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo điều kiện bình thường cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, và cho việc "mở cửa" nền kinh tế, tiếp thu nguồn vốn của nước ngoài.

Để đẩy lùi lạm phát, khâu có ý nghĩa quyết định trực tiếp là xác định đúng và thực hiện tốt *chính sách tài chính quốc gia*. Yêu cầu quan trọng của chính sách này là: xoá bỏ bao cấp qua ngân sách, tín dụng và giá cả; ổn định sức mua của đồng tiền, thúc đẩy mọi hoạt động kinh tế hạch toán chặt chẽ, bảo đảm hiệu quả; động viên sự đóng góp hợp lý của mọi thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân vào ngân sách nhà nước đi đôi với triệt để tiết kiệm; kích thích mạnh mẽ sản xuất phát triển.

Bốn là, tạo được điều kiện và môi trường để đất nước có thể phát triển trong thế ổn định, bình thường hoá quan hệ với các nước láng giềng; "mở cửa" nền kinh tế với nước ngoài. Đó là con đường giúp ta mau chóng thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, khắc phục khó khăn trước mắt và tiến bước nhanh trong tương lai. Tham gia vào hệ thống phân công lao động quốc tế và thị trường thế giới, chúng ta có thể tranh thủ được

nguồn vốn, kỹ thuật hiện đại, phương pháp quản lý tiên tiến và thị trường xuất khẩu hàng hoá.

Trong mấy năm trước mắt, chúng ta tranh thủ "mở cửa" với những bước đi vừa sức, đồng thời chuẩn bị ráo riết những tiền đề và điều kiện để "mở cửa" lớn trong những năm sau, quyết không để lỡ thời cơ lịch sử. Quan trọng nhất là sự chuẩn bị các phương án kinh tế, ban hành hệ thống luật lệ, chính sách đi kèm theo luật đầu tư, xây dựng một số cơ sở hạ tầng cần thiết ban đầu, đào tạo đội ngũ cán bộ có những hiểu biết về kinh tế đối ngoại.

Năm là, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, thực hiện dân chủ hoá, đổi mới và bố trí đúng cán bộ.

Thành công của công cuộc đổi mới xét cho cùng tùy thuộc vào kết quả dân chủ hoá đời sống xã hội, lôi cuốn được quần chúng nhân dân tham gia xây dựng và quản lý đất nước với tinh thần làm chủ, tích cực và năng động. Trong mấy năm tới, để làm sâu sắc thêm quá trình dân chủ hoá, phải khẩn trương đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị: Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội; xây dựng và hoàn chỉnh một bước hệ thống pháp luật làm cơ sở vững chắc cho chế độ dân chủ, bảo đảm kỷ cương xã hội. Khẩn trương đẩy nhanh việc quy hoạch và bố trí, đào tạo lại đội ngũ cán bộ.

Sáu là, để đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI, điều quyết định là Đảng phải được củng cố vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức theo

tin thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm.

Đặc biệt, cần làm tốt mấy việc lớn sau đây:

- Cùng với việc hoàn chỉnh các chủ trương, nghị quyết đã ban hành, tiếp tục cụ thể hoá các nhiệm vụ quan trọng khác trong nghị quyết Đại hội mà vừa qua chúng ta chưa kịp nghiên cứu, xác định, đặc biệt là những vấn đề về chính sách xã hội, về xây dựng con người mới.

Xúc tiến việc nghiên cứu xây dựng Cương lĩnh của Đảng và chiến lược kinh tế - xã hội.

- Cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng đối với từng lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, v.v. nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng lãnh đạo của Đảng, khắc phục những hiện tượng tổ chức Đảng bao biện công việc của Nhà nước, đoàn thể quần chúng.

Thông qua việc mở rộng sinh hoạt dân chủ, việc tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tổng kết công tác thực tiễn, tăng cường sự thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng, từ Ban Chấp hành Trung ương đến các tổ chức cơ sở Đảng.

- Tập trung sức kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng theo hướng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên để đủ sức đóng vai trò là hạt nhân lãnh đạo quần chúng tiến hành công cuộc đổi mới.

Nắm chắc và thực hiện tốt những nhiệm vụ then chốt trên đây là bảo đảm vững chắc để dành thắng lợi toàn diện cho sự nghiệp đổi mới.

*
* *

Hai năm thực hiện nghị quyết Đại hội đã đem lại cho chúng ta *một số kinh nghiệm bước đầu* về tiến hành công cuộc đổi mới.

Một là, thực tiễn cho thấy nội dung đổi mới phải *toàn diện*, trong đó các vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị, quốc phòng và an ninh, đối nội và đối ngoại liên quan và tác động xoắn xuýt với nhau. Nội dung đổi mới trên từng lĩnh vực bao gồm từ đổi mới tư duy đến đổi mới cơ chế, chính sách, tổ chức, cán bộ, phong cách và lề lối làm việc. Nếu chỉ đơn độc đổi mới một khâu hoặc một lĩnh vực nào đó mà không đồng thời tiến hành các khâu khác, lĩnh vực khác một cách *đồng bộ* thì công cuộc đổi mới không thể đạt được kết quả mong muốn.

Hai là, công cuộc đổi mới chỉ có thể thực hiện thuận lợi nếu toàn Đảng và toàn dân thống nhất nhận thức, thống nhất ý chí và hành động. Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu thì càng xuất hiện nhiều vấn đề mới mẻ liên quan đến nhận thức và chủ nghĩa xã hội, về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chính vì vậy, hơn lúc nào hết, *công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận* cần được triển khai sâu rộng để góp phần giải đáp kịp thời và sáng tỏ những vấn đề quan trọng đó, đặc biệt cần khẩn trương tổng kết những mô hình tiên tiến, rút ra những bài học kinh nghiệm để phổ biến và nhân lên diện rộng những cách làm hay, những điển hình tốt.

Ba là, cuộc sống đòi hỏi phải nhanh chóng chuyển biến mạnh thực trạng tình hình. Chúng ta phải khẩn trương đổi mới, chạy đua với thời gian, không cho phép chậm trễ, chần chừ, do dự. Song mặt khác, công cuộc đổi mới là một sự nghiệp mới mẻ, đầy khó khăn vì cái cũ đã hằn sâu trong nếp nghĩ và thói quen của hàng triệu người, đã đi sâu vào cơ cấu tổ chức và mọi ngóc ngách của cơ chế, chính sách; còn cái mới thì chưa có sẵn, chỉ có thể vừa làm vừa xác định rõ dần. Vì vậy, quá trình đổi mới nhất thiết cần được *lãnh đạo chặt chẽ*. Cần có quan điểm đổi mới đúng đắn, dứt khoát, kiên trì các phương hướng và mục tiêu đã lựa chọn, song trong việc thực hiện phải xác định bước đi phù hợp với điều kiện thực tế, vừa khẩn trương, vừa vững chắc, không để cho khuynh hướng

bảo thủ hoặc nóng vội chi phối. Bảo thủ, trì trệ hoặc nóng vội, cực đoan đều là những khuynh hướng sai lầm, đều cản trở đổi mới và cần phải khắc phục.

Đã đến lúc chúng ta cần hình thành rõ nét mục tiêu và bước đi của quá trình đổi mới, nhằm lãnh đạo công cuộc đổi mới một cách tự giác, chủ động và có hiệu quả hơn.

Bốn là, đổi mới là một quá trình đấu tranh cách mạng để cái mới đúng đắn, tiến bộ chiến thắng và thay thế cái cũ sai trái, lạc hậu, đồng thời bảo vệ, kế thừa những cái cũ tốt đẹp. Phủ định quá khứ hoặc rập khuôn quá khứ đều là những thái cực sai lầm phải đề phòng. Cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ diễn ra phức tạp trên phạm vi xã hội và trong mỗi con người. Trong cuộc đấu tranh này, không tránh khỏi có sự va chạm về lợi ích, quan điểm; mỗi người, mỗi đơn vị phải dám từ bỏ những lợi ích cục bộ và quan điểm sai trái để *bảo đảm lợi ích chung*. Trong quá trình đổi mới, những thái độ bảo thủ hoặc cực đoan, ngăn cản hoặc chống lại đổi mới có thể do nhiều nguyên nhân và động cơ khác nhau. Có người bảo thủ vì thiếu thông tin, thiếu kiến thức; có người vì lợi ích cá nhân mà không muốn từ bỏ cái cũ; cũng có những kẻ bất mãn, cơ hội, lợi dụng đổi mới và dân chủ hoá để "đục nước béo cò"; các thế lực phản động luôn rình rập thời cơ, nắm lấy những sơ hở của chúng ta để kích động phá hoại sự nghiệp cách mạng. Tuy nhiên, số đông hơn vẫn là do thiếu hiểu biết nên chưa chủ động và tự giác đầy đủ để tiến hành công cuộc đổi mới. Chúng ta cần tránh "vơ đũa cả nắm", "chộp mũ" quy kết vội vàng, phải tỉnh táo phân biệt từng trường hợp mà có đối sách thích đáng. Có như vậy mới tập hợp, lôi kéo được đông đảo quần chúng thực hiện đổi mới thắng lợi, cô lập và làm thất bại mưu đồ của những phần tử xấu, bảo vệ được đội ngũ của mình.

Những kinh nghiệm mới trên cũng là những *phương hướng lớn* cần nắm vững để chỉ đạo công cuộc đổi mới trong thời gian tới.

Kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI lần này là dịp tốt để chúng ta tiếp tục phát huy dân chủ trong Đảng và trong nhân dân, phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình. Trên cơ sở thảo luận cởi mở, xây dựng mà đi đến thống nhất nhận định, *thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và trong nhân dân*, phát động phong trào quần chúng hành động cách mạng sôi nổi nhằm đẩy mạnh thực hiện những mục tiêu Đại hội VI đã đề ra.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BỘ CHÍNH TRỊ GIẢI TRÌNH

**Một số vấn đề trước khi Ban Chấp hành
Trung ương biểu quyết thông qua
Nghị quyết Hội nghị Trung ương sáu**
Ngày 29 tháng 3 năm 1989

Thưa các đồng chí,

Văn phòng Trung ương đã tập hợp ý kiến của 140 Ủy viên Trung ương trực tiếp ghi vào dự thảo Nghị quyết Hội nghị Trung ương sáu và của gần 40 đồng chí phát biểu ở Hội trường. Bộ Chính trị và Đoàn Chủ tịch đã thảo luận những ý kiến của các đồng chí, tiếp thu những ý kiến hợp lý và chỉ đạo sửa lại dự thảo nghị quyết thành bản dự thảo nghị quyết mới mà hôm nay đã gửi đến các đồng chí.

Trước khi Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết thông qua Nghị quyết Trung ương sáu, Bộ Chính trị xin nói về một số vấn đề do Trung ương nêu lên và một số nội dung trong bản dự thảo nghị quyết mới.

Ở phần thứ nhất, đánh giá tổng quát tình hình, xin báo cáo Ban Chấp hành Trung ương ba điểm sau đây:

1. Về những kết quả chủ yếu thu được sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, tiếp thu ý kiến của một số đồng chí đã phát biểu, trong dự thảo nghị quyết mới, sau khi nêu 4 điểm

lớn đã bổ sung điểm thứ 5 "những kết quả trên gắn liền với những kết quả bước đầu trong công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ".

Nêu như vậy là đúng và cần thiết vì sự thật là qua hai năm lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta có sự đổi mới và có sự tiến bộ bước đầu, nhưng tâm trạng trong một số không ít, còn nhận thức về Đảng quá nặng nề, hình như công tác xây dựng đảng chưa làm được gì, bản thân Đảng chưa có tiến bộ gì. Nhận định như vậy là không khách quan. Sự thật là Đảng có những tiến bộ về lãnh đạo chính trị, thể hiện ở các nghị quyết đúng đắn của Trung ương, Bộ Chính trị, các cấp uỷ các cấp, ở tư duy của cán bộ, đảng viên qua hai năm có được nâng lên; tổ chức đảng cũng đang được sắp xếp thu gọn đầu mối, bớt trung gian, giảm biên chế, tăng cường sinh hoạt dân chủ và đang chuẩn bị cho những sắp xếp cơ bản hơn; về công tác cán bộ tuy chuyển biến còn chậm, chưa đáp ứng được đòi hỏi bức xúc của cuộc sống, song qua đại hội các cơ sở, quận, huyện thấy rõ đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước cũng đã được sàng lọc và trưởng thành một bước.

Những kết quả về kinh tế - xã hội thu được qua hai năm đổi mới trước hết do những kết quả của công tác xây dựng đảng, nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng.

2. Về bố cục phần viết về các khuyết điểm, thiếu sót, tiếp thu ý kiến của nhiều đồng chí, trong dự thảo nghị quyết mới đã sắp xếp lại, để trình bày rõ hơn địa chỉ phê bình, trách nhiệm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng...

3. Trong dự thảo nghị quyết mới vẫn giữ đoạn nhận xét "quan điểm và hoạt động của một số ngành thuộc hệ thống nội chính chưa đổi mới đồng bộ để phục vụ tốt đổi mới kinh tế". Một số đồng chí đề nghị bỏ đoạn này. Chủ tịch đoàn cho rằng nên giữ lại. Vì sự thật hoạt động của một số ngành nội chính, nhất là của cấp dưới ở nhiều nơi đổi mới còn chậm, có làm trở ngại cho việc đổi mới hoạt động kinh tế. Nhiều ngành, địa phương, cơ sở và người nước ngoài đã có ý kiến. Chúng ta cần nhận rõ tình hình này để vươn lên khắc phục.

Đương nhiên, nói như vậy không phải phủ nhận những cố gắng và những đổi mới của hệ thống nội chính. Chúng ta cũng nhận rõ là, trong tình hình giao thời, nhiều cơ chế mới cũ xen nhau; pháp luật, nhất là pháp luật kinh tế chưa được bổ sung, sửa đổi kịp thời thì hoạt động của hệ thống nội chính gặp nhiều khó khăn, lúng túng là dễ hiểu. Trách nhiệm khắc phục tình hình nêu trên không chỉ của riêng các ngành nội chính, mà liên quan đến mọi ngành, song các ngành thuộc hệ thống nội chính có trách nhiệm trực tiếp của mình. Trong nghị quyết chúng ta đã nêu lên những thiếu sót, khuyết điểm của nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội, hoạt động tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ, v.v. thì việc nêu những thiếu sót trong hoạt động của một số ngành nội chính cũng là hợp lý và cần thiết.

Mấy vấn đề trong phần thứ hai:

1. *Thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần như nội dung trình bày trong dự thảo nghị quyết có trái với chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa không?*

Để tránh hiểu lầm, nghi ngại về vấn đề này, dự thảo Nghị quyết lần thứ hai nói rõ: "Thực hiện chính sách đó là tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách có hiệu quả theo quan niệm đúng đắn mà Đại hội VI đã đề ra".

Điều đó thể hiện trên mấy mặt chủ yếu:

- Các thành phần kinh tế đều hoạt động theo hướng phát triển nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch, đi lên chủ nghĩa xã hội, *đều góp phần thúc đẩy quá trình xã hội hoá nền sản xuất*. Bảo đảm cho định hướng đó là: kinh tế quốc doanh nắm những vị trí then chốt, kinh tế tập thể vẫn được củng cố và giữ vai trò nòng cốt. Đương nhiên, để thực hiện được điều đó, phải làm tốt công tác quản lý kinh tế và kinh tế quốc doanh phải giữ được vai trò chủ đạo. Tuy không đơn giản, nhưng chúng ta có thể làm được.

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa bao gồm *sự chuyển hoá về cả ba mặt: quan hệ sở hữu, quan hệ phân phối, quan hệ quản lý*.

Cái sai trước đây là chỉ thấy quan hệ sở hữu và muốn xoá bỏ nhanh mọi hình thức chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nay hiểu đầy đủ thì các hình thức sở hữu có nhiều loại hình hỗn hợp, đan xen nhau, việc Nhà nước có chính sách điều tiết thu nhập hợp lý, cũng như việc dùng kế hoạch hoá cùng với pháp luật và các chính sách đòn bẩy để hướng mọi thành phần kinh tế hoạt động theo quỹ đạo của kế hoạch vĩ mô, khắc phục tình trạng tự phát mù quáng và những hiện tượng tiêu cực, đều là những biện pháp thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa.

- Trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, *kinh tế quốc doanh sẽ không ngừng mở rộng nhanh*, còn kinh tế cá thể, tư bản tư nhân do yêu cầu khách quan của việc phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh tế, do tác động của các chính sách kinh tế và sự chủ động liên kết của kinh tế quốc doanh, mà *tất yếu sẽ tự nguyện đi theo con đường kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư bản nhà nước* dưới nhiều hình thức khác nhau. Phê phán sự nôn nóng, gò ép trước đây trong việc tiến hành hợp tác hoá, tập thể hoá, không có nghĩa là phủ định cả những mặt tích cực của nó, đi tới coi nhẹ việc củng cố, phát triển hợp tác xã và các hình thức tư bản nhà nước.

Như vậy, trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, *kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư bản nhà nước không ngừng mở rộng và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn*.

Trong khi khẳng định chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa, cũng cần thấy rằng khái niệm cải tạo lâu nay bị hiểu sai lệch, nên cách nói "sử dụng đi đôi với cải tạo" dễ gây ra hiểu lầm, e ngại, không có lợi cho việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần.

2. *Chính sách đối với kinh tế tư bản tư nhân như thế nào là đúng?*

Dự thảo Nghị quyết lần thứ hai chỉ nêu nguyên tắc: "Phát huy tác dụng tích cực của các hình thức kinh tế tư nhân

trong các lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải, thương nghiệp, dịch vụ. Đối với tư bản tư nhân, Nhà nước quy định cụ thể những ngành, nghề, lĩnh vực được phép kinh doanh không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động và những ngành, nghề, lĩnh vực không được kinh doanh hoặc chỉ được kinh doanh dưới hình thức công ty cổ phần hoặc hợp doanh với Nhà nước".

Tinh thần chung so với Đại hội VI có mở rộng hơn vì Đại hội VI chỉ nói tư sản nhỏ được kinh doanh ở những nơi cần thiết và không cho kinh doanh thương nghiệp.

Tuy nghị quyết Trung ương không nêu quy định cụ thể, nhưng có một số vấn đề đang được đặt ra trong thực tiễn kinh tế, đề nghị Trung ương cho ý kiến để các cơ quan nhà nước có hướng giải quyết khi ban hành thể chế:

a) Có cho mở ngân hàng tư nhân không? Đây là nói về các cơ sở kinh doanh tín dụng (huy động vốn và cho vay) và dịch vụ ngân hàng (như dịch vụ thanh toán, cất giữ...); còn về ngân hàng phát hành thì Nhà nước nắm độc quyền, quản lý lưu thông tiền tệ trong cả nước.

Hiện nay, ta mới cho các hình thức hợp doanh với Nhà nước hoặc ngân hàng cổ phần do tập thể cổ đông quản lý; còn về ngân hàng tư nhân, *đề nghị để cho Hội đồng Bộ trưởng làm thử* ở vài nơi để rút kinh nghiệm, sau đó sẽ xem xét có nên cho phổ biến hay không. Điều quan trọng là các ngân hàng kinh doanh của Nhà nước phải đổi mới cơ chế để thu hút được mạnh mẽ các nguồn vốn nhàn rỗi, cải tiến các phương thức thanh toán thuận lợi cho người gửi và người vay mở rộng các hình thức kinh doanh chứng khoán để giành được vai trò chủ đạo trên thị trường vốn và chứng khoán.

b) *Có cho kinh doanh vàng bạc không?* Nghề sản xuất mỹ nghệ đồ trang sức bằng vàng bạc đang cần phát triển, không thể tách rời việc mua bán vàng bạc. Trên thực tế, đang có những người kinh doanh vàng bạc dưới dạng kinh tế ngầm.

Do đó, nên cho phép tư nhân kinh doanh vàng bạc theo những điều kiện và thể lệ do Nhà nước quy định để kiểm soát và thu được thuế.

c) *Có cho kinh doanh thương nghiệp không?*

Nên cho vì mấy lẽ:

- Không thể cắt rời sản xuất và lưu thông.

- Trong một số lĩnh vực, tư sản thương nghiệp còn cần thiết cho việc phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá.

- Trên thực tế, tư sản thương nghiệp đang tồn tại, nếu ta cấm, họ chuyển sang kinh doanh phân tán. Hơn nữa trong nhiều ngành hàng rất khó xác định thế nào là tư sản.

Tuy nhiên, có một số ngành hàng không nên cho kinh doanh thương nghiệp tư bản tư nhân như gạo và những vật tư mà kinh tế quốc doanh nắm toàn bộ.

d) *Có cho kinh doanh xuất, nhập khẩu không?*

Không cho tư nhân lập công ty chuyên doanh xuất, nhập khẩu, nhưng đối với những cơ sở sản xuất tư nhân có quy mô và điều kiện theo luật pháp quy định có thể cho trực tiếp giao dịch với bạn hàng ở nước ngoài để xuất khẩu sản phẩm của mình và nhập khẩu thiết bị, vật tư cho nhu cầu sản xuất.

đ) *Có cho kinh tế phú nông phát triển không?* Nếu hiểu phú nông là nhà tư sản thuê nhân công kinh doanh trong nông nghiệp, thì chúng ta cho phép làm như trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, trồng rừng, lương thực, thực phẩm, v.v..

Trên đây là mấy lĩnh vực lớn; đi vào ngành, nghề cụ thể thì Chính phủ sẽ quy định trên nguyên tắc: cho kinh doanh trong những ngành, nghề cần thiết và có lợi cho nền kinh tế quốc dân, bảo đảm được sự kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

3. *Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân*

Đảng viên nói ở đây không kể những người đương chức trong các cơ quan, xí nghiệp nhà nước. Những người này chỉ được làm kinh tế gia đình.

Có hai loại ý kiến khác nhau về đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân:

- *Ý kiến thứ nhất*: cho làm trong khuôn khổ luật pháp như mọi công dân khác, song phải tuân thủ mấy điều kiện:

+ Bản thân trực tiếp lao động (chân tay, kỹ thuật hoặc lao động quản lý).

+ Đóng góp một phần lợi nhuận dưới hình thức đảng phí (sẽ quy định lại tỷ lệ nộp đảng phí tùy theo thu nhập).

+ Thể hiện vai trò tiên phong gương mẫu trong việc chấp hành luật pháp, chính sách và trong quan hệ với những người lao động ở cơ sở của mình.

- *Ý kiến thứ hai*: đảng viên chỉ làm kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân ở mức cá thể, tiểu chủ. Nếu có nhiều vốn, có tài năng kinh doanh thì hợp doanh với Nhà nước hoặc lập công ty cổ phần, hợp tác xã và có thể làm giám đốc, hoặc chủ nhiệm nếu được tín nhiệm. Như vậy vẫn khai thác được khả năng về vốn, tay nghề, đóng góp cho đất nước mà không trở thành tư sản.

Trên đây là nói về việc thuê nhân công để phát triển kinh tế tư bản tư nhân. Còn về *việc góp vốn hưởng lãi* thì mọi đảng viên (kể cả đương chức) đều có quyền góp vốn dưới nhiều hình thức cho các đơn vị kinh tế quốc doanh, hợp tác xã kể cả các đơn vị sản xuất lưu thông và kinh doanh tín dụng. Riêng đối với việc góp vốn vào công ty tư bản tư nhân thì có ý kiến không đồng tình vì như vậy cũng là bóc lột. Ý kiến khác cho rằng dù góp vốn vào đâu thì cũng hưởng lợi tức, do đó phân biệt địa chỉ góp vốn là không cần thiết và không có lợi.

Đối với vợ (hoặc chồng) và người trong cùng một hộ với đảng viên, nếu những người đó không phải là đảng viên thì được quyền kinh doanh theo luật pháp như mọi công dân khác, Đảng không thể ra quyết định không cho làm.

Tuy nhiên, người đảng viên trong hộ đó cũng có trách nhiệm giáo dục những người trong gia đình về việc chấp hành pháp luật, làm nghĩa vụ với Nhà nước và về quan hệ với những người lao động trong cơ sở kinh doanh. Trong trường hợp có vi phạm thì người đảng viên cũng liên đới chịu trách nhiệm và chỉ bộ phải xem xét, xử lý thích đáng.

4. Về vấn đề mở các trường lớp dân lập, tư thực

a) Trường dân lập và tư thực khác nhau ở chỗ nào?

Trường, lớp *dân lập* là do dân cùng nhau đầu tư xây dựng và tự trang trải; nhân dân trực tiếp tham gia điều hành hoạt động của nhà trường; giáo viên không trong biên chế của Nhà nước. Các trường, lớp dân lập đã được tổ chức như: các lớp mẫu giáo, nhà trẻ của phường, xã; các lớp học nghề phụ ở các hợp tác xã nông nghiệp, các lớp dạy may vá, thủ công mỹ nghệ... do phường, xã tổ chức. Gần đây có Trung tâm đại học dân lập Thăng Long (về toán, máy tính và tin học) do các giáo sư Hoàng Xuân Sính, Phan Đình Diệu và Hoàng Tuy đứng ra tổ chức, trang bị là do hội Việt kiều ở Pháp ủng hộ, học sinh phải trả học phí và giáo viên là do trường tự tuyển chọn.

Trường, lớp *tư thực* là do tư nhân bỏ vốn để mở trường, thuê giáo viên giảng, giáo viên không trong biên chế, học sinh phải trả học phí cho người đầu tư. Dạng trường tư thực như vậy hiện nay khá phổ biến với những lớp đào tạo nghề truyền thống, mỹ nghệ, may mặc, các lớp luyện thi, các lớp dạy ngoại ngữ. Những lớp học này thường không gắn với tổ chức nhà nước hay địa phương. Gần đây đồng chí Văn Như Cương đang chuẩn bị thí điểm tổ chức dưới dạng tư thực một số lớp ở cấp phổ thông trung học.

b) Phương hướng cơ bản vẫn là phải phát triển hệ thống

trường công lập (do ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng và đài thọ, giáo viên do Nhà nước tuyển chọn). Việc cho mở các trường, lớp dân lập, tư thực không có nghĩa là dân lập hoá, tư nhân hoá hệ thống giáo dục, đào tạo. Về cơ bản hệ thống

giáo dục, đào tạo vẫn phải bằng con đường công lập. Việc thu học phí hiện nay là để huy động sự đóng góp của nhân dân vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo hoàn toàn không có nghĩa là biến trường nhà nước thành dân lập.

Những trường hợp sau đây cần khẳng định nhất thiết phải theo phương thức công lập:

- Đại học, trung học dạy nghề (vì yêu cầu một đội ngũ giáo viên đồng bộ và cơ sở vật chất, kỹ thuật lớn).
- Cấp I (do yêu cầu phổ cập cấp I và xoá nạn mù chữ cho toàn dân).

c) Những trường hợp sau đây nên khuyến khích phát triển dân lập hay tư thực ở chừng mực nhất định khác nhau:

- Dạy nghề, nhất là các nghề thủ công, mỹ nghệ, truyền thống, dạy tiếng nước ngoài, không yêu cầu phải có một đội ngũ giáo viên đồng bộ và cơ sở vật chất - kỹ thuật lớn. Có thể dùng phương thức dân lập hay tư thực.
- Với cấp II và cấp III: có thể mở một số lớp dân lập để bổ sung cho hệ công lập, trong trường hợp ngân sách nhà nước không đủ sức đầu tư, trang trải; không cho mở trường tư cấp học phổ thông, đại học.

d) Phải xét duyệt và quản lý chặt chẽ hoạt động của các trường, lớp dân lập và tư thực thuộc hệ giáo dục phổ thông (không kể các lớp luyện thi). Các trường, lớp này phải chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước về nội dung, chương trình giảng dạy, về tuyển chọn đội ngũ giáo viên đủ tiêu chuẩn về nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức.

5. Về vấn đề thành lập Viện Hàn lâm

Từ Đại hội V đã quyết nghị về việc thành lập Viện Hàn lâm. Đại hội VI cũng quyết nghị: "Chuẩn bị điều kiện để thành lập Viện Hàn lâm".

Trong Hội nghị lần này các đồng chí Ủy viên Trung ương có mấy ý kiến khác nhau:

- Cần khẩn trương chuẩn bị điều kiện để thành lập Viện Hàn lâm.

- Nên lập Hội đồng khoa học xã hội và Hội đồng khoa học kỹ thuật để thảo luận và quyết định về phương hướng và kế hoạch phát triển khoa học - kỹ thuật như Viện Hàn lâm.

- Chưa nên lập tổ chức nào khác mà cứ để hoạt động dưới hình thức như các Viện khoa học - kỹ thuật hiện nay.

Xin *kiến nghị* để các đồng chí thảo luận và quyết định:

- Việc thành lập Viện Hàn lâm với chức năng là một trung tâm khoa học đầu ngành của cả nước.

- Đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo Hội đồng Bộ trưởng xây dựng phương án tổ chức để xem xét và quyết định.

- Trước mắt nên xúc tiến thành lập hai Hội đồng quốc gia về khoa học xã hội và khoa học kỹ thuật.

6. Về việc các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng làm kinh tế nên như thế nào?

+ Vấn đề có tính nguyên tắc là các tổ chức đảng, các đoàn thể phải thực hiện đúng đắn, có hiệu quả chức năng nhiệm vụ chính trị của mình.

+ Tuy nhiên trong tình hình hiện nay để giảm bớt *một phần* kinh phí do Nhà nước cấp (*tôi nói giảm bớt một phần chứ không phải tất cả*) các tổ chức đảng, các đoàn thể cần thiết và

nên làm kinh tế. Vấn đề đặt ra là cần phải quy định phạm vi đến đâu, mức độ như thế nào, làm ngành, nghề gì, trong lĩnh vực nào... cho hợp lý, để vừa tự túc được một phần kinh phí, vừa thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình.

+ Đề nghị Trung ương xem xét và quyết định về nguyên tắc, còn phạm vi, mức độ, ngành, nghề cụ thể xin giao cho Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng cụ thể hoá.

+ *Về việc chia một số tỉnh:*

Việc tổ chức tỉnh, thành như thế nào cho hợp lý, đó là vấn đề lớn, Bộ Chính trị phải chỉ đạo việc nghiên cứu chu đáo để có những quyết định đúng đắn. Việc này đòi hỏi phải có thời gian, không thể nhanh được. Trước mắt Bộ Chính trị quyết định cho chia hai tỉnh Phú Khánh và Nghĩa Bình, chứ không phải chủ trương cho nhiều tỉnh đã sáp nhập đều chia ra. Vì vậy, khi chưa có đề án nghiên cứu tổ chức tỉnh, thành, chưa có quyết định về vấn đề này, đề nghị các đồng chí lãnh đạo tư tưởng, không đặt vấn đề chia tỉnh, gây sự xáo trộn không có lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ hiện nay.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHẦN THỨ BA

Về những nhiệm vụ then chốt:

Sau khi đã xác định một cách toàn diện phương hướng, nhiệm vụ trong ba năm tới, mà dự thảo nghị quyết ghi thành 12 vấn đề, chúng tôi thấy cần thiết phải nêu những nhiệm vụ then chốt, tuy nhiên để bớt trùng lặp và nên tập trung hơn, dự thảo lần này viết thành 4 *nhiệm vụ then chốt*, thực

ra thì nhiệm vụ thứ ba và thứ tư có thể viết gọn thành một, nhưng tách ra để nhấn mạnh.

- *Về nhiệm vụ thứ nhất:* Chúng ta thấy trên mặt trận kinh tế vấn đề nào cũng quan trọng, nhưng *chống lạm phát* là vấn đề *nổi bật nhất, nóng bỏng nhất, có tác dụng chi phối* nhiều mặt đến tình hình kinh tế, xã hội, là *điều kiện quyết định* để đưa tình hình kinh tế, xã hội ra khỏi khủng hoảng đi vào thế ổn định và phát triển, cho nên dự thảo nghị quyết nêu bật nhiệm vụ chống lạm phát. Lạm phát là hậu quả của nhiều nguyên nhân, để chống lạm phát, do đó cũng phải giải quyết đồng bộ các vấn đề. Nghĩa là chống lạm phát phải *gắn* với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trước hết là đối với khu vực quốc doanh, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, có chính sách tài chính quốc gia và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện ba chương trình kinh tế, đặc biệt là phát triển toàn diện kinh tế nông thôn.

- *Nhiệm vụ thứ hai* là chúng ta phải tạo ra điều kiện và môi trường *hoà bình* để đất nước có thể phát triển trong thế *ổn định*. Đó là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở, nhưng trước hết là của quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- *Nhiệm vụ thứ ba* là chúng ta phải xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới công tác cán bộ. Bởi vì suy cho cùng đây là một nhân tố có ý nghĩa quyết định và chi phối đối với toàn bộ sự nghiệp đổi mới.

- *Nhiệm vụ thứ tư* là vấn đề xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả. Đó là vấn đề cốt tử nhất của sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

bộ chính trị giải trình... 959

960 văn kiện đảng toàn tập

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VI)**

Số 06-NQ/TW, ngày 29 tháng 3 năm 1989

**Kiểm điểm hai năm thực hiện
Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng,
nhiệm vụ ba năm tới**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH

1. Chấp hành Nghị quyết Đại hội VI, hai năm qua, trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã triển khai công cuộc đổi mới trên nhiều mặt đời sống xã hội, nhất là về kinh tế. Chúng ta vừa làm vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm và đã *thu được những kết quả bước đầu quan trọng*:
Một là, đã có chuyển hướng xây dựng cơ cấu kinh tế, bắt đầu hình thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, điều chỉnh

một bước cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung cho mục tiêu của ba chương trình kinh tế. Việc đổi mới cơ chế quản lý đã tạo ra động lực mới trong sản xuất, rõ nhất là trong nông nghiệp. Khu vực kinh tế quốc doanh tuy còn nhiều lúng túng, nhưng cũng đã xuất hiện những đơn vị làm ăn giỏi. Với những kinh nghiệm đã thu được, trong đó có một số kinh nghiệm về cải cách giá, chúng ta có thêm điều kiện để chuyển các xí nghiệp quốc doanh sang hạch toán kinh doanh. Những kết quả trên đã bước đầu giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế hàng hoá, tạo những tiền đề mới để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới về kinh tế.

Hai là, tinh thần dân chủ được phát huy trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội VI của Đảng phát triển sâu sắc thêm, đang trở thành động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới trong nhiều lĩnh vực.

Ba là, đã điều chỉnh chiến lược bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ trên các chiến trường, giảm quân số và bước đầu chấn chỉnh quân đội thường trực, tăng cường thể trận chiến tranh nhân dân. Đã có những chuyển hướng về công tác bảo vệ an ninh chính trị phù hợp với tình hình mới.

Bốn là, tăng cường đoàn kết và đổi mới sự hợp tác trên nhiều mặt với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Đang chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đối ngoại, từng bước mở ra những khả năng thuận lợi mới để phát triển quan hệ hợp tác và đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình với các nước trong khu vực cũng như đối với các nước khác trên thế giới.

Năm là, những kết quả trên gắn liền với những kết quả bước đầu trong công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Từ giữa năm 1988 đến nay, những tiến bộ và nhân tố mới nói trên xuất hiện rõ dần, tình hình kinh tế - xã hội có sự cải thiện nhất định: Nhịp độ lạm phát và tăng giá giảm một ít, tình hình cung ứng lương thực, thực phẩm bớt gay gắt, hàng hoá trên thị trường nhiều lên, hoạt động giao dịch, chuẩn bị

hợp tác kinh tế với bên ngoài được mở ra, bước đầu động viên được nhân dân hăng hái góp sức lực, của cải, tài năng vào xây dựng kinh tế. Lòng tin trong nhân dân có tăng lên.

Thực tế khẳng định: *đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn*. Đi theo con đường đó, nhân dân ta đang từng bước khắc phục khó khăn, mở ra khả năng mới để tập trung sức xây dựng trong hoà bình.

Tuy nhiên, cho đến nay, những tiến bộ đạt được chưa đồng bộ và cơ bản, *tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn gay gắt*.

Kinh tế phát triển còn chậm, hiệu quả thấp, sản xuất lương thực chưa vững chắc, trong khi dân số tăng quá nhanh. Tình hình phân phối, lưu thông vẫn rối ren, ngân sách nhà nước thiếu hụt lớn, tiền mặt thường xuyên căng thẳng, lạm phát còn ở mức độ cao, giá cả vẫn biến động. Cơ sở vật chất kỹ thuật trong nhiều ngành kinh tế và sự nghiệp công cộng tiếp tục xuống cấp. Nợ nước ngoài tăng thêm, nợ đến hạn không trả được kịp thời, lực lượng dự trữ của Nhà nước rất mỏng. Xét trên phạm vi toàn xã hội, cơ chế kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp vẫn còn nặng. Tình hình xã hội về nhiều mặt tiếp tục diễn biến xấu. Trên thực tế, *từ nhiều năm nay, nước ta đã lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội; cho đến nay, chúng ta vẫn chưa ra khỏi tình trạng đó*.

Nhưng qua hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, chúng ta đã *thấy rõ thêm hướng đi, những giải pháp và có thêm những thuận lợi mới để từng bước đưa nước ta vượt ra khỏi giai đoạn khó khăn*.

2. Khủng hoảng kinh tế - xã hội không thể khắc phục nhanh chóng vì những khó khăn quá lớn mà thời gian tiến hành đổi mới còn ngắn. Tình hình chuyển biến chậm còn do *những khuyết điểm chủ quan*.

Trong hai năm qua, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết cụ thể hoá và phát triển Nghị quyết Đại hội VI, *đã đề ra ngày càng rõ nét nội*

dung đổi mới về kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác tư tưởng và văn hoá, văn nghệ, về xây dựng đảng, v.v.. Các cơ quan nhà nước đã cố gắng thể chế hoá nghị quyết của Đảng và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Song, công tác lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước *có những thiếu sót quan trọng*:

a) *Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị về kinh tế - xã hội có mặt chưa đáp ứng yêu cầu*.

- *Chậm tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ một số quan điểm và bước đi trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế* nên trong một số trường hợp đề ra một số chủ trương thiếu cơ sở vững chắc, chậm trễ, không nhất quán và kém hiệu quả, nhất là về phân phối, lưu thông. Cụ thể là: trong chỉ đạo phương hướng xử lý cơ chế quản lý giá, tỷ giá, lương, tiền, cơ chế quản lý xuất nhập khẩu, v.v. có lúc lúng túng và có sai sót.

- Chậm chỉ đạo xây dựng và công bố ba chương trình kinh tế với nội dung xác định những mục tiêu, định hướng lớn và các cân đối chủ yếu để làm chỗ dựa vững chắc cho việc bố trí kế hoạch hằng năm.

- Chậm chỉ đạo việc thiết kế phương án tổng thể các biện pháp và bước đi chống lạm phát, đổi mới chính sách và cơ chế tài chính, tiền tệ, tín dụng.

- Chưa kịp nghiên cứu xác định nội dung đổi mới trên một số lĩnh vực quan trọng như giáo dục, y tế, xây dựng con người mới, chính sách dân tộc, công tác các đoàn thể quần chúng, v.v..

b) *Các cơ quan nhà nước, trước hết là Hội đồng Bộ trưởng, thể chế hoá các nghị quyết của Đảng chậm và có trường hợp chưa trúng, chưa nhất quán*.

- Giải quyết chậm và chưa tốt những vướng mắc lớn về chính sách (thuế, tỷ giá, giá, tiền tệ, tín dụng, quyền sử dụng ngoại tệ, v.v.), gây nhiều khó khăn cho hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân.

- Kế hoạch Nhà nước còn quyết định tập trung từ bên trên một cách thiếu căn cứ nhiều chỉ tiêu pháp lệnh về sản lượng, mặt hàng, địa chỉ tiêu thụ sản phẩm, v.v.. Trong khi đó lại buông lỏng kế hoạch nộp ngân sách và công tác quản lý tài chính xí nghiệp, chậm sửa đổi cơ chế tín dụng.

- Chậm cụ thể hoá và ban hành các chính sách, luật pháp liên quan đến kinh tế tập thể, cá thể, tư bản tư nhân và đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, là những lĩnh vực có thể đem lại hiệu quả nhanh.

- Những chủ trương đổi mới quản lý nêu ra trong Nghị quyết Trung ương 2 là cần thiết, song những đổi mới về cơ chế kế hoạch hoá, quản lý xí nghiệp chưa được triển khai tiếp theo một cách đồng bộ, kịp thời nên thực hiện hiệu quả thấp.

- Chậm sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật kinh tế, quan điểm và hoạt động của một số ngành thuộc hệ thống nội chính chưa đổi mới đồng bộ để phục vụ tốt công cuộc đổi mới về kinh tế, đồng thời có mặt lại hữu khuynh, buông lỏng.

- Các bộ chưa làm tốt chức năng quản lý nhà nước, giải quyết những vấn đề quản lý vĩ mô, còn làm nhiều việc thuộc trách nhiệm và quyền hạn điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của cơ sở.

c) *Công tác xây dựng đảng và công tác tổ chức, cán bộ* của Đảng và Nhà nước đổi mới chậm. Việc phân định chức năng giữa tổ chức đảng và Nhà nước còn những điểm chưa rõ ràng và bất hợp lý; nhiều tổ chức đảng còn bao biện làm thay nhiều công việc quản lý điều hành của cơ quan nhà nước.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa dựa trên phương án tổng thể rõ ràng và hợp lý. Tổ chức bộ máy còn chồng chéo, kém hiệu lực. Chậm đề ra nội dung biện pháp tiến hành công tác quy hoạch cán bộ; chưa xây dựng được cơ chế bảo đảm phát hiện, bồi dưỡng và bố trí đúng cán bộ có phẩm chất và năng lực vào vị trí cần thiết; chưa thay thế kịp thời những cán bộ không còn phù hợp với công việc được giao. Chậm trẻ hoá đội ngũ cán bộ. Nhìn chung, việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy và thay đổi cán bộ tuy có đạt những kết quả nhất định, nhất là ở nông thôn, các quận, huyện nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị.

Công tác lãnh đạo tư tưởng thiếu chủ động, chưa dự kiến trước những khuynh hướng tư tưởng sai lệch có thể nảy sinh trong quá trình đổi mới, chưa kịp thời trang bị những nhận thức mới cần thiết cho đảng viên và quần chúng để mọi người vững vàng, tự tin đón nhận những hiện tượng kinh tế, xã hội mới. Có lúc thiên về mặt chống tiêu cực, ít đi sâu giới thiệu những nhân tố tích cực, những việc làm được. Chưa kịp thời ngăn chặn những tư tưởng sai lầm trong một số cán bộ, đảng viên, những lệch lạc của một số cơ quan báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, để tình trạng văn hoá phẩm xấu lan tràn kéo dài.

d) *Sự chỉ đạo, điều hành của Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng*:

- Chưa phân định rành mạch chức năng trong hệ thống tổ chức bộ máy đảng và Nhà nước, nên vừa có tình trạng trùng hoặc sót vừa có tình trạng thiếu phối hợp trong công tác nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện cơ chế, chính sách.

- Thiếu đôn đốc, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các nghị quyết lớn, những chủ trương lớn. Chưa thực hiện thành nề nếp việc chỉ đạo điển hình, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời.

- Chỉ đạo còn thiếu kiên quyết, để kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước lỏng lẻo kéo dài.

- Một khuyết điểm nổi bật là duy trì quá lâu tình trạng bao cấp trong phân phối lương thực, chưa giải quyết đúng cơ chế, chính sách về lưu thông, kinh doanh lương thực, để lương thực thường xuyên căng thẳng, có lúc, có nơi để xảy ra thiếu đói không đáng có.

- Khi khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh, thì lại có phần xem nhẹ việc quản lý, hướng dẫn, kiểm soát hoạt động của các thành phần đó. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng chưa quan tâm thỏa đáng và chưa có phương thức thích hợp, có hiệu quả để đi sát, lãnh đạo và chỉ đạo các địa phương, nhất là các địa phương xa, miền núi, Tây Nguyên, vùng biên giới, hải đảo.

Phần thứ hai

NHỮNG QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG LỚN CHỈ ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TRONG BA NĂM TỚI

Hướng vào nhiệm vụ bao trùm của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là "ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội" trong ba năm tới (1989-1991), tiếp tục đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu nhằm đạt *mục tiêu chung* là "ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội" và tạo thêm tiền đề để tiến lên.

Chúng ta thực hiện mục tiêu trên trong tình hình kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn to lớn. Song, chúng ta cũng có những khả năng và những nhân tố thuận lợi mới:

- Tiềm năng vật chất và trí tuệ của con người Việt Nam, của các thành phần kinh tế còn nhiều nhưng chưa được khai thác tốt. Đó là những lực lượng dự trữ cho phát triển kinh tế.

- Các chủ trương, chính sách đổi mới về kinh tế ngày càng phù hợp và đồng bộ sẽ phát huy tác dụng mạnh mẽ hơn trong cuộc sống.

- Điều kiện vật chất của nền kinh tế trong ba năm tới sẽ được tăng thêm, một phần quan trọng do những công trình lớn xây dựng mấy năm trước đây bắt đầu cung ứng sản phẩm cho xã hội.

- Giao lưu và hợp tác kinh tế quốc tế giữa nước ta với các nước trên thế giới sẽ ngày càng mở rộng.

Trong quá trình triển khai công cuộc đổi mới, phải *quán triệt những nguyên tắc cơ bản sau đây*:

- Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng ta. *Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta*. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta*. Đổi mới tư duy là nhằm khắc phục những quan niệm không đúng, làm phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là *tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản*, làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động và có hiệu quả hơn.

Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Phê phán những khuynh hướng phủ nhận hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời lắng nghe, tiếp

nhận những ý kiến trung thực, phê bình những khuyết điểm trong sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng đảng.

- Xây dựng nền *dân chủ xã hội chủ nghĩa*, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dân chủ phải đi đôi với tập trung, với kỷ luật, pháp luật, với ý thức trách nhiệm công dân. *Dân chủ phải có lãnh đạo*, lãnh đạo để phát huy dân chủ đúng hướng; mặt khác phải lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ trên cơ sở phát huy dân chủ. Dân chủ với nhân dân nhưng phải nghiêm trị những kẻ phá hoại thành quả cách mạng, an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- *Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại* trong điều kiện mới.

Trên cơ sở những nguyên tắc nói trên và căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VI, những kết luận được rút ra qua tổng kết thực tiễn hai năm thực hiện nghị quyết Đại hội, trong thời gian tới, công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực cần được tiếp tục đẩy mạnh theo những quan điểm và phương hướng, chủ trương lớn sau đây:

1. *Điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế; khai thác mọi nguồn vốn đầu tư và đổi mới cơ chế đầu tư*

Triển khai mạnh việc thực hiện và tiếp tục bổ sung ba chương trình kinh tế của cả nước đã được xây dựng, *tập trung vào mục tiêu lương thực - thực phẩm, một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực*. Hình thành từng bước Chiến lược kinh tế - xã hội để định hướng cho việc bố trí cơ cấu kinh tế và đầu tư trong kế hoạch 5 năm 1991-1995 và cho việc mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Cần giải quyết một số vấn đề lớn sau đây:

- *Có biện pháp toàn diện và đồng bộ để giải quyết vấn đề lương thực - thực phẩm theo quan điểm phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần*. Khắc phục tư tưởng tự cấp, tự túc, cơ chế bao cấp và độc quyền. Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất có chính sách lưu thông lương thực, cân đối lương thực thông qua sản xuất và trao đổi hàng hoá, kể cả xuất, nhập khẩu. Làm tốt các khâu bảo quản, vận chuyển, chế biến. Tạo được dự trữ lương thực ở trung ương và trong từng địa phương. Phấn đấu trong vài năm tới cân đối được lương thực thiết yếu.

- *Đối với hàng tiêu dùng*, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và đổi mới sản phẩm để đáp ứng phần lớn nhu cầu hàng tiêu dùng thiết yếu trong nước. Cổ vũ việc dùng hàng nội hoá, coi đó là hành động thiết thực góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước. Có chính sách nhập khẩu đúng đắn để góp phần bổ sung quỹ hàng hoá trong nước, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng có mức thu nhập khác nhau, tham gia điều tiết thu nhập qua việc tiêu dùng những hàng cao cấp; đồng thời có *chính sách thuế đúng đắn để bảo hộ và thúc đẩy sản xuất trong nước*. Theo tinh thần đó, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hải quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu theo đường mậu dịch và phi mậu dịch, ngăn chặn nạn buôn lậu.

- Đầu tư chiều sâu để khai thác tốt hơn năng lực hiện có về *công nghiệp nặng* và coi trọng xây dựng đồng bộ *kết cấu hạ tầng*. Chú trọng đồng bộ hoá và tận dụng năng lực sản xuất của các cơ sở cơ khí nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và sửa chữa công cụ lao động, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông, lâm, hải sản, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và vận tải. Có chính sách khuyến khích đổi mới thiết bị và công nghệ theo chiều sâu, nhất là ở các cơ sở làm hàng xuất khẩu. Tiếp tục xây dựng các cơ sở năng lượng và thuỷ lợi, xây dựng nguồn và lưới điện đồng bộ; tăng đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, nhiều hình thức để khắc phục dần tình trạng xuống cấp nghiêm trọng của hệ thống

giao thông vận tải, thông tin liên lạc và phát triển hai ngành này.

- *Có chính sách tạo vốn từ nhiều nguồn*, nhất là chính sách mở rộng, phát triển nguồn thu và động viên thu nhập quốc dân một cách hợp lý, thu hút mạnh vốn đầu tư trong nhân dân và từ nước ngoài. Kế hoạch hoá đầu tư phải bao quát mọi nguồn vốn và mọi hình thức đầu tư, *đặc biệt coi trọng nguồn vốn to lớn của các cơ sở và của nhân dân*.

Đồng thời đổi mới cơ chế sử dụng vốn đầu tư. Vốn đầu tư của Nhà nước chủ yếu tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng, một số công trình then chốt phục vụ việc thực hiện ba chương trình kinh tế, một số công trình phúc lợi xã hội; thu hút các nguồn vốn khác ở trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức cho các mục tiêu đầu tư này. Đối với phần lớn các công trình sản xuất kinh doanh, vốn đầu tư không do ngân sách cấp mà phải theo nguyên tắc tự vay tự trả của các đơn vị kinh tế. Nhà nước thực hiện tốt chức năng hướng dẫn và kiểm soát đối với toàn bộ đầu tư trong xã hội, có chính sách khuyến khích các cơ sở và nhân dân đầu tư chủ yếu vào phát triển sản xuất. Tiếp tục đổi mới quản lý và kế hoạch hoá xây dựng cơ bản, mở rộng phương thức đấu thầu, chuyển hẳn các đơn vị xây dựng cơ bản sang hạch toán kinh doanh.

- *Sắp xếp lại sản xuất, lưu thông, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý và có hiệu quả*. Khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước và tham gia tích cực vào sự phân công lao động quốc tế để phát triển mạnh mẽ và hợp lý các ngành sản xuất, lưu thông, dịch vụ. Chú trọng mở mang ngành, nghề ở nông thôn và hình thành những vùng chuyên canh có tỷ suất hàng hoá cao. Phát triển hoạt động dịch vụ cho sản xuất, kinh doanh và đời sống thành một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế.

Sắp xếp lại sản xuất và lao động ở các đơn vị kinh tế cơ sở. Xoá bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết. Nhà nước định hướng và dùng các biện pháp kinh tế là chủ yếu, tạo môi trường kinh doanh để thúc đẩy quá trình sắp xếp lại sản

xuất và lưu thông qua hợp tác, liên kết và cạnh tranh giữa các đơn vị kinh tế, thay cho sự sắp xếp theo lối hành chính đơn thuần.

- Đối với *miền núi* phía bắc và Tây Nguyên, cần sớm tổng kết và có phương án phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng và an ninh, phù hợp với đặc điểm, khả năng và đúng với tầm quan trọng của địa bàn này. Trong năm 1989, Bộ Chính trị tổ chức hội nghị chuyên đề và có nghị quyết toàn diện về miền núi.

2. Thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng mọi năng lực sản xuất

Quan điểm và chính sách đúng đắn của Đại hội VI về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được bổ sung và phát triển thêm qua thực tiễn:

Một là, chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội và thể hiện tinh thần *dân chủ về kinh tế*, bảo đảm cho mọi người được *tự do làm ăn theo luật pháp*. *Hai là*, các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất vốn có bản chất riêng nhưng trong hoạt động sản xuất kinh doanh không ngăn cách nhau mà có nhiều loại hình *hỗn hợp, đan kết với nhau*.

Trong nền kinh tế quốc dân thống nhất do Nhà nước hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết với kinh tế quốc doanh nắm những vị trí then chốt, các đơn vị sản xuất kinh doanh *thuộc các thành phần kinh tế vừa hợp tác với nhau, bổ sung cho nhau, vừa cạnh tranh với nhau* trên cơ sở bình đẳng trước pháp luật. Cần xoá bỏ những định kiến, phân biệt đối xử không đúng và các hình thức độc quyền kìm hãm xu thế ấy.

Các đơn vị kinh tế *chủ động đi sâu vào chuyên môn hoá và phát triển kinh doanh tổng hợp*, mở rộng phạm vi hoạt động và quan hệ hợp tác, không bị hạn chế bởi sự phân công chuyên môn hoá máy móc theo lối áp đặt từ trên, không bị chia cắt theo địa giới hành chính.

Ba là, kinh tế quốc doanh phải được củng cố và phát triển, nắm vững vị trí then chốt trong nền kinh tế, phát huy ưu thế về kỹ thuật, công nghệ, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, chủ động liên kết và dẫn dắt các thành phần kinh tế khác để thực hiện tốt vai trò chủ đạo, bảo đảm cho sự phát triển ổn định và có hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh và tạo điều kiện cho kinh tế quốc doanh thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế và trên thị trường bằng *phương thức kinh doanh*.

Kinh tế quốc doanh cần có lực lượng đủ sức chi phối thị trường, *song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành, nghề*. Những ngành, nghề, loại hoạt động nào mà kinh tế hợp tác xã, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân có thể làm tốt, có lợi cho nền kinh tế thì nên tạo điều kiện cho các loại hình kinh tế ấy phát triển.

Bốn là, kinh tế hợp tác xã có nhiều hình thức từ thấp đến cao. Mọi tổ chức sản xuất kinh doanh do những người lao động tự nguyện góp vốn, góp sức và được quản lý theo nguyên tắc dân chủ, không phân biệt quy mô, trình độ kỹ thuật, mức độ tập thể hoá tư liệu sản xuất, đều là hợp tác xã. Theo tinh thần đó, cần củng cố và phát triển hợp tác xã trong các ngành, nghề với hình thức và quy mô thích hợp, có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp là các đơn vị kinh tế hợp tác với nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất. Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất quản lý việc thực hiện chế độ khoán ruộng đất cho xã viên, đồng thời tổ chức kinh doanh những khâu, những hoạt động kinh tế mà việc làm chung có lợi hơn từng gia đình tự làm, đặc biệt là trong các dịch vụ sản xuất và lưu thông, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và trong việc mở mang ngành nghề; cùng với chính quyền và các đoàn thể chăm lo các vấn đề xã hội đối

với gia đình xã viên. Quy mô tổ chức và cơ chế, bộ máy quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của từng đơn vị, do tập thể xã viên quyết định.

Gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ, ngoài việc nhận khoán sử dụng ruộng đất, thực hiện các hợp đồng khác với hợp tác xã, còn chủ động phát triển sản xuất kinh doanh dưới nhiều hình thức. Nhà nước và hợp tác xã *khuyến khích gia đình xã viên làm giàu,* đồng thời có chính sách, biện pháp cụ thể *giúp đỡ những hộ nghèo túng* có thêm điều kiện và cố gắng vươn lên làm ăn tốt, không ngừng tăng cường quan hệ đoàn kết, tương trợ và hợp tác ở nông thôn. Tiếp tục giải quyết kịp thời có lý, có tình vấn đề tranh chấp ruộng đất.

Năm là, trong điều kiện của nước ta, các hình thức kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) vẫn cần thiết lâu dài cho nền kinh tế và *nằm trong cơ cấu của nền kinh tế hàng hoá đi lên chủ nghĩa xã hội.*

Thực hiện chính sách nêu trên là *tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa gắn liền với phát triển lực lượng sản xuất* theo quan niệm đúng đắn mà Đại hội VI đã đề ra.

Cần chú ý hai mặt:

Một mặt, khẩn trương sửa đổi và bổ sung luật pháp hiện hành áp dụng thống nhất trong cả nước nhằm thể chế hoá đồng bộ chính sách đối với các thành phần kinh tế, xoá bỏ những cấm đoán và ràng buộc vô lý. Quyền sở hữu, sử dụng và thừa kế tài sản, quyền kinh doanh và hưởng thu nhập chính đáng cũng như nghĩa vụ với Nhà nước phải được quy định thành luật để mọi người yên tâm bỏ vốn sản xuất kinh doanh.

Khuyến khích tư nhân đầu tư, kinh doanh trong những ngành, nghề, lĩnh vực có lợi cho quốc kế dân sinh, đồng thời bảo đảm sự kiểm soát và điều tiết của Nhà nước, hướng kinh tế tư nhân từng bước *đi vào con đường kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư bản nhà nước* dưới nhiều hình thức nhằm phát

triển sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh tế. Theo tinh thần đó, tư nhân được kinh doanh không hạn chế về quy mô, địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề sản xuất, xây dựng, vận tải, dịch vụ mà luật pháp không cấm. Tư bản tư nhân không được chuyên doanh xuất khẩu, nhập khẩu, nhưng những cơ sở sản xuất tư nhân có đủ điều kiện theo luật pháp quy định được giao dịch trực tiếp với bạn hàng ở nước ngoài để xuất khẩu sản phẩm của mình và nhập khẩu thiết bị, vật tư cho sản xuất.

Tư sản thương nghiệp đang hoạt động trên thị trường trong nước vẫn được tiếp tục kinh doanh những ngành hàng mà luật pháp không cấm, nhưng Nhà nước phải quản lý tốt. Ban Bí thư cần chỉ đạo điều tra, tổng kết hoạt động của loại hình kinh tế này và báo cáo cho Trung ương. Cho phép tư nhân đăng ký kinh doanh vàng bạc; làm thử ở một vài nơi hình thức tư nhân kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

Mặt khác, Nhà nước phải xây dựng cơ chế quản lý nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, sử dụng công cụ kế hoạch hoá và thông tin cùng với luật pháp và các chính sách đòn bẩy để kiểm soát, hướng dẫn và điều tiết hoạt động của các thành phần kinh tế. Kết hợp biện pháp kinh tế và luật pháp với công tác vận động, giáo dục các nhà tư sản và mọi người có vốn, có tay nghề hăng hái đầu tư và hoạt động phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân, khắc phục tính tự phát mù quáng và tình trạng thiên về kinh doanh thương nghiệp, ăn uống hơn là đầu tư vào sản xuất; đấu tranh chống các hiện tượng làm ăn phi pháp, không thực hiện đúng nghĩa vụ với Nhà nước.

3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội

Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, thị trường xã hội (bao gồm cả thị trường hàng tiêu dùng, thị trường vật tư, thị trường dịch vụ, thị trường vốn và chứng khoán...) *là một thể thống nhất với nhiều lực lượng khác nhau tham gia lưu thông hàng hoá*; trong đó kinh tế quốc doanh cùng với kinh tế hợp tác xã vươn lên chiếm vị trí chi phối thị trường bằng phương thức kinh doanh. *Thị trường thông suốt trong cả nước và gắn với thị trường thế giới.*

Trong nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch, *thị trường vừa là một căn cứ, vừa là một đối tượng của kế hoạch hoá*. Cơ chế thị trường thể hiện sự vận động của các quy luật sản xuất và lưu thông hàng hoá trong quan hệ tác động qua lại với các quy luật kinh tế khác, phải được vận dụng nhất quán trong kế hoạch hoá và các chính sách kinh tế. Kế hoạch và các chính sách kinh tế phải vận dụng tổng hợp nhiều quy luật, trong đó có các quy luật của thị trường để giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích; trong đó lợi ích của người sản xuất kinh doanh là động lực trực tiếp đối với hoạt động kinh tế và tạo cơ sở cho việc đáp ứng các lợi ích khác.

Nhà nước dùng các biện pháp kinh tế là chủ yếu để quản lý và điều tiết thị trường.

Thị trường tác động đến quá trình tái sản xuất, chủ yếu thông qua giá cả. Trong quan hệ hợp tác và cạnh tranh, người sản xuất, người lưu thông và người tiêu dùng chủ động mua bán, thoả thuận với nhau về giá, hình thành nên giá thị trường. Đối với các đơn vị kinh tế, đó chính là giá kinh doanh vừa phản ánh giá trị và phù hợp với sức mua của đồng tiền, vừa chịu tác động của quan hệ cung - cầu. Giá cả trong nước gắn với giá cả trên thị trường quốc tế. *Tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ phải phù hợp với giá thị trường trong nước và giá thị trường quốc tế.*

Nhà nước chỉ định giá một số ít vật tư, hàng hoá rất thiết yếu đối với sản xuất và đời sống do các tổ chức kinh tế của Nhà nước nắm, nhưng không bao cấp qua giá. Các vật

tư, hàng hoá khác được mua bán theo giá thoả thuận. Các vật tư khan hiếm được kế hoạch hoá theo mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế và bán cho các đơn vị sử dụng qua đấu thầu. Nhà nước không dùng mệnh lệnh hành chính áp đặt giá mà sử dụng các chính sách và biện pháp kinh tế là chủ yếu để tác động đến quan hệ cung - cầu, điều tiết, hướng dẫn giá cả trên thị trường. Kết hợp biện pháp kinh tế và biện pháp hành chính để xoá bỏ nạn chợ đen, kinh doanh phi pháp.

Khâu trung tâm, đồng thời là điểm xuất phát để xây dựng cơ chế quản lý nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch là *chuyển tất cả các đơn vị kinh tế, đặc biệt là các xí nghiệp quốc doanh sang cơ chế kinh doanh, gắn với thị trường, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải, tự phát triển và làm nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước*.

Vấn đề mấu chốt hiện nay là khẩn trương *đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước về kinh tế* theo hướng *xoá bỏ cấp độ đôi với xác lập đầy đủ chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế*. Cơ quan chính quyền các cấp phải chấm dứt sự điều khiển hành chính quan liêu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế phải nhằm thực hiện các yêu cầu: tạo môi trường và hành lang cho các đơn vị kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh năng động, có trật tự; hướng các hoạt động kinh tế đi theo quỹ đạo của kế hoạch vĩ mô, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển cân đối; giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích.

Để đáp ứng các yêu cầu đó, Nhà nước cần đổi mới và sử dụng đúng đắn các công cụ quản lý vĩ mô:

- *Đổi mới và nâng cao chất lượng kế hoạch hoá ở tầm vĩ mô* (bao gồm cả việc xây dựng chiến lược và quy hoạch tổng thể nền kinh tế), đáp ứng yêu cầu phát triển có kế hoạch, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành

phần. Thu hẹp kế hoạch pháp lệnh, chuyển sang kế hoạch hướng dẫn là chủ yếu gắn với các chính sách đòn bẩy để định hướng và dùng hợp đồng kinh tế làm công cụ quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của các đơn vị kinh tế. Đối với một số sản phẩm quan trọng cần nắm, Nhà nước đặt hàng cho các đơn vị kinh tế trên cơ sở hợp đồng thoả thuận và chỉ giao chỉ tiêu pháp lệnh trong trường hợp thật cần thiết, khi các chính sách đòn bẩy chưa đủ hiệu lực. Nhà nước cần tạo điều kiện cho cơ sở thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh. Thống nhất việc xây dựng kế hoạch với việc hoạch định các chính sách kinh tế.

Thực hiện sự *kiểm kê, kiểm soát* của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế. Tổ chức tốt *thông tin kinh tế*, đặc biệt là thông tin thị trường và thông tin khoa học - kỹ thuật trong nước, ngoài nước đáp ứng nhu cầu thông tin của cơ quan lãnh đạo, quản lý và của các đơn vị kinh tế.

- *Xây dựng chính sách tài chính quốc gia* và các chính sách cụ thể về thuế, tín dụng, tiền tệ, giá cả, tiền lương theo hướng xoá bỏ bao cấp, khai thác mọi nguồn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả, phân phối hợp lý thu nhập, tăng mức động viên vào ngân sách trên cơ sở khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh. Các chính sách này phải vừa tạo động lực vừa gây sức ép buộc các đơn vị kinh tế phải tìm mọi biện pháp đáp ứng nhu cầu của thị trường góp phần thực hiện kế hoạch vĩ mô, phấn đấu giảm chi phí, kinh doanh có lãi. Trước mắt, *cần cải cách chế độ thuế đi đôi với xoá bỏ các hình thức bao cấp* đang cản trở việc thực hiện cơ chế hạch toán kinh doanh. Trên cơ sở thực hiện chi phí sản xuất hợp lý và có lãi thoả đáng, Nhà nước không ép giá tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp quốc doanh mà dùng hình thức trợ cấp

trực tiếp cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội thay cho việc trợ cấp qua giá.

Các xí nghiệp quốc doanh không còn được bao cấp về giá và vốn, phải chủ động kinh doanh với quyền tự chủ đầy đủ, bảo đảm tự bù đắp được chi phí, nộp đủ thuế và có lãi. Một số cơ sở quốc doanh có thể dùng hình thức vốn cổ phần hoặc chuyển thành xí nghiệp tư bản nhà nước để có thêm điều kiện mở rộng sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh tế. Nhà nước có thể tạm thời trợ cấp có thời hạn cho một số xí nghiệp, một số sản phẩm hết sức cần thiết đối với nền kinh tế nhưng chưa tự bù đắp được chi phí. Các xí nghiệp không trong diện đó mà thua lỗ kéo dài thì Nhà nước đấu thầu tài sản của xí nghiệp đó cho các tổ chức kinh tế quốc doanh khác, hoặc cho tập thể, cá nhân thuê hoặc mua. Nghiên cứu các chính sách và biện pháp phù hợp với điều kiện thực tế để *bảo hộ sản xuất* khi giá nông sản hoặc một số sản phẩm thiết yếu khác trên thị trường trong nước hoặc thị trường quốc tế xuống quá thấp so với mức bình thường.

- Xây dựng *pháp luật kinh tế* theo hướng xoá bỏ những quy định lỗi thời, ban hành luật và các văn bản pháp quy xác định quyền hạn và trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích trong sản xuất kinh doanh; thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế phù hợp với cơ chế mới.

- *Tăng cường dự trữ quốc gia*, trước hết là về lương thực, nhiên liệu, vàng, ngoại tệ và tiền Việt Nam, đi đôi với bố trí hợp lý dự trữ kinh doanh của các tổ chức kinh tế quốc doanh để chủ động đối phó với những biến động bất thường của thị trường và giá cả.

Cùng với việc chuyển các đơn vị kinh tế sang cơ chế kinh doanh, cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để giải quyết một số vấn đề quan trọng khác nhằm hình thành đồng bộ cơ chế quản lý mới đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân như: cơ chế quản lý trong nội bộ các đơn vị kinh tế cơ sở; vấn đề sắp xếp lại hệ thống tổ chức sản xuất và lưu thông vật tư, hàng hoá, tín dụng và tiền tệ; quan hệ giữa cơ quan nhà

nước trung ương và các cấp địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý ngân sách; vấn đề tổ chức bộ máy và cán bộ trong hệ thống quản lý nhà nước về kinh tế, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý.

Trên cơ sở *nhất quán về quan điểm và phương pháp* đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải bố trí hợp lý *bước đi* trong sự chỉ đạo thực hiện và điều hành, phù hợp với điều kiện thực tế và với các bước chống lạm phát. Trong vòng ba năm phải hình thành về *cơ bản* cơ chế mới về quản lý kinh tế, chuyển được đại bộ phận các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh đầy đủ, làm ăn có lãi.

4. *Kiểm chế và đẩy lùi dần lạm phát* là nhiệm vụ cấp bách nhất, là vấn đề kinh tế, xã hội và chính trị nóng bỏng, là điều kiện tiên quyết để đưa tình hình kinh tế, xã hội ra khỏi khủng hoảng, đi vào thế ổn định và phát triển.

Từ kinh nghiệm thực tiễn những năm qua, cần xác định rõ những quan điểm và phương hướng cơ bản cho giải pháp chống lạm phát:

- *Chống lạm phát phải trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý, chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, giải phóng triệt để các năng lực sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả.*

Quá trình chống lạm phát phải gắn chặt với quá trình đổi mới quản lý kinh tế và thực hiện ba chương trình kinh tế. Mọi biện pháp chống lạm phát phải phù hợp với cơ chế kinh doanh, không theo phương pháp tập trung quan liêu, dùng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu để kìm giá, nắm hàng, nắm tiền, quản lý thị trường.

- Trong giải pháp toàn diện, đồng bộ chống lạm phát, phải *tập trung vào khâu then chốt là giảm dân, tiến tới chấm dứt*

phát hành để chi tiêu ngân sách và để cấp vốn tín dụng qua ngân hàng. Cần sớm xây dựng những chính sách và biện pháp đồng bộ để củng cố, làm lành mạnh nền tài chính quốc gia, thực hành tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng, cân bằng ngân sách một cách tích cực, *chỉnh đốn lưu thông tiền tệ*, khôi phục trật tự, kỷ luật trong quan hệ thanh toán, phát triển hoạt động tín dụng và dịch vụ ngân hàng theo cơ chế kinh doanh, từng bước ổn định giá trị đồng tiền. Khẩn trương chấn chỉnh công tác tài chính và ngân hàng.

- Trong quá trình chống lạm phát, đi đôi với thực hiện cơ chế kinh doanh, chuyển từ quan hệ hiện vật sang quan hệ hàng hoá - tiền tệ, tình hình *thị trường và giá cả còn tiếp tục biến động*. Vì vậy, một mặt cần *chủ động tính đến yếu tố trượt giá* trong hạch toán kinh doanh trước hết là đối với tín dụng, thuế và tiền lương, và trong việc bảo đảm khối lượng tiền tệ lưu thông cần thiết. Mặt khác, cần sử dụng tốt các công cụ quản lý vĩ mô để điều hoà cung - cầu, phấn đấu không để giá cả đột biến, đặc biệt là giá gạo, vàng và ngoại tệ.

- *Có bước đi phù hợp* để trong vòng hai, ba năm khống chế được lạm phát ở mức bảo đảm ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế. Sự chỉ đạo phải rất *tập trung, kiên quyết, đề cao kỷ luật, kỷ cương*.

- *Chống lạm phát là trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp, là sự nghiệp của quần chúng*. Toàn Đảng, toàn dân phải tập trung mọi nỗ lực khắc phục tai họa lạm phát. Phải tạo ra sự nhất trí, quyết tâm cao từ trên xuống dưới. Các biện pháp chống lạm phát phải bảo vệ lợi ích của người lao động và coi trọng yếu tố tâm lý xã hội, được sự đồng tình, ủng hộ và tham gia của đông đảo quần chúng.

Dựa vào những quan điểm và phương hướng cơ bản nêu trên, Bộ Chính trị ra nghị quyết về chống lạm phát với nội dung toàn diện, làm cơ sở cho Hội đồng Bộ trưởng và các cơ quan nhà nước tổ chức, chỉ đạo thực hiện.

5. Phát huy vai trò động lực của khoa học, kỹ thuật gắn với yêu cầu phát triển kinh tế hàng hoá

Khoa học, kỹ thuật chỉ có thể trở thành động lực phát triển kinh tế, xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hoá và khi kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cũng được coi là sản phẩm hàng hoá.

Trong những năm trước mắt, cần thực hiện một số biện pháp chủ yếu:

- Đi đôi với việc chuyển các đơn vị kinh tế cơ sở sang cơ chế kinh doanh, phải *đổi mới cơ chế hoạt động khoa học, kỹ thuật* theo hướng liên kết trực tiếp với sản xuất, kinh doanh, chuyển mạnh một bộ phận quan trọng hoạt động khoa học, kỹ thuật sang hạch toán kinh doanh, tự trang trải toàn bộ hoặc một phần các chi phí, bao gồm cả tiền lương.

Các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, trên cơ sở bảo đảm nhiệm vụ được cấp trên giao, có quyền chủ động xác định kế hoạch nghiên cứu, tự tạo nguồn vốn hoạt động và khi kết quả nghiên cứu đưa vào ứng dụng thành công thì được quyền bán hoặc hưởng chế độ phân chia lợi nhuận trên nguyên tắc thoả thuận với người sử dụng, không giới hạn mức thu nhập tối đa. Các cơ sở khoa học, kỹ thuật phải lựa chọn phương án đầu tư có lợi nhất, kết hợp có hiệu quả việc tự nghiên cứu với việc nhập các thành tựu khoa học, kỹ thuật, nâng cao trình độ tiếp nhận kỹ thuật và công nghệ hiện đại của nước ngoài.

Tăng cường đầu tư cho phát triển khoa học và kỹ thuật bằng nhiều nguồn vốn. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí theo các đề án có mục tiêu rõ ràng để tiến hành các nghiên cứu cơ bản, dài hạn, các chương trình trọng điểm về các hướng khoa học và công nghệ mũi nhọn và cho việc xây dựng cơ sở vật chất của một số trung tâm nghiên cứu khoa học, kỹ thuật quan trọng. Phần lớn vốn đầu tư cho khoa học, kỹ thuật phải dựa vào hợp đồng ký kết với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, vào nguồn vốn tín dụng và các hình thức nhân dân góp vốn, vào nguồn vốn hợp tác kinh doanh với nước ngoài.

Khẩn trương xây dựng Chiến lược khoa học, kỹ thuật gắn với Chiến lược kinh tế, xã hội.

Đổi mới quy trình ra quyết định của các cơ quan lãnh đạo đảng và nhà nước ở các cấp để đưa khoa học vào hoạt động lãnh đạo và quản lý.

- Phát huy dân chủ và thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp kinh tế, tổ chức để *tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động khoa học, kỹ thuật*. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các quy định bảo vệ quyền sở hữu, sáng chế, sáng kiến. Ban hành quy định về các hình thức thi tuyển người chủ trì đề tài, quy định về đánh giá và nghiệm thu kết quả nghiên cứu, về mua bán, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trong nước và ngoài nước. Lập quỹ tín dụng hỗ trợ cho việc áp dụng kỹ thuật mới và công nghệ mới. Phát triển mọi loại hình tổ chức nghiên cứu ứng dụng đa dạng, đan kết nhiều thành phần kinh tế, hợp tác, cạnh tranh với nhau. Mở rộng các hoạt động dịch vụ thông tin, chào hàng khoa học, kỹ thuật.

- *Tổ chức lại hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật* thông qua quan hệ hợp tác, liên kết trong môi trường kinh doanh, theo hướng: gắn các viện nghiên cứu ứng dụng với các tổ chức sản xuất, kinh doanh; hình thành các liên hiệp khoa học - sản xuất, các tổ chức đào tạo - nghiên cứu hoặc đào tạo - nghiên cứu - sản xuất trong một số lĩnh vực có điều kiện; giải thể các viện khoa học, kỹ thuật hoạt động không có hiệu quả; tăng cường cán bộ khoa học, kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Phát triển các hình thức hợp tác khoa học, kỹ thuật với nước ngoài và với Việt kiều. Thực hiện cơ chế lãnh đạo tập thể bằng hội đồng khoa học trong việc quyết định phương hướng, kế hoạch hoạt động khoa học. Xúc tiến thành lập hai hội đồng quốc gia về khoa học xã hội và khoa học kỹ thuật.

- *Đổi mới các chính sách đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật* nhằm khuyến khích và trọng dụng tài năng, bảo đảm các điều kiện, phương tiện cần thiết cho công tác và đời sống của

cán bộ khoa học, kỹ thuật theo nội dung công việc và kết quả nghiên cứu, không phụ thuộc vào chức vụ quản lý; khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật tăng thu nhập bằng chất xám của mình. Có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật đi công tác ở các vùng nông thôn, miền núi. Thực hiện chế độ đánh giá và khen thưởng xứng đáng những tài năng khoa học, những thành quả nghiên cứu có giá trị về khoa học, kỹ thuật và quản lý. Thiết lập chế độ định kỳ xét cấp giải thưởng quốc gia mang tên các danh nhân của đất nước. Có chính sách thu hút có hiệu quả tài năng của người Việt Nam ở nước ngoài.

Hướng các hoạt động *khoa học xã hội* vào công tác nghiên cứu đổi mới nhận thức, phương pháp tư duy, xây dựng ý thức xã hội và nhân cách xã hội chủ nghĩa. Khuyến khích tự do tư tưởng và sáng tạo. Đặc biệt coi trọng việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta, nắm bắt nhanh nhạy và vận dụng những thông tin, kinh nghiệm khoa học của các nước, phù hợp với điều kiện thực tế, không áp dụng dập khuôn, máy móc. Khoa học xã hội phải làm sáng tỏ kịp thời những vấn đề lý luận, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội, thực hiện dân chủ hoá xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, góp phần xây dựng Cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và Chiến lược kinh tế - xã hội gắn với Chiến lược khoa học - kỹ thuật, Chiến lược kinh tế đối ngoại.

6. *Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại*

Hiệu quả các hoạt động kinh tế đối ngoại phải thể hiện ở mức độ đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong nước.

Hoạt động kinh tế đối ngoại trong ba năm tới phải tập trung thực hiện mấy yêu cầu lớn: tăng nhanh nguồn thu ngoại tệ, thu hút mạnh nguồn vốn và tiến bộ kỹ thuật của nước ngoài để phát triển có hiệu quả nền kinh tế quốc dân. Đi đôi với đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển du lịch, cần mở rộng có hiệu quả xuất khẩu lao động và cán bộ khoa học, kỹ thuật; sửa đổi những bất hợp lý trong hợp đồng lao động với các nước để bảo đảm lợi ích thoả đáng của người lao động với Nhà nước ta. Hình thức kinh tế đối ngoại phải đa dạng, phong phú, đặt trọng tâm vào những ngành, những hoạt động mang lại hiệu quả nhanh.

Hướng mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại trước hết phải coi trọng phát triển quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào và Campuchia với Hội đồng tương trợ kinh tế và với các nước xã hội chủ nghĩa khác; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước khác trên thế giới, đặc biệt là Ấn Độ và chú ý các nước trong khu vực gần nước ta. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, đóng góp bằng nhiều hình thức vào công cuộc xây dựng đất nước.

Trong quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa, phải đổi mới cách làm ăn, bảo đảm hiệu quả trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, khắc phục tư tưởng ỷ lại.

Khẩn trương đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại và các lĩnh vực công tác có liên quan như tài chính, ngân hàng, hải quan, nội

vụ...; trong đó vấn đề quan trọng hàng đầu là đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất, nhập khẩu. Nhanh chóng đồng bộ hoá cơ chế, chính sách để thực hiện Luật đầu tư đã ban hành.

Các chính sách và quy định cụ thể về kinh tế đối ngoại phải đủ sức hấp dẫn và tạo điều kiện thuận lợi về môi trường kinh doanh, về xuất nhập cảnh, thông tin liên lạc và ăn ở, đi lại cho người nước ngoài và Việt kiều vào Việt Nam để đầu tư kinh doanh, hoặc tham quan, du lịch, thăm người thân... và cho người Việt Nam ra nước ngoài để tiếp cận thị trường, học hỏi kỹ thuật mới, tham quan, du lịch hoặc làm ăn sinh sống. Đồng thời phải có biện pháp tích cực và phù hợp để bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia. Cần quy định các nguyên tắc và chính sách đối với các đơn vị kinh tế trong nước vay vốn của nước ngoài để bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ.

Khẩn trương nghiên cứu phương án, tập trung làm thử ở một vài nơi, để rút kinh nghiệm và tạo điều kiện mở rộng việc xây dựng các "khu chế xuất", "đặc khu kinh tế".

Phải dứt khoát chuyển các hoạt động xuất, nhập khẩu sang hạch toán kinh doanh trên cơ sở tỷ giá hối đoái thống nhất và linh hoạt, hình thành theo cơ chế kinh doanh. Xoá bỏ việc quy định tỷ giá kết toán nội bộ. Xoá bỏ bao cấp và bù lỗ cho kinh doanh xuất, nhập khẩu. Các tổ chức kinh tế nhà nước phải thanh toán nhanh và sòng phẳng các khoản nợ cũ đối với các cơ sở làm hàng xuất khẩu; có chính sách bảo đảm lợi ích cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, nhất là xuất khẩu cho khu vực I. Ngân hàng Ngoại thương kinh doanh mua, bán ngoại tệ với mọi đối tượng thuộc tất cả các thành phần kinh tế và người nước ngoài. Chính sách thuế phải thật sự khuyến khích phát triển có định hướng các hoạt động kinh tế đối ngoại. Khuyến khích các cơ sở làm hàng xuất khẩu nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm thị trường ổn định lâu dài và với hiệu quả cao.

- *Tăng cường sự quản lý thống nhất và chặt chẽ của Nhà nước đối với mọi hoạt động kinh tế đối ngoại bằng luật pháp và chính sách.* Nhà nước phải quản lý tốt việc sử dụng ngoại tệ, nhất là ngoại tệ mạnh. Tổ chức lại hệ thống kinh doanh xuất nhập khẩu trung ương và địa phương theo hướng giảm mạnh các tầng nấc trung gian không cần thiết. Tổ chức lại khâu giao dịch hàng hoá ở các vùng biên giới. Các cơ sở làm hàng xuất khẩu thuộc các thành phần kinh tế nếu có những điều kiện theo quy định của Nhà nước, được quan hệ giao dịch trực tiếp với bạn hàng tại nước ngoài, trên cơ sở tuân theo pháp luật và chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Phát triển tổ chức liên đoàn hoặc hiệp hội trong các lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Xoá bỏ tình trạng độc quyền mang tính chất của quyền trong sản xuất và kinh doanh xuất, nhập khẩu. Khẩn trương kiện toàn tổ chức dịch vụ đầu tư. Hướng dẫn và quản lý chặt chẽ việc ký kết các hợp đồng kinh tế với bên ngoài. *Gấp rút đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng đúng cán bộ có năng lực và kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh tế đối ngoại.*

7. Tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách về chính sách xã hội phù hợp với việc đổi mới các chính sách kinh tế

Phương hướng giải quyết các vấn đề cấp bách thuộc chính sách xã hội trong những năm trước mắt là:

- *Đổi mới cách xem xét và giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng bảo đảm sự thống nhất hài hoà giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.* Việc khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh đòi hỏi phải thực hiện công bằng xã hội theo quan điểm mới, khắc phục xu hướng bình quân. Trong nông thôn, đi liền với việc áp dụng các hình thức khoán, đấu thầu, khuyến khích làm giàu hợp pháp, phải không ngừng nâng cao ý thức và mở rộng các hình thức đoàn kết, hợp tác, tương trợ theo tình làng nghĩa xóm và hoạt động của các tổ chức xã hội, từ thiện, chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và các đối tượng chính sách

xã hội khác. Việc cho cạnh tranh kinh tế phải đi liền với phát triển các hình thức hợp tác, liên kết kinh tế.

- Nhà nước chăm lo sự nghiệp phúc lợi ngày càng tốt hơn cho toàn xã hội, nhưng *cần có một tỷ lệ hợp lý giữa phân phối thu nhập trực tiếp và phân phối qua phúc lợi xã hội.* Trong phần thu nhập được phân phối trực tiếp phải tính đến nhu cầu chi của người lao động về chữa bệnh, học tập, nhà ở...; hình thức phúc lợi không phải trả tiền cần được cân nhắc điều kiện và hiệu quả, phù hợp với đặc điểm tình hình của nước ta.

- Trong khu vực kinh tế phải bảo đảm nguyên tắc phân phối theo hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của đơn vị và của người lao động; việc phân phối thu nhập và lập quỹ phúc lợi do các đơn vị kinh tế tự quyết định theo nguyên tắc tự trang trải, trên cơ sở tuân thủ những quy định chung của Nhà nước.

- Kinh phí hoạt động của các tổ chức đào tạo, giáo dục, y tế, phần lớn các cơ quan khoa học, kỹ thuật, các đoàn thể xã hội,... cần được chuyển từng bước từ chỗ hoàn toàn dựa vào nguồn cấp phát của Nhà nước sang cơ chế dựa vào nhiều nguồn thu khác, như: thu học phí của các trường phổ thông; thu từ hợp đồng nghiên cứu, đào tạo của các trường đại học và dạy nghề với các tổ chức sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế; thu viện phí, công dịch vụ và phục vụ của các tổ chức y tế; thu từ các khoản đóng góp của hội viên, các khoản trợ giúp trong và ngoài nước đối với các đoàn thể xã hội... Phần Nhà nước đầu tư cho các sự nghiệp này ngày càng tăng nhưng chủ yếu dành cho việc trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật và thực hiện chính sách ưu tiên cần thiết, như đối với miền núi.

- *Phấn đấu thực hiện từng bước chế độ bảo hiểm xã hội do nhân dân đóng góp.* Quỹ bảo hiểm đối với người về hưu hình

thành từ khoản trích quỹ lương của công nhân, viên chức và đóng góp của những người lao động khác, cần được quản lý và hạch toán riêng, tách khỏi ngân sách. Phát triển các hình thức dịch vụ bảo hiểm về tài sản, mùa màng, giao thông, nhân thọ...

Bộ Chính trị cần có nghị quyết tương đối toàn diện về chính sách xã hội. *Trước mắt, cần tập trung giải quyết một số vấn đề lớn sau đây về chính sách xã hội:*

a) *Về tiền lương và thu nhập:*

Sớm khắc phục tình trạng tiền lương không đủ sống và thu nhập chênh lệch quá bất hợp lý, gây mất ổn định và bất bình trong xã hội. Yêu cầu trước mắt là ổn định và nâng dần tiền lương thực tế, trả lương đúng hạn; tiền tệ hoá tiền lương; hạch toán đủ chi phí lao động vào giá thành; bổ sung, sửa đổi ngay những điểm quá bất hợp lý trong chế độ tiền lương hiện hành và khẩn trương chuẩn bị điều kiện để thực hiện cải cách căn bản chế độ tiền lương. Nghiên cứu ban hành thuế thu nhập.

Đối với khu vực sản xuất kinh doanh, thực hiện rộng rãi phương thức tự trang trải tiền lương theo kết quả cuối cùng (tiền lương và các quỹ xí nghiệp nằm trong phần còn lại của tổng thu nhập sau khi trừ các chi phí vật chất và các khoản nộp ngân sách, trả lãi ngân hàng).

Đối với cán bộ, viên chức khu vực hành chính và người về hưu, phải bảo đảm tiền lương thực tế và trả lương đúng hạn. Trên cơ sở xác định hợp lý biên chế, áp dụng chế độ khoán quỹ lương, khoán chi tiêu hành chính cho từng cơ quan. Chuyển các cơ quan sự nghiệp như bệnh viện, trường học, cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, văn hoá - nghệ thuật... sang cơ chế tự trang trải từng bước và từng phần. Có quy định về chế độ thu và sử dụng hợp lý các khoản thu học phí, viện phí; tăng chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục, y tế ở miền núi.

Đối với lực lượng vũ trang, phải cung cấp đủ tiêu chuẩn hiện vật theo định lượng và đúng về chất lượng, thời hạn, địa điểm; bảo đảm tiền lương thực tế và sửa đổi, bổ sung một số chính sách đối với sĩ quan tại ngũ; xem xét lại chế độ phụ cấp để sĩ quan xuất ngũ có thêm điều kiện tạo lập cuộc sống mới. Trong chính sách tạo việc làm, cần ưu tiên đối với quân nhân xuất ngũ. Có cơ chế và các hình thức tổ chức thích hợp để quân đội kết hợp làm kinh tế có hiệu quả, tạo thêm nguồn thu nhập nâng cao đời sống.

- Bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, đồng thời kiên quyết xử lý những trường hợp làm ăn phi pháp. Sửa đổi chính sách thuế theo hướng khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng sản xuất, kinh doanh và điều tiết hợp lý mức thu nhập.

- Tạo điều kiện để những người về hưu và những người được hưởng trợ cấp xã hội có thể phát triển kinh tế gia đình.

Ngoài phần chi ngân sách, cần có chính sách huy động toàn xã hội đóng góp vào quỹ dành cho thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng. Phát triển các hình thức tương trợ, giúp đỡ những người không nơi nương tựa và những gia đình quá khó khăn.

b) *Đổi mới nhận thức về việc làm và cơ chế giải quyết việc làm theo hướng đa dạng hoá việc làm và thu nhập* trên cơ sở phát huy khả năng thu hút lao động của mọi thành phần kinh tế. Phát triển các hoạt động dịch vụ về đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, hướng dẫn tổ chức sản xuất kinh doanh, để người lao động chủ động và thuận tiện trong học nghề, đổi nghề, tìm nơi làm việc hoặc tự tạo việc làm.

Vấn đề giải quyết việc làm phải gắn với việc thực hiện ba chương trình kinh tế, đặc biệt là phát triển kinh tế nông thôn toàn diện và phát triển kinh tế đối ngoại. Trong những năm trước mắt phải kết hợp giữa giải quyết việc làm tại chỗ là chủ yếu với phân bố lại lao động theo lãnh thổ. Bổ sung chính sách và chấn chỉnh tổ chức quản lý để mở rộng việc đi

hợp tác lao động tại nước ngoài một cách có hiệu quả, theo phương thức hạch toán kinh doanh.

Cần nghiên cứu biện pháp để sử dụng số lao động dôi ra ở các cơ quan, xí nghiệp, đặc biệt là số lao động có kỹ thuật. Có chính sách tài trợ cho số lao động dôi ra để tạo việc làm và thu nhập.

Sớm ban hành quy định về hợp đồng lao động đối với các thành phần kinh tế. Xây dựng và thực hiện nghiêm ngặt quy chế bảo đảm an toàn lao động, tăng cường công tác thanh tra và xử lý các vi phạm.

c) Để khắc phục hậu quả nghiêm trọng của sự bùng nổ dân số, cần sử dụng kiên quyết và đồng bộ hệ thống các biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và khoa học, kỹ thuật. Bảo đảm đủ kinh phí, phương tiện, cán bộ để đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Phấn đấu *hạ tốc độ tăng dân số*.

Giảm tốc độ tăng dân số là nhiệm vụ có tính chiến lược. Các cấp uỷ đảng, cấp chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở phải coi đó là công việc thường xuyên, cấp bách trong chương trình hoạt động của mình. Củng cố và tăng cường hoạt động của cơ quan dân số và kế hoạch hoá gia đình.

d) Công tác giáo dục phải hướng trọng tâm vào việc *từng bước ổn định tình hình giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo*. Về giáo dục phổ thông, cần tăng cường đầu tư để thanh toán nạn mù chữ và phổ cập giáo dục cấp I; tập trung sức làm tốt giáo dục toàn diện ở cấp I, lớp 1.

Hoàn thành tổng kết việc thực hiện cải cách giáo dục để tiếp tục điều chỉnh nhằm mục tiêu: đào tạo thanh thiếu niên thành con người mới xã hội chủ nghĩa, theo hướng hình thành nhân cách người lao động Việt Nam có bản sắc văn hoá dân tộc, năng động và sáng tạo, có ý chí đưa đất nước đi lên, có đủ phẩm chất đạo đức và năng lực nghề nghiệp cần

thiết để đáp ứng những yêu cầu mới của nền kinh tế hàng hoá xã hội chủ nghĩa nhiều thành phần.

Đa dạng hoá các loại hình trường lớp, các hình thức đào tạo.

Ban hành quy chế của Nhà nước về việc mở các trường, lớp dân lập, tư thực theo hướng: về cơ bản, hệ thống giáo dục, đào tạo phải được phát triển bằng phương thức Nhà nước đầu tư; khuyến khích mở các trường dân lập và tư thực dạy các nghề thủ công, mỹ nghệ, dạy tiếng nước ngoài; cho phép mở một số trường dân lập cấp II và cấp III chứ không phải tư thực, trong trường hợp ngân sách nhà nước không đủ khả năng đầu tư; Nhà nước quản lý chặt chẽ về nội dung, chương trình giảng dạy và thi cử, về tuyển chọn các giáo viên có đủ tiêu chuẩn nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức đối với các trường, lớp dân lập hệ phổ thông.

Mở một số trường lớp cho những thanh thiếu niên có năng khiếu và tài năng, với sự đầu tư đặc biệt. Mở thêm hệ thống trường dành cho trẻ em có tật và cho con em người dân tộc ít người.

Mở rộng các hình thức phổ cập nghề nghiệp cho thanh niên, đồng thời chú ý việc đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề. Tổ chức lại các loại hình đào tạo dài hạn, sắp xếp hợp lý mạng lưới trường đại học và chuyên nghiệp, phát triển các trường vừa học, vừa làm; nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo, nhất là năng lực thực hành. Cải cách chế độ đánh giá, thi cử; hoàn thiện công tác tuyển sinh ở các cấp học, bậc học.

Đổi mới công tác quản lý giáo dục; mở rộng quyền chủ động cho trường học; phân cấp cho các địa phương trong công tác quản lý, phát triển và tự trang trải một phần kinh phí

giáo dục.

Chăm lo đời sống và điều kiện giảng dạy của giáo viên, Nhà nước cần dành tỷ lệ thích đáng của ngân sách cho giáo dục; thể chế hoá việc đầu tư từ các nguồn khác; *ưu tiên đầu tư cho phát triển giáo dục ở các vùng miền núi và nông thôn hẻo lánh*. Nghiên cứu quy định mức học phí và mức trợ cấp của ngân sách nhà nước cho từng cấp học, ngành học theo từng vùng. Xây dựng chính sách học bổng và chính sách khuyến khích những học sinh xuất sắc.

đ) *Về công tác bảo vệ sức khoẻ*. Trên cơ sở huy động sự tham gia rộng rãi của mọi lực lượng xã hội, cần đổi mới hệ thống tổ chức và cơ chế quản lý, chuyển mạnh công tác chăm sóc sức khoẻ theo hướng dự phòng, kết hợp y học dân tộc với y học hiện đại, tăng cường các hoạt động về chăm sóc sức khoẻ ban đầu, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, mở rộng phong trào thể dục thể thao trong nhân dân, trước hết là trong thanh thiếu niên, học sinh.

Có kế hoạch toàn diện để củng cố hệ thống y tế, trước hết là y tế cơ sở, *đặc biệt là ở các tỉnh miền núi*. Nâng cao chất lượng của các cơ sở y tế nhà nước và mở rộng các hình thức dịch vụ sức khoẻ của tập thể, tư nhân.

Để thực hiện chế độ thu viện phí, cần ban hành chính sách trợ cấp trực tiếp cho những đối tượng nằm trong diện cần được trợ cấp.

Hệ thống được và trang bị y tế cần chuyển nhanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh. Nhanh chóng xây dựng công nghiệp kháng sinh; phát triển nuôi trồng và chế biến dược liệu, dựa vào xuất khẩu dược liệu để trang trải một phần nhu cầu nhập khẩu mới. Đáp ứng nhu cầu tối thiểu về thuốc chữa bệnh thông thường và phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm cho nhân dân.

Xây dựng các tổ chức xã hội theo nguyên tắc tự quản để chỉ đạo và phát triển các hoạt động thể dục thể thao của quần chúng.

8. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh đất nước

Cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới tuy đã có một số thay đổi về hình thức, nhưng bản chất không hề thay đổi; kẻ thù tuy có thay đổi một số sách lược, nhưng chưa từ bỏ âm mưu phá hoại cách mạng nước ta. Cuộc đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình và hợp tác kinh tế quốc tế có nhiều phức tạp mới. Vì vậy phải đề cao cảnh giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh mà Đại hội VI và các nghị quyết của Bộ Chính trị đã đề ra, làm thất bại kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, đồng thời làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia.

Các cấp uỷ đảng và cơ quan chính quyền phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản, kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế trong công tác lãnh đạo và quản lý đất nước. Không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo và có kế hoạch cụ thể xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân một cách toàn diện.

Tích cực xây dựng quy hoạch quốc phòng dài hạn và các kế hoạch ứng phó với tình hình đột xuất.

Thực hiện có kết quả kế hoạch củng cố tổ chức phòng thủ đất nước, nhất là ở các khu vực trọng điểm. Đẩy mạnh xây dựng và sớm hình thành thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng công trình chiến đấu, tập trung chỉ đạo tăng cường khả năng phòng thủ và củng cố an ninh biên giới, bờ biển, hải đảo và những vùng xung yếu khác. Bố trí lại thế trận an ninh, đổi mới đối sách và biện pháp nghiệp vụ cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Tích cực xây dựng quân đội về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phát huy bản chất và truyền thống tốt đẹp của quân đội. Tạo

một bước chuyển mạnh hơn và vững chắc hơn về chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang với số quân thường trực hợp lý, tiếp tục giảm quân số thường trực, xây dựng quân đội chính quy ngày càng hiện đại, nâng cao trình độ, chất lượng và hiệu quả chiến đấu. Chú trọng xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ.

Có tổ chức và chính sách đúng nhằm đào tạo và xây dựng đội ngũ sĩ quan và tướng lĩnh giỏi, đội ngũ nhân viên chuyên môn, kỹ thuật giỏi, coi đó là một khâu then chốt trong xây dựng quân đội. Cải tiến và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với quân thường trực và chính sách hậu phương quân đội.

Tăng cường trang bị kỹ thuật cho các lực lượng vũ trang. Từng bước xây dựng công nghiệp quốc phòng. Chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận và khoa học, kỹ thuật quân sự. Xác định rõ và tổ chức thực hiện tốt chiến lược quốc phòng trong thời bình, phòng ngừa thời chiến.

Phát huy khả năng và tiềm lực của quân đội trong xây dựng kinh tế nhằm tự giải quyết một phần các nhu cầu của quân đội và góp phần tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Quân đội làm kinh tế phải theo cơ chế quản lý chung của Nhà nước, thực hiện hạch toán kinh doanh.

Giáo dục toàn Đảng, toàn dân ý thức thường xuyên cảnh giác, đấu tranh chống mọi âm mưu và hành động phá hoại, "diễn biến hoà bình" của địch. Có quy chế nghiêm ngặt bảo vệ nội bộ, giữ gìn bí mật quốc gia.

Tăng cường *xây dựng phong trào quần chúng* bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự an toàn xã hội, nhất là ở cơ sở. Có

kế hoạch, biện pháp và quy chế phối hợp giữa công an với các ngành, các đoàn thể để thực hiện tốt công tác phòng ngừa tội phạm.

Kiên quyết và kịp thời nghiêm trị bọn phá hoại, lưu manh côn đồ, bọn tội phạm, bọn đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường, lập lại trật tự, kỷ cương trong xã hội, nhất là ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung.

Tiếp tục xây dựng lực lượng công an nhân dân tinh giản, trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Gấp rút củng cố và nâng cao chất lượng bộ đội biên phòng. Nhà nước có kế hoạch tăng thêm trang bị phương tiện phục vụ cho hoạt động trước mắt của lực lượng công an nhân dân, lực lượng bộ đội biên phòng, đồng thời từng bước hiện đại hoá các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

9. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại theo phương hướng mà Đại hội VI và Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị đã đề ra, kiên trì đường lối độc lập, tự chủ, giữ vững hoà bình, tranh thủ thời gian và điều kiện thuận lợi để từng bước ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tham gia tích cực vào phân công lao động quốc tế, thực hiện đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình.

Chuyển mạnh hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chủ yếu sang quan hệ chính trị - kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tăng cường đoàn kết và nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba đảng, nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia bằng những phương thức hoạt động phù hợp với tình hình mới. Phát triển quan hệ hợp tác nhiều mặt với Ấn Độ.

Kiên trì thúc đẩy bình thường hoá quan hệ Việt - Trung, khôi phục quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Góp phần tích cực giải quyết vấn đề Campuchia bằng chính trị, đồng thời chuẩn bị tốt việc rút hết quân sớm trong trường hợp chưa có giải pháp về Campuchia. Xây dựng mối quan hệ mới với các nước ASEAN, tham gia tích cực vào việc biến Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác.

Mở rộng và đa dạng hoá quan hệ với các nước, phát triển quan hệ với các nước châu Á - Thái Bình Dương và Tây Âu, bình thường hoá quan hệ với Mỹ.

Tích cực đấu tranh cho hoà bình, đoàn kết và ủng hộ các phong trào độc lập dân tộc, dân chủ, các lực lượng cách mạng, góp phần củng cố và phát triển Phong trào Không liên kết.

10. Xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội đang đòi hỏi phải đổi mới một cách căn bản tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò tích cực và năng lực sáng tạo của nhân dân, ngăn chặn có hiệu quả chủ nghĩa quan liêu, tạo ra động lực tổng hợp của xã hội. Đây là một nhiệm vụ *vừa cơ bản, vừa cấp bách*.

Nội dung đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Quan trọng nhất là cần tập trung giải quyết những vấn đề lớn sau đây:

a) *Mở rộng dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân:*

- Về chính trị, trước hết bảo đảm dân chủ trong sinh hoạt xã hội cũng như trong bầu cử, ứng cử, lựa chọn cán bộ, trong việc ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định của các cơ quan đảng, nhà nước, các tổ chức xã hội, bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.

- Về kinh tế, mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phát huy quyền làm chủ của người lao động, thực hiện đúng đắn chính sách kinh tế nhiều thành phần, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế được phát triển theo pháp luật, đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

- Trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, có chính sách và cơ chế phát huy trí tuệ, tài năng của nhân dân và đội ngũ văn nghệ sĩ đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc và từng bước đáp ứng nhu cầu văn hoá của nhân dân; bảo đảm tự do sáng tác, tự do phê bình, nâng cao trách nhiệm công dân của người nghệ sĩ.

- Trong lĩnh vực tư tưởng, thực hiện quyền được thông tin của nhân dân, mở rộng thông tin, thực hiện thông tin hai chiều, quyền phát biểu ý kiến, tranh luận thẳng thắn. Thông tin phải chính xác, có định hướng, phát biểu với tinh thần xây dựng và bảo vệ bí mật quốc gia.

Trong quá trình phát huy dân chủ, vừa phải đấu tranh khắc phục những hành động vi phạm quyền dân chủ của nhân dân, vừa phải ngăn ngừa, đấu tranh khắc phục khuynh hướng dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản; phải tỉnh táo đấu tranh chống lại những lực lượng lợi dụng việc mở rộng dân chủ để chống chế độ ta. Không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên. Phải lắng nghe ý kiến rộng rãi của nhân dân, nhưng cần phân biệt những ý kiến đúng đắn với những ý kiến sai trái, tiếp thu những ý kiến đúng. Nhân dân kiểm tra Đảng và Nhà nước, đồng thời nhân dân cũng tự kiểm tra nhau trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nhằm phát huy nhân tố *con người*, phát huy cao độ tính tự giác và sức sáng tạo to lớn của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ xã hội mới. Đồng thời, từng bước xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tạo điều kiện cho con người nâng cao đời sống vật chất và tinh thần để phát triển toàn diện, đào tạo và rèn luyện thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

b) *Xây dựng và hoàn chỉnh từng bước hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.*

Công cuộc đổi mới, yêu cầu mở rộng dân chủ mọi mặt đời sống xã hội đang đòi hỏi phải khẩn trương đổi mới hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trước mắt, cần rà soát lại những văn bản pháp quy hiện hành (kể cả Hiến pháp), bổ sung và sửa đổi những điểm cần thiết theo tinh thần đổi mới. Ban hành một số luật mới, bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội nước ta. Mọi công dân, bất kể ở cương vị nào, đều có nghĩa vụ sống và làm việc theo pháp luật. Tích cực tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật trong nhân dân và lãnh đạo thực hiện có kết quả những chính sách, pháp luật, quy chế, quy định đó. Trừng trị đích đáng và kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật, làm suy yếu và phá hoại nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức lại công tác nghiên cứu chính sách và pháp luật, ban hành kịp thời những văn bản pháp quy, nhất là về kinh tế, bảo đảm thu hút được nhiều tổ chức, nhiều lực lượng tham

gia và nâng cao tính chính xác, tính khoa học của chính sách và pháp luật.

c) *Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trên cơ sở đó, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng*

- *Về Đảng*: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta. Vì vậy, Đảng phải tự đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của mình. Đảng lãnh đạo thông qua việc xây dựng cương lĩnh, đường lối, chiến lược, những mục tiêu cơ bản của cách mạng, vạch ra những phương hướng, chủ trương, chính sách lớn trên các lĩnh vực đối nội và đối ngoại, định hướng hoạt động của Nhà nước và của toàn dân.

Đảng kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách. Qua kiểm tra, tổng kết thực tiễn, tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đường lối, chính sách, kịp thời bổ khuyết, uốn nắn những chủ trương không sát thực tế, những việc làm trái với đường lối, chính sách của Đảng.

Đảng lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, bố trí cán bộ các cơ quan của Đảng, chuẩn bị và giới thiệu các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác cán bộ của Nhà nước, nhưng tôn trọng các thể chế nhà nước về tuyển dụng, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ.

Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình bằng công tác thuyết phục, giáo dục và bằng sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và theo đúng pháp luật. Phải phân biệt Đảng là cơ quan lãnh đạo chứ không phải là cơ quan quản lý. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng chính là nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo ngang tầm với yêu cầu của cách mạng.

Để đáp ứng được yêu cầu nói trên, phải *đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng* ở tất cả các cấp từ Trung ương đến cơ sở.

Ở Trung ương: kiện toàn Bộ Chính trị, làm rõ thêm chức năng và cách làm việc của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Bộ máy giúp việc của Trung ương Đảng (các ban và Văn phòng), cần được sắp xếp lại hợp lý, tinh, gọn. Cán bộ của các ban phải có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu và đề xuất các vấn đề về đường lối, chính sách và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách ấy. Giải thể những ban, những bộ phận có chức năng, nhiệm vụ trùng lặp với nhau và trùng lặp với bộ máy nhà nước.

Ở các địa phương: tổ chức bộ máy của cấp uỷ đảng càng phải gọn nhẹ, phù hợp với chức năng và phương thức lãnh đạo của Đảng; không nhất thiết phải có bộ máy như ở trung ương.

Sửa đổi và bổ sung một số quy chế về tổ chức và sinh hoạt đảng. Đổi mới phong cách làm việc, phát huy dân chủ nội bộ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm thảo luận, tranh luận một cách bình đẳng, thẳng thắn; lắng nghe và tôn trọng các ý kiến khác nhau. Khi đã có quyết định của tập thể, phải chấp hành nghiêm túc. Giữ vững kỷ luật đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình.

- *Về bộ máy nhà nước:* Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức tập trung quyền lực của nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Nhà nước phải thực hiện đúng đắn quyền lực của mình; quản lý mọi mặt hoạt động của xã hội bằng pháp luật theo đường lối, chính sách của Đảng.

Phấn đấu để ba năm tới, Nhà nước có bước tiến lớn về năng lực quản lý, điều hành, hoạt động năng động, có hiệu quả.

+ *Đổi mới một cách căn bản tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử*, làm cho Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp thực sự là cơ quan quyền lực của nhân dân, hoạt động có hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ *Thực hiện đúng chức năng, quyền hạn của hệ thống quản lý hành chính các cấp.* Trong lĩnh vực kinh tế, phải phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý của các tổ chức sản xuất kinh doanh. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế bằng pháp luật, bằng hệ thống các chính sách, quy chế, điều hành các quan hệ kinh tế vĩ mô, không làm thay, không giải quyết những công việc thuộc quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế.

Đổi mới tổ chức và cách làm việc của Hội đồng Bộ trưởng, thực hiện đúng chức trách, quyền hạn của tập thể Hội đồng Bộ trưởng, đồng thời phát huy trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, của mỗi thành viên Hội đồng Bộ trưởng.

Sắp xếp lại các bộ, các uỷ ban nhà nước, các tổng cục một cách hợp lý, gọn nhẹ, cắt bỏ những bộ phận trung gian không cần thiết; phân biệt rõ cơ quan quản lý nhà nước với tổ chức kinh tế kỹ thuật, bảo đảm thực hiện đúng chức năng nghiên cứu và quy định các vấn đề về pháp luật, chính sách, về quy hoạch và kế hoạch để quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội ở tầm vĩ mô, thực hiện sự thanh tra, kiểm soát của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế - xã hội.

Sửa đổi cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động và chế độ làm việc của *uỷ ban nhân dân các cấp*.

+ *Làm rõ và đổi mới một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của hệ thống tư pháp, toà án, viện kiểm sát.* Tôn trọng hoạt động độc lập của toà án trong xét xử. Bảo đảm việc bắt người, giam giữ người, xét xử và thi hành án nghiêm minh, đúng pháp luật.

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý nhà nước phải xuất phát từ yêu cầu, đối tượng quản lý, từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, từ trình độ đội ngũ cán bộ, và phải gắn liền với việc bố trí, sắp xếp hợp lý cán bộ; tránh tình trạng giản đơn, máy móc, sắp xếp lại bộ máy một cách hình thức.

- Về các đoàn thể quần chúng:

Bằng công tác giáo dục, tổ chức và vận động quần chúng sâu rộng, các đoàn thể quần chúng đại diện cho quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, hỗ trợ đắc lực và là hậu thuẫn cho hoạt động của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước.

Các cấp uỷ đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo các đoàn thể quần chúng, tạo mọi điều kiện để mỗi đoàn thể phát huy tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động của mình. Đảng lãnh đạo và tôn trọng tính độc lập về tổ chức của các đoàn thể.

Với chức năng vận động và tổ chức quần chúng, các đoàn thể phải đổi mới phương thức hoạt động cho phù hợp với chính sách mới của Đảng và Nhà nước, sát với quần chúng, với hội viên. Nội dung và hình thức vận động phải gắn chặt với nguyện vọng, lợi ích và điều kiện sinh hoạt của hội viên. Tổ chức bộ máy của mỗi đoàn thể phải gọn, không cần có nhiều cán bộ chuyên trách như hiện nay. Bỏ những hình thức tổ chức và hoạt động làm cho đoàn thể trở nên "hành chính hoá", xa quần chúng, không gắn với hội viên. Các đoàn thể phấn đấu tạo thêm nguồn thu nhập để giảm một phần kinh phí do Nhà nước cấp.

Khuyến khích việc tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng có tính chất xã hội hoặc theo nghề nghiệp. Hướng dẫn các hội hoạt động đúng hướng.

Cùng với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, cần sớm tổng kết cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội để tiếp tục thực hiện cuộc vận động này có kết quả hơn.

11. Đổi mới và tăng cường công tác tư tưởng

Công cuộc đổi mới ở nước ta cũng như những chuyển động lớn và diễn biến phức tạp của tình hình thế giới đang đặt ra nhiều vấn đề mới về nhận thức, lý luận, tác động mạnh đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Đổi mới và tăng cường công tác tư tưởng phải hướng vào những yêu cầu chính sau đây:

- Thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình các mặt, làm cho mọi người hiểu rõ những việc làm được và chưa làm được, củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng và toàn dân, thúc đẩy công cuộc đổi mới, khắc phục tâm trạng bi quan, giảm sút lòng tin, mất cảnh giác.

- Tiếp tục đổi mới tư duy, quán triệt, cụ thể hoá và phát triển những quan điểm của Đại hội VI, quán triệt Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tăng cường nghiên cứu và giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, giáo dục đường lối chính sách của Đảng, bồi dưỡng những nhận thức đúng đắn về công cuộc đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con

đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, chú trọng nắm vững các nguyên tắc cơ bản đã nói ở phần trên. Uốn nắn kịp thời những nhận thức lệch lạc, chủ động phản kích những luận điệu thù địch.

- Bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, ý thức bảo vệ và phát triển những giá trị đạo đức và văn hoá của dân tộc, tinh thần quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa. Giáo dục cho nhân dân, đặc biệt là cho thanh, thiếu niên về ý thức lao động mới và cần kiệm, làm tròn nghĩa vụ công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sống và làm việc theo pháp luật, ý thức tôn trọng của công, tinh thần đoàn kết tương trợ, hợp tác. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi gian dối, trái pháp luật.

Tiếp tục mở rộng hơn nữa tính dân chủ, tính công khai trong sinh hoạt đảng, trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và trong hoạt động khoa học, thông tin đại chúng, văn hoá - văn nghệ, *coi đó là một phương hướng cơ bản chỉ đạo các hoạt động tư tưởng.*

Khuyến khích tự do tư tưởng, thảo luận và tranh luận thẳng thắn; ngăn ngừa và uốn nắn những biểu hiện lợi dụng dân chủ, công khai để xuyên tạc sự thật, kích động, phá hoại công cuộc đổi mới. Không cho phép ra báo tư nhân và lập các nhà xuất bản tư nhân.

Đổi mới sự lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng phải nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, bảo đảm tính chủ động, kịp thời, tính chiến đấu, sắc bén,

phục vụ tích cực việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

12. Một số vấn đề về cán bộ

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Trung ương 5, phải phấn đấu để trong ba năm tới *đạt được sự chuyển biến quan trọng* về công tác cán bộ.

Trước mắt, cần chú trọng những vấn đề sau đây:

- Thống nhất tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực cán bộ, về đánh giá cán bộ trong công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, lựa chọn, sử dụng và phát huy những cán bộ có tinh thần đổi mới, có phẩm chất, có kiến thức và năng lực lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, có khả năng đoàn kết quy tụ cán bộ.

- Cần cụ thể hoá tiêu chuẩn cán bộ cho từng chức danh lãnh đạo và quản lý. Không có tiêu chuẩn phẩm chất và năng lực chung chung; phẩm chất và năng lực phải thể hiện ở kết quả thực tế công tác.

- Phân định rõ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chuyên môn. Cán bộ lãnh đạo và quản lý có thể thay đổi vị trí công tác tùy theo sự tín nhiệm. Cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ phải được đào tạo có hệ thống và phải được ổn định, bảo đảm hoạt động chuyên sâu, có hiệu suất cao.

Trẻ hoá cán bộ trong bộ máy đảng, Nhà nước và đoàn thể, thực hiện đúng chế độ về hưu. Trường hợp còn sức khoẻ, có năng lực và phẩm chất có thể được giữ lại làm những việc thích hợp.

- Xúc tiến mạnh việc xây dựng quy hoạch cán bộ, từ cán bộ lãnh đạo cao nhất trong Đảng, Nhà nước cho đến cán bộ cơ sở, tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt quy hoạch đó. Tích cực chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VII của Đảng và đại hội đảng bộ các cấp, đặc biệt là chuẩn bị những chức vụ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp theo phương hướng bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Chống tư tưởng nể nang, hữu khuynh, thiếu tin vào cán bộ trẻ, không tích cực đào tạo, chuẩn bị hoặc "nén áo" nhau. Thay thế kịp thời những cán bộ không còn phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Coi việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có tư duy mới, có kiến thức, có phẩm chất đạo đức và có năng lực hoạt động thực tiễn là công việc rất quan trọng và cấp thiết. Chú trọng việc đào tạo cán bộ cho miền núi, đặc biệt là cán bộ người dân tộc thiểu số.

- Việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ phải theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Đổi mới quy chế tuyển chọn và đề bạt cán bộ, bảo đảm lựa chọn và sử dụng đúng những cán bộ thật sự có tài năng và phẩm chất. Kết hợp việc nhận xét, đánh giá của tổ chức đảng, của thủ trưởng với việc lấy ý kiến của quần chúng, bỏ phiếu tín nhiệm, bầu cử hoặc thi tuyển. Thực hiện chế độ miễn nhiệm đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ.

Khắc phục tư tưởng cục bộ, địa phương, tệ bè phái, cảm tình cá nhân trong công tác cán bộ.

Phần thứ ba

NẮM CHẮC NHỮNG NHIỆM VỤ THEN CHỐT ĐỂ ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Trong quá trình triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ nêu trên, cần nắm chắc *những nhiệm vụ then chốt* sau đây:

Một là, kiểm chế và đẩy lùi lạm phát là nhiệm vụ trung tâm nóng bỏng nhất. Nó phải được thực hiện một cách đồng bộ bằng nhiều biện pháp, gắn chặt với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trước hết là đối với khu vực quốc doanh, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện ba

chương trình kinh tế, đặc biệt là phát triển toàn diện kinh tế nông thôn. Đó là nhiệm vụ và phương hướng chủ yếu để ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế, xã hội, tạo thế phát triển mạnh hơn cho những năm sau.

Hai là, giữ được hoà bình, tạo được điều kiện và môi trường để đất nước có thể phát triển trong thế ổn định là nhiệm vụ của các cấp, các ngành, trước hết là của quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Tiếp tục đề cao cảnh giác, đồng thời tích cực hoạt động để sớm bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, với các nước trong khu vực và các nước khác, tranh thủ phát triển kinh tế đối ngoại, chuẩn bị ráo riết các tiền đề và điều kiện cần thiết để mở rộng trong những năm sau.

Ba là, tiếp tục mở rộng dân chủ, khẩn trương đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, xây dựng hoàn chỉnh từng bước hệ thống pháp luật làm cơ sở vững chắc cho chế độ dân chủ, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Tích cực đổi mới công tác cán bộ, có quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, thực hiện kịp thời việc chuyển tiếp từng bước thể chế lãnh đạo.

Bốn là, điều quyết định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới là Đảng phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo theo tinh thần Đại hội VI và Nghị quyết Trung ương 5. Xúc tiến việc xây dựng Cương lĩnh của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI đã đem lại cho chúng ta *những kinh nghiệm bước đầu* về tiến hành công cuộc đổi mới, cần được quán triệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Thứ nhất, phải quán triệt quan điểm đổi mới *toàn diện và đồng bộ*. Thực tiễn cho thấy đổi mới là một cuộc cách mạng sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, các lĩnh vực ấy có liên quan chặt chẽ với nhau và tác động qua lại lẫn nhau. Trên từng lĩnh vực, nội dung đổi mới cũng bao gồm toàn diện từ đổi mới quan niệm đến đổi mới cơ chế, chính sách, tổ chức, cán bộ, phong cách và lề lối làm việc. Nếu chỉ đơn độc đổi mới một lĩnh vực hoặc một khâu nào đó thì công cuộc đổi mới không thể đạt được kết quả mong muốn. Đồng thời trong mỗi bước đi, phải xác định đúng khâu then chốt để tập trung sức giải quyết.

Thứ hai, phải tăng cường công tác *tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm về đổi mới*, giải đáp kịp thời và sáng tỏ những vấn đề do cuộc sống đặt ra, bảo đảm sự *thống nhất về nhận thức, về ý chí và hành động* trong toàn Đảng và toàn dân. Bởi vì công cuộc đổi mới càng đi vào chiều rộng và chiều sâu thì càng xuất hiện nhiều vấn đề mới mẻ liên quan đến nhận thức về chủ nghĩa xã hội, về mô hình và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. *Thứ ba*, phải *kiên trì phương hướng, mục tiêu đổi mới đã được xác định, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, không thể chậm trễ và do dự, nhưng phải có những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp* với hoàn cảnh thực tế; vừa khẩn trương, vừa vững chắc, không để cho khuynh hướng bảo thủ hoặc nóng vội chi phối. Trong quá trình thực hiện đổi mới, bên cạnh những kết quả tích cực, không tránh khỏi những thiếu sót, vấp vấp và những khó khăn phức tạp mới xuất hiện. Phải tỉnh táo theo dõi, kịp thời phát huy những nhân tố tích cực, uốn nắn những lệch lạc, sửa chữa những sai lầm và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, không vì những khó khăn tạm thời mà hoang mang, dao động, đi chệch con đường đổi mới.

Thứ tư, công cuộc đổi mới đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi đơn vị phải dám từ bỏ những quan điểm sai trái, những lợi ích cục bộ, bản vị, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các lợi ích, tôn trọng và phục tùng nguyên tắc và lợi ích chung. Mọi thái

độ bảo thủ hoặc cực đoan, lệch lạc trong quá trình đổi mới đều cần phải được phê phán và khắc phục. Phải đấu tranh kịp thời với những hành động gây rối, phá hoại công cuộc đổi mới của những kẻ xấu, thù địch. Song đối với những quan điểm và việc làm sai trái của cán bộ và quần chúng, chúng ta phải phân biệt cụ thể từng trường hợp, tránh buông lỏng hoặc quy kết vội vàng, chỉ có như vậy mới tập hợp và động viên được đông đảo quần chúng thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới.

*

* *

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng là một trong những Hội nghị quan trọng nhất từ sau Đại hội VI đến nay. Hội nghị đã đánh giá toàn diện và đúng đắn thực trạng tình hình đất nước, vạch ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan, xác định những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cho ba năm tới, phát triển, bổ sung và cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Đó là cơ sở quan trọng để thống nhất tư tưởng và thống nhất hành động, củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và trong nhân dân, tạo ra phong trào hành động cách mạng sôi nổi, liên tục, nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu do Đại hội VI đề ra. Các cấp uỷ đảng cần có chương trình cụ thể tổ chức quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết này trong toàn Đảng và trong nhân dân.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) tin tưởng rằng, với những kinh nghiệm đã tích lũy được trong hơn hai năm qua, với quyết tâm và niềm tin mới do thực tiễn mang lại, với truyền thống đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân ta, chúng ta nhất định sẽ vượt qua được khó khăn, tạo ra một bước ngoặt quan trọng, tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi mới.

ng nghị quyết hội nghị lần thứ sáu... 1011

1012 văn kiện đảng toàn tập

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

Ngày 29 tháng 3 năm 1989

Thưa các đồng chí,

Như tôi đã phát biểu hôm khai mạc, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương có mục đích chính là "kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới". Yêu cầu đặt ra cho Hội nghị là đánh giá đúng những thành tựu, triển vọng, nhân tố mới, cũng như những khuyết điểm, thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; vạch ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan; rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực và cụ thể; bổ sung những quan niệm, nội dung, bước đi của quá trình đổi mới và đề ra những nhiệm vụ, giải pháp lớn có hiệu lực cho ba năm tới; tạo ra niềm tin, sự đoàn kết thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI. Đối chiếu với những yêu cầu trên đây, có thể vui mừng nói rằng: *Hội nghị của chúng ta đã thành công tốt đẹp*. Tôi không có ý cường điệu, nói cho đẹp lòng nhau. Nhận định đó đúng về thực chất. Đó không chỉ là suy nghĩ của riêng cá nhân tôi, của Bộ

Chính trị, mà của tất cả chúng ta, các Ủy viên Trung ương tham dự cuộc họp này.

Đặc điểm nổi bật của Hội nghị chúng ta là *sự nhất trí cao* về các vấn đề đã đặt ra, từ đánh giá tình hình, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, các giải pháp lớn cho đến các quan điểm. Sự nhất trí này đạt được thông qua sự thảo luận, tranh luận thẳng thắn và cởi mở.

Với thái độ thực sự cầu thị, thận trọng và nghiêm túc. Hội nghị nhất trí nhận định rằng, hai năm qua từ sau Đại hội VI, chúng ta vừa phải vật lộn với biết bao khó khăn hàng ngày, vừa tìm tòi, sáng tạo và đã *thu được những kết quả bước đầu quan trọng* trên một số mặt chủ yếu của đời sống xã hội. Trong Hội nghị, nhiều đồng chí đã đánh giá lĩnh vực kinh tế và dân chủ hoá xã hội đã có những khởi sắc. Hàng hoá tiêu dùng và thực phẩm nhiều hơn, phong phú hơn. Lương thực nhìn chung bớt gay gắt. Tốc độ tăng giá chậm lại (nếu 6 tháng đầu năm 1988 giá cả thị trường tăng bình quân trên dưới 20%/tháng, thì từ giữa năm 1988 đến nay tăng dưới mức 10%/tháng). Lòng tin của nhân dân bước đầu được khôi phục. Tôi muốn nói thêm thành tựu đã đạt được không chỉ thể hiện ở những kết quả cụ thể mà mọi người bắt đầu cảm nhận được trong cuộc sống, mà còn chứng minh tính đúng đắn của một hướng đi được mở ra từ Nghị quyết Đại hội VI và được cụ thể hoá trong các nghị quyết Trung ương tiếp theo. Nhờ đó mà chúng ta tự tin hơn, vững vàng hơn để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới trong những năm tới. Vì, thưa các đồng chí, không có gì nguy hiểm hơn cho sự nghiệp cách mạng là sai lạc phương hướng và bế tắc lối ra.

Những chủ trương về đổi mới cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung cho ba chương trình kinh tế, về phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, về chuyển hướng chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh, về dân chủ hoá đời sống xã hội, v.v. đã và đang thể hiện rõ dần trong cuộc sống và gặt hái được thành quả bước đầu.

Chúng ta trân trọng những thành quả lao động được đổi bằng biết bao công sức, bằng ý chí phấn đấu kiên cường của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Như một người ốm nặng thập tử nhất sinh trong một thời gian dài, nay bắt đầu gượng dậy được, dù còn chưa vững chắc, nhưng cũng là tín hiệu đáng mừng, đáng phấn khởi. Tuy vậy, chúng ta không được phép chủ quan, thoả mãn với những gì đã đạt được, từ đó giảm sút ý chí phấn đấu.

Phải thẳng thắn thừa nhận rằng, bên cạnh những kết quả đã đạt được, chúng ta đang phải đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức to lớn. Đã nhiều năm nay, nước ta ở trong tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội và hiện nay vẫn chưa ra khỏi tình trạng đó. Lạm phát ở mức cao là biểu hiện tập trung của khủng hoảng kinh tế. Nguyên nhân của lạm phát có một phần do năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nhất là của các đơn vị kinh tế quốc doanh, thấp kém. Đồng thời, cần chỉ ra nguyên nhân vừa cơ bản vừa trực tiếp là cơ chế tập trung quan liêu bao cấp kéo dài nhiều năm, thể hiện nổi bật ở bao cấp quá lớn qua ngân sách và tín dụng. Trong năm qua, chỉ riêng việc bao cấp qua ngân sách cho kinh doanh lương thực và xuất, nhập khẩu cũng đã bằng mức bội chi ngân sách. Khó khăn về kinh tế kéo theo sự xuống cấp nhiều mặt trên lĩnh vực xã hội. Hai năm đổi mới, mà sự chuyển biến trên thực tế chỉ mới bắt đầu từ quý III-1988, chưa thể đảo ngược thực trạng của tình hình. Cần phải có nhiều thời gian và nỗ lực tối đa mới tạo ra được sự chuyển biến cơ bản.

Điều quan trọng là từ những kết quả thực tế và kinh nghiệm đã tích lũy được qua hai năm, chúng ta thấy rõ thêm hướng đi và những giải pháp cần thiết để vượt qua trở ngại, đem lại cho chúng ta niềm tin sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu "ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế, xã hội" trong ba năm tới. Điều này, hai năm trước đây, tuy đã có Nghị quyết Đại hội VI, nhưng vẫn chưa có cơ sở thực tế để khẳng định. Tại Hội nghị Trung ương lần này, chúng ta đã tổng kết được một số kinh nghiệm bước đầu về tiến hành công cuộc đổi mới, về sự cụ thể hoá và phát triển thêm các quan điểm của Nghị quyết Đại hội VI trên một số lĩnh vực chủ yếu và đặc biệt quan trọng là đã đề ra năm nguyên tắc cơ bản chỉ đạo công cuộc đổi mới ở nước ta. Những nguyên tắc đó là cơ sở để thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và là sự bảo đảm chắc chắn cho sự nghiệp đổi mới không bị chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Trung ương cũng chỉ ra những lĩnh vực quan trọng mà chúng ta chưa kịp triển khai đầy đủ vì thời gian còn quá ngắn, đặc biệt là chính sách xã hội. Tới đây, lĩnh vực này sẽ trở thành trung tâm sự chú ý của chúng ta.

Tóm lại, Hội nghị Trung ương 6 đã nhất trí cao đối với những vấn đề cơ bản. Sở dĩ đạt được kết quả đó là do hai nguyên nhân quan trọng.

Một, đã phát huy được trí tuệ tập thể của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, của các cấp uỷ Đảng, các ban, ngành và đoàn thể quần chúng, các giới nghiên cứu khoa học, các binh chủng làm công tác tư tưởng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Chính trị.

Hai, chính phong trào quần chúng hành động cách mạng sôi nổi trong hai năm qua đã cung cấp căn cứ thực tiễn cho phép chúng ta kết luận các vấn đề mới nảy sinh và tạo điều kiện để nhất trí về mặt quan điểm.

*
* *

Thưa các đồng chí,

Bản nghị quyết đã đề cập nhiều vấn đề. Tôi chỉ xin nói thêm một số điểm cần thiết, có chú ý đến các ý kiến thảo luận ở hội trường.

- Về cơ cấu kinh tế:

Trong hai năm qua, các ngành, các cấp đã có nhiều cố gắng tập trung sức lực cho ba chương trình kinh tế. Trong Hội nghị này, nhiều đồng chí đã phát biểu ý kiến và đóng góp những nội dung thiết thực. Tôi hoàn toàn tán thành các ý kiến cho rằng: tới đây, cần điều chỉnh mạnh mẽ hoạt động của các ngành kinh tế, xã hội khác để phục vụ và tạo điều kiện cho việc thực hiện ba chương trình kinh tế. Các ngành *năng lượng, cơ khí, công nghiệp chế biến, giao thông vận tải, v.v.* phải đề ra những nhiệm vụ cụ thể, những chương trình hành động thiết thực của ngành mình để đáp ứng các yêu cầu của ba chương trình đó, hết sức chú ý các địa bàn trọng điểm và những sản phẩm trọng yếu.

Chương trình lương thực - thực phẩm giải quyết nhu cầu về "ăn" cho nhân dân. Kinh nghiệm hai năm qua ở nước ta cũng như kinh nghiệm của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, dự báo về tình hình lương thực trên thế giới của Tổ chức lương thực và nông nghiệp (FAO) của Liên hợp quốc đều chỉ rõ, lương thực là sản phẩm chiến lược, giải quyết vấn đề "ăn" là một nhiệm vụ kinh tế nóng bỏng hiện nay và cơ bản về lâu dài. Ở nước ta, duy trì cân đối lương thực - thực phẩm trong cả nước và trên từng địa bàn lãnh thổ là nhiệm vụ hàng đầu của các cấp, các ngành. Nó góp phần quyết định ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định vật giá. Giải

quyết nhiệm vụ này không tách rời nhiệm vụ *kế hoạch hoá gia đình, hạ tỷ lệ tăng dân số*, tức là giảm tốc độ tăng về "câu" đối với lương thực - thực phẩm.

Trước hết, phải quan niệm chương trình lương thực - thực phẩm một cách *toàn diện và đồng bộ*. Không chỉ là thóc gạo mà còn là màu chế biến đưa vào bữa ăn. Không chỉ lương thực mà cả chăn nuôi gia súc và nuôi trồng, đánh bắt thủy sản. Không chỉ sản xuất mà cả bảo quản, chế biến, vận chuyển, phân phối, lưu thông và tiêu dùng. Trong lương thực, phải phá thế độc canh lúa, chú ý đẩy đủ đến các loại cây màu, rau quả và cây công nghiệp. Kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, làm ruộng với làm vườn như các đồng chí ở Tây Bắc và Tây Nguyên đã phát biểu. Tức là phải phát huy thế mạnh tổng hợp của nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hoá và kinh doanh tổng hợp trên cơ sở thực hiện chuyên canh và luân canh, bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu mùa vụ phù hợp với điều kiện đặc thù về địa lý và khí hậu của từng địa phương. Đó cũng là quan điểm giải quyết vấn đề lương thực - thực phẩm trên cơ sở phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, khắc phục quan điểm tự túc, tự cấp, tự tưởng ý lại. Thực hiện chương trình lương thực - thực phẩm còn là đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp, thúc đẩy tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng năng suất lao động. Là kết hợp giữa kế hoạch hoá với tự do lưu thông trong phạm vi quy định của chính sách, kết hợp giữa xuất khẩu với nhập khẩu hợp lý, có hiệu quả. Giảm hẳn tỷ lệ hư hao, mất mát lương thực quá lớn và cực kỳ phi kinh tế hiện nay. Giảm bớt tỷ lệ "mất mùa trong nhà" cũng là một phương hướng gia tăng sản lượng lương thực. Tôi đề nghị phải có những biện pháp có hiệu lực hơn về mặt này. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về cơ chế quản lý nông nghiệp, chú ý giải quyết tốt vấn đề ruộng đất, đẩy mạnh hơn nữa việc giao đất rừng và rừng, bãi biển cho dân quản lý, để gắn bó người lao động với đối tượng lao động.

Phát triển "công nghiệp nông thôn", "công nghiệp gia đình", từ thấp đến cao là một hướng quan trọng để đổi mới bộ mặt xã hội ở nông thôn hiện nay: tạo thêm công ăn việc làm và nguồn thu nhập, giảm bớt chênh lệch giàu nghèo và các bất công xã hội theo hướng tăng thêm thu nhập phi nông nghiệp, mở mang đời sống văn hoá và sinh hoạt tinh thần ở nông thôn. Đó cũng là mặt trọng yếu để phát triển nông nghiệp toàn diện và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa mà các ngành công nghiệp, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, giáo dục, văn hoá, y tế, v.v. cần và có thể đóng góp tích cực. Trong khi đòi hỏi trách nhiệm cao của các ngành trung ương, tôi muốn lưu ý đến vai trò cực kỳ quan trọng của các cấp uỷ và chính quyền địa phương trong việc phát triển nông nghiệp vì hơn ai hết, họ hiểu rõ điều kiện khí hậu, địa lý, tiềm năng địa phương và có kinh nghiệm chỉ đạo.

Trên đây là những vấn đề đang đặt ra và cần được giải quyết để phát triển nông nghiệp toàn diện, trong đó lương thực, thực phẩm là trọng tâm.

- Về chương trình hàng tiêu dùng, tôi chỉ xin lưu ý các đồng chí đến thị trường to lớn trong nước (và ngoài nước) với những đòi hỏi ngày càng cao của người tiêu dùng trước sự cạnh tranh của hàng nước ngoài. Công nghiệp hàng tiêu dùng nước ta phải là ngành công nghiệp đi đầu trong sản xuất hàng hoá, làm chủ các quan hệ thị trường, đáp ứng một cách nhanh nhạy các nhu cầu với những sản phẩm có chất lượng ngày càng cao, có kiểu cách phù hợp với thị hiếu, hình thức bao bì cải tiến. Các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng phải tổ chức nghiên cứu thị trường để đáp ứng các nhu cầu nhiều vẻ của thành thị và nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi. Tôi muốn nhấn mạnh yêu cầu đổi mới máy móc, thiết bị, đầu tư chiều sâu đồng bộ hoá, từng bước đưa công nghiệp hàng tiêu dùng đi lên trình độ hiện đại, trước hết là ở các ngành xuất khẩu, từng bước cạnh tranh được với các sản phẩm nước ngoài.

Tất cả các ngành cả ở trung ương và địa phương cần và có thể tham gia vào chương trình hàng tiêu dùng, từ nhà trường, viện nghiên cứu đến các xí nghiệp công nghiệp nặng, các xí nghiệp quốc phòng.

Cần có chính sách bảo vệ hàng nội địa theo hướng sử dụng đúng đắn hàng rào thuế quan, kiểm soát chặt chẽ các luồng buôn lậu qua biên giới. Cần đề cao ý thức bảo vệ hàng nội địa, sử dụng hàng nội địa, coi tiêu dùng hàng nội địa là một biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước và tinh thần tự trọng của mỗi người Việt Nam.

Dịch vụ phải là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế cũng như của chương trình hàng tiêu dùng mà hiện nay ở nhiều nơi còn quá kém. Dịch vụ sửa chữa cũng góp phần kéo dài tuổi thọ của các sản phẩm và có ý nghĩa kinh tế lớn. Tôi đề nghị các thành phố lớn nên xây dựng một chương trình dịch vụ, làm cho đời sống người dân được tiện lợi hơn và từng bước mở rộng ra nông thôn.

Việc thực hiện *chương trình hàng xuất khẩu* đòi hỏi phải có những chuyển biến toàn diện và mạnh mẽ, từ tổ chức đến cơ chế, từ sản xuất, làm bao bì đóng gói đến nghiên cứu thị trường, cả thị trường xã hội chủ nghĩa và ngoài xã hội chủ nghĩa.

Trong khi đánh giá cao những nỗ lực gia tăng hàng xuất khẩu trong những năm qua, không thể không nhận thấy rằng, so với tiềm năng và khả năng thì những nỗ lực đó còn quá thấp. Kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người thấp, không có các mặt hàng chủ lực mạnh, cơ cấu hàng xuất khẩu chậm thay đổi, dựa vào những mặt hàng nông, lâm, hải sản truyền thống, chủ yếu trên cơ sở thu gom những nguồn hàng phân tán, manh mún. Nghiên cứu thị trường còn quá giản đơn, ngay thị trường Liên Xô cũng chưa nắm vững, chất lượng, mẫu mã chậm thay đổi, không theo kịp thị hiếu của khách hàng. Cơ chế xuất, nhập khẩu có những trục trặc, vướng mắc kinh niên về đầu tư, thanh toán, gây ra biết bao lộn xộn, tiêu cực, làm ách tắc sản xuất, song cho đến nay,

trên thực tế vẫn chưa có biện pháp để khắc phục. Đương nhiên, trách nhiệm này không chỉ hoàn toàn thuộc Bộ Kinh tế đối ngoại. Phải mau chóng thay đổi tình hình này, đó là đòi hỏi gay gắt, không thể trì hoãn. Chúng ta có những tiềm năng hiện thực để nâng cao kim ngạch và hiệu quả xuất khẩu. Tôi đề nghị, càng sớm càng tốt, trong năm 1989 này, Bộ Kinh tế đối ngoại dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Bộ trưởng sẽ xây dựng xong đề án về cơ chế xuất, nhập khẩu, bao gồm cả tổ chức, chính sách, các chủ trương, biện pháp lớn.

- *Về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần:*

Hội nghị chúng ta đã thảo luận sâu sắc nhiều khía cạnh của chính sách này. Chúng ta nhất trí cao về sự cần thiết, ý nghĩa chiến lược lâu dài và sự thể hiện tính dân chủ về kinh tế của chính sách đó.

Như Các Mác nhận xét, một hình thức kinh tế không tự nó mất đi khi sức sản xuất của nó vẫn còn, khi chưa có một hình thức kinh tế khác cao hơn, có hiệu quả hơn thay thế. Hiện nay và còn lâu dài, kinh tế quốc doanh và hợp tác xã chưa thể thoả mãn được nhu cầu nhiều mặt của nhân dân. Ở đây, mức độ lâu dài chưa thể ấn định được bằng năm tháng cụ thể mà chỉ được giải đáp bằng trình độ phát triển của nền kinh tế, bằng sự lớn mạnh của kinh tế xã hội chủ nghĩa đến mức đáp ứng được hầu hết nhu cầu về hàng hoá cho xã hội. Các thành phần kinh tế tư nhân sẽ chấm dứt vai trò của mình khi chúng không còn phát huy tác dụng nữa. Phải đề phòng hai xu hướng sau đây:

- *Một là*, có thành kiến với các thành phần kinh tế tư nhân, không đánh giá đúng vai trò, tác dụng, muốn hạn chế sự phát triển của chúng.

- *Hai là*, tán dương một chiều các thành phần kinh tế này, không thấy rõ những hạn chế, tính tự phát của họ, dẫn đến thiếu quản lý chặt chẽ.

Ban Chấp hành Trung ương chúng ta đã có quyết định rõ ràng và đúng đắn: thừa nhận sự tồn tại và phát triển của các

thành phần kinh tế tư nhân, đồng thời bằng các biện pháp kinh tế và giáo dục, hướng họ đầu tư vào sản xuất và dịch vụ sản xuất là chính, hạn chế làm thương nghiệp và kinh doanh ăn uống, thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, đưa các hoạt động của họ từng bước đi vào quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước sẽ ban hành luật pháp quy định rõ những giới hạn về ngành, nghề không cho phép tư nhân tham gia như sản xuất vũ khí và thuốc nổ, độc dược, hàng không, vận tải đường sắt, viễn dương, thông tin viễn thông, v.v.. Đó là những vị trí chỉ huy mà kinh tế quốc doanh phải nắm vững. Chính thông qua quá trình sử dụng, quản lý, điều tiết kiểm kê và kiểm soát của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta hướng kinh tế tư bản vào những hình thức cao, thấp khác nhau của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Như vậy là cải tạo xã hội chủ nghĩa trên thực tế và có hiệu quả. Cũng không cần dùng từ "cải tạo" đao to búa lớn làm người ta sợ, vì ấn tượng cũ còn nặng nề. Cách làm cải tạo giản đơn, thô bạo theo kiểu cũ dẫn đến làm thui chột lực lượng sản xuất của kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, vốn dĩ đang rất cần cho xã hội chúng ta. Hướng kinh tế tư bản tư nhân vào con đường của chủ nghĩa tư bản nhà nước là một cuộc đấu tranh cực kỳ khó khăn, phức tạp, đòi hỏi Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải có bản lĩnh vững vàng và nghệ thuật cao. Nhưng nếu làm được thì lợi ích rất to lớn. Vì, theo Lênin, chủ nghĩa tư bản nhà nước là "mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, là phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên.

Trong khi chủ trương cho các thành phần kinh tế tư nhân phát triển, Ban Chấp hành Trung ương cũng đòi hỏi phải có những biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ và thiết thực để cải thiện, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho kinh tế quốc doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế của nó, khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, đồng thời tăng cường củng cố kinh tế hợp tác xã.

Chúng ta tin tưởng rằng với cơ chế mới, kinh tế quốc doanh sẽ từng bước phát huy vai trò nòng cốt và nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả, về tổ chức quản lý, về trình độ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, có khả năng tập hợp và thu hút các thành phần kinh tế khác làm vệ tinh để đưa họ vào quỹ đạo kinh tế xã hội chủ nghĩa.

- *Về đảng viên làm kinh tế tư bản.* Điều lệ Đảng đã quy định rõ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam phải "có lao động, không bóc lột". Trong thời gian qua đã có nhiều ý kiến phát biểu trên báo chí, tại các cuộc hội thảo về thế nào là bóc lột. Thực tế có nhiều vấn đề mới nảy sinh rất phức tạp. Dù sao thì đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam cũng không thể là tư sản, sống chủ yếu bằng bóc lột lao động thặng dư. Người đảng viên không những phải tôn trọng luật pháp như một công dân bình thường mà còn phải tuân thủ Điều lệ Đảng, phấn đấu cho kỷ cương của Đảng.

Về những lĩnh vực kinh tế cụ thể mà đảng viên có thể tham gia thì tới đây Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng sẽ có quy định cụ thể.

- *Về mở rộng và đa dạng hoá quan hệ kinh tế đối ngoại theo quan điểm "mở cửa".*

Chúng ta đã nhất trí về yêu cầu và phương hướng mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tích cực tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, trước hết là với Liên Xô, Lào và Campuchia, các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, với Ấn Độ, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại với tất cả các nước khác.

Chúng ta nhận thức rõ rằng, trong điều kiện quốc tế hoá đời sống kinh tế sâu sắc như hiện nay, không thể có một quốc gia nào tồn tại và phát triển nếu đóng cửa, tự cấp tự túc, không giao lưu kinh tế với nước ngoài.

Trong khi tích cực mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chúng ta phải đề cao cảnh giác với những âm mưu diễn biến hoà bình, những ảnh hưởng tiêu cực nhiều mặt trong quan hệ làm ăn với các nước tư bản, nhất là những thế lực đế quốc có tham vọng đối với nước ta. Khi "mở cửa" thì không phải chỉ có không khí trong lành tràn vào mà còn có cả bụi bặm, ruồi muỗi cũng vào theo. Ta biết thế để chủ động đối phó có hiệu quả, chứ không vì thế mà không thực hiện một cách chủ động, có kế hoạch chính sách mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại của chúng ta.

Ở đây, thái độ đúng đắn là tích cực chuẩn bị các tiền đề và điều kiện để đi vào mặt trận mới một cách vững vàng, quyết tâm giành thắng lợi, hạn chế tổn thất. Theo cách nói của Bác Hồ là "đi bất biến ứng vạn biến", lấy cái vững vàng, không thay đổi của mình để đối phó với những thay đổi của cuộc sống.

Chúng ta phải tích cực xây dựng những định hướng hợp tác, hợp doanh với các nước, nước nào và làm cái gì, làm ở đâu thì có hiệu quả nhất. Phải gấp rút kiện toàn Ủy ban đầu tư nhà nước, xét duyệt các đề án đầu tư, tránh bị sơ hở, chịu thiệt hại không đáng có. Phải chuẩn bị cán bộ, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất làm ăn với các nước, không bị mua chuộc, sa ngã.

Cần khắc phục hai xu hướng: ngần ngại không dám mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, quá dè dặt đối với những nguy cơ

có thể có khi mở cửa và xu hướng giản đơn, cường điệu hoá mặt tích cực, không thấy mặt phức tạp và không có biện pháp đề phòng các khả năng xấu có thể xảy ra. Vừa qua, chúng ta mới bắt đầu "mở cửa", mới cử một ít cán bộ ra nước ngoài mà đã có những sơ hở không đáng có. Cần rút kinh nghiệm, bổ sung những biện pháp cần thiết để làm mạnh hơn, có hiệu quả hơn.

Trước mắt, các tỉnh biên giới phía bắc và tây, tây nam cần tổ chức lại việc giao dịch buôn bán qua biên giới, thực hiện sự kiểm tra cần thiết của Nhà nước về hải quan, thuế, v.v. không để diễn biến tùy tiện như đã xảy ra ở một số nơi, nhất là phải ngăn chặn nạn buôn lậu.

- Về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và chống lạm phát.

Điều rất đáng mừng là nhiều đồng chí Trung ương đã nhất trí đối với những quan điểm và biện pháp đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Yêu cầu bức bách đặt ra hiện nay là thực hiện sự *quản lý kinh tế vĩ mô* đúng đắn của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Cách quản lý tập trung quan liêu bao cấp rõ ràng là không thích hợp, song quản lý một cách có kế hoạch nền kinh tế hàng hoá, sử dụng đúng đắn cơ chế thị trường là một điều mới mẻ, chưa có nước xã hội chủ nghĩa nào đã khẳng định là thành công. Chúng ta chủ trương vận dụng đầy đủ quan hệ hàng hoá - tiền tệ, quan hệ thị trường như những quan hệ tồn tại khách quan, thông qua hoạt động thị trường để gắn bó người sản xuất với người tiêu dùng, thực hiện cạnh tranh, làm cho sản xuất năng động hơn, có hiệu quả hơn. Thực tế cho thấy, không thể dùng mệnh lệnh hành chính để thay thế quan hệ thị trường. Đồng thời trong điều kiện mất cân đối gay gắt và kém phát triển hiện nay, thị trường của nước ta còn có những hạn chế: có tính độc quyền, tính địa phương còn đậm nét. Chúng ta phải tiếp tục thúc đẩy thị trường phát triển, để cho các thành phần kinh tế được tham gia một cách bình đẳng và hợp pháp, song không được buông lỏng việc quản lý và hướng dẫn. Cũng cần chỉ rõ rằng, thị trường

không bác bỏ kế hoạch, những đại lượng chủ yếu của thị trường như sức mua, quỹ hàng hoá, v.v.. Cần và có thể kế hoạch hoá ở mức độ nhất định. Nhà nước phải tác động đến cân đối tiền - hàng, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải nghiên cứu nhu cầu để kịp thời đáp ứng đòi hỏi của thị trường. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải đổi mới phương pháp kế hoạch hoá, thực hiện kế hoạch hoá cơ cấu kinh tế và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Thông qua các chính sách kinh tế, các công cụ như tài chính, ngân hàng, tín dụng, giá cả và lực lượng kinh tế, Nhà nước xã hội chủ nghĩa tác động đến thị trường, đến sản xuất và tiêu dùng trong xã hội. Đồng thời, Nhà nước phải chuyên chính đối với bọn phá hoại kinh tế, làm hàng giả, hàng rởm, buôn lậu, đầu cơ, chợ đen, kinh doanh phi pháp.

Một vấn đề nổi lên hiện nay là cần thực hiện đúng đắn *tập trung dân chủ*. Nhà nước trung ương nắm chắc những cái cần nắm mà không gò bó; phát huy mạnh mẽ dân chủ mà không dẫn đến tùy tiện, phân tán. Hiện nay, trung ương để tuột khỏi tay mình một phần không nhỏ ngoại tệ, tiền mặt, hàng hoá, một phần do cơ chế chính sách và tổ chức không đúng, một phần do kỷ luật kỷ cương không nghiêm. Mặt khác, còn quá nhiều những thủ tục tập trung quan liêu, gò bó ở các bộ, các tổng cục, quá nhiều quy định đòi hỏi phải xin phép, quy định từng vụ việc cụ thể, vừa không quan trọng đối với những cân đối kinh tế vĩ mô, vừa là cớ để phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, tham nhũng.

Phải thực hiện tập trung trên cơ sở bảo đảm lợi ích thoả đáng của các bên liên hệ, trên cơ sở hợp tác, phối hợp hoạt động giữa các ngành, các cấp về những vấn đề cơ bản, chính yếu, khắc phục tập trung quan liêu, gò bó. Cần phải tiếp tục phân định rõ hơn nữa nội dung sự lãnh đạo của Đảng về mặt kinh tế, phân định rõ quản lý nhà nước với quản lý của các tổ

chức sản xuất, kinh doanh. Chính sự thiếu rõ ràng hiện nay trong việc thực hiện các chức năng đang gây ra không ít rối ren, lộn xộn.

Một vấn đề rất cấp bách, nóng bỏng hiện nay là *chống lạm phát*. Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị đã khẳng định đúng đắn yêu cầu chống lạm phát. Qua quá trình thực hiện, mặc dầu còn những yếu kém và thiếu sót, từ giữa năm 1988 đến đầu năm 1989, chúng ta đã đạt được những chuyển biến bước đầu và thu được một số kinh nghiệm. Chúng ta thấy rõ hơn sự hoạt động yếu kém của tài chính và ngân hàng. Ngân sách, tiền mặt và tín dụng đang là những vấn đề nóng bỏng nhất hiện nay. Mới chưa hết quý I của năm 1989 mà ngân sách đã bội chi 212 tỷ đồng, bằng khoảng 70% của tổng số thu ngân sách quý I (312 tỷ). Bội chi tiền mặt trong quý này cũng đạt mức kỷ lục, chiếm 43% mức bội chi tiền mặt dự kiến cho cả năm 1989. Đã vậy mà nhiều nơi còn đang kêu thiếu gay gắt tiền để sản xuất, kinh doanh, để chi trả lương và các khoản khác. Tôi đề nghị Hội đồng Bộ trưởng cần khẩn trương chỉ đạo xử lý hai vấn đề mấu chốt này.

Trên cơ sở đề án chống lạm phát vừa được xây dựng, Hội đồng Bộ trưởng cần có biện pháp cụ thể và bước đi vững chắc để triển khai thực hiện.

- Một số vấn đề về đối ngoại và quốc phòng, an ninh

Chúng ta luôn coi việc tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, chúng ta tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa khác, với các nước đang phát triển, đặc biệt là Ấn Độ.

Hiện nay, trên thế giới đang xuất hiện xu thế đối thoại, hoà dịu, song không phải vì thế mà không còn đấu tranh chống nguy cơ thảm hoạ hạt nhân, chống chiến tranh cục bộ và chủ

nghĩa thực dân mới về kinh tế của chủ nghĩa đế quốc. Chúng ta tranh thủ hoà bình, nhưng không phải vì thế mà lơ là cảnh giác, từ bỏ đấu tranh, từ bỏ cách mạng. Chỉ thấy một mặt đấu tranh, không thấy xu thế đối thoại là không đúng. Ngược lại, chỉ thấy mặt hoà hoãn, "hoà nhập", "sống chung một ngôi nhà" cả chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội là không đúng. Quan điểm của chúng ta là đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị, xã hội khác nhau. Tuy hình thức, sách lược có ít nhiều thay đổi, nhưng bản chất của chủ nghĩa đế quốc không thay đổi. Chúng ta tiếp tục ủng hộ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản, phong trào đòi dân chủ, tiến bộ và độc lập dân tộc của các nước.

Quan hệ giữa ba đảng và nhân dân ba nước Việt Nam - Lào và Campuchia là quan hệ đặc biệt. Đảng ta coi quan hệ đặc biệt đó là tài sản quý báu, là quy luật sống còn của cách mạng mỗi nước và của cả ba nước và sẽ làm hết sức mình để vun đắp cho mối quan hệ đó.

- Một số vấn đề về chính sách xã hội.

Trên lĩnh vực chính sách xã hội, bên cạnh những tác động tích cực của kinh tế đối với sinh hoạt xã hội, chúng ta có không ít thiếu sót, có nhiều lĩnh vực chưa được chú ý đầy đủ. Các đồng chí đã lưu ý các vấn đề của miền núi và đồng bào dân tộc, vấn đề xây dựng con người mới, chống tội phạm, mê tín dị đoan, những vấn đề về thanh niên, y tế, giáo dục... Đối với miền núi phía bắc và Tây Nguyên, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng sẽ xúc tiến để sớm có cuộc họp bàn và ra nghị quyết. Các vấn đề xã hội, như giáo dục, y tế và các chính sách xã hội khác phù hợp với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần cũng nằm trong dự kiến chương trình phải giải quyết tới đây. Trong khi ra sức phát triển sản xuất, thúc đẩy việc mở rộng kinh tế hàng hoá, mở cửa về kinh tế với

nước ngoài, chúng ta càng phải quan tâm hơn nữa đến việc phát huy bản chất tốt đẹp của con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi sự trỗi dậy của những tàn dư xã hội cũ, chống sự xâm nhập của văn hoá đồi trụy, phản động từ nước ngoài, tiếp thu có chọn lọc nền văn hoá thế giới, kế thừa và phát triển nền văn hoá các dân tộc trên đất nước ta.

- Về đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị và công tác cán bộ

Đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội tất yếu đòi hỏi phải đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị theo hướng tiếp tục phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đây là một lĩnh vực mà chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm, nhưng chúng ta phải kiên quyết làm, đồng thời lưu ý phải tiến hành thận trọng, có chuẩn bị chu đáo, không để xảy ra những hậu quả xấu không đáng có.

Chúng ta phải nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời thay đổi phương pháp lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước. Mọi ý đồ thấp hoặc vô hiệu hoá sự lãnh đạo của Đảng, tạo ra những đối trọng chính trị với Đảng trong xã hội, nhất định phải được ngăn chặn. Một số người có dụng ý xấu cho rằng lực cản quá trình đổi mới và dân chủ hoá là Đảng và Ban lãnh đạo của Đảng ta. Họ quên rằng, chính Đảng ta đã khởi xướng chủ trương đổi mới, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa và hiện nay đang tích cực thúc đẩy quá trình này. Chúng ta không cho phép những kẻ lợi dụng dân chủ và công khai để đả kích vào Đảng và sự lãnh đạo của Đảng. Cần phân biệt rõ sự phê bình mang tính chất xây dựng với thái độ đả kích, kích động nhằm hạ thấp uy tín của Đảng và Nhà nước.

Để mở rộng dân chủ, chúng ta phải kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, đề cao vai trò của Quốc hội và cơ quan dân cử các cấp, phát huy đầy đủ vai trò của các tổ chức quần chúng, chúng ta chủ trương mở rộng dân chủ thực hiện tranh luận để đi đến nhất trí nhưng chúng ta không chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Dân chủ phải có sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời sự lãnh đạo của Đảng cũng phải dựa trên phương pháp dân chủ.

Vấn đề cán bộ đã được đề cập đến nhiều trong hội nghị này. Nhiều ý kiến đề nghị phải quan tâm hơn nữa đến công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đổi mới cơ chế tuyển chọn cán bộ, giảm biên chế và bớt khâu trung gian. Bộ Chính trị lưu ý đến các kiến nghị đó và sẽ có kế hoạch triển khai công tác này khẩn trương hơn và có hiệu quả hơn.

*

* *

Sau cùng, tôi xin nói một số vấn đề về tổ chức thực hiện nghị quyết. Do tính chất và nội dung của nó, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 có ý nghĩa rất quan trọng. Vì vậy, để nghị quyết sớm đi vào cuộc sống, tôi đề nghị cần làm mấy việc lớn sau đây:

1. Các cấp ủy đảng chỉ đạo các ban, ngành có kế hoạch triển khai phổ biến sâu rộng bản nghị quyết này từ trong Đảng cho đến quần chúng với những hình thức thích hợp. Các trường đảng, các cơ quan giáo dục vận dụng tinh thần và nội dung của nghị quyết để biên soạn lại giáo khoa, giáo trình và bài giảng. Các viện nghiên cứu, các cơ quan tuyên huấn, các phương tiện thông tin đại chúng phân công nhau viết các bài hoặc chuyên đề giới thiệu sâu từng nội dung của bản nghị quyết gắn liền với việc giới thiệu các mô hình tốt, cách làm

hay, phê phán các quan điểm và nhận thức lệch lạc, mơ hồ. Từ đó, tạo ra sự thống nhất về nhận thức và hành động trên cơ sở tư duy mới, tạo ra niềm tin trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.

2. Thể chế hoá nghị quyết thành các chính sách, các quy định và luật lệ phù hợp, đúng đắn và với tinh thần khẩn trương. Chúng ta hiểu, đây là công việc rất phức tạp và khó khăn. Nhưng nếu không bắt tay thực hiện khẩn trương thì nghị quyết của Đảng không đi vào cuộc sống được. Trong Hội nghị này, Hội đồng Bộ trưởng đã trình đề án về ba chương trình kinh tế cho cả nước và đề án chống lạm phát. Còn nhiều vấn đề khác cần được tiếp tục cụ thể hoá, theo thứ tự ưu tiên. Dĩ nhiên là phải tiến hành nghiên cứu thấu đáo, nghiêm túc, nhưng cũng không nên quá cầu toàn. Quá trình thực hiện sẽ bổ sung hoàn chỉnh dần.

3. Các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp cần xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị gắn liền với việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1989. Có biện pháp toàn diện để củng cố kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã. Tập trung chấn chỉnh, tháo gỡ các vấn đề đang gây cản trở cho đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là vấn đề tài chính, tín dụng và tiền mặt.

Sau Hội nghị Trung ương 6, Bộ Chính trị cũng sẽ xây dựng chương trình thực hiện các nhiệm vụ quan trọng mà Hội nghị chúng ta lưu ý như công tác giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật, chính sách đối với miền núi, công tác thanh niên, các đoàn thể quần chúng, v.v..

Trong quá trình tiếp tục sự nghiệp đổi mới, chắc chắn sẽ có nhiều vấn đề mới nảy sinh, đồng thời bên cạnh những mặt tích cực, có không ít mặt tiêu cực, đó là điều không tránh

khỏi. Vấn đề quan trọng là phải theo dõi sát sao, phát hiện kịp thời để uốn nắn các lệch lạc, vun trồng những mầm non mới. Quyết không dao động, chùn bước, không vì khó khăn phức tạp mà quay trở lại cách làm cũ, lỗi thời. Gặp những vấn đề mới còn có nhiều ý kiến khác nhau, chưa phân biệt đúng, sai thì tiến hành làm thử để rút kinh nghiệm, cuối cùng thực tiễn sẽ trả lời đâu là chân lý.

Thư các đồng chí,

Kinh nghiệm của Đảng ta là mỗi khi cách mạng gặp khó khăn, nếu Đảng đề ra được những chủ trương đúng đắn và tạo ra được niềm tin trong Đảng và trong nhân dân thì cách mạng có thể vượt qua được mọi khó khăn, thử thách và giành thắng lợi.

Hiện nay chúng ta đang tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

Nghị quyết Đại hội VI đã chỉ ra những phương hướng cơ bản của sự nghiệp này. Lần này, Hội nghị Trung ương 6 lại trang bị thêm cho chúng ta những quan điểm mới, cụ thể hoá và phát triển hơn so với Nghị quyết Đại hội VI, đó là kim chỉ nam giúp chúng ta vững bước trong thời gian tới.

Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương cần truyền đạt tinh thần và nội dung của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 và truyền niềm tin do kết quả của Hội nghị mang lại đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm làm bật dậy tiềm lực tinh thần và vật chất to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hoá, xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Với tinh thần và nghị lực mới do kết quả của Hội nghị Trung ương 6 mang lại, chắc chắn rằng, mục tiêu của Đại hội

VI nhất định sẽ trở thành hiện thực.
Với niềm tin tưởng đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Ban
Chấp hành Trung ương lần thứ sáu của chúng ta.
Xin cảm ơn sự chú ý của các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)

Kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới

Từ ngày 20-3 đến 29-3-1989, tại Hà Nội, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) đã họp để kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và xác định phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã phát biểu những ý kiến quan trọng khai mạc và kết luận Hội nghị.

Hội nghị Trung ương 6 đã thảo luận dân chủ và nhất trí khẳng định rằng, chấp hành Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, hai năm qua, trong hoàn cảnh kinh tế, xã hội có nhiều khó khăn, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã triển khai công cuộc đổi mới trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là về kinh tế và *đã thu được những kết quả bước đầu quan trọng*:

- Đã thực hiện việc chuyển hướng xây dựng cơ cấu kinh tế, bắt đầu hình thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, điều chỉnh một bước cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung cho mục tiêu của ba chương trình kinh tế. Việc cải tiến cơ chế quản lý đã tạo ra động lực mới trong sản xuất, rõ nhất là trong khu vực

nông nghiệp. Trong khu vực kinh tế quốc doanh, tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã xuất hiện những đơn vị làm ăn giỏi.

- Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội VI của Đảng được phát triển sâu sắc thêm, đang trở thành động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới.

- Đã điều chỉnh chiến lược bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ trên các chiến trường, giảm quân số và chấn chỉnh quân đội thường trực, tăng cường thể trận chiến tranh nhân dân. Đã có những chuyển hướng về công tác bảo vệ an ninh chính trị phù hợp với tình hình mới.

- Tăng cường đoàn kết và đổi mới sự hợp tác trên nhiều mặt và tăng cường đoàn kết với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Đang chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đối ngoại, từng bước mở ra những khả năng thuận lợi mới để phát triển quan hệ hợp tác với các nước láng giềng và các nước khác trên thế giới.

- Những kết quả trên gắn liền với những kết quả bước đầu trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ.

Thực tế khẳng định *đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn*. Đi theo con đường đó, nhân dân ta đang từng bước khắc phục khó khăn, tập trung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, cho đến nay, những tiến bộ đạt được chưa đồng bộ và cơ bản, tình hình kinh tế, xã hội *còn nhiều khó khăn gay gắt*.

Nhưng qua hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, chúng ta đã *thấy rõ thêm hướng đi, những giải pháp và có thêm những thuận lợi mới để từng bước đưa nước ta vượt ra khỏi giai đoạn khó khăn*.

Hội nghị Trung ương đã phân tích những *nguyên nhân khách quan và chủ quan* làm cho tình hình kinh tế - xã hội chậm được khắc phục.

Hai năm qua, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết, cụ thể hoá và phát triển Nghị quyết Đại hội VI, đã đề ra ngày càng rõ nét nội dung đổi mới về kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác tư tưởng và văn hoá, văn nghệ, về xây dựng Đảng, v.v. Các cơ quan nhà nước đã cố gắng thể chế hoá nghị quyết của Đảng và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Song, công tác lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý nhà nước có *nhều thiếu sót*. Đó là chậm tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ một số quan điểm và bước đi trong quá trình đổi mới. Việc thể chế hoá các nghị quyết của Đảng chậm và có trường hợp chưa trúng, chưa nhất quán; công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức cán bộ của Đảng và Nhà nước đổi mới chậm; công tác lãnh đạo tư tưởng thiếu chủ động, chưa dự kiến được những khuynh hướng sai lệch có thể nảy sinh trong quá trình đổi mới để kịp thời uốn nắn.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định những quan điểm và phương hướng lớn chỉ đạo công cuộc đổi mới trong ba năm tới, tiếp tục đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu nhằm đạt mục tiêu chung là ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội và tạo thêm tiền đề để tiến lên.

Chúng ta thực hiện mục tiêu trên trong tình hình kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn. Song, có nhiều khả năng và thuận lợi mới:

- Tiềm năng vật chất và trí tuệ của con người Việt Nam, của các thành phần kinh tế còn nhiều nhưng chưa được khai thác đầy đủ. Đó là những lực lượng dự trữ lớn cho sự phát triển kinh tế.

- Các chủ trương, chính sách đổi mới về kinh tế ngày càng phù hợp và đồng bộ sẽ phát huy tác dụng mạnh mẽ hơn trong cuộc sống.

- Điều kiện vật chất của nền kinh tế trong ba năm tới sẽ được tăng thêm, một phần quan trọng do những công trình lớn xây dựng mấy năm trước đây bắt đầu đưa vào sản xuất.

- Giao lưu và hợp tác kinh tế quốc tế giữa nước ta với các nước trên thế giới sẽ ngày càng mở rộng.

Trong quá trình triển khai công cuộc đổi mới, phải *quán triệt những nguyên tắc cơ bản* sau đây:

- Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng ta. *Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta*. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới tư duy là nhằm khắc phục những quan niệm không đúng*, làm phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là *tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính vô sản*, làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động và có hiệu quả hơn.

- Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Phải phê phán những khuynh hướng phủ nhận hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời lắng nghe, tiếp nhận những ý kiến trung thực phê bình những khuyết điểm trong sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng.

- Mở rộng dân chủ các lĩnh vực của đời sống xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu và là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là *dân chủ xã*

hội chủ nghĩa, không phải dân chủ tư sản. Dân chủ phải đi đôi với tập trung, với kỷ luật, ý thức trách nhiệm công dân và tôn trọng pháp luật. *Dân chủ phải có lãnh đạo*, lãnh đạo để phát huy dân chủ đúng hướng và lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ. Dân chủ với nhân dân nhưng phải nghiêm trị những kẻ phá hoại thành quả cách mạng, an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- *Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại* trong điều kiện mới.

Trên cơ sở những nguyên tắc nói trên và căn cứ vào những kết luận được rút ra qua tổng kết thực tiễn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, trong thời gian tới, công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực cần được tiếp tục đẩy mạnh theo những quan điểm và phương hướng, chủ trương lớn sau đây:

- Điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế; khai thác mọi nguồn về đầu tư và đổi mới cơ chế đầu tư. Triển khai mạnh việc thực hiện và tiếp tục bổ sung ba chương trình kinh tế của cả nước đã được xây dựng, tập trung vào mục tiêu lương thực - thực phẩm, một số hàng tiêu dùng thiết yếu và một số hàng xuất khẩu chủ lực. Hình thành từng bước chiến lược kinh tế - xã hội, để định hướng cho việc bố trí cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư trong kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 và cho việc mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

- Thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng mọi năng lực sản xuất. Đó là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, bảo đảm cho mọi người được tự do làm ăn theo pháp luật, là tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách có hiệu quả theo quan điểm đúng đắn mà Đại hội VI đã đề ra.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm phát

triển kinh tế hàng hoá có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Kiểm chế và đẩy lùi lạm phát là nhiệm vụ cấp bách nhất, là vấn đề kinh tế, xã hội và chính trị nóng bỏng, là điều kiện tiên quyết để đưa tình hình kinh tế, xã hội ra khỏi khủng hoảng đi vào thế ổn định và phát triển. Chống lạm phát phải trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý, chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, giải phóng triệt để năng lực sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Phát huy vai trò động lực của khoa học, kỹ thuật gắn với yêu cầu phát triển kinh tế hàng hoá.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, tăng nhanh nguồn thu ngoại tệ, thu hút nguồn vốn và tiến bộ kỹ thuật của nước ngoài, để phát triển có hiệu quả nền kinh tế quốc dân.

- Tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách về chính sách xã hội phù hợp với việc đổi mới các chính sách kinh tế, bảo đảm sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

- Đề cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, an ninh đất nước, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

- Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhằm giữ vững hoà bình, tranh thủ mọi thời cơ và điều kiện thuận lợi để từng bước ổn định phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

- Xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị; đổi

mối công tác tư tưởng và công tác cán bộ nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò tích cực và năng lực sáng tạo của nhân dân, ngăn chặn có hiệu quả chủ nghĩa quan liêu, những tư tưởng lệch lạc, tạo ra động lực tổng hợp của xã hội. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng là một trong những Hội nghị quan trọng nhất từ sau Đại hội VI đến nay. Nghị quyết của Hội nghị là cơ sở quan trọng để thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, củng cố kỷ luật, kỷ cương và sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và trong nhân dân, tạo ra phong trào hành động cách mạng sôi nổi, liên tục, nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu do Đại hội VI đề ra. Các cấp uỷ Đảng cần có chương trình cụ thể tổ chức quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết này trong toàn Đảng và trong nhân dân.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng rằng, với những kinh nghiệm đã tích lũy được trong hơn hai năm qua, với quyết tâm và niềm tin mới do thực tiễn mang lại, với truyền thống đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân ta, chúng ta nhất định sẽ vượt qua được khó khăn, tạo ra một bước ngoặt quan trọng, tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi mới.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
 Số 50-CT/TW, ngày 3 tháng 4 năm 1989

Về việc tổ chức thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI)

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) đã kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, khẳng định đường lối đổi mới đúng đắn của Đại hội, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những chủ trương lớn trong ba năm tới. Nghị quyết Hội nghị Trung ương là cơ sở để tăng cường sự thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng và nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, nhằm đạt mục tiêu chung là ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội.

Để thực hiện nghị quyết của Trung ương, các cấp uỷ đảng, các ban, ngành cần làm tốt những việc sau đây:

1. *Tổ chức phổ biến sâu rộng nghị quyết của Trung ương*, làm cho mọi người nhất trí về đánh giá tình hình hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, nhất là nhận thức đúng những kết quả bước đầu quan trọng, những khó khăn và khuyết

điểm phải khắc phục, những tiến bộ và thuận lợi cần được phát huy, nâng cao niềm tin ở đường lối đổi mới của Đảng. Công tác tuyên truyền phổ biến nghị quyết cần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động quán triệt những quan điểm mới, những phương hướng và chủ trương lớn mà nghị quyết Trung ương đã đề ra, nhất là về điều chỉnh cơ cấu kinh tế, khai thác mọi nguồn vốn đầu tư và đổi mới cơ chế đầu tư; thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần; đổi mới cơ chế quản lý, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh; kiểm chế và đẩy lùi dần lạm phát; xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị...

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban của Trung ương Đảng cùng với các đảng uỷ trực thuộc Trung ương họp cấp uỷ để nghiên cứu nghị quyết và đề ra chương trình tổ chức thực hiện, sau đó mở hội nghị cán bộ và chỉ đạo các cấp quán triệt đến tận đảng viên vào cuối quý II-1989. Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn việc nghiên cứu nghị quyết theo yêu cầu nói trên và biên soạn tài liệu giải thích đối với đảng viên và quần chúng ở cơ sở. Các đoàn thể quần chúng tổ chức sinh hoạt với những hình thức thích hợp để tuyên truyền phổ biến nghị quyết của Đảng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đoàn thể mình. Đưa nội dung nghị quyết vào chương trình giáo dục, bồi dưỡng cán bộ trong các trường của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, vào chương trình nghiên cứu của các cơ quan nghiên cứu lý luận.

Báo, đài và các cơ quan thông tin đại chúng khác làm rõ những nội dung cơ bản của nghị quyết, thông tin và giải thích kịp thời các chủ trương, chính sách mới, phát hiện và giới thiệu những kinh nghiệm tốt, những điển hình sản xuất

kinh doanh giỏi, những cách làm hay, phê phán các quan điểm, nhận thức lệch lạc.

2. *Hội đồng Bộ trưởng* có chương trình thể chế hoá và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, trước hết giải quyết những vấn đề có liên quan trực tiếp đến ba chương trình kinh tế, sản xuất và cung ứng lương thực, phân phối lưu thông, ngân sách, tiền mặt, chống lạm phát; bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế quốc doanh, đổi mới cơ chế quản lý, ban hành kịp thời những chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển kinh tế hàng hoá và giải quyết những vấn đề xã hội cấp bách...

3. *Các ban của Trung ương Đảng* có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan nghiên cứu và chuẩn bị các đề án cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các chủ trương, chính sách cụ thể.

4. *Về tổ chức chỉ đạo thực hiện*, lãnh đạo của các ngành và các cấp uỷ đảng có chương trình bàn từng chuyên đề gắn với thực hiện kế hoạch Nhà nước, phù hợp với đặc điểm và thực tế từng nơi nhằm đem lại hiệu quả thiết thực trên từng lĩnh vực như ba chương trình kinh tế, củng cố kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, thực hiện chính sách đối với phát triển kinh tế gia đình, cá thể và tư nhân, đảng viên làm kinh tế, xây dựng miền núi, chính sách dân tộc, kiện toàn tổ chức cán bộ, xây dựng hệ thống luật pháp...

Cấp uỷ đảng phải lãnh đạo, kiểm tra chính quyền và các ngành, các đoàn thể trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6, vừa phát huy dân chủ, tính năng động, sáng tạo của các cấp và từng người lao động, vừa giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng và Nhà nước, kịp thời phát hiện, bồi dưỡng nhân tố mới, coi trọng công tác tổng kết kinh nghiệm.

Mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ quan, đơn vị có chương trình hành động cụ thể từng quý, từng tháng, phấn đấu từ nay đến cuối năm 1989 tạo cho được một số chuyển biến tích cực, chào mừng những ngày kỷ niệm lớn năm 1990.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 84-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1989

Về việc tổ chức lại Ban Đảng

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng (Khoá VI), Xét tính chất công tác và tổ chức bộ máy các cơ quan đảng hiện nay,

BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thống nhất Ban Công nghiệp Trung ương với Ban Kinh tế Trung ương, lấy tên là Ban Kinh tế Trung ương.

Điều 2: Cử đồng chí Đỗ Chính, Ủy viên Trung ương Đảng, làm Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.

Điều 3: Ban Kinh tế Trung ương có trách nhiệm xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy mới của Ban và báo cáo Ban Bí thư xem xét quyết định.

Điều 4: Ban Công nghiệp Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị

Trung ương, Văn phòng Trung ương và đồng chí Đỗ Chính có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 85-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1989

Về việc tổ chức lại Ban Đảng

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng (Khoá VI), Xét tính chất công tác và tổ chức bộ máy các cơ quan đảng hiện nay,

BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thống nhất Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương với Ban Tuyên huấn Trung ương, lấy tên là Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương.

Điều 2: Cử đồng chí Trần Trọng Tân, Ủy viên Trung ương Đảng, làm Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương.

Điều 3: Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có trách nhiệm xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy mới của Ban và báo cáo Ban Bí thư xem xét quyết định.

Điều 4: Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương và đồng chí Trần Trọng Tân có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 51-CT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1989

Về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam

Từ ngày 1-4-1969 đến nay, Hội Người mù nước ta đã trải qua 20 năm hoạt động. Hội đã tập hợp được 6.000 hội viên ở 17 tỉnh, thành với 120 chi hội cơ sở. Hội đã có nhiều cố gắng phổ biến chữ nổi làm cho hội viên biết đọc và viết chữ nổi; ra sách báo và tổ chức các sinh hoạt văn hoá; mở các lớp dạy nghề và tổ chức nhiều cơ sở sản xuất của người mù. Hội Người mù Việt Nam là thành viên của Hiệp hội Người mù thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự bảo trợ của Nhà nước, sự giúp đỡ của các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc, những hoạt động của Hội đã tỏ rõ tinh thần nhân đạo và tính ưu việt của chế độ ta.

Tuy vậy, tổ chức của Hội vẫn còn quá hẹp, mới có 6.000 hội viên so với 55 vạn người mù cả nước; còn quá nửa số tỉnh, thành trong cả nước chưa có tổ chức Hội.

Trong hoạt động, Hội Người mù còn nhiều khó khăn về cán bộ và cơ sở vật chất.

Nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Hội Người mù Việt Nam, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, các ngành, các tổ chức xã hội quan tâm giúp đỡ người mù trong đời sống hàng ngày và Hội Người mù hoạt động đạt nhiều kết quả hơn nữa. Cụ thể là:

1. Các cơ quan thông tin văn hoá cần tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân chủ trương của Đảng và Nhà nước ta coi việc chăm sóc, giúp đỡ người tàn tật nói chung và người mù nói riêng là một trong những vấn đề quan trọng của chính sách xã hội mà Đại hội VI của Đảng đã nêu lên; đề cao tinh thần nhân đạo và ý thức trách nhiệm của mọi ngành, mọi cấp, mọi người quan tâm chăm sóc, giúp đỡ người tàn tật.

2. Ở các tỉnh chưa có tổ chức Hội Người mù thì cấp uỷ, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc cần tích cực lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ làm nòng cốt xúc tiến lập Hội để đến hết năm 1990 các tỉnh, thành trong cả nước đều có tổ chức Hội.

3. Hội Người mù Việt Nam là một tổ chức xã hội được Nhà nước bảo trợ. Hội có nhiệm vụ đoàn kết và chăm sóc người mù, trước hết là giúp người biết chữ và tham gia lao động sản xuất theo khả năng. Các ngành chính quyền, trước hết là các ngành lao động - thương binh và xã hội, tài chính, kế hoạch, tổ chức, cần soát xét và bổ sung các quy định để tạo thuận lợi cho Hội Người mù trong công tác cán bộ, kinh phí và phương tiện hoạt động, lập thêm các cơ sở văn hoá và sản xuất của người mù.

chỉ thị của ban bí thư số 50-ct/tw... 1053

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành viên của Mặt
trận cần động viên các tổ chức và các tầng lớp nhân dân tích

1054 văn kiện đảng toàn tập

cực giúp đỡ người mù trong cuộc sống, phối hợp và giúp đỡ Hội Người mù tích cực xây dựng Hội và tăng cường hoạt động của mình.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 132-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 1989

**Về việc bầu bổ sung
Ủy viên Trung ương chính thức**

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu (Khoá VI) họp từ ngày 20-3-1989 đến ngày 29-3-1989 đã bầu ba đồng chí Ủy viên Trung ương dự khuyết sau đây làm Ủy viên Trung ương chính thức:

1. Nông Đức Mạnh, Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Thái,
2. Lê Huy Ngọ, Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá,
3. Trương Thị Mỹ Hoa, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Xin thông báo để các đồng chí biết.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 86-QĐ/TW, ngày 14 tháng 4 năm 1989

Về chia tỉnh Bình Trị Thiên

Căn cứ vào kiến nghị của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên,

Căn cứ vào thực tiễn mọi mặt của tỉnh Bình Trị Thiên,

BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH:

1. Cho chia tỉnh Bình Trị Thiên,
2. Giao cho Hội đồng Bộ trưởng làm việc với Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên nghiên cứu phương án chia và sớm trình Bộ Chính trị quyết định.
3. Việc chia tỉnh phải được chuẩn bị thật chu đáo về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, kinh tế, xã hội, chế độ, chính sách, bảo đảm phát huy thế mạnh và khả năng của các địa phương, giải phóng mọi năng lực sản xuất, giữ vững an ninh,

trật tự, củng cố quốc phòng, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường đoàn kết nhất trí trong các đảng bộ và nhân dân.

4. Giao cho các đồng chí lãnh đạo Hội đồng Nhà nước, Quốc hội, Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo làm các thủ tục cần thiết để việc chia tỉnh tiến hành theo đúng Hiến pháp và luật pháp.

Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Ban Tổ chức của Chính phủ có trách nhiệm cử cán bộ giúp tỉnh Bình Trị Thiên trong quá trình chia tỉnh.

Tỉnh uỷ Bình Trị Thiên có trách nhiệm lãnh đạo các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh giữ vững các hoạt động bình thường cho đến khi hoàn thành việc chia tỉnh.

5. Ban Bí thư có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 135-TB/TW, ngày 18 tháng 4 năm 1989

Về việc tiến hành thống nhất Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương với Ban Tuyên huấn Trung ương

Ngày 18-4-1989, Ban Bí thư đã làm việc với đồng chí Trần Độ, nguyên Trưởng Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, về việc thực hiện Quyết định của Bộ Chính trị số 85-QĐ/TW, ngày 11-4-1989 về việc tổ chức lại Ban Đảng.

Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Quyết định của Bộ Chính trị số 85-QĐ/TW, ngày 11-4-1989 thống nhất Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương với Ban Tuyên huấn Trung ương, lấy tên là Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, là sự tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TW, ngày 22-7-1986 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá V), Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá VI) và phương án "Đổi mới và kiện toàn tổ chức của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể" đã được Bộ Chính trị thông qua ngày 12-1-1989 nhằm sắp xếp lại hợp lý, tinh gọn bộ máy giúp việc của Trung ương Đảng.
2. Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương bàn giao ngay, càng sớm càng tốt, mọi công việc và cơ quan cho Ban Tư tưởng -

Văn hoá Trung ương, kể cả những việc Ban đang làm dở như theo dõi đại hội của một số hội Văn nghệ, dự thảo một số văn bản chỉ đạo văn hoá, văn nghệ,...

3. Đồng chí Nguyễn Đức Tâm, thay mặt Ban Bí thư chỉ đạo việc bàn giao, gặp các đồng chí ở chi bộ Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra việc bàn giao.

4. Tờ *Thông tin Văn hoá - Văn nghệ* của Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương giao lại Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và không chuyển tờ *Thông tin Văn hoá - Văn nghệ* thành tạp chí định kỳ.

5. Đồng chí Trần Độ tiếp tục là thành viên của Hội đồng Tư tưởng.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**
Số 25-TT/TW, ngày 4 tháng 5 năm 1989

**Về việc tham gia Đại hội liên hoan thanh niên
và sinh viên thế giới lần thứ 13**

Đại hội liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 13 (Festival 13) sẽ được tổ chức từ ngày 1 đến ngày 8-7-1989 tại Bình Nhưỡng - Thủ đô nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên với khoảng 15.000 đại biểu từ 170 nước, với khẩu hiệu "Vì tình đoàn kết chống đế quốc, vì hoà bình và hữu nghị". Đoàn đại biểu thanh niên và sinh viên Việt Nam tham gia Đại hội gồm 250 người. Đây là cuộc biểu dương lực lượng chính trị hùng hậu của thanh niên và sinh viên tiến bộ, dân chủ toàn thế giới.

Đại hội diễn ra vào lúc tình hình khu vực Đông Nam Á và thế giới đang có những chuyển biến quan trọng, phong trào thanh niên và sinh viên trên thế giới đang có sự đổi mới sâu sắc.

Thanh niên và sinh viên nước ta tham gia Festival 13 là thực hiện trách nhiệm quốc tế đối với phong trào thanh niên và sinh viên thế giới, đồng thời để tranh thủ sự đồng tình, ủng

hộ của thanh niên và sinh viên thế giới đối với công cuộc đổi mới của nhân dân ta theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chỉ đạo thành lập Ủy ban trừ bị quốc gia của Việt Nam để chuẩn bị tham gia Festival 13, và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đoàn đại biểu nước ta.

Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu:

1. Các cấp uỷ đảng chỉ đạo các cấp Đoàn thanh niên cử các đại biểu theo đúng cơ cấu và tiêu chuẩn: là những thanh niên có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực mình hoạt động, có trình độ chính trị và đạo đức tốt, hoạt bát và có khả năng giao tiếp một cách có văn hoá. Chọn những đại biểu thực sự có năng lực và phẩm chất tốt, hiểu các vấn đề trong nước, nắm vững chính sách đối ngoại của Đảng ta, có ngoại ngữ, có kiến thức sâu về từng chuyên đề để tham gia các hoạt động chính trị của Festival 13. Chọn những nghệ sĩ trẻ xuất sắc để tham gia các hoạt động nghệ thuật. Đoàn đại biểu ta tham gia Festival 13 phải được lãnh đạo tốt về tư tưởng, chính trị và tổ chức, bảo đảm nâng cao uy tín của thanh niên, sinh viên và nhân dân ta, góp phần làm cho Festival 13 thành công tốt đẹp.
2. Phát động trong thanh niên, sinh viên phong trào hưởng ứng Festival 13 bằng những việc làm thiết thực qua đó giáo dục lý tưởng cách mạng, ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ đối với Tổ quốc và nhân dân, tinh thần quốc tế và xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh.
3. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hoá,

Bộ Nội vụ phối hợp giúp Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuẩn bị về lập đoàn đại biểu và nội dung hoạt động chính trị, nghệ thuật của đoàn.

4. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Hàng không dân dụng, Tổng cục Hải quan và các bộ, ngành có liên quan giúp Đoàn đại biểu thanh niên và sinh viên ta giải quyết kịp thời các vấn đề về tài chính, vật chất, thanh toán cước phí và những vấn đề khác.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 87-QĐ/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1989

Về việc chia tỉnh

Tại phiên họp ngày 7-5-1989,

Sau khi nghe báo cáo của Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng,
Xét nguyện vọng của Đảng bộ, nhân dân và thực tế của tỉnh
Bình Trị Thiên,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Cho chia tỉnh Bình Trị Thiên, lập thành ba tỉnh: tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên - Huế.
Giao Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng làm các thủ tục đề nghị Hội đồng Nhà nước trình Quốc hội cho chia tỉnh Bình Trị Thiên thành ba tỉnh nói trên.
2. Tỉnh ủy Bình Trị Thiên có trách nhiệm lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân chia tỉnh đạt yêu cầu do Bộ Chính trị đã đề ra.
Việc lập các thị xã mới và các cơ quan mới phải triệt để tiết kiệm, tận dụng các cơ sở sẵn có, hạn chế việc xây dựng

mới trụ sở, hội trường, tập trung vốn, vật tư cho sản xuất, bảo vệ tốt tài sản xã hội chủ nghĩa.

3. Phân công đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước chỉ đạo việc chia tỉnh Bình Trị Thiên thành ba tỉnh.

Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức Chính phủ có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên về sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ trong quá trình chia tỉnh cho đến khi ba tỉnh mới lập xong và đi vào hoạt động bình thường.

4. Giao Ban Bí thư lãnh đạo tư tưởng các tỉnh ủy, ngoài các Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, Nghĩa Bình, Phú Khánh, không đặt ra việc chia thêm một tỉnh, thành nào khác. Hội đồng Bộ trưởng cũng trình vấn đề này ra kỳ họp tới của Quốc hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 89-QĐ/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1989

Về việc quản lý tập trung toàn bộ tài liệu lưu trữ về thân thể, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh

- Thực hiện Quyết định số 20-QĐ/TW, ngày 23-9-1987 của Ban Bí thư về Phòng lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam,
- Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu về thân thể, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Toàn bộ tài liệu về thân thể, sự nghiệp hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là di sản rất quý báu của Đảng, Nhà nước và dân tộc ta, trong đó có nhiều tài liệu thuộc loại tuyệt mật và tối mật, phải được quản lý tập trung thống nhất, sử dụng theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Không một cá nhân, tổ chức nào được giữ lại để dùng riêng những tài liệu lưu trữ về thân thể, sự nghiệp, hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và bản sao những tài liệu

mật của Người và liên quan đến Người chưa được phép công bố.

2. Trước mắt, trong tháng 6-1989, Bảo tàng Hồ Chí Minh giao Cục Lưu trữ Trung ương Đảng những bản tài liệu gốc và bản tài liệu chính (hoặc bản sao có giá trị như bản chính) về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà Bảo tàng còn giữ: *Di chúc*, báo cáo, luận văn chính trị, lời kêu gọi, huấn thị, diễn văn, trả lời phỏng vấn, sổ tay, nhật ký, biên bản các cuộc họp hội nghị ở trong nước, các cuộc đi thăm nước ngoài, tiếp khách nước ngoài, thơ, truyện ký, tranh vẽ, bài báo, thư từ, điện văn..., các văn kiện của Đảng và của Nhà nước mà Người ký tên đã được xuất bản và chưa xuất bản, cũng như các bút tích của Người trên các sách, báo, tài liệu và văn hoá phẩm, các phim, ảnh, băng ghi âm, đĩa ghi âm có liên quan đến hoạt động của Người, v.v..

Từ nay đến hết tháng 9-1989, các cơ quan Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Bảo tàng cách mạng, Cục Lưu trữ Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Nhà xuất bản Sự thật, Viện Mác - Lênin, Bộ Văn hoá... và các cơ quan khác ở các cấp, các ngành cũng giao những loại tài liệu nói trên mà các cơ quan đó còn giữ cho Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Cục Lưu trữ Trung ương Đảng có trách nhiệm tiếp nhận, tập hợp các tài liệu, tư liệu lưu trữ nói trên báo cáo Ban Bí thư; trên cơ sở đó, Ban Bí thư sẽ quyết định giao dần về Phòng lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Việc công bố (bằng sách, báo, phim, ảnh, triển lãm, bảo tàng, nói chuyện...) những tài liệu, tư liệu chưa từng công bố về thân thế và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải được phép của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ở các bảo tàng, chỉ trưng bày bản sao, bản phục chế những tài liệu, tư liệu về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được phép công bố.

4. Giao Cục Lưu trữ Trung ương Đảng chủ trì cùng Văn phòng Trung ương Đảng nghiên cứu, trình Ban Bí thư ban hành quyết định về Phòng lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh để bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất và sử dụng hiệu quả nhất di sản rất quý báu này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 52-CT/TW, ngày 8 tháng 6 năm 1989

Về việc đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học nghệ thuật

I

Mấy chục năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phê bình văn học nghệ thuật cùng với lý luận và nghiên cứu văn hoá văn nghệ đã có những đóng góp đáng kể vào việc truyền bá những quan điểm triết học và mỹ học Mác - Lênin và đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng. Công tác phê bình văn học nghệ thuật khẳng định và phát huy những thành tựu văn nghệ cách mạng, phổ biến những di sản quý báu trong nền văn hoá dân tộc, đồng thời giới thiệu với nhân dân ta những giá trị đặc sắc của văn nghệ thế giới.

Tuy nhiên, công tác phê bình văn học nghệ thuật đã bộc lộ những nhược điểm và thiếu sót. Phê bình còn sơ lược, một chiều, nhiều lúc khen, chê không chính xác, còn tách rời giá trị tư tưởng và nghệ thuật, chưa nhạy cảm với những vấn đề mới do cuộc sống và thực tiễn văn học nghệ thuật đặt ra. Đội

ngũ phê bình và lý luận ít người, hoạt động phân tán, phần lớn lại không có điều kiện chuyên tâm làm phê bình, lý luận, tiềm năng trong ngành chưa được phát huy tốt.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị về văn hoá văn nghệ, phê bình - văn học nghệ thuật có vai trò quan trọng, cần phải khẩn trương đổi mới và nâng cao trình độ để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công cuộc đổi mới của đất nước.

II

Phê bình văn học nghệ thuật (bao gồm cả phê bình chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp, phê bình viết và phê bình miệng) phản ánh thái độ và ý thức của xã hội đối với các giá trị và các khuynh hướng văn học nghệ thuật. Phê bình có tác dụng phân tích, đánh giá, định hướng các hoạt động văn học, nghệ thuật, nâng cao ý nghĩa tư tưởng - xã hội của văn học nghệ thuật, tác động tích cực đến sự sáng tạo của các nghệ sĩ, đến thị hiếu, nhu cầu và trình độ thẩm mỹ của nhân dân, đến công tác lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật.

Đội ngũ phê bình là những người ủng hộ nhiệt tình công cuộc đổi mới chung của xã hội và trong văn học nghệ thuật, tự mình đổi mới mạnh mẽ về tư duy, về phương pháp, bảo đảm thực hiện tốt chính sách tự do sáng tác, và tự do phê bình, xây dựng được một tinh thần đối thoại, tranh luận thật sự dân chủ, bình đẳng, nghiêm túc về mọi vấn đề. Cần có thái độ đúng đắn đối với những ý kiến khác nhau, những cách tiếp cận khác nhau trong quá trình đi tìm chân lý, tạo nên một không khí tự nhiên, thân ái, hồ hởi trong phê bình và trong sinh hoạt văn nghệ, quý trọng các tài năng, đặc biệt là phát hiện, nâng đỡ các tài năng trẻ, khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo, sự phong phú, đa dạng trong nghệ thuật.

Phê bình phải khách quan, trung thực, công minh, có tính chiến đấu và tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục thái độ nể nang, tăng bốc, hoặc thô bạo, truy chụp tùy tiện, chống các biểu hiện giáo điều, bè phái, cơ hội.

Phê bình cần nâng cao tính lý luận, trình độ khoa học và năng lực cảm thụ, chú ý tổng kết thực tiễn và các vấn đề khuynh hướng trong hoạt động văn học nghệ thuật, thẩm định một cách tinh tường các giá trị cụ thể, phân tích các mặt đúng và sai, hay và dở, cái độc đáo, mới mẻ, cũng như cái chưa đạt ở từng tác phẩm, từng nghệ sĩ.

Trong tình hình đấu tranh tư tưởng phức tạp và giao lưu quốc tế về văn hoá văn nghệ được mở rộng như hiện nay, phê bình cần chú ý phân tích và giới thiệu những thành tựu mới và kinh nghiệm hay của nước ngoài, đồng thời phê phán, đấu tranh với những khuynh hướng văn nghệ lệch lạc, phản động, đồi trụy, lạc hậu, giúp cho văn nghệ ta phát triển phong phú và lành mạnh.

III

Để đổi mới và nâng cao trình độ phê bình và lý luận văn học nghệ thuật, cần chú ý làm tốt một số việc sau đây:

1. Thực hiện "Kết luận của Bộ Chính trị về một số vấn đề trước mắt trong công tác tư tưởng", Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì cùng các cơ quan có liên quan hướng dẫn thảo luận một số vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trong lĩnh vực văn học nghệ thuật để đi đến kết luận đúng đắn, có sức thuyết phục (vấn đề văn nghệ với chính trị và sự lãnh đạo của Đảng, văn nghệ và hiện thực trong tình hình đổi mới, đánh giá thành tựu văn học nghệ thuật 40 năm qua và tình hình văn học nghệ thuật hiện nay, v.v.). Cần quán triệt sâu sắc trong đội ngũ cán bộ hoạt động văn học nghệ thuật những quan điểm cơ bản, những chủ trương chính sách đổi mới của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

2. Các cơ quan đảng và nhà nước, Bộ Văn hoá, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, các hội văn học nghệ thuật, Trường Viết văn Nguyễn Du, các trường đại học và viện nghiên cứu về văn hoá văn nghệ và khoa học xã hội cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách đúng đắn để xây dựng đội ngũ những người làm lý luận, phê bình văn học nghệ thuật chuyên nghiệp rất cần thiết cho sự phát triển của nền văn nghệ nước ta trong thời kỳ mới.

3. Các hội văn học nghệ thuật cần khắc phục thái độ coi nhẹ công tác lý luận, phê bình, có biện pháp tích cực để củng cố hội đồng lý luận, phê bình ở các hội, cử những cán bộ lý luận, phê bình có uy tín, có năng lực vào các cơ quan lãnh đạo, báo chí, xuất bản... của các hội.

4. Các cơ quan báo chí, thông tấn, các nhà xuất bản ở trung ương và địa phương cần kiện toàn bộ phận lý luận, phê bình trong các ban biên tập; bảo đảm tỷ lệ thích đáng cho hoạt động lý luận, phê bình trên các trang báo, trong các kế hoạch xuất bản và các chương trình phát thanh, truyền hình, tạo điều kiện cho các ý kiến khác nhau về văn học nghệ thuật được trình bày, trao đổi một cách dân chủ, công khai, tránh

thái độ của quyền, phe cánh, tránh những kết luận vội vàng không có sức thuyết phục.

5. Ban Bí thư giao cho Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp đỡ việc tổ chức hội những người làm công tác tổ chức nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học nghệ thuật, tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ văn hoá văn nghệ để thống nhất các quan điểm về văn hoá văn nghệ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị về văn hoá văn nghệ.

Phê bình, lý luận văn học nghệ thuật là một công việc sáng tạo có tính đảng và tính khoa học cao. Anh chị em hoạt động trong lĩnh vực này cần không ngừng rèn luyện bản lĩnh, nâng cao trình độ mọi mặt, chân thành đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau, có quan hệ mật thiết với giới sáng tác, với công chúng và các cơ quan lãnh đạo, quản lý văn hóa văn nghệ để làm tốt chức năng của mình.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 21-NQ/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1989

Về phương hướng giải quyết một số vấn đề kinh tế cấp bách

Trong hai ngày 16 và 17-6-1989, Bộ Chính trị đã họp xem xét một số vấn đề kinh tế cấp bách hiện nay. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh chủ trì cuộc họp, đã kết luận cuộc thảo luận của Bộ Chính trị như sau:

Trong nửa đầu năm 1989, thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, tình hình kinh tế có một số chuyển biến tích cực: sản xuất lương thực tiếp tục phát triển; việc cung ứng lương thực được cải thiện; hàng hoá trên thị trường phong phú hơn trước; việc mua bán của nhân dân dễ dàng, thuận tiện hơn; nhịp độ tăng giá và lạm phát chậm lại, sức mua của đồng tiền bước đầu được khôi phục; nền kinh tế tiếp tục chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh.

Những tiến bộ đã đạt được rất quan trọng, chứng minh *tính đúng đắn* của phương hướng Hội nghị 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra, nhưng *mới là bước đầu, chưa vững chắc*. Đồng thời, đã xuất hiện những *khó khăn mới gay gắt về kinh tế - xã hội*: một bộ phận đáng kể trong kinh tế quốc doanh, trong tiểu, thủ công nghiệp tập

thể và tư nhân đình đốn sản xuất, kinh doanh; ngân sách nhà nước bội chi lớn mà vẫn không bảo đảm được những nhu cầu chi thiết yếu về lương, trợ cấp xã hội, xây dựng cơ bản, trả nợ...; hàng hoá ứ đọng, nhiều xí nghiệp quốc doanh thiếu vốn, thậm chí mất vốn; hàng chục vạn công nhân không có việc làm, đời sống khó khăn. Ở nông thôn, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, giá lương thực và giá nông sản trên thị trường hạ xuống quá giới hạn bình thường, làm cho nông dân bị thiệt thòi, kém phần khởi sản xuất. Tình hình xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp.

Cần tiếp tục theo dõi một cách tỉnh táo, phân tích sâu sắc những nguyên nhân của tình hình nói trên, chuẩn bị có những quyết định toàn diện hơn. Trước mắt, Bộ Chính trị đề ra một số *phương hướng, chủ trương cấp bách* sau đây:

- Về nông nghiệp:

Nhà nước khẩn trương đưa tiền mặt ra mua lúa của nông dân với giá nông dân chấp nhận, không để nông dân lỗ; ngoài ra tiếp tục cho nông dân hoặc tư thương được lưu thông, tiêu thụ lương thực.

Tăng dự trữ lương thực của Nhà nước.

Theo dõi sát sao tình hình mùa màng, trên nguyên tắc bảo đảm nhu cầu tiêu dùng trong nước và có dự trữ cần thiết cho các địa phương, kể cả một số địa phương ở miền Bắc, tiếp tục xuất khẩu gạo. Nghiên cứu cơ chế giao các tỉnh, thành phố trên cơ sở nộp đủ thuế, bán cho Nhà nước đủ số lương thực quy định, được tự quyết định tiêu thụ số lương thực thừa, kể cả xuất khẩu. Phấn đấu xuất lương thực trực tiếp cho khách hàng nước ngoài có nhu cầu tiêu dùng, không qua trung gian, để đạt hiệu quả cao. Ở mỗi khu vực, cần tổ chức tốt việc xuất khẩu, không tranh bán, không để bị dìm giá. Bộ Kinh tế đối ngoại theo dõi sát giá thị trường quốc tế và giúp tìm khách hàng, thường xuyên thông báo, hướng dẫn cho các địa phương.

Ngoài gạo, đẩy mạnh chế biến sắn và các hoa màu khác để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, hạn chế dần xuất sản

phẩm nguyên dạng (như sắn lát). Ngành cơ khí cần xây dựng chương trình phát triển cơ khí phục vụ ba chương trình kinh tế, đặc biệt là phục vụ chế biến nông sản.

- Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

Trong vài tháng trước mắt vấn đề có tính chất chiến lược về kinh tế, xã hội là phải *khôi phục sản xuất* ở các xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân. Phấn đấu các tháng cuối năm 1989 và sang năm 1990 sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh tế cá thể, tư nhân *phát triển ngày càng cao, nhiều người có công ăn việc làm*, thu hẹp diện người thất nghiệp và bán thất nghiệp hoặc phải đổ xô vào buôn đi bán lại làm rối loạn thị trường.

Muốn vậy, phải chỉ đạo thực hiện tốt một số biện pháp, chính sách dưới đây:

+ Phân loại vật tư, hàng hoá ứ đọng và có chủ trương xử lý thích hợp với từng loại nhằm thúc đẩy tiêu thụ.

+ Phát động cuộc đấu tranh ngăn chặn việc nhập hàng bừa bãi, lậu thuế. Chấn chỉnh công tác thuế quan, đánh thuế hàng nhập ở cả biên giới và nội địa nhằm bảo vệ hàng sản xuất trong nước. Nghiêm khắc phê phán và kiên quyết khắc phục tình trạng nhập hàng xa xỉ; nghiêm trị những người cố tình vi phạm pháp luật, trốn thuế, lậu thuế. Cơ sở sản xuất phải phấn đấu nâng cao chất lượng hàng để cạnh tranh với hàng nước ngoài. Giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân ý thức dùng hàng sản xuất trong nước. Giao Ban Bí thư ra chỉ thị về vấn đề này.

Giải quyết kịp thời hàng và tiền để mua nông sản và phục vụ sản xuất, lưu thông. Tiếp tục huy động tiền trong dân, kịp thời điều chỉnh lãi suất tín dụng, không để cách xa mức trượt giá trên thị trường, theo nguyên tắc vừa bảo toàn vốn và khuyến khích người gửi tiền, vừa tạo điều kiện cho người sản xuất, kinh doanh có thể vay được vốn, tránh tình trạng bỏ sản xuất, lấy vốn gửi quỹ tiết kiệm lấy lãi.

Trả tiền lương công nhân, viên chức, quân đội, công an, lương hưu và trợ cấp xã hội đúng kỳ hạn.

Tiếp tục xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, không vì khó khăn mà quay về cơ chế cũ, nhưng cần làm từng bước vững chắc. Đẩy mạnh phong trào cải tiến quản lý ở các cơ sở, tiết kiệm nguyên vật liệu, đưa khoa học - kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; chuyển bớt lao động gián tiếp sang trực tiếp sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phổ biến và tuyên truyền những kinh nghiệm hay của những điển hình tiên tiến làm ăn giỏi, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Trước mắt, nói chung tạm ngừng việc nâng giá "đầu vào" một thời gian, tạm chấp nhận còn lỗ ở khâu khấu hao tài sản cố định và giá vật tư, giữ giá ổn định một thời gian để các xí nghiệp có điều kiện sắp xếp, chấn chỉnh lại sản xuất. Điều chỉnh kịp thời mức thu quốc doanh tương ứng với tình hình giá "đầu vào" đã tăng lên.

Phải có biện pháp thiết thực giải quyết các cơ sở làm ăn thua lỗ kéo dài, thay cán bộ lãnh đạo yếu kém, có thể trợ giá hoặc miễn thu quốc doanh một thời gian, nghiên cứu chuyển hướng mặt hàng sản xuất, thay đổi hình thức sở hữu hoặc giải thể một số đơn vị cơ sở xét thấy cần thiết, nhưng không đặt vấn đề giải thể xí nghiệp một cách giản đơn và ồ ạt. Các ngành, các cấp quản lý, các đoàn thể, nhất là Tổng Liên đoàn lao động, cần tập trung đi sát chỉ đạo và giúp đỡ các cơ sở khắc phục khó khăn, cải tiến quản lý sản xuất kinh doanh và chống tiêu cực. Chú ý giải quyết số lao động dôi ra trong quá trình sắp xếp, hợp lý hoá sản xuất và số quân nhân giải ngũ; quan tâm đầu tư xây dựng vùng kinh tế mới, xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ các gia đình công nhân viên chức, cán bộ hưu trí phát triển kinh tế gia đình.

Khắc phục tình trạng thất thu ngân sách, nhất là thất thu thuế, nghiêm khắc phê phán khuynh hướng một chiều đòi giảm thuế và tăng chi. Soát xét, cắt giảm những khoản chi

chưa thật cấp thiết, nhất là chi xây dựng cơ bản tràn lan ở một số địa phương và ngành, tập trung hơn nữa bảo đảm đầu tư đủ cho các công trình trọng điểm của Nhà nước.

Phải tận thu ngân sách, tiết kiệm chi, tiếp tục đẩy mạnh huy động tiền tiết kiệm của dân, mở rộng việc dùng séc thay tiền mặt, song để bảo đảm chi kịp thời các nhu cầu cấp thiết, trong đó có một số nhu cầu chi chưa dự kiến đầy đủ lúc đầu năm (trả nợ năm 1988, trả nợ nước ngoài, tăng dự trữ nhà nước, chi đặc biệt và chi chống thiên tai...), đề nghị với Quốc hội cho phép điều chỉnh mức bội chi ngân sách và mức phát

hành cao hơn mức đã được Quốc hội duyệt để thích ứng với tình hình kinh tế có thay đổi, giữ cho sức mua xã hội không giảm sút giả tạo, thúc đẩy sản xuất, lưu thông phát triển bình thường, có hiệu quả.

Hội đồng Bộ trưởng căn cứ vào kết luận này để điều hành, dự kiến những diễn biến phức tạp có thể xảy ra, nhất là những biến động về giá; trong tháng 8-1989 báo cáo kết quả với Bộ Chính trị và chuẩn bị để Bộ Chính trị ra nghị quyết về những chủ trương kinh tế nhằm phát triển sản xuất và lưu thông có hiệu quả, trên cơ sở đó tiếp tục kiểm chế và đẩy lùi nhịp độ lạm phát một cách vững chắc, đồng thời xử lý tốt các vấn đề xã hội cấp bách.

Kết luận này của Bộ Chính trị được phổ biến đến các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
Số 151-TB/TW, ngày 19-8-1989**

**Về một số vấn đề liên quan đến *Di chúc*
và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một bản *Di chúc* vô cùng quý báu. Di chúc được công bố ngay sau khi Bác qua đời và đã trở thành một nguồn cổ vũ lớn đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, thống nhất đất nước và đưa nước nhà vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Song do hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ mà có một số điều chưa được công bố.

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày Bác qua đời và chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) thấy có trách nhiệm thông báo đến toàn Đảng, toàn dân một số vấn đề liên quan đến *Di chúc* của Bác và ngày Bác qua đời.

1. Về tài liệu gốc *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

- Năm 1965, Bác viết bản *Di chúc* gồm 3 trang, do chính Bác đánh máy, ở cuối đề ngày 15-5-1965. Đây là bản *Di chúc* hoàn chỉnh, có chữ ký của Bác và bên cạnh có chữ ký của

đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng hồi bấy giờ.

- Năm 1968, Bác viết bổ sung thêm một số đoạn, gồm sáu trang viết tay.

Trong đó, Bác viết lại đoạn mở đầu và đoạn nói "về việc riêng" đã viết trong bản năm 1965 và viết thêm một số đoạn. Đó là những đoạn nói về những công việc cần làm sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi, như: chỉnh đốn lại Đảng, chăm sóc đời sống của các tầng lớp nhân dân, miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng lại thành phố và làng mạc, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, củng cố quốc phòng, chuẩn bị thống nhất đất nước. Trong đó đoạn viết về chỉnh đốn lại Đảng và chăm sóc đối với thương binh, Bác viết rồi lại gạch chéo; đoạn nói về xây dựng lại đất nước, phát triển kinh tế, văn hoá, chuẩn bị thống nhất đất nước, Bác gạch dọc ở bên trái ngoài lề.

- Ngày 10-5-1969, Bác viết lại toàn bộ đoạn mở đầu *Di chúc*, gồm một trang viết tay.

- Các năm 1966, 1967 Bác không có những bản viết riêng.

2. Về bản *Di chúc* đã được công bố chính thức tháng 9-1969 sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời

Hội nghị bất thường của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá III) họp chiều ngày 3-9-1969 đã giao cho Bộ Chính trị trách nhiệm công bố *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bản *Di chúc* được công bố chính thức chủ yếu dựa theo bản Bác viết năm 1965, trong đó có một số đoạn được bổ sung hoặc thay thế bằng những đoạn tương ứng Bác viết năm 1968 và năm 1969.

Cụ thể cơ cấu của bản *Di chúc* đã công bố chính thức như sau:

- *Đoạn mở đầu*, lấy nguyên văn toàn bộ đoạn mở đầu Bác viết năm 1969, thay cho đoạn mở đầu Bác viết năm 1965.

Bút tích của Bác về đoạn này đã được chụp lại và công bố đầy đủ năm 1969.

- *Phần giữa*, từ đoạn nói về Đảng đến hết đoạn nói về phong trào cộng sản thế giới là nguyên văn bản Bác viết năm 1965.

- *Đoạn "về việc riêng"*, năm 1965 Bác dặn dò về việc tang và viết về hoả táng, dặn để lại một phần tro, xương cho miền Nam; năm 1968, Bác viết lại đoạn này, dặn để tro vào ba hộp sành, cho Bắc, Trung, Nam mỗi miền một hộp. Ngoài ra còn viết bổ sung một đoạn nói về cuộc đời của bản thân như sau:

"Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa".

Bản *Di chúc* đã công bố lấy nguyên văn đoạn Bác viết về bản thân năm 1968, trừ đoạn nói về hoả táng.

- *Đoạn cuối*, từ chữ "Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu..." cho đến hết là nguyên văn đoạn Bác viết năm 1965.

Về đoạn này, năm 1968 và năm 1969 Bác không sửa lại hoặc viết thêm.

- Trong bản *Di chúc* đã công bố, các đoạn đều lấy nguyên văn bản gốc, chỉ có một câu có sửa lại. Bản năm 1965 Bác viết:

"Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa"; bản công bố chính thức sửa lại là: "Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài".

3. *Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI)* khẳng định bản *Di chúc* đã công bố bảo đảm trung thành với bản gốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Việc chọn bản *Di chúc* Bác viết năm 1965 để công bố chính thức là đúng đắn, vì đây là bản duy nhất được viết hoàn chỉnh, có chữ ký của Bác và bên cạnh có chữ ký chứng kiến

của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng lúc bấy giờ.

- Lấy đoạn mở đầu Bác viết năm 1969 thay cho đoạn mở đầu Bác viết năm 1965 là hoàn toàn hợp lý vì Bác qua đời năm 1969, và nội dung bản viết năm 1969 cũng phong phú hơn.

- Đoạn "*về việc riêng*", bổ sung thêm phần Bác viết năm 1968 vào bản Bác viết năm 1965 là rất cần thiết, để phản ánh được cuộc đời đẹp đẽ, trong sáng, vì dân, vì nước của Bác. Sở dĩ trước đây chưa công bố đoạn Bác viết về yêu cầu hoá táng là vì thể theo nguyện vọng và tình cảm của nhân dân, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá III) thấy cần thiết phải giữ gìn lâu dài thi hài của Bác để sau này đồng bào cả nước, nhất là đồng bào miền Nam, bè bạn quốc tế có điều kiện tới viếng Bác, thể hiện tình cảm sâu đậm đối với Bác. Chính vì lẽ đó mà chúng ta đã xin phép Bác về điểm này được làm khác với lời Bác dặn.

- Việc chưa công bố một số đoạn Bác viết thêm năm 1968 về những việc cần làm sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước giành được thắng lợi hoàn toàn, đó là vì năm 1969 khi Bác qua đời, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước còn đang gay go, ác liệt, chúng ta chưa giành được thắng lợi cuối cùng, nên việc công bố những đoạn nói trên lúc ấy là chưa thích hợp. Mặt khác, có một số câu Bác viết rồi lại xoá, hình như Bác đang cân nhắc, chưa coi là đã xong hẳn, chưa thật rõ ý Bác là thế nào. Vì vậy sau khi Bác qua đời chưa thể đưa vào bản *Di chúc* công bố chính thức bấy giờ.

- Khi Bác mất, cuộc kháng chiến còn đang diễn ra rất khó khăn và ác liệt, vì vậy Bộ Chính trị đã quyết định sửa lại mấy chữ trong câu sau đây của Bác: "Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa" thành "Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài".

- Về việc miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp, trước đây chưa có điều kiện thực hiện. Nay mặc dù tình hình kinh tế - xã hội nước ta vẫn còn nhiều khó

khăn, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) thấy cần có kế hoạch thực hiện điều mong muốn ấy của Bác. Bộ Chính trị giao cho Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội thực hiện việc này.

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá III) dự định đến một thời điểm thích hợp sẽ công bố những điều chưa được công bố trong các bản viết *Di chúc* của Bác. Nay, nhân dịp chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) quyết định công bố toàn bộ các bản viết *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Về ngày mất của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, lúc 9 giờ 47 phút *ngày 2 tháng 9 năm 1969*, ngày Quốc khánh của nước ta. Để ngày Bác mất không trùng với ngày vui lớn của cả dân tộc, Bộ

Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá III) đã quyết định công bố Chủ tịch Hồ Chí Minh mất vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 3 tháng 9 năm 1969. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) cho rằng nay cần công bố lại đúng ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.

Nhân dịp này, Bộ Chính trị yêu cầu các tổ chức đảng, các cán bộ, đảng viên và nhân dân ta căn cứ vào *Di chúc* của Bác và lời thề thiêng liêng của chúng ta mà đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá III) thay mặt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã hứa với Bác để kiểm tra lại những việc chúng ta đang làm, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng và những nhiệm vụ công tác trước mắt, tức là làm tốt những điều Bác Hồ đã căn dặn để thoả lòng mong ước của Bác và xứng đáng với Bác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại!

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 53-CT/TW, ngày 21 tháng 8 năm 1989

Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ba cấp năm 1989

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Hội đồng Nhà nước đã quyết định ngày bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp là ngày 19-11-1989. Hội đồng Bộ trưởng đã có thông tư hướng dẫn.

Để cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ba cấp năm 1989 đạt kết quả tốt, bầu ra được các cơ quan nhà nước ở địa phương có chất lượng cao, bảo đảm thực sự dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ thị:

Các cấp uỷ đảng tỉnh, thành phố, đặc khu, huyện, quận, thị xã và cơ sở có trách nhiệm lãnh đạo chặt chẽ cuộc bầu cử ngày 19-11-1989, coi đây là một trong những công tác quan trọng nhất của đảng bộ địa phương từ nay đến cuối năm 1989. Cần có kế hoạch cụ thể, chú trọng một số vấn đề sau đây:

1. Lãnh đạo việc tuyên truyền phổ biến Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, các thông tư hướng dẫn của Hội đồng

Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm được những nội dung của Luật, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi công dân trong việc chấp hành luật, tích cực tham gia công việc bầu cử hội đồng nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân vững mạnh, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2. Lãnh đạo việc lựa chọn đại biểu các đoàn thể và các ngành ở địa phương tham gia hội đồng bầu cử ở tỉnh, huyện, xã và tương đương và ban bầu cử ở các đơn vị bầu cử. Các thành viên hội đồng bầu cử phải là những người vững vàng về chính trị, nắm được pháp luật, có kinh nghiệm tổ chức bầu cử, có tinh thần trách nhiệm, công tâm, khách quan, được nhân dân tin cậy.

3. Thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, lãnh đạo tốt việc tổ chức các hội nghị hiệp thương, từ các cuộc họp của các đoàn thể và các tập thể lao động trong các xí nghiệp, nông trường, trường học, đơn vị quân đội, công an, các thôn, ấp, đến các hội nghị hiệp thương ở tỉnh, quận, huyện, xã, phường để thảo luận kỹ về tiêu chuẩn và cơ cấu hội đồng nhân dân, trao đổi ý kiến đi đến thoả thuận giới thiệu một danh sách ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp. Đây là khâu chủ yếu trong thời gian chuẩn bị bầu cử phải có sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng.

Đảng uỷ các cấp phải lãnh đạo để đưa những người mà cấp uỷ đã lựa chọn, nhất là những cán bộ chủ chốt vào danh sách ứng cử trong các cuộc hiệp thương.

Các cuộc hiệp thương phải được tiến hành một cách dân chủ, cởi mở, thực sự tôn trọng ý kiến của cử tri, của nhân dân, phát huy vai trò tổ chức phối hợp, động viên của Mặt trận Tổ quốc, không gò ép, áp đặt, nhưng không được buông lỏng sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng. Cần kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong việc xem xét, đánh giá, giới thiệu các ứng cử viên.

4. Cấp uỷ phải lãnh đạo bảo đảm được chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tiêu chuẩn chung đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đã ghi trong Luật bầu cử, nhưng phải vận dụng cho sát với điều kiện, hoàn cảnh và trình độ cán bộ ở từng địa phương. Đảng phải lãnh đạo để bầu được các đại biểu Hội đồng nhân dân thực sự có uy tín, có năng lực và phẩm chất, thực sự làm việc và hành động vì lợi ích của nhân dân theo đường lối, chính sách của Đảng, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Lựa chọn đại biểu Hội đồng nhân dân phải lấy *tiêu chuẩn là chính*, trên cơ sở tiêu chuẩn mà bảo đảm cơ cấu hợp lý, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội ở địa phương, Hội đồng nhân dân ở cấp nào, địa phương nào cũng cần có một tỷ lệ thích đáng đại biểu ở cơ sở, đại biểu là nữ, là thanh niên, công nhân, nông dân, thợ thủ công, trí thức, cán bộ quản lý, đại biểu các thành phần kinh tế. Những nơi có nhiều dân tộc và tôn giáo phải có đại biểu dân tộc thiểu số và đại biểu tôn giáo. Cấp uỷ đảng phải coi trọng công tác nhân sự, lãnh đạo Hội đồng nhân dân bầu Ủy ban nhân dân và cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân có chất lượng.

Cơ quan thường trực Hội đồng nhân dân từ cấp huyện và tương đương trở lên được bầu ba người: chủ tịch, phó chủ tịch

và thư ký. Tùy tình hình cụ thể ở địa phương, cấp uỷ có thể giới thiệu đồng chí phó bí thư hoặc uỷ viên thường vụ ứng cử chức chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân nên là một đồng chí trong cấp uỷ. Phó chủ tịch và thư ký làm việc chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải là những cán bộ có năng lực, thực sự làm việc, nắm được chính sách, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có ý thức tổ chức và kỷ luật cao. Bộ máy thường trực Hội đồng nhân dân phải hết sức gọn nhẹ, những công việc về hành chính quản trị do bộ máy của Uỷ ban nhân dân đảm nhiệm.

Về Uỷ ban nhân dân: Cấp uỷ đảng cần lựa chọn cán bộ có năng lực lãnh đạo và quản lý và lãnh đạo Hội đồng nhân dân trong việc bầu chủ tịch và các thành viên Uỷ ban nhân dân, bảo đảm cho Uỷ ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước có hiệu lực thật sự ở địa phương dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chỉ thị này được phổ biến tới chi bộ đảng cơ sở. Mọi đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Thường vụ các tỉnh, thành uỷ, đặc khu uỷ cùng các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương có liên quan phải báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng kết quả thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VI)***

Ngày 15 tháng 8 năm 1989

Thưa các đồng chí,

Dự định của Bộ Chính trị trước đây là mời các đồng chí đến để tham khảo ý kiến về các vấn đề tổ chức và nhân sự cho Đại hội Khoá VII. Sau đó thấy chúng ta cần họp Hội nghị Trung ương 7 vì tình hình trong nước và thế giới hiện nay đòi hỏi Trung ương phải ra một nghị quyết về công tác tư tưởng.

Ở trong nước, với tinh thần đổi mới và phát huy dân chủ, đã xuất hiện trong nhân dân, cán bộ, đảng viên, kể cả trong giới văn học nghệ thuật và báo chí những tư tưởng không đúng đắn về dân chủ, tự do, bị ảnh hưởng từ những tư tưởng không đúng ở một số nước xã hội chủ nghĩa. Đế quốc Mỹ đã công khai tuyên bố rằng chủ nghĩa xã hội và phe xã hội chủ

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

nghĩa đã đến lúc cáo chung. Ở Hunggari, Ba Lan, Trung Quốc và ngay cả ở Liên Xô nữa đã xuất hiện tình hình rất lộn xộn. Một số tờ báo Việt kiều cũng có một số bài nhằm gây tác động xấu đến tình hình trong nước ta (nếu cần, chúng tôi sẽ cung cấp cho các đồng chí xem). Những tờ báo này đưa vào ta bằng nhiều hình thức, với ý đồ thọc vào nội bộ chúng ta, ủng hộ cho một số cán bộ có tư tưởng không đúng, đả kích Đảng ta (vừa qua, nhân dịp Quốc hội họp, tờ báo ... lại có một bài hoan nghênh Quốc hội ta đã phát huy dân chủ; khẳng định rằng từ nay mọi việc lớn phải do Quốc hội quyết định, ám chỉ Quốc hội rồi phải sử dụng đầy đủ quyền lực của mình). Ngay trong cán bộ ta cũng có một số người ngấm ngấm có tư tưởng đòi hỏi quyền lực của Quốc hội, quan niệm không đúng về dân chủ, về lịch sử, phủ nhận chuyên chính vô sản. Như thế, ta thấy vô hình trung, ... bọn phản động ... đã có cơ sở thò bàn tay lông lá vào tình hình nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta cho rằng cùng với sự lãnh đạo đúng đắn về kinh tế, phải lãnh đạo tư tưởng đúng đắn, không thể buông lơ được. Thậm chí hiện nay có đồng chí cao cấp của ta cũng công khai ủng hộ tư tưởng đa nguyên. Như tôi biết, đã có người vận động ngấm rằng nước ta cần có chế độ lưỡng viện, tổng thống, chế độ các bang và liên bang, cần tổ chức Đảng dưới hình thức liên đoàn cộng sản, v.v.. Đối với tất cả những hoạt động như thế, Trung ương ta phải có quan điểm tư tưởng đúng đắn và phải có quyết định về công tác tư tưởng.

Hội nghị Trung ương 6 đã nêu năm nguyên tắc về quá trình đổi mới. Nay ta phải tiếp tục đấu tranh để thực hiện cho tốt. Cần phải cảnh giác trước tình hình đế quốc thọc tay

vào nhiều nước xã hội chủ nghĩa, ... Từ tình hình như trên, đòi hỏi như trên, Bộ Chính trị đã quyết định phải họp Hội nghị Trung ương 7 để:

- Thảo luận và ra nghị quyết về công tác tư tưởng.

- Bàn chính sách về kinh tế đối ngoại. Ta mở rộng hợp tác kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác thì cần phải đề phòng như thế nào, nếu không có kinh nghiệm thì sẽ bị hố. Như đã nói ở Hội nghị Trung ương 6, nếu ta mở cửa đón bầu không khí mới thì nhất định sẽ có ruồi muỗi bay vào. Chúng ta cần phải dự tính, dự thảo những vấn đề về kinh tế đối ngoại, nhưng không cần phải ra nghị quyết của Hội nghị Trung ương. Đề nghị các đồng chí góp ý kiến để Bộ Chính trị ra nghị quyết về vấn đề này.

Tiếp đó, chúng ta sẽ giải quyết một số vấn đề về nhân sự, trong Trung ương, thi hành kỷ luật vài đồng chí, có thể phải đưa một số đồng chí tương ứng lên Ủy viên Trung ương chính thức và bàn một số vấn đề về tổ chức, nhân sự cho khoá tới để tham khảo. Đến Hội nghị Trung ương 8 sẽ có nghị quyết rõ ràng.

Trên đây là các nội dung của cuộc họp lần này. Nếu các đồng chí thấy có vấn đề cần bổ sung xin cho biết ý kiến.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 7
ĐỀ NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BIỂU QUYẾT VÀO CHIỀU 24-8-1989**

Ngày 24 tháng 8 năm 1989

Qua hai ngày phát biểu tại hội trường, Đoàn Chủ tịch Hội nghị đã nêu lên 10 vấn đề để Trung ương thảo luận. Qua thảo luận và các bản góp ý trực tiếp của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Đoàn Chủ tịch nhận thấy Trung ương đã nhất trí với cách đặt vấn đề của Bộ Chính trị, với nhiều nhận định và luận điểm nêu trong bản dự thảo nghị quyết, đồng thời có nhiều ý kiến bổ sung quan trọng. Nhưng qua thảo luận, Đoàn Chủ tịch thấy có một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, một số vấn đề quan trọng, tuy đã có sự nhất trí, nhưng cần làm rõ thêm nội dung chủ yếu của nó. Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị sửa thành nghị quyết chính thức của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa VI) và xin Trung ương biểu quyết một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau và cả những vấn đề cần làm rõ thêm nội dung, để Bộ Chính trị có cơ sở sửa lại dự thảo nghị quyết.

1. Về chủ nghĩa đa nguyên. Có hai ý kiến:

- *Ý kiến thứ nhất* cho rằng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (Khóa VI) đề ra chủ trương "*chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên*" là một quyết định rất đúng đắn và kịp thời. Nội dung chủ trương ấy là chúng ta không cho phép các lực lượng, các tổ chức đối lập chống chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động trong chế độ ta. Nếu chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị là một sai lầm nghiêm trọng đem lại nguy cơ rất lớn đối với chế độ. Không đồng ý với quan điểm cho rằng thừa nhận nhiều thành phần kinh tế tức là thừa nhận đa nguyên về kinh tế và như vậy thì không thể không thừa nhận "đa nguyên chính trị". Đảng ta chủ trương kinh tế nhiều thành phần, song có thành phần chủ đạo là kinh tế quốc doanh; thừa nhận thành phần kinh tế tư nhân, nhưng kinh tế tư nhân phải đi theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa, theo chính sách vừa sử dụng, vừa cải tạo. Không coi đó là đa nguyên kinh tế.

Không thừa nhận quan điểm cho rằng nhân dân có quyền tự do bày tỏ ý kiến khác nhau là "đa nguyên ý kiến", mà coi đó là *dân chủ* trong chế độ ta.

Không thể quy tính đa dạng, tính phong phú, nhiều màu sắc của các sự vật, các hiện tượng trong chế độ ta vào khái niệm đa nguyên, hoặc chủ nghĩa đa nguyên, gây mơ hồ, lộn xộn về tư tưởng.

- *Ý kiến thứ hai* cho rằng đa nguyên là một phạm trù lý luận cần phải có thái độ khoa học. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng ý không chấp nhận lực lượng chống đối chủ nghĩa xã hội, nhưng cần chấp nhận đa nguyên với nội dung là sự đa dạng trong đời sống chính trị về ý kiến, về hình thức, về tổ chức, về phương pháp, về màu sắc... của những lực lượng cùng chung mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Nên hoan nghênh, không nên sợ đa nguyên với nội dung trên.

2. Về *dân chủ*: Trong các bài phát biểu ở Hội nghị Trung ương, không có ý kiến khác nhau lớn. Nhưng vì vấn đề dân chủ là vấn đề rất quan trọng, nhất là trong thời điểm hiện

nay, cho nên Đoàn Chủ tịch đề nghị Trung ương làm rõ nét quan điểm về dân chủ của Đảng ta trong Nghị quyết này. Hội nghị Trung ương 7 khẳng định tiếp tục thực hiện chủ trương của Hội nghị Trung ương 6 là mở rộng dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, văn nghệ, tư tưởng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Mở rộng dân chủ vừa là động lực để thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi, vừa là mục tiêu xây dựng quyền làm chủ của nhân dân. Đó là dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ đối với nhân dân, trước hết là công nhân, nông dân, trí thức. Trong quá trình mở rộng dân chủ, tất yếu phải có *sự lãnh đạo của Đảng*. Lãnh đạo để phát huy dân chủ, uốn nắn những lệch lạc. Việc phát huy dân chủ phải đi đôi với *tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*, thực hiện đúng *nguyên tắc tập trung dân chủ*; phải đấu tranh khắc phục những hành động vi phạm quyền dân chủ của nhân dân: ức hiếp, trù dập, độc đoán, quan liêu, bảo thủ... Nhưng phải kiên quyết đấu tranh khắc phục dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản, những hành động vô tổ chức, vô kỷ luật. Trong tình hình hiện nay càng phải tỉnh táo đấu tranh chống lại những lực lượng lợi dụng việc mở rộng dân chủ để chống chế độ ta. Vì: chủ nghĩa đế quốc đang giương cao ngọn cờ dân chủ, nhân quyền tư sản để kích động nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa chống lại đảng cộng sản, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiều báo, đài của đế quốc và của những phần tử phản động ở nước ngoài đang xuyên tạc tình hình nước ta, đang phê phán, đả kích Đảng ta, cho rằng Đảng ta không cải cách chính trị, đang hạn chế dân chủ. Lực lượng phản động ở trong nước cũng đang lợi dụng dân chủ để mở rộng hoạt động của chúng. Chúng ta đã thấy xuất hiện tài liệu sao ra nhiều bản đả kích cơ quan lãnh đạo của Đảng, nêu lên những thủ đoạn, những phương pháp lật đổ cơ quan lãnh đạo Đảng ta. Một số ít người bất mãn cực đoan với động cơ cá nhân tự cho mình là người đại diện cho xu thế đổi mới,

đi tiên phong trong việc mở rộng dân chủ, cho lãnh đạo là bảo thủ, đang hạn chế việc chống tiêu cực, hạn chế tự do báo chí, hạn chế tự do sáng tác, v.v. đưa ra những luận điệu dân chủ cực đoan để mị dân. Phải làm cho mọi người thấy rõ tính chất nguy hiểm của những hoạt động đó đối với an ninh chính trị, đối với quyền dân chủ của nhân dân. Phải nhớ bài học của một số nước, do những sai lầm trên vấn đề dân chủ đã đem lại hậu quả nguy hiểm như thế nào. Việc đấu tranh khắc phục những hoạt động vô chính phủ, dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản và việc đấu tranh với những lực lượng phản động, chống việc lợi dụng dân chủ, không phải là hạn chế dân chủ, mà chính là bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

3. *Quan hệ giữa cải cách kinh tế với cải cách về chính trị*

Về vấn đề này ở hội nghị Trung ương không có ý kiến khác nhau.

Nhưng như trên đã nói, trong cán bộ ta có một số ít người cho Đảng ta hạn chế dân chủ, không dám đẩy mạnh cải cách hệ thống chính trị, mở rộng dân chủ đi đôi với đổi mới về kinh tế. Cho nên cần làm rõ mối quan hệ giữa đổi mới về kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị.

Hội nghị Trung ương 6 đã nêu ra bài học: phải quán triệt quan điểm đổi mới toàn diện và đồng bộ, đồng thời mỗi bước đi phải xác định đúng *khâu then chốt* để tập trung sức giải quyết. Chúng ta đã và đang thực hiện bài học ấy. Hai năm qua, chúng ta đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, trước hết *tập trung sức lực làm tốt khâu đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước mở rộng dân chủ, đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị*.

Chủ trương tập trung sức để đổi mới kinh tế là rất đúng đắn, bởi vì:

- Thực hiện có hiệu quả đổi mới về kinh tế mới giải phóng được các tiềm năng, phát triển được sản xuất, đem lại lợi ích thiết thân cho nhân dân, làm cho nhân dân tin tưởng và tích

cực đổi mới. Việc thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, chính sách cải tiến cơ chế trong nông nghiệp, công nghiệp, trong lưu thông phân phối, nhất là giá, chính sách mở rộng kinh tế đối ngoại... đã chứng minh điều đó.

- Qua việc đổi mới về kinh tế mà thực hiện tốt *quyền dân chủ* trên lĩnh vực kinh tế, quyền dân chủ thiết thực đối với hàng chục triệu người lao động: quyền tự do sản xuất, kinh doanh theo pháp luật, quyền tự chủ sản xuất của hộ xã viên trên miếng đất hợp tác xã giao khoán, quyền mua các sản phẩm tiêu dùng không cần tem phiếu, xếp hàng...

- Qua cải cách kinh tế bao gồm cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế, mở rộng kinh tế đối ngoại, chúng ta có thêm căn cứ để từng bước xây dựng pháp luật, sắp xếp lại các tổ chức, cải tiến hệ thống tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể quần chúng.

Tập trung sức để đổi mới kinh tế, đồng thời chúng ta từng bước đổi mới hệ thống chính trị, mở rộng dân chủ và đã có những kết quả nhất định như: ban hành một số luật mới, mở rộng sinh hoạt của Quốc hội, ban hành luật bầu cử và tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp, tổ chức đại hội đảng ở cơ sở, huyện, quận theo hướng mở rộng dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong bầu cử, mở rộng dân chủ trong lĩnh vực tư tưởng, văn học, nghệ thuật, trong thông tin đại chúng, sắp xếp lại một số tổ chức,... Đương nhiên trên lĩnh vực này còn nhiều khuyết điểm như việc cải tiến tổ chức, sắp xếp tổ chức còn chậm, tổ chức và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng chưa có chuyển biến lớn, v.v..

Như vậy là cùng với việc tập trung nắm đổi mới kinh tế, chúng ta cũng đồng thời đổi mới về chính trị, mở rộng dân chủ; làm tích cực, nhưng thận trọng, suy tính bước đi, xem xét đầy đủ tình hình chính trị, kinh tế, xã hội.

Phải làm như vậy, vì như trên đã nói, việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị tùy thuộc một phần quan trọng vào đổi mới kinh tế. Việc đổi mới ấy nhằm làm cho hệ thống chính trị phù hợp với cải

tổ kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển theo phương hướng đã được xác định. Hơn nữa, chúng ta chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng, tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; trong khi đó lại có những lực lượng luôn luôn lợi dụng khó khăn của ta, lợi dụng mở rộng dân chủ, gây rối ren về chính trị; không tính tới tình hình đó, tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã, tràn lan, mở rộng dân chủ, công khai không có giới hạn thì sẽ tạo nên tình trạng mất ổn định về chính trị và như vậy thì không thể tiến hành đổi mới, vì ổn định về chính trị là điều kiện đầu tiên để thực hiện đổi mới có kết quả.

4. *Về vấn đề thuộc tính (hoặc đặc điểm, đặc trưng) của chủ nghĩa xã hội.*

Có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng không nên nêu vấn đề này trong Nghị quyết Trung ương 7 vì: Nghị quyết Trung ương 6 cũng đã xác định năm nguyên tắc cơ bản chỉ đạo công cuộc đổi mới ở nước ta. Năm nguyên tắc đó có ý nghĩa to lớn ở trong nước và được nhiều đảng anh em đồng tình. Nêu các thuộc tính nữa sẽ khó nhớ. Mặt khác nói các thuộc tính của chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh, đã xây dựng xong, mà ta còn xa mới xây dựng xong chủ nghĩa xã hội thì chưa thật cấp bách, nội dung của vấn đề này cũng đang còn phải nghiên cứu làm sáng tỏ thêm để nêu trong cương lĩnh chính trị của Đảng trong Đại hội VII sắp tới.

- *Loại ý kiến thứ hai* cho rằng cần nêu vấn đề này trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 để làm rõ thêm thuộc tính hoặc đặc trưng của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng, và đó cũng là những *nguyên tắc* chỉ đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của ta, đồng thời cũng là một căn cứ để xem xét công cuộc cải tổ, cải cách của các nước anh em. Nêu ra như vậy không có gì trái mà chính là *phát triển, bổ sung năm nguyên tắc của Hội nghị Trung ương 6*.

Năm nguyên tắc nêu ra trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 là đúng đắn và kịp thời, thể hiện sự vững vàng và

nhảy cảm về chính trị của Đảng ta. Nhưng xuất phát từ tình hình chính trị lúc ấy, năm nguyên tắc chủ yếu đề cập đến những vấn đề thuộc về thượng tầng kiến trúc như chuyên chính vô sản, dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảng lãnh đạo, chủ nghĩa quốc tế vô sản, chủ nghĩa Mác - Lênin. Hội nghị Trung ương 7 nên bổ sung một vài nguyên tắc, đặc biệt là *chế độ sở hữu công cộng*, nguyên lý căn bản nhất của chủ nghĩa Mác về việc xây dựng chế độ mới.

Khi viết vào nghị quyết thì phải chặt chẽ, bỏ những nhận định, những khái niệm còn chưa chính xác, hoặc chưa thống nhất như hình thái kinh tế xã hội xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội xây dựng xong với tính cách là một hình thái kinh tế xã hội. Phải sắp xếp những đặc trưng cho phù hợp. Đồng ý chưa coi việc nêu ra những đặc trưng, nguyên tắc đó là hoàn chỉnh, cần tiếp tục nghiên cứu để đưa vào Cương lĩnh.

Qua thảo luận, Đoàn chủ tịch đề nghị: Không đồng ý nêu các mô hình, màu sắc của chủ nghĩa xã hội, chỉ cần nêu nguyên tắc và vận dụng những nguyên tắc ấy phù hợp với điều kiện nước mình. Nêu mô hình, màu sắc, dù của nước nào, cũng làm cho người ta mơ hồ. Nghị quyết nêu nhiều khái niệm, phạm trù mới mà chưa có định nghĩa rõ là không nên, dễ gây rối thêm về tư tưởng.

Trong điều kiện nước ta, chúng ta không nêu lên công thức xây dựng chủ nghĩa xã hội theo màu sắc Việt Nam, và ngay trong nghị quyết này, sau khi nêu lên các thuộc tính, nguyên tắc, cũng không dùng khái niệm mô hình, mà là bàn về việc vận dụng các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp

với điều kiện mỗi nước. Còn trên thế giới có một số nước xã hội chủ nghĩa đã nêu chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc nước mình. Thái độ của Đảng ta là không bác bỏ nước này, nước khác nêu mô hình, màu sắc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước họ. Vấn đề cần xem xét là khi nêu ra xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình gì, mang màu sắc gì, thì nội dung bên trong của nó có phải là vận dụng đúng đắn những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với đặc điểm nước mình hay không. Đảng ta chỉ nói về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, không tranh luận về chủ nghĩa xã hội ở các nước khác.

5. Về thực chất những khuyết điểm, sai lầm của lãnh đạo Liên Xô.

- *Ý kiến thứ nhất* cho rằng những sai lầm của lãnh đạo Liên Xô là chủ nghĩa xét lại hiện đại nguy hiểm nhất trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế. Trong nội bộ Trung ương phải nói rõ như vậy, nhưng ra ngoài không cần nói như vậy.

- *Ý kiến thứ hai* đồng ý với sáu điểm sai lầm nêu ra trong dự thảo, có bổ sung một số điểm và khái quát những sai lầm đó trái với nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, những sai lầm hữu khuynh. Cần tiếp tục theo dõi tình hình để có nhận định đầy đủ hơn. Lúc này chưa nên quy kết như ý kiến thứ nhất.

6. Đánh giá những xu hướng quan hệ chính trị trên thế giới.

Vấn đề đối đầu và đối thoại: Trên thế giới, vài năm gần đây, hình thức đối thoại, đàm phán ngày càng mở rộng. Nhiều cuộc họp cấp cao Xô - Mỹ để bàn về các vấn đề giảm vũ khí hạt nhân và nhiều vấn đề khác. Nhiều cuộc gặp gỡ

giữa nguyên thủ của Liên Xô với các nguyên thủ nhiều nước phương Tây. Hoặc ở một số nước, số khu vực, có những cuộc đàm phán để giải quyết các cuộc xung đột. Đó là sự thật, nhưng từ đó có một số đảng đi tới nhận định khái quát: ngày nay thế giới đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại. Trong Đảng ta, cũng có người nhận định như vậy. Nói như vậy có đúng không?

Đảng ta cho rằng quan điểm đó không đúng. Bởi vì trên thế giới, cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra rất phức tạp và quyết liệt. Bọn đế quốc chưa bao giờ từ bỏ mưu đồ chống phá và tiêu diệt chủ nghĩa xã hội, chống phá phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, chống phá phong trào dân chủ và hòa bình, chúng vẫn và đang tiến hành chiến tranh cục bộ qua các tay sai, dùng bạo lực lật đổ, phá hoại về chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa ở nước này hay nước khác. Các dân tộc bị áp bức, lệ thuộc, giai cấp công nhân các nước tư bản đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống giai cấp tư sản, giành và bảo vệ độc lập dân tộc, dân chủ, chủ nghĩa xã hội và bảo vệ hòa bình thế giới bằng nhiều hình thức đấu tranh, kể cả bạo lực. Như vậy đối thoại đàm phán chỉ là một hình thức của đấu tranh, một biểu hiện, một xu hướng trong quan hệ chính trị giữa một số nước. Và thực chất của đối thoại cũng là đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp. Cho nên không thể quy kết trạng thái thế giới hiện nay thành công thức: ngày nay thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại. Nói như vậy sẽ gây mơ hồ, không

thấy bản chất đấu tranh giai cấp. Sử dụng đối thoại, đàm phán như một hình thức đấu tranh trong những điều kiện nhất định là cần thiết và nên dùng, nhưng khái quát đối thoại thành một xu hướng chính trị chủ yếu trong quan hệ với chủ nghĩa đế quốc là không đúng, gây mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)
Số 07-NQ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1989

**Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng
trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay**

Những diễn biến lớn trên thế giới và trong công cuộc đổi mới của nước ta đã tác động nhiều đến tư tưởng trong Đảng và nhân dân. Trước tình hình trên, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VI) đã đề ra một số nhiệm vụ công tác tư tưởng, nhằm tăng cường sự thống nhất ý chí, hành động trong Đảng và nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.

1. Sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta là sự tiếp tục phát huy thành quả và truyền thống cách mạng, sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo và quản lý, xây dựng và đưa các chính sách đổi mới vào cuộc sống để đạt được những thành tựu to lớn và vững chắc hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc. Toàn Đảng và toàn dân ta đã thu được những kết quả bước đầu quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Từ sau Hội nghị Trung ương 6 đến nay, những kết quả đó được tiếp tục phát huy: nông sản

hàng hoá, nhất là lương thực có khá hơn, lần đầu tiên sau nhiều năm, chúng ta đã tăng được mức dự trữ và xuất khẩu lương thực; hàng tiêu dùng nói chung đáp ứng được nhu cầu hiện nay của nhân dân, việc mua bán của nhân dân thuận tiện hơn; giá cả ổn định, giá trị đồng tiền được nâng lên, nhịp độ lạm phát được chặn lại một bước; cơ chế quản lý đang đổi mới, từng bước chuyển sang hạch toán kinh doanh. Thực hiện Luật đầu tư, một số hợp đồng đã được ký kết. Việc rút hết quân tình nguyện Việt Nam ra khỏi Campuchia cuối tháng 9-1989 trong thế chủ động, thế mạnh cả phía ta và phía bạn là thắng lợi lớn có ý nghĩa về nhiều mặt. Việc mở rộng dân chủ trong Đảng và trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá tiếp tục phát triển.

Nhưng tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn gay gắt. Ngoài những khó khăn mà Nghị quyết Trung ương 6 (Khoa VI) đã nêu ra, gần đây xuất hiện những khó khăn mới: sản xuất ở nhiều cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đình đốn, số người không có việc làm tăng lên, giá một số nông sản xuống thấp không lợi cho nông dân, hàng nước ngoài tràn vào quá nhiều, hàng sản xuất trong nước ứ đọng, tiêu thụ khó khăn, những tệ nạn xã hội tiếp tục phát triển... Lực lượng phản động bên ngoài cũng như trong nước tăng cường hoạt động phá ta về chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng. Một số ít người bất mãn tiến hành những hoạt động sai trái.

Trên thế giới, cuộc đấu tranh cho hoà bình, ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân do Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đề xướng ngày càng tập hợp được đông đảo nhân dân thế giới chống bọn đế quốc hiếu chiến đứng đầu là đế quốc Mỹ. Phong trào bảo vệ độc lập dân tộc và giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa vẫn tiếp diễn. Sự kiện nổi lên hiện nay là tình hình cải tổ, cải cách, đổi mới ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa và những

âm mưu, hành động của chủ nghĩa đế quốc chống phá chủ nghĩa xã hội.

Công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới ở một số nước xã hội chủ nghĩa đã thu được một số thành tựu, nhưng một số nước gặp khó khăn gay gắt, có nước chủ nghĩa xã hội đang đứng trước thử thách lớn.

Tình hình khó khăn của một số nước xã hội chủ nghĩa có những nguyên nhân khách quan và chủ quan, và mỗi nước lại có những nguyên nhân riêng. Ở đây cần chú ý xem xét một số quan điểm về cải tổ, cải cách của đảng này hoặc đảng khác:

Một là, thực hiện chủ nghĩa đa nguyên về chính trị, để cho lực lượng chống chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động, không dùng những biện pháp chuyên chính cần thiết để chống lại chúng;

Hai là, dân chủ hoá không giới hạn, để cho những phần tử cơ hội, hữu khuynh, cực đoan và kẻ địch lợi dụng gây ra sự mất ổn định về chính trị;

Ba là, vừa không coi trọng việc củng cố, nâng cao chất lượng và cải tiến sự lãnh đạo của Đảng, vừa hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, buông lỏng nguyên tắc tập trung dân chủ, làm suy yếu nghiêm trọng uy tín và sức chiến đấu của Đảng;

Bốn là, không lãnh đạo chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng, để cho báo, đài tuỳ tiện thông tin và phát biểu những quan điểm sai trái, tạo ra sự hỗn loạn về tư tưởng;

Năm là, trong việc xem xét các vấn đề lịch sử, có khuynh hướng phủ nhận những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội đã đạt được, làm cho quần chúng mất phương hướng, mất lòng tin vào những giá trị của chủ nghĩa xã hội;

Sáu là, đặt quá nhiều hy vọng vào việc mở cửa với phương Tây, không ngăn chặn, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn phá hoại của bọn đế quốc, trước hết là trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá trong quá trình mở cửa.

Lợi dụng tình hình khó khăn trên đây ở một số nước xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ, mở cuộc phản

kích quyết liệt vào chủ nghĩa xã hội bằng những thủ đoạn rất xảo quyệt: răn đe về quân sự; cổ vũ chủ nghĩa đa nguyên chính trị; dùng kinh tế khuyến khích việc cải cách theo hướng phát triển kinh tế tư nhân, thị trường tự do tư bản chủ nghĩa; tăng cường hoạt động gián điệp; gieo rắc tư tưởng, văn hoá tư sản độc hại vào các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng ra sức tuyên truyền luận điểm nói rằng chủ nghĩa xã hội đã thất bại và tan rã, đang đi nhanh vào con đường diệt vong. Chúng giương cao ngọn cờ dân chủ và nhân quyền tư sản giả dối, ngọn cờ kinh tế thị trường tự do tư bản, hòng lôi kéo nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng đang hí hửng trước một số kết quả mà chúng đã đạt được.

Đối với nước ta, ngoài các thủ đoạn trên, các lực lượng phản động bên ngoài còn tập trung đả kích, xuyên tạc Đảng ta không mạnh dạn cải cách thể chế chính trị, hạn chế dân chủ, hạn chế tự do báo chí, tự do sáng tác, phê bình; chúng phổ biến rộng rãi ở nước ngoài và lén lút đưa vào trong nước những bài báo, cuốn sách có nội dung xấu, kích động biểu tình và bãi công, đòi tự do hoá tư sản, đòi xét lại vụ án "Nhân văn giai phẩm", đề cao và tìm cách tác động những người chúng cho là có khuynh hướng tự do, chống đối lãnh đạo...

2. Tình hình trong nước và quốc tế nói trên tác động nhiều đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Ở đây không phân tích tình hình tư tưởng một cách toàn diện, chỉ đề cập một số nét chủ yếu:

Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta ủng hộ sự nghiệp đổi mới do Đảng ta đề xướng và đang phấn đấu đưa các chính sách đổi mới vào cuộc sống; vui mừng trước những thành tựu đã đạt được; lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước được nâng lên. Đồng thời, có nhiều lo lắng trước những khó khăn về kinh tế, xã hội:

thiếu công ăn việc làm, sản xuất của một số cơ sở công nghiệp đình đốn, giá một số nông sản xuống thấp; trật tự trị an không bảo đảm và các tệ nạn xã hội phát triển; những hiện tượng tiêu cực như lợi dụng chức quyền tham ô, úc hiếp quần chúng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, phân phối không công bằng chưa được ngăn chặn có hiệu quả... Một số người ít được thông tin chỉ nhìn thấy mặt khó khăn, nên bi quan, lòng tin giảm sút. Chúng ta phải hết sức quan tâm đến tâm trạng nói trên trong quá trình tiến hành công tác tư tưởng, đồng thời tích cực giải quyết những vấn đề đang đặt ra bằng những biện pháp có hiệu quả; nếu không tâm trạng đó sẽ là miếng đất tốt cho những phần tử xấu, kẻ địch lợi dụng gây nên những diễn biến phức tạp về an ninh chính trị, về trật tự an toàn xã hội.

Số đông cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận rõ cải tổ, cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa là tất yếu và cần thiết, nhưng đứng trước những khó khăn, khủng hoảng của một số nước xã hội chủ nghĩa thì rất lo lắng. Có một số ít người, không phân tích được tính chất những khó khăn của chủ nghĩa xã hội, hoặc chịu ảnh hưởng của tuyên truyền tư sản, nên hoài nghi, giảm sút lòng tin vào chủ nghĩa xã hội. Nhiều người quan tâm theo dõi tình hình, thu thập thông tin về cải tổ, cải cách của các nước anh em với tinh thần phê phán, có chọn lọc, nhưng có một số ít người thiếu tinh thần độc lập, hoặc lập trường thiếu vững vàng, tiếp nhận thông tin một cách giáo điều, nhất là trên các vấn đề dân chủ và công khai, cải cách hệ thống chính trị, chủ nghĩa đa nguyên, xem xét lại các vấn đề lịch sử; có người tìm cách phổ biến các thông tin

không phù hợp với quan điểm của Đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Nhân dân ta trải qua nhiều thập kỷ liên tục chống các tên đế quốc xâm lược để giành độc lập nên đã hiểu thế nào là bản chất bóc lột, xâm lược và tội ác của chủ nghĩa đế quốc.

Nhưng những năm gần đây do nhiều nguyên nhân, trong đó có khuyết điểm về công tác tư tưởng, có một số người không vững vàng về quan điểm giai cấp, có những nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa tư bản, bị choáng ngợp trước sự phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật của một số nước tư bản, không thấy bản chất của chúng, không thấy những mâu thuẫn sâu sắc không thể khắc phục được nhất định sẽ đưa chủ nghĩa tư bản đến con đường diệt vong. Nhìn tình hình thế giới có người chỉ thấy xu thế đối thoại hoà hoãn, coi đó là cái bao trùm của thế giới, không thấy cuộc đấu tranh giai cấp giữa các trào lưu cách mạng với chủ nghĩa đế quốc đang và còn diễn ra gay gắt. Đứng trước âm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù, có những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác; trong khi mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật với các nước ngoài, có người chỉ thấy lợi ích kinh tế, nhất là lợi ích cá nhân, cục bộ, địa phương, không thấy lợi ích an ninh của quốc gia, không quản lý chặt chẽ để cho văn hoá xấu xâm nhập tràn lan, hàng nước ngoài nhập lậu vào ồ ạt, không chú ý giáo dục, quản lý để cho một số cán bộ sa ngã, biến chất...

Trong quá trình mở rộng dân chủ, khuynh hướng dân chủ tư sản, dân chủ cực đoan, hành động vô chính phủ, lợi dụng dân chủ để hoạt động vô nguyên tắc, bất chấp kỷ cương của Đảng và pháp luật của Nhà nước có chiều phát triển. Có người cho

rằng muốn có dân chủ cần chấp nhận đa nguyên, đa đảng, cho Đảng ta ra nghị quyết không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên là vội vàng, nói dân chủ phải dưới sự lãnh đạo của Đảng là hạn chế dân chủ, đòi cho ra báo tư nhân, đòi báo chí phải độc lập với Đảng; trước việc uốn nắn những lệch lạc về dân chủ, thì cho rằng dân chủ mới mở ra đã đóng lại. Trong văn hoá văn nghệ, một số ít người có tư tưởng phủ nhận thành tựu văn nghệ cách mạng, hạ thấp hoặc phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, miêu tả hiện thực quá đen tối, gây tâm trạng bi quan, hoài nghi.

Trong thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, trước những yếu kém và khó khăn của kinh tế quốc doanh trong quá trình đổi mới, một số ít người thiếu quyết tâm và kiên trì trong việc tìm kiếm những hình thức, phương pháp để củng cố và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, có khuynh hướng coi nhẹ vai trò của kinh tế quốc doanh, muốn tư nhân hoá quốc doanh. Việc đổi mới cơ chế quản lý các hợp tác xã đã đem lại nhiều kết quả rất quan trọng, nhưng ở một số nơi đã có biểu hiện coi nhẹ việc tăng cường một số khâu mà hợp tác xã cần đảm nhận để tạo điều kiện cho hộ xã viên sản xuất, kinh doanh tốt, dẫn đến khoán trắng. Việc khuyến khích tư nhân đầu tư phát triển sản xuất đã góp phần làm cho hoạt động kinh tế khởi sắc, sống động, bước đầu khai thác được nhiều tiềm năng, nhưng có nơi còn lúng túng hoặc thiếu ý thức hướng dẫn, kiểm soát để cho kinh tế tư nhân phát triển tự phát, nhất là lĩnh vực buôn bán, ăn uống, dịch vụ, không kiên quyết đấu tranh với những hoạt động phi pháp của họ. Trong hoạt động kinh tế

đối ngoại, có tình trạng thiếu tinh thần hợp tác, mạnh ai nấy làm, tranh mua, tranh bán, chưa coi trọng nhập vật tư, thiết bị nhằm mở rộng sản xuất, nghĩ đến lợi ích cục bộ hơn lợi ích chung cả nước.

3. Hội nghị Trung ương 6 (Khoá VI) đã chỉ ra những ưu điểm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo tư tưởng, văn hoá. Thời gian gần đây, các cấp uỷ đảng, lãnh đạo các ngành, các đoàn thể, các cơ quan làm công tác tư tưởng, văn hoá đã coi trọng hơn việc quán triệt quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước, đi sát thực tế hơn, phát hiện những nhân tố tích cực, giúp đỡ các cơ sở khắc phục khó khăn. Khi có Kết luận số 20 của Bộ Chính trị về công tác tư tưởng và Nghị quyết Trung ương 6, một số cấp uỷ đã coi trọng hơn việc lãnh đạo, quản lý công tác tư tưởng, văn hoá; uốn nắn những nhận thức không đúng và những biểu hiện động dao về con đường xã hội chủ nghĩa. Ở đây cần nhấn mạnh và nêu thêm một số khuyết điểm:

- Chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của cuộc đấu tranh tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay; chưa thấy rõ một yêu cầu hết sức quan trọng của công tác tư tưởng hiện nay là tăng cường sự thống nhất về quan điểm, tăng cường trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, kịp thời đấu tranh khắc phục những quan điểm lệch lạc, góp phần giữ vững sự ổn định về chính trị để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.

- *Coi nhẹ cuộc đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa* theo quan niệm đúng đắn thích hợp với điều kiện mới. Báo, đài đấu tranh không kịp thời,

quyết liệt và sắc sảo đối với những luận điệu chống chủ nghĩa xã hội, vạch trần bản chất bóc lột và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

- *Coi nhẹ lãnh đạo và quản lý lòng lão*, để cho văn hoá phẩm xấu, phản động lan tràn, để cho một số báo, đài đăng và phát những bài có quan điểm lệch lạc, hoặc những bài, tin tức về cải tổ, cải cách trái với quan điểm của Đảng; một số cấp uỷ, đoàn thể buông lỏng việc lãnh đạo cơ quan báo chí, xuất bản thuộc chức năng và thẩm quyền của mình.

- Nhiều tổ chức đảng, nhiều cán bộ lãnh đạo, đảng viên, *buông lỏng công tác tư tưởng, thiếu tinh thần chiến đấu chống lại những tư tưởng, quan điểm lệch lạc, những hành động và lời nói sai trái*, thiếu ý thức, hàng ngày hàng giờ tăng cường trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

II

Căn cứ vào những diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế, tình hình tư tưởng và công tác lãnh đạo tư tưởng trên đây, trong thời gian tới, công tác tư tưởng cần được tiến hành toàn diện và tập trung vào những nhiệm vụ và nội dung quan trọng sau đây:

1. *Khẳng định tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội và những thành tựu vĩ đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới*

Sự ra đời, lớn mạnh của Liên Xô và sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa là sự kiện cách mạng xã hội trọng đại nhất của thế kỷ XX. Đó là một tất yếu lịch sử, thể hiện quy luật phát triển khách quan của xã hội loài người, quy luật

chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản. Trong quá trình hình thành và phát triển, chủ nghĩa xã hội cũng như các chế độ khác mới ra đời trước đây, đã trải qua con đường không bằng phẳng, thăng thang, mà gập ghềnh, khúc khuỷu; có thuận lợi và khó khăn, thành công và vấp vấp; các nước xã hội chủ nghĩa có những chính sách, giải pháp đúng đắn, nhưng cũng có không ít sai lầm, kể cả những sai lầm gây ra những tổn thất rất lớn. Nhưng tất cả những cái đó không làm phai mờ được hiện thực vĩ đại là sự ra đời của Liên Xô, sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa, với vai trò lịch sử của nó, đã làm thay đổi sâu sắc bộ mặt hành tinh chúng ta. Nếu không có Cách mạng Tháng Mười và Liên Xô, lực lượng chủ yếu tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa quân phiệt; nếu không có sự tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, trong đó có sự tác động lớn lao của các nước xã hội chủ nghĩa và có phần của Việt Nam; nếu không có Liên Xô với nỗ lực rất lớn thực hiện được sự cân bằng chiến lược quân sự với đế quốc Mỹ và cùng với các nước xã hội chủ nghĩa, lực lượng nòng cốt trong phong trào đấu tranh bảo vệ hoà bình, ngăn chặn chủ nghĩa đế quốc gây ra chiến tranh hạt nhân, thì các dân tộc trên trái đất này sẽ sống ra sao? Trong lĩnh vực kinh tế và khoa học - kỹ thuật, các nước xã hội chủ nghĩa còn có một số mặt thua kém so với một số nước tư bản phát triển, nhưng so với toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa gồm hơn trăm nước, có những nước đã được xây dựng trải qua mấy trăm năm, thì sự phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa là sự thay đổi về chất cả về tốc độ và trình độ. Từ nước Nga lạc hậu, chỉ trong vòng hai mươi năm, Liên Xô đã trở thành một nước công nghiệp hùng cường đủ sức đánh

bại chủ nghĩa phát xít. Những năm 50-60, tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã tạo được sức hút mãnh liệt đối với nhân dân các dân tộc trên thế giới. Những năm 70, nhiều nước sau khi được giải phóng, thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, đã lựa chọn con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản không chỉ có trong lý thuyết mà được thể hiện trong cuộc sống. Cuộc khủng hoảng về nhiều mặt hiện nay ở một số nước xã hội chủ nghĩa là nghiêm trọng. Song đó không phải là khủng hoảng nảy sinh từ bản chất của chủ nghĩa xã hội. Sự rêu rao của bọn đế quốc về sự phá sản của chủ nghĩa cộng sản là hoàn toàn không có căn cứ. Những khó khăn mà chủ nghĩa xã hội đã và đang phải vượt qua là khó khăn trong quá trình phát triển, trong sự tìm kiếm những hình thức, phương pháp xây dựng một xã hội mới chưa từng có trong lịch sử, trong cuộc đấu tranh một mất một còn đối với những âm mưu và hành động thâm độc của chủ nghĩa đế quốc. Những người cộng sản không vì những điều đó mà động dao trước con đường đúng đắn đã lựa chọn. Các nước xã hội chủ nghĩa nhất định sẽ khắc phục được khó khăn, phát triển lên trình độ cao với chất lượng mới. Chúng ta tin rằng các dân tộc bị áp bức và bóc lột đang đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, sớm hay muộn sẽ đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới tránh được nguy cơ chiến tranh hủy diệt, nhân loại mới bảo tồn được cuộc sống, các dân tộc bị áp bức, lệ thuộc mới được giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giai cấp công nhân, nhân dân lao động mới trở thành người làm chủ xã hội.

2. Khẳng định tính tất yếu khách quan và phương hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình cải tổ, cải cách, đổi mới

Trong quá trình xây dựng và phát triển, các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng những năm gần đây, như trên đã nói, ở một số nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện nhiều khó khăn, trì trệ. Có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân: nhiều quan niệm về chủ nghĩa xã hội chưa được xác định đúng, có những nhận thức lệch lạc, ấu trĩ, nhiều chủ trương, chính sách không kịp thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, hoặc có sai lầm nghiêm trọng. Cải tổ, cải cách, đổi mới đối với các nước đó là một tất yếu khách quan, một quá trình có tính cách mạng nhằm nhận thức cho đúng và bổ sung những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội, khắc phục những sai lầm và khuyết điểm, đề ra những giải pháp đúng để đưa chủ nghĩa xã hội phát triển lên một giai đoạn mới. Điều kiện quyết định bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp cải tổ, cải cách, đổi mới là những người cộng sản nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp đúng đắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của mỗi nước, tìm ra những *hình thức, phương pháp và bước đi* thích hợp để thực hiện những mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Vận dụng nguyên lý một cách máy móc, thiếu sáng tạo, áp dụng rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, hoặc "sáng tạo" đi tới xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin đều là những khuynh hướng sai lầm, đưa đến những tác hại rất lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho sự nghiệp cải tổ, cải cách, đổi mới.

3. Nhận rõ bản chất và con đường diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế

Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản là bước tiến lớn của lịch sử loài người; song chế độ tư bản chủ nghĩa là chế độ tồn tại dựa vào sự bóc lột và áp bức giai cấp công

nhân và nhân dân lao động. Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản là lịch sử chống chọi những tội ác của chúng đối với nhân loại. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã tìm cách thích nghi nhất định với những điều kiện mới, lợi dụng được những thành tựu của khoa học, kỹ thuật tiến bộ, tiếp tục phát triển sản xuất, nhằm kéo dài cuộc sống của nó; nhưng điều đó không làm mất đi bản chất bóc lột, xâm lược và thối nát của chủ nghĩa tư bản cùng những mâu thuẫn nội tại của chúng. Trong điều kiện hiện nay, các mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc thực dân và các dân tộc, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau không mất đi, trái lại vẫn tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh từ các mâu thuẫn đó tất yếu dẫn đến sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản. Luận điểm của Lênin: chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn cuối cùng, giai đoạn giãy chết (nói cho đúng hơn là đang đi dần vào cõi chết không tránh khỏi) của chủ nghĩa tư bản vẫn đúng. Nhưng chúng ta không nên hiểu điều đó một cách giản đơn, thô thiển. Phải hiểu đó là cái chết của một hình thái kinh tế - xã hội, kéo dài hàng trăm năm, chết từng phần, chết từng bước, bắt đầu từ thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

Trong tình hình thế giới hiện nay, đấu tranh bảo vệ hoà bình, bảo vệ môi trường sống và đấu tranh cách mạng gắn bó mật thiết với nhau; đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình là cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa bằng những hình thức và phương pháp mới, trong đó có hình thức đối ngoại. Các nước xã hội chủ nghĩa dùng hình thức đối ngoại với các nước tư bản

chủ nghĩa để ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình thế giới là cần thiết. Xu thế đối thoại tăng lên những năm gần đây là điều tốt, nhưng không thể từ đó đi tới kết luận là thế giới đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại, làm lu mờ bản chất đấu tranh giai cấp trên thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc chưa bao giờ từ bỏ mục tiêu của chúng là xoá bỏ chủ nghĩa xã hội và xoá bỏ các phong trào cách mạng. Chúng chỉ điều chỉnh sách lược và phương pháp thực hiện mục tiêu đó mà thôi.

Những người cộng sản không xem xét phiến diện mặt phát triển của chủ nghĩa tư bản, không mất cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn thâm độc của bọn đế quốc, không mơ hồ trước những khẩu hiệu giả dối về nhân quyền, về dân chủ tự do của giai cấp tư sản. Chúng không có chút tư cách gì để nói về nhân quyền. Lịch sử đầy tội ác của chủ nghĩa tư bản, hai cuộc chiến tranh thế giới do chúng gây ra làm chết và bị thương hàng trăm triệu người, những cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đem lại biết bao đau khổ cho hàng nghìn triệu người ở các nước thuộc địa, những cuộc chúng đàn áp khủng bố dã man những người lao động ở các nước đế quốc, đó là bằng chứng hùng hồn nhất đập tan cái gọi là nhân quyền của chủ nghĩa đế quốc. Nhân dân Việt Nam hiểu rất rõ cái gọi là nhân quyền của đế quốc Mỹ khi chúng xâm lược Việt Nam, trút xuống đất nước ta một khối lượng bom đạn nhiều hơn khối lượng bom đạn trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

4. *Giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở quán triệt năm nguyên tắc và những chính sách đổi mới của Đảng*

Khi nêu năm nguyên tắc đổi mới, Nghị quyết Trung

ương 6 khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng ta. Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp". Cần khắc phục nhận thức lệch lạc cho rằng nước ta chưa có đủ điều kiện để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa nên hãy dừng lại ở trình độ dân chủ nhân dân; coi những khuyết điểm, sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội như là những khuyết tật của bản thân chế độ, từ đó cho rằng chủ nghĩa tư bản tốt hơn chủ nghĩa xã hội và động dao về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Căn cứ vào tình hình hiện nay, Hội nghị Trung ương 7 nhấn mạnh một số điểm sau đây về năm nguyên tắc và các chính sách đổi mới, khẳng định mục tiêu xã hội chủ nghĩa của chúng ta:

- Để đạt được mục tiêu xã hội chủ nghĩa, về lâu dài, chúng ta phải *làm cho quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân*. Trong thời gian dài, Đảng ta chủ trương "thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng mọi năng lực sản xuất", tức là không chủ trương vội vã cải tạo các thành phần kinh tế tư nhân chuyển thành kinh tế hợp tác xã hoặc kinh tế quốc doanh. Nhưng không thể từ đó mà coi nhẹ việc củng cố và phát triển cơ sở kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác. Cần tập trung sức xây dựng các cơ sở kinh tế quốc doanh chiếm các vị trí then chốt trong nền kinh tế và phát huy được vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Các hợp tác xã phải được củng cố và phát triển trong các ngành, nghề với hình thức và quy mô thích hợp. Khuyến hướng muốn tư nhân hoá

hàng loạt cơ sở kinh tế quốc doanh, thực hiện khoán trắng ở hợp tác xã là sai lầm. Thừa nhận kinh tế tư nhân cần thiết lâu dài đối với nền kinh tế quốc dân, khuyến khích mọi người đầu tư sản xuất, kinh doanh trong những ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh, nhưng phải bảo đảm sự hướng dẫn và kiểm soát của Nhà nước, hướng kinh tế tư nhân phát triển trong quỹ đạo xã hội chủ nghĩa và theo pháp luật, không để cho kinh tế tư nhân phát triển tự phát không đúng hướng cùng với những hoạt động phi pháp của họ.

Theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch, gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội; cần đổi mới nội dung và phương pháp kế hoạch hoá, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá, tiền tệ, nhưng *không thể coi nhẹ kế hoạch, coi nhẹ việc quản lý thị trường*. Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và các hình thức phân phối khác được pháp luật thừa nhận nhưng phải chống lại những hoạt động tìm kiếm thu nhập phi pháp và coi trọng từng bước phát triển phúc lợi xã hội phù hợp với khả năng của nền kinh tế. Trong sản xuất và kinh doanh, khuyến khích việc hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, nhưng phải chống cạnh tranh nhằm tiêu diệt lẫn nhau. Khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng trong khuôn khổ pháp luật cho phép, nhưng phải hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho những người có khó khăn phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống.

Trong lúc *mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại*, tham gia vào quá trình phân công lao động và hợp tác kinh tế với nước ngoài, trước hết chúng ta ưu tiên phát triển hợp tác kinh tế với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Đồng thời sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế với tất cả các nước, các công ty nước ngoài trên cơ sở hai bên cùng có lợi và không có điều kiện chính trị ràng buộc, nhưng phải chủ động phòng ngừa, tránh bị lệ thuộc, hạn chế đến mức thấp nhất cái giá phải trả.

- *Chế độ chính trị* của chúng ta là chế độ làm chủ của

nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng, là nền chuyên chính vô sản được thiết lập và củng cố từng bước vững chắc trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; từ phương hướng cơ bản đó chúng ta chủ trương xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị, không để cho các tổ chức chống đối chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động. Không coi việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần là thực hiện chủ trương đa nguyên về kinh tế. Nhân dân tự do bày tỏ ý kiến khác nhau với tinh thần xây dựng, nhằm mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là thực hiện quyền dân chủ trong chế độ ta.

Hội nghị Trung ương 6 đã chỉ rõ phải quán triệt chủ trương đổi mới toàn diện và đồng bộ, đồng thời mỗi bước đi phải xác định đúng khâu then chốt. Trong quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, chúng ta tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị. Không thể tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ không có giới hạn, không có mục tiêu cụ thể và không đi đôi với tập trung thì dẫn đến sự mất ổn định về chính trị, gây thiệt hại cho sự nghiệp đổi mới. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khẳng định *tiếp tục thực hiện chủ trương mở rộng dân chủ* trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng. Mở rộng dân chủ vừa tạo ra động lực to lớn cho công cuộc đổi mới, vừa thực hiện mục tiêu xây dựng quyền làm chủ của nhân dân. Đó là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ của nhân dân,

trước hết là công nhân, nông dân, trí thức. Trong quá trình mở rộng dân chủ phải nắm vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; mở rộng dân chủ phải có sự lãnh đạo của Đảng. Khi nói "lấy dân làm gốc" phải hiểu mỗi người dân đều có quan hệ giai cấp khác nhau nên có ý thức về lợi ích giai cấp khác nhau, trình độ giác ngộ chính trị cũng khác nhau. Biết lắng nghe ý kiến của nhân dân, tiếp thu ý kiến đúng, giải thích cho quần chúng biết những ý kiến sai. Đấu tranh chống những hành vi áp bức, ức hiếp nhân dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân nhưng phải phê phán khuynh hướng dân chủ tư sản, dân chủ cực đoan, những hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, vô chính phủ, lợi dụng dân chủ, công khai để đả kích chế độ, đả kích sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trong nhân dân, đồng thời trừng trị đích đáng, kịp thời những kẻ phá hoại thành quả cách mạng, làm suy yếu nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- *Trong công cuộc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa* đậm đà bản sắc dân tộc, phải coi trọng đời sống văn hoá của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, quan tâm đời sống tinh thần ở nông thôn và các vùng dân tộc thiểu số. Xây dựng lối sống lành mạnh, văn minh, phát huy những thuần phong, mỹ tục của dân tộc, giáo dục tinh thần quý trọng và bảo vệ các di tích lịch sử và cách mạng; chống mê tín dị đoan, lối sống xa hoa trụy lạc. Trên lĩnh vực văn nghệ, hướng văn nghệ sĩ đi sâu vào cuộc sống, vào thực tế của cuộc đấu tranh cho sự nghiệp đổi mới mà xây dựng tác phẩm có sức thuyết phục, giáo dục sâu sắc cái đẹp về tinh thần, tình cảm và tư tưởng đúng đắn cho công chúng, nhất là cho thanh niên. Khuyến khích tự do sáng tác, phê bình, giữ vững tính kế thừa của nền văn nghệ cách mạng; phê phán tư tưởng coi nhẹ hoặc phủ định những thành tựu to lớn của văn nghệ cách mạng và của lịch sử đấu tranh cách mạng, xa rời truyền thống tốt đẹp của dân tộc, truyền bá bạo lực, dâm ô, đồi trụy và những tư tưởng phi xã hội chủ nghĩa khác. Đấu tranh với

những hoạt động bè phái, mọi biểu hiện xa rời đường lối chính trị và tư tưởng của Đảng, đối lập văn nghệ với sự lãnh đạo của Đảng; khắc phục quan điểm sai như: Đảng chỉ nên "lãnh đạo và quản lý theo định hướng rộng", "để cho công chúng tự chọn lấy món ăn". Không vì khôi phục vị trí và giá trị tác phẩm cho một số văn nghệ sĩ trước đây mà đề cao họ một cách quá đáng, thậm chí làm sống lại những khuynh hướng bệnh hoạn của thời kỳ thực dân Pháp và Mỹ - nguy. Khắc phục tình trạng tiếp thụ không chọn lọc những quan điểm và tác phẩm văn nghệ nước ngoài.

- *Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng*, Đảng lãnh đạo cách mạng không phải là một đặc quyền, đặc lợi mà là sứ mệnh lịch sử, là trách nhiệm vẻ vang của Đảng đối với giai cấp, với dân tộc, được nhân dân giao phó. Chân lý giản đơn ấy đã được chứng minh bằng những thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được trong sáu thập kỷ qua. Đảng ta là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng phải được củng cố vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; phương pháp và phong cách lãnh đạo của Đảng phải được đổi mới theo hướng mở rộng dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong việc chuẩn bị và ra các quyết định, trong việc lựa chọn, bố trí cán bộ, tôn trọng thể chế và chức năng của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, khắc phục lối lãnh đạo quan liêu, độc đoán cá nhân, duy ý chí, bao biện, sự vụ, nhưng phải chống khuynh hướng phủ nhận, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo thông qua việc xây dựng cương lĩnh, đường lối, chiến lược, xác định những mục tiêu cơ bản của cách mạng, vạch ra những phương hướng, chủ trương, chính sách trên các lĩnh vực đối nội và đối ngoại để định hướng hoạt động của Nhà nước và của toàn dân; Đảng kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách; Đảng lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, bố trí cán bộ các cơ

quan của Đảng, chuẩn bị và giới thiệu các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước và đoàn thể quần chúng. Không được cho rằng "Đảng chỉ lãnh đạo bằng các định hướng lớn", để trên thực tế, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng.

- Hệ tư tưởng chỉ đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng ta luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của nó, vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện nước ta. Các tổ chức của Đảng phải hết sức quan tâm triển khai việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin một cách rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, mở rộng và tăng cường trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh chống lại mọi luận điệu phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Sức mạnh của cách mạng là sức mạnh tổng hợp. Phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Trước đây cũng như hiện nay, Đảng ta luôn luôn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống lại sự tiến công điên cuồng của bọn đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin và tình đoàn kết chiến đấu của phong trào cộng sản và công nhân thế giới một cách có lý, có tình. Trước sau như một, chúng ta nguyện làm hết sức mình nhằm tăng cường tình đoàn kết xã hội chủ nghĩa và sự hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, tăng cường mối quan hệ đặc biệt, gắn bó keo sơn không gì lay chuyển được với Lào và Campuchia anh em, tăng cường sự

đoàn kết với phong trào công nhân, phong trào đấu tranh của các dân tộc và phong trào của các nước tiến bộ trên toàn thế giới.

5. Nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự thống nhất ý chí và hành động trong xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực

- Điểm mấu chốt để nâng cao phẩm chất chính trị là tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên, thiếu niên, tinh thần yêu nước, lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, lập trường của giai cấp công nhân, lòng tự hào dân tộc và truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta; đó là tài sản vô cùng quý báu của dân tộc, của nhân dân. Ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện động dao về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phủ nhận những truyền thống tốt đẹp và quá khứ oanh liệt của dân tộc, của cách mạng. Giáo dục ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đề cao cảnh giác trước những âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế chống phá chủ nghĩa xã hội, không một chút lơ đãng về cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản.

- Giáo dục tinh thần học hỏi cầu tiến bộ, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và biết làm có lợi cho dân cho nước, có tinh thần đoàn kết tương trợ và hợp tác, lối sống lành mạnh, giản dị, tiết kiệm. Chống thói lười biếng, tư tưởng thực dụng chạy theo đồng tiền, lối sống xa hoa, trụy lạc. Cùng với công tác giáo dục phải xây dựng quy chế nhằm ngăn ngừa và khắc phục việc cán bộ lợi dụng chức quyền, tham ô, hối lộ, đặc quyền đặc lợi, quan liêu, hống hách với dân.

- Giáo dục cho mọi người ý thức làm tròn nghĩa vụ công dân, sống và làm việc theo pháp luật. Đấu tranh kiên quyết với những hành động lưu manh côn đồ phá rối trật tự an toàn xã hội, những hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, đấu

cơ, buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế, làm hàng giả, lưu hành văn hoá phẩm phản động, đồi trụy.

- Cán bộ, đảng viên cộng sản phải nêu cao tính đảng, ý thức tổ chức, kỷ luật, ý thức phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân, gương mẫu thực hành dân chủ, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đấu tranh chống tư tưởng địa phương, cục bộ, bản vị, gây chia rẽ bè phái. Toàn Đảng cần hết sức quan tâm đến công tác vận động quần chúng, thường xuyên xây dựng thực lực cách mạng.

III- ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Tình hình trên đây đòi hỏi các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể quần chúng phải *hết sức coi trọng công tác tư tưởng, tăng cường sự lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng*; kết hợp chặt chẽ sự lãnh đạo, quản lý tư tưởng với lãnh đạo, quản lý các mặt kinh tế, xã hội; kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức. Đó là điều kiện đầu tiên bảo đảm cho Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương được thực hiện tốt.

- Các cấp uỷ đảng, trước hết là đồng chí bí thư, trong sự lãnh đạo toàn diện của mình, phải coi việc lãnh đạo tư tưởng là công tác quan trọng số một, có chương trình kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, không khoán trắng cho các cơ quan chuyên môn, không buông trôi hoặc đưa lên cấp trên giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình; mỗi đảng viên phải xác định rõ trách nhiệm làm công tác tư tưởng của mình và phải phấn đấu làm tròn trách nhiệm đó.

- Trong sự quản lý toàn diện của Nhà nước đối với lĩnh vực tư tưởng văn hoá, vấn đề rất quan trọng hiện nay là phải khẩn trương pháp luật hoá, thể chế hoá các hoạt động báo

chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ. Trước mắt xem xét lại những văn bản pháp quy về công tác thông tin tuyên truyền, báo chí, xuất bản, văn học nghệ thuật, bổ sung sửa đổi những điểm cần thiết theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị; ban hành một số luật mới như Luật báo chí, xuất bản... Tích cực tuyên truyền, phổ biến và giáo dục những pháp luật đó trong nhân dân, coi trọng việc chỉ đạo thực hiện có kết quả những chính sách, chế độ, quy định. Nghiêm trị mọi hành vi vi phạm pháp luật. Đó là cơ sở để lập lại trật tự kỷ cương trên lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ. Trong ngân sách nhà nước phải dành phần thích đáng cho việc xây dựng cơ sở kỹ thuật, các phương tiện làm công tác tư tưởng, các hoạt động thông tin, báo chí, văn hoá văn nghệ. Cần có chính sách tài chính cho các hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin cổ động, văn hoá văn nghệ thích hợp với tính chất và nhiệm vụ của mỗi loại hoạt động này.

- Ban chấp hành các đoàn thể quần chúng cần có kế hoạch hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, bằng cách thường xuyên gặp gỡ trao đổi ý kiến với đoàn viên, hội viên, bằng những chương trình điều tra cơ bản, coi đó là một căn cứ quan trọng để tiến hành công tác tư tưởng. Nội dung và hình thức tuyên truyền cổ động, vận động quần chúng của các đoàn thể phải phong phú, sáng tạo, có tính thuyết phục và tính chiến đấu, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với tâm lý và điều kiện hoạt động của hội viên.

- Đổi mới công tác thông tin tuyên truyền cổ động, nhất là tuyên truyền miệng. Các đồng chí Uỷ viên Trung ương, tỉnh uỷ viên, thành uỷ viên, huyện uỷ viên, quận uỷ viên, các đồng chí phụ trách các bộ, sở phải được phân công định kỳ xuống các xí nghiệp, hợp tác xã, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang và công an nhân dân, gặp gỡ công nhân, nông dân, trí thức, bộ đội, công an, trực tiếp truyền đạt đường lối, chính sách của Đảng, trao đổi, thu thập ý kiến, trả lời những vấn đề do quần chúng nêu ra.

Thông tin phải theo định hướng của Đảng, chính xác, bảo vệ bí mật của Đảng và quốc gia; lấy việc phục vụ lợi ích của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường tình đoàn kết quốc tế làm mục đích cao nhất. Thông tin kịp thời những nhân tố mới, điển hình mới, những kinh nghiệm tốt, gây niềm tin có thể vượt qua khó khăn thử thách hiện nay, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực. Đấu tranh kịp thời với những hành vi lợi dụng dân chủ, công khai gây nhiễu thông tin, xuyên tạc, vu cáo, làm rối nội bộ. Công tác thông tin tuyên truyền cổ động cần được tiến hành thích hợp đối với mỗi tầng lớp quần chúng. Trong đó hết sức coi trọng việc toàn xã hội chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ, tổ chức phát động thanh niên cả nước lao động và học tập, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, qua đó mà giác ngộ chính trị, giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho thanh niên, học sinh, sinh viên...

- Báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ là những binh chủng trực tiếp tác chiến hàng ngày trên mặt trận tư tưởng, các cấp ủy đảng và lãnh đạo các ngành, đoàn thể phải lãnh đạo và quản lý tốt đội ngũ phóng viên, cán bộ biên tập, trước hết là tổng biên tập các báo chí, nhà xuất bản. Tạo điều kiện thuận lợi cho anh chị em làm tốt nhiệm vụ được giao: kịp thời thông tin những vấn đề về thời cuộc, chính sách, những chủ trương của cấp uỷ; tạo điều kiện cho anh em đi sát cuộc sống; từng thời gian đánh giá hoạt động của cơ quan báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ, biểu dương mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, khắc phục những khuyết điểm; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần và điều kiện làm việc của anh chị em, v.v.. Cần xử lý nghiêm những cán bộ phụ trách báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ có ý đồ sử dụng tờ báo, tạp chí, nhà xuất bản, các hoạt động văn hoá văn nghệ để tuyên truyền khuynh hướng, quan điểm sai lầm của cá nhân, cố tình làm trái với quan điểm của Đảng...

- Phải coi trọng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng. Công tác lý luận phải góp phần giải đáp kịp thời và sáng tỏ những vấn đề do cuộc đổi mới đặt ra, từng bước hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm đổi mới do Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị đề ra. Đổi mới giáo trình, giáo khoa, bài giảng và phương pháp giảng dạy bộ môn Mác - Lênin trong hệ thống các trường đảng, nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

- Các cấp uỷ tổ chức chu đáo đợt sinh hoạt chính trị để quán triệt nghị quyết này trong toàn Đảng. Chú ý làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn các quan điểm của Đảng. Làm cho mọi người quán triệt các quan điểm của Đảng, hiểu rõ uốn nắn những lệch lạc được nêu ra trong nghị quyết này không phải là thu hẹp, trái lại là *đẩy mạnh công cuộc đổi mới tiến lên đúng hướng và vững chắc*; việc nắm vững những nguyên tắc và chính sách đổi mới là thể hiện sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn nước ta, bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta thực hiện thắng lợi. Việc phê phán những quan điểm sai trái phải làm nghiêm túc, nhưng không thô bạo làm hạn chế sinh hoạt dân chủ trong Đảng, hạn chế việc phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên. Cần phân biệt những người có quan điểm sai lầm nhưng có ý thức kỷ luật

với những người không tôn trọng kỷ luật cố ý hành động sai trái. Hình thức, phương pháp sinh hoạt chính trị cần được cải tiến. Không chỉ truyền đạt nghị quyết mà còn chú ý khêu gợi vấn đề, cung cấp tư liệu, giúp cho mọi người suy nghĩ, trao đổi, thảo luận dân chủ, tự giác giải quyết những vấn đề nhận thức của mình.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các ngày lễ lớn năm 1990, trong cán bộ, đảng viên mở đợt nghiên cứu tư tưởng và đạo đức của Bác Hồ, có liên hệ kiểm điểm tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức phục vụ quần chúng, ý thức giữ gìn đoàn kết trong Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VI)**

Thưa các đồng chí thân mến,

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) tiến hành kỳ họp lần thứ bảy để bàn và ra Nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay". Đây là cuộc họp Trung ương có ý nghĩa rất quan trọng, có tác dụng chỉ đạo sâu sắc đối với công tác tư tưởng của Đảng ta hiện nay cũng như sau này.

Với sự nhạy cảm sắc sảo về chính trị, kỳ họp thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kịp thời phân tích những âm mưu và thủ đoạn rất sâu độc của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, đối với phong trào cách mạng thế giới. Chủ nghĩa đế quốc đang tăng cường cuộc tiến công chống lại phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa, chống lại phong trào giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập chủ quyền của các nước thế giới thứ ba. Đặc biệt, chưa bao giờ như hiện nay, chúng tập trung mũi nhọn cuộc tiến công vào các nước xã hội chủ nghĩa với các hành động điên cuồng và thủ đoạn thâm độc. Chúng đang hí hửng về điều mà Tổng

thống Mỹ Bươ ngày đêm trông đợi: "Hiện nay, chúng ta đang sống thời kỳ kết thúc một ý tưởng, sống ở chương cuối của thể nghiệm cộng sản" (Tuyên bố của Bươ ngày 24-5-1989). Đó là "giấc mơ giữa ban ngày" của bọn đại biểu cho chủ nghĩa chống cộng khét tiếng, không đội trời chung với chúng ta. Hội nghị Trung ương lần này đã đi qua các phong trào của nhân dân các lục địa chống lại các cuộc phản kích của chủ nghĩa đế quốc và cho rằng cuộc đấu tranh đó vẫn đang tiếp diễn dưới mọi hình thức, rằng ở đâu còn có áp bức, bóc lột và bất công xã hội thì ở đó còn có cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống lại chúng.

Chúng ta cũng đã bước đầu phân tích các quá trình cải cách đang diễn ra trong một số nước xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta rất thông cảm với những khó khăn mới nảy sinh và biểu lộ sự lo ngại sâu sắc về nguy cơ đe dọa chế độ xã hội chủ nghĩa ở vài nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Hội nghị nhận định rằng, tình hình quốc tế nói trên với những mức độ khác nhau đang tác động vào nước ta. Trước mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc, trước những ảnh hưởng tiêu cực của các khuynh hướng tư tưởng sai lầm ở một số nước xã hội chủ nghĩa, trước chủ trương đổi mới của Đảng ta, số đông cán bộ, đảng viên ta vẫn tỏ rõ lập trường tư tưởng đúng đắn, vững vàng. Điều này, thể hiện truyền thống cách mạng kiên định của Đảng ta, Đảng mácxít - leninnít chân chính, được Bác Hồ xây dựng, giáo dục và rèn luyện. Mặt khác chúng ta cũng nhận thấy, trước tình hình nói trên đã xuất hiện một số quan điểm tư tưởng lệch lạc trong một số ít cán bộ, đảng viên. Không thể coi thường những biểu hiện đó vì chúng có khả năng lây lan, hơn nữa mảnh đất để nuôi dưỡng các độc tố đó trong xã hội ta đang tồn tại, lại còn có tác động của những luồng tư tưởng sai trái từ bên ngoài vào. Chính vì vậy Hội nghị Trung ương 7 với thái độ nghiêm túc, thẳng thắn, đã thảo luận các vấn đề trên và đi đến những kết luận quan trọng. Những kết luận này là căn cứ để tiến hành công tác tư

tưởng, tổ chức các cuộc sinh hoạt chính trị trong các cấp, các ngành nhằm tạo ra sự nhất trí trong Đảng và trong nhân dân, đẩy mạnh sản xuất và công tác hướng vào mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

Sau đây, tôi xin nói thêm một số vấn đề. Đây chưa phải là toàn bộ các vấn đề mà bản Nghị quyết này đề cập và hội nghị đã thảo luận, nhưng theo tôi đây là những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất.

1. Trước đây, trong một thời gian dài, khi phân tích tình hình thế giới, chúng ta đều thống nhất nhận định: thế giới có *hai phe* (phe xã hội chủ nghĩa và phe tư bản chủ nghĩa), có *bốn mâu thuẫn cơ bản*, đó là mâu thuẫn giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nhân dân lao động với giai cấp tư sản trong các nước tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa và phong trào giải phóng dân tộc với chủ nghĩa đế quốc, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau. Vậy mà sau đó, trong một thời gian dài chúng ta không còn nhắc đến nữa. Phải chăng những luận điểm đó đã lỗi thời? Hoàn toàn không phải như vậy. Tôi cho rằng đây là một thiếu sót nghiêm trọng của chúng ta, trước hết là của công tác tư tưởng. Điều đó ít nhiều dẫn đến sự ngộ nhận trong một số người nào đó rằng bản chất của chủ nghĩa đế quốc đã thay đổi. Trên thực tế, chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc, chừng nào cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới thì những luận điểm leninnít nói trên vẫn giữ nguyên giá trị. Có khác chăng chỉ là những hình thức biểu hiện cụ thể của những mâu thuẫn đó trong từng thời kỳ và trong từng nước có sự thay đổi theo diễn biến của tình hình. Hơn nữa, cuộc sống ngày càng chứng minh hùng hồn những luận điểm này. Trong lời tuyên bố của Bươ mà tôi đã trích dẫn ở trên cũng như trong nhiều tuyên bố khác của các chính khách hàng đầu của thế giới tư bản, lời thể tiêu diệt chủ nghĩa xã hội của chúng đã được nói ra một cách trắng trợn, thẳng thừng. Chúng không chỉ nói, mà đã và đang hành động thực sự,

hành động một cách điên cuồng, ráo riết. Chỉ riêng việc bọn đế quốc, ... đang dùng trăm phương nghìn kế, hàng ngày hàng giờ tác động vào tình hình của một số nước xã hội chủ nghĩa, nhằm lái các nước này đi về phía "thế giới tự do" tư bản chủ nghĩa cũng đủ chứng minh cho "lòng lang dạ sói" của chúng.

Có ai phủ nhận được rằng các nhà tư bản ngày nay không còn bóc lột nhân dân nước họ nữa? Nếu chỉ nhìn vào hiện tượng, rút ra kết luận căn cứ vào trực giác thôi thì không tránh khỏi sự ngộ nhận. Chẳng hạn, cho rằng vì người dân của xã hội tư bản có mức sống cao, nên họ không còn bị bóc lột nữa. Chúng ta không phủ nhận nhiều người trong xã hội tư bản hiện nay có mức sống cao có nhiều tiện nghi sinh hoạt hiện đại hơn chúng ta. Điều này không có gì khó hiểu. Như Mác nói, mức sống và nhu cầu của một xã hội bao giờ cũng mang tính lịch sử, phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của năng suất lao động. Nhưng không nên quên rằng khoa học - kỹ thuật và năng suất lao động phát triển ngày càng cao dưới chế độ tư bản là điều kiện và phương tiện mạnh mẽ để tư bản hút được nhiều hơn lao động thặng dư của người lao động. Nhiều tài liệu nghiên cứu khoa học cho biết: một công nhân điều khiển máy móc hiện đại dưới chế độ tư bản hiện nay bị bóc lột giá trị thặng dư lớn gấp hàng chục lần so với người công nhân ở thế kỷ trước. Lao động càng có trình độ kỹ thuật cao, chất xám nhiều, càng bị bóc lột nặng nề. Tôi không muốn dẫn thêm nhiều thí dụ để nói lên các mặt trái khác của xã hội tư bản, vì ở trong hội nghị này đã có nhiều đồng chí đề cập. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh: bản chất bóc lột của nhà tư bản không hề thay đổi, chừng nào còn có nhà tư bản và lao động làm thuê. Do đó, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động vẫn tồn tại. Các cuộc bãi công, biểu tình đòi việc làm và tăng thu nhập của người lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả ở Mỹ, diễn ra thường xuyên chẳng phải là sự thực hùng hồn về mâu thuẫn đó sao? Còn như mâu thuẫn này bộc lộ thành những xung

đột xã hội lớn đến mức nào thì còn tùy thuộc ở những điều kiện khách quan và chủ quan khác.

Mâu thuẫn giữa các nước thuộc thế giới thứ ba và chủ nghĩa đế quốc cũng vẫn tồn tại. Chỉ cần nhắc lại những phát biểu nổi tiếng của đồng chí Phiden Caxtô-rô về nợ nần, về mua đất hàng công nghệ, bán rẻ nguyên liệu của các nước thế giới thứ ba trong quan hệ với các nước đế quốc cũng đủ cho ta thấy mâu thuẫn này gay gắt đến mức nào. Còn quan hệ giữa các nước đế quốc thì sao? Chúng là một "hội kín" (lời Mác) cùng đồng tâm nhất trí trong việc chống chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc, nhưng lại mâu thuẫn với nhau sâu sắc trong việc xâu xé lợi ích. Ba trung tâm tư bản: Mỹ, Cộng đồng kinh tế châu Âu và Nhật Bản đang là đối thủ đáng gờm của nhau thường xuyên gây ra các cuộc "chiến tranh kinh tế" để giành giật thị trường tiêu thụ, thị trường đầu tư và địa bàn bóc lột siêu lợi nhuận. Nếu thỏa hiệp với nhau không được, chúng không từ bỏ bất kỳ thủ đoạn nào để hất cẳng nhau không thương tiếc.

Thế giới hiện nay không chỉ có bốn mâu thuẫn cơ bản đó.

Còn có thêm mâu thuẫn cơ bản nữa là mâu thuẫn giữa các lực lượng bảo vệ hoà bình và các thế lực đế quốc hiếu chiến. Cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng này đang diễn ra xung quanh việc ngăn ngừa thảm hoạ hạt nhân đe dọa loài người, từng bước giải trừ quân bị, chống can thiệp và sử dụng bạo lực dưới mọi hình thức của chủ nghĩa đế quốc. Trong khi đế quốc Mỹ ngồi đàm phán với Liên Xô, một mặt chúng vẫn tiếp tục tiến hành chương trình "chiến tranh giữa các vì sao", xúc tiến học thuyết "chiến tranh cường độ thấp", hoàn thiện hơn các vũ khí chiến lược; mặt khác, chúng tăng cường củng cố hơn nữa vành đai quân sự xung quanh các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tiến bộ. Ở gần nước ta, mới đây chúng đã thiết lập kho vũ khí ở Thái Lan, và hiện nay đang mưu toan dùng lãnh thổ Xingapo làm căn cứ quân sự. Tất cả những việc chúng làm đó đều là những mắt xích của chiến lược rắn đe, dựa trên thế mạnh quân sự để chống Liên Xô, các nước

xã hội chủ nghĩa và các nước kiên trì bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc.

Những mâu thuẫn nói trên thể hiện rõ đặc điểm của giai đoạn đế quốc chủ nghĩa là giai đoạn giãy chết (nói cho đúng hơn là đang đi dần vào cõi chết không tránh khỏi). Chúng ta không nên hiểu "sự giãy chết" của chủ nghĩa đế quốc một cách đơn giản, quá thô thiển. Đó là cái chết của một hình thái kinh tế - xã hội, có thể kéo dài hàng trăm năm, chết từng phần và từng bước, được đánh dấu bằng thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Chúng ta cũng không quan niệm "sự giãy chết" của chủ nghĩa đế quốc như là sự "lịm dần" của một chế độ người bóc lột người cuối cùng trong lịch sử nhân loại. Chủ nghĩa đế quốc vẫn có những thay đổi về hình thức, phương pháp và thủ đoạn để thích nghi với tình hình, trong khi vẫn giữ nguyên bản chất; chúng ra sức chống đỡ và phản kích điên cuồng để kéo dài ngày tận số. Nhận định này mài sắc hơn nữa tinh thần cảnh giác của chúng ta. Nhận định này đòi hỏi chúng ta phải đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin để xem xét chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, không chút mơ hồ, ảo tưởng về bản chất của chúng. Chính vì vậy mà cuộc đấu tranh giai cấp để giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới vẫn tiếp diễn. Chính vì vậy mà chúng ta cần tăng cường chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đoàn kết với các lực lượng xã hội chủ nghĩa, lực lượng cách mạng, tiến bộ và hoà bình trên thế giới để tạo thành sức mạnh tổng hợp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế. Chúng ta cần nêu cao hơn nữa tinh thần bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chống lại có hiệu quả các âm mưu và hành động phá hoại sự toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của đất nước ta, chống lại mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác làm cho nước ta cũng như các nước xã hội chủ nghĩa đi chệch khỏi con đường xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy mà chúng ta

không có ảo tưởng ngày nay chủ nghĩa đế quốc đã dễ dàng chấp nhận chung sống hoà bình yên ổn với chúng ta, nhất là đối với các dân tộc đang đấu tranh bảo vệ nền độc lập và lựa chọn con đường đưa đất nước phát triển theo hướng tiến bộ. Ngay một nền hoà bình với nội dung không có chiến tranh hạt nhân huỷ diệt loài người muốn đạt được cũng phải trải qua cuộc đấu tranh kiên trì của nhân dân thế giới, trong đó Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đóng vai trò then chốt. Tôi đề nghị bằng nhiều cách khác nhau, chúng ta phải làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiểu rõ những vấn đề nói trên.

2. *Mục tiêu* bất di bất dịch của Đảng ta và nhân dân ta là *xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội*, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, trên đất nước Việt Nam. Đó là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ và của Đảng ta cách đây gần 60 năm. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta đã ghi rõ làm cách mạng tư sản dân quyền rồi tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Một dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ và của Đảng, đã làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám lịch sử, lập nên nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, đã tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến thần thánh vang dội địa cầu chống hai đế quốc xâm lược sừng sỏ của thế giới, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, dân tộc đó không có sự lựa chọn nào khác là tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là quy luật khách quan của thời đại, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới, được mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, như hai hội nghị của các Đảng cộng sản và công nhân quốc tế năm 1957 và năm 1960 đề ra. Đó cũng là biện chứng của cuộc sống: độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ tạo ra tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới củng cố và phát huy thành quả của độc lập dân tộc, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới mang lại cơm no áo ấm, hạnh phúc

cho nhân dân và phần vinh cho Tổ quốc. Con đường tư bản chủ nghĩa đứt khoát không phải là sự lựa chọn của nhân dân ta. Vì chúng ta hiểu quá trình ra đời của chủ nghĩa tư bản trong lịch sử đầy máu và nước mắt. Chúng ta không thể lặp lại con đường đau khổ đó của một bộ phận nhân loại, vì thời đại đã đổi khác, không thể dễ xảy ra sự phân hoá xã hội làm hai cực - một thiểu số giàu sang, những ông chủ, ở phía này và đại đa số người làm thuê bị bóc lột, áp bức ở phía khác. Nhân dân ta cũng không cho phép để nền độc lập tự do của dân tộc được đổi bằng sự hy sinh xương máu của biết bao thế hệ người Việt Nam chỉ tồn tại trên hình thức, vì đi theo con đường tư bản chủ nghĩa tất yếu sẽ dẫn đến sự lệ thuộc bằng cách này hay cách khác vào chủ nghĩa đế quốc dưới hình thức chủ nghĩa thực dân mới. Thực tế của nhiều nước trên thế giới chỉ rõ cho chúng ta bi kịch này. Chúng ta hiểu, một nước nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển, lại trải qua 30 năm chiến tranh tàn phá như nước ta, thì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội không dễ dàng. Có nhiều khó khăn to lớn phải vượt qua. Nhưng chúng ta tự giác chấp nhận thử thách vì nhận thức được tính tất yếu lịch sử con đường đi của mình. Vả lại, có chế độ kinh tế xã hội nào mới ra đời mà không trải qua những bước chông gai, thử thách? Thêm vào đó, con đường của chúng ta đi có nhiều gặp ghềnh còn vì những khuyết điểm, sai lầm của chúng ta về phương pháp, hình thức và bước đi xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không vì những khuyết điểm chủ quan do sự nôn nóng, bệnh duy ý chí, "ảo tưởng đưa chúng ta lên cao" trong buổi ban đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội mà chúng ta lại nghi ngờ bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, nghi ngờ quyết tâm của người cộng sản xây dựng xã hội mới. Chúng ta đã trả giá đắt cho những sai lầm của mình. Vì vậy, bài học mà chúng ta rút ra được thật là thấm thía. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI đã công khai nói lên tất cả sự thật đó và đã vạch ra phương hướng đúng đắn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ. Tiếp sau đó, nhiều

nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị đã cụ thể hoá phương hướng chung của Đại hội sát hợp với tình hình nước ta. Nhờ đó, chúng ta đã thu được những kết quả bước đầu quan trọng, tạo ra niềm tin trong nhân dân như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu đã xác nhận. Tôi muốn nói những điều trên để một lần nữa khẳng định con đường mà chúng ta đang đi là đúng đắn. Những người cộng sản và nhân dân lao động nước ta, bất luận trong hoàn cảnh nào cũng kiên trì mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đứt khoát không chấp nhận con đường tư bản chủ nghĩa. 3. Muốn đạt được mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì *cách mạng Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Đó là Đảng đại diện cho ý chí và lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin sáng tạo, được Bác Hồ xây dựng và rèn luyện. Không phải ngẫu nhiên mà Đảng ta nắm vai trò độc quyền lãnh đạo cách mạng, được tuyệt đại đa số nhân dân ta thừa nhận. Đó là sự giao phó của lịch sử. Trước khi Đảng ta thành lập, đã có không biết bao nhiêu phong trào yêu nước do các đại diện khác nhau của các tầng lớp nhân dân lãnh đạo. Đó là phong trào Văn Thân, bao gồm các sĩ phu yêu nước đã cùng nhân dân nổi dậy chống thực dân Pháp. Họ đã thừa lòng dũng cảm và đức tính hy sinh quên mình vì nghĩa lớn. Nhưng rút cục, họ đều lần lượt thất bại. Trong khi nhà chí sĩ Phan Chu Trinh tìm đường cứu nước nhờ "thiện chí giúp đỡ" của phương Tây tư bản chủ nghĩa, thì nhà yêu nước Phan Bội Châu hướng về phương Đông, phía cường quốc Nhật Bản "cùng giống da vàng", nhưng cuối cùng họ phải nuốt hận vì đó chỉ là ảo tưởng. Những người yêu nước tiểu tư sản tập hợp trong tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng, lòng tràn đầy nhiệt huyết, thể không đội trời chung với chế độ thực dân, đã từng làm nên một Yên Bái oanh liệt nhưng vì không có một hệ tư tưởng đúng đắn dẫn đường nên cũng đã thất bại. Từ đó, Bác Hồ và Đảng đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng, đưa nhân dân ta đi

từ thắng lợi này đến thắng lợi khác: 15 năm giành được độc lập dân tộc, 30 năm tiến hành hai cuộc kháng chiến thắng lợi, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đảng của Bác Hồ quang vinh và vĩ đại, cách mạng và khoa học, vững vàng chèo lái con thuyền Việt Nam vượt qua bao nhiêu sóng to gió lớn, trước sau là nguồn tự hào của mỗi chúng ta, cả đảng viên và quần chúng. Trong quá trình lãnh đạo của mình, Đảng ta không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió, mà có nhiều lúc gặp khó khăn, có lúc phạm phải sai lầm. Điều chủ yếu là Đảng dũng cảm tự phê bình sâu sắc, rút kinh nghiệm để tiến lên. Cứ mỗi lần vấp ngã, Đảng lại tích lũy thêm những bài học quý giá. Có được một Đảng như vậy là niềm hạnh phúc lớn lao nhất của mỗi chúng ta. Nhưng không tránh khỏi có một số ít người dao động, nhăm mắt trước sự thật lịch sử, hoài nghi hoặc phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng. Hiện nay, những nhiệm vụ cách mạng to lớn đang đặt ra trước Đảng và nhân dân ta. Tình hình thế giới có nhiều mặt thuận lợi nhưng cũng có không ít khó khăn, phức tạp. Hơn lúc nào hết, Đảng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên nêu cao tính tiên phong, tính giai cấp, đã vững vàng càng vững vàng hơn, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo quần chúng. Không thể chấp nhận mà còn phải nghiêm khắc phê phán và thi hành kỷ luật những đảng viên có hành động vô trách nhiệm, vô tổ chức, vô kỷ luật như làm đầu têu, xúi bẩy một số quần chúng làm rối an ninh trật tự công cộng; hoạt động bè phái làm sút mẻ khối đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân. Đảng phải theo lời căn dặn của Bác Hồ bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như bảo vệ con ngươi của mắt mình. Mọi đảng viên phải nói và làm theo Nghị quyết của Đảng như Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ năm đã khẳng định. Đảng khuyến khích và tạo điều kiện để đảng viên cống hiến tài năng và trí tuệ vào sự nghiệp xây dựng đất nước và xây dựng Đảng, đồng thời Đảng cũng đòi hỏi đảng viên nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, chống những tư tưởng và hành động sai trái,

mọi sự đả kích có dụng ý xấu vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Trước tình hình mới phát sinh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như trong nước ta, Đảng và mỗi đảng viên phải *nâng cao hơn nữa trình độ lý luận Mác - Lênin, quan điểm giai cấp công nhân để vận dụng đúng đắn vào việc giải quyết các vấn đề do cách mạng đặt ra*. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn là kim chỉ nam chỉ dẫn con đường của chúng ta đi. Không được giáo điều, rập khuôn, công thức cứng nhắc. Việc học tập, nắm vững và vận dụng phép biện chứng duy vật, linh hồn sống và thực chất của chủ nghĩa Mác - Lênin, là nhiệm vụ thường xuyên của mỗi đồng chí lãnh đạo, mỗi đảng viên. Bác Hồ đã dạy chúng ta phải dùng cái tinh thần, cái phương pháp cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng vào điều kiện cụ thể của nước ta. Chân lý là cụ thể. Cách mạng là sáng tạo. Công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta hiện nay đang đặt ra biết bao nhiêu vấn đề phải giải đáp, không có ai thay thế chúng ta để làm nhiệm vụ đó. Nghị quyết Đại hội VI và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị sở dĩ đi vào được cuộc sống và mang lại kết quả bước đầu cũng là nhờ có sự vận dụng sáng tạo. Nhưng còn biết bao nhiêu vấn đề nữa chưa được đặt ra hoặc chưa được nghiên cứu thấu đáo, trong đó có việc xây dựng Cương lĩnh Đảng. Chính vì vậy mà chúng ta chưa đủ căn cứ để nói rõ đầy đủ về đặc điểm của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Tôi muốn nhấn mạnh thêm một vài điều về *vấn đề dân chủ* là đề tài được nhiều đồng chí quan tâm phát biểu trong hội nghị. Chúng ta khẳng định, muốn đổi mới thắng lợi, không thể không phát huy dân chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, văn học nghệ thuật, v.v.. Để dân chủ trở thành lực đẩy sự nghiệp cách mạng phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, thực hiện đúng đắn "dân là gốc". Việc này chúng ta đã và đang làm, tinh thần dân chủ đã được khơi dậy một bước, đặc biệt trong lĩnh

vực kinh tế. Còn phải làm tốt hơn nữa. Những biểu hiện mất dân chủ, thiếu dân chủ còn đầy rẫy khắp nơi, nhiều tiếng kêu oan ức của người dân vẫn chưa được giải quyết. Nhưng chúng ta phải nắm vững, dân chủ của ta là dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ có lãnh đạo và lãnh đạo phải dựa trên việc phát huy đầy đủ dân chủ. Việc phát huy dân chủ phải đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa, về bản chất, như Lênin nói gấp triệu lần dân chủ tư sản. Vì đó là nền dân chủ thực sự, dân chủ đối với nhân dân lao động, công nhân, nông dân, lao động trí óc, và đối với các tầng lớp nhân dân khác. Mặt khác phải thực hiện chuyên chính đối với kẻ thù của nhân dân. Chúng ta không cho phép mọi hành động lợi dụng dân chủ để phục vụ cho ý đồ xấu của cá nhân hoặc một nhóm người chống chế độ xã hội chủ nghĩa. Hội nghị Trung ương lần này đã tỏ rõ sự nhất trí rất cao không chấp nhận tự do hoá tư sản, "chủ nghĩa đa nguyên", đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập nhằm phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội và vai trò lãnh đạo của Đảng. Không thể không thấy đó là âm mưu chính trị phản động của kẻ thù giai cấp, và dân tộc. Chúng ta quyết không mắc mưu xảo quyệt của bọn đế quốc và các loại phản động. Đối với chúng ta, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là đủ. Nó vừa tạo điều kiện cho tự do cá nhân phát huy, vừa tạo hành lang để cho sự tự do đó không vượt khỏi nguyên tắc. Nguyên tắc tập trung dân chủ đã, đang và sẽ tạo ra sức mạnh cho Đảng ta và xã hội ta.

5. Sau cùng, tôi xin nói về vấn đề *quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa*.

"Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức trên thế giới liên hiệp lại", khẩu hiệu này đang là đòi hỏi khẩn thiết có tính thời sự của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đảng ta được Bác Hồ lãnh đạo và giáo dục là tấm gương sáng mẫu mực có quyền tự hào luôn luôn trung thành với khẩu hiệu đó. Những người Cộng sản Việt Nam và nhân dân

Việt Nam với lòng chân thành ghi nhận, quý trọng và biết ơn sự chi viện nhiều mặt, có hiệu quả, của giai cấp công nhân và nhân dân các nước, đặc biệt là của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em đối với cuộc cách mạng của nhân dân ta. Mặt khác, cách mạng Việt Nam cũng đã có những đóng góp xứng đáng vào phong trào cách mạng của thế giới. Chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam đã mở đầu quá trình tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới. Với thắng lợi mùa Xuân 1975, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta đã góp phần làm thay đổi tương quan lực lượng trên thế giới có lợi cho các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, hoà bình và tiến bộ. Mỗi một thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều có tác động sâu xa đến sự phát triển mạnh mẽ của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Nhiều Đảng anh em và bạn bè khắp năm châu đã công nhận điều đó; chính kẻ thù cũng phải nhìn nhận thực tế đó.

Hiện nay, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang đặt ra nhiều vấn đề mới phức tạp. Đặc biệt, ở một số nước xã hội chủ nghĩa đang gặp nhiều khó khăn, bọn đế quốc

và lực lượng phản động đang câu kết với nhau phá hoại thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của chúng ta là bằng mọi cách ra sức góp phần củng cố khối đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, ủng hộ lực lượng xã hội chủ nghĩa và lực lượng cách mạng trong các nước này bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có nghĩa vụ ủng hộ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Thưa các đồng chí thân mến,

Chắc chắn rằng con đường tiến lên của cách mạng nước ta cũng như của các trào lưu cách mạng trên thế giới sẽ không dễ dàng song, được vũ trang bằng những tư tưởng đúng đắn, bằng quyết tâm mới, trên cơ sở những thắng lợi bước đầu đã đạt được, chúng ta tin tưởng và vững bước tiến lên theo con đường đổi mới đã vạch ra. Đó cũng là cách tốt nhất thể hiện tấm lòng của toàn Đảng, toàn dân ta đối với Bác Hồ, luôn luôn ghi nhớ và làm theo *Di chúc* của Bác để lại cho chúng ta đến nay vừa đúng hai mươi năm. Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương.

Xin chúc các đồng chí sức khoẻ, có nhiều nghị lực trong công cuộc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng như Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7 lần này.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (KHOÁ VI)

Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay

Từ ngày 15-8 đến ngày 24-8-1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) đã tiến hành kỳ họp lần thứ bảy để bàn và ra nghị quyết một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã chủ trì Hội nghị và đọc bài phát biểu trong phiên họp bế mạc Hội nghị.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) có ý nghĩa rất quan trọng. Hội nghị đã phân tích tình hình tư tưởng trong Đảng và nhân dân trước những diễn biến lớn trên thế giới và của công cuộc đổi mới ở nước ta, đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng trong tình hình hiện nay. Nghị quyết của Hội nghị có ý nghĩa chỉ đạo sâu sắc đối với công tác tư tưởng của Đảng ta và đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương nhận định công cuộc đấu tranh cho hoà bình, ngăn ngừa chiến tranh hạt

nhân ngày càng mở rộng và tập hợp được đông đảo nhân dân thế giới. Phong trào bảo vệ độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc, chống đế quốc tiếp tục phát triển. Công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới đang diễn ra ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa, một số nước đang gặp những khó khăn nghiêm trọng. Ở nước ta, công cuộc đổi mới đã thu được những kết quả bước đầu, song tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới hiện nay, trước hết là những âm mưu và hành động điên cuồng chống phá chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa đế quốc, tình hình cải tổ, cải cách ở một số nước xã hội chủ nghĩa cùng với những khó khăn về kinh tế - xã hội trong quá trình đổi mới ở trong nước đã tác động đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta.

Số đông cán bộ đảng viên và nhân dân vẫn phát huy truyền thống cách mạng tốt đẹp, tỏ rõ lập trường tư tưởng đúng đắn, vững vàng kiên trì thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra và những nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị. Song trước những diễn biến phức tạp mới của tình hình, trong một số ít cán bộ, đảng viên đã xuất hiện một số tư tưởng lệch lạc, sai lầm nếu không sớm ngăn chặn và khắc phục có thể dẫn tới những tác hại không nhỏ.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định một số nhiệm vụ về công tác tư tưởng.

Khẳng định tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội và những thành tựu vĩ đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, hơn lúc nào hết, chúng ta tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có trách nhiệm góp phần phấn đấu tích cực của mình vào việc bảo vệ và phát huy những thành quả của chủ nghĩa xã hội, góp phần củng cố khối đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Khẳng định sự cần thiết khách quan của công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới của nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Điều kiện quyết định bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp cải tổ, cải

cách, đổi mới là nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp đúng đắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước, đề ra được đường lối, chính sách cải tổ, cải cách, đổi mới đúng đắn.

Nhận rõ bản chất của chủ nghĩa tư bản, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế. Chủ nghĩa đế quốc đang tấn công các nước xã hội chủ nghĩa bằng những hành động điên cuồng và thủ đoạn thâm độc. Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đoàn kết với các lực lượng xã hội chủ nghĩa, lực lượng cách mạng, lực lượng tiến bộ và hoà bình trên thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nêu cao hơn nữa tinh thần bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của đất nước.

Giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, quán triệt năm nguyên tắc cơ bản và những chính sách đổi mới đã được khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI). Những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng kiên trì con đường mà Bác Hồ đã chọn là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, dứt khoát không đi con đường tư bản chủ nghĩa.

Nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường sự nhất trí về chính trị trong xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực. Hiện nay, những nhiệm vụ cách

mạng to lớn đang đặt ra trước Đảng ta và nhân dân ta. Tình hình thế giới có nhiều thuận lợi, nhưng không ít khó khăn, phức tạp. Hơn lúc nào hết, Đảng đòi hỏi mỗi cán bộ đảng viên nêu cao tính tiên phong của giai cấp công nhân, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng, khắc phục những tư tưởng sai lầm, xứng đáng là người đảng viên cộng sản. Đảng cũng yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải lắng nghe và tiếp thu những ý kiến đóng góp, phê bình đúng đắn với tinh thần xây dựng của nhân dân đối với Đảng, đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội, nêu cao tính chiến đấu, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi sự đả kích có dụng ý xấu vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh rằng cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng đang diễn ra gay gắt và phức tạp, đòi hỏi các cấp uỷ Đảng, các cơ quan chính quyền, các đoàn thể phải luôn luôn tỉnh táo, hết sức coi trọng công tác tư tưởng, tăng cường lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng, đó là điều kiện đầu tiên bảo đảm cho Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) được thực hiện tốt.

Việc đổi mới sự lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng như Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) đã chỉ rõ, phải nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, bảo đảm tính chủ động, kịp thời, tính chiến đấu sắc bén, phục vụ tích cực việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng và toàn dân, thúc đẩy công cuộc đổi mới, khắc phục tâm trạng

bi quan, mất cảnh giác; uốn nắn kịp thời những nhận thức lệch lạc, chủ động phản kích những luận điệu thù địch. Ban Bí thư sẽ có chỉ thị tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng và các hình thức khác để quán triệt nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) trong toàn Đảng, toàn dân.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 155-TB/TW, ngày 1 tháng 9 năm 1989

Về công tác của Thành phố Hồ Chí Minh

Trong hai ngày 28 và 29-8-1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nghe Thường vụ Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo tình hình thành phố và đã cho ý kiến như sau:

1. Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí chính trị, kinh tế, văn hoá hết sức quan trọng, gắn bó chặt chẽ với khu vực Nam Bộ (cũ) và với cả nước, góp phần phát triển sự hợp tác kinh tế giữa nước ta và các nước Lào, Campuchia.

Xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển của thành phố là một vấn đề lớn cần được nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện.

Bộ Chính trị giao cho Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và một số bộ, ngành ở trung ương có liên quan, với sự tham gia của một số ban đảng, cùng với Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch 5 năm, 10 năm phát triển toàn diện Thành phố Hồ Chí Minh để trình ra Bộ Chính trị trong vòng 5, 6 tháng tới.

2. Trước mắt, cần chú ý làm những việc cấp bách sau đây:

- Bằng mọi cách khôi phục được sản xuất công nghiệp

quốc doanh (trung ương và địa phương) và tiểu thủ công nghiệp trong thành phố, khắc phục bằng được tình trạng nhiều cơ sở sản xuất ngưng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng, công nhân, viên chức thiếu hoặc không có việc làm.

Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo gấp các ngành tài chính, ngân hàng cùng với thành phố giải quyết các vấn đề vốn, lãi suất vay vốn, thuế, thu quốc doanh, ngân sách địa phương, v.v., tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất hoạt động trở lại, cải tiến quản lý, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm và phát triển sản xuất, theo cơ chế hạch toán kinh doanh, kiên quyết không trở lại cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

- Động viên các nguồn vốn trong xã hội, quan tâm từng bước đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị các cơ sở sản xuất trong thành phố nhằm phát huy những năng lực và công suất sẵn có.

Thành phố phải tiết kiệm chi tiêu ngoại tệ, dành số ngoại tệ hợp lý cho chương trình đổi mới thiết bị, tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm có chất lượng cao, góp phần hạn chế nhập khẩu những hàng tiêu dùng mà thành phố và trong nước sản xuất được.

- Thành phố có nhiều vấn đề lớn về chính trị, tư tưởng, an ninh, xã hội cần được điều tra, nghiên cứu, phân tích kỹ để có phương hướng từng bước ổn định trên các lĩnh vực đó. Bộ Chính trị sẽ dành thời gian cho ý kiến tiếp về vấn đề này.

Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh và các ban của Đảng giúp
Ban Bí thư trình Bộ Chính trị phương hướng phấn đấu ổn
định các mặt nói trên.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**DIỄN VĂN CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH TẠI CUỘC MÍT TÍNH
KỶ NIỆM 44 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ QUỐC KHÁNH 2-9**

Ngày 2 tháng 9 năm 1989

*Thưa các đồng chí,
Thưa các bạn,
Thưa các vị khách quốc tế,*

Hôm nay, chúng ta cùng nhau họp mặt tại đây để kỷ niệm
trọng thể ngày lễ vẻ vang của dân tộc Việt Nam, 44 năm
ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9,
ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đọc bản *Tuyên ngôn
độc lập*, khai sinh Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở
Đông Nam Á, kết thúc chế độ phong kiến đã tồn tại hàng
nghìn năm và 80 năm đô hộ của chủ nghĩa thực dân Pháp.
Đó cũng là thắng lợi của 15 năm đấu tranh anh dũng của
Đảng Cộng sản Việt Nam, chính đảng mácxít - leninnít do
Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, từ khi ra đời đã trở thành
lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, sau khi

phong trào văn thân và cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng bị thất bại.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã làm nên những kỳ tích vang dội, đóng góp xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc và sự nghiệp cách mạng thế giới: Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến 9 năm, thúc đẩy quá trình sụp đổ của chế độ thuộc địa và chủ nghĩa thực dân kiểu cũ; cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, mở ra giai đoạn cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân mới.

Mười bốn năm qua, nhân dân ta đã vượt qua biết bao hy sinh gian khổ, vừa phải thường xuyên đối phó với những âm mưu và hành động xâm lược, phá hoại của nước ngoài để bảo vệ đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế vẻ vang.

Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, nhân dân ta đã triển khai công cuộc đổi mới và đã đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng.

Tuy chúng ta đang còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp, nhưng với những kinh nghiệm và thắng lợi đã giành được, với sự nỗ lực phấn đấu vượt mọi trở ngại của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, nhất định chúng ta sẽ đưa đất nước ta tiến lên giành những thắng lợi mới.

Chúng ta có thể khẳng định rằng, ngày nay, cách mạng Việt Nam vững mạnh hơn bao giờ hết. Lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chiếu sáng con đường chúng ta đi, đang trở thành động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Nhìn lại con đường cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta đã đi qua, chúng ta có đầy đủ căn cứ thực tiễn để khẳng định những chân lý sau đây mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã nêu lên là:

Một, trong thời đại ngày nay, *độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới củng cố vững chắc và phát huy thành quả của độc lập dân tộc, đưa nước nhà từng bước tiến lên giàu mạnh, nhân dân ấm no, hạnh phúc.

Hai, thắng lợi của cách mạng Việt Nam ngày nay là kết quả của *sự kết hợp đúng đắn sức mạnh của dân tộc* đã được lịch sử đấu tranh quật cường hàng nghìn năm hun đúc lên với *sức mạnh của thời đại*.

Ba, *sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam* là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi của cách mạng nước ta. Lịch sử gần 60 năm qua của cách mạng Việt Nam đã chứng minh chân lý này. Thực hiện được sứ mệnh cao quý đó vì Đảng ta được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin và biết vận dụng đúng đắn vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta; có đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng, được rèn luyện trong đấu tranh gian khổ; biết dựa vào dân và động viên tập hợp được nhân dân các dân tộc vùng lên làm cách mạng.

Kỷ niệm ngày lễ vẻ vang của dân tộc, chúng ta kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, của biết bao thế hệ các anh hùng, liệt sĩ đã anh dũng chiến đấu, hy sinh, đem lại cho đất nước thắng lợi vẻ vang ngày nay. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nhà nước ta, tôi nhiệt liệt biểu dương sự cống hiến to lớn trong cuộc đấu tranh và lao động quên mình của giai cấp công nhân, nông dân lao động, đội ngũ trí thức, của cộng đồng các dân tộc, của thanh niên, phụ nữ, lực lượng vũ trang anh hùng của chúng ta và sự đóng góp của kiều bào ở nước ngoài.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam không tách rời sự giúp đỡ to lớn, sự ủng hộ quý báu của Liên Xô, của Lào và Campuchia, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác cũng như tình đoàn kết và sự giúp đỡ của bè bạn quốc tế khắp năm châu. Nhân ngày lễ lớn của dân tộc Việt Nam, tôi xin

bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bè bạn và nhân dân tiến bộ trên thế giới. Đặc biệt, trong tháng 9 lịch sử đáng ghi nhớ này, tôi muốn nói đến chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa vô tư, trong sáng của nhân dân Việt Nam đối với đất nước và nhân dân Campuchia. Mọi người đều biết, đáp lại lời kêu gọi giúp đỡ của nhân dân Campuchia anh em, đúng 10 năm trước, quân tình nguyện Việt Nam đã vượt qua mọi hy sinh, gian khổ, cùng với nhân dân Campuchia đánh đổ chế độ diệt chủng man rợ nhất trong lịch sử loài người. Hàng chục ngàn người con thân yêu của nhân dân Việt Nam đã hy sinh trong khi làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia. Ngày nay, cách mạng Campuchia đã lớn mạnh, toàn bộ quân đội Việt Nam sẽ được rút hết về nước trước ngày 30-9-1989. Trong buổi lễ trọng thể này, chúng ta kính cẩn nghiêng mình trước những anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Vinh quang thay những chiến sĩ quốc tế đã hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trở về Tổ quốc. Đảng và Nhà nước ta, toàn thể nhân dân ta với tình cảm thân thương chào đón những người con thân yêu trở về với Tổ quốc và sẽ làm hết sức mình để ổn định đời sống của các chiến sĩ.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cũng như những chiến công và thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh cách mạng nửa thế kỷ qua, luôn gắn liền với sự lớn mạnh của các trào lưu cách mạng thế giới, với kỷ nguyên mới của nhân loại bắt đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Chính thắng lợi lịch sử của Liên Xô trong cuộc đấu tranh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít hung hãn, sự hình thành và phát triển vững mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, cuộc đấu tranh bền bỉ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa cùng phong trào giải phóng dân tộc, phong trào bảo vệ hoà bình của hàng trăm triệu người trên hành tinh đã tạo ra những điều kiện bên ngoài vô cùng thuận lợi

đối với cách mạng nước ta. Nhân dân Việt Nam cũng có quyền tự hào chính đáng về những cống hiến của mình đối với cách mạng thế giới, đối với những thay đổi cách mạng sâu sắc và không thể đảo ngược được diễn ra trên hành tinh chúng ta, trong quá trình giải phóng loài người khỏi ách áp bức và bóc lột. Nhân ngày lễ lớn của dân tộc, một lần nữa chúng ta bày tỏ lòng tự hào là một thành viên trong đại gia đình các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Chúng ta hiểu rõ những giá trị to lớn, đích thực mà chủ nghĩa xã hội thế giới đã đem lại cho nhân dân ta và cho các dân tộc khác trên thế giới. Trong một thời gian tương đối ngắn, chủ nghĩa xã hội đã khẳng định sức sống mãnh liệt của mình là chế độ xã hội tất yếu thay thế chủ nghĩa tư bản trong quá trình tiến lên của lịch sử loài người. Từ nước Nga lạc hậu, Liên Xô đã trở thành một nước công nghiệp hùng cường, đã góp phần quyết định đánh bại chủ nghĩa phát xít và ngày nay, cùng với các nước xã hội chủ nghĩa khác, tạo ra thế cân bằng chiến lược về quân sự, là lực lượng chủ yếu ngăn chặn âm mưu của chủ nghĩa đế quốc gây chiến tranh hạt nhân. Các nước xã hội chủ nghĩa với chính sách ngoại giao tích cực đấu tranh giữ gìn hoà bình, chỉ viện cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước thuộc địa và các dân tộc bị áp bức, ủng hộ cuộc đấu tranh vì dân chủ, dân sinh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa. Nếu như ngày nay, lần đầu tiên từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, loài người đã được sống hơn 40 năm không có chiến tranh thế giới do chủ nghĩa đế quốc gây ra, thì trước hết là do có Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Thử hỏi, điều gì sẽ xảy ra, nếu như không có Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa? Chủ nghĩa đế quốc sẽ còn hoành hành như thế nào, chà đạp như thế nào lên quyền sống và phẩm giá của các dân tộc? Chủ nghĩa xã hội cũng đã đem lại cho nhân dân quyền được lao động, ánh sáng của văn hoá, phúc lợi xã hội và một nền dân chủ thực sự, dân chủ cho nhân dân lao động.

Sự thật đã chỉ rõ rằng, trong thời gian qua, mặc dù chưa được xây dựng và phát triển đầy đủ, kể cả những vấp vấp, sai lầm nghiêm trọng của đảng này, đảng khác, chủ nghĩa xã hội vẫn chứng tỏ những mặt ưu việt của một chế độ xã hội mới, đã đóng góp quyết định vào những thay đổi sâu sắc trên bản đồ chính trị thế giới. Từ một nước Nga Xôviết, ngày nay chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới. Hàng trăm quốc gia đã giành được độc lập dân tộc. Trong đó có nhiều nước đang đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phong trào đấu tranh vì dân chủ, dân sinh, hoà bình và tiến bộ xã hội ngày càng lớn mạnh. Chủ nghĩa đế quốc không thể làm mưa, làm gió như trước đây đối với số phận của các dân tộc. Địa bàn thống trị và thao túng của chúng ngày một thu hẹp dần. Những đổi thay vĩ đại đó không thể tách rời vai trò của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, cũng như các chế độ khác mới ra đời, chủ nghĩa xã hội không phải bao giờ cũng phát triển theo một con đường thẳng tắp mà không gặp phải những bước tròng trành, thậm chí có nơi có lúc không tránh khỏi sai lầm dẫn đến tổn thất lớn. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, hiện nay ở một số nước xã hội chủ nghĩa đang gặp những khó khăn gay gắt, kể cả khủng hoảng. Qua kinh nghiệm bản thân, chúng ta thấy rõ đây là "cơn đau đẻ" của sự sinh thành. Cần khắc phục cơ chế kìm hãm lỗi thời cản trở sự phát triển để làm cho chủ nghĩa xã hội mạnh hơn, năng động và có hiệu quả hơn. Thực là sai lầm nếu vì những khó khăn đó mà phủ nhận những thành tựu lịch sử vĩ đại của chủ nghĩa xã hội và dao động về con đường xã hội chủ nghĩa. Chính sự nghiệp cải tổ, cải cách và đổi mới đúng hướng tạo ra xung lực mới, khơi dậy các tiềm năng vật chất và tinh thần để xã hội xã hội chủ nghĩa tiến bước mạnh mẽ. Chúng ta vững tin ở sự nghiệp cải tổ, cải cách mà một số nước anh em đã bắt đầu, mặc dù trước mắt còn phải vượt qua những thử thách to lớn. Điều phức tạp là trong quá trình đó, xuất hiện những lực lượng đối lập đủ mọi

mâu sắc, lợi dụng dân chủ hoá và công khai hoá để "đục nước béo cò".

Đặc biệt, trước những vấp vấp, khủng hoảng ở một số nước xã hội chủ nghĩa, các thế lực đế quốc chủ nghĩa, nhất là Mỹ, đã mở chiến dịch tấn công diên cuồng chống chủ nghĩa xã hội. Một mặt, chúng ra sức tuyên truyền về "thế giới tự do", về sự "vĩnh hằng" của chủ nghĩa tư bản và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa; mặt khác dưới chiêu bài đòi dân chủ, đa nguyên chính trị và nhân quyền, chúng kích động các lực lượng chống đối, can thiệp sâu vào công việc nội bộ của một số nước xã hội chủ nghĩa với mưu đồ làm cho các nước này xa rời con đường xã hội chủ nghĩa. Rõ ràng, chủ nghĩa đế quốc không bao giờ thay đổi mục tiêu xoá bỏ chủ nghĩa xã hội.

Đúng như Bác Hồ nói: "đế quốc, đánh chết, nét không chữa". Có khác chăng là trong tình hình mới, chúng sử dụng những sách lược, thủ đoạn mới hiểm độc hơn. Hơn bao giờ hết, chúng ta phải kiên quyết vạch trần những âm mưu xảo quyệt của chủ nghĩa đế quốc, cùng phối hợp hành động, đẩy lùi và làm thất bại những thủ đoạn đen tối của chúng chống phá các nước xã hội chủ nghĩa.

Nhân dân Việt Nam nguyện làm hết sức mình nhằm tăng cường tình đoàn kết anh em và hợp tác toàn diện với Liên Xô, với các nước xã hội chủ nghĩa khác nhằm củng cố và phát triển chủ nghĩa xã hội thế giới.

Trước sau như một, chúng ta gìn giữ và phát triển mối quan hệ gắn bó keo sơn, nâng cao hiệu quả trong quan hệ hợp tác nhiều mặt với Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Nhà nước Campuchia; vun đắp mối quan hệ đặc biệt giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

Chúng ta bày tỏ tình đoàn kết chiến đấu với nhân dân Cu Ba anh hùng; ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Nicaragua, Ápganixtan, Palextin, cũng như cuộc đấu tranh của các nước khác ở châu Á, Trung Mỹ, Trung Đông và châu

Phi nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền, chống lại các hành động xâm lược và can thiệp của chủ nghĩa đế quốc.

Nhân dân Việt Nam quý trọng tình hữu nghị và tăng cường sự hợp tác nhiều mặt với nhân dân Ấn Độ.

Chúng ta ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân do chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, gây ra, chống chạy đua vũ trang, giữ gìn và củng cố hoà bình trên toàn thế giới.

Chúng ta ủng hộ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa vì dân chủ, dân sinh và tiến bộ xã hội.

Chúng ta ủng hộ việc mở rộng quan hệ hợp tác giữa các nước trong khu vực và các nước khác trên thế giới trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Chúng ta biết ơn sự ủng hộ và giúp đỡ của Chính phủ và nhân dân Thụy Điển và một số nước Bắc Âu khác.

Một lần nữa, Việt Nam bày tỏ thiện chí sớm bình thường hoá quan hệ với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, giải quyết các vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng hoà bình.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong gần ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội đất nước ta từ Nam chí Bắc đã diễn ra một quá trình đổi mới mạnh mẽ và sâu sắc. Những kết quả quan trọng bước đầu đạt được trong thời gian qua chứng minh tính đúng đắn của Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, của các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhất là Nghị quyết Hội nghị 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3

năm nay. Dựa trên lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tổng kết thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đường lối đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI đã vạch ra những phương hướng đúng đắn nhằm đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên mở đầu bước ngoặt quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. So với thời gian lịch sử hơn 30 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, thời gian từ Đại hội VI đến nay thật là ngắn ngủi, song những chuyển biến đã đạt được trên nhiều lĩnh vực thật có ý nghĩa và triển vọng mở ra thật đáng khích lệ.

Trên mặt trận kinh tế, chúng ta đã bắt đầu những đổi mới cơ bản và đã đem lại những kết quả rõ rệt. Chính sách kinh tế nhiều thành phần nhằm phát huy mọi năng lực sản xuất hiện có, vận dụng mọi hình thức kinh tế thích hợp; tạo điều kiện cho mọi công dân quyền tự do sản xuất kinh doanh theo pháp luật. Đảng xác định rõ chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật đối với quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội. Chính sách đó thừa nhận sự tồn tại của các hình thức sở hữu và các loại hình tổ chức kinh tế gắn liền với các hình thức sở hữu đó, chừng nào chúng còn phát huy tác dụng đối với tiến bộ xã hội, tức là chừng nào chúng chưa bị một hình thức kinh tế có năng suất và hiệu quả cao hơn thay thế. Theo tinh thần đó, Nhà nước sẽ bảo đảm không quốc hữu hoá những cơ sở tư nhân kinh doanh hợp pháp, bảo đảm quyền sở hữu, sử dụng và thừa kế. Đảng cũng chủ trương sử dụng các hình thức tư bản nhà nước từ thấp đến cao. Luật kinh doanh mà Nhà nước ta đang nghiên cứu và sẽ trình Quốc hội ban hành thể hiện đầy đủ các phương hướng nói trên.

Hơn hai năm qua, nhờ thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, nền kinh tế nước ta đã có những khởi sắc, sống động, các tầng lớp nhân dân đã hăng hái đầu tư vốn liếng, vật tư nguyên liệu, kỹ thuật và sức lao động để phát triển sản xuất. Hàng chục ngàn cơ sở sản xuất, dịch vụ mới mọc lên, đáp ứng nhiều loại mặt hàng thiết yếu cho xã hội, thu

hút được một lực lượng lao động đáng kể vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong khi chủ trương mở rộng và khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, Nhà nước ta không ngừng chăm lo củng cố và tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất quốc doanh, nhiều cơ sở trong khu vực kinh tế này đã vươn lên đổi mới cách làm ăn, gắn sản xuất với tiêu thụ, trang bị thêm kỹ thuật mới, tự trang trải và có tích lũy. Tuy vậy, phần lớn các xí nghiệp quốc doanh vẫn ở trong tình trạng trung bình và yếu kém. Tình hình đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau mà các nghị quyết của Trung ương đã nhiều lần chỉ rõ.

Những tháng vừa qua nhiều cơ sở kinh tế quốc doanh lại đứng trước những thử thách mới: hàng hoá tồn đọng không tiêu thụ được, hàng nước ngoài tràn vào ô ạt, lãi suất vay ngân hàng cao, thiếu vốn lưu động để hoạt động, một bộ phận công nhân phải nghỉ việc, v.v.. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có những chỉ thị cần thiết cho Hội đồng Bộ trưởng để khắc phục những khó khăn mới nảy sinh. Nhờ đó, một số cơ sở sản xuất quốc doanh ở trung ương và địa phương đã dần dần gượng dậy được, một số cơ sở khác đang tích cực chuẩn bị những điều kiện để phục hồi. Dù sao, đây vẫn đang là nhiệm vụ nặng nề, đòi hỏi sự nỗ lực to lớn của các ngành trung ương, địa phương cũng như của các đơn vị cơ sở. Bất luận trong trường hợp nào chúng ta cũng không thể để cho kinh tế quốc doanh, xương sống của toàn bộ nền kinh tế quốc dân sa sút.

Yêu cầu cấp bách và then chốt là phải nhanh chóng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của kinh tế quốc doanh, tạo điều kiện và đòi hỏi kinh tế quốc doanh thực sự phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, thực hiện vai trò đó bằng các biện pháp kinh tế. Chính sự lớn mạnh của kinh tế quốc doanh là điều kiện cần thiết cho sự phát triển của kinh

tế hợp tác xã và kinh tế tư nhân, bảo đảm cho các thành phần này hoạt động đúng hướng. Đứng trước những khó khăn tạm thời của kinh tế quốc doanh xuất hiện trong thời gian gần đây, đâu đó đã có những đề nghị tư nhân hoá một phần lớn kinh tế quốc doanh. Rõ ràng đó là khuynh hướng sai lầm, xa rời con đường xã hội chủ nghĩa mà chúng ta không thể chấp nhận.

Trong nông nghiệp, với cơ chế "Khoán 10", xuất hiện động lực mới trong sản xuất, tạo ra sự gắn bó trực tiếp giữa người lao động với tư liệu sản xuất, giữa lao động với thu nhập, đưa lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Nhờ đó, hơn một năm nay nông sản hàng hoá trên thị trường đã dồi dào hơn, đặc biệt là lương thực. Lần đầu tiên sau nhiều năm, chúng ta có dự trữ lương thực tương đối khá và còn có thể trả nợ một phần và xuất khẩu một ít để mua vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, khâu trung tâm cần tăng cường tác động để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là Nhà nước và hợp tác xã chăm lo đầy đủ hoạt động dịch vụ cho giai đoạn trước và sau sản xuất, nhất là khâu tiêu thụ nông sản cho nông dân.

Chúng ta đã tiến hành những biện pháp rất quan trọng nhằm chuyển từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế quản lý nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, có thể kết luận dứt khoát rằng những thay đổi đó là *không thể đảo ngược* và chúng ta kiên quyết không để cơ chế cũ phục hồi. Chúng ta cũng thấy rõ những yêu cầu cấp bách phải tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, kịp thời điều chỉnh và bổ sung những biện pháp cần thiết, nhất là quản lý kinh tế vĩ mô nhằm thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển.

Những tháng vừa qua giá cả đã ổn định, nhìn chung có tác động tích cực đến sản xuất, lưu thông và đời sống. Song có hiện tượng đáng lo ngại là giá lương thực ở nhiều nơi xuống thấp, không đủ khuyến khích nông dân tiếp tục đầu tư, thâm canh, gia tăng mạnh mẽ sản lượng lương thực hàng

hoá. Giá cả một số cây công nghiệp cũng xuống thấp đã ảnh hưởng không thuận lợi đến sản xuất. Nhà nước phải tác động có chủ đích đến giá cả, bảo đảm giá bảo hiểm đối với những sản phẩm thiết yếu để thông qua lợi ích của người lao động mà thúc đẩy sản xuất phát triển.

Thị trường trong và ngoài nước đã được mở rộng một bước. Cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để tiêu thụ sản phẩm của nông nghiệp, của các xí nghiệp quốc doanh và các ngành, nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Dĩ nhiên, thị trường mà chúng ta nói ở đây là thị trường có kế hoạch chứ không phải thị trường tự phát. Nhà nước trung ương cần tăng cường quản lý, tiến tới làm chủ những cân đối kinh tế vĩ mô rất cơ bản: cân đối ngân sách, cân đối ngoại tệ và thanh toán quốc tế, cân đối tiền và hàng, v.v.. Chúng ta phải đổi mới công tác kế hoạch hoá, sử dụng có phối hợp các chính sách kinh tế, các công cụ luật pháp để sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá đi đúng kế hoạch, bảo đảm các cân đối chính yếu nhất của nền kinh tế quốc dân cả về hiện vật và giá trị. Sự lỏng lẻo trong quản lý vĩ mô, sự giảm sút kỷ luật kỷ cương trong một bộ phận cán bộ các cấp đã làm nảy sinh biết bao nghịch lý trong nền kinh tế quốc dân: trong khi Nhà nước thiếu ngoại tệ để trang trải những nhu cầu thiết yếu nhất thì một khối lượng lớn ngoại tệ bị xài phí bằng cách nhập ô tô sang trọng, thuốc lá, rượu, bia hộp, v.v..

Khâu yếu kém rõ rệt nhất hiện nay là công tác tài chính. Nhà nước huy động được quá ít thu nhập quốc dân vào ngân sách nhà nước. Kỷ luật, kỷ cương về tài chính bị buông lỏng nên để tuột khỏi tay Nhà nước một khối lượng lớn tiền của. Cơ chế, tổ chức và cán bộ chưa đổi mới tương xứng cũng tạo ra những khe hở cho bọn xấu lợi dụng làm giàu bất hợp pháp. Chúng ta ủng hộ những người làm giàu chính đáng, bằng lao động của chính mình và có đóng góp cho Nhà nước. Đồng thời phải kiên quyết thực hiện sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, điều tiết những người có thu nhập cao và ngăn chặn tất cả những hành động làm ăn phi pháp, trốn

thuế, lậu thuế, buôn đi bán lại để ăn chênh lệch giá rất phi lý, v.v.. Cần sớm kiện toàn ngành tài chính, thu đúng và đủ các nguồn thu theo luật định, tăng cường kỷ luật tài chính nhà nước. Phải nói rằng, thu thuế không chỉ là trách nhiệm của ngành tài chính mà còn là trách nhiệm của chính quyền các cấp. Nói chung, mỗi cấp phải có trách nhiệm cân đối thu chi của cấp mình cho hợp lý, tăng thu, tiết kiệm chi, không gây thêm khó khăn cho ngân sách trung ương.

Sản xuất kinh doanh phát triển là cơ sở để tăng thu ngân sách. Trong những tháng gần đây, nhiều địa phương và cơ sở đã tích cực cải tiến quản lý, đổi mới mặt hàng, đổi mới thiết bị, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Nhiều cơ sở đã bắt đầu khôi phục được sản xuất, tìm ra phương hướng đi lên. Đó là chuyển biến bước đầu quan trọng, góp phần tăng thu ngân sách.

Đẩy mạnh sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm nghiêm ngặt, vì sản xuất mà không tiết kiệm thì như Bác Hồ nói, chẳng khác gì "gió vào nhà trống". Tiết kiệm trong sản xuất và xây dựng, trong chi tiêu hành chính và tiêu dùng cá nhân. Hiện nay trong xã hội ta có một bộ phận người tiêu dùng vượt quá xa thực trạng sản xuất. Phải lên án và nghiêm trị một số cán bộ tiêu cực có lối sống đàng điếm, ăn nhậu xa xỉ, tiêu tiền như nước bằng các thủ đoạn ăn cắp của công.

Để thúc đẩy sản xuất trong nước và góp phần làm lành mạnh nền tài chính quốc gia, Đảng và Nhà nước tha thiết kêu gọi mọi người dùng hàng nội do ta sản xuất, hạn chế dùng hàng ngoại nhất là xa xỉ phẩm, chỉ nhập khẩu những hàng hoá cần thiết mà ta chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ dùng. Đó là sự thể hiện lòng yêu nước và tinh thần tự trọng dân tộc của người Việt Nam ta.

Cùng với việc khuyến khích mạnh mẽ đầu tư trong nước, chúng ta đã ban hành Luật đầu tư đối với người nước ngoài và đã thu được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu quan trọng. Sắp tới đây, đất nước ta đứng trước những điều kiện thuận lợi mới đồng thời cũng có những khó khăn và

thách thức mới trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Chúng ta chủ động, tích cực mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với nhiều hình thức thích hợp nhằm thu hút vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý để xây dựng đất nước, đưa nền kinh tế đất nước ta tiến nhanh hơn.

Trước sau như một, chúng ta ưu tiên phát triển hợp tác kinh tế toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, tích cực động viên các tiềm năng trong nước, cải tiến cơ chế quản lý xuất nhập khẩu, thực hiện đầy đủ các cam kết của mình. Đồng thời chúng ta sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với tất cả các nước, các công ty, các tổ chức quốc tế trên cơ sở hai bên cùng có lợi và không có điều kiện chính trị ràng buộc.

Tất cả các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế tranh thủ mọi khả năng để mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại, song tuyệt đối không giản đơn, ảo tưởng, chỉ thấy một chiều thuận lợi, không thấy hết khó khăn phức tạp và những thách thức mới. Chúng ta sẵn sàng tiếp thu những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật, những tinh hoa văn hoá của nhân loại, kết hợp với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, song chúng ta kiên quyết bài trừ lối sống tư sản, văn hoá đồi trụy, những khuynh hướng tư tưởng phi vô sản.

Những nhiệm vụ to lớn và mới mẻ đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đổi mới vững chắc tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và pháp chế xã hội chủ nghĩa trên cơ sở mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, đó là những phương hướng chủ yếu để đổi mới lĩnh vực này.

Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo, là người khởi xướng và đi đầu trong công cuộc đổi mới. Đảng kịp thời phân tích tình hình, đề ra những phương hướng, chủ trương lớn, những giải pháp đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng chân chính của nhân dân. Kiên trì những nguyên tắc cơ bản của

chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời hết sức sáng tạo, năng động và linh hoạt, tiếp thu những nhận thức mới và kinh nghiệm mới, Đảng ta nhất định sẽ hoàn thành những nhiệm vụ mới đề ra. Phương pháp và phong cách lãnh đạo của Đảng phải được đổi mới theo hướng mở rộng dân chủ trong thảo luận, trong chuẩn bị các quyết định, trong việc lựa chọn và bố trí cán bộ, tôn trọng thể chế và chức năng của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Theo phương hướng này, các cơ quan đảng phải tập trung vào chức năng lãnh đạo của mình, khắc phục những biểu hiện bao biện, làm thay, sự vụ, vừa hạ thấp công tác lãnh đạo của Đảng, vừa không phát huy được vai trò của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

Nâng cao vai trò của Nhà nước là cơ quan do dân và vì dân. Hiện nay, khâu trung tâm cải tiến hoạt động của Nhà nước là nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý của Nhà nước trên cơ sở làm rõ chức năng, đổi mới tổ chức và cán bộ cũng như phương thức hoạt động. Đặc biệt, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với hoạt động quản lý của các tổ chức sản xuất kinh doanh; Nhà nước không can thiệp vào phạm vi tác nghiệp cụ thể của các đơn vị kinh tế. Trên cơ sở chức năng mới mà sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn, xoá bỏ những đầu mối không cần thiết, đào tạo và bố trí lại cán bộ phù hợp với chức năng mới quản lý vĩ mô. Công cuộc đổi mới và yêu cầu mở rộng dân chủ cũng đang đòi hỏi Nhà nước ta khẩn trương ban hành các chính sách và luật lệ phù hợp, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức tập trung quyền lực của nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Vì vậy, cần đổi mới một cách căn bản tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử, làm cho Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thật sự là cơ quan quyền lực của nhân dân, hoạt động có hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vừa qua, việc Quốc hội biểu quyết thông qua Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và

Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là một trong những hướng tích cực đáp ứng yêu cầu trên. Các cấp uỷ đảng và cấp chính quyền cần chỉ đạo tốt các hội nghị hiệp thương lựa chọn người xứng đáng để bầu vào hội đồng nhân dân các cấp.

Chúng ta chủ trương đổi mới toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng, văn hoá và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đồng thời, trong mỗi bước đi phải xác định khâu then chốt để tập trung sức giải quyết. Trong quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, chúng ta *tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế*, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thực hiện quan điểm đó, trong gần ba năm qua, nhiều nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước ban hành tập trung giải quyết các vấn đề kinh tế. Việc mở rộng dân chủ *trước hết* cũng nằm trong lĩnh vực kinh tế. Như thực tế đã chứng minh, việc mở rộng dân chủ trong kinh tế đã đem lại tác dụng to lớn: bước đầu giải phóng tiềm năng của các thành phần kinh tế, hàng chục triệu người được tự do sản xuất và lưu thông sản phẩm theo luật pháp, quyền tự chủ của các đơn vị sản xuất, kinh doanh được tôn trọng, v.v.. Nhờ đó, sức sản xuất xã hội được phát triển một bước, đời sống của một bộ phận lớn dân cư được cải thiện, quần chúng cảm nhận được rõ ràng lợi ích thiết thân của sự nghiệp đổi mới mà Đảng ta chủ trương. Từ đó, họ càng tin tưởng và tích cực đổi mới. Chúng ta hoàn toàn bác bỏ luận điệu vô căn cứ của một số ít người cho rằng Đảng ta không đổi mới hệ thống chính trị, hạn chế dân chủ hoá. Thực tế chỉ rõ, chúng ta đang đổi mới trên nhiều lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội, nhưng phải xác định đúng đắn bước đi và nắm vững khâu then chốt. Chúng ta không chủ trương tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ và công khai không có giới hạn, làm như vậy tức là "xé rào" về chính trị. Trong lĩnh vực này, bất kỳ sự phiêu lưu nào cũng sẽ dẫn đến mất ổn định về chính trị và gây phương

hại không thể lường hết hậu quả cho công cuộc đổi mới kinh tế cũng như toàn bộ sự nghiệp đổi mới nói chung. Nói về dân chủ thì đâu đó ở nước ta cũng đã xuất hiện ý kiến cho rằng vì có nhiều thành phần trong kinh tế nên cũng phải có nhiều đảng phái chính trị và đa nguyên về hệ tư tưởng. Họ không thấy rằng, kinh tế nhiều thành phần với vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh là nhằm mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chú ý rằng các thành phần kinh tế tư nhân dưới nền chuyên chính vô sản không còn nguyên nghĩa như dưới chế độ cũ. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa sử dụng vừa cải tạo các thành phần này theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta đã chiến đấu lâu dài, hy sinh biết bao xương máu để giành chính quyền, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không cho phép bất cứ lực lượng nào thành lập các đảng đối lập để chống chính quyền nhân dân, chống chủ nghĩa xã hội. Một nền dân chủ đích thực hay một nền dân chủ hình thức không tùy thuộc ở chỗ có một đảng hay nhiều đảng. Vấn đề cơ bản là nền dân chủ đó phục vụ cho tầng lớp nào và giai cấp nào trong xã hội. Đó là điều vô lòng của nhận thức mácxít - lêninnít. Nền dân chủ của chúng ta là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ đối với nhân dân lao động và chuyên chính đối với kẻ thù của nhân dân. Vì vậy, nền dân chủ đó, về bản chất như Lênin nói, gấp triệu lần dân chủ tư sản. Nói như vậy không có nghĩa là hiện nay chúng ta đã có một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đầy đủ. Vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, để có được một nền dân chủ như vậy chúng ta cần phải phấn đấu lâu dài. Hiện nay trong xã hội ta vẫn còn nhiều hiện tượng mất dân chủ, vi phạm quyền làm chủ của dân, có lúc có nơi diễn ra nghiêm trọng. Những hành động của một số cán bộ, đảng viên trù dập dân, xâm phạm đến lợi ích chính đáng của dân, độc đoán áp đặt ý kiến sai trái của mình bắt dân theo, v.v. là hoàn toàn xa lạ với bản chất dân chủ và nhân đạo của xã hội ta. Không thể để kéo dài mãi tình trạng đó. Bằng sức mạnh của giáo dục và áp lực của công luận, bằng kỷ luật, kỷ

cương và pháp luật nghiêm minh, chúng ta phải mạnh mẽ lên án và loại trừ chúng ra khỏi đời sống xã hội. Mặt khác, đây đó cũng đã xuất hiện khuynh hướng dân chủ cực đoan và lợi dụng dân chủ để thực hiện mưu đồ cá nhân, gây phương hại cho lợi ích của Đảng và xã hội. Dân chủ không phải là muốn nói gì thì nói, viết gì thì viết, làm gì thì làm bất chấp hậu quả ra sao. Đó thực chất là hành động vô chính phủ. Ấy vậy mà khi Đảng ta uốn nắn lại những lệch lạc đó, có một số người cho rằng làm như vậy là hạn chế dân chủ, "là cánh cửa dân chủ chưa kịp mở ra đã vội đóng lại", v.v.. Cần thấy rằng dân chủ bao giờ cũng phải gắn liền với tập trung, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đó là hai mặt của một vấn đề, mà nếu làm khác đi chúng ta sẽ không có dân chủ thực sự. Một lần nữa, chúng ta tuyên bố kiên quyết bác bỏ chủ nghĩa đa nguyên, đa đảng, đảng đối lập, cần thấy rõ trên bình diện thực tiễn - chính trị đó là âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và phản động nhằm làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta, làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng và khối đoàn kết toàn dân.

Chúng ta kiên quyết chống lại âm mưu lợi dụng đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị hòng gây rối loạn trong xã hội, làm xói mòn niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng và chủ nghĩa Mác - Lênin. Đổi mới là đổi mới cách nghĩ và cách làm để xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, chứ không phải để phủ nhận tất cả và mưu tìm một con đường nào khác ngoài chủ nghĩa xã hội để giải quyết những vấn đề của chúng ta.

Hơn bao giờ hết, chúng ta cần tăng cường công tác tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đề cao truyền thống cách mạng và những giá trị đạo đức tốt đẹp của cha ông, đạo đức xã hội chủ nghĩa, học tập và làm theo lời dạy của Bác: "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư".

Chúng ta rất đau lòng nhận thấy trong mấy năm gần đây, một số mặt của đời sống xã hội xuống cấp nghiêm trọng. Tệ mê tín dị đoan, tình trạng phạm tội, lưu manh, cờ bạc, trộm cắp, đi điếm có chiều hướng tăng lên, an ninh trật tự và an toàn xã hội xấu đi. Công tác tư tưởng phải góp phần cùng các ngành hữu quan và toàn xã hội có những biện pháp tích cực hạn chế và đẩy lùi những tệ nạn xã hội đó.

Tới đây, một trong những trọng tâm công tác của Đảng, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các đoàn thể quần chúng cũng như của các cơ quan giáo dục là xây dựng chiến lược con người, vì "muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa". Trong đó, việc chăm lo đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ, các đoàn viên thanh niên cộng sản - những người cộng sản trẻ tuổi chưa vào Đảng - có một ý nghĩa quyết định.

Bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội ta, phát huy và tận dụng sáng tạo bản chất cách mạng và khoa học của nó, đó là một phương hướng rất quan trọng của công tác tư tưởng. Thường xuyên nâng cao tính chiến đấu, kịp thời vạch trần một cách sắc bén những luận điệu xuyên tạc của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động, đập lại những chiến dịch tuyên truyền bôi nhọ chủ nghĩa xã hội, đề cao cảnh giác cách mạng, chặn đứng những âm mưu và hành động nguy hiểm của chúng nhằm phá hoại thành quả cách mạng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam vừa họp Hội nghị toàn thể lần thứ bảy và đã ra nghị quyết về công tác tư tưởng trong tình hình mới, đã quyết định phát động một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng nhằm nâng cao sự nhất trí sâu sắc trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Trên cơ sở thống nhất về tư tưởng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên và cán bộ, toàn Đảng, toàn dân tăng cường đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ra sức thực hiện đường lối đổi mới như Nghị

quyết Đại hội VI và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ ra.

Là một Đảng cách mạng trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn tỏ ra vững vàng và bền nhậy trước những khúc quanh lịch sử. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, nhất định Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, đưa đất nước tiếp tục tiến lên trên con đường đổi mới nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam yêu dấu của chúng ta.

Trong những ngày lịch sử này, tấm lòng của mỗi chúng ta đều hướng về Bác Hồ, vị cha già dân tộc, mà những lời dạy bảo của Người luôn luôn truyền cho chúng ta niềm tin, sức mạnh và quyết tâm trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Những lời tâm huyết của Bác được thể hiện tập trung trong bản *Di chúc* thiêng liêng mà Bác để lại cho toàn Đảng và toàn dân ta.

Để hướng tới ngày kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác, và nhân dịp kỷ niệm 20 năm Bác để lại *Di chúc* thiêng liêng của Người, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định công bố toàn văn tất cả những văn kiện thuộc *Di chúc* của Bác Hồ. Mỗi người chúng ta cần thường xuyên ôn lại *Di chúc* của Bác và nguyện làm theo lời Bác dạy, đó là sự thể hiện cụ thể tấm lòng của chúng ta biết ơn Bác, đi theo con đường mà Bác đã vạch ra. Cũng nhân dịp này, tôi xin thông báo với đồng bào: Bộ Chính trị đã quyết định thực hiện *Di chúc* của Bác về việc miễn giảm một năm thuế nông nghiệp. Hội đồng Bộ trưởng sẽ chuẩn bị phương án để trình Quốc hội xem xét vấn đề này.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9 là một dịp để chúng ta khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển nổi của toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục thực hiện con đường cách mạng vinh quang mà Chủ tịch

Hồ Chí Minh, Đảng ta và dân tộc ta đã lựa chọn. Chúng ta nguyện sẽ làm hết sức mình để thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập và xã hội chủ nghĩa, đem lại tự do, dân chủ và hạnh phúc cho nhân dân ta.

Một dân tộc đã làm nên những chiến công vang dội như dân tộc Việt Nam trong gần 45 năm qua, dân tộc đó nhất định sẽ vượt qua mọi thử thách để đạt được những thành tựu vẻ vang trong hoà bình xây dựng đất nước.

Chúng ta đang chuẩn bị mọi mặt để tiến tới kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước trong năm 1990: 60 năm thành lập Đảng, 45 năm thành lập nước, 100 năm ngày sinh của Bác Hồ vĩ đại, 15 năm giải phóng miền Nam.

Toàn Đảng, toàn dân ta hãy ra sức phấn đấu, vượt qua khó khăn gian khổ, lập nên những thành tích mới để chào mừng những ngày lễ vẻ vang đó.

Tinh thần Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 muôn năm !

Đảng Cộng sản Việt Nam, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam muôn năm!

Hoà bình thế giới muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Hoà bình thế giới muôn năm.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 54-CT/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1989

Về tổ chức thực hiện Nghị quyết
Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (Khoá VI)

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI): Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay, có ý nghĩa rất quan trọng, có giá trị chỉ đạo sâu sắc đối với công tác tư tưởng của Đảng và đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Nội dung chủ yếu của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy là những vấn đề quan điểm cơ bản của Đảng ta về một số vấn đề quốc tế và sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta, thể hiện lập trường giai cấp công nhân của Đảng, phải được toàn thể cán bộ, đảng viên quán triệt, thực hiện nghiêm chỉnh. Nội dung nghị quyết phải được thể hiện trong các chính sách của Đảng và Nhà nước. Trước mắt Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp uỷ đảng, các ban, ngành, đoàn thể làm tốt những việc sau đây:

1. *Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng, các đoàn thể và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân Nghị quyết*

Trung ương 7. Làm cho mọi người quán triệt các quan điểm của Đảng thể hiện trong nội dung nghị quyết, qua đó củng cố lập trường giai cấp công nhân, quan điểm đấu tranh cách mạng đúng đắn, khẳng định và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao niềm tin và đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới của Đảng nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Khắc phục kịp thời những nhận thức, quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ về cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; khắc phục tâm trạng bi quan, động dao đối với tiền đồ của chủ nghĩa xã hội, mất cảnh giác đối với những âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ chống phá phong trào cách mạng, chống phá chủ nghĩa xã hội.

Đợt sinh hoạt chính trị này trước hết phải được tổ chức tốt trong cán bộ cốt cán các cấp, các ngành, các đoàn thể và đội ngũ trí thức, báo chí, văn nghệ sĩ.

- Trong tháng 9-1989, Ban Bí thư tổ chức hội nghị cán bộ để phổ biến Nghị quyết Trung ương 7.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các ban, ngành, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt nghị quyết cho cán bộ, đảng viên trong tháng 10-1989, gắn với các công tác trước mắt như: thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1989, bầu cử hội đồng nhân dân ba cấp. Các cấp uỷ và lãnh đạo các ban, ngành kiểm điểm sự lãnh đạo của mình đối với công tác tư tưởng thời gian qua, đề ra những biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7. Trong đợt sinh hoạt chính trị này, từng cán bộ, đảng viên dựa vào các quan điểm nêu trong Nghị quyết tự liên hệ nhận thức đúng sai của mình trong thời gian qua. Việc kiểm điểm tư tưởng từng cán bộ, đảng viên sẽ làm kỹ trong đợt tự phê bình và phê bình cuối năm 1989.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá, Học viện Nguyễn Ái Quốc, các trường đảng trực thuộc Trung ương mở lớp bồi dưỡng ngắn

ngày cho đội ngũ báo cáo viên của các tỉnh, thành uỷ, các cơ quan trung ương và các trung tâm quan trọng (trường đại học, viện nghiên cứu, nhà máy lớn, các huyện, thị...). Cần quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 trong nội dung học tập chính trị, lý luận của cán bộ ở các trường lớp.

Ban Tư tưởng - Văn hoá cùng các cơ quan hữu quan tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 cho cán bộ cốt cán làm công tác báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ và cán bộ lý luận ở các trường đảng và viện nghiên cứu trực thuộc Trung ương. Trước khi Đại hội nhà văn và Đại hội nhà báo họp, Ban Tư tưởng - Văn hoá tổ chức việc quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 cho anh chị em văn nghệ sĩ và nhà báo dự Đại hội.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo và hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng mở đợt sinh hoạt nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 7 cho các đảng viên; đối với các đồng chí cán bộ hưu trí trung cao cấp của Đảng, thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ trực tiếp phổ biến.

- Ban Dân vận và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương giúp các đồng chí lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt chính trị để quán triệt Nghị quyết Trung ương 7.

Các cấp uỷ đảng chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức tốt đợt sinh hoạt chính trị cho đoàn viên và thanh niên.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá, Ban Đối ngoại Trung ương căn cứ nội dung Nghị quyết Trung ương 7 hướng dẫn công tác tuyên

truyền đối ngoại và những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động đối ngoại.

Tổ chức việc thông báo cho các đại sứ các đảng anh em theo nội dung được Ban Bí thư thông qua.

Trong quá trình nghiên cứu Nghị quyết Trung ương cần phát huy tự do tư tưởng, dân chủ thảo luận, phân tích phê phán một cách có lý có tình những nhận thức và quan điểm lệch lạc, sai trái. Cần phân biệt những bản khoản chính đáng, những sự tìm tòi nghiên cứu nghiêm túc, những ý kiến không đúng do mơ hồ về nhận thức với những hành động sai trái, vô nguyên tắc của một số ít phần tử xấu, bất mãn, cơ hội và những luận điệu xuyên tạc của kẻ địch. Khẳng định Nghị quyết Trung ương 7 không hạn chế dân chủ, không hạn chế tự do tư tưởng, mà chính là nhằm tăng cường sự thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động trong toàn Đảng và toàn dân, phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy công cuộc đổi mới tiếp tục đi lên đúng hướng và vững chắc.

2. Các báo, đài và các cơ quan thông tin đại chúng khác trước hết là báo *Nhân dân* và Tạp chí *Cộng sản*, viết bài giới thiệu và phân tích những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 7. Bài viết phải có nội dung phong phú, có sức thuyết phục và có tính chiến đấu cao.

- Học viện Nguyễn Ái Quốc, Viện Mác - Lênin, Ủy ban Khoa học xã hội và các cơ quan nghiên cứu có liên quan cần tập trung lực lượng nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn một số vấn đề lớn và quan trọng để tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên.

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương hướng dẫn việc nghiên cứu nghị quyết và biên soạn tài liệu giải thích đối với đảng viên và quần chúng ở cơ sở.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước cần xem lại những quy định đã ban hành; sửa đổi và bổ sung những điểm cần thiết theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương, kịp thời ban hành một số luật mới cần thiết. Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các cơ quan hữu quan có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và có chính sách tài chính cho các hoạt động thông tin báo chí, văn hoá văn nghệ, nghiên cứu lý luận...

Các cấp uỷ đảng có kế hoạch nghiên cứu, học tập, giữ đúng nền nếp sinh hoạt tự phê bình và phê bình, nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục trong lãnh đạo tư tưởng.

Cần tập trung sức lãnh đạo việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, tạo cho được một số chuyển biến tích cực trên mặt trận tư tưởng trong Đảng và trong xã hội làm động lực thúc đẩy các mặt công tác, lập thành tích chào mừng những ngày kỷ niệm lớn trong năm 1990.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 55-CT/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1989

Về tăng cường lãnh đạo xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ trong tình hình mới

Xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ là nội dung quan trọng trong kế hoạch xây dựng tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc, là cốt lõi của nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân ở cơ sở.

Hiện nay, chúng ta chủ trương giảm quân thường trực nhưng vẫn phải không ngừng tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc để trước mắt đối phó có hiệu quả với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, về lâu dài chủ động đối phó với các tình huống chiến tranh xâm lược, cho nên việc xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ trở nên hết sức quan trọng và cấp thiết.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã bàn bạc thống nhất để Hội đồng Bộ trưởng ra chỉ thị về tăng cường, xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ trong tình hình mới và ra nghị định ban hành Điều lệ dân quân tự

vệ. Toàn dân, toàn quân, các ngành, các cấp đều có trách nhiệm thực hiện Chỉ thị và điều lệ ấy.

Ban Bí thư yêu cầu các địa phương, các ngành, các đoàn thể quần chúng, theo chức năng và phạm vi trách nhiệm của mình, làm tốt các việc sau đây:

1. Đẩy mạnh giáo dục quốc phòng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và kiến thức của mỗi người, mỗi ngành đối với nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trên cơ sở đó phát động phong trào quần chúng tự giác tham gia xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ.

Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị đã quy định đưa nội dung đường lối quân sự của Đảng và nhiệm vụ quốc phòng vào chương trình học tập chính thức của các trường đào tạo, bổ túc cán bộ của Đảng và Nhà nước; đưa nội dung giáo dục về nhiệm vụ quốc phòng vào chương trình chính khoá của các trường trung học và đại học. Nay cần xúc tiến việc biên soạn các loại tài liệu giảng dạy và sắp xếp chương trình ở các trường để từ năm học 1990-1991, thực hiện đầy đủ và chặt chẽ quy định ấy. Bộ Quốc phòng phụ trách biên soạn hệ thống tài liệu về đường lối quân sự và một số vấn đề cơ bản về chỉ đạo công tác quân sự địa phương và chiến tranh nhân dân địa phương. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phụ trách biên soạn các loại đề cương giáo dục quốc phòng cho toàn dân.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, trực tiếp là cấp uỷ cơ sở, là nhân tố quyết định nâng cao chất lượng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ. Vì vậy, cấp uỷ đảng ở cơ sở phải định kỳ nghe báo cáo, ra nghị quyết, chỉ thị về công tác quân sự và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện; phân công đồng chí bí thư kiêm nhiệm chính trị viên ban chỉ huy quân sự; đưa những đảng viên có đủ điều kiện hoạt động vào

dân quân tự vệ và những đảng viên có đủ điều kiện động viên vào lực lượng dự bị động viên làm nòng cốt lãnh đạo. Trong lãnh đạo xây dựng lực lượng, phải nắm vững yêu cầu về chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị. Các cấp uỷ phải thường xuyên chăm lo công tác chính trị tư tưởng và thông qua phong trào cách mạng của quần chúng để rèn luyện bản lĩnh cho quân nhân dự bị và dân quân tự vệ; đồng thời phải gắn việc xây dựng hai lực lượng này với việc củng cố cơ sở chính trị, nhất là ở những vùng xung yếu và những nơi cơ sở chính trị còn mỏng yếu.

Phải chỉ đạo lực lượng dân quân tự vệ phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an làm nòng cốt cho phong trào quần chúng chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

3. Phát huy trách nhiệm của chính quyền, của các ngành, các lực lượng.

Căn cứ vào nghị quyết của cấp uỷ và văn bản của Nhà nước, uỷ ban nhân dân các cấp và thủ trưởng các ngành, các đơn vị cơ sở của Nhà nước có trách nhiệm cụ thể hoá việc thực hiện theo chức năng. Phải kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, dành ngân sách, vật tư, phương tiện để giải quyết chế độ, chính sách, bảo đảm cho việc xây dựng và quản lý lực lượng dự bị, chuẩn bị động viên quân đội, xây dựng và hoạt động của dân quân tự vệ. Các ngành, các địa phương, các đoàn thể quần chúng vận động cán bộ, nhân dân và các cơ sở kinh tế đóng góp theo khả năng và hình thức thích hợp để có thêm ngân sách cho công tác quốc phòng địa phương.

Hội đồng Bộ trưởng cho nghiên cứu ban hành bổ sung những chế độ, chính sách cần thiết đối với quân nhân dự bị và dân quân tự vệ.

Bộ Quốc phòng chỉ đạo kiện toàn và nâng cao chất lượng cơ quan quân sự và đội ngũ cán bộ chuyên trách các mặt công tác này ở các ngành, các cấp; chú trọng chỉ đạo việc xây dựng dân quân tự vệ ở các vùng trọng điểm, xây dựng lực lượng tự vệ trong công nhân.

Các đơn vị bộ đội thường trực có trách nhiệm giúp các địa phương nơi đóng quân làm tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ và phối hợp, giúp đỡ hai lực lượng ấy hoạt động có kết quả.

*

* *

Chỉ thị này được phổ biến đến cơ sở. Các cấp ủy đảng cần có kế hoạch triển khai và báo cáo kết quả về Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 94-QĐ/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1989

Về Phong lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh

- Căn cứ Quyết định số 20-QĐ/TW, ngày 23-9-1987 "Về Phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam" và Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 19-5-1989 "Về việc quản lý tập trung toàn bộ tài liệu lưu trữ về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh",
- Xét đề nghị của Cục Lưu trữ Trung ương và Văn phòng Trung ương,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Phong lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh thuộc Phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm mục đích quản lý tập trung thống nhất, bảo quản an toàn và sử dụng có hiệu quả các tài liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
2. Phong lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm toàn bộ bản gốc, bản chính (hoặc bản sao nếu không có bản chính), bằng các

thứ tiếng về thân thể, sự nghiệp và hoạt động của Người, cụ thể như sau:

a) *Tài liệu về tiểu sử và liên quan đến tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh*: Các bản lý lịch (kể cả tóm tắt, sơ yếu), các giấy tờ tùy thân, văn bằng; sổ tay, hồi ký, nhật ký của Người về tiểu sử; thư điện của các cơ quan, đoàn thể, cá nhân gửi đến chúc mừng nhân các ngày kỷ niệm, ngày sinh...; các hồ sơ, tài liệu về sức khỏe, bảo vệ sức khỏe; các hồ sơ, tài liệu của địch về tiểu sử của Người, về theo dõi, truy nã, cầm tù, xử án Người...; các bài báo và các tác phẩm của các tác giả trong nước và ngoài nước liên quan đến tiểu sử, sự nghiệp và hoạt động của Người...; hồ sơ, tài liệu về gia đình của Người.

b) *Tài liệu về hoạt động Đảng và Nhà nước*: Các hồ sơ hội nghị do Người chủ trì hoặc tham dự; các văn kiện do Người duyệt, ký tên. Những văn kiện tài liệu của Đảng và Nhà nước gửi đến Người (kể cả những bản có và không có bút tích); các bản thảo dự án, kế hoạch, v.v. của các cơ quan, đơn vị được Người chữa, phê duyệt, góp ý kiến; những tài liệu về hoạt động đối ngoại như: các hồ sơ về các cuộc thăm và làm việc của Người với các đảng, các nước, với các tổ chức quốc tế, các cá nhân người nước ngoài, các hiệp định, hiệp ước, tạm ước, tuyên bố, thông cáo về quan hệ và hợp tác với các đảng, các nước do Người ký.

c) *Các bài viết, bài nói (do Người viết tay hoặc đánh máy), các bút tích*: Các bài báo, bài viết, tuyên ngôn, lời kêu gọi; báo cáo, phát biểu ý kiến tại các đại hội đảng, các Hội nghị Trung ương, hội nghị cán bộ toàn quốc, hội nghị toàn quân; hoặc các đơn vị quân đội, cơ quan, địa phương, các đại hội, hội nghị đoàn thể, tổ chức quần chúng mà Người đến thăm và làm việc...; các bài giảng tại các lớp học; các bài thơ, thư chúc mừng năm mới, truyện ngắn, kịch, trả lời phỏng vấn, tranh vẽ...

Những tài liệu, tư liệu chuẩn bị cho các bài nói, bài viết của Người.

Các báo, bản tin, các sách và những tài liệu khác có bút tích của Người, các tác phẩm có chữ ký đề tặng của Người cho các cá nhân, tổ chức.

d) *Thư từ, điện*: Thư và điện (điện mật và điện rõ) gửi các đơn vị, tổ chức, gia đình, bè bạn và cá nhân khác (cả gửi đi và gửi đến Người); thư khen của Người gửi các đơn vị, cá nhân có thành tích trong học tập, lao động, chiến đấu, trong phong trào "Người tốt, việc tốt".

đ) *Những tài liệu khác*: Các báo do Người sáng lập (*Le Paria*, Tuần báo *Thanh niên*...); tài liệu, sổ sách ghi chép của thư ký của một số đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Người. Những tài liệu, sách báo, tạp chí, tranh vẽ của các tác giả trong và ngoài nước có chữ ký của tác giả để tặng Người; những tài liệu, bài thơ, bài hát, ca dao, truyện, hồi ký, v.v. về Người, ca ngợi Người.

e) *Phim, ảnh, băng, đĩa ghi âm*: Các phim (phim chụp, phim điện ảnh) về tiểu sử và hoạt động của Người, về việc xây dựng Lăng và Bảo tàng Hồ Chí Minh, (mỗi bộ phim gồm: negatif hình, negatif tiếng, bản double negatif, double positif và bản positif chuẩn), kèm theo phần hồ sơ phim: kịch bản văn học, kịch bản đạo diễn, nhạc phim, v.v.; ảnh (cả phim chụp Người, ảnh lưu niệm của các tập thể, cá nhân chụp chung với Người) bằng, đĩa ghi tiếng nói của Người.

g) *Tài liệu về lễ tang, về xây dựng Lăng và Bảo tàng Hồ Chí Minh*: Các văn kiện của Trung ương về ngày mất của Người, về lễ tang, điện chia buồn, sổ tang (trong và ngoài nước); hồ sơ về việc đàm phán giữa Đảng và Chính phủ ta với Đảng và Nhà nước Liên Xô về việc giữ gìn thi hài, giúp xây dựng Lăng và Bảo tàng Hồ Chí Minh; tài liệu về thiết kế và thi công công trình Lăng và Bảo tàng Hồ Chí Minh.

h) *Những tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi Người qua đời*: *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những tài liệu của Trung ương Đảng về công bố *Di chúc*; những tài liệu về tổ chức các lần kỷ niệm ngày sinh; tài liệu của Đảng, Nhà nước, quân đội về việc thành phố, đoàn thể, công trình, chiến

dịch, nhà trường... được mang tên Hồ Chí Minh hoặc Nguyễn Ái Quốc; tài liệu về những địa danh, công trình của nước ngoài mang tên Người; các công trình nghiên cứu về thân thể, sự nghiệp và hoạt động của Người đã công bố (hoặc chưa công bố); các hồi ký của các tác giả trong nước và nước ngoài viết về Người, các sách, báo viết về Người, v.v..

3. Giao trách nhiệm cho *Cục Lưu trữ Trung ương Đảng trực tiếp quản lý Phòng lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh* và thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Tiếp nhận tài liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ các cơ quan đảng, nhà nước, quân đội và đoàn thể quần chúng các cấp như Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 19-5-1989 của Ban Bí thư; tiến hành sưu tầm, thu thập tài liệu của Người còn phân tán trong cán bộ và nhân dân, Việt kiều ở nước ngoài; liên hệ với các tổ chức lưu trữ các nước và các đảng anh em, với bầu bạn trên thế giới để sưu tầm, thu thập tài liệu của Người khi hoạt động ở ngoài nước.

Đối với tài liệu ghi trên các phương tiện kỹ thuật chuyên dụng mà các cơ quan khác đang lưu trữ, Cục Lưu trữ Trung ương phải nắm đúng số lượng, tình trạng tài liệu, quản lý việc khai thác sử dụng và từng bước làm tốt việc tiếp nhận các loại tài liệu đó phù hợp với điều kiện bảo quản.

b) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ lưu trữ đối với tài liệu thuộc Phòng lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

c) Phục vụ kịp thời các yêu cầu nghiên cứu, công bố, trưng bày tài liệu Chủ tịch Hồ Chí Minh theo quy định của Ban Bí thư.

Chủ động phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học, xuất bản, báo chí... để công bố, giới thiệu tài liệu Phòng lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh theo quy định của Ban Bí thư, nhằm phục vụ rộng rãi các yêu cầu nghiên cứu về thân thể, sự nghiệp và hoạt động của Người và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Khi có yêu cầu về trưng bày, lưu niệm và được Ban Bí thư đồng ý, cung cấp bản sao cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân đã giao nộp bản gốc hoặc bản chính tài liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

d) Kiến nghị chế độ mua tài liệu quý về Người ở trong nước và nước ngoài, chế độ khen thưởng đối với những tổ chức, đơn vị và cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ và giao nộp tài liệu Chủ tịch Hồ Chí Minh; đồng thời kiến nghị xử lý đối với những đơn vị, tổ chức và cá nhân không chịu giao nộp hoặc cố ý lấy cắp, huỷ hoại tài liệu của Người.

4. Các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể quần chúng và công dân Việt Nam có trách nhiệm:

- Thống kê đầy đủ, thông báo kịp thời và tổ chức chuyển

an toàn đến Cục Lưu trữ Trung ương Đảng mọi tài liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh do cơ quan, đơn vị và cá nhân lưu giữ, không để dùng riêng.

- Không được mua bán, đổi, tiêu huỷ, làm hư hỏng tài liệu thuộc Phòng lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

5. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

6. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí để sưu tầm, thu thập, bảo quản an toàn và phục vụ khai thác tài liệu Phòng lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

7. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì phối hợp với Cục Lưu trữ Trung ương Đảng, Viện Mác - Lênin và các cơ quan có liên quan tổ chức phổ biến sâu rộng, quán triệt Quyết định này để việc thực hiện đạt kết quả tốt.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 97-QĐ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 1989

Về việc thống nhất quản lý các nhà in của Trung ương Đảng

Trong phiên họp ngày 13-10-1989, sau khi nghe báo cáo về tình hình các Nhà in Báo *Nhân dân* và Nhà in Tạp chí *Cộng sản*, xem xét kiến nghị của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Biên tập Báo *Nhân dân*, Ban Biên tập Tạp chí *Cộng sản*.

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Hợp nhất các Nhà in Báo *Nhân dân*, Nhà in Tạp chí *Cộng sản* thành "Liên hiệp các xí nghiệp in của Đảng" trực thuộc Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.
2. Liên hiệp các xí nghiệp in của Đảng là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập có nhiệm vụ chính trị chủ yếu là bảo đảm việc in Báo *Nhân dân* và Tạp chí *Cộng sản* chính xác, kịp thời với chất lượng ngày càng cao, đồng thời có kế hoạch từng bước hiện đại hoá, đổi mới thiết bị máy móc cho các nhà

in, nhằm bảo đảm phục vụ nhiệm vụ chính trị và từng bước mở rộng kinh doanh tăng nguồn thu cho ngân sách Đảng.

3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cùng với Ban biên tập Báo *Nhân dân*, Ban biên tập Tạp chí *Cộng sản*, Liên hiệp các xí nghiệp in của Đảng xây dựng quy chế làm việc và mối quan hệ công tác nhằm bảo đảm những điều kiện phục vụ tốt nhất cho việc in báo và tạp chí của Đảng.

4. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban biên tập Báo *Nhân dân*, Ban biên tập Tạp chí *Cộng sản*, Liên hiệp các xí nghiệp in của Đảng và các cơ quan có liên quan thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 98-QĐ/TW, ngày 6 tháng 11 năm 1989

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Kinh tế Trung ương

- Căn cứ quy chế làm việc số 15-QĐ/TW, ngày 28-8-1987 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI,
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá VI, ngày 29-3-1989,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

Ban Kinh tế Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề kinh tế tổng hợp và những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế ngành được phân công. Ban có những nhiệm vụ chính sau đây:

1. *Nghiên cứu đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương, phương hướng chiến lược và các chính sách lớn về kinh tế - xã hội.*

Ban có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về các vấn đề kinh tế - xã hội theo phạm vi trách nhiệm được phân công.

Đối với các chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội do các cơ quan nhà nước chuẩn bị để trình Trung ương hoặc Bộ Chính trị, Ban có trách nhiệm tham gia định hướng về nội dung và phối hợp nghiên cứu từ đầu; thẩm tra đề án và phát biểu ý kiến bằng văn bản về đề án đó trước khi Bộ Chính trị quyết định.

Đối với chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội do Hội đồng Bộ trưởng quyết định, Ban có nhiệm vụ góp ý kiến với các cơ quan nhà nước được phân công nghiên cứu hoặc với Hội đồng Bộ trưởng trước khi chính sách được quyết định và ban hành; nếu có vấn đề xét thấy cần thiết thì Ban đề nghị với Ban Bí thư phát biểu ý kiến với Hội đồng Bộ trưởng.

Đối với các đề án mà Ban được phân công chuẩn bị, Ban cần lấy ý kiến Hội đồng Bộ trưởng và phối hợp các ban, ngành, địa phương có liên quan cùng tham gia nghiên cứu trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

2. Theo dõi, kiểm tra việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội trong phạm vi Ban được phân công.

Ban có trách nhiệm báo cáo định kỳ với Ban Bí thư, Bộ Chính trị về tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế - xã hội; thông tin kịp thời những vấn đề kinh tế - xã hội mà lãnh đạo quan tâm.

Trong quá trình theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, cần sớm phát hiện các nhân tố mới để phát huy, kiến nghị, uốn nắn kịp thời những lệch lạc và đề nghị bổ sung hoàn thiện, đổi mới các chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội.

Trường hợp cần thiết, được sự uỷ nhiệm của Ban Bí thư, Ban phối hợp với các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tổ

chức làm thủ hoặc chỉ đạo trọng điểm thực hiện các chủ trương quan trọng để rút kinh nghiệm.

3. Đối với công tác cán bộ và xây dựng Đảng, công tác tổ chức thuộc các ngành trong khối kinh tế, Ban thực hiện theo quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Thông qua việc nắm tình hình và kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, Ban có trách nhiệm:

Thẩm tra, kiểm tra và đề xuất ý kiến với Ban Bí thư về bố trí, đề bạt cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý; chủ động phát hiện và tham gia với các ngành xây dựng quy hoạch cán bộ dự bị, đề xuất kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ thuộc chức danh do Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý.

Kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương về công tác cán bộ, đề xuất việc nghiên cứu các chính sách cán bộ thuộc các ngành trong khối kinh tế.

Tham gia với Đảng uỷ khối cơ quan kinh tế trung ương trong công tác xây dựng đảng ở các cơ quan trung ương, tham gia ý kiến về sự lãnh đạo của Đảng trong các ngành kinh tế.

Ban chủ động phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng trước khi Đảng và Nhà nước ra quyết định những vấn đề về tổ chức bộ máy của các ngành kinh tế thuộc phạm vi Ban được phân công.

4. Về trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ cho các ban kinh tế các tỉnh, thành phố, đặc khu.

Ban có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ công tác, trao

đổi thông tin tư liệu và kinh nghiệm công tác thuộc lĩnh vực công tác do Ban phụ trách cho các ban kinh tế các tỉnh, thành phố.

Khi cần thiết, Ban được mở hội nghị với trưởng ban kinh tế cấp dưới, các đồng chí thủ trưởng các ngành thuộc phạm vi Ban phụ trách để kiểm điểm tình hình công tác, trao đổi kinh nghiệm và phối hợp chương trình công tác nghiên cứu, kiểm tra để phục vụ cho sự lãnh đạo của Trung ương và cấp ủy đảng địa phương.

Khi có vấn đề quan trọng và cấp bách, Ban có thể triệu tập họp bất thường để hướng dẫn, truyền đạt ý kiến của Ban Bí thư, Bộ Chính trị.

TỔ CHỨC CỦA BAN:

Lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương có trưởng ban và một số phó trưởng ban. Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng, trưởng ban chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về toàn bộ công việc được phân công; các phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban về lĩnh vực công tác được giao.

Tổ chức bộ máy của Ban cần gọn nhẹ, gồm những cán bộ có phẩm chất và năng lực, có quan điểm đổi mới theo nghị quyết của Đảng, có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác được giao.

Trong công tác nghiên cứu, kiểm tra, Ban thực hiện chế độ chuyên viên. Ngoài số cán bộ trong biên chế, Ban được sử dụng các cộng tác viên trong công tác nghiên cứu.

Căn cứ nhiệm vụ chung, Ban Kinh tế Trung ương trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương về tổ chức bộ máy và

biên chế của Ban, cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của Ban, của từng vụ và xây dựng chức danh tiêu chuẩn chuyên viên.

Ban Kinh tế Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các ngành trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 170-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 1989

Kết luận của Bộ Chính trị về điều chỉnh địa giới Thủ đô Hà Nội

Ngày 24-11-1989, Bộ Chính trị đã xem xét đề nghị của Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc xin điều chỉnh địa giới Thành phố Hà Nội và đã kết luận như sau:

1. Địa giới của Thành phố Hà Nội hiện nay không hợp lý, phạm vi ngoại thành quá rộng. Với diện tích ngoại thành gấp 49 lần nội thành, dân số ngoại thành gấp hai lần nội thành, Hà Nội mang nặng tính chất của một tỉnh nông nghiệp, sự chỉ đạo của Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân thành phố bị phân tán trải ra trên cả lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp, đô thị và nông thôn, không phù hợp với tính chất và vai trò của Hà Nội là một Thủ đô.

Những lý do trước đây được dùng làm cơ sở để quyết định mở rộng ranh giới Thủ đô Hà Nội, dự kiến phát triển Hà Nội thành một đơn vị kinh tế công - nông nghiệp, nhấn mạnh đến yêu cầu thành phố tự cân đối một phần quan trọng các nhu cầu phát triển, nay không còn thích hợp.

2. Trong tình hình mới, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc

quản lý và xây dựng Hà Nội xứng đáng là một Thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật của cả nước, Bộ Chính trị nhất trí cần điều chỉnh ranh giới ngoại thành Hà Nội, xác định lại địa giới hành chính của Thành phố Hà Nội gồm những đơn vị sau đây: 4 quận nội thành: Ba Đình, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Đống Đa; 4 huyện ngoại thành: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Từ Liêm.

Việc quản lý sân bay quốc tế Nội Bài và một số khu vực lân cận có liên quan, nằm ngoài các huyện ngoại thành nói trên, sẽ có quy chế riêng.

3. Các huyện sau đây, hiện đang trực thuộc Thành phố Hà Nội sẽ chuyển về cho hai tỉnh Hà Sơn Bình và Vĩnh Phú quản lý:

- Các huyện Sóc Sơn, Mê Linh chuyển về tỉnh Vĩnh Phú.
- Các huyện Đan Phượng, Thạch Thất, Phúc Thọ, Ba Vì, Hoài Đức, thị xã Sơn Tây chuyển về tỉnh Hà Sơn Bình.

4. Bộ Chính trị giao Hội đồng Bộ trưởng khẩn trương hoàn chỉnh văn bản về vấn đề trên đây để trình Hội đồng Nhà nước và Quốc hội xem xét quyết định trong kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khoá VIII vào tháng 12-1989 sắp tới.

5. Đây là việc điều chỉnh địa giới một thành phố, không phải là việc chia tỉnh, thành phố.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 172-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 1989

Ý kiến Bộ Chính trị về một số công tác cấp bách trong tình hình mới

Ngày 25-11-1989, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) đã họp để xem xét tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, tác động của tình hình đó đối với nước ta và đề ra một số công tác cấp bách trong tình hình mới. Tập thể Bộ Chính trị đã có những ý kiến sau đây:

I- VỀ TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Hội nghị Trung ương 7 (Khoá VI) của Đảng ta đã có sự nhận định bước đầu về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa. Từ đó đến nay, tình hình ngày càng diễn biến phức tạp. Biểu tình, bãi công, hoạt động của các tổ chức chính trị đối lập và thay đổi lãnh đạo cao cấp liên tiếp diễn ra ở Cộng hoà Dân chủ Đức, Bungari, Tiệp Khắc. Một số nước xã hội chủ nghĩa đang lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện cả về kinh tế, xã hội và chính trị.

Tình hình đang biến động rất nhanh và phức tạp. Chúng ta cần tiếp tục thu thập thông tin và đi sâu nghiên cứu tình hình các nước xã hội chủ nghĩa để có một sự đánh giá đúng và theo quan điểm đổi mới.

Khủng hoảng ở các nước xã hội chủ nghĩa diễn ra vào lúc cách mạng khoa học - kỹ thuật và giao lưu, hợp tác quốc tế đang phát triển mạnh, ý thức giác ngộ của nhân dân và ý thức độc lập của các dân tộc lên cao và có sự bùng nổ về thông tin trên thế giới.

Cuộc khủng hoảng ấy phản ánh hai loại mâu thuẫn đan xen vào nhau, cùng tác động: mâu thuẫn nội tại tích tụ lâu ngày chuyển hoá thành đối kháng ở một số nước xã hội chủ nghĩa và mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản thế giới.

Sơ bộ chúng ta nhận thấy rằng cuộc khủng hoảng ở một số nước xã hội chủ nghĩa nói trên có những nguyên nhân khách quan và chủ quan, mỗi nước lại có những nguyên nhân riêng, nhưng nhìn chung là do:

1. *Sự lãnh đạo của Đảng ở một số nước xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những thành tích và ưu điểm, có nhiều sai lầm và khuyết điểm*

- *Đảng vi phạm dân chủ, quan liêu, xa rời quần chúng*, lãnh đạo chuyên quyền, độc đoán, gia trưởng, sùng bái cá nhân, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, thiếu tinh thần tự phê bình và phê bình; không nhạy bén nắm bắt và đáp ứng những nguyện vọng của quần chúng. Đảng đã bị quan liêu hoá.

- *Chủ quan, duy ý chí*, vi phạm nghiêm trọng quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, làm hạn chế việc phát huy tính ưu việt vốn có của chủ nghĩa xã hội.

- *Cải tổ cải cách, đổi mới theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa là xu thế tất yếu của lịch sử và có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội*. Nhưng có Đảng thì *bảo thủ, trì trệ*, chậm cải tổ, cải cách, để cho tình hình kinh tế - xã hội trong

nước ngày càng xấu đi; có Đảng khi thực hiện cải tổ, cải cách thì *quan điểm lệch lạc, sai lầm, bản lĩnh chính trị không vững vàng, phương pháp và bước đi không đúng*.

- Trong cán bộ, đảng viên, từ cơ quan lãnh đạo cấp trên đến cấp dưới *có nhiều hiện tượng tiêu cực*, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, quần chúng nhân dân ngày càng giảm lòng tin ở sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- Riêng ở một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, chúng ta cần xét đến những đặc điểm lịch sử: trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các Đảng Xã hội - dân chủ ở đây có nhiều ảnh hưởng. Các Đảng Cộng sản bị phát xít Hittler đàn áp khốc liệt, có bộ phận hoạt động ở trong nước, có bộ phận hoạt động ở nước ngoài. Sau khi các nước Đông Âu được Hồng quân Liên Xô giải phóng, các Đảng Cộng sản thống nhất với các Đảng Xã hội - dân chủ. Từ năm 1948, lãnh đạo các Đảng của các nước nói trên bị thay đổi nhiều lần qua cuộc thanh trừng những người theo xu hướng Tito (từ năm 1948 đến năm 1952), cuộc "phi Xtalin hoá" sau Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô (năm 1956), ở Tiệp Khắc (năm 1968) và chế độ quân quản ở Ba Lan (từ năm 1981). Mặt khác, chủ nghĩa dân tộc và vai trò của Nhà thờ còn mạnh ở một số nước nói trên.

2. *Chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế từ lâu đã điên cuồng chống các nước xã hội chủ nghĩa* nay lại càng lợi dụng triệt để những sai lầm và khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa để can thiệp, chống phá và thực hiện "diễn biến hoà bình" một cách ráo riết và quyết liệt hơn.

Các tổ chức và khuynh hướng xã hội - dân chủ cũng lợi dụng tình hình này để gây ảnh hưởng và tiến công chủ nghĩa xã hội hòng giành quyền lãnh đạo.

*

* *

Cuộc khủng hoảng ở một số nước xã hội chủ nghĩa tác động đến toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa, trong đó có nước ta, đến phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc. Các nước xã hội chủ nghĩa phải đấu tranh kiên quyết để từng bước khắc phục những sai lầm, lãnh đạo đúng đắn công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới, lấy lại lòng tin của quần chúng thì sẽ có bước phát triển mới về chất vượt qua khó khăn và tiếp tục tiến lên.

Chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế được thể chống phá cách mạng và các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng đã thu được những kết quả nhất định, nhưng khả năng của chúng có hạn, không phải chúng muốn làm gì cũng được. Âm mưu của chúng "diễn biến hoà bình" ở các nước xã hội chủ nghĩa không thể thực hiện được một cách dễ dàng.

II- MỘT SỐ CÔNG TÁC CẤP BÁCH

Bài học lớn nhất rút ra từ cuộc khủng hoảng ở một số nước xã hội chủ nghĩa là *toàn Đảng, toàn dân ta càng phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới do Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra theo những nguyên tắc định hướng của các nghị quyết Trung ương 6 và 7 (Khoá VI) và phải chủ động giải quyết một số vấn đề cấp bách nhất, không để xảy ra tình huống phức tạp đột xuất*.

Khi đánh giá tác động cuộc khủng hoảng ở một số nước xã hội chủ nghĩa đối với nước ta, cần *tránh hai khuynh hướng không đúng: hoảng hốt và chủ quan*.

Để chủ động trong bất cứ tình huống nào, chúng ta có rất nhiều việc phải làm, nhưng *cần tập trung sức thực hiện một số công tác cấp bách sau đây:*

1. *Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*

- Đây là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng, sự vững vàng của xã hội và nhân dân ta trong mọi tình hình.

Hơn lúc nào hết, Đảng phải được củng cố vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và thực hiện mạnh mẽ dân chủ trong Đảng từ trên xuống dưới.

- Ngay trong quý I-1990, Bộ Chính trị xem xét và cho ý kiến về *Dự thảo Cương lĩnh và Dự thảo Chiến lược kinh tế - xã hội* trình Đại hội VII. Đây cũng là một trong những cơ sở quan trọng để thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân.

- Tiếp tục đổi mới ngay một bước *phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ đảng*. Ở Trung ương: phân định rõ thêm một bước chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Trung ương Đảng (Bộ Chính trị, Ban Bí thư) với Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng và các đoàn thể quần chúng.

- Gắn bó với nhân dân, vì nhân dân và dựa vào nhân dân. *Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8* về công tác quần chúng. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể.

- Tổ chức tốt việc *tự phê bình và phê bình* trong năm 1989 trong các đồng chí Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, nhất là Thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, bảo đảm đoàn kết nhất trí tốt hơn, nâng cao chất lượng lãnh đạo và công tác.

- Phải rất quan tâm đến việc *khắc phục những hiện tượng tiêu cực* trong cán bộ, đảng viên như tham ô, hối lộ, chuyên quyền, độc đoán.

- Đổi mới công tác chuẩn bị *Đại hội lần thứ VII của Đảng* cả về nội dung và nhân sự, bảo đảm huy động được trí tuệ toàn Đảng và bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Nghiên cứu việc *triệu tập Đại hội VII của Đảng* có thể họp sớm hơn dự định.

- *Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng* đối với công tác tư tưởng (bao gồm cả báo chí, văn nghệ, trong đảng, nghiên cứu lý luận, họp để phổ biến nghị quyết), công tác vận động quần chúng, công tác tôn giáo, công tác dân tộc, đổi mới việc ra các văn bản, v.v..

2. *Mở rộng dân chủ trong sinh hoạt Đảng và trong toàn bộ xã hội*

- Từ Trung ương, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đến các tổ chức cơ sở đảng phải thực hiện đúng Điều lệ, quy chế, bảo đảm giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, cá nhân phục tùng tổ chức, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương, tập thể quyết định, cá nhân phụ trách, khắc phục mọi biểu hiện chuyên quyền, độc đoán, gia trưởng, trù dập, định kiến.

- Trong sinh hoạt Đảng, mỗi đảng viên được dân chủ thảo luận, được bảo lưu ý kiến khi không nhất trí với đa số nhưng chỉ được phát biểu trong tổ chức nơi mình sinh hoạt, không truyền bá quan điểm riêng của mình cho những người khác ngoài tổ chức đảng của mình và ngoài Đảng; khi đa số đã quyết định thì phải nói và làm theo nghị quyết của đa số. (Ý kiến của thiểu số phải được phản ánh lên cấp trên). Trong quá trình thực hiện, cấp uỷ cần xuất phát từ kết quả thực hiện nghị quyết xem xét ý kiến của thiểu số.

- Đảng phải tôn trọng thể chế và chức năng của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, khắc phục lối lãnh đạo quan liêu, độc đoán cá nhân, duy ý chí, bao biện, sự vụ, nhưng phải chống khuynh hướng phủ nhận hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Mở rộng dân chủ, lấy nhiều ý kiến của đảng viên và nhân dân trong việc chuẩn bị và ra các quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước.

- Các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền phân công nhau và có chế độ thường xuyên đến cơ sở gặp gỡ, lắng nghe ý kiến và đối thoại, bàn bạc với cán bộ, đảng viên, quần chúng.

- Thực hiện dân chủ thật sự trong việc bầu cử, lựa chọn, bố trí, đề bạt, điều động, thi hành kỷ luật cán bộ, đảng viên.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể theo hướng gọn nhẹ, hợp lý, làm việc đúng chức năng và có hiệu quả, cũng góp phần mở rộng dân chủ.

3. Giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội

- Lãnh đạo và chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, lưu thông, làm cho năm 1990 có tiến bộ mới về kinh tế so với năm 1989; đặc biệt phải hết sức chú ý tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện cho các đơn vị kinh tế quốc doanh phát triển, tích cực giải quyết việc làm cho những người thiếu hoặc chưa có việc làm.

- Năm 1990, tiếp tục ổn định đời sống của nhân dân, nhất là những người hưởng lương, công an và bộ đội, những người về hưu đang có khó khăn.

- Thực hiện một bước công bằng xã hội, nghiên cứu cải tiến một bước các chế độ đãi ngộ, chính sách thuế khoá, điều tiết đối với những người có thu nhập cao.

- Tiếp tục xử lý tốt các vụ tranh chấp ruộng đất trong nông dân. Có biện pháp tích cực giải quyết các đơn, thư khiếu tố của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Năm 1990, tăng kinh phí cho các ngành văn hoá, giáo dục, y tế, ngăn chặn tình trạng xuống cấp nghiêm trọng của các ngành trên. Nắm chắc tình hình và lãnh đạo tốt các trường đại học, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của sinh viên.

- Những tháng đầu năm 1990, Bộ Chính trị phải ra nghị quyết về chính sách tôn giáo và nghị quyết về chính sách dân tộc.

- Tăng cường chuyên chính, kiên quyết trừng trị các loại tội phạm chính trị cũng như hình sự. Năm 1990, phải có bước tiến bộ rõ rệt về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Các ngành nội chính phải chuẩn bị sẵn sàng những phương án xử lý khi xảy ra tình hình đột xuất.

4. Về đối ngoại

- Cần quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (Khoá VI) và Nghị quyết 6 của Trung ương Đảng (Khoá VI), kiên trì phấn đấu, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để tập trung sức đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ra sức phấn đấu thêm bạn, bớt thù, đẩy lùi chính sách bao vây, cấm vận, cô lập nước ta, tham gia rộng rãi vào phân công lao động quốc tế.

- Nâng cao tinh thần tự lực, tự cường và tinh thần trách nhiệm của nước ta trong quan hệ với các nước xã hội chủ

nghĩa. Phải chủ động chuẩn bị xử lý tình huống khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa do có những khó khăn rất lớn, phải giảm đáng kể quan hệ kinh tế với ta.

- Trong khi tình hình các nước xã hội chủ nghĩa còn đang diễn biến rất nhanh, sâu sắc và phức tạp, trong công tác thông tin trên báo, đài cần hết sức thận trọng trong việc đưa tin, tỏ thái độ và xử lý quan hệ, tránh bị rơi vào tình thế khó xử để lại hậu quả lâu dài trong quan hệ với các đảng và nhân dân các nước.

III- MỘT SỐ ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Điều quan trọng là *Trung ương*, trước hết là Bộ Chính trị, phải là một *khối đoàn kết, thống nhất trên cơ sở phát huy dân chủ nội bộ*, một tấm gương lãnh đạo của Đảng; các *tổ chức cơ sở đảng phải vững mạnh*. Mọi việc diễn ra ở cơ sở, tổ chức đảng và chính quyền cốt cán của các tổ chức phải kịp thời phát hiện vấn đề và lãnh đạo giải quyết tại chỗ. Các tổ chức đảng và chính quyền cấp trên phải kịp thời giúp đỡ cho địa phương và cơ sở xử lý tốt.

2. Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện những ý kiến trên của Bộ Chính trị phải có *trọng tâm và trọng điểm cả về đối tượng, địa bàn và vấn đề*.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 22-NQ/TW, ngày 27 tháng 11 năm 1989

**Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển
kinh tế - xã hội miền núi**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN NÚI

Miền núi¹ là địa bàn rộng lớn, chiếm 3/4 diện tích tự nhiên của nước ta, là nơi sinh sống lâu đời của phần lớn các dân tộc thiểu số, có tiềm lực kinh tế to lớn, có nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng, bao gồm đất, rừng, sinh vật, thuỷ năng, khoáng sản, cây công nghiệp... Với địa thế cao, dốc và thảm thực vật lớn, miền núi đóng vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của cả nước. Nằm dọc biên cương phía bắc và phía tây Tổ quốc, miền núi lại có nhiều cửa ngõ thông thương giữa nước ta với thế giới và các nước trong khu vực cho nên có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng và an ninh.

1. Bao gồm các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và các huyện, xã miền núi thuộc các tỉnh khác.

Trong những năm qua, cơ cấu dân cư ở miền núi có nhiều biến đổi. Trong cộng đồng đó, mỗi dân tộc giữ bản sắc riêng, song tất cả đều có chung truyền thống yêu nước, đoàn kết, trực tiếp tham gia và góp phần to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, giữ vững nền độc lập và chủ quyền của đất nước.

Vượt qua những khó khăn, thử thách, đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở miền núi không ngừng phấn đấu; đã đạt được nhiều tiến bộ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, từng bước phát huy các thế mạnh của mình, tạo ra những vùng chuyên canh lớn, làm ra ngày càng nhiều nông sản, lâm sản xuất khẩu; mở mang công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Ở một số địa phương, bộ mặt nông thôn miền núi có chuyển biến rõ rệt; một số thị trấn, thị xã, điểm công nghiệp lớn đã được hình thành. Nhiều gia đình từ đồng bằng đã lên định cư trên miền núi, đưa kỹ thuật thâm canh và một số ngành nghề tiểu, thủ công từ miền xuôi lên. Đồng bào miền núi đã từng bước tiếp cận những thành tựu của khoa học - kỹ thuật, một số con em các dân tộc thiểu số đã được đào tạo thành công nhân kỹ thuật, cán bộ khoa học và quản lý.

Tuy nhiên, những tiến bộ đã đạt được nhìn chung còn nhỏ bé so với khả năng cũng như so với yêu cầu phát triển của bản thân miền núi và của cả nước. Nhìn chung, trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi còn rất thấp. Kinh tế hàng hoá chậm phát triển, kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên còn chiếm tỷ trọng không nhỏ. Tình trạng du canh dư cư vẫn chưa được khắc phục một cách căn bản. Đời sống của đại bộ phận dân cư miền núi còn nhiều khó khăn, thậm chí có nơi rất khó khăn. Nghèo đói vẫn còn trên diện rộng; sinh hoạt

văn hoá thiếu thốn, tỷ lệ số người mù chữ và thất học còn lớn. Một số bệnh dịch chưa bị đẩy lùi một cách căn bản, có nơi, có lúc còn phát triển, gây tử vong cao, nhiều tiêu cực xã hội phát sinh. Bọn phản động và các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng địa bàn hiểm trở của miền núi để thực hiện âm mưu chống phá cách mạng nước ta về mọi mặt. Các tôn giáo đang phát triển một cách không bình thường ở một số nơi.

Trong thời gian qua, nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh, nhất là các đơn vị quốc doanh nông nghiệp, lâm nghiệp, đã được thành lập ở địa bàn miền núi, nhưng một số lớn đơn vị quốc doanh năng suất thấp, chất lượng và hiệu quả kém; bao chiếm nhiều đất đai nhưng sử dụng không hết trong khi nhân dân địa phương lại thiếu đất để canh tác, gây ra mâu thuẫn và làm cho đại bộ phận rừng và đất rừng không phát huy được tác dụng. Nạn khai thác bừa bãi và phá rừng diễn ra nghiêm trọng. Việc giao đất, giao rừng cho dân chưa có chính sách hợp lý và còn chậm trễ.

Bên cạnh một số hợp tác xã đạt được những thành tựu và tiến bộ, *nhìn chung đại bộ phận các hợp tác xã ở nông thôn miền núi là hình thức, nhất là những hợp tác xã nông nghiệp vùng núi cao.* Kinh tế hộ gia đình và các loại hình kinh tế hợp tác ở trình độ phù hợp chưa được chú ý đúng mức. Thương nghiệp nhỏ tương ứng với trình độ sản xuất hàng hoá nhỏ và phân tán bị thu hẹp, có nơi bị xoá bỏ. Việc xây dựng một số vùng kinh tế mới không tính toán đầy đủ hiệu quả kinh tế - xã hội, lại làm theo cách áp đặt, giản đơn, nóng vội.

Kết cấu hạ tầng, đặc biệt là đường giao thông ở miền núi, nhất là ở các vùng cao, xa xôi, hẻo lánh, còn kém phát triển và bị chia cắt, chưa thành hệ thống thông suốt giữa các vùng

đang kìm hãm việc mở mang giao lưu ở miền núi cũng như giữa miền núi và miền xuôi.

Một số điểm công nghiệp có quy mô tương đối lớn như vùng than, các công trình thuỷ điện, các cơ sở khai khoáng, cơ khí, hoá chất và phân bón, chế biến lâm sản... hoạt động một cách biệt lập, chưa đóng được vai trò trung tâm lôi cuốn cả vùng phát triển.

Tình hình trên đây có nguyên nhân là do những khó khăn của nền kinh tế nói chung và của miền núi nói riêng, nhưng phần quan trọng bắt nguồn từ những khuyết điểm trong chính sách kinh tế - xã hội đối với miền núi và trong việc tổ chức thực hiện các chính sách đó:

1. Chưa nhận thức sâu sắc vị trí quan trọng cũng như những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của miền núi; chưa thật sự coi sự nghiệp xây dựng miền núi là bộ phận hữu cơ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chưa gắn bó, liên kết chặt chẽ việc phát triển kinh tế ở miền núi với miền xuôi. Chưa tổ chức nghiên cứu một cách toàn diện, tổng thể các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh của miền núi gắn với vấn đề dân tộc trong việc xác định chủ trương, chính sách đối với miền núi. Sử dụng vốn đầu tư chưa đúng, nhất là chưa chú trọng đúng mức đến xây dựng kết cấu hạ tầng của miền núi.

2. *Công tác xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền núi có nhiều sai lầm.* Chúng ta đã nặng về xây dựng các cơ sở quốc doanh quy mô lớn; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp một cách máy móc, rập khuôn theo mô hình của đồng bằng, thoát ly trình độ sản xuất và điều kiện xã hội ở miền núi. Cách làm đó đã kìm hãm sản xuất phát triển và gây ra nhiều hậu quả xấu về kinh tế - xã hội và chính trị.

3. *Phương thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại chỗ* cũng như chính sách đối với cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi chưa được nghiên cứu đầy đủ, thực hiện lại thiếu nhất quán, tùy tiện, không

khuyến khích cán bộ gắn bó lâu dài với miền núi để cống hiến có hiệu quả vào sự nghiệp phát triển miền núi. Cho đến nay, các địa phương miền núi chưa hình thành được đội ngũ cán bộ có năng lực phù hợp, am hiểu miền núi và có tâm huyết đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển miền núi.

4. *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với miền núi chưa tương xứng* với vị trí chiến lược quan trọng của miền núi; hiệu lực chỉ đạo thấp; các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở còn nhiều biểu hiện thiếu trách nhiệm và quan liêu, khoán trắng, hoặc thụ động, ỷ lại.

Tình hình trên đây đòi hỏi phải khẩn trương xác định những chủ trương, chính sách đúng đắn nhằm phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội, xây dựng miền núi vững mạnh toàn diện. Đây vừa là yêu cầu cấp bách của miền núi, vừa là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp lâu dài của đất nước.

Phần thứ hai

MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LỚN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN NÚI

Để xác định những chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và các nghị quyết Trung ương tiếp theo, cần thấu suốt *một số quan điểm sau đây*:

Một là, phát triển kinh tế - xã hội miền núi là một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển nền kinh tế quốc dân. Một mặt, các địa phương miền núi có trách nhiệm góp phần thực hiện những chủ trương Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Mặt khác, việc cụ thể hoá và tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách chung ở miền núi phải tính đầy đủ đến những đặc điểm về tự nhiên, lịch sử, kinh tế, xã hội, văn hoá, phong tục, tập quán của miền núi nói

chung và của riêng từng vùng, từng dân tộc; trong việc này *cần đặc biệt nhấn mạnh vai trò năng động, sáng tạo của địa phương và cơ sở*.

Hai là, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, văn hoá miền núi là sự nghiệp chung của nhân dân cả nước, trước hết là sự nghiệp của nhân dân các dân tộc miền núi và đồng bào miền xuôi lên định cư ở miền núi. *Khai thác và xây dựng miền núi là vì lợi ích trực tiếp của nhân dân miền núi, đồng thời vì lợi ích chung của cả nước*.

Đất đai, tài nguyên miền núi là của chung cả nước, thuộc sở hữu toàn dân. Song, đồng bào miền núi có trách nhiệm và quyền lực trực tiếp làm chủ sử dụng cụ thể đất đai, rừng núi và tài nguyên đó để phát triển kinh tế vì lợi ích của chính mình và vì lợi ích chung của xã hội, vừa trực tiếp tham gia giữ gìn, bảo vệ biên cương Tổ quốc.

Phải chống tư tưởng chỉ quan tâm khai thác tài nguyên mà coi nhẹ bảo vệ, bồi đắp, tái tạo tài nguyên, làm cho tài nguyên miền núi ngày càng nghèo kiệt, phá hoại môi trường sinh thái, gây hậu quả lâu dài trên nhiều mặt cho cả nước.

Trong việc phát triển kinh tế - xã hội miền núi, phải quán triệt phương châm "Trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm", một mặt, phải khắc phục tư tưởng chờ đợi, ỷ lại vào ngân sách trung ương, xem nhẹ nỗ lực của địa phương; mặt khác, Nhà nước cần cố gắng bố trí vốn đầu tư thích đáng hơn cho miền núi, trước mắt tập trung đầu tư cho phát triển giao thông vận tải, thông tin liên lạc, điện và nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư. Đồng thời, cần xây dựng những chính sách phù hợp, tạo điều kiện và động viên mạnh mẽ nhân dân miền núi khai thác tiềm năng và thế mạnh của mình, phát triển kinh tế hàng hoá, kinh doanh có hiệu quả, từng bước tự tích lũy để

dầu tư xây dựng và phát triển miền núi.

Ba là, nắm vững chủ trương phát triển có kế hoạch nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội; *điều chỉnh lại quan hệ sản xuất ở miền núi cho phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất*, thật sự tôn trọng quyền tự quyết định của nhân dân trong việc lựa chọn các hình thức kinh tế và cơ chế quản lý thích hợp, lấy hiệu quả làm tiêu chuẩn hàng đầu, nhất thiết không hình thức, máy móc, rập khuôn, áp đặt.

Xây dựng các tổ chức kinh tế quốc doanh theo hướng bảo đảm hiệu quả, trở thành lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi; áp dụng rộng rãi các hình thức kinh tế hợp tác quá độ thích hợp từ thấp đến cao; đặc biệt coi trọng kinh tế hộ gia đình; khuyến khích rộng rãi mọi người đầu tư kinh doanh đất rừng, các ngành công nghiệp, vận tải và dịch vụ; thực hiện *tự do lưu thông, trao đổi mua bán thoải thuận*; tranh thủ nguồn vốn và sự hợp tác của nước ngoài trong việc phát triển kinh tế, văn hoá miền núi.

Bốn là, phải phát triển miền núi toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng. Quan tâm đúng mức đến việc giải quyết các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Để thực hiện trên thực tế quyền bình đẳng giữa các dân tộc, một mặt, pháp luật phải bảo đảm quyền bình đẳng đó; mặt khác, phải có chính sách và tạo điều kiện để nhân dân các dân tộc miền núi vươn lên mạnh mẽ, phát triển kinh tế, văn hoá, từng bước nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống

vật chất và tinh thần của nhân dân, coi trọng đào tạo cán bộ người dân tộc; tôn trọng và phát huy những phong tục, tập quán và truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc. Nền văn minh ở miền núi phải được xây dựng trên cơ sở mỗi dân tộc phát huy bản sắc văn hoá của mình, vừa tiếp thu tinh hoa văn hoá của các dân tộc khác và góp phần phát triển nền văn hoá chung của cả nước, tạo ra sự phong phú, đa dạng trong nền văn minh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Về quốc phòng, an ninh, cần thực hiện tốt các quyết định ghi trong Nghị quyết 02 và Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị (Khoá VI), vận dụng một cách phù hợp với miền núi. Giữ gìn biên cương của Tổ quốc, bảo vệ miền núi là việc chung của cả nước, trước hết là việc thiết thân của nhân dân miền núi. Đội ngũ cán bộ, chiến sĩ quân đội, an ninh bảo vệ miền núi (kể cả bộ đội biên phòng) chủ yếu phải tuyển chọn từ thanh niên miền núi để đào tạo.

Để bảo đảm phát triển miền núi toàn diện và vững chắc, vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải coi trọng công tác *xây dựng Đảng*, làm cho đảng bộ các địa phương miền núi thật sự thể hiện được trí tuệ của nhân dân các dân tộc miền núi, đại diện cho lợi ích và nguyện vọng chính đáng của đồng bào các dân tộc, gắn bó với nhân dân, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền núi và góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

Các quan điểm trên là cơ sở để *xác định những chủ trương và chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi trong những năm tới*, bao gồm những mặt sau đây:

I- XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ CỦA MIỀN NÚI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HÀNG HOÁ, LIÊN KẾT CHẶT CHẼ VỚI CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG, RA SỨC PHÁT HUY THẾ MẠNH CỦA TỪNG VÙNG

1. *Nông nghiệp, lâm nghiệp*

Vấn đề lương thực ở miền núi phải được giải quyết theo quan điểm kinh tế hàng hoá, bằng thế mạnh của mỗi địa phương, xoá bỏ kiểu tự túc lương thực ở mọi địa bàn. Theo tinh thần đó, một mặt thâm canh lương thực trên những diện tích chắc ăn, nhất là các vùng trọng điểm lương thực đã có điều kiện về thuỷ lợi.

Mặt khác, để có nguồn hàng hoá trao đổi lấy lương thực và hàng tiêu dùng, cần khuyến khích sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm là thế mạnh của miền núi như đặc sản rừng, dược liệu, các loại màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, đại gia súc, khoáng sản...

Khuyến khích gia đình đồng bào các dân tộc, gia đình cán bộ, công nhân, viên chức, các đơn vị kinh tế cơ sở, các cơ quan, trường học, đơn vị quân đội trồng cây, chăm sóc rừng, khai thác đất trống, đồi trọc dưới nhiều hình thức như vườn rừng, trại rừng...

Đối với đồng bào du canh, du cư, cần đầu tư có trọng điểm tạo địa bàn sinh sống ổn định cho đồng bào; bảo đảm cho đồng bào đất đai canh tác, từng bước cải thiện điều kiện giao thông và nguồn nước, hướng dẫn và giúp đỡ đồng bào thâm canh nương rẫy và phát triển kinh tế gia đình.

Đối với nơi mật độ dân cư quá đông, thiếu đất canh tác, đồng bào có nguyện vọng chuyển đến nơi có điều kiện sinh sống tốt hơn, Nhà nước thực hiện chính sách như đối với đồng bào đi xây dựng vùng kinh tế mới, có kế hoạch cho nhân dân di chuyển trên cơ sở tự nguyện và thu xếp trong từng dòng họ trên địa bàn dân cư nơi đi và nơi đến, giúp đồng bào sớm ổn định sản xuất, bảo đảm đoàn kết dân tộc. Vốn đầu tư của Nhà nước dành cho các đối tượng trên, giao cho các địa phương thực hiện theo kế hoạch.

Cùng với việc đẩy mạnh trồng rừng, nhất là trồng rừng trong khu vực nhân dân, một mặt tổ chức khai thác hợp lý những khu rừng đến tuổi, mặt khác, trong những năm trước mắt

cần hạn chế khai thác gỗ tràn lan đối với diện tích rừng đầu nguồn, rừng bảo vệ và rừng đã nghèo kiệt. Áp dụng chính sách tiết kiệm tiêu dùng gỗ, đặc biệt là các loại gỗ quý hiếm. Hết sức hạn chế xuất khẩu gỗ chưa qua chế biến.

2. *Công nghiệp và kết cấu hạ tầng*

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và ngành, nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp nông thôn; trước hết là công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, với quy mô vừa và nhỏ là chủ yếu, phù hợp với khả năng đầu tư của các hộ kinh doanh. Bảo vệ và phát triển những ngành, nghề truyền thống của đồng bào các dân tộc như dệt thổ cẩm, thêu ren, đan lát...; mở mang những ngành, nghề mới, nhất là những ngành, nghề dùng nguyên liệu tại chỗ; tổ chức rộng rãi khâu sơ chế nông - lâm sản ở các gia đình. Các cơ sở có trang bị kỹ thuật hiện đại tập trung làm nhiệm vụ gia công chế biến tinh để nâng cao giá trị sản phẩm; mở rộng kinh doanh theo hướng tổng hợp, làm tốt dịch vụ ở cả khâu sản xuất và đặc biệt là ở khâu tiêu thụ.

Sắp xếp lại và đổi mới cơ chế quản lý đối với các cơ sở công nghiệp lớn, kể cả các cơ sở công nghiệp quốc phòng. Khai thác triệt để mọi công suất hiện có đồng thời phấn đấu tạo thêm nhiều năng lực sản xuất mới. Gắn các cơ sở lớn với hệ thống công nghiệp nhỏ địa phương, hình thành những trung tâm kinh tế, văn hoá dịch vụ ở từng vùng, đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương về hàng tiêu dùng, công cụ sản xuất và dịch vụ sửa chữa máy móc.

Về *giao thông vận tải*, tập trung vốn đầu tư của trung ương và địa phương, tổ chức tốt các lực lượng quân đội và thanh niên xung phong tham gia xây dựng cơ bản, huy động các đơn vị kinh tế quốc doanh trên địa bàn đóng góp, đồng thời tranh thủ vốn vay hoặc hợp tác với nước ngoài để xây dựng và nâng cấp một số trục giao thông chủ yếu, một số trung tâm kinh tế quan trọng. Tăng thêm phương tiện vận tải cơ giới, đồng thời phát triển rộng khắp vận tải thô sơ. Có chính sách bán các phương tiện vận tải cho nhân dân và khuyến

khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh vận tải ở miền núi, không hạn chế quy mô và cung độ vận tải, phát triển vận tải thủy ở những nơi có điều kiện.

Về điện, sớm cung cấp điện cho nhân dân ở những vùng gần các nhà máy thủy điện. Đồng thời coi trọng phát triển thủy điện nhỏ và các dạng năng lượng khác theo phương châm tập thể, các đơn vị sản xuất kinh doanh và nhân dân cùng làm, trên quy mô thôn, bản hoặc liên gia đình.

Về nguồn nước, cùng với việc đầu tư khai thác có hiệu quả một số hồ đập lớn, huy động vốn địa phương và vốn trong dân để xây dựng các hồ đập nhỏ vừa phục vụ thâm canh nông nghiệp, vừa phát triển nghề cá nhân dân và cải thiện môi trường sinh thái. Tăng thêm máy bơm các loại theo yêu cầu từng vùng để bán cho dân, nhất là ở những vùng trồng cây công nghiệp. Tổ chức khảo sát và khai thác các nguồn nước, kể cả nước ngầm ở những nơi có khó khăn về nguồn nước.

3. *Thương nghiệp và dịch vụ*

Để cung cấp đủ, kịp thời lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và tiêu thụ hết sản phẩm hàng hoá của miền núi, cần thu gọn đầu mối hệ thống thương nghiệp quốc doanh (nội thương, xuất, nhập khẩu, dịch vụ...), xoá bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết, mở rộng kinh doanh tổng hợp; chấn chỉnh các tổ chức thương nghiệp tập thể với nhiều trình độ và quy mô. Tổ chức rộng khắp mạng lưới đại lý mua bán đến tận làng, bản, tại các chợ và trên các trục giao thông.

Khuyến khích cá thể, tư nhân đăng ký kinh doanh thương nghiệp đối với tất cả các mặt hàng mà pháp luật không cấm. Khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế, mở rộng các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, kể cả kinh tế, văn hoá, y tế... theo pháp luật.

4. *Đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào miền núi*

Tiếp tục hoàn thiện công tác điều tra cơ bản ở miền núi, xúc tiến việc đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, dựa vào đó mà xây dựng quy hoạch tổng thể và các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn phát

triển kinh tế - xã hội miền núi, trong đó bảo đảm tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Trước mắt, trên cơ sở sử dụng tốt các tư liệu điều tra cơ bản thực hiện việc xác định cơ cấu sản xuất cho từng vùng, xác định các đối tượng và khu vực đầu tư có hiệu quả nhất để tập trung vốn đầu tư. Cần chú trọng việc nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông, lâm sản, nhất là đối với các cây trồng, vật nuôi là thế mạnh của từng vùng. Dựa vào các trung tâm hiện có về chăn nuôi và trồng trọt ở miền núi xúc tiến việc tổ chức các dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất: tạo giống mới hoặc thuần hoá các loại giống nhập từ bên ngoài có ưu thế, cung cấp đủ giống cho trồng trọt và chăn nuôi, chống sâu bệnh cho cây trồng và dịch bệnh cho vật nuôi, ứng dụng các công nghệ mới chế biến nông sản, lâm sản, v.v.. Đồng thời chú trọng việc đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ các cơ sở khác khai thác và chế biến các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các cơ sở công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến lương thực, thực phẩm. Quan tâm cải tiến cơ cấu bữa ăn.

Các ngành kinh tế - kỹ thuật cần xây dựng một số trung tâm nghiên cứu khoa học - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm của từng vùng (Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, v.v..) và đáp ứng các yêu cầu thiết thực của địa phương, với cơ cấu gọn nhẹ và phương pháp làm việc linh hoạt, gắn liền nghiên cứu với chỉ đạo đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Đồng thời các cơ sở khoa học - kỹ thuật của Trung ương cần tăng cường và xúc tiến nhanh các đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học - kỹ thuật phục vụ miền núi. Cần hết sức chú trọng việc đào tạo cán bộ kỹ thuật cho miền núi, gắn liền công tác đào tạo cán bộ với việc nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật công nghệ mới.

5. *Kinh tế đối ngoại*

Bên cạnh việc khuyến khích khai thác hàng xuất khẩu, tổ chức tốt việc chế biến bằng nhiều quy mô với kỹ thuật hiện

đại để nâng cao giá trị hàng xuất khẩu. Tổ chức và quản lý tốt xuất, nhập khẩu ở các tỉnh, huyện biên giới, kể cả việc trao đổi hàng hoá giữa nhân dân hai bên, có chính sách bảo hộ hàng nội địa, chống phá hoại kinh tế, chống buôn lậu của gian thương và của các tổ chức nhà nước. Các địa phương miền núi giáp biên có thể phát huy vai trò đầu cầu, làm tổng đại lý trong giao dịch, xuất, nhập khẩu với các nước láng giềng theo đúng quy định của Nhà nước.

Mở rộng các hình thức hợp tác kinh tế đối ngoại. Có chính sách ưu đãi, cởi mở nhằm thu hút đầu tư từ nước ngoài để mở mang kinh tế miền núi, cả về nông nghiệp, lâm nghiệp cũng như công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, kết cấu hạ tầng, thương nghiệp và dịch vụ. Áp dụng các hình thức đầu tư linh hoạt, từ hợp doanh ở các mức độ khác nhau đến hình thức 100% vốn là của nước ngoài.

Đầu tư phát triển du lịch và dịch vụ du lịch ở miền núi. Tu bổ và xây dựng thêm các khu du lịch, điểm du lịch như Điện Biên, Trường Sơn, Tam Đảo, Đà Lạt..., để thu hút khách du lịch trong nước và từ nước ngoài.

II- THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN, ĐIỀU CHỈNH QUAN HỆ SẢN XUẤT VÀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ, GIẢI PHÓNG TRIỆT ĐỂ NĂNG LỰC SẢN XUẤT Ở MIỀN NÚI

1. Chấn chỉnh các liên hiệp, công ty, tổng công ty theo hướng xoá bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết, tiến hành một đợt kiểm tra tình hình sử dụng đất đai của các nông trường, lâm trường, các đơn vị đóng trên địa bàn miền núi, xác định lại quy mô sử dụng đất hợp lý. Phần đất đai do các tổ chức và đơn vị nói trên bỏ hoang hoá, không có khả năng đưa

vào sử dụng trong những năm trước mắt hoặc đang sử dụng một cách kém hiệu quả thì kiên quyết cắt trả lại cho chính quyền địa phương để cấp cho nhân dân sản xuất đạt hiệu quả cao hơn. Diện tích rừng phòng hộ, rừng khoanh nuôi bảo vệ, chủ yếu do chính quyền địa phương quản lý. Đất giao cho nông trường, lâm trường sử dụng đều phải chịu thuế, kể cả đất chưa sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

Để bảo đảm mọi diện tích đất đai, vườn cây, khoanh rừng, tài sản đều có chủ cụ thể, cần thực hiện rộng rãi việc giao khoán, cho thuê, đấu thầu cho các hộ nông dân và gia đình công nhân viên chức sử dụng, kinh doanh ổn định lâu dài. Ban hành các văn bản pháp lý xác nhận quyền của các hộ nhận khoán được thừa kế sử dụng đất đai được khoán, chuyển nhượng các sản phẩm và vốn liếng, tài sản đầu tư trên đất nhận khoán.

Chuyển mạnh các nông, lâm trường sang hướng hoạt động dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ lưu thông, đáp ứng nhu cầu của người sản xuất, kinh doanh đất đai, đồi rừng trên địa bàn, thuộc mọi thành phần kinh tế.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh phải chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh, phát triển kinh tế hàng hoá, phấn đấu làm ăn có lãi. Những đơn vị thua lỗ kéo dài, không có khả năng củng cố thì chuyển sang các hình thức kinh tế thích hợp.

Chuẩn bị và tiến hành làm thủ việc chuyển một số nông trường, lâm trường sang xí nghiệp cổ phần dưới nhiều hình thức (kể cả hợp tác với nước ngoài) hoặc xí nghiệp tư nhân.

2. *Đối với khu vực kinh tế tập thể*, phải giải quyết trên nguyên tắc thật sự dân chủ và tự nguyện. Khuyến khích nông dân tham gia các tổ chức kinh tế hợp tác linh hoạt theo nhiều hình thức và nhiều quy mô thích hợp giữa các hộ gia đình, giữa những người lao động. Đối với những hợp tác xã

đã hoạt động có nền nếp, có hiệu quả, cần tiếp tục đổi mới theo hướng xác định quy mô hợp lý, áp dụng rộng rãi khoán hộ. Hợp tác xã phải vươn lên làm tốt các khâu dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ lưu thông.

Đối với những hợp tác xã kinh doanh kém hiệu quả, tập thể xã viên sẽ bàn bạc để điều chỉnh quy mô hoặc quyết định chuyển sang các hình thức thích hợp.

3. *Kinh tế hộ gia đình.* Trong chặng đường đầu tiên cũng như trong một thời gian dài của thời kỳ quá độ, kinh tế hộ gia đình là hình thức thích hợp để phát triển kinh tế hàng hoá ở miền núi, do đó *cần được đặc biệt coi trọng khuyến khích và giúp đỡ để phát triển.*

Đối với một số đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên đang sinh sống trong các "nhà dài", cần cấp đất đai và tạo điều kiện để vận động đồng bào phát triển kinh tế vườn, hình thành các hộ gia đình gắn với các cụm dân cư, từng bước chuyển từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hoá *theo đơn vị hộ là chủ yếu.*

4. *Kinh tế tư nhân* hoạt động theo luật pháp cả trên lĩnh vực nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ... có vai trò quan trọng, là một nhân tố tích cực trong quá trình chuyển từ nền kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hoá ở miền núi.

Khuyến khích mọi tổ chức kinh tế và tư nhân, ở miền núi và từ miền xuôi lên, trong nước và ngoài nước, đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, vận tải, xây dựng, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Không hạn chế quy mô, thị trường, không phân biệt thành phần kinh tế đối với mọi hàng hoá, trừ một số ít sản phẩm do Nhà nước quy định, tư nhân không được kinh doanh.

Mở rộng các hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết linh hoạt giữa các tỉnh, các thành phố, các tổ chức kinh tế ở miền xuôi với các địa phương và các đơn vị kinh tế ở miền núi. Các tổ

chức kinh tế này được tự do lưu thông các sản phẩm làm ra được xem xét giảm hoặc miễn thuế kinh doanh trong một số năm đầu.

III- ĐỔI MỚI CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI MIỀN NÚI

1. *Trước mắt, điều chỉnh chính sách thuế nông nghiệp, thuế tiểu, thủ công nghiệp, thuế lưu thông hàng hoá*, nhằm khuyến khích phát triển kinh tế hàng hoá ở miền núi. Phương hướng chung là miễn thuế nông nghiệp cho một số vùng có nhiều khó khăn, miễn thuế lưu thông cho một số sản phẩm thiết yếu, giảm thuế nông nghiệp cho sản xuất lương thực và thuế kinh doanh cho một số ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn miền núi. Nhà nước tăng tỉ lệ trích từ thuế để lại cho các huyện, xã miền núi.

2. Chuyển từ phương thức trợ giá bán vật tư sản xuất sang *trợ giá mua sản phẩm hàng hoá*. Thực hiện chính sách trợ cấp trực tiếp thay cho trợ cấp qua giá đối với những người thuộc đối tượng hưởng chính sách xã hội. Áp dụng lãi suất tín dụng phù hợp đối với một số mặt hàng tiêu dùng cần dự trữ ở khâu lưu thông để bảo đảm cung ứng đều đặn cho đồng bào miền núi, nhất là vào mùa mưa bão.

3. Khuyến khích việc hình thành các trung tâm công nghiệp - thương mại - dịch vụ tại các thị trấn, thị tứ, các trục giao thông ở miền núi. Đầu tư xây dựng và cải tạo các chợ ở miền núi, để chợ thật sự trở thành các tụ điểm kinh tế, văn hoá, thương mại, giao dịch. Trừ danh mục những sản phẩm không được tự do lưu thông do Nhà nước công bố, khuyến khích *tự do sản xuất kinh doanh, tự do lưu thông trao đổi các sản phẩm hàng hoá* giữa các dân tộc, các vùng ở miền núi và giữa miền núi với miền xuôi, trên phạm vi cả nước. Mở rộng mạng lưới thương nghiệp, kể cả thương nghiệp tư nhân đến cả những bản làng hẻo lánh. Đối với các chợ biên

giới, cần chú trọng bảo đảm an ninh quốc gia, theo đúng pháp luật của Nhà nước.

4. Về đời sống và công tác giáo dục, đào tạo, văn hoá, xã hội, y tế

Trước mắt tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau đây:

a) Tăng mức đầu tư cho hệ thống y tế miền núi, bảo đảm cung ứng đủ thuốc thông thường và thuốc phòng chống dịch bệnh. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách khuyến khích thoả đáng đối với cán bộ y tế miền núi, phấn đấu trong một thời gian nhất định có đủ cán bộ y tế ở các bản làng hoặc liên bản. Hệ thống này gắn với các cơ sở Hội chữ thập đỏ Việt Nam nhằm nâng cao khả năng quản lý chăm sóc sức khoẻ của nhân dân ở từng bản nhỏ và ở từng cụm dân cư.

Nhà nước cần có quy định cụ thể để đánh giá, xác nhận và khuyến khích các lương y có uy tín hành nghề và truyền nghề. Khuyến khích mạnh việc chế biến, sử dụng dược liệu địa phương và các phương thuốc gia truyền để phòng bệnh và chữa bệnh. Khuyến khích các cán bộ y tế có đủ điều kiện lập các cơ sở chế biến dược liệu, khám và chữa bệnh cho nhân dân với nhiều hình thức thích hợp (tổ hợp tác, tư nhân) ở miền núi.

Có chính sách trợ cấp điều trị tại các bệnh viện trực tiếp cho những cán bộ và nhân dân sinh sống ở vùng cao, vùng thượng, vùng căn cứ cách mạng đang có nhiều khó khăn.

Tranh thủ và dành phần thích đáng viện trợ của các nước và các tổ chức quốc tế để đầu tư phát triển y tế, giáo dục và cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng căn cứ cũ.

b) Có chính sách ưu đãi trong việc cung ứng một số mặt hàng thiết yếu đối với đời sống của nhân dân các dân tộc như muối ăn, dầu thắp sáng, thuốc chữa bệnh, giấy học sinh, dịch vụ văn hoá, văn nghệ...

Thực hiện chương trình cấp nước sinh hoạt cho các điểm dân cư ở vùng cao, biên giới và các đồn biên phòng. Phấn đấu đến

năm 1995 giải quyết về cơ bản nhu cầu nước sinh hoạt cho nhân dân các vùng trên.

c) Tăng cường các phương tiện thông tin đại chúng, kể cả các phương tiện hiện đại như máy thu thanh cát xét, máy thu hình, băng ghi hình, để cải tiến và nâng cao các chương trình phát thanh, truyền hình ở địa phương, phổ biến các văn hoá phẩm và tài liệu có nội dung thiết thực, phù hợp với yêu cầu và truyền thống của đồng bào các dân tộc. Chú trọng sử dụng ngôn ngữ dân tộc (và chữ viết nếu có) trong công tác thông tin tuyên truyền.

d) Đổi mới chính sách giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và chế độ đãi ngộ cán bộ miền núi. Tăng thêm vốn đầu tư cho việc xây dựng các trường, lớp, đào tạo giáo viên phổ thông bảo đảm đủ giáo viên và chỗ học cho con em các dân tộc. Tổ chức lại hệ thống trường phổ thông cơ sở, trước hết là ở những xã vùng cao, kể cả các lớp dân lập ở thôn, bản hoặc liên gia đình. Phấn đấu phổ cập cấp I cho lứa tuổi thanh thiếu niên theo chương trình phù hợp; miễn học phí cho học sinh là con em các dân tộc miền núi và con em các gia đình miền xuôi lên lập nghiệp ở miền núi mà có nhiều khó khăn. Chú ý giải quyết tốt nhu cầu của một số dân tộc về học chữ dân tộc mình xen kẽ với học chữ phổ thông.

Đối với đồng bào có nhu cầu học chữ dân tộc, phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để việc học tập của đồng bào đạt hiệu quả thiết thực.

Xem xét lại hệ thống giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội miền núi nói chung, từng vùng nói riêng.

Trước hết, mở rộng và củng cố các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường vừa học, vừa làm, các trung tâm dạy nghề, các lớp dự bị cho con em các dân tộc miền núi, chuẩn bị vào các trường đại học và chuyên nghiệp đối với một số ngành, nghề cần thiết. Đồng thời có chính sách ưu đãi trong tuyển sinh và học bổng, đặc biệt là đối với con em các dân tộc vùng cao. Thực hiện nguyên tắc ưu tiên đào tạo cán bộ dân tộc,

cán bộ công tác ở miền núi, học xong trở về địa phương phục vụ đồng bào các dân tộc.

Mở rộng chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cán bộ quản lý và các kỹ thuật viên phù hợp với cơ cấu sản xuất và tập quán từng vùng. Khôi phục các lớp dành riêng cho cán bộ miền núi ở trường đảng, trường hành chính, các trường đoàn thể quần chúng ở trung ương và địa phương, đồng thời có chế độ thoả đáng đối với học viên các lớp nói trên.

Bổ sung chính sách, chế độ đối với cán bộ người dân tộc cũng như người miền xuôi công tác ở địa bàn miền núi, nhất là cán bộ công tác ở vùng cao, vùng hẻo lánh, hải đảo.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với miền núi; kiện toàn tổ chức và tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ của các cơ quan tham mưu, đủ sức giúp Trung ương cả trong công tác nghiên cứu, ban hành chính sách cũng như kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, chính sách kinh tế - xã hội ở miền núi.

Đổi mới hình thức tổ chức và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng cho phù hợp với thực tế miền núi nhằm động viên mạnh mẽ phong trào quần chúng thực hiện thắng lợi chủ trương và chính sách của Đảng.

2. Để bảo đảm thực hiện thắng lợi những yêu cầu và chủ trương lớn trên đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng cần tăng cường thích đáng đội ngũ cán bộ chủ chốt cho các tỉnh miền núi, kể cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ khoa học - kỹ thuật. Bộ Chính trị sẽ phân công một số đồng chí chịu trách nhiệm chính và có kế hoạch định kỳ nghe báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết này. Hội đồng Bộ trưởng phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

thường xuyên chỉ đạo công tác miền núi. Các ngành liên quan cần phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách và một số cán bộ chuyên trách về những vấn đề miền núi.

Các tỉnh miền núi và các tỉnh, thành có huyện miền núi cần tùy theo mức độ mà phân công một số thành viên trong uỷ ban nhân dân tỉnh chuyên trách công tác dân tộc, công tác vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cũ.

Cần có quy định vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp trong hội đồng nhân dân ở những địa phương có nhiều dân tộc khác nhau để Hội đồng nhân dân thật sự là cơ quan quyền lực của dân, đồng thời bảo đảm đoàn kết dân tộc.

Củng cố chính quyền cấp xã gắn với việc xác định đúng đắn nhiệm vụ của cấp buôn, làng, bản, chú ý đến vai trò của các trưởng bản, già làng trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và các nhiệm vụ về an ninh quốc phòng.

3. Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo cụ thể hoá và pháp chế hoá những nội dung nêu trong Nghị quyết này để ban hành và

thực hiện từ quý I-1990. Trong quá trình cụ thể hoá, cần xác định những bước đi thích hợp, những việc làm thiết thực, cụ thể, vừa sức với cố gắng cao nhất có thể được. Tập trung vào những việc cần làm trong thời gian trước mắt và trong vài năm tới.

4. Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ đạo các ban đảng kiểm tra việc thi hành; thường xuyên theo dõi, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời đề xuất những kiến nghị bổ sung trong quá trình thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 56-CT/TW, ngày 4 tháng 12 năm 1989

Về việc tăng cường chỉ đạo và quản lý các đoàn của ta ra nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài vào nước ta

I- TÌNH HÌNH ĐOÀN RA, ĐOÀN VÀO

Hàng năm có hàng chục nghìn đoàn của ta ra nước ngoài và đoàn nước ngoài vào nước ta (dưới đây gọi tắt là đoàn ra, đoàn vào). Những hoạt động đó góp phần thực hiện tốt đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Tuy nhiên, việc chỉ đạo và quản lý đoàn ra, đoàn vào còn nhiều thiếu sót:

1. Nhiều cơ quan, đoàn thể cử đoàn ra và đoàn vào không có mục đích rõ rệt, không có kế hoạch, không theo đúng các nguyên tắc, tiêu chuẩn và không có hiệu quả thiết thực.

2. Nhiều đoàn ra không được chuẩn bị tốt về nội dung, cử người đi không theo yêu cầu của công việc, không đủ tiêu chuẩn về chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ, phẩm chất; nhiều trường hợp cử người đi chỉ để “giải quyết chính sách”

hoặc vì cảm tình cá nhân, thăm hữu nghị chung chung hoặc nghiên cứu khảo sát trùng lặp những vấn đề đã có đoàn đi trước nghiên cứu khảo sát rồi. Một số cán bộ phụ trách cơ quan, đơn vị đi ra nước ngoài quá nhiều, ít thời giờ làm việc trong nước. Một số cán bộ ra nước ngoài có những hành động tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng và Nhà nước ta. Hoạt động của các đoàn ra không được quản lý chặt chẽ, có trường hợp đoàn viên bỏ trốn, ở lại nước ngoài.

Có cơ quan xin phép Ban Bí thư cử đoàn ra nước ngoài không được chấp thuận lại đi xin phép bên Hội đồng Bộ trưởng và ngược lại.

Việc mời, tiếp đón và làm việc với đoàn vào thường không được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ, không phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có trách nhiệm ở Trung ương và các cấp uỷ, cấp chính quyền địa phương có liên quan đến chương trình hoạt động của đoàn vào, có trường hợp tùy tiện, không xin phép cấp có thẩm quyền. Một số cơ quan, đơn vị đã mời cả những phần tử xấu vào nước ta dưới các danh nghĩa du lịch, kinh doanh, tôn giáo, nghiên cứu khoa học, dạy tiếng Anh, v.v..

3. Nhiều cơ quan, đơn vị chưa chấp hành nghiêm túc các quy định của Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng về xét duyệt, quản lý đoàn ra, đoàn vào. Các chế độ kiểm tra, báo cáo sau mỗi lần cử đoàn ra, đón đoàn vào cũng không được chấp hành.

4. Việc chi tiêu cho nhiều đoàn ra, đoàn vào còn lãng phí, phô trương, hình thức.

II- PHƯƠNG HƯỚNG CHỈ ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

Trên cơ sở tiếp tục mở rộng quan hệ về chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hoá, xã hội... giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế, hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội,

việc cử đoàn ra và đón đoàn vào phải bảo đảm đạt hiệu quả thiết thực, bảo đảm an ninh và lợi ích của nước ta.

Mọi hoạt động của đoàn ra, đoàn vào do ta tự đài thọ hoặc do nước ngoài đài thọ mọi chi phí (hoặc một phần chi phí) đều phải theo đúng quy chế của Ban Bí thư và quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Không nhất thiết bất cứ ai ở nước ngoài mời ta cử đoàn ra nước ngoài mà họ đài thọ mọi chi phí thì ta cử đoàn đi, mà còn phải tính đến thái độ, thời điểm chính trị và hiệu quả thiết thực cho công việc chung.

Không nhất thiết đoàn nào của ta ra nước ngoài cũng mời đoàn tương đương của nước ngoài vào thăm nước ta để đáp lễ.

1. Về lập và duyệt kế hoạch

a) Thủ trưởng các ban của Trung ương Đảng, các bộ và các cơ quan trực thuộc Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, các đoàn thể ở trung ương, bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành, đặc khu có trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch đoàn ra, đoàn vào của ban, ngành, đoàn thể và địa phương mình.

Căn cứ để lập kế hoạch là: nhiệm vụ hàng năm về hợp tác quốc tế của ban, ngành, đoàn thể, địa phương, dựa theo các thoả thuận ghi trong các văn bản của Đảng, các hiệp định, nghị định, thư của Nhà nước và các thoả thuận của ban, ngành, đoàn thể, địa phương với các cơ quan, tổ chức nước ngoài đã được các cấp có thẩm quyền đồng ý; khả năng tổ chức thực hiện và điều kiện về tài chính để thực hiện kế hoạch đó.

Khi lập kế hoạch phải chú ý đến hiệu quả thiết thực của việc cử đoàn ra, mời đoàn vào, cần tham khảo ý kiến các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước về đối ngoại, về các lĩnh vực có liên quan, về an ninh và tài chính.

b) Ban Bí thư xét duyệt kế hoạch đoàn ra, đoàn vào hàng

năm của:

- Các ban của Đảng, các cơ quan khác trực thuộc Ban Bí thư, các đoàn thể ở trung ương, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, các tỉnh uỷ, thành uỷ và đặc khu uỷ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.

- Các đoàn ra mà trưởng đoàn là Uỷ viên Trung ương Đảng, trưởng hoặc phó trưởng ban của Trung ương Đảng, bí thư, phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ và đặc khu uỷ, chủ tịch, phó chủ tịch hoặc tổng thư ký các đoàn thể ở trung ương, viện trưởng hoặc phó viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, chánh án hoặc phó chánh án Tòa án nhân dân tối cao (Ban Bí thư sẽ có văn bản hướng dẫn việc phân cấp xét duyệt và quản lý đoàn ra, đoàn vào thuộc diện Ban Bí thư quản lý).

- Các tổ chức tôn giáo đi các địa bàn phức tạp, đi dự các Hội nghị tôn giáo quan trọng hoặc thành viên trong đoàn là người đứng đầu các giáo hội; các đoàn vào với danh nghĩa tôn giáo mà thành viên là người có chức danh cao trong các tổ chức tôn giáo quốc tế hoặc quốc gia (Ban Tôn giáo của Chính phủ sẽ có quy định riêng về hoạt động đối ngoại liên quan đến tôn giáo).

Ban Đối ngoại Trung ương có nhiệm vụ tổng hợp các kế hoạch đó để trình Ban Bí thư và giúp Ban Bí thư kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch.

c) Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt kế hoạch đoàn ra, đoàn vào của ta:

- Các bộ, uỷ ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương.

- Các đoàn ra mà trưởng đoàn là các đồng chí chủ tịch tỉnh, thành phố, đặc khu.

- Các tổ chức tôn giáo và cá nhân hoạt động tôn giáo ngoài quy định (b) của điểm (1) ở trên.

(Hội đồng Bộ trưởng có quy định cụ thể về việc xét duyệt và quản lý đoàn ra, đoàn vào do Hội đồng Bộ trưởng quản lý).

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng có nhiệm vụ tổng hợp các kế hoạch đó để trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiểm tra, theo dõi việc thực hiện.

d) Việc xét duyệt các kế hoạch hàng năm về đoàn ra, đoàn vào phải làm xong vào giữa tháng 11 năm trước. Các đoàn ra, vào đột xuất ngoài kế hoạch cũng phải được xét duyệt theo đúng quy chế.

Trên cơ sở kế hoạch chung đã được xét duyệt, định hạn mức kinh phí cả năm (cả kinh phí do Nhà nước cấp và kinh phí tự có) cho đoàn ra, đoàn vào (ngoại tệ và tiền Việt Nam) của từng cơ quan, đoàn thể ở trung ương và địa phương.

2. Về quản lý và xét duyệt nhân sự

a) Đối với đoàn ra

- Việc quản lý và xét duyệt nhân sự thực hiện theo quy chế của Ban Bí thư (số 37-QĐ/TW ngày 7-1-1988).

- Thường trực Ban Bí thư xét duyệt bí thư tỉnh uỷ, trưởng các ban của Đảng, bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và chủ tịch các đoàn thể ở trung ương. Ban Bí thư uỷ nhiệm cho Ban Tổ chức Trung ương xét duyệt các nhân sự khác thuộc diện Ban Bí thư trực tiếp quản lý.

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt các bộ trưởng, thứ trưởng, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban ngang bộ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành, đặc khu.

- Các thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và bí thư, chủ tịch tỉnh, thành, đặc khu chịu trách nhiệm lựa chọn và bố trí nhân sự các đoàn thuộc diện mình trực tiếp quản lý.

- Thủ trưởng cơ quan, đoàn thể và lãnh đạo địa phương có đoàn đi phải báo trước cho Bộ Nội vụ danh sách đoàn viên trong đoàn. Nếu thấy có vấn đề cần chú ý, Bộ Nội vụ tham gia ý kiến để cơ quan chủ quản xem xét quyết định.

b) *Đối với đoàn vào*

- Trước khi trình Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, cơ quan chủ quản phải tìm hiểu rõ về những người trong đoàn, bàn bạc trước với các cơ quan, đơn vị hữu quan và các địa phương nơi đoàn sẽ đến và phải được sự đồng ý của những nơi đó. Sau khi được phép mời đoàn vào, phải thông báo cho Bộ Nội vụ danh sách và chương trình hoạt động của những người trong đoàn vào. Chỉ sau khi Bộ Nội vụ đồng ý, Bộ Ngoại giao mới cấp thị thực cho đoàn vào (đối với các nước mà ta chưa có hiệp định về lãnh sự quy định việc miễn thủ tục cấp thị thực).

- Cơ quan chủ quản phải phối hợp với các cơ quan và địa phương hữu quan trong việc tiếp đón đoàn vào, thực hiện đúng chương trình hoạt động của đoàn và bảo đảm an ninh của ta.

c) Cơ quan ngoại giao, nội vụ cần giải quyết nhanh, gọn các thủ tục về cấp hộ chiếu, thị thực và giấy phép, tạo điều kiện cho các cơ quan, đoàn thể cử đoàn ra, đón đoàn vào, thực hiện tốt kế hoạch hoạt động đối ngoại.

3. *Về quản lý hoạt động của đoàn ra, đoàn vào*

- Các đoàn ra, khi đến những nơi có cơ quan đại diện của ta phải báo ngay cho cơ quan đại diện của ta ở đó biết chương trình và nội dung hoạt động của đoàn; khi có các vấn đề phức tạp về chính trị, ngoại giao thì phải hỏi ý kiến cơ quan đại diện ta trước khi giải quyết với các cơ quan, đơn vị nước sở tại; trước khi về nước phải báo để cơ quan đại diện ta biết kết quả làm việc của đoàn.

- Khi công tác ở nước ngoài, phải giữ kỷ luật phát ngôn, giữ bí mật của Đảng và Nhà nước, tôn trọng pháp luật và phong tục của nước sở tại, không có những hành động tiêu cực.

- Đoàn ra, ngoài những nước được phép đến theo yêu cầu công tác, không được tự ý kết hợp sang nước khác mà không được phép của cơ quan xét duyệt đoàn ra. Nếu thành viên trong đoàn cần đến nước khác giải quyết việc riêng, phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép và tự chịu mọi phí tổn.

- Khi đón đoàn vào, cơ quan chủ quản phải báo cho Bộ Nội vụ kế hoạch hoạt động của đoàn. Đoàn yêu cầu đi những địa phương nào, cơ quan chủ quản phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương nơi đó và các cơ quan hữu quan khác.

- Sau khi kết thúc hoạt động của đoàn ra, đoàn vào, cơ quan chủ quản phải báo cáo với cấp trên có thẩm quyền về

kết quả, ưu khuyết điểm, nhận xét và kiến nghị của đoàn.
Nếu có vấn đề phức tạp nảy sinh về quan hệ đối ngoại hoặc an ninh, cơ quan chủ quản phải thông báo Ban Đối ngoại, Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ để phối hợp giải quyết.

- Các cơ quan, đoàn thể và cán bộ có nhiệm vụ tiếp xúc đối ngoại phải theo đúng các quy định về giữ bí mật của Đảng và Nhà nước.

4. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này ở các cấp, các ngành.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 173-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 1989

Về thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam

1. Căn cứ tờ trình của Ban Bí thư, tại phiên họp ngày 6-12-1989, Bộ Chính trị đã quyết định cho thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam.
2. Bộ Chính trị đã cử đồng chí Thượng tướng Song Hào phụ trách việc chuẩn bị các thủ tục cần thiết để Hội Cựu chiến binh Việt Nam sớm được ra mắt và đi vào hoạt động.
3. Các địa phương chờ chỉ thị của Ban Bí thư và quyết định chính thức của Hội đồng Bộ trưởng về việc lập Hội Cựu chiến binh rồi mới được lập Hội ở địa phương. Nhất thiết không được lập Hội ở bất kỳ cấp nào trước khi có chỉ thị của Ban Bí thư và quyết định của Hội đồng Bộ trưởng.
4. Quyết định này cần phổ biến cho tất cả các đồng chí cán bộ, chiến sĩ đang tại ngũ hoặc đã ra ngoài lực lượng vũ trang biết.

Vậy thông báo để các đồng chí biết và thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN THANH BÌNH

chỉ thị của ban bí thư số 56-ct/tw... 1237

1238 văn kiện đảng toàn tập

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 26-TT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 1989

Sửa đổi và bổ sung quy định về trách nhiệm quyền hạn thẩm tra, kết luận và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị và nghi vấn có vấn đề chính trị hiện nay

Ngày 1-3-1965, Bộ Chính trị đã có Chỉ thị số 91-CT/TW quy định việc sử dụng, xử lý và quản lý đối với những cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị hoặc nghi có vấn đề chính trị hiện nay; ngày 31-1-1978 Ban Bí thư Trung ương có Thông tri số 28-TT/TW quy định thêm về trách nhiệm, quyền hạn trong việc phát hiện, thẩm tra, kết luận vấn đề lịch sử chính trị, bị địch bắt có vấn đề chưa rõ của cán bộ, đảng viên.

Đến nay đội ngũ cán bộ, đảng viên phát triển ngày càng đông, số cán bộ, đảng viên có vấn đề phải xem xét nhiều. Để phù hợp với tình hình hiện nay và theo Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 24-11-1987 của Bộ Chính trị về quy chế quản lý

cán bộ; nay Ban Bí thư sửa đổi và bổ sung quy định về trách nhiệm, quyền hạn trong việc thẩm tra, kết luận và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị hoặc nghi vấn có vấn đề chính trị hiện nay như sau:

1. Cán bộ, đảng viên nghi có vấn đề lịch sử chính trị hoặc bị địch bắt có vấn đề chưa rõ thuộc cấp nào trực tiếp quản lý theo Quyết định số 23-QĐ/TW (kể cả những trường hợp trước đây thuộc diện Trung ương quản lý, nay không còn thuộc diện Trung ương quản lý nữa) thì cấp đó quyết định thẩm tra, kết luận và quản lý, nhưng chỉ từ cấp huyện và tương đương trở lên mới có quyền quyết định thẩm tra, kết luận theo phân cấp quản lý cán bộ của địa phương hoặc của ngành. Trường hợp quá phức tạp mà cấp có thẩm quyền quyết định còn nhiều ý kiến khác nhau thì báo cáo xin ý kiến cấp uỷ cấp trên trước khi quyết định.

Những cán bộ, đảng viên có vấn đề nói trên thuộc các bộ, ban, ngành trung ương trực tiếp quản lý thì lãnh đạo bộ, ban, ngành trung ương thẩm tra, kết luận và quản lý. Trước khi kết luận, lãnh đạo bộ, ban, ngành phải lấy ý kiến tham gia của thường vụ đảng uỷ cơ quan nơi đảng viên đó sinh hoạt.

2. Trường hợp đối tượng nghi có vấn đề chính trị hiện nay là tỉnh uỷ viên, thành uỷ viên (thành phố trực thuộc Trung ương), đặc khu uỷ viên, hoặc là cán bộ cấp vụ trưởng và tương đương trở lên ở các bộ, ban, ngành trung ương, thì do Ban Bí thư quyết định việc thẩm tra và kết luận.

Ngoài những trường hợp nói trên, số còn lại nếu ở địa phương đều do tập thể thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành, đặc khu uỷ quyết định, nếu ở các bộ, ban, ngành trung ương đều do tập thể lãnh đạo các bộ, ban, ngành mới có quyền quyết định tiến hành thẩm tra, kết luận. Trước khi kết luận, lãnh đạo bộ, ban, ngành phải lấy ý kiến tham gia của thường vụ đảng uỷ cơ quan nơi đảng viên đó sinh hoạt. Nếu trường hợp

quá phức tạp, tập thể thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành, đặc khu uỷ hoặc tập thể lãnh đạo các bộ, ban, ngành còn nhiều ý kiến khác nhau thì trao đổi với Ban Tổ chức và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trước khi quyết định.

Danh sách nghị vấn chính trị hiện nay đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện các tỉnh, thành, đặc khu uỷ và các bộ, ban, ngành trung ương trực tiếp quản lý đều gửi về Ban Tổ chức Trung ương để theo dõi.

3. Những văn bản trước đây quy định về trách nhiệm, quyền hạn thẩm tra, kết luận, quản lý về lịch sử chính trị và nghị vấn chính trị hiện nay đối với cán bộ, đảng viên trái với văn bản này đều không còn hiệu lực thi hành.

Ban Tổ chức Trung ương căn cứ vào nội dung Thông tri này hướng dẫn cụ thể và giúp Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện.

Ban Tổ chức Trung ương cùng Uỷ ban Kiểm tra Trung ương nghiên cứu đề nghị bổ sung sửa đổi chính sách xử lý, sử dụng đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị và nghị vấn chính trị hiện nay cho phù hợp tình hình mới.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN THANH BÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

TRANG

- *Lời giới thiệu tập 49* V
- Thông báo của Ban Bí thư, số 56-TB/TW, ngày 4 tháng 1 năm 1988, về việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế của Thành phố Hà Nội 1
- Quyết định của Ban Bí thư, số 38-QĐ/TW, ngày 6 tháng 1 năm 1988, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Nội chính Trung ương 4
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 26-CT/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1988, về chế độ báo cáo lên Trung ương Đảng 10
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 08-NQ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1988, về tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử lớn trong năm 1990 15
- Quyết định của Ban Bí thư, số 39-QĐ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1988, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tài chính – Quản trị Trung ương 21
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 27-CT/TW, ngày 4 tháng 2 năm 1988, về chính sách xử lý đối với đảng viên phạm sai lầm 26
- Thông báo, số 69-TB/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1988, kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị về tỷ giá - giá - lương - tiền - hàng 32
- Quy định của Ban Bí thư, số 40-QĐ/TW, ngày 22 tháng 2 năm 1988, về trách nhiệm và nội dung báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư của các ban, ngành trung ương 37
- Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh sau một số chuyến đi làm việc ở các địa phương, ngày 24 tháng 2 năm 1988 44

- Quyết định của Bộ Chính trị, số 41-QĐ/TW, ngày 26 tháng 2 năm 1988, về việc tổ chức lại một số bộ, uỷ ban nhà nước và tổng cục 62
- Thông báo của Ban Bí thư, số 70-TB/TW, ngày 29 tháng 2 năm 1988, về kết quả và những việc phải làm tiếp về sắp xếp tổ chức bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể ở tỉnh, thành, huyện, quận và cấp tương đương 64
- Quyết định của Ban Bí thư, số 42-QĐ/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1988, về đổi tên Hội Nông dân 68
- Thông báo của Ban Bí thư, số 76-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 1988, về sắp xếp bộ máy cơ quan bộ, tổng cục thuộc khối công nghiệp 69
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 31-CT/TW, ngày 22 tháng 3 năm 1988, về thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về văn hoá, văn nghệ 73
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 29-CT/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1988, về kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20-8-1888 – 20-8-1988) 79
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 30-CT/TW, ngày 23 tháng 3 năm 1988, về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội 82
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 33-CT/TW, ngày 28 tháng 3 năm 1988, về việc lãnh đạo thi hành Luật Đất đai 86
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 32-CT/TW, ngày 29 tháng 3 năm 1988, về công tác của Tạp chí *Cộng sản* 89
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 10-NQ/TW, ngày 5 tháng 4 năm 1988, về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp 94
- Thông báo của Ban Bí thư, số 84-TB/TW, ngày 5 tháng 4 năm 1988, về yêu cầu, nội dung Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) 136
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 35-CT/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1988, về củng cố tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam 143

- Quyết định của Ban Bí thư, số 49-QĐ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1988, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Khoa giáo Trung ương 147
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 36-CT/TW, ngày 13 tháng 4 năm 1988, về thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” 153
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 34-CT/TW, ngày 14 tháng 4 năm 1988, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Luật gia Việt Nam 156
- Thông tri của Ban Bí thư, số 18-TT/TW, ngày 16 tháng 4 năm 1988, về lãnh đạo tốt đại hội các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 159
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 11-NQ/TW, ngày 2 tháng 5 năm 1988, về các biện pháp cấp bách chống lạm phát 162
- Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, tháng 5 năm 1988, về Nghị quyết Bộ Chính trị về các biện pháp cấp bách chống lạm phát 180
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 37-CT/TW, ngày 17 tháng 5 năm 1988, về đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở 197
- Quy định của Ban Bí thư, số 53-QĐ/TW, ngày 17 tháng 5 năm 1988, về việc bầu cử trong Đảng 202
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 38-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 1988, về việc tiến hành đợt thanh tra tài chính trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân 209
- Thông báo của Ban Bí thư, số 90-TB/TW, ngày 22 tháng 5 năm 1988, về tình hình lương thực ở nông thôn tám tỉnh miền Bắc 213
- Kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị, số 14-NQ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 1988, về ngân sách năm 1988 218
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 55-QĐ/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1988, về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp từ nay đến năm 1990 229

- Quyết định của Ban Bí thư, số 54-QĐ/TW, ngày 28 tháng 5 năm 1988, về chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Trung ương 234
- Quyết định của Ban Bí thư, số 57-QĐ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 1988, về việc thành lập Đảng bộ Vận tải đường sắt 237
- Bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), tháng 6 năm 1988 240
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 05-NQ/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1988, về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng, bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng 261
- Diễn văn bế mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VI) do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc, ngày 20 tháng 6 năm 1988 291
- Thông báo Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), số 310-TB/VPTW, ngày 21 tháng 6 năm 1988, một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng 303
- Thông tri của Ban Bí thư, số 20-TT/TW, ngày 6 tháng 7 năm 1988, về việc lãnh đạo chặt chẽ công tác điều tra, truy tố, xét xử bọn phạm tội nghiêm trọng 313
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 42-CT/TW, ngày 9 tháng 7 năm 1988, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) 315
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 16-NQ/TW, ngày 15 tháng 7 năm 1988, về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh 319
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 43-CT/TW, ngày 24 tháng 7 năm 1988, về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị “Về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh” 335

- Quyết định của Ban Bí thư, số 61-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1988, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương 338
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 44-CT/TW, ngày 17 tháng 8 năm 1988, về việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hội đồng nhân dân 342
- Quyết định của Ban Bí thư, số 62-QĐ/TW, ngày 25 tháng 8 năm 1988, về chức năng nhiệm vụ của Ban Dân tộc Trung ương 345
- Thông tri của Ban Bí thư, số 21-TT/TW, ngày 26 tháng 8 năm 1988, về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị 348
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 45-CT/TW, ngày 26 tháng 8 năm 1988, về tổ chức kỷ niệm 10 năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô (1978-1988) 351
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 46-CT/TW, ngày 26 tháng 8 năm 1988, về kỷ niệm 200 năm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789-1989) 353
- Thông tri của Ban Bí thư, số 19-TT/TW, ngày 27 tháng 8 năm 1988, về việc khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập 356
- Thông tri của Ban Bí thư, số 22-TT/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1988, về điều tra, khảo sát tình hình nông thôn 358
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 47-CT/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1988, về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất 361
- Quy chế của Ban Bí thư, số 64-QC/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1988, về quản lý cán bộ, nhân viên ngành Cơ yếu Việt Nam 374
- Thông báo của Ban Bí thư, số 107-TB/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1988 về sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 10 Bộ

Chính trị và tổng kết phong trào hợp tác hoá nông nghiệp	383
- Thông tri của Ban Bí thư, số 23-TT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1988 về việc đổi mới phương thức quan hệ hợp tác với Lào và Campuchia	385
- Quyết định của Ban Bí thư, số 71-QĐ/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1988, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Công nghiệp Trung ương	387
- Điều văn do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Văn Linh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Trường Chinh, sáng ngày 5 tháng 10 năm 1988	391
- Quyết định của Ban Bí thư số 72-QĐ/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1988, một số chính sách đối với cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945 đã về hưu	396
- Kết luận của Bộ Chính trị số 17-NQ/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1988, về một số vấn đề kinh tế – tài chính	398
- Quy định của Ban Bí thư, số 73-QĐ/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1988, về việc tiếp dân đến một số cơ quan trung ương đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh	402
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 18-NQ/TW, ngày 24 tháng 10 năm 1988, về phương hướng xây dựng Tổng cục Hàng không dân dụng	404
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 48-CT/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1988, về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 10 ngày thành lập nước Cộng hoà nhân dân Campuchia (7-1-1979 – 7-1-1989) và ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia (18-2-1979 – 18-2-1989)	406
- Kết luận của Bộ Chính trị số 20-NQ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1988, về một số vấn đề trước mắt trong công tác tư tưởng	411
- Thông báo của Ban Bí thư, số 121-TB/TW, ngày 10 tháng 12 năm 1988, về Hội đồng nghệ thuật và quỹ văn hoá	423

- Thông báo của Ban Bí thư, số 123-TB/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1988, về một số vấn đề cần nắm vững trong khi thực hiện Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị ở các tỉnh Nam Bộ	425
- Thông báo của Ban Bí thư, số 126-TB/TW, ngày 19 tháng 12 năm 1988, về công tác ngành kiểm sát	438
- Quyết định của Ban Bí thư, số 80-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1988, về việc xuất bản Báo <i>Nhân dân chủ nhật</i>	442
- Quy định của Ban Bí thư, số 82-QĐ/TW, ngày 15 tháng 2 năm 1989 về một số điểm về thi hành kỷ luật trong Đảng	444
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 49-CT/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1989, về việc tăng cường hợp tác toàn diện với Ấn Độ trong tình hình mới	450
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 83-QĐ/TW, ngày 4 tháng 3 năm 1989, về chia tỉnh Nghĩa Bình và tỉnh Phú Khánh	454
- Thông tri của Ban Bí thư, số 24-TT/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1989, về việc kỷ niệm lần thứ 200 cuộc Cách mạng tư sản Pháp (14-7-1789 – 14-7-1989)	456
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh khai mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), ngày 20 tháng 3 năm 1989	459
- Báo cáo tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, và phương hướng nhiệm vụ ba năm tới	470
- Bộ Chính trị giải trình một số vấn đề trước khi Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết thông qua Nghị quyết Hội nghị Trung ương sáu, ngày 29 tháng 3 năm 1989	569
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), số 06-NQ/TW, ngày 29 tháng 3 năm 1989, kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới	583
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), ngày 29 tháng 3 năm 1989	639

- Thông báo Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới 661
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 50-CT/TW, ngày 3 tháng 4 năm 1989, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) 669
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 84-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1989, về việc tổ chức lại Ban Đảng 673
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 85-QĐ/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1989, về việc tổ chức lại Ban Đảng 675
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 51-CT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1989, về việc giúp đỡ Hội Người mù Việt Nam 677
- Thông báo của Ban Bí thư, số 132-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 1989, về việc bầu bổ sung Ủy viên Trung ương chính thức 680
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 86-QĐ/TW, ngày 14 tháng 4 năm 1989, về chia tỉnh Bình Trị Thiên 681
- Thông báo của Ban Bí thư, số 135-TB/TW, ngày 18 tháng 4 năm 1989, về việc tiến hành thống nhất Ban Văn hóa – Văn nghệ Trung ương với Ban Tuyên huấn Trung ương 683
- Thông tri của Ban Bí thư, số 25-TT/TW, ngày 4 tháng 5 năm 1989, về việc tham gia Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 13685
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 87-QĐ/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1989, về việc chia tỉnh 688
- Quyết định của Ban Bí thư, số 89-QĐ/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1989, về việc quản lý tập trung toàn bộ tài liệu lưu trữ về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh 690

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 52-CT/TW, ngày 8 tháng 6 năm 1989, về việc đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học nghệ thuật 693
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 21-NQ/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1989, về phương hướng giải quyết một số vấn đề kinh tế cấp bách 698
- Thông báo của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 151-TB/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1989, về một số vấn đề liên quan đến *Di chúc* và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh 704
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 53-CT/TW, ngày 21 tháng 8 năm 1989, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ba cấp năm 1989 710
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh khai mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), ngày 15 tháng 8 năm 1989 714
- Một số vấn đề trong Dự thảo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng biểu quyết vào chiều 24-8-1989, ngày 24 tháng 8 năm 1989 717
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI), số 07-NQ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1989, một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay 728
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) 756
- Thông báo Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khoá VI), một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay 772
- Thông báo của Ban Bí thư, số 155-TB/TW, ngày 1 tháng 9 năm 1989, về công tác của Thành phố Hồ Chí Minh 777

- Diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại cuộc mít tinh kỷ niệm 44 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, ngày 2 tháng 9 năm 1989	780
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 54-CT/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1989, về tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI)	805
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 55-CT/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1989, về tăng cường lãnh đạo xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ trong tình hình mới	810
- Quyết định của Ban Bí thư, số 94-QĐ/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1989, về Phong lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh	814
- Quyết định của Ban Bí thư, số 97-QĐ/TW, ngày 16 tháng 10 năm 1989, về việc thống nhất quản lý các nhà in của Trung ương Đảng	820
- Quyết định của Ban Bí thư, số 98-QĐ/TW, ngày 6 tháng 11 năm 1989, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Kinh tế Trung ương	822
- Thông báo, số 170-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 1989, kết luận của Bộ Chính trị về điều chỉnh địa giới Thủ đô Hà Nội	827
- Thông báo, số 172-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 1989, ý kiến Bộ Chính trị về một số công tác cấp bách trong tình hình mới	829
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 22-NQ/TW, ngày 27 tháng 11 năm 1989, về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi	839
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 56-CT/TW, ngày 4 tháng 12 năm 1989, về việc tăng cường chỉ đạo và quản lý các đoàn của ta ra nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài vào nước ta.	862

- Thông báo của Ban Bí thư, số 173-TB/TW, ngày 18 tháng 12 năm 1989, về thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam	870
- Thông tri của Ban Bí thư, số 26-TT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 1989, sửa đổi và bổ sung quy định về trách nhiệm quyền hạn thẩm tra, kết luận và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị và nghi vấn có vấn đề c	
	Chịu trách nhiệm xuất bản TS. LÊ MINH NGHĨA Chịu trách nhiệm nội dung TS. LÊ VĂN YÊN
	Biên tập nội dung: TRƯƠNG DIỆP BÍCH VŨ HỒNG THẮM ĐÀO NGA MY
tập kỹ, mỹ thuật:	PHÙNG MINH TRANG
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in, đọc sách mẫu:	BAN SÁCH VỀ ĐẢNG

Biên

Mã số: 3KV (060) "1988 - 1989"

In 6.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty in Tiến bộ.
Giấy phép xuất bản số:/CXB-QLXB, cấp ngày
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2007.